|  |  |
| --- | --- |
| **BÀI 1:**  *Ngày soạn ..................*  *Ngày dạy:...................* | **ÔN TẬP TRUYỆN**  **(TRUYỀN THUYẾT VÀ TRUYỆN CỔ TÍCH)** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

Ôn tập các đơn vị kiến thức của bài học 1:

- Ôn tập hệ thống hóa kiến thức của các văn bản truyện cổ tích: một số yếu tố hình thức (chi tiết, cốt truyện, nhân vật, yếu tố hoang đường....), nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, thái độ người kể,...) của truyện cổ tích.

- Ôn tập kiến thức về từ đơn và các loại từ phức (từ ghép, từ láy) trong hoạt động đọc, viết, nói và nghe.

- Ôn tập cách kể lại một truyền thuyết hoặc cổ tích đã học (hoặc đã đọc, đã nghe) bằng các hình thức nói và viết.

**2. Năng lực:**

+*Năng lực chung*:Tự chủ và tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo

+*Năng lực chuyên môn*: Năng lực ngôn ngữ (đọc – viết – nói và nghe); năng lực văn học.

**3. Phẩm chất:**

**-** Tự hào về truyền thống đánh giặc giữ nước của dân tộc; cảm phục và trân trọng những người thông minh, có tài.

- Có ý thức ôn tập nghiêm túc.

**B. PHƯƠNG TIỆN VÀ HỌC LIỆU**

**1.Học liệu**:

- Tham khảo SGV, SGK Ngữ văn 6 Cánh diều.

- Tài liệu ôn tập bài học.

**2. Thiết bị và phương tiện:**

- Sưu tầm tranh ảnh, tư liệu có liên quan đến bài học.

- Sử dụng ngôn ngữ trong sáng, lành mạnh.

- Sử dụng máy chiếu/tivi kết nối wifi

**C.PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT DẠY HỌC**

**- Phương pháp**: Thảo luận nhóm,động não, dạy học giải quyết vấn đề, thuyết trình, đàm thoại gợi mở, dạy học hợp tác... .

**- Kĩ thuật**: Sơ đồ tư duy, phòng tranh, chia nhóm, đặt câu hỏi, khăn trải bàn,...

**D.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC THEO CHỦ ĐỀ**

**Hoạt động : Khởi động**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

**Báo cáo sản phẩm dạy học dự án:**

* Nhóm 1: Tập làm phóng viên hoặc hướng dẫn viên du lịch: Giới thiệu về lễ hội Gióng hoặc thắng cảnh Hồ Gươm qua các tư liệu, ảnh sưu tầm được.
* Nhóm 2:Tập làm hoạ sĩ: Vẽ các bức tranh minh hoạ nội dung của 1 tác phẩm truyện (ghép nhiều tranh lại theo trình tự tạo thành 1 truyện tranh).
* Nhóm 3**:** Tập làm diễn viên (Sân khấu hoá tác phẩm): Đóng 1 trích đoạn trong tác phẩm truyện.

**(Nhiệm vụ các nhóm đã được giao trước một tuần sau tiết học buổi sáng)**

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:**

Các nhóm lần lượt báo cáo sản phẩm dự án của nhóm.

GV khích lệ, động viên.

**B3: Báo cáo sản phẩm học tập:**

Các nhóm nhận xét sản phẩm của nhóm bạn sau khi nhóm bạn báo cáo.

**B4: Đánh giá, nhận xét**

- GV nhận xét, khen và biểu dương các nhóm có sản phẩm tốt.

- GV giới thiệu nội dung ôn tập bài 1:

|  |  |
| --- | --- |
| **KĨ NĂNG** | **NỘI DUNG CỤ THỂ** |
| Đọc – hiểu văn bản | **Đọc hiểu văn bản:**  ***+Văn bản 1:*** *Thánh Gióng;* |
| ***+ Văn bản 2:*** *Thạch Sanh* |
| **Thực hành Tiếng Việt:** Từ đơn và từ phức |
| **Thực hành đọc hiểu**:  ***+ Văn bản:*** *Sự tích Hồ Gươm* |
| Viết | **Viết:** Viết bài văn kể lại một truyền thuyết, cổ tích |
| Nói và nghe | **Nói và nghe:** Kể lại một truyền thuyết, cổ tích |

**Hoạt động ôn tập: Nhắc lại kiến thức cơ bản**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

* GV hướng dẫn HS ôn lại các đơn vị kiến thức cơ bản bằng phương pháp hỏi đáp, đàm thoại gợi mở; hoạt động nhóm,
* HS lần lượt trả lời nhanh các câu hỏi củaGV các đơn vị kiến thức cơ bản của bài học 1.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

* HS tích cực trả lời.
* GV khích lệ, động viên

**B3: Báo cáo sản phẩm**

* HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV.
* Các HS khác nhận xét, bổ sung.

**B4: Đánh giá, nhận xét**

GV nhận xét, chốt kiến thức

**ÔN TẬP ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

✪ **KIẾN THỨC CHUNG VỀ TRUYỀN THUYẾT VÀ TRUYỆN CỔ TÍCH**

**a. Khái niệm**

- *Truyện truyền thuyết* là loại truyện dân gian, có yếu tố hoang đường, kì ảo, kể về các sự việc và nhân vật liên quan đến lịch sử hoặc giải thích nguồn gốc phong tục, cảnh vật địa phương theo quan niệm của nhân dân.

- *Truyện cổ tích* là loại truyện dân gian, thường có yếu tố hoang đường, kì ảo, kể về cuộc đời của một số kiểu nhân vật như: nhân vật có tài năng kì lạ, nhân vật thông minh, nhân vật bất hạnh, nhân vật ngốc nghếch, người mang lốt vật,... nhằm thể hiện ước mơ, niềm tin của nhân dân về chiến thắng cuối cùng của cái thiện đối với cái ác, cái tốt đối với cái xấu....

**b. Đặc điểm: So sánh truyện truyền thuyết và truyện cổ tích:**

*-* ***Giống nhau*:**  
• Đều là một thể loại văn học dân gian.  
• Đều có yếu tố kì ảo.

- ***Khác nhau:***  
• Truyền thuyết ra đời trước truyện cổ tích.  
• Truyền thuyết kể về các nhân vật và sự kiện có liên quan đến lịch sử thời quá khứ; truyện cổ tích phản ánh cuộc sống hằng ngày của nhân dân ta.  
• Truyền thuyết có cốt lõi là những sự thực lịch sử còn cổ tích hoàn toàn hư cấu.  
• Trong truyền thuyết, yếu tố kì ảo đóng vai trò thần kì hóa để ngợi ca các nhân vật lịch sử còn trong cổ tích, yếu tố hoang đường, kì ảo đóng vai trò cán cân công lí, thể hiện khát vọng công bằng, mơ ước và niềm tin của nhân dân về sự chiến thắng của cái thiện đối với cái ác, cái tốt với cái xấu.  
• Truyền thuyết thể hiện quan điểm, thái độ và cách đánh giá của nhân dân đối với các sự kiện và nhân vật lịch sử được kể; truyện cổ tích biểu hiện cách nhìn hiện thực của nhân dân đối với thực tại, đồng thời nói lên những quan điểm đạo đức, những quan niệm về công lí xã hội và ước mơ về một cuộc sống tốt đẹp hơn cuộc sống hiện tại.

**c. Phân loại:**

### ***- Phân loại truyền thuyết***

+ Truyền thuyết thời Hùng Vương - thời đại mở đầu lịch sử Việt Nam. Đặc điểm: gắn với việc giải thích nguồn gốc dân tộc và công cuộc dựng nước, giữ nước thời đại vua Hùng.

+ Truyền thuyết của các triều đại phong kiến. Đặc điểm: bám sát lịch sử hơn, và sử dụng ít yếu tố hoang đường, kì ảo hơn các truyền thuyết thời Hùng Vương.

**- *Phân loại truyện cổ tích:***

+ Cổ tích về loài vật

+ Cổ tích thần kì

+ Cổ tích sinh hoạt

✪ **VĂN BẢN ĐỌC HIỂU**

**\* Hoàn thành phiếu học tập 01: Chia lớp thành 06 nhóm**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên truyện** | **Truyền thuyết “*Thánh Gióng*”**  **(nhóm 1, 2)** | **Truyện cổ tích “*Thạch Sanh*”**  **(nhóm 3, 4)** | **Truyền thuyết “*Sự tích Hồ Gươm*”**  **(nhóm 5, 6)** |
| 1. Các sự kiện chính của truyện | **………………..** | **………………..** | **………………..** |
| 1. Các yếu tố thần kì | **………………..** | **………………..** | **………………..** |
| 1. Nội dung, ý nghĩa truyện | **………………..** | **………………..** | **………………..** |

**\*GV hướng dẫn HS chốt các đơn vị kiến thức cơ bản của các văn bản đọc hiểu:**

**🞜** Ôn tập **văn bản 1: Thánh Gióng**

1. **TÌM HIỂU CHUNG**

**1. Thể loại:** Truyện truyền thuyết.

**2. Phư­ơng thức biểu đạt chính:** Tự sự.

**3. Bố cục văn bản**: *Văn bản chia làm 4 phần*

*- Phần 1: Từ đầu đến “…đặt đâu nằm đấy” (Sự ra đời của Thánh Gióng)*

*- Phần 2: Tiếp đến“…cứu nước”(Sự lớn lên của Thánh Gióng)*

*- Phần 3: Tiếp đến“...bay lên trời” (Thánh Gióng đánh giặc và về trời)*

*- Phần 4: Còn lại ( các dấu tích còn lại)*

**4. Nhân vật và sự việc:**

- Nhận vật chính: Thánh Gióng

- Truyền thuyết Thánh Gióng liên quan đến sự thật lịch sử ở thời đại Hùng Vương:

* Đã có những cuộc chiến tranh ác liệt diễn ra giữa dân tộc ta và giặc ngoại xâm từ phương Bắc.
* Người Việt thời bấy giờ đã chế tạo ra vũ khí bằng sắt, thép.
* Người Việt cổ đã cùng đoàn kết đứng lên chống giặc ngoại xâm, dùng tất cả các phương tiện để đánh giặc.

**- Sự việc chính:**

*+ Hoàn cảnh ra đời khác thường của Gióng.*

*+ Gióng xin đi đánh giặc và lớn nhanh như thối.*

*+ Gióng ra trận đánh thắng giặc và bay về trời.*

*+ Vua và dân làng ghi nhớ công ơn của Gióng; những dấu tích Gióng để lại..*

**5. Tóm tắt truyện**

  Vào đời vua Hùng Vương thứ sáu, ở làng Gióng có hai vợ chồng ông lão tuy chăm chỉ làm ăn, lại có tiếng là phúc đức nhưng mãi không có con. Một hôm bà vợ ra đồng ướm chân vào một vết chân to, về thụ thai và mười hai tháng sau sinh ra một cậu con trai khôi ngô. Điều kì lạ là tuy đã lên ba tuổi, cậu bé chẳng biết đi mà cũng chẳng biết nói cười. Giặc Ân xuất hiện ngoài bờ cõi, cậu bé bỗng cất tiếng nói xin được đi đánh giặc. Cậu bé yêu cầu sứ giả về tâu vua sắm cho cậu ngựa sắt, roi sắt và áo giáp sắt. Từ đó cậu lớn nhanh như thổi. Cơm ăn bao nhiêu cũng không no, áo vừa may xong đã chật, bà con hàng xóm góp cơm gạo nuôi cậu. Giặc đến, cậu bé vươn vai thành một tráng sĩ, mặc áo giáp sắt, cưỡi ngựa sắt, cầm roi sắt xông ra diệt giặc. Roi sắt gẫy, Gióng bèn nhổ cả những bụi tre bên đường đánh tan quân thù. Giặc tan, Gióng một mình một ngựa trèo lên đỉnh núi rồi bay thẳng lên trời. Vua nhớ công ơn bèn phong là Phù Đổng Thiên Vương. Nhân dân lập đền thờ, hàng năm mở hội làng để tưởng nhớ. Các ao hồ, những bụi tre đằng ngà vàng óng đều là những dấu tích về trận đánh của Gióng năm xưa.  
  
**6. Đặc sắc về nội dung và nghệ thuật:**

- Hình tượng *Thánh Gióng* là biểu tượng rực rỡ của lòng yêu nước, sức mạnh phi thường của dân tộc. Truyền thuyết thể hiện ước mơ của nhân dân về người anh hùng đánh giặc.

- Truyện “Thánh Gióng” sử dụng các yếu tố hoang đường, kì ảo để lí tưởng hoá người anh hùng lịch sử; thể hiện quan niệm, cách đánh giá của nhân dân về người anh hùng.

**II.****ĐỊNH HƯỚNG PHÂN TÍCH VĂN BẢN**

**1. Dàn ý**

|  |
| --- |
| **1.1. Nêu vấn đề:**  - Giới thiệu về thể loại truyền thuyết (khái niệm truyền thuyết, đặc trưng thể loại truyền thuyết…)  - Giới thiệu về truyền thuyết “ Thánh Gióng”, khái quát giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật… |
| * 1. **Giải quyết vấn đề**   ***1.2.1. Sự ra đời của Thánh Gióng***  - Sự bình thường: Con hai vợ chồng ông lão chăm chỉ làm ăn và phúc đức.  - Sự khác thường:  + bà mẹ ướm vết chân lạ, về thụ thai.  + mười hai tháng sau sinh một cậu bé ....  + lên ba vẫn không biết nói, biết cười, chẳng biết đi, cứ đặt đâu thì nằm đấy.  🡪 Sự ra đời của Thánh Gióng kì lạ, khác thường. Nhưng Gióng xuất thân bình dị, gần gũi - người anh hùng của nhân dân.  ***1.2.2. Sự lớn lên của Thánh Gióng***  **a.Tiếng nói đầu tiên, Gióng xin đi đánh giặc.**  + Ca ngợi lòng yêu nước tiềm ẩn...  + Nguyện vọng, ý thức tự nguyện đánh giặc cứu nước, yêu nước tạo khả năng kì lạ.  + Sức mạnh tự cường và niềm tin chiến thắng.  🡪 Gióng là hình ảnh của nhân dân, lúc bình thường thì âm thầm lặng lẽ nhưng khi đất nước gặp nguy biến thì họ sẵn sàng đứng ra cứu nước  **b. Gióng đòi roi sắt, ngựa sắt, áo giáp sắt.**  - Đây là chi tiết thể hiện vũ khí lợi hại, nằm trong motip vũ khí thần kì của văn học dân gian.  *🡪* Chi tiết thể hiện mơ ước có vũ khí thần kỳ . Đó còn là thành tựu văn hoá, kĩ thuật thời Hùng Vương. Nhân dân đã có sự tiến bộ, đã rèn sắt, đúc đồng phục vụ nhu cầu cuộc sống và chống giặc**.**  **c. Bà con dân làng góp gạo nuôi Gióng.**  🡪 Chi tiết thể hiện tinh thần đoàn kết cộng đồng. Đánh giặc cứu nước là ý chí, sức mạnh toàn dân.  Gióng lớn lên bằng cơm gạo của nhân dân. Sức mạnh của Gióng là sức mạnh của cả cộng đồng, toàn dân chung sức, đồng lòng đánh giặc. Đó là tinh thần đoàn kết dân tộc.  ***1.2.3. Thánh Gióng đánh giặc và bay về trời***  **a***.***Vùng dậy vươn vai biến thành tráng sĩ**  - Gióng vươn vai thành tráng sĩ  🡪 Cho thấy sự lớn dậy phi thường về thể lực của Gióng để đáp ứng yêu cầu cứu nước.  - Gióng mặc áo giáp sắt, cầm roi sắt, cưỡi ngựa sắt ... đánh hết lớp này đến lớp khác.  🡪 Đó làvẻ đẹp dũng mãnh của người anh hùng theo cái nhìn lí tưởng hoá của nhân dân.  - Roi sắt gãy, Gióng nhổ những bụi tre bên đường đánh giặc.  🡪Gióng không chỉ đánh giặc bằng vũ khí hiện đại (sắt) mà bằng cả vũ khí thô sơ, bằng cỏ cây, hoa lá của đất nước.  **b.Gióng bay về trời**  **Ý nghĩa:**  - Người anh hùng vô tư, trong sáng, không màng địa vị, công danh.  ***-*** Sự ra đi phi thường là ước muốn bất tử hoá Thánh Gióng.   * + 1. ***Những vết tích còn lại của Gióng***   - Dấu tích còn để lại sau khi Gióng đánh giặc:  + Tre đằng ngà vì ngựa phun bị cháy ngả màu vàng  + Vết chân ngựa thành những hồ ao liên tiếp  + Khi ngựa hét lửa, lửa cháy một làng gọi là làng cháy  - Việc kể về những dấu tích đánh giặc của Thánh Gióng trong đoạn kết thể hiện sự trân trọng, biết ơn, niềm tự hào và ước muốn về một người anh hùng cứu nước giúp dân. Đồng thời cũng giải thích được các sự kiện, địa điểm lịch sử ( đền thờ Phù Đổng Thiên Vương, làng Cháy). |
| * 1. **Đánh giá khái quát**   **\*Đánh giá nội dung và nghệ thuật:**  **- Nghệ thuật**  + Sử dụng các yếu tố hoang đường, kì ảo để lí tưởng hoá người anh hùng lịch sử, thể hiện quan niệm, cách đánh giá của nhân dân về người anh hùng.  + Khéo kết hợp yếu tố cốt lõi sự thực lịch sử với những yếu tố hoang đường.  **- Nội dung:**  + Thánh Gióng là biểu tượng rực rỡ của lòng yêu nước, sức mạnh phi thường của dân tộc.  + Thể hiện ước mơ của nhân dân về người anh hùng đánh giặc.  **\*Cảm nhận của bản thân về truyền thuyết “Thánh Gióng**”. |

**2. Định hướng phân tích**

# Trong kho tàng văn học Việt Nam, chủ đề yêu nước giống như một sợi chỉ đỏ xuyên suốt chiều dài văn học, trải qua mọi thời kì dựng nước và giữ nước của dân tộc. Và trong chuỗi các truyền thuyết có cùng chủ đề ta không thể không nhắc đến truyền thuyết *Thánh Gióng*. “*Thánh Gióng*” là một trong những bản anh hùng ca mở đầu cho truyền thống yêu nước của dân tộc ta. Truyền thuyết này đã xây dựng hình tượng nhân vật anh hùng Thánh Gióng với nhiều màu sắc thần kì, thể hiện ý thức và sức mạnh bảo vệ dân tộc, trở thành bức tượng đài bất hủ về người anh hùng chống xâm lược.

**Trước tiên, truyền thuyết đã tái hiện sự ra đời kì lạ, khác thường của Gióng**. Là một người anh hùng với sức mạnh phi thường bởi vậy sự ra đời của Thánh Gióng cũng thật khác thường, không phải được mẹ mang thai chín tháng mười ngày mà Gióng được mẹ sinh sau một lần ướm thử vào vết chân lạ, mang thai đến mươi hai tháng sau mới hạ sinh Gióng. Sự khác thường không chỉ dừng lại ở đó, tuy Gióng sinh ra khôi ngôi, tuấn tú nhưng đã lên ba mà vẫn đặt đâu ngồi đó, không biết nói cũng chẳng biết cười. Sự ra đời và những biểu hiện khác thường của cậu bé dự báo đây là một con người phi thường.

**Phẩm chất phi thường của Gióng được biểu hiện rõ nét hơn trong quá trình lớn lên và trưởng thành**. Cậu bé Gióng ba năm chẳng biết nói biết cười ấy đã cất tiếng nói khi nghe sứ giả tìm người đi đánh giặc. Lời nói đầu tiên của cậu chính là lời xin đi đánh giặc cứu nước, điều đó cho thấy ý thức và trách nhiệm của một công dân trước vận mệnh dân tộc. Gióng nói với sứ giả: “*Ông về tâu với vua sắm cho ta một con ngựa sắt, một cái roi sắt và một tấm áo giáp sắt, ta sẽ phá tan lũ giặc này*”. Qua tiếng nói của Gióng, tác giả dân gian đã gửi gắm tinh thần trách nhiệm, ý thức đánh giặc, cứu nước của dân tộc ta. Lời nói dõng dạc của Gióng đòi roi sắt, ngựa sắt, áo giáp sắt thể hiện mơ ước có vũ khí thần kỳ . Chi tiết đó còn là thành tựu văn hoá, kĩ thuật thời Hùng Vương, nhân dân đã có sự tiến bộ, đã rèn sắt, đúc đồng phục vụ nhu cầu cuộc sống và chống giặc. Càng kì lạ hơn, từ sau hôm gặp sứ giả, Thánh Gióng ăn không biết no, quần áo vừa mặc xong đã chật, gia đình Gióng không còn đủ sức nuôi con. Trước sự kì lạ của Gióng, dân làng mang gạo sang nuôi Gióng cùng bố mẹ. Chi tiết này cho thấy rõ lòng yêu nước và sức mạnh tình đoàn kết của dân tộc ta. Khi có giặc đến, nhân dân ta đồng lòng giúp sức để đánh đuổi giặc xâm lược; điều đó còn khẳng định sự lớn mạnh của Gióng xuất phát từ nhân dân, được nhân dân nuôi dưỡng mà lớn lên.

**Vẻ đẹp hào hùng của hình tượng Gióng được tiếp tục khắc hoạ qua sự kiện Gióng đánh thắng giặc và bay về trời.** Khi giặc đến chân núi Trâu, cậu bé ba tuổi bỗng vươn vai vụt lớn trở thành một tráng sĩ, oai phong, lẫm liệt. Sự lớn lên của Gióng càng đậm tô hơn mối quan hệ giữa sự nghiệp cứu nước và người anh hùng: để đáp ứng yêu cầu lịch sử, Gióng phải lớn nhanh để phù hợp với hoàn cảnh của đất nước, Gióng phải khổng lồ về vóc dáng, ý chí thì mới có thể đảm đương được trọng trách lúc bấy giờ. “*Tráng sĩ mặc áo giáp , cầm roi, nhảy lên mình ngựa. Ngựa phun lửa, tráng sĩ thúc ngựa phi thẳng đến nơi có giặc, đón đầu chúng đánh giết hết lớp này đến lớp khác…”* *.* Đó làvẻ đẹp dũng mãnh của người anh hùng theo cái nhìn lí tưởng hoá của nhân dân. Bằng sức mạnh phi thường, Gióng đánh tan hết lớp giặc này đến lớp giặc khác. Khi roi sắt gãy, Tháng Gióng không hề nao núng, nhổ những bụi tre ven đường để tiếp tục chiến đấu với kẻ thù cho đến khi chúng hoàn toàn bị tiêu diệt. Chi tiết này cho thấy Gióng không chỉ đánh giặc bằng vũ khí hiện đại (sắt) mà bằng cả vũ khí thô sơ, bằng cỏ cây, hoa lá của đất nước.

Sau khi đánh tan giặc xâm lược, đuổi giặc đến chân núi Sóc, Gióng cởi giáp sắt bỏ lại, một mình một ngựa từ từ bay về trời. Đây là chi tiết gợi nhiều ý nghĩa sâu xa. Người anh hùng sau khi hoàn thành nhiệm vụ cứu nước không màng địa vị, công danh để trở về tiên giới. Gióng đến trần gian chỉ với một mục đích duy nhất đó là dẹp quân xâm lược để mang lại bình yên cho nhân dân, cho đất nước. Điều đó càng đậm tô hơn nữa phẩm chất anh hùng của Thánh Gióng. Đồng thời chi tiết này cũng thể hiện sự bất tử của Gióng trong lòng mọi người, Gióng về trời cũng là về cõi vô biên, bất tử mãi mãi trường tồn cùng đất nước, dân tộc.

**Phần cuối truyện, tác giả dân gian đã kể lại những dấu tích để sau khi Gióng đánh giặc**. Đó là những khóm tre đằng ngà vì ngựa phun bị cháy ngả màu vàng; đó là những vết chân ngựa thành những hồ ao liên tiếp hay tên làng Cháy được lí giải do khi ngựa thét lửa, lửa đã thiêu cháy một làng nên cái tên “làng Cháy” có từ đó. Cách lí giải mang màu sắc hoang đường, kì ảo càng ngợi ca công trạng, nhấn mạnh tầm vóc kì vĩ của người anh hùng làng Gióng

Như vậy, truyện truyền thuyết Thánh Gióng đã xây dựng thành công hình tượng Thánh Gióng là hình tượng tiêu biểu, rực rỡ của người anh hùng đánh giặc cứu nước. Trong văn học dân gian Việt Nam, đây là hình tượng người anh hùng đánh giặc đầu tiên, tiêu biểu cho lòng yêu nước của nhân dân ta. Nhân vật được xây dựng bằng sự kết hợp giữa yếu tố thần kì và yếu tố anh hùng ca. Yếu tố thần kì được thể hiện ngay từ sự ra đời khác thường của Gióng cho đến sức mạnh kì diệu, lớn nhanh như thổi, vươn vai thành tráng sĩ để đánh đuổi giặc xâm lược. Bên cạnh đó, hình tượng Gióng còn mang đậm dấu ấn anh hùng ca với vẻ đẹp kì vĩ (sinh ra từ vết chân lớn, vươn mình thành tráng sĩ,…). Sự kết hợp hài hòa giữa các yếu tố đó đã khái quát hóa, lí tưởng hóa hình tượng Gióng để Thánh Gióng trở thành biểu tượng bất tử cho lòng yêu nước, sức mạnh của dân tộc ta trong cuộc đấu tranh chống giặc ngoại xâm. Hình tượng Thánh Gióng có sức sống lâu bền trong văn học Việt Nam, trở thành nguồn cảm ứng cho nhiều tác giả tìm đến:

*Mỗi gié lúa đều muốn thêm nhiều hạt*

*Gỗ trăm cây đều muốn hóa nên trầm*

*Mỗi chú bé đều năm mơ ngựa sắt*

*Mỗi con sông đều muốn hóa Bạch Đằng...*

*(''Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng'' -* **Chế Lan Viên-)**

*Hay*

*Ôi sức trẻ!Xưa trai Phù Đổng*

*Vươn vai, lớn bổng dậy nghìn cân*

*Cưỡi lưng ngựa sắt bay phun lửa*

*Nhổ bụi tre làng,đuổi giặc Ân.*

**(***''Theo chân Bác' -* **Tố Hữu***'***)**

Bằng sự kết hợp giữa cốt lõi sự thực lịch sử với những yếu tố hoang đường, kì ảo, truyền thuyết *Thánh Gióng* đã kể về công lao đánh đuổi giặc ngoại xâm của người anh hùng Thánh Gióng. Qua hình tượng Thánh Gióng, các tác giả dân gian đề cao truyền thống yêu nước bất khuất và sức mạnh của dân tộc trong cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc, thể hiện ý thức tự cường của dân tộc. Truyền thuyết *Thánh Gióng* và hình tượng Gióng sẽ sống mãi trong lòng người dân Việt ngàn đời.

**IV.** **LUYỆN ĐỀ**

\*Bài tập trắc nghiệm:

**Câu 1:** Ý nghĩa hình tượng Thánh Gióng là gì?

A.Tượng trưng cho sức mạnh của tinh thần đoàn kết toàn dân  
B. Biểu tượng về lòng yêu nước, sức mạnh chống giặc ngoại xâm của nhân dân ta.  
C. Uớc mơ cùa nhân dân ta về hình mẫu lí tưởng của người anh hùng chống giặc ngoại xâm thời kì đầu dựng nước.  
D. Tất cả đều đúng

**Câu 2**: Trong truyện *Thánh Gióng*, cậu bé Gióng cất tiếng nói đầu tiên khi nào?  
A. Khi Gióng được sáu tuổi và đòi đi chăn trâu.  
B. Khi cha mẹ Gióng bị bệnh và qua đời.  
C. Khi nghe sứ giả của nhà vua thông báo công chúa kén phò mã.  
D. Khi nghe sứ giả của nhà vua đi loan truyền tìm người tài giỏi cứu nước, phá giặc Ân.

**Câu 3**: Tác phẩm *Thánh Gióng* thuộc thể loại truyện dân gian nào?

A. Cổ tích.  
B. Thần thoại.  
C. Truyền thuyết.  
D. Ngụ ngôn.

**Câu 4**: Phát biểu nào sau đây nói đúng nhất về nhân vật Thánh Gióng trong truyền thuyết *Thánh Gióng*?  
A. Thánh Gióng là nhân vật được xây dựng từ hình ảnh những người anh hùng có thật thời xưa.  
B. Thánh Gióng là nhân vật được xây dựng dựa trên truyền thống tuổi trẻ anh hùng trong lịch sử và từ trí tưởng tượng bắt nguồn từ tinh thần yêu nước của nhân dân.  
C. Thánh Gióng là một cậu bé kì lạ chỉ có trong thời kì đầu dựng nước.  
D. Thánh Gióng là nhân vật do nhân dân tưởng tượng hư cấu nên để thể hiện khát vọng chinh phục thiên nhiên.

**Câu 5**: Để ghi nhớ công ơn của Thánh Gióng, vua Hùng đã phong cho Thánh Gióng danh hiệu gì?

A.Phù Đổng Thiên Vương

B. Lưỡng quốc Trạng nguyên.

C. Bố Cái Đại Vương.

D. Đức Thánh Tản Viên..

Đáp án phần Trắc nghiệm:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu 1 | Câu 2 | Câu 3 | Câu 4 | Câu 5 |
| D | D | C | B | A |

\*Đề đọc hiểu :

GV hướng dẫn HS thực hành các đề đọc hiểu về văn bản “Thánh Gióng” và văn bản ngoài SGK:

**Đề bài 01:**

**Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

“*Bấy giờ có giặc Ân đến xâm phạm bờ cõi nước ta. Thế giặc mạnh, nhà vua lo sợ, bèn sai sứ giả đi khắp nơi rao tìm người tài giỏi cứu nước. Đứa bé nghe tiếng rao, bỗng dưng cất tiếng nói: “ Mẹ ra mời sứ giả vào đây”. Sứ giả vào, đứa bé bảo: “ Ông về tâu với vua sắm cho ta một con ngựa sắt, một cái roi sắt và một tấm áo giáp sắt, ta sẽ phá tan lũ giặc này”. Sứ giả vừa kinh ngạc, vừa mừng rỡ, vội vàng về tâu vua. Nhà vua truyền cho thợ ngày đêm làm gấp những vật chú bé dặn*

*Càng lạ hơn nữa, từ sau hôm gặp sứ giả, chú bé lớn nhanh như thổi. Cơm ăn mấy cũng không no, áo vừa mặc xong đã căng đứt chỉ. Hai vợ chồng làm ra bao nhiêu cũng không đủ nuôi con, đành phải chạy nhờ bà con, làng xóm. Bà con đều vui lòng gom góp gạo nuôi chú bé, vì ai cũng mong chú giết giặc, cứu nước”.*

(SGK Ngữ văn 6 Cánh diều, tập 1- trang 16)

**Câu 1:** Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn văn. Nhân vật chính trong truyện là ai?

**Câu 2: Câu nói đầu tiên của** nhân vật chú bé với sứ giả là gì? Chú bé nói câu nói đó trong hoàn cảnh nào?

**Câu 3:** Cho biết ý nghĩa của chi tiết: “*Bà con đều vui lòng gom góp gạo nuôi chú bé, vì ai cũng mong chú giết giặc, cứu nước”* .

**Câu 4**: Hãy lí giải vì sao hội thi thể thao trong nhà trường thường mang tên “ Hội khoẻ Phù Đổng”?

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1:** Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn: tự sự

 Nhân vật chính trong truyện là Thánh Gióng.

**Câu 2:**

* Câu nói đầu tiên của nhân vật chú bé với sứ giả : “*Ông về tâu với vua sắm cho ta một con ngựa sắt, một cái roi sắt và một tấm áo giáp sắt, ta sẽ phá tan lũ giặc này”.*
* **Hoàn cảnh của câu nói:** *Khi giặc Ân đến xâm phạm bờ cõi nước ta; thế giặc mạnh, đất nước cần người tài giỏi cứu nước.*

**Câu 3:**

Ý nghĩa của chi tiết: “*Bà con đều vui lòng gom góp gạo nuôi chú bé, vì ai cũng mong chú giết giặc, cứu nước” :*

+ Sức mạnh của Gióng được nuôi dưỡng bằng cái bình thường, giản dị.

+ Đồng thời còn nói lên truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết của dân tộc thuở xưa.

==> Gióng đâu chỉ là con của một bà mẹ mà là con của cả làng, của nhân dân. Sức mạnh của Gióng là sức mạnh của toàn dân.

**Câu 4:**

* Hội khoẻ Phù Đổng là hội thi dành cho lứa tuổi thiếu niên, lứa tuổi Thánh Gióng trong thời đại mới.
* Hình ảnh Thánh Gióng là hình ảnh của sức mạnh, của tinh thần chiến thắng rất phù hợp với ý nghĩa của một hội thi thể thao.
* Mục đích của hội thi là rèn luyện thể lực, sức khoẻ để học tập, lao động, góp phần bảo vệ và xây dựng Tổ quốc sau này.

**Đề bài 02:**

**Đọc kĩ đoạn văn sau và trả lời câu hỏi**:

*“Giặc đã đến chân núi Trâu[ Thế nước rất nguy, người người hoảng hốt. Vừa lúc đó, sứ giả đem ngựa sắt, roi sắt, áo giáp sắt đến. Chú bé vùng dậy, vươn vai một cái bỗng biến thành một tráng sĩ mình cao hơn trượng, oai phong, lẫm liệt. Tráng sĩ bước lên vỗ vào mông ngựa. Ngựa hí dài mấy tiếng vang dội. Tráng sĩ mặc áo giáp, cầm roi, nhảy lên mình ngựa. Ngựa phun lửa, tráng sĩ thúc ngựa phi thẳng đến nơi có giặc, đón đầu chúng đánh giết hết lớp này đến lớp khác, giặc chết như rạ. Bỗng roi sắt gãy, Tráng sĩ bèn nhổ những cụm tre cạnh đường quật vào giặc. Giặc tan vỡ. Đám tàn quân giẫm đạp lên nhau chạy trốn, tráng sĩ đuổi đến chân núi Sóc (Sóc Sơn). Đến đấy, một mình một ngựa, tráng sĩ lên đỉnh núi, cởi giáp sắt bỏ lại, rồi cả người lẫn ngựa từ từ bay lên trời*.

(SGK Ngữ văn 6 Cánh diều tập 1, trang 17)

**Câu 1:** Tóm tắt sự việc nêu trong đoạn văn bằng một câu văn.

**Câu 2: Giải thích nghĩa của từ “tráng sĩ”.** Từ “chú bé” được thay bằng “tráng sĩ” có ý nghĩa gì?

**Câu 3:** Chi tiết: “ *Đến đấy, một mình một ngựa, tráng sĩ lên đỉnh núi, cởi áo giáp sắt bỏ lại, rồi cả người lẫn ngựa từ từ bay lên trời”* có ý nghĩa gì?

**Câu 4a.**Theo em, việc lập đền thờ Thánh Gióng ở làng Phù Đổng và hàng năm mở hội Gióng có ý nghĩa gì?

**Câu 4b**. Sau khi đọc truyện *Thánh Gióng*, em có suy nghĩ gì về về truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta?

**Câu 4c.** Truyện muốn ca ngợi điều gì? Từ điều đó, em hãy rút ra bài học cho bản thân em.

(GV có thể chọn 1 trong ba câu).

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1:** Tóm tắt: Giặc đến chân núi Trâu, Gióng vươn vai biến thành tráng sĩ nhảy lên mình ngựa xông ra chiến trường đánh thắng giặc và bay về trời.

**Câu 2:**

##### Từ “tráng sĩ” dùng để chỉ người đàn ông có sức lực cường tráng và chí khí mạnh mẽ

* Từ “chú bé” được thay bằng “tráng sĩ cho thấy sự lớn lên của Gióng để đáp ứng được yêu cầu và nhiệm vụ cứu nước. Qua đó thể hiện quan niệm của nhân dân ta về mong ước có một người anh hùng đủ sức mạnh để đáp ứng nhiệm vụ dân tộc đặt ra trong hoàn cảnh cấp thiết.

**Câu 3:** Chi tiết: “ *Đến đấy, một mình một ngựa, tráng sĩ lên đỉnh núi, cởi áo giáp sắt bỏ lại, rồi cả người lẫn ngựa từ từ bay lên trời*”.

🡺 Ý nghĩa của chi tiết trên:

- Áo giáp sắt của nhân dân làm cho để Gióng đánh giặc, nay đánh giặc xong trả lại cho nhân dân, vô tư không chút bụi trần.

- Thánh gióng bay về trời, không nhận bổng lộc của nhà vua, từ chối mọi phần thường, chiến công để lại cho nhân dân,

- Gióng sinh ra cũng phi thường khi ra đi cũng phi thường (bay lên trời).

- Gióng bất tử cùng sông núi, bất tử trong lòng nhân dân.

**Câu 4a.**  HS nêu suy nghĩa của bản thân.

Có thể như: Ý nghĩa của việc lập đền thờ và hàng năm mở hội Gióng:

* Thể hiện tấm lòng tri ân người anh hùng bất tử, hướng về cội nguồn.
* Giáo dục thế hệ sau về truyền thống yêu nước, chống ngoại xâm của dân tộc; bồi đắp lòng yêu nước, tự hào về truyền thống văn hoá dân tộc.

**Câu 4b**. HS nêu suy nghĩa của bản thân.

Có thể như: Truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm là truyền thống quý báu của dân tộc ta. Trong truyện Thánh Gióng, lòng yêu nước, tinh thần chống giặc ngoại xâm được thể hiện qua tiếng nói đánh giặc của cậu bé Gióng, qua việc nhân dân đoàn kết góp gạo nuối Gióng. Điều đó thể hiện ý thức trách nhiệm của mỗi người dân trước vận mệh dân tộc, thể hiện tinh thần đoàn kết, sự đồng lòng của cả dân tộc trong công cuộc chống giặc ngoại xâm. Truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm của ông cha ta khiến em vô cùng khâm phục, tự hào và nguyện sẽ phát huy trong hiện tại.

**Câu 4c.**

* Truyện *Thánh Gióng* muốn ca ngợi công cuộc chống ngoại xâm, truyền thống yêu nước và tinh thần đoàn kết làm nên sức mạnh của cả cộng đồng, dùng tất cả các phương tiện để đánh giặc.
* Từ đó, truyện để lại cho em bài học về giữ gìn, xây dựng và bảo vệ đất nước.

**Đề đọc hiểu ngoài SGK:**

**Đề bài 3:**

**Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:**

*“Thủy Tinh đến sau, không lấy được vợ, đùng đùng nổi giận, đem quân đuổi theo đòi cướp mị Nương. Thần hô mưa, gọi gió, làm thành dông bão là rung chuyển cả đất trời, dâng nước sông lên cuồn cuộn đánh Sơn Tinh. Nước ngập ruộng đồng, nước tràn nhà cửa, nước dâng lên lưng đồi, sườn núi, thành Phong Châu như nổi lềnh bềnh trên một biển nước.*

*Sơn Tinh không hề nao núng. Thần dùng phép lạ bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi, dựng thành lũy đất, ngăn chặn dòng nước lũ. Nước sông dâng lên cao bao nhiêu, đồi núi cao lên bấy nhiêu. Hai bên đánh nhau ròng rã mấy tháng trời, cuối cùng Sơn Tinh vẫn vững vàng mà sức Thủy Tinh đã kiệt. Thần Nước đành rút quân.*

*Từ đó, oán nặng, thù sâu, hằng năm Thủy Tinh làm mưa gió, bão lũ dâng nước đánh Sơn Tinh. Nhưng năm nào cũng vậy, vị Thần Nước đánh mỏi mệt, chán chê vẫn không thắng nổi Thần Núi để cướp Mị Nương, đành rút quân về.”*

*(Trích Sơn Tinh, Thủy Tinh)*

**Câu 1:** Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn là gì?

**Câu 2:** Vì sao văn bản được xếp theo thể loại truyền thuyết?

**Câu 3**: Lời kể trùng điệp (nước ngập..., nước ngập..., nước dâng...) gây được ấn tượng gì cho em?

**Câu 4:** Để phòng chống thiệt hại do lũ lụt gây ra, theo em chúng ta cần làm gì?

**Gợi ý trả lời:**

**Câu 1:** Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn: Tự sự

**Câu 2:**

- Vì có liên quan đến nhân vật và sự kiện lịch sử:

+ Nhân vật: Vua Hùng, Mị Nương

+ Sự kiện: chống lại thiên tai, bão lũ, đắp đê trị thủy của nhân dân ta ở vùng đồng bằng sông Hồng thời xa xưa.

- Lời kể có chi tiết hư cấu, kì ảo: Thủy Tinh hô mưa, gọi gió, làm thành dông bão, dâng nước đánh Sơn Tinh; Sơn Tinh bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi.

**Câu 3**: Lời kể trùng điệp (nước ngập..., nước ngập..., nước dâng...) gây được ấn tượng gì cho người đọc

- Lời kể trùng điệp tạo cảm giác tăng dần mức độ của hành động, dồn dập cảm xúc, gây ấn tượng mạnh, dữ dội về kết quả của hành động trả thù của Thủy Tinh, theo đúng mạch truyện.

**Câu 4:**

Để phòng chống thiệt hại do lũ lụt gây ra, theo em chúng ta cần:

- Chủ động, có ý thức chuẩn bị khi thiên tai xảy ra.

- Trồng thêm nhiều cây xanh, bảo vệ rừng đầu nguồn.

- Tuyên truyền để mọi người cùng có ý thức bảo vệ môi trường sống.

- Kiên quyết xử lí những hành vi gây tổn hại môi trường.

- Tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường ở nơi sinh sống.

**Đề số 04:**

**Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:**

*“Ngày xưa, ở miền đất Lạc Việt, cứ như bây giờ là Bắc Bộ nước ta, có một vị thần thuộc nòi rồng, con trai thần Long Nữ, tên là Lạc Long Quân. Thần mình rồng, thường ở dưới nước, thỉnh thoảng lại lên cạn, sức khỏe vô địch, có nhiều phép lạ. Thần giúp dân diệt trừ Ngư Tinh, Hồ Tinh, Mộc Tinh những loài yêu quái làm hại dân lành. Thần dạy dân cách trồng trọt, chăn nuôi và cách ăn ở. Xong việc, thần thường về thủy cung với mẹ, khi có việc cần thần mới hiện lên.*

*Bấy giờ ở vùng đất cao phương Bắc, có nàng Âu Cơ thuộc dòng họ Thần Nông, xinh đẹp tuyệt trần. Nghe tiếng vùng đất Lạc có nhiều hoa thơm cỏ lạ, nàng bèn tìm đến thăm. Âu Cơ và Lạc Long Quân gặp nhau, đem lòng yêu nhau rồi trở thành vợ chồng, cùng chung sống ở trên cạn ở cung điện Long Trang.*

*[...]*

*Người con trưởng được tôn lên làm vua, lấy hiệu là Hùng Vương, đóng đô [5] ở đất Phong Châu, đặt tên nước là Văn Lang. Triều đình có tướng văn, tướng võ, con trai vua gọi là quan lang, con gái vua gọi là mị nương, khi cha chết thì được truyền ngôi cho con trưởng, mười mấy đời truyền nối ngôi vua đều lấy danh hiệu Hùng Vương, không hề thay đổi.*

*Cũng bởi sự tích này mà về sau, người Việt Nam ta con cháu vua Hùng, thường nhắc đến nguồn gốc của mình là*[*con Rồng cháu Tiên*](https://truyendangian.com/truyen-thuyet-con-rong-chau-tien-tram-trung-no-tram-con/)*.”*

*(Trích truyền thuyết Con Rồng, cháu Tiên)*

**Câu 1:** Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn văn?

**Câu 2:** Lạc Long Quân đã có những hành động nào để giúp dân?

**Câu 3:** Lời kể nào trong đoạn truyện có hàm ý rằng câu chuyện đã thực sự xảy ra trong quá khứ? Nhận xét về ý nghĩa của lời kể đó?

**Câu 4:** Em thấy mình có trách nhiệm gì trong cuộc sống để bảo vệ và phát huy nguồn gốc cao quý của dân tộc?

**Gợi ý trả lời:**

**Câu 1:** Phương thức biểu đạt chính: Tự sự

**Câu 2:** Lạc Long Quân đã có những hành động để giúp dân:

- Thần giúp dân diệt trừ Ngư Tinh, Hồ Tinh, Mộc Tinh những loài yêu quái làm hại dân lành. - - Thần dạy dân cách trồng trọt, chăn nuôi và cách ăn ở.

**Câu 3:**

- Lời kể trong đoạn truyện có hàm ý rằng câu chuyện đã thực sự xảy ra trong quá khứ: *Người con trưởng được tôn lên làm vua, lấy hiệu là Hùng Vương, đóng đô [5] ở đất Phong Châu, đặt tên nước là Văn Lang. Triều đình có tướng văn, tướng võ, con trai vua gọi là quan lang, con gái vua gọi là mị nương, khi cha chết thì được truyền ngôi cho con trưởng, mười mấy đời truyền nối ngôi vua đều lấy danh hiệu Hùng Vương, không hề thay đổi.*

🡺Nhận xét về ý nghĩa của lời kể đó:

+ Tạo niềm tin, làm tăng tính xác thực cho câu chuyện kể về nguồn gốc của người Việt Nam

+ Chúng ta tự hào về nguồn gốc cao quý, ra sức mạnh, tinh thần đoàn kết, yêu thương cho dân tộc.

+ Làm tăng thêm vẻ đẹp kì lạ thiêng liêng cho lịch sử dựng nước (nhà nước Văn Lang, các triều đại vua Hùng), địa danh (Phong Châu)

**Câu 4:** Em thấy mình có trách nhiệm gì trong cuộc sống để bảo vệ và phát huy nguồn gốc cao quý của dân tộc ?

Theo em, mỗi chúng ta cần làm gì để gìn giữ và phát huy nguồn gốc cao quý của người Việt trong thời đại ngày nay ?

- Cần rèn luyện những phẩm chất cao đẹp của người Việt như: nhân ái, đoàn kết, tự lực tự cường...

- Cần chăm chỉ học tập để trau dồi kiến thức để làm chủ cuộc sống, góp phần đất nước giàu đẹp.

- Cần rèn luyện sức khỏe, kĩ năng, thói quen tốt để đáp ứng mọi yêu cầu trong thời kì mới.

....

**🞜 Ôn tập văn bản 2: Thạch Sanh**

1. **TÌM HIỂU CHUNG**

1. **Thể loại:** Truyện cổ tích

**2. Phư­ơng thức biểu đạt chính:** Tự sự

***3. Ngôi kể và nhân vật chính***

***-* Ngôi kể**: ngôi thứ ba

- **Nhân vật chính:** Thạch Sanh- Kiểu nhân vật dũng sĩ (mồ côi, có tài năng kì lạ).

***4. Tóm tắt truyện***

Thạch Sanh vốn là thái tử, được Ngọc hoàng phái xuống làm con của vợ chồng người nông dân nghèo. Cha mẹ mất sớm, chàng sống lủi thủi dưới gốc cây đa. Bị Lí Thông lợi dụng, chàng đã dũng cảm diệt chằn tinh, rồi diệt đại bàng cứu công chúa nhưng rồi đều bị Lí Thông cướp công. Bị hồn chằn tinh và hồn đại bàng bày mưu vu oan, Thạch Sanh bị giam vào ngục. Ở trong ngục, chàng đem cây đàn mà vua Thuỷ Tề tặng đem ra gảy, công chúa nhận ra chàng và Thạch Sanh được giải oan, Lí thông bị trừng trị. Thạch Sanh cưới công chúa, chiến thắng quân 18 nước chư hầu và lên ngôi vua.

và được nối ngôi vua.

***5. Bố cục:*** có thể chia theo 5 đoạn như SGK hoặc chia thành 03 phần như sau:

+ Từ đầu đến *mọi phép thần thông*: sự ra đời và lớn lên của Thạch Sanh

+ Phần tiếp theo đến *rồi kéo nhau về nước* : các chiến công của Thạch Sanh

+ Câu cuối: hạnh phúc mà nhân vật tìm được

**6. Giá trị nội dung và nghệ thuật**

**\*Nghệ thuật:**

- Kết cấu, cốt truyện mạch lạc, sắp xếp tình tiết rất khéo léo, hoàn chỉnh.

- Xây dựng hình tượng hai nhân vật đối lập, tương phản hầu như xuyên suốt truyện (Thạch Sanh và Lý Thông) → Tạo cho cốt truyện vững chắc, tập trung.

- Các chi tiết, yếu tố thần kì có ý nghĩa thẩm mĩ

**\*Nội dung:**

- Truyện ngợi ca những chiến công rực rỡ  và những phẩm chất cao đẹp của người anh hùng.

- Truyện thể hiện ước mơ, niềm tin của nhân dân về chiến thắng của cái thiện đối với cái ác, về chính nghĩa thắng gian tà, hòa bình thắng chiến tranh.

- Đồng thời, qua tác phẩm này, chúng ta còn hiểu được lí tưởng nhân đạo và yêu hòa bình của nhân dân ta.

**II. ĐỊNH HƯỚNG PHÂN TÍCH VĂN BẢN**

**1. Dàn ý:**

|  |
| --- |
| **1.1. Nêu vấn đề:**  - Giới thiệu về thể loại truyện cổ tích (khái niệm truyện cổ tích, khái quát đặc trưng thể loại truyện cổ tích…)  - Giới thiệu về truyện cổ tích “Thạch Sanh” , khái quát giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật… |
| **1.2. Giải quyết vấn đề:**  **1.2.1. *Sự ra đời và lớn lên củaThạch Sanh***  - Là thái tử con Ngọc Hoàng  - Mẹ mang thai trong nhiều năm  - Lớn lên mồ côi cha mẹ, sống nghèo khổ bằng nghề kiếm củi  - Được thiên thần dạy đủ võ nghệ  **⇒ Vừa bình thường, vừa khác thường**  - Kể về sự ra đời và lớn lên của TS nhân dân ta nhằm:  + Tô đậm tính chất kì lạ, đẹp đẽ cho nhân vật, làm tăng sức hấp dẫn của truyện.  + Thể hiện ước mơ, niềm tin: con người bình thường cũng là những con người có phẩm chất kì lạ.  **1.2.2. *Những thử thách và chiến công của Thạch Sanh***  - Bị mẹ con Lí Thông lừa đi canh miếu thờ, thế mạng🡺 TS diệt chằn tinh.  - Xuống hang diệt đại bàng, cứu công chúa, bị Lí thông lấp của hang🡺 TS diệt đại bàng, cứu công chúa, cứu con vưa Thuỷ Tề.  - Bị hồn chằn tinh, đại bàng báo thù, TS bị bắt vào ngục🡺 TS minh oan, lấy công chúa  - 18 nước chư hầu kéo quân sang đánh🡺 TS chiến thắng 18 nước chư hầu, được nối ngôi.  **⇒** Thử thách ngày một tăng, mức độ ngày càng nguy hiểm thì chiến công càng ực rỡ vẻ vang**.**  - Qua các thử thách, TS đã bộc lộ nhiều phẩm chất đáng quý:  + Sự thật thà chất phác  + Sự dãng cảm và tài năng  + Nhân hậu, cao thượng, yêu hoà bình.  ***1.2.3. Nhận xét về kết thúc truyện***  Thạch Sanh được cưới công chúa, lại được vua nhường ngôi cho. Còn mẹ con Lý Thông bị sét đánh chết, biến thành bọ hung.  🡪 Ý nghĩa kết thúc truyện: Đây là kết thúc có hậu:  + Thể hiện ước mơ, niềm tin của nhân dân về công lý xã hội, sự chiến thắng cuối cùng của những con người chính nghĩa lương thiện (ở hiền gặp lành, ở ác gặp ác) và ước mơ của nhân dân về sự đổi đời  + Thể hiện thái độ kiên quyết của nhân dân muốn trừng phạt cái ác: Cái ác sẽ bị trừng trị đích đáng. Nếu chết đi thì chưa đủ. Hai mẹ con còn bị biến thành bọ hung, loài vật bẩn thỉu. Những kẻ xấu xa bạc ác như mẹ con LT không chỉ bị trừng trị ở đời này kiếp này, mà mãi mãi về sau, cho dù có đầu thai kiếp khác cũng vẫn bị người đời xa lánh khinh rẻ. |
| * 1. **Đánh giá khái quát**   **\*Đánh giá nội dung và nghệ thuật của tác phẩm:**  **- Nghệ thuật**  + Kết cấu, cốt truyện mạch lạc, sắp xếp tình tiết rất khéo léo, hoàn chỉnh.  - Xây dựng hình tượng hai nhân vật đối lập, tương phản hầu như xuyên suốt truyện (Thạch Sanh và Lý Thông) → Tạo cho cốt truyện vững chắc, tập trung.  - Các chi tiết, yếu tố thần kì có ý nghĩa thẩm mĩ: sự ra đời của Thạch Sanh, các chiến công của Thạch Sanh, chi tiết tiếng đàn thần kì và niêu cơm thần kì; các nhân vật và con vật thần kì.  -**Nội dung:**  + *Thạch Sanh* là truyện cổ tích về người dũng sĩ diệt chằn tinh, đại bàng cứu người...  + Ý nghĩa: Truyện thể hiện ước mơ, niềm tin của nhân dân về công lý xã hội, sự chiến thắng cuối cùng của những con người chính nghĩa lương thiện.  \***Bày tỏ suy nghĩ, tình cảm của bản thân.** |

1. **Định hướng phân tích**

Truyện cổ tích Việt Nam luôn có một sức hút vô cùng to lớn đối với bất cứ thế hệ người Việt nào.Dù là truyện loài vật, thần kì hay sinh hoạt thì truyện cổ tích vẫn mang yếu tố chính là phản ánh những sự việc xảy ra trong xã hội loài người. Truyện cổ tích Thạch Sanh  thuộc loại truyện thần kì kể về cuộc đời – một chàng dũng sĩ chất phác, thật thà, dũng cảm, trải qua bao khó khăn thử thách để tới được hạnh phúc chân chính, qua đó thể hiện ước mơ, niềm tin của nhân dân về sự chiến thắng của cái thiện.

       Truyện kể về nhân vật chính là Thạch Sanh – kiểu nhân vật dũng sĩ có sức khỏe, có tài năng; vượt qua bao chiến công, thử thách để tìm được hạnh phúc đích thực của mình. Bố cục của truyện có thể chia làm ba ph. Từ đầu đến *mọi phép thần thông* nói về sự ra đời và lớn lên của Thạch Sanh; phần tiếp theo đến *rồi kéo nhau về nước* kể về các chiến công của Thạch Sanh. Câu cuối nói lên hạnh phúc mà nhân vật tìm được. Ta có thể chia phần thân truyện thành các chặng: kết nghĩa; diệt chằn tinh, bị cướp công; diệt đại bàng, cứu công chúa, lại bị cướp công; bị vu oan, vào tù; được giải oan; chiến thắng quân mười tám nước chư hầu. Bố cục truyện như vậy giúp người đọc thấy rõ đặc điểm của truyện cổ tích về nhân vật dũng sĩ: vượt qua rất nhiều thử thách, lập chiến công và được hưởng hạnh phúc - là cốt truyện thường thấy của thể loại truyện cổ tích. Truyện tuy có những chi tiết thần kì giữ vai trò mở nút thắt trong từng tình huống, nhưng trên tất cả là thề hiện ước mơ cháy bỏng của nhân dân lao động về hạnh phúc gia đình, về lẽ công bằng xã hội, về phẩm chất và năng lực tuyệt vời của con người.

**Phần mở đầu truyện, tác giả dân gian kể lại sự ra đời và lớn lên của Thạch Sanh.** Những chi tiết vừa tô đậm sự khác thường, vừa nói lên sự bình thường trong nguồn gốc và xuất thân của Thạch Sanh: vốn là thái tử con Ngọc Hoàng; được đầu thai xuống làm con một cặp vợ chồng nghèo nhưng tốt bụng; được mẹ mang thai trong nhiều năm mới sinh ra. Khi Thạch Sanh vừa khôn lớn thì mồ côi cả cha lẫn mẹ, phải sống nghèo khổ bằng nghề kiếm củi. Khi lớn lên, Thạch Sanh được thiên thần dạy đủ võ nghệ. Kể về sự ra đời và lớn lên của Thạch Sanh, nhân dân ta nhằm tô đậm tính chất kì lạ, đẹp đẽ cho nhân vật, làm tăng sức hấp dẫn của truyện. Đồng thơi tác giả dân gian muốn thể hiện ước mơ, niềm tin: con người bình thường cũng là những con người có phẩm chất kì lạ.Thạch Sanh tuy là thái tử đầu thai (nhân vật dũng sĩ phi thường từ ngay trong nguồn gốc) nhưng lại có xuất thân giống như kiểu nhân vật bất hạnh. Điều đó cũng phản ánh kiểu nhân vật trong truyện cổ tích mà ntác giả dân gian luôn hướng tới đó là những nhân vật nhỏ bé, bất hạnh.

**Phần thân truyện, tác giả dân gian phản ánh hành trình người dũng sĩ đi kiếm tìm hạnh phúc gắn với những thử thách và chiến công phi thường.** Trên hành trình kiếm tìm hạnh phúc, chàng dũng sĩ Thạch Sanh phải trải qua bao khó khăn, thử thách: bị lừa, giết chằn tinh; giết đại bàng, bị lấp hang; bị vu oan và đánh thắng quân mười tám nước chư hầu. Tuy phải đối mặt với bao khó hhưng bằng sự dũng cảm, sức mạnh, lòng mưu trí của mình, chàng đã vượt qua mọi khó khăn, thử thách và lập được nhiều chiến công: chiến công với xóm làng, với nhân dân, với đất nước. Độ khó của thử thách, mức độ nguy hiểm càng tăng thì chiến thắng cua người anh hùng càng vẻ vang. Qua những thử thách, người anh hùng bộc lộ những phẩm chất đẹp đẽ của mình.

**Trước tiên là chiến công củaThạch Sanh giết chằn tinh.** Thạch Sanh giết chằn tinh trong hoàn cảnh bị lừa người anh kết nghĩa Lý Thông lừa đi canh miếu hộ để thế mạng. Thạch Sanh không hề có sự phòng bị, hoàn toàn bất ngờ. Thử thách làm nổi bật sự tốt bụng của Thạch Sanh (Lý Thông nhờ liền vui vẻ nhận lời), sự cả tin (Lý Thông nói liền tin) và sự dũng cảm, sức mạnh, tài phép phi thường (không núng, chỉ một lúc đã xả xác con quái vật ra làm hai). Chiến công giết chằn tinh của chàng đã mang lại sự bình yên cho xóm làng.

**Tiếp theo là chiến công củaThạch Sanh giết đại bàng.** Vẫn tiếp tục thể hiện sự dũng cảm, sức mạnh và tài phép; sự tốt bụng, cả tin của mình, nhưng ở thử thách này, Thạch Sanh còn cho người đọc thấy được việc chàng lập công hoàn toàn là vô tư, lập công vì chính nghĩa chứ không vì vụ lợi. Bởi vậy, chàng không tham lam, không nhận vàng bạc mà chỉ nhận một cây đàn của vua Thuỷ Tề rồi trở về sống dưới gốc đa.Việc nhận phần thưởng sau khi lập công là việc xứng đáng với người dũng sĩ. Nhưng Thạch Sanh không nhận vàng bạc, bình thản trở về gốc đa để sống một cuộc sống nghèo khó khiến chúng ta càng thêm khâm phục, yêu mến. Cây đàn mà Thạch Sanh mang theo còn khiến cho hình ảnh chàng dũng sĩ trở nên thơ mộng, lãng mạn. Phải chăng, qua thử thách này, nhân dân ta muốn ca ngợi: người dũng sĩ chân chính phải là người chiến đấu về công lý chứ không vì bất cứ mưu lợi cá nhân nào, và ngoài việc chiến đấu, họ cũng có một tâm hồn thật nghệ sĩ. Chi tiết cây đàn của vua Thuỷ Tề tặng Thạch Sanh cũng được khéo léo cài đặt để tạo sự sự tiếp nối ở cốt truyện ở phần sau.

**Không màng danh lợi, trở về dưới gốc đa tiếp tục công việc kiếm củi kiếm sống qua ngày nhưng Thạch Sanh lại bị hồn của chằn tinh và đại bàng bày mưu vu oan.** Lần này, Thạch Sanh không vượt qua thử thách bằng cung tên, bằng tài phép, chàng vượt qua bức tường ngục tù tưởng như không vượt qua nổi bằng chính tiếng đàn kì diệu của mình. Điều đó chứng tỏ dù trong hoàn cảnh tù ngục thì chàng Thạch Sanh vẫn thể hiện sự tài hoa, ung dung trước khó khăn, thử thách. Hẳn tiếng đàn của Thạch Sanh phải réo rắt, du dương, sống động, phải kể được mọi nỗi niềm của kẻ bị oan khuất mới có thể khiến cho công chúa nhận ra chàng dù cách mấy bức tường cung cấm. Thạch Sanh không chỉ là người dũng sĩ, chàng còn là một nghệ sĩ, người nghệ sĩ đích thực với tiếng đàn lay động lòng người. Hơn nữa, chàng có thể gẩy được đàn trong hoàn cảnh ngục tù cũng chỉ có thể là người vô cùng dũng cảm, hoặc là người vô cùng tin tưởng vào công lí, vào sự trong sạch của bản thân mình. Sau khi được giải oan, Thạch Sanh hiểu ra sự độc ác của Lí Thông. Nhưng chàng lại tha cho mẹ con Lí Thông. Chi tiết ấy giúp ta hiểu được lòng vị tha, bao dung vô cùng của Thạch Sanh.

**Thạch Sanh còn phải vượt qua thử thạch cuối cùng để đem lại hoà bình cho đất nước, nhân dân đó là thử thách đánh lui quân mười tám nước chư hầu.**Thạch Sanh dùng tiếng đàn để đánh tan ý chí chiến đấu và dùng niêu cơm để thu phục lòng người. Thạch Sanh  không dùng vũ khí mà chiến thắng quân giặc bằng lòng vị tha, nhân hậu. Khi đối diện với yêu quái, Thạch Sanh dũng mạch diệt trừ chúng. Nhưng khi đối diện với những con người, dù tham làm, độc ác như Lí Thông hay hung hăng như quân mười tám nước chư hầu, Thạch Sanh đều không dùng đến vũ khí, không dùng sức mạnh. Giữa con người với con người, chàng luôn bao dung.

**Cuối cùng, sau bao thử thách** **thì hạnh phúc xứng đáng dành cho người dũng sĩ, còn cái ác bị trừng trị đích đáng.** Thạch Sanh được cưới công chúa, lại được vua nhường ngôi cho; còn mẹ con Lý Thông bị sét đánh chết, biến thành bọ hung. Đây là kết thúc có hậu thể hiện ước mơ, niềm tin của nhân dân về công lý xã hội, sự chiến thắng cuối cùng của những con người chính nghĩa lương thiện (ở hiền gặp lành, ở ác gặp ác) và ước mơ của nhân dân về sự đổi đời. Đồng thời kết thúc truyện còn thể hiện thái độ kiên quyết của nhân dân muốn trừng phạt cái ác: Cái ác sẽ bị trừng trị đích đáng. Nếu chết đi thì chưa đủ, hai mẹ con còn bị biến thành bọ hung, loài vật bẩn thỉu. Những kẻ xấu xa bạc ác như mẹ con Lý Thông không chỉ bị trừng trị ở đời này kiếp này, mà mãi mãi về sau, cho dù có đầu thai kiếp khác cũng vẫn bị người đời xa lánh khinh rẻ.

**Truyện cổ tích Thạch Sanh đã thành công đặc sắc về cả mặt nghệ thuật và nội dung**. Để tạo nên sự hấp dẫn, ta không thể không nhắc đến những nét đặc sắc về mặt nghệ thuật. *Thạch Sanh* là một truyện cổ tích có cốt truyện hấp dẫn, giàu kịch tính. Xây dựng hai tuyến nhân vật đối lập: Thạch Sanh đại diện cho cái thiện, mẹ con Lý Thông, hồn chằn tinh, đại bàng đại diện cho cái xấu cái ác. Thông qua việc xây dựng hai tuyến nhân vật này nhân dân ta còn khẳng định một đạo lí ngàn đời đó là *“Ở hiền gặp lành, ác giả ác báo”*. Các chi tiết nghệ thuật được sắp đặt khéo léo, có quan hệ mật thiết với nhau, đặc biệt là các chi tiết thần kì như *cung tên vàng, đàn thần, niêu cơm* *thần* không chỉ làm tăng sức hấp dẫn cho cốt truyện mà còn chứa đựng nhiều ý nghĩa sâu xa, thể hiện mơ ước, khát vọng của nhân dân. Bằng những nghệ thuật đặc sắc, truyện đã ngợi ca những chiến công rực rỡ  và những phẩm chất cao đẹp của người anh hùng; thể hiện ước mơ, niềm tin của nhân dân về chiến thắng của cái thiện đối với cái ác, về chính nghĩa thắng gian tà, hòa bình thắng chiến tranh. Đồng thời, qua tác phẩm này, chúng ta còn hiểu được lí tưởng nhân đạo và yêu hòa bình của nhân dân ta

Truyện *Thạch Sanh* là một trong những truyện cổ tích hay và đặc sắc nhất trong kho tàng truyện cổ tích Việt Nam. Cuộc đời và những chiến công của Thạch Sanh cùng với sự hấp dẫn của những chi tiết thần kì trong truyện sẽ còn mãi sức hấp dẫn, say mê với các thế hệ người đọc, người nghe.

**III. LUYỆN ĐỀ**

**\*Bài tập trắc nghiệm:**

**Câu 1:** Trong truyện Thạch Sanh, mẹ Thạch Sanh mang thai chàng trong trường hợp nào?

A. Cha mẹ Thạch Sanh nghèo nhưng tốt bụng, được Ngọc Hoàng thương tình sai thái tử xuống đầu thai làm con.

B. Người mẹ hái củi trong rừng vào một hôm nắng to, bà khát nước và uống nước trong một cái sọ dừa, từ đó bà mang thai.

C. Người mẹ ra đồng thấy một bàn chân to liền ướm thử và mang thai.

D. Người mẹ nằm mộng thấy một vị tiên gõ đôi đũa thần vào người, khi tỉnh dậy thì phát hiện mình có thai.

**Đáp án A**

**Câu 2**. Câu nào dưới đây **không** nói về hoàn cảnh của Thạch Sanh khi chàng lớn lên?

A. Mồ côi cả cha lẫn mẹ, sống lủi thủi trong một túp lều dựng dưới gốc đa.

B. Được vợ chồng bá hộ thương tình nhận làm con nuôi.

C. Cuộc sống rất nghèo khổ, gia tài chỉ có một lưỡi búa do cha để lại.

D. Được Ngọc Hoàng sai người xuống dạy võ nghệ.

**Đáp án B**

**Câu 3.** Trong truyện Thạch Sanh, vì sao Lí Thông muốn làm bạn với Thạch Sanh?

A. Vì thương cảm cho số phận mồ côi của Thạch Sanh.

B. Vì muốn được che chở cho Thạch Sanh.

C. Vì thấy Thạch Sanh khỏe mạnh, có Thạch Sanh ở cùng sẽ đem lại nhiều lợi ích.

D. Vì Lí Thông cũng có hoàn tương tự như Thạch Sanh.

**Đáp án C**

**Câu 3**. Trong truyện Thạch Sanh, chi tiết nào sau đây không mang tính tưởng tượng?

A. Thạch Sanh được sinh ra là do Ngọc Hoàng sai thái tử xuống đầu thai.

B. Người mẹ mang thai trong nhiều năm mới sinh ra Thạch Sanh, C. Khi Thạch Sanh lớn lên, các vị tiên trên trời xuống dạy võ nghệ và các phép biến hóa.

C. Thạch Sanh mồ côi cả cha lẫn mẹ, sống trong một túp lều tranh cạnh cốc đa.

D. Tiếng đàn của Thạch Sanh vừa cất lên thì quân lính của 18 nước chư hầu bủn rủn chân tay, không còn nghĩ gì đến chuyện đánh nhau nữa.

**Đáp án C**

**Câu 4.** Trong truyện Thạch Sanh, mẹ con Lí Thông là người như thế nào?

A. Là người nông dân chất phát, thật thà nhưng tốt bụng.

B. Là người ti tiện, bủn xỉn, chỉ muốn lấy của người khác,

C. Là người gian xảo, có lòng dạ nham hiểm và độc ác.

D. Là người có phép thuật và thường xuyên sử dụng phép thuật ấy để làm hại người khác.

**Đáp án C**

**Câu 5**. Việc Thạch Sanh dùng tiếng đàn để cảm hóa quân mười tám nước chư hầu và thết đãi họ bằng niêu cơm thần có ý nghĩa gì?

A. Thể hiện tinh thần yêu nước, yêu hòa bình và tấm lòng nhân đạo của nhân dân ta.

B. Cho quân các nước chư hầu thấy được sức mạnh và sự giàu có của nhân dân ta.

C. Thể hiện sự tài giỏi của Thạch Sanh.

D. Thể hiện ước mơ công lí: những người đi xâm lược nhất định sẽ thất bại, những người yêu chuộng hòa bình sẽ thắng lợi.

**Đáp án A**

**\*Bài tập đọc hiểu:**

GV hướng dẫn HS thực hành các đề đọc hiểu về văn bản “Thạch Sanh”:

**Đề số 01:**

**Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:**

*“Một hôm có người hàng rượu tên là Lí Thông đi qua đó. Thấy Thạch Sanh gánh về một gánh củi lớn, hắn nghĩ bụng: “Người này khoẻ như voi. Nó về ở cùng thì lợi biết bao nhiêu”. Lí Thông lân la gợi chuyện, rồi gạ cùng Thạch Sanh kết nghĩa anh em. Sớm mồ côi cha mẹ, tứ cố vô thân, nay có người săn sóc đến mình, Thạch Sanh cảm động, vui vẻ nhận lời. Chàng từ giã gốc đa, đến sống chung với mẹ con Lí Thông.*

*Bấy giờ, trong vùng có con chằn tinh, có nhiều phép lạ, thường ăn thịt người. Quan quân đã nhiều lần đến bổ vây định diệt trừ nhưng không thể làm gì được. Dân phải lập cho nó miếu thờ, hằng năm nạp một mạng người cho chằn tinh ăn thịt để nó đỡ phá phách.*

*Năm ấy, đến lượt Lý Thông nộp mình. Mẹ con hắn nghĩ kế lừa Thạch Sanh chết thay. Chiều hôm đó, chờ Thạch Sanh kiếm củi về, Lý Thông dọn một mâm rượu thịt ê hề mời ăn, rồi bảo:*

* *Đêm nay, đến phiên anh canh miếu thờ, ngặt vì dở cất mẻ rượu, em chịu khó đi thay anh, đến sáng thì về.*

*Thạch Sanh thật thà, nhận lời đi ngay..*

(SGK Ngữ văn 6, Cánh diều, trang 19 - 20)

**Câu 1**. Đoạn trích trên được trích từ văn bản nào? Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản.

**Câu 2.** Chỉ ra chi tiết thần kì trong đoạn trích trên.

**Câu 3**. Đoạn trích trên giúp em hiểu gì về bản chất hai nhân vật Lí Thông, Thạch Sanh?

**Câu 4**. Từ đoạn trích trên, em rút ra bài học gì cho bản thân trong cách ứng xử với mọi người?

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:**

* Đoạn trích được trích từ truyện cổ tích “Thạch Sanh”.
* Phương thức biểu đạt chính: Tự sự

**Câu 2:**

Chi tiết thần kì có trong đoạn trích là chi tiết về chằn tinh có nhiều phép lạ, thường ăn thịt người.

**Câu 3:** Bản chất hai nhân vật Lí Thông, Thạch Sanh thể hiện qua đoạn trích:

+ Lý Thông: gian xảo, ích kỉ, nham hiểm (kết nghĩa anh em với Thạch Sanh nhằm mưu lợi; lừa Thạch Sanh đi chết thay mình).

+ Thạch Sanh thật thà, vị tha, có phần cả tin .

Sự đối lập giữa hai nhân vật là sự đối lập giữa phe thiện và phe ác.

**Câu 4: HS nêu suy nghĩ của bản thân.**

Có thể nêu: Từ đoạn trích trên, em rút ra bài học cho bản thân: Trong cách ứng xử với mọi người, ta không nên ích kỉ chỉ nghĩ đến lợi ích của bản thân mình mà lợi dụng người khác; cần phải biết sống vì người khác. Bên cạnh đó, ta cũng cần đề phòng trước những kẻ xấu.

**Đề số 02:**

**Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:**

“ *Cuối cùng các hoàng tử phải cởi giáp ra hàng. Thạch Sanh sai dọn một bữa cơm thiết đãi những kẻ thua trận. Cả mấy vạn tướng lĩnh, quân sĩ thấy Thạch Sanh chỉ cho dọn ra vẻn vẹn có một niêu cơm tí xíu, bĩu môi, không muốn cầm đũa. Biết ý, Thạch Sanh đố họ ăn hết được niêu cơm và hứa sẽ trọng thưởng cho những ai ăn hết. Quân sĩ mười tám nước ăn mãi, ăn mãi nhưng niêu cơm bé xíu cứ ăn hết lại đầy. Chúng cúi đầu lạy tạ vợ chồng Thạch Sanh rồi kéo nhau về nước*

*Về sau, vua không có con trai, đã nhường ngôi cho Thạch Sanh*”.

(SGK Ngữ văn 6, Cánh diều, tập 1, trang 21)

**Câu 1**. Truyện “Thạch Sanh” thuộc thể loại nào? Nhân vật Thạch Sanh thuộc kiểu nhân vật nào?

**Câu 2a**. Xác định ít nhất 01 từ ghép có trong đoạn trích. Đặt 01 câu với từ ghép đó (Không viết lại câu đã có trong đoạn trích đọc hiểu).

**Câu 2b**. Phân loại các từ trong câu sau theo cấu tạo từ:

“*Cả mấy vạn tướng lĩnh, quân sĩ thấy Thạch Sanh chỉ cho dọn ra vẻn vẹn có một niêu cơm tí xíu, bĩu môi, không muốn cầm đũa.”*

**(GV chọn một trong 2 câu: 2a hoặc 2b)**

**Câu 3**. Chỉ ra và nêu ý nghĩa của chi tiết thần kì trong đoạn trích trên.

**Câu 4**. Nêu chủ đề của truyện “Thạch Sanh”. Kể tên những truyện đã học hoặc đã đọc cùng chủ đề với truyện “Thạch Sanh” (Kể tối thiểu 03 truyện)

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1**:

* Truyện “Thạch Sanh” thuộc thể loại truyện cổ tích.
* Nhân vật Thạch Sanh thuộc kiểu nhân vật dũng sĩ.

**Câu 2a:** HS tự xác định 01 từ ghép có trong đoạn trích và đặt câu.

Ví dụ: từ ghép “niêu cơm”

Đặt câu: Hình ảnh niêu cơm thần kì là chi tiết đặc sắc, có giá trị thẩm mĩ cao trong truyện cổ tích “Thạch Sanh”.

**Câu 2b:**

Câu văn: “*Cả mấy vạn tướng lĩnh, quân sĩ thấy Thạch Sanh chỉ cho dọn ra vẻn vẹn có một niêu cơm tí xíu, bĩu môi, không muốn cầm đũa.”*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Từ đơn | Từ ghép | Từ láy |
| *Cả, mấy, vạn, thấy, chỉ, cho, dọn, ra, có, một, không, muốn* | *tướng lĩnh, quân sĩ, niêu cơm, tí xíu, bĩu môi, cầm đũa* | *vẻn vẹn* |

**Câu 3:**

* Chi tiết thần kì trong đoạn trích: niêu cơm thết đãi quân lính 18 nước chư hầu của Thạch Sanh cứ ăn hết lại đầy.
* Ý nghĩa của chi tiết niêu cơm thần kì: tượng chưng cho tấm lòng nhân đạo, tư tưởng yêu hoà bình của nhân dân ta.

**Câu 4:**

* Chủ đề: phản ánh cuộc đấu tranh giữa cái thiện và cái ác, thể hiện ước mơ, niềm tin của nhân dân về sự chiến thắng của những con người chính nghĩa, lương thiện)
* Một số truyện đã học hoặc đã đọc cùng chủ đề với truyện “Thạch Sanh”:

*+ Tấm Cám*

*+ Cây tre trăm đốt*

*+ Cây khế*

*….*

**Đề đọc hiểu ngoài SGK:**

**Đề số 03: Đọc kĩ đoạn văn sau và trả lời câu hỏi**:

“Từ ngày cô em út lấy được chồng trạng nguyên, hai cô chị càng sinh lòng ghen ghét, định tâm hại em để thay em làm bà trạng. Nhân quan trạng đi sứ vắng, hai cô chị sang chơi, rủ em chèo thuyền ra biển, rồi đẩy em xuống nước. Một con cá kình nuốt chửng cô vào bụng. Sẵn có con dao, cô em đâm chết cá, xác cá nổi lềnh bềnh trên mặt biển, rồi dạt vào một hòn đảo. Cô lại lấy dao khoét bụng cá chui ra, lấy hai hòn đá cọ mạnh vào nhau, bật lửa lên, rồi xẻo thịt cá nướng ăn, sống qua ngày, chờ có thuyền qua thì gọi vào cứu. Hai quả trứng cũng nở thành một đôi gà đẹp, làm bạn với cô giữa cảnh đảo hoang vắng.

Một hôm, có thuyền cắm cờ đuôi nheo lướt qua đảo. Con gà trống nhìn thấy, gáy to ba lần:

*Ò…ó…o*

*Phải thuyền quan trạng rước cô tôi về*

Quan trạng cho thuyền vào xem. Vợ chồng gặp nhau, mừng mừng tủi tủi. Về nhà, quan trạng mở tiệc mừng, mời bà con đến chia vui, nhưng lại giấu vợ trong buồng không cho ra mắt. Hai cô chị không hay biết gì hết, khấp khởi mừng thầm, chắc mẩm chuyến này được thay em làm bà trạng. Hai cô chị thay nhau kể chuyện cô em rủi ro rồi khóc nức nở ra chiều thương tiếc lắm. Quan trạng không nói gì. Tiệc xong, quan trạng cho gọi vợ ra. Hai cô chị xấu hổ quá, lẻn ra về lúc nào không ai hay rồi bỏ đi biệt xứ.”

(Theo *Sọ Dừa)*

**Câu 1:** Chỉ ra chi tiết kì ảo trong đoạn trích.

**Câu 2: Phân loại từ đơn, từ ghép, từ láy có trong câu văn sau:**

“*Sẵn có con dao, cô em đâm chết cá, xác cá nổi lềnh bềnh trên mặt biển, rồi dạt vào một hòn đảo*”

**Câu 3a**. Cách ứng xử của Sọ Dừa từ khi đưa vợ về nhà trong đoạn trích trên cho thấy phẩm chất gì của chàng?

**Câu 3b:** Kết cục của truyện “Sọ Dừa” thể hiện mơ ước gì của nhân dân trong cuộc sống?

(GV chọn một trong hai câu 3a hoặc 3b)

**Câu 4a.** Theo em, lòng đố kị gây ra những hậu quả gì?

**Câu 4b.** Sọ Dừa đề cao giá trị chân chính của con người hay chỉ là sự thể hiện tình thương đối với con người bất hạnh? Vì sao?

(GV có thể chọn 1 trong hai câu 4a hoặc 4b).

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1:** Chi tiết kì ảo:

- Vợ Sọ Dừa thoát khỏi bụng cá, sống sót trên đảo.

- Gà trống gáy thành tiếng người.

**Câu 2:**

Câu văn*: “Sẵn có con dao, cô em đâm chết cá, xác cá nổi lềnh bềnh trên mặt biển, rồi dạt vào một hòn đảo*”:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Từ đơn | Từ ghép | Từ láy |
| Sẵn, có, đâm, cá, nổi, trên, rồi, dạt, vào, một | Con dao, cô em, đâm chết, xác cá, hòn đảo. | Lềnh bềnh, mặt biển |

**Câu 3a.** Đoạn trích làm nổi bật khả năng, phẩm chất sau của Sọ Dừa:

* Lo lắng, thương yêu vợ và có trí tuệ sáng suốt khi dự đoán trước được sự việc vợ ở nhà sẽ bị hãm hãi.
* Trí tuê sáng suốt còn bộc lộ khi Sọ Dừa bố trí tiệc ăn mừng, cố ý để vợ trong buồng để hai cô chị tự mình thấy xấu hổ về hành động của mình.
* Sọ Dừa còn là người nhân đức và độ lượng: mặc dù biết rõ lòng dạ độc ác của hai người chị nhưng chàng không một lời trách cứ, chỉ lặng lẽ đưa vợ ra chào khiến hai người chị xấu hổ, nhục nhã mà âm thầm trốn đi biệt xứ.

🡪Vẻ đẹp của Sọ Dừa chính là vẻ đẹp trí tuện và tấm lòng nhân hậu, độ lượng của nhân dân.

**Câu 3b:** Kết thúc của câu chuyện này đã thể hiện mong ước của dân gian: “Ở hiền gặp lành, ác giả ác báo”: những con người nhỏ bé, thấp hèn, hình dạng xấu xí như Sọ Dừa hoặc con người tốt bụng, có lòng thương người như cô Út sẽ được hưởng hạnh phúc. Những kẻ xấu xa, có dã tâm độc ác như hai cô chị sẽ bị trừng phạt.

**Câu 4a:** HS nêu suy nghĩ của bản thân. Có thể nêu:

* Phá hoại các mối quan hệ của mình cũng như của người khác.
* Cuộc sống không thoải mái luôn nghĩ cách hãm hại người khác và cũng làm hại cả bản thân.
* Làm nảy sinh nhiều trạng thái tâm lý tiêu cực, khiến cho bản thân người có lòng đố kị luôn căng thẳng, bức bối, không thoải mái.
* …

**Câu 4b:**

Truyện Sọ Dừa đề cao giá trị chân chính của con người chứ không chỉ là sự thể hiện tình thương đối với con người bất hạnh. Bởi vì truyện Sọ Dừa là câu chuyện thuộc kiểu người mang lốt vật, truyện luôn nhằm tập trung làm bật nổi phẩm chất ẩn bên trong hình hài dị dạng của nhân vật: nhân vật Sọ Dừa có sự đối lập giữa hình hài xấu xí bên ngoài với các phẩm chất cao quý bên trong. Sự đối lập giữa bề ngoài dị dạng và vẻ đẹp tài năng, phẩm chất cao quý thể hiện ước mơ của nhân dân về sự đổi đời (bù đắp) và đề cao, khẳng định giá trị chân chính của con người. Đó là giá trị tinh thần bên trong. Và khi đánh giá con người không chỉ nhìn ở góc độ bên ngoài mà phải nhìn ở phẩm chất bên trong mới thấy được vẻ đẹp thực sự.  
**Đề bài 04: Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**

“Hồi đó, có một nước láng giềng lăm le muốn chiếm bờ cõi nước ta. Để dò xem bên này có nhân tài hay không, họ sai sứ đưa sang một cái vỏ con ốc vặn rất dài, rỗng hai đầu, đố làm sao xâu được sợi chỉ mảnh xuyên qua đường ruột ốc.

Sau khi nghe xứ thần trình bày mục đích cuộc đi xứ, vua quan đưa mắt nhìn nhau. Không trả lời được câu đố oái oăm ấy là tỏ ra thua kém và thừa nhận sự thần phục của mình đối với nước láng giềng. Các đại thần đều vò đầu suy nghĩ. Có người dùng miệng hút. Có người bôi sáp vào sợi chỉ cho cứng để cho dễ xâu, v.v… Nhưng, tất cả mọi cách đều vô hiệu. Bao nhiêu ông trạng và các nhà thông thái đều được triệu vào đều lắc đầu bó tay. Cuối cùng, triều đình đành mời sứ thần ra ở công quán để có thời gian đi hỏi ý kiến em bé thông minh nọ.

Khi viên quan mang dụ chỉ của vua đến thì em còn đùa nghịch ở sau nhà. Nghe nói việc xâu chỉ vào vỏ ốc, em bé hát lê một câu:

*Tang tình tang! Tang tình tang!  
Bắt con kiến càng buộc chỉ ngang lưng,  
Bên thời lấy giấy mà bưng,  
Bên thời bôi mỡ, kiến mừng kiến sang*

*Tang tình tang….*

rồi bảo:

* + Cứ theo cách đó là xâu được ngay!

Viên quan sung sướng, vội vàng trở về tâu vua. Vua và các triều thần nghe nói mừng như mở cờ trong bụng. Quả nhiên, con kiến càng đã xâu được sợi chỉ xuyên qua đường ruột ốc hộ cho nhà vua trước con mắt thán phục của sứ thần nước láng giềng.

Liền đó, vua phong cho em bé làm trạng nguyên. Vua lại sai xây dinh thự ở một bên hoàng cung để cho em ở, để tiện hỏi han”.

*(*Theo *Em bé thông minh)*

**Câu 1**. Truyện *Em bé thông minh* kể về kiểu nhân vật nào trong truyện cổ tích?  
**Câu 2**. Thử thách giải đố do ai đưa ra? Cách giải đố của nhân vật em bé có gì độc đáo?

**Câu 3.** Trong đoạn trích, việc giải đố đã thể hiện phẩm chất gì của nhân vật em bé?

**Câu 4.** Em có suy nghĩ gì về kết thúc truyện “Em bé thông minh”?

**Câu 5a:** Theo em, việc tích luỹ kiến thức từ đời sống có tác dụng gì đối với chúng ta?

**Câu 5b.** Nhớ lại và ghi ra những thử thách mà nhân vật em bé phải giải đố trong truyện “Em bé thông minh”. Em thấy thú vị với lần vượt qua thử thách nào nhất của nhân vật? Vì sao?

*(GV chọn câu 5a hoặc 5b)*

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Truyện *Em bé thông minh* kể về kiểu nhân vật thông minh.  
**Câu 2:**

- Thử thách giải đố do sứ thần nước láng giềng đưa ra.

- Cách giải đố của nhân vật em bé: Thay vì trả lời trực tiếp, em bé hát một câu, trong đó có chứa lời giải câu đố. Em bé đã vận dụng trí tuệ dân gian; câu đố với em cũng chỉ là một trò chơi.

**Câu 3:** Việc giải đố đã thể hiện sự thông minh, nhanh nhẹn, tài năng  của nhân vật em bé.

**Câu 4:** Truyện kết thúc có hậu, em bé được phong làm trạng nguyên, được tặng dinh thự. Đó là phẩn thưởng xứng đáng với tài năng, trí tuệ của em.

**Câu 5a. HS nêu suy nghĩ của bản thân. Có thể nêu:**

**-** Việc tích luỹ kiến thức đời sống giúp ta có thể vận dụng vào những tình huống thực tế một cách nhạy bén, hợp lí mà đôi khi kiến thức sách vở chưa chắc đã dạy ta.

**-** Kiến thức đời sống phần lớn là kiến thức truyền miệng được ông cha ta đúc kết bao đời, truyền lại thế hệ sau nên đó là vốn trí tuệ nhân dân bao đời. Do đó kiến thức đời sống là kho kiến thức phong phú, vô tận mà ta có thể áp dụng linh hoạt, tuỳ từng hoàn cảnh.

**Câu 5b.**

**-** Trong truyện, em bé đã vượt qua 4 thử thách:

+ Lần thứ nhất: Trả lời câu hỏi phi lí của viên quan, khi viên quan hỏi cha cậu cày mỗi ngày được mấy đường.

+ Lần thứ hai: nhà vua bắt dân làng cậu bé nuôi trâu đực phải đẻ được con.

+ Lần thứ ba: Trả lời câu đố vua giao cho chính mình, làm sao thịt một con chim sẻ phải dọn thành ba cỗ bàn thức ăn

+ Lần thứ tư: câu đố hóc búa của sứ thần xâu sợi chỉ mềm qua đường ruột ốc xoắn dài.

* HS lựa chọn và lí giải thử thách nào bản thân thấy thú vị nhất.

**Ôn tập văn bản 3: Sự tích Hồ Gươm**

1. **TÌM HIỂU CHUNG**

**1. Thể loại:** Truyện truyền thuyết (Truyền thuyết về địa danh).

**2. Phư­ơng thức biểu đạt chính:** Tự sự.

**3. Bố cục văn bản**: *Văn bản chia làm 02 phần:*

- P1: Từ đầu đến *đất nước*: Long Quân cho nghĩa quân mượn gươm thần.

- P2: Còn lại: Long Quân đòi lại gươm thần

**4. Các sự việc chính:**

- Giặc Minh đô hộ, nghĩa quân Lam Sơn nổi dậy nhưng thất bại, Long Quân quyết định cho mượn gươm thần.

- Lê Thận được lưỡi gươm dưới nước.

- Lê Lợi được chuôi gươm trên rừng, tra vào nhau vừa như in.

- Từ đó nghĩa quân nhanh chóng quét sạch giặc ngoại xâm.

- Đất nước thanh bình, Lờ Lợi lên làm vua, Long Quân cho đòi lại gươm thần.

- Vua trả gươm, từ đó hồ Tả Vọng mang tên Hồ Gươm hay hồ Hoàn Kiếm.

**🡺Tóm tắt truyện:**

Giặc Minh đô hộ nước ta, chúng làm nhiều điều bạo ngược. Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa tại Lam Sơn nhưng ban đầu thế yếu, lực mỏng nên thường bị thua. Đức Long Quân quyết định cho nghĩa quân mượn thanh gươm thần để giết giặc. Một người đánh cá tên là Lê Thận ba lần kéo lưới đều gặp một thanh sắt, nhìn kĩ hoá ra một lưỡi gươm. Sau đó ít lâu, Lê Lợi bị giặc đuổi, chạy vào rừng bắt được chuôi gươm nạm ngọc trên cây đa, đem tra vào lưỡi gươm ở nhà Lê Thận thì vừa như in, mới biết đó là gươm thần. Từ khi có gươm thần, nghĩa quân đánh đâu thắng đấy, cuối cùng đánh tan quân xâm lược. Một năm sau khi thắng giặc, Lê Lợi đi thuyền chơi hồ Tả Vọng; Long Quân sai Rùa Vàng lên đòi lại gươm thần. Từ đó, hồ Tả Vọng được đổi tên thành hồ Hoàn Kiếm.  
**4. Các yếu tố lịch sử và các chi tiết tưởng tượng, kì ảo trong truyện**

**\*Yếu tố lịch sử:**

Người anh hùng Lê Lợi - thủ lĩnh của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

- Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (1418 - 1427): kéo dài trong mười năm bắt đầu từ lúc Lê Lợi dấy binh ở Lam Sơn (Thanh Hóa) và kết thúc bằng sự kiện nghĩa quân Lam Sơn đại thắng quân Minh, nhà Lê dời đô về Thăng Long.

**\*Những chi tiết tưởng tượng, kì ảo:**

- Ba lần thả lưới đều vớt được duy nhất một lưỡi gươm có khắc chữ "thuận thiên".

- Lưỡi gươm sáng rực một góc nhà.

- Chuôi gươm nằm ở trên ngọn cây đa.

- Lưỡi gươm tự nhiên động đậy.

- Rùa Vàng lên đòi gươm.

=> Ý nghĩa: Thể hiện sự đồng tình và phù hộ của thần linh của tổ tiên đối với cuộc chiến tranh chính nghĩa của dân tộc, đồng thời làm tăng thêm sự kì ảo và hấp dẫn của câu chuyện.

**5. Đặc sắc về nội dung và nghệ thuật:**

**\*Nghệ thuật:**

- Xây dựng chi tiết các chi tiết tưởng tượng, kì ảo, tăng sức hấp dẫn cho truyện: *chi tiết Long Quân cho mượn gươm thần, Rùa Vàng đòi gươm,…,*

- Cách kể chuyện hấp dẫn sinh động.

**\*Nội dung:**

- Ca ngợi tính chất toàn dân, chính nghĩa của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Đề cao, suy tôn Lê Lợi và nhà Lê.

- Giải thích nguồn gốc tên gọi Hồ Hoàn Kiếm.

**II. ĐỊNH HƯỚNG PHÂN TÍCH VĂN BẢN**

**1. Dàn ý:**

|  |
| --- |
| **1.1. Nêu vấn đề:**  - Giới thiệu về thể loại truyền thuyết (khái niệm truyền thuyết, khái quát đặc trưng thể loại truyền thuyết…)  - Giới thiệu về truyền thuyết “Sự tích Hồ Gươm” , khái quát giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật… |
| **1.2. Giải quyết vấn đề:**  **1.2.1. Lạc Long Quân cho Lê Lợi và nghĩa quân mượn gươm thần để đánh giặc**  - Hoàn cảnh:     + Giặc Minh đô hộ nước ta, làm nhiều điều bạo ngược, coi dân ta như cỏ rác     + Nghĩa quân Lam Sơn thế lực còn yếu nên nhiều lần bị thua  → Đức Long Quân quyết định cho nghĩa quân mượn gươm thần  - Đức Long Quân cho nghĩa quân mượn gươm:     + Lê Lợi: chủ tướng, nhặt được chuôi gươm ở trên ngọn cây đa trong một khu rừng     + Lê Thận: người dân đánh cá, nhặt được lưỡi gươm  → Trên lưỡi gươm có hai chữ “Thuận Thiên” nghĩa là theo ý Trời, qua đó khẳng đinh tính chất chính nghĩa của nghĩa quân Lam Sơn. Đồng thời, việc Lê Lợi nhặt được chuôi gươm và Lê Thận nhặt được lưỡi gươm cho chúng ta thấy đây là cuộc khởi nghĩa mang tính chất toàn dân  - Kết quả:     + Nhuệ khí của nghĩa quân ngày một tăng     + Họ xông xáo đi tìm giặc chứ không phải trốn tránh như trước     + Gươm thần mở đường cho họ đánh tràn ra mãi, đến lúc không còn bóng giặc nào trên đất nước nữa  **1.2.2. Lê Lợi trả gươm**  - Thời gian: một năm sau khi đuổi giặc Minh  - Địa điểm: hồ Tả Vọng  - Nhân vật đòi gươm: Rùa Vàng – sứ giả của Đức Long Quân  - Hoàn cảnh đất nước:     + Đất nước ta đã đánh tan giặc Minh xâm lược     + Chủ tướng Lê Lợi lên ngôi vua  → Ca ngợi tính chất toàn dân, chính nghĩa của cuộc khởi nghĩa. Đồng thời, lí giải tên gọi hồ Hoàn Kiếm hay Hồ Gươm hiện nay. |
| * 1. **Đánh giá khái quát**   **\*Đánh giá nội dung và nghệ thuật của tác phẩm:**  **- Nghệ thuật**  + Xây dựng chi tiết các chi tiết hoang đường, kì ảo, tăng sức hấp dẫn cho truyện: *chi tiết Long Quân cho mượn gươm thần, Rùa Vàng đòi gươm,…,*  + Cách kể chuyện hấp dẫn sinh động.  -**Nội dung:**  Truyền thuyết “”Sự tích Hồ Gươm” ca ngợi tính chất chính nghĩa, tính chất nhân dân và chiến thắng vẻ vang của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn chống giặc Minh xâm lược do Lê Lợi lãnh đạo ở đầu thế kỉ XV và giải thích tên gọi hồ Hoàn Kiếm, đồng thời thể hiện khát vọng hòa bình dân tộc  \***Bày tỏ suy nghĩ, tình cảm của bản thân.** |

1. **Định hướng phân tích**

Hồ Gươm là một danh lam thắng cảnh nổi tiếng của Thủ đô Hà Nội. Tên hồ gắn liền với truyền thuyết Rùa Vàng đòi lại gươm thần mà Long Quân đã cho Lê Lợi mượn để đánh tan quân xâm lược nhà Minh, đem lại thái bình cho đất nước. Truyền thuyết “Sự tích Hồ Gươm” là một trong những tác phẩm tiêu biểu có cốt lõi lịch sử ca ngợi cuộc kháng chiến chính nghĩa chống giặc Minh do Lê Lợi lãnh đạo đồng thời lí giải tên gọi hồ Gươm.  
  
 Truyền thuyết “Sự tích Hồ Gươm” có hai câu chuyện vừa lồng ghép vừa tách bạch với nhau: câu chuyện mượn gươm và câu chuyện trả gươm. Chúng có nội dung riêng nhưng đồng thời bổ sung ý nghĩa cho nhau để khẳng định ý nguyện đoàn kết, khát vọng hòa bình của dân tộc ta.

**Ở câu chuyện mượn gươm, tác giả dân gian đã miêu tả hoàn cảnh mượn gươm vô cùng đặc biệt.** Vào thủa ấy, giặc Minh lấy cớ phù Trần diệt Hồ mà thực chất là sang xâm chiếm, đô hộ nước ta. Cuộc sống của nhân dân vô cùng khổ cực, bị quân Minh chèn ép, bức hại. Trước tình cảnh lầm than của nhân dân, một người tủ trưởng tên là Lê Lợi đã dấy binh khởi nghĩa. Nhưng buổi ban đầu nghĩa quân còn yếu, nhiều lần bị đánh lui. Thấy vậy, đức Long Quân bèn cho Lê Lợi mượn gươm thần. Nhưng cách Long Quân cho mượn gươm cũng hết sức đặc biệt, ngài không đưa tận tay cho Lê Lợi mà phải trải qua một quá trình gian nan.  Long Quân cho gươm mắc vào lưới đánh cá của Lê Thận (một người dưới trướng của Lê Lợi) ba lần, Lê Thận lần nào cũng gỡ lấy gươm rồi vứt trở lại sông, qua khúc sông khác thả lưới lại vẫn vớt được lưỡi gươm ấy. Thấy sự lạ, Lê Thận bèn mang gươm trở về. Còn chuôi gươm lại là do vị chủ tướng Lê Lợi lấy được trên ngọn cây đa. Cách cho mượn gươm của Long Vương cho thấy rằng đây là thanh gươm thần, bởi vậy không thể trao theo một cách thức dễ dàng mà phải vượt qua thử thách mới có được nó. Không chỉ vậy, hình ảnh lưỡi gươm và chuôi gươm được tìm thấy ở hai địa điểm khác nhau (dưới nước, trên rừng) cũng cho thấy muốn đánh lại kẻ thù thì toàn dân ta phải đoàn kết, hợp nhất, chỉ có như vậy mới tạo nên sức mạnh to lớn đánh đuổi kẻ thù. Gươm có chữ “Thuận thiên”, điều đó cho thấy cuộc khởi nghĩa chính nghĩa; hợp ý trời, lòng dân; được thần linh ủng hộ, cũng như lời của Lê Thận khẳng định: “*Đây là thần linh có ý phó thác cho mình làm việc lớn. Chúng tôi nguyện đem xương thịt của mình theo minh công và thanh gươm này để báo đền xã tắc*”. Và quả nhiên, từ khi có được gươm thần, sức mạnh của nghĩa quân ngày càng lớn mạnh, chẳng mấy chốc đã đánh lui được quân địch, khiến chúng phải rút lui về nước. Sức mạnh của thanh kiếm cũng là minh chứng cho ta thấy sức mạnh của tinh thần đoàn kết. Dưới sự lãnh đạo anh minh, sáng suốt của Lê Lợi, sự đồng lòng nhất chí của toàn dân thử thách nào cũng có thể vượt qua, kẻ thù nào cũng có thể đánh thắng.

**Vậy còn câu chuyện Lê Lợi trả lại gươm thần diễn ra như thế nào?** Trước tiên là hoàn cảnh trả gươm. Khi quân Minh thảm bại phải trở về nước, cuộc khởi nghĩa Lam Sơn của chủ tướng Lê Lợi đã hoànn thành sứ mệnh cứu nước, nhân dân ta được hưởng cuộc sống ấm no, yên bình. Một năm sau, Long Quân sai Rùa Vàng lên đòi lại gươm thần. Long Quân không đòi lại gươm ngay lúc quân ta giành chiến thắng mà phải một năm sau, bởi lúc này nước nhà mới ổn định, kinh tế quân sự đã được phục hồi và ngày càng vững mạnh. Chi tiết trả gươm đã thể hiện ước vọng hòa bình của dân tộc ta, đồng thời đây cũng là lời nhắc nhở, cảnh báo đối với những kẻ thù còn đang lăm le xâm lược nước ta. Hình ảnh Rùa Vàng hiện lên giữa hồ đớp lấy thanh kiếm rồi lặn xuống hồ sâu, mặt hồ vẫn le lói những ánh sáng. Đây là một chi tiết kì ảo mang tính thiêng liêng, huyền bí. Đồng thời chi tiết này cũng để giải thích tên gọi hồ Hoàn Kiếm (hồ trả gươm). Hồ Hoàn Kiếm gắn liền với chi tiết mang tính huyền bí đã góp phần thiêng liêng hóa một địa danh lịch sử.

Với sự kết hợp hài hòa các yếu tố li kì, huyền bí với các yếu tố lịch sử, truyền thuyết *Sự tích Hồ Gươm* đã giải thích nguồn gốc ra đời của tên gọi Hồ Gươm. Truyền thuyết cũng ca ngợi, tôn vinh tính chất chính nghĩa, tính chất nhân của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Tên hồ Hoàn Kiếm đồng thời cũng dùng để đánh dấu chiến thắng của dân tộc, thể hiện ước mơ, khát vọng hòa bình của nhân dân.

Đọc truyền thuyết *Sự tích Hồ Gươm*, ta không chỉ được sống lại những năm tháng gian lao và anh dũng của ông cha ta thuở "bình Ngô” mà còn được bồi đắp, nâng cao thêm niềm tự hào dân tộc, được chiêm ngưỡng những di tích lịch sử, văn hóa trên cố đô Thăng Long. Truyền thuyết “Sự tích Hồ Gươm” sẽ sống mãi trong tâm thức người Việt với bao niềm tự hào, tự tôn dân tộc giống như lời thơ:

*“Hoàn Kiếm danh lừng rạng cõi mây  
Vua Lê gươm trả chính nơi này  
Giặc Minh bạo phát ngày xâm lược  
Nam quốc thanh bình buổi thoát vây  
Đuổi hết gian tà sông núi vững  
Gom về phước hạnh nước nhà xây  
Ngàn năm con cháu hoài ơn nghĩa  
Bình định sơn hà mãi nhớ đây”*

*(Khuyết danh)*

**III. LUYỆN ĐỀ**

**\*Bài tập trắc nghiệm**

**Câu 1** Giặc xâm lược được nhắc đến trong truyền thuyết Sự tích Hồ Gươm là:

A. Giặc Ân.

B. Giặc Tống.

C. Giặc Thanh.

###### D. Giặc Minh

**Đáp án D**

**Câu 2.** Trong truyền thuyết Sự tích Hồ Gươm có đề cập đến cuộc khởi nghĩa nào trong lịch sử dân tộc?

A. Khởi nghĩa Hai Bà Trưng.

B. Khởi nghĩa Lí Bí.

###### C. Khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo**.**

D. Khởi nghĩa Tây Sơn do ba anh em Nguyễn Nhạc lãnh đạo.

**Đáp án C**

**Câu 3:** Địa bàn đầu tiên nơi nghĩa quân dấy nghĩa được nhắc đến trong truyền thuyết Sự tích Hồ Gươm là thuộc tỉnh nào?

###### A. Thanh Hóa

B. Hà Tĩnh.

C. Nghệ An.

D. Hà Nội.

**Đáp án A**

**Câu 4.** Tại sao chúng ta khẳng định Sự tích Hồ Gươm là truyền thuyết?

A. Ghi chép hiện thực lịch sử cuộc kháng chiến chống quân Minh

B. Kể về hoạt động của Lê Lợi và nghĩa quân trong quá trình khởi nghĩa

C. Câu chuyện lịch sử về Lê Lợi và cuộc khởi nghĩa chống quân Minh được kể bằng trí tưởng tượng, bằng sự sáng tạo lại hiện thực lịch sử

D. Câu chuyện được sáng tạo nhờ trí tưởng tượng của tác giả.

**Đáp án C**

**Câu 5.**  Ai là người cho nghĩa quân Lam Sơn mượn gươm thần?

A. Long Vương

B. Long Quân

C. Âu Cơ

D. Là một nhân vật khác

**Đáp án B**

**Câu 6: .**  Chi tiết Lê Lợi được trao gươm báu trong truyện Sự tích Hồ Gươm thể hiện:

A. Lê Lợi là người "nhà Trời" được cử xuống giúp dân ta đánh giặc.

B. Tính chất chính nghĩa, hợp lòng dân, ý trời của cuộc khởi nghĩa

C. Niềm tin vững chắc của nhân dân ta đối với sự thắng lợi của cuộc khởi nghĩa.

###### D. Do lực lượng nghĩa quân non yếu nên cần giúp đỡ.

###### **Đáp án B**

Câu 7: Hành động trả gươm của Lê Lợi trong Sự tích Hồ Gươm thể hiện điều gì?

A. Khát vọng hòa bình, yên ổn của dân tộc ta.

B. Lòng biết ơn vô hạn đối với những vi thần đã phù trợ cho cuộc kháng chiến.

C. Sự tin tưởng vào một nền hòa bình vĩnh viễn cho đất nước.

###### D. Truyền thống tôn trọng lẽ phải, sự công bằng "có mượn, có trả" của dân tộc ta.

**Đáp án D**

**\*Bài tập đọc hiểu:**

GV hướng dẫn HS thực hành các đề đọc hiểu về văn bản “Sự tích Hồ Gươm” :

**Đề bài 01: Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**

*“Vào thời ấy, giặc Minh đặt ách đô hộ ở nước Nam. Chúng coi dân ta như cỏ rác, thi hành nhiều điều bạo ngược làm cho thiên hạ căm giận đến tận xương tủy. Bấy giờ, ở vùng Lam Sơn, nghĩa quân đã nổi dậy chống lại chúng, nhưng buổi đầu thế lực còn non yếu nên nhiều lần bị giặc đánh cho tan tác. Thấy vậy, đức Long quân quyết định cho họ mượn thanh gươm thần để họ giết giặc”.*

(SGK Ngữ văn 6 Cánh diều, tập 1 – trang 25)

**Câu 1**. Xác định ngôi kể của đoạn trích.

**Câu 2**. Nêu nội dung chính của đoạn trích.

**Câu 3.** Theo em, tại sao đức Long quân lại quyết định cho nghĩa quân Lam Sơn mượn gươm thần?

**Câu 4.** Em hãy nhớ và ghi ra cách thức đức Long Quân cho nghĩa quân Lam Sơn mượn gươm thần. Thử nêu suy nghĩ về ý nghĩa của cách thức mượn gươm đó.

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Ngôi kể thứ 3.

**Câu 2:** Nội dung chính: Hoàn cảnh đức Long quân cho nghĩa quân Lam Sơn mượn gươm thần.

**Câu 3:** Đức Long Quân cho mượn gươm thần vì:

- Giặc Minh đô hộ nước ta, chúng làm điều bạo ngược, nhân dân ta căm thù chúng đến tận xương tủy.

- Khởi nghĩa Lam Sơn là đội quân chính nghĩa chống lại kẻ thù bạo tàn nhưng thế lực còn yếu nên nhiều lần bị thua.

- Đức Long Quân muốn cho nghĩa quân chiến thắng quân giặc, mang lại cuộc sống hòa bình, yên ấm cho nhân dân.

🡺Việc Long Quân cho mượn gươm thần chứng tỏ cuộc khởi nghĩa được tổ tiên, thần thiêng ủng hộ

**Câu 4:** Đức Long Quân cho chủ tướng Lê Lợi nhận được gươm báu với cách thức đặc biệt:

- Đức Long Quân không trực tiếp đưa cho Lê Lợi mà thông qua nhân vật Lê Thận. Việc Lê Thận 3 lần đều kéo lưới được 1 lưỡi gươm (dưới nước) còn Lê Lợi chạy giặc bắt được chuôi gươm (trên rừng) chứng tỏ sự hòa hợp giữa nhân dân và người đứng đầu (Lê Lợi); kết hợp sức mạnh miền ngược với miền xuôi.

- Các bộ phận của gươm báu khớp vào với nhau, lưỡi gươm phát sáng và có hai chữ "Thuận Thiên", tượng trưng cho sức mạnh trên dưới đồng lòng của nhân dân ta. Sức mạnh đó đà làm nên chiến thắng chống lại kẻ thù xâm lược. Cách trao gươm như vậy vừa có ý nghĩa kì lạ, vừa linh thiêng và sâu sắc.

**Đề bài 02: Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**

*“Sau khi đuổi sạch quân Minh ra khỏi bờ cõi, lên làm vua được khoảng một năm, một hôm Lê Lợi cưỡi thuyền rồng quanh hồ Tả Vọng trước kinh thành. Nhân dịp đó, Long Quân sai Rùa Vàng lên đòi lại thanh gươm thần. Khi chiếc thuyền tiến ra giữa hồ, thì tự nhiên có một con rùa to lớn nhô đầu và mai lên khỏi mặt nước. Theo lệnh vua, thuyền đi chậm lại. Vua đứng trên và nhận thấy lưỡi gươm đeo bên mình cũng đang động đậy. Rùa Vàng không sợ người, nhô đầu cao lên nữa và tiến sát về phía thuyền vua. Nó đứng nổi lên trên mặt nước và nói:*

* *Bệ hạ hoàn gươm lại cho Long quân!*

*Nghe nói thế, nhà vua bỗng hiểu ra, bèn thò tay rút gươm ra khỏi bao, cung kính cảm tạ thần linh. Chỉ một lát, thanh gươm thần rời khỏi tay vua bay đến phía Rùa Vàng. Nhanh như cắt, Rùa há miệng đớp lấy thanh gươm và lặn xuống nước. Cho đến khi cả gươm và Rùa đã chìm sâu xuống nước, người ta vẫn còn thấy vệt sáng le lói dưới mặt hồ xanh.*

*Khi thuyền của bá quan tiến kịp thuyền rồng, vua liền báo ngay cho họ biết:*

* *Đức Long Quân cho chúng ta mượn thanh gươm thần để trừ giặc Minh. Nay đất nước đã thanh bình, Người sai Rùa lấy lại.*

*Từ đó, hồ bắt đầu được mang tên là Hồ Gươm hay hồ Hoàn Kiếm.”*

(SGK Ngữ văn 6 Cánh diều, tập 1 – trang 27)

**Câu 1.** *Truyện “Sự tích Hồ Gươm” thuộc thể loại nào?*

A. Truyền thuyết về người anh hùng.

B. Truyền thuyết về thời kì dựng nước.

C. Truyền thuyết về địa danh.

**Câu 2.** Long Quân sai Rùa Vàng lên đòi lại thanh gươm thần trong hoàn cảnh nào?

**Câu 3.** Nêu ý nghĩa của hình ảnh*vệt sáng le lói dưới mặt hồ xanh* sau khi cả gươm và Rùa đã chìm sâu xuống nước.

**Câu 4.** Có một du khách nước ngoài đến Việt Nam và muốn tìm hiểu về Hồ Gươm. Nếu em là hướng dẫn viên cho du khách đó thì em sẽ giới thiệu những điều gì về địa danh này?

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Đáp án C. Truyền thuyết về địa danh.

**Câu 2**: *Sau khi đuổi sạch quân Minh ra khỏi bờ cõi, lên làm vua được khoảng một năm. Một hôm* nhà vua ngự thuyền rồng dạo chơi trên hồ, Long Quân sai Rùa Vàng lên đòi lại gươm.

**Câu 3:** Ý nghĩa hình ảnh vệt sáng le lói phản lại trên mặt hồ:

+ Gợi ra cảnh đẹp, kì ảo và thiêng liêng, tăng thêm chất thơ cho tác phẩm truyện.

+ Đó là ánh hào quang, niềm tự hào về chiến công oanh liệt trong sự nghiệp đánh giặc cứu nước.

**Câu 4:** HS bày tỏ suy nghĩ của mình.

Có thể nêu: Em sẽ giới thiếu lịch sử tên gọi, đặc điểm quang cảnh của hồ,…

* Hồ Gươm không chỉ là danh lam thắng cảnh đẹp của Hà Nội, nó còn là di tích lịch sử của Việt Nam.
* Trước hết, Hồ Gươm được gắn với truyền thuyết Lê Lợi và khởi nghĩa Lam Sơn được sự giúp đỡ của Đức Long Quân đã giúp nước ta thoát khỏi ách đô hộ của giặc Minh xâm lược. Sự tích trả gươm rùa thần của Lê Lợi đã làm nên cái tên "Hồ Gươm" hay Hồ Hoàn Kiếm.
* Ngày nay, Hồ Gươm cũng với Tháp Rùa, đền Ngọc Sơn, cầu Thê Húc trở thành biểu tượng của thủ đô Hà Nội, là thắng cảnh thu hút khách du lịch trong và ngoài nước.
* …

**Đề đọc hiểu ngoài SGK:**

**Đề số 03: Đọc đoạn văn bản sau và trả lời các câu hỏi**

Ngày đó, vua Hùng trị vì [3]đất nước. Thấy mình đã gìa, sức khỏe ngày một suy yếu, vua có ý định chọn người nối ngôi [4]. Vua có cả thảy hai mươi hai người con trai, người nào cũng đã khôn lớn và tài trí hơn người. Vua bèn quyết định mở một cuộc thi để kén chọn.

Vua Hùng cho hội họp tất cả các hoàng tử [5] lại. Vua truyền bảo:

– Cha biết mình gần đất xa trời [6]. Cha muốn truyền ngôi cho một trong số anh em các con. Bây giờ mỗi con hãy làm một món ăn lạ để cúng tổ tiên [7]. Ai có món ăn quý vừa ý ta thì sẽ được ta chọn.

Nghe vua cha phán truyền thế, các hoàng tử thi nhau cho người đi khắp mọi nơi lùng kiếm thức ăn quý. Họ lặn lội lên ngàn [8], xuống biển không sót chỗ nào.

Trong số hai mươi hai hoàng tử, có chàng Liêu là hoàng tử thứ mười tám. Mồ côi mẹ từ nhỏ, chàng Liêu từng sống nhiều ngày cô đơn. Chẳng có ai giúp đỡ chàng trong việc lo toan tìm kiếm món ăn lạ. Chỉ còn ba ngày nữa là đến kỳ thi mà Liêu vẫn chưa có gì. Đêm hôm đó, Liêu nằm gác tay lên trán lo lắng, suy nghĩ rồi ngủ quên lúc nào không biết. Liêu mơ mơ màng màng thấy có một vị nữ thần [9] từ trên trời bay xuống giúp chàng. Nữ thần bảo:

– To lớn trong thiên hạ [10] không gì bằng trời đất, của báo nhất trần gian [11] không gì bằng gạo. Hãy đem vo [12] cho tôi chỗ nếp này, rồi kiếm cho tôi một ít đậu xanh.

Rồi Liêu thấy thần lần lượt bày ra những tàu lá rộng và xanh. Thần vừa gói vừa giảng giải:

– Bánh này giống hình mặt đất. Đất có cây cỏ, đồng ruộng thì màu phải xanh xanh, hình phải vuông vắn. Trong bánh phải cho thịt, cho đỗ để lấy ý nghĩa đất chở cầm thú [13], cỏ cây… Rồi đem thứ nếp trắng đồ [14] lên cho dẻo, giã ra làm thứ bánh giống hình trời: màu phải trắng, hình phải tròn và khum khum như vòm trời…

Tỉnh dậy, Liêu bắt đầu làm bánh y như trong giấc mộng.

(Trích *Bánh chưng bánh giầy)* **Câu 1**. Nêu thể loại và nhân vật chính của văn bản.

**Câu 2.** Theo đoạn trích, Lang Liêu là người như thế nào?

## **Câu 3**. Tại sao trong các hoàng tử, chỉ có Lang Liêu được thần giúp đỡ? Chi tiết Lang Liêu được thần báo mộng đã thể hiện quan niệm và ước mơ gì của nhân dân ta trong cuộc sống?

**Câu 4.a.** Hiện nay, để chào đón Tết Nguyên đán, nhiều trường học tổ chức cho học sinh thi gói bánh chưng. Em có suy nghĩ gì về hoạt động này.

**Câu 4.b.**  Hiện nay, đặc biệt ở các thành phố, nhiều gia đình Việt không còn duy trì tục gói bánh chưng ngày Tết. Em có suy nghĩ gì về thực trạng này?

**(GV chọn một trong hai câu)**

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:**

Đoạn văn nằm trong tác phẩm truyền thuyết *Bánh chưng, bánh giầy.* Nhân vật chính là Lang Liêu.

**Câu 2:**

Theo đoạn trích, Lang Liêu là chàng trai hiền hậu, chăm chỉ, rất mực hiếu thảo.

**Câu 3:**

Lí do chỉ có Lang Liêu được thần giúp đỡ là:

* Chàng sớm mồ côi mẹ, so với anh em, chàng là người thiệt thòi nhất.
* Tuy là con vua nhưng chàng rất mực chăm chỉ, lại hiền hậu, hiếu thảo.
* Đồng thời, chàng là người có trí sáng tạo, hiểu được ý thần: “*Trong trời đất, không gì quý bằng hạt gạo*” và lấy gạo làm bánh để lễ Tiên vương. (Thần chỉ mách nước cho Lang Liêu nguyên liệu chứ không làm lễ vật giúp Lang Liêu. Tự Lang Liêu phải sáng tạo ra 2 thứ bánh đẻ dâng lên Tiên Vương).

=>Truyện đã thể hiện ý nguyện của nhân dân lao động: những người hiền lành, chăm chỉ sẽ luôn nhận được sự giúp đỡ khi khó khăn, hoạn nạn.

# **Câu 4.a.**

# Theo em, hoạt động thi gói bánh chưng ở các trường học là một hoạt động bổ ích, hay và sáng tạo, cần được tổ chức rộng rãi hơn nữa. Hoạt động này có nhiều ý nghĩa:

# Là cuộc thi bổ ích hướng HS nhớ về những phong tục tập quán của ngày Tết cũng như lưu giữ nét đẹp cổ truyền của dân tộc ta.

* Tạo ra một sân chơi lành mạnh, giúp các bạn HS thể hiện sự tài năng, khéo léo của mình .
* Đây còn là cơ hội quý giá để trải nghiệm một trong những hoạt động nổi bật của dịp Tết cổ truyền, giúp xây dựng mối quan hệ đoàn kết, gắn bó giữa học sinh trong trường với nhau; đồng thời nâng cao ý thức trách nhiệm, kĩ năng trong các hoạt động tập thể.

**Câu 4.b.**

* Ở nhiều thành phố, do tính chất công việc quá bận rộn, nhiều người bỏ qua không gói bánh trưng nữa mà thay vào đó họ chọn hình thức nhanh gọn hơn đó là mua trực tiếp từ những người bán hàng để về thờ cúng.
* Tuy nhiên, tục gói bánh trong mỗi gia đình nên được giữ gìn và phát huy, bởi thông qua hoạt động này sẽ tăng thêm tình cảm gia đình khi mọi người quây quần bên nhau cùng trải qua các công đoạn để có những chiếc bánh ngon đẹp. Hơn nữa, thông qua hoạt động này, thế hệ trước còn giáo dục thế hệ sau về truyền thống “Uống nước nhớ nguồn”, hướng đến tổ tiên mỗi dịp Tết đến xuân về.

**Đề số 04: Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:**

*“...Về phần Vua Hùng, từ ngày đầy cả gia đình An Tiêm ra đảo hoang, vua luôn nghĩ rằng An Tiêm đã chết rồi, đôi khi nghĩ tới vua cũng bùi ngùi thương xót. Cho đến một ngày, được thị thần dâng lên quả dưa lạ, vua ăn thấy rất ngon miệng bèn hỏi xem ai đã trồng ra giống dưa này. Biết được An Tiêm trồng, vua rất vui mừng cho quan lính đem thuyền ra đón cả gia đình An Tiêm trở về nhà. An Tiêm rất mừng rỡ, thu lượm hết những quả dưa chín đem về tặng cho bà con lối xóm. Còn một số quả An Tiêm giữ lại lấy hạt để gieo trồng. Đó chính là nguồn gốc giống dưa hấu mà chúng ta vẫn ăn ngày nay.*

*Về sau khắp nước ta đều có giống dưa hấu. Nhưng người ta nói chỉ có huyện Nga Sơn là trồng được những quả ngon hơn cả, vì nơi ấy xa là hòn đảo An Tiêm ở, trải qua mấy nghìn năm nước cạn, cát bồi nay đã liền vào với đất.”*

*(Trích truyền thuyết Mai An Tiêm)*

**Câu 1**: Xác định phương thức biểu đạt của văn bản trên?

**Câu 2**: Truyền thuyết giải thích nguồn gốc quả dưa hấu gắn với nhân vật và địa danh nào?

**Câu 3**: Việc vua Hùng “*rất vui mừng cho quan lính đem thuyền ra đón cả gia đình An Tiêm trở về nhà”* sau khi đã đầy họ ra đảo nói lên điều gì*?*

**Câu 4**: Hãy thử *tưởng tượng, nếu rơi vào hoàn cảnh khó khăn, bế tắc, em sẽ làm gì?*

**Gợi ý trả lời:**

**Câu 1**: Xác định phương thức biểu đạt của đoạn văn bản trên: Tự sự

**Câu 2**: Truyền thuyết giải thích nguồn gốc quả dưa hấu gắn với người anh hùng Mai An Tiêm và địa danh huyện Nga Sơn (Thanh Hóa).

**Câu 3**: Việc vua Hùng “*rất vui mừng cho quan lính đem thuyền ra đón cả gia đình An Tiêm trở về nhà” sau khi đã đầy họ ra đảo vì:*

+ Khi vua *được thị thần dâng lên quả dưa lạ, vua ăn thấy rất ngon miệng bèn hỏi xem ai đã trồng ra giống dưa này. Biết được An Tiêm trồng.*

+ Nhà vua nhận ra sai lầm của mình, đồng thời vua trân trọng, khâm phục giá trị của tinh thần tự lực, tự cường, biết vượt lên hoàn cảnh, chăm chỉ lao động của Mai An Tiêm.

**Câu 4**: HS biết đặt mình vào hoàn cảnh khó khăn, bế tắc và chia sẻ hướng giải quyết.

HS đưa ra cách giải quyết khó khăn nếu thuyết phục là cho điểm. GV cần linh hoạt để đánh giá kĩ năng giải quyết vấn đề của HS:

Gợi ý: Nếu chẳng may rơi vào hoàn cảnh khó khăn, em cần bình tĩnh, không được hoang mang sợ hãi. Tìm cách giải quyết khó khăn như tìm người giúp, chủ động, tập suy nghĩ theo hướng tích cực, tập thích nghi với khó khăn, tuyệt đối không được bi quan...

**ÔN TẬP TIẾNG VIỆT: Ôn tập từ đơn và từ phức**

**lÀM**

✪ **NHẮC LẠI LÍ THUYẾT**

**1. Nhắc lại kiến thức về từ đơn, từ phức (từ ghép, từ láy)**

\***Từ đơn** là từ được cấu tạo bởi chỉ một tiếng.   
VD: sách, bút, tre, gỗ....   
\* **Từ phức** là từ được cấu tạo từ hai tiếng trở lên.   
VD: xe đạp, bàn gỗ, sách vở, quần áo, lấp lánh...   
\* **Phân biệt các loại từ phức**: Từ phức đựoc chia ra làm hai loại là Từ ghép và Từ láy.   
+ **Từ ghép**: là những từ có cấu tạo từ hai tiếng trở lên, giữa các tiếng có quan hệ với nhau về mặt nghĩa.   
Căn cứ vào quan hệ mặt nghĩa giữa các tiếng trong từ ghép, người ta chia làm hai loại: *từ ghép đẳng lập* *và từ ghép chính phụ*VD: sách vở, bàn ghế, quần áo ( từ ghép đẳng lập)   
Xe đạp, lốp xe, ( từ ghép chính phụ)   
+ **Từ láy:** là những từ được cấu tạo bởi hai tiếng trở lên, giữa các tiếng có quan hệ với nhau về mặt âm. Trong từ láy chỉ có một tiếng gốc có nghĩa, các tiếng khác láy lại tiếng gốc   
VD: Lung linh, xinh xinh, đo đỏ..   
Từ láy chia ra làm hai loại: *Láy bộ phận* ( láy âm và láy vần) và *láy toàn bộ*

✪ **THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

\*GV tổ chức trò chơi: Trò chơi “Tiếp sức đồng đội”

- GV chia lớp thành 2 dãy. Mỗi dãy là một đội.

- Các thành viên lần lượt lên bảng ghi các đáp án từ theo yêu cầu của GV; mỗi HS chỉ được viết 01 từ/01 lần lên bảng.

**+ Vòng 1(03 phút)**: ghi nhanh các từ ghép và từ láy có trong truyện “Thạch Sanh”

|  |  |
| --- | --- |
| Truyện cổ tích “Thạch Sanh” | |
| Từ ghép | Từ láy |
| … | … |

+ Vòng 2 (05 phút): ghi nhanh các từ láy tìm được vào các cột

|  |  |
| --- | --- |
| Từ láy tượng hình | Từ láy tượng thanh |
| … | … |

\*Các bài tập thực hành khác:

1. **Bài tập 1: Tìm từ đơn, từ phức trong đoạn văn sau:**

Chú bé vùng dậy, vươn vai một cái bỗng biến thành một tráng sĩ mình cao hơn trượng, oai phong lẫm liệt. Tráng sĩ bước lên vỗ vào mông ngựa. Ngựa hí dài mấy tiếng vang dội. Tráng sĩ mặc áo giáp, cẩm roi, nhảy lên mình ngựa.

(Thánh Gióng)

**Gợi ý**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Từ đơn** | **Từ phức** | |
| ***Từ ghép*** | ***Từ láy*** |
| vùng, dậy, một, cái, bỗng, biến, thành, một, mình, cao, hơn, trượng, bước, lên, vỗ, vào, ngựa, hí, dài, mấy, tiếng, mặc, cầm, roi, nhảy, lên, mình, ngựa | Chú bé, tráng sĩ, oai phong, vang dội, áo giáp | lẫm liệt |

**2.** **Bài tập 2:** Xếp các từ:*châm chọc, chậm chạp, mê mẩn, mong ngóng, nhỏ nhẹ, mong mỏi, phương hướng, vương vấn, tươi tắn* vào 2 cột: từ ghép và từ láy.

**Gợi ý trả lời**

|  |  |
| --- | --- |
| **Từ láy** | **Từ ghép** |
| *chậm chạp, mê mẩn, nhỏ nhẹ, mong mỏi, tươi tắn, vương vấn* | *châm chọc, mong ngóng, phương hướng* |

**3.Bài tập 3: Tạo ra từ ghép từ các tiếng dưới đây:**

*a. ngựa b. sắt c. thi d. áo*

**Gợi ý**

a. con ngựa, ngựa đực

b. ngựa sắt, sắt thép

c. kì thi, thi đua

d. áo quần, áo giáp, áo dài

**4.Bài tập 4:**

1. Tìm các từ láy có trong đoạn thơ sau:

*Lặng yên bên bếp lửa*

*Vẻ mặt Bác trầm ngâm*

*Ngoài trời mưa lâm thâm*

*Mái lều tranh xơ xác*

*Anh đội viên nhìn Bác*

*Càng nhìn lại càng thương*

*Người Cha mái tóc bạc*

*Đốt lửa cho anh nằm*

*Rồi Bác đi dém chăn*

*Từng người từng người một*

*Sợ cháu mình giật thột*

*Bác nhón chân nhẹ nhàng*

*(*Trích *“Đêm nay Bác không ngủ” -* Minh Huệ)

1. Chỉ ra nghĩa và tác dụng của một từ láy đối với việc thể hiện nội dung mà tác giả muốn biểu đạt.

**Gợi ý trả lời:**

1. Các từ láy được sử dụng trong bài: *trầm ngâm, lâm thâm, xơ xác, nhẹ nhàng.*
2. Từ láy *“trầm ngâm” trong câu thơ “Vẻ mặt Bác trầm ngâm:*

* Nghĩa của từ “trầm ngâm”: chỉ dáng vẻ đang suy nghĩ, nghiền ngẫm điều gì
* Tác dụng: Từ láy có tác dụng tạo hình, gợi ra dáng vẻ đầy lo nghĩ của Bác trong đêm khuya, qua đó càng làm nổi bật tấm lòng bao dung, vĩ đại, hết lòng vì dân vì nước của Người.

1. **Bài tập 5:**
2. Cho các tiếng sau, em hãy tạo thành các từ láy: *nhỏ, nhức, chênh, tan, long, nhẹ, lắp*.
3. Đặt câu với các từ láy vừa tìm được.

**Gợi ý trả lời:**

1. Các từ láy được tạo thành: *Nhỏ nhắn, nhức nhối, chênh vênh, tan tành, long lanh, nhẹ nhàng, lắp bắp*
2. *HS tự đặt câu:*

Ví dụ:

* “Nhỏ nhắn”: Cô giáo em có mái tóc dài, dáng người nhỏ nhắn, nước da trắng hồng.

**ÔN TẬP KĨ NĂNG VIẾT:**

**Viết bài văn kể lại một truyền thuyết hoặc truyện cổ tích**

✪ **NHẮC LẠI LÍ THUYẾT**

**1. Kể lại một truyện truyền thuyết hoặc truyện cổ tích** thuộc loại văn kể chuyện – văn tự sự.

Kể lại một truyện truyền thuyết hoặc cổ tích là dùng lời văn của mình kể lại nội dung một truyện truyền thuyết hoặc có tích đã học (hoặc đã đọc, đã nghe)

**2. Yêu cầu đối với kiểu bài.**

- Người kể sử dụng ngôi thứ 3.

- Các sự việc được trình bày theo trình tự thời gian.

- Đảm bảo kể được đầy đủ các sự việc quan trọng trong truyện, đặc biệt là các yếu tố kì ảo, hoang đường.

**3. Các bước**

**\*Bước 1: Chuẩn bị**

- Đọc lại tác phẩm truyện cần kể lại.

- Xem xét các chi tiết, hình ảnh, từ ngữ biểu cảm có thể thêm vào (trong đó có cách kết thúc truyện).

**\*Bước 2:** **Tìm ý và lập dàn ý**

**- Tìm ý bằng cách đặt ra và trả lời các câu hỏi như**:

+ Truyền thuyết/truyện cổ tích kể về chuyện gì?

+ Truyện có những sự kiện và nhân vật chính nào?

+ Diễn biến của câu chuyện (mở đầu, phát triển, kết thúc) ra sao?

+ Có thể thêm, bớt những chỉ tiết, hình ảnh,... của truyện này như thế nào?

+ Truyện gợi cho em những suy nghĩ, cảm xúc gì?

**- Lập dàn ý bằng cách dựa vào các ý đã tìm được, sắp xếp lại theo ba phần lớn của bài văn, gồm:**

**+ Mở bài:** Giới thiệu truyện truyền thuyết/truyện cổ tích sẽ kể lại (tên truyện, lí do kể).

**+ Thân bài:** Giới thiệu nhân vật, hoàn cảnh xảy ra câu chuyện. Trình bày sự việc đã xảy ra trong câu chuyện theo trình tự thời gian.

**+ Kết bài:** Nêu cảm nghĩ về truyện vừa kể.

**\*Bước 3: Viết**

Dựa vào dàn ý, viết thành bài văn kể về truyền thuyết/truyện cổ tích.

**d. Kiểm tra và chỉnh sửa**

✪ **THỰC HÀNH VIẾT: KỂ LẠI TRUYỀN THUYẾT/TRUYỆN CỔ TÍCH**

**Đề 01**: *Kể lại truyền thuyết Thánh Gióng*.

**Đề 02**: *Kể lại truyện cổ tích Thạch Sanh*.

**GV hướng dẫn HS quy trình viết của mỗi đề:**

**Đề 01:** *Kể lại truyền thuyết Thánh Gióng*.

1. **Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết**

- Đọc lại truyền thuyết *Thánh Gióng*; ghi lại những sự kiện chính; tưởng tượng về nhân vật Thánh Gióng.

🡺Các sự việc chính:

+ Hoàn cảnh ra đời khác thường của Gióng.

+ Gióng xin đi đánh giặc và lớn nhanh như thối.

+ Gióng ra trận đánh thắng giặc và bay về trời.

+ Vua và dân làng ghi nhớ công ơn của Gióng; những dấu tích Gióng để lại..

- Suy nghĩ về những chi tiết, hình ảnh, từ ngữ biểu cảm có thể thêm vào (trong đó có cách kết thúc truyện).

**b. Bước 2:** **Tìm ý, lập dàn ý**

***\* Tìm ý:***

+ Truyền thuyết Thánh Gióng kể lại truyện về người anh hùng làng Gióng một mình đánh đuổi giặc Ân bảo vệ nước nhà

+ Diễn biến của cân chuyện (mở đâu, phát triển, kết thúc) dựa theo các sự kiện chính như đã nêu ở phần chuẩn bị

+ Có thể thêm bớt, thay đổi từ ngữ, cách đặt cây, thêm một vài chi tiết có yếu tố miêu tả, biểu cảm hoặc tưởng tượng thêm cái kết khác cho câu chuyện hấp dẫn hơn

+ Truyện cho em lòng biết ơn những người anh hùng đã xả thân bảo vệ hòa bình đất nước, tinh thần yêu nước quyết tâm xây dựng và bảo vệ non sông đất Việt

**\*Lập dàn ý:**  Lập dàn ý bằng cách dựa vào các ý đã tìm được, sắp xếp lại theo ba phần lớn của bài văn, gồm:

**1. Mở bài:** Giới thiệu việc em kê lại truyền thuyết Thánh Gióng.

**2. Thân bài:** Dựa vào các sự kiện chính trong truyện Thánh Gióng đã học, hãy kể bằng lời văn của em. Ví dụ, kẻ theo trình tự sau:

+ Hoàn cảnh ra đời khác thường của Gióng.

+ Gióng xin đi đánh giặc và lớn nhanh như thối.

+ Gióng ra trận đánh thắng giặc và bay về trời

+ Vua và dân làng ghi nhớ công ơn của Gióng; những dấu tích Gióng để lại.

**Kết bài:** Nêu cảm nghĩ của em về truyện hoặc nhân vật chính trong truyện Thánh Gióng.

**c.Bước 3: Viết bài : HS dựa vào dàn ý để viết.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Dàn ý chính** | **Lời văn của em** |
| Giới thiệu truyện và lí do kể lại truyện | Tuổi thơ em lớn lên êm đềm bên những câu chuyện dân gian mà ông nội vãn kể mỗi tối. Qua những câu chuyện ông kể, em như đắm chìm vào thế giới đầy mơ và mộng của cha ông, hiểu thêm về lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc. Một trong những câu chuyện em ấn tượng nhất đó là truyền thuyết *Thánh Gióng*. Thật đặc biệt khi câu chuyện này cũng được đưa vào chương trình Ngữ văn lớp 6. Câu chuyện đã kể về người anh hùng đánh giặc giữ nước. |
| Hoàn cảnh ra đời khác thường của Gióng | Câu chuyện ấy xảy ra từ đời Hùng Vương thứ sáu". Ở làng Gióng có hai ông bà già nổi tiếng là sống phúc đức. Hai ông bà rất mong có một đứa con. Thế rồi, một hôm, bà ra đồng trông thấy một vết chân rất to, bà ngạc nhiên kêu lớn: “Chao ôi! Bàn chân ai mà to thế này!”. Tò mò nên bà đưa chân vào ướm thử , không ngờ về nhà bà mang thai.  Điều kì lạ là mãi 12 tháng sau bà mới sinh được một cậu bé mặt mũi rất khôi ngô. Hai vợ chồng mừng rỡ vô cùng. Nhưng kì lạ hơn nữa là đứa trẻ đã lên ba tuổi mà vẫn không biết nói, biết cười, cũng chẳng biết đi, cứ đặt đâu thì nằm đấy. |
| Gióng xin đi đánh giặc và lớn nhanh như thổi | Bấy giờ giặc Ân thế mạnh như chẻ tre tràn vào xâm lược nước ta. Chúng đi đến đâu là đốt phá nhà cửa, giết người cướp của đến đấy. Quân đội Hùng Vương nhiều phen xuất trận, nhưng đánh không nổi lại chúng. Vua Hùng lấy làm lo lắng vội phái sứ giả đi khắp nơi trong nước tìm tướng tài để giúp vua cứu nước.Đứa bé nghe tiếng rao của sứ giả, bỗng cựa mình và cất tiếng nói: “Mẹ ra mời sứ giả vào đây”. Sứ giả vào, đứa bé bảo: “Ông về tâu với vua sắm cho ta một con ngựa sắt, một cái roi sắt và một tấm áo giáp sắt, ta sẽ phá tan lũ giặc này”. Ai nấy đứng nghe khôn xiết lạ lùng. Cho là thần nhân xuất hiện, sứ giả lập tức phi ngựa về tâu với nhà vua. Nghe nói, Hùng Vương mừng rỡ liền ra lệnh cho thợ rèn góp tất cả sắt lại rèn ngựa, gươm, áo giáp và nón như lời xin của chú bé.  Càng lạ hơn nữa, kể từ hôm gặp sứ giả, chú bé bỗng lớn nhanh như thổi. Cơm ăn không biết no, áo vừa mới mặc đã chật. Hai vợ chồng làm lụng cực nhọc , chạy ngược chậy xuôi mà không đủ nuôi con bèn cậy nhờ hàng xóm. Bà con *ai cũng mong cậu đi giết giặc cứu nước nên chẳng nề hà gì, cùng góp gạo nuôi cậu bé.*  Khi ăn đến mười nong cơm, ba nong cà, mỗi lần ăn xong một nong lại vươn vai và vụt lớn lên như thổi. Vải vóc do dân làng mang đến rất nhiều để may quần áo mà vẫn không đủ |
| Gióng ra trận đánh thắng giặc và bay về trời | Ngày ấy, giặc vừa đến sát chân núi Trâu thì sứ giả cũng kịp mang vũ khí tới. Gióng bèn vươn vai đứng dậy, lập tức trở thành một tráng sỹ, khoác áo giáp, cầm roi sắt, chào mẹ và dân làng rồi nhảy lên ngựa. Cả người cả ngựa lao vun vút ra trận. Trên chiến trường, Gióng tung hoành ngang dọc, tả đột hữu xung, giặc chết dưới tay như ngả rạ. Bỗng gậy sắt gãy, Gióng nhanh như chớp nhổ tre bên đường làm vũ khí mới. Giặc sợ hãi chạy trốn, dẫm đạp lên nhau mà chết  Dẹp giặc xong, cậu Gióng không quay về kinh để nhận công ban thưởng mà thúc ngựa đến núi Sóc, bỏ lại áo giáp sắt, một người một ngựa bay thẳng về trời. |
| Vua và dân làng ghi nhớ công ơn Thánh Gióng; những dấu tích Gióng để lại. | Sau khi thắng trận, để nhớ ơn người anh hùng, vua Hùng sai lập đền thờ Gióng ở làng quê, phong Gióng làm Phù Đổng Thiên Vương, phong mẹ Gióng là Thánh Mẫu Bảo Vương, cho làng có xóm Ban nơi Gióng sinh ra được đặt tên là làng Phù Đổng.    Nhiều đời sau người ta còn kể, những nơi ngựa phi qua để lại ao hồ. Rặng tre bị ngựa phun lửa cháy trở nên vàng óng còn có một làng bị ngựa phun lửa cháy được gọi là làng Cháy. |
| Nêu cảm nghĩ của em về truyện | Câu chuyện về người anh hùng Thánh Gióng đã khơi dậy trong em lòng yêu nước và ý thức trách nhiệm sâu sắc với đất nước. Em tự nhủ sẽ học tập, rèn luyện tốt để mai sau có thể tô điểm cho đất nước ngày thêm đẹp tươi. |

**d. Bước 4: Kiểm tra và chỉnh sửa:**

- Đọc kĩ bài viết của mình và khoanh tròn những lỗi chính tả, lỗi sử dụng từ ngữ (nếu có). Sau đó sửa lại các lỗi đó.

- Gạch chân những câu sai ngữ pháp bằng cách phân tích cấu trúc ngữ pháp và sửa lại cho đúng (nếu có).

**PHIẾU CHỈNH SỬA BÀI VIẾT**

**Nhiệm vụ: Hãy đọc bài viết của mình và hoàn chỉnh bài viết bằng cách trả lời các câu hỏi sau:**

1.Bài viết đã thể hiện đúng nội dung câu chuyện hay chưa?

..............................................................................................................................

2. Hãy tích vào ô tương ứng: Điểm thay đổi trong nội dung và cách kể lại câu chuyện:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| * Bài viết có thay đổi về từ ngữ, cách đặt câu | Có | Không |
| * Bài viết đã thêm một vài chi tiết |  |  |
| * Bài viết đã thêm các yếu tố miêu tả, biểu cảm |  |  |
| * Bài viết nêu ra một kết thúc khác theo hình dung, tưởng tượng của người viết |  |  |

(Ghi rõ các điểm thay đổi)

3.Bài có sử dụng nhất quán từ ngữ xưng hô không?

.............................................................................................................................

4.Có nên bổ sung thêm nội dung cho bài viết không? (Nếu có, hãy viết rõ ý cần bổ sung.)

.............................................................................................................................

5.Có nên lược bỏ các câu trong bài viết không? (Nếu có, hãy viết rõ câu hay đoạn cần lược bỏ.)

............................................................................................................................

6.Bài viết có mắc lỗi chính tả hay lỗi diễn đạt không? (Nếu có, hãy viết rõ các mắc lỗi chính tả hay lỗi diễn đạt cần sửa chữa.)

............................................................................................................................

**Đề 02: *Kể lại truyện cổ tích “Thạch Sanh”***

1. **Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết**

* Xác định đề tài: Đề bài yêu cầu viết về vấn đề gì? Kiểu bài mà đề yêu cầu là gì?

Đề bài yêu cầu kể lại truyện cổ tích Thạch Sanh thuộc kiểu bài tự sự, hướng đến người đọc là HS và GV.

- Đọc lại truyện Thạch Sanh; ghi lại những sự kiện chính; tưởng tượng về nhân vật Thạch Sanh.

🡺 Các sự việc chính:

+ Sự ra đời, lớn lên của Thạch Sanh và kết nghĩa anh em với Lí Thông.

+ Thạch Sanh diệt chằn tinh bị Lí Thông cướp công.

+ TS diệt đại bàng cứu công chúa, lại bị Lý Thông cướp công; cứu thái tử con vua Thuỷ Tề và bị vu oan vào tù.

+ TS được giải oan và lấy công chúa.

+ TS chiến thắng quân 18 nước chư hầu và được nhường ngôi.

- Suy nghĩ về những chi tiết, hình ảnh, từ ngữ biểu cảm có thể thêm vào (trong đó có cách kết thúc truyện).

**b. Bước 2. Tìm ý, lập dàn ý.**

**\*Tìm ý.**

+ Truyện cổ tích Thạch Sanh kể lại truyện về người dũng sĩ diệt chằn tinh, đại bàng cứu người, trải qua bao khó khăn, thử thách để đi tới hạnh phúc.

+ Diễn biến của cân chuyện (mở đâu, phát triển, kết thúc) dựa theo các sự kiện chính như đã nêu ở phần chuẩn bị

+ Có thể thêm bớt, thay đổi từ ngữ, cách đặt cây, thêm một vài chi tiết có yếu tố miêu tả, biểu cảm hoặc tưởng tượng thêm cái kết khác cho câu chuyện hấp dẫn hơn

+ Truyện cho em có niềm tin vào chiến thắng của cái thiện trước cái ác và phải biết đấu tranh đến cùng với cái ác trong cuộc sống.

**\*Lập dàn ý:**  Lập dàn ý bằng cách dựa vào các ý đã tìm được, sắp xếp lại theo ba phần lớn của bài văn, gồm:

**1. Mở bài:** Giới thiệu truyện và lí do em kể lại truyện cổ tích Thạch Sanh.

**2. Thân bài:** Dựa vào các sự kiện chính trong truyện Thạch Sanh đã học, hãy kể bằng lời văn của em. Ví dụ, kẻ theo trình tự sau:

+ Sự ra đời, lớn lên của Thạch Sanh và kết nghĩa anh em với Lí Thông.

+ Thạch Sanh diệt chằn tinh bị Lí Thông cướp công.

+ TS diệt đại bàng cứu công chúa, lại bị Lý Thông cướp công; cứu thái tử con vua Thuỷ Tề và bị vu oan vào tù.

+ TS được giải oan và lấy công chúa.

+ TS chiến thắng quân 18 nước chư hầu và được nhường ngôi.

**3. Kết bài:** Nêu cảm nghĩ của em về truyện hoặc nhân vật chính trong truyện Thạch Sanh.

**c. Bước 3: Viết bài : HS dựa vào dàn ý để viết.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Dàn ý chính** | **Lời văn của em** |
| Giới thiệu truyện và lí do kể lại truyện | “*Tôi yêu chuyện cổ nước tôi*  *Vừa nhân hậu lại tuyệt vời sâu sa*”  (Lâm Thị Mỹ Dạ)  Thật vậy, truyện cổ tích đã đưa ta đến với thế giới nhiệm màu, kì ảo với những bài học mà người xưa gửi gắm. Những bài học của người xưa đã thấm sâu trong từng lời truyện mà bà ngoại vẫn kể cho tôi mỗi tối. Một trong những truyện cổ tích mà tôi ấn tượng nhất đó là Thạch Sanh. Thật đặc biệt khi câu chuyện này cũng được đưa vào chương trình Ngữ văn lớp 6. Câu chuyện đã kể về người dũng sĩ diệt chằn tinh, đại bàng để cứu người. |
| Sự ra đời, lớn lên của Thạch Sanh và kết nghĩa anh em với Lí Thông | Xưa có đôi vợ chồng tuy đã già nhưng chưa có con. Họ rất tốt bụng, nhân ái, hay giúp đỡ người khác nên được Ngọc Hoàng thương, bèn phái Thái tử đầu thai làm con của họ với tên gọi Thạch Sanh. Hai vợ chồng tuổi cao sức yếu đã sớm qua đời, chỉ còn Thạch Sanh mồ côi sống một mình trong túp lều dưới gốc đa, hành nghề kiếm củi.  Một hôm, có tên bán rượu tên là Lí Thông đi qua đó, vô tình biết Thạch Sanh là người khỏe mạnh, sức khỏe hơn người nên đã lân la làm quen, kết thân làm anh em kết nghĩa. Thạch Sanh từ đứa trẻ mồ côi nay có thêm người anh em vô cùng vui mừng, cảm động, nào ngờ được mình bị lợi dụng. Thạch Sanh từ hôm đó từ giã gốc đa, về sống chung với mẹ con Lý Thông. |
| Thạch Sanh diệt chằn tinh bị Lí Thông cướp công | Bấy giờ trong vùng có con Chằn tinh biết phép lạ thường ăn thịt người. Quan quân không làm gì được, dân làng phải lập miếu thờ cho nó, hằng năm phải nộp một người cho chằn tinh ăn thịt để nó đỡ quấy phá. Năm ấy, đển lượt Lý Thông nộp mình. Mẹ con hắn nghĩ cách lừa Thạch Sanh đi canh miếu thần để chết thay. Thạch Sanh không nghi ngờ mà nhận lời đi ngay. Nửa đêm, chằn tinh hiện ra, xông đến vồ mồi. Hai bên đánh nhau, Thạch Sanh dùng búa chém chết chằn tinh, xả xác nó làm hai. Chàng lấy được một bộ cung tên bằng vàng mà chằn tinh chết hoá thành, xách đầu chằn tinh mang về. Mẹ con Lý Thông nghe tiếng đập cửa hoảng sợ vô cùng tưởng oan hồn Thạch Sanh về đòi mạng, sau chúng hoàn hồn, thấy đầu chằn tinh, Lý Thông bèn nghĩ kế để cướp công Thạch Sanh. Hắn dọa Thạch Sanh đã giết chết vật báu vua nuôi, bảo chàng trốn đi. Thạch Sanh vẫn thật thà, tin ngay, trở lại gốc đa cũ. Còn Lý Thông hí hửng đem đầu con yêu quái vào kinh đô nộp cho vua, được vua phong tước Quận công. |
| Thạch Sanh diệt đại bàng cứu công chúa, lại bị Lý Thông cướp công; cứu thái tử con vua Thuỷ Tề và bị vu oan vào tù. | Năm ấy, nhà vua mở hội lớn để chọn chồng cho công chúa nhưng trong lễ kén phò mã, nàng bị con đại bàng khổng lồ quắp đi. Đại bàng bay qua túp lều của Thạch Sanh, Thạch Sanh nhìn thấy, giương cung vàng bắn nó bị thương, lần theo dấu máu, tìm được chỗ ở của đại bàng.  Công chúa bị mất tích, vua vô cùng đau khổ, hứa sẽ gả công chúa và truyền ngôi cho ai cứu được nàng. Lý Thông liền tìm gặp Thạch Sanh và được chàng cho biết chỗ ở của đại bàng. Thạch Sanh xuống hang đại bàng để cứu công chúa. Chàng dùng búa thần chém đứt vuốt sắc, giết chết đại bàng rồi lấy dây buộc vào người công chúa, ra hiệu cho Lý Thông ở bên trên kéo lên. Không ngờ, công chúa vừa được cứu lên, Lý Thông lệnh cho quân sĩ dùng dá lấp kín cửa hang lại, lần nữa hãm hại Thạch Sanh.  Thạch Sanh lần tìm lối ra và tình cờ cứu được con trai vua Thủy Tề. Thái tử mời chàng xuống thủy phủ chơi.  Để đền ơn ân nhân, vua Thủy tề tặng Thạch Sanh nhiều vàng ngọc, nhưng chàng từ chối, chỉ xin nhận một cây đàn thần làm kỉ vật rồi trở về gốc đa.  Hồn Chằn tinh và đại bàng gặp nhau, tìm cách báo thù. Chúng ăn trộm của cải trong kho nhà vua, đem tới giấu ở gốc đa để vu vạ cho Thạch Sanh. Thạch Sanh bị bắt hạ ngục. |
| Thạch Sanh được giải oan và lấy công chúa | Công chúa từ khi về cung lại trở nên buồn rầu, chẳng nói chẳng cười. Các quan ngự y đều bó tay. Một hôm, ở trong ngục, Thạch Sanh đem đàn ra gảy, tiếng đàn lúc ai oán não nùng, lúc  hờn căm uất hận. Nghe tiếng đàn thần, công chúa tự nhiên nói cười vui vẻ, nàng xin vua cha được gặp người đánh đàn. Gặp ân nhân, công chúa vui mừng khôn xiết. Vua khi ấy mới rõ sự tình, bắt mẹ con Lý Thông vào ngục, giao cho Thạch Sanh xét xử. Chàng tha tội, cho cả hai mẹ con về quê làm ăn. Nhưng đến giữa đường, chúng bị sét đánh chết, hóa kiếp thành bọ hung. |
| Thạch Sanh chiến thắng quân 18 nước chư hầu và được nhường ngôi | Vua gả công chúa cho Thạch Sanh. Hoàng tử 18 nước chư hầu đến cầu hôn không được, bất bình mang binh lính sang vây đánh. Thạch Sanh lấy cây đàn thần ra gảy. Binh lính bủn rủn tay chân, không đánh nhau được nữa, các hoàng tử phải cởi giáp xin hàng. Thạch Sanh thết đãi những kẻ thua trận bằng một niêu cơm tí xíu vậy mà quân sĩ mười tám nước ăn mãi không hết. Bọn chúng bái phục và kéo nhau về nước. Mấy năm sau, vua già yếu, nhường ngôi báu cho Thạch Sanh. |
| Cảm nghĩ của người viết | “Thạch Sanh” là một câu chuyện cổ tích nhiều ý nghĩa của dân tộc ta, không chỉ ngợi ca người dũng sĩ thật thà, nhân hậu mà còn nhắc nhở chúng ta đạo lý từ ngàn đời “ở hiền gặp lành”, ác giả ác báo. Câu chuyện cũng đem đến cho em bài học trong cuộc sống phải biết đấu tranh đến cùng với cái ác để đem lại hạnh phúc cho người lương thiện. |

**d. Bước 4: Kiểm tra và chỉnh sửa (Mẫu phiếu sửa bài viết như đề 01)**

✪ **BÁO CÁO SẢN PHẨM VIẾT** :

* GV gọi một số HS trình bày sản phẩm trước lớp.
* HS khác lắng nghe, nhận xét, cùng rút kinh nghiệm.
* GV cho điểm HS.

**BÀI VIẾT THAM KHẢO:**

**Đề 1:** *Kể lại truyền thuyết Thánh Gióng*.

Tuổi thơ em lớn lên êm đềm bên những câu chuyện dân gian mà ông nội vẫn kể mỗi tối. Qua những câu chuyện ông kể, em như đắm chìm vào thế giới đầy mơ và mộng của cha ông, hiểu thêm về lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc. Một trong những câu chuyện em ấn tượng nhất đó là truyền thuyết *Thánh Gióng*. Thật đặc biệt khi câu chuyện này cũng được đưa vào chương trình Ngữ văn lớp 6. Câu chuyện đã kể về người anh hùng đánh giặc giữ nước.

Câu chuyện ấy xảy ra từ đời Hùng Vương thứ sáu". Ở làng Gióng có hai ông bà già nổi tiếng là sống phúc đức. Hai ông bà rất mong có một đứa con. Thế rồi, một hôm, bà ra đồng trông thấy một vết chân rất to, bà ngạc nhiên kêu lớn: “Chao ôi! Bàn chân ai mà to thế này!”. Tò mò nên bà đưa chân vào ướm thử , không ngờ về nhà bà mang thai. Điều kì lạ là mãi 12 tháng sau bà mới sinh được một cậu bé mặt mũi rất khôi ngô. Hai vợ chồng mừng rỡ vô cùng. Nhưng kì lạ hơn nữa là đứa trẻ đã lên ba tuổi mà vẫn không biết nói, biết cười, cũng chẳng biết đi, cứ đặt đâu thì nằm đấy.

Bấy giờ giặc Ân thế mạnh như chẻ tre tràn vào xâm lược nước ta. Chúng đi đến đâu là đốt phá nhà cửa, giết người cướp của đến đấy. Quân đội Hùng Vương nhiều phen xuất trận, nhưng đánh không nổi lại chúng. Vua Hùng lấy làm lo lắng vội phái sứ giả đi khắp nơi trong nước tìm tướng tài để giúp vua cứu nước.Đứa bé nghe tiếng rao của sứ giả, bỗng cựa mình và cất tiếng nói: “Mẹ ra mời sứ giả vào đây”. Sứ giả vào, đứa bé bảo: “Ông về tâu với vua sắm cho ta một con ngựa sắt, một cái roi sắt và một tấm áo giáp sắt, ta sẽ phá tan lũ giặc này”. Ai nấy đứng nghe khôn xiết lạ lùng. Cho là thần nhân xuất hiện, sứ giả lập tức phi ngựa về tâu với nhà vua. Nghe nói, Hùng Vương mừng rỡ liền ra lệnh cho thợ rèn góp tất cả sắt lại rèn ngựa, gươm, áo giáp và nón như lời xin của chú bé.

Càng lạ hơn nữa, kể từ hôm gặp sứ giả, chú bé bỗng lớn nhanh như thổi. Cơm ăn không biết no, áo vừa mới mặc đã chật. Hai vợ chồng làm lụng cực nhọc , chạy ngược chậy xuôi mà không đủ nuôi con bèn cậy nhờ hàng xóm. Bà con *ai cũng mong cậu đi giết giặc cứu nước nên chẳng nề hà gì, cùng góp gạo nuôi cậu bé.*  Khi ăn đến mười nong cơm, ba nong cà, mỗi lần ăn xong một nong lại vươn vai và vụt lớn lên như thổi. Vải vóc do dân làng mang đến rất nhiều để may quần áo mà vẫn không đủ

Ngày ấy, giặc vừa đến sát chân núi Trâu thì sứ giả cũng kịp mang vũ khí tới. Gióng bèn vươn vai đứng dậy, lập tức trở thành một tráng sỹ, khoác áo giáp, cầm roi sắt, chào mẹ và dân làng rồi nhảy lên ngựa. Cả người cả ngựa lao vun vút ra trận. Trên chiến trường, Gióng tung hoành ngang dọc, tả đột hữu xung, giặc chết dưới tay như ngả rạ. Bỗng gậy sắt gãy, Gióng nhanh như chớp nhổ tre bên đường làm vũ khí mới. Giặc sợ hãi chạy trốn, dẫm đạp lên nhau mà chết. Dẹp giặc xong, cậu Gióng không quay về kinh để nhận công ban thưởng mà thúc ngựa đến núi Sóc, bỏ lại áo giáp sắt, một người một ngựa bay thẳng về trời.

Đất nước đã sạch bóng thù. Nhớ ơn người anh hùng, vua Hùng sai lập đền thờ Gióng ngay tại quê nhà, phong Gióng làm Phù Đổng Thiên Vương, phong mẹ Gióng là Thánh Mẫu Bảo Vương. Nhiều đời sau người ta còn kể, những nơi ngựa của Giong đi qua để lại trăm ao hồ. Rặng tre bị ngựa phun lửa cháy trở nên vàng óng, còn có một làng bị ngựa phun lửa cháy được gọi là làng Cháy.

Câu chuyện về người anh hùng Thánh Gióng đã khơi dậy trong em lòng yêu nước và ý thức trách nhiệm sâu sắc với đất nước. Em tự nhủ sẽ học tập, rèn luyện tốt để mai sau có thể tô điểm cho đất nước ngày thêm đẹp tươi.

**Đề 02: *Kể lại truyện cổ tích “Thạch Sanh”***

“*Tôi yêu chuyện cổ nước tôi*

*Vừa nhân hậu lại tuyệt vời sâu sa*”

(Lâm Thị Mỹ Dạ)

Thật vậy, truyện cổ tích đã đưa ta đến với thế giới nhiệm màu, kì ảo với những bài học sâu sắc mà người xưa gửi gắm. Những bài học của người xưa đã thấm sâu trong từng lời truyện nuôi dưỡng tâm hồn chúng ta từ ấu thơ, trở thành hành trang nâng bước ta trưởng thành.

Một trong những truyện cổ tích mà tôi ấn tượng nhất đó là Thạch Sanh. Thật đặc biệt khi câu chuyện này cũng được đưa vào chương trình Ngữ văn lớp 6. Câu chuyện đã kể về người dũng sĩ diệt chằn tinh, đại bàng để cứu người.

Xưa có đôi vợ chồng tuy đã già nhưng chưa có con. Họ rất tốt bụng, nhân ái, hay giúp đỡ người khác nên được Ngọc Hoàng thương, bèn phái Thái tử đầu thai làm con của họ. Không lâu sau thì người vợ có thai, nhưng đau buồn thay, người chồng bệnh nặng qua đời. Bà vất vả một mình sinh con.Con trai ra đời, thông minh và kháu khỉnh nên bà đặt tên cho cậu là Thạch Sanh. Chẳng được bao lâu sau, thì bà cũng bệnh nặng mà qua đời,từ đó Thạch Sanh sống một mình côi cút trong túp lều nhỏ dưới gốc đa, tài sản chỉ có một chiếc khố che thân và một chiếc rìu để đốn củi kiếm cơm. Năm Thạch Sanh 13 tuổi, Ngọc Hoàng sai người xuống dậy cho Thạch Sanh võ nghệ và nhiều phép thần thông biến hóa.

Một ngày nọ, có người bán rượu tên là Lý Thông đi ngang qua đó ghé lại nghỉ chân. Thấy Thạch Sanh hiền lành, khỏe mạnh lại mồ côi, Lý Thông ngẫm nghĩ: “Tên này khỏe mạnh lại khù khờ thế này, mang nó về nhà giúp việc chắc hẳn đỡ được bao nhiêu”. Hắn ngỏ ý kết nghĩa anh em với Thạch Sanh. Thạc Sanh thấy có người thương mình thì vui vẻ nhận lời. Kết nghĩa xong, Lý Thông mời Thạch Sanh về nhà ở để dễ bề lợi dụng.

Bấy giờ trong vùng có con Chằn tinh biết phép lạ thường ăn thịt người. Quan quân không làm gì được, dân làng phải lập miếu thờ cho nó, hằng năm phải nộp một người cho chằn tinh ăn thịt để nó đỡ quấy phá. Năm ấy, đển lượt Lý Thông nộp mình. Mẹ con hắn nghĩ cách lừa Thạch Sanh đi canh miếu thần để chết thay. Lý Thông dùng lời ngon ngọt nhờ vả:

- Đêm nay, đến phiên anh canh miếu thờ, ngặt vì dở cất mẻ rượu, em chịu khó thay anh, đến sáng thì về.  
 Thạch Sanh không nghi ngờ mà nhận lời đi ngay. Nửa đêm, chằn tinh hiện ra, xông đến vồ mồi. Hai bên đánh nhau, Thạch Sanh dùng búa chém chết chằn tinh, xả xác nó làm hai. Chàng lấy được một bộ cung tên bằng vàng mà chằn tinh chết hoá thành, xách đầu chằn tinh mang về. Mẹ con Lý Thông nghe tiếng đập cửa hoảng sợ vô cùng tưởng oan hồn Thạch Sanh về đòi mạng, sau chúng hoàn hồn, thấy đầu chằn tinh, Lý Thông bèn nghĩ kế để cướp công Thạch Sanh:

- Con trăn ấy là của vua nuôi đã lâu. Nay em giết nó, tất không khỏi bị tội chết. Thôi, bây giờ nhân trời chưa sáng em hãy trốn đi ngay đi. Có chuyện gì để anh ở nhà lo liệu”  
 Thạch Sanh vẫn thật thà, tin ngay, trở lại gốc đa cũ. Còn Lý Thông hí hửng đem đầu con yêu quái vào kinh đô nộp cho vua, được vua phong tước Quận công.

Năm ấy, nhà vua mở hội lớn để chọn chồng cho công chúa nhưng trong lễ kén phò mã, nàng bị con đại bàng khổng lồ quắp đi. Đại bàng bay qua túp lều của Thạch Sanh, Thạch Sanh nhìn thấy, giương cung vàng bắn nó bị thương, lần theo dấu máu, tìm được chỗ ở của đại bàng.

Công chúa bị mất tích, vua vô cùng đau khổ, hứa sẽ gả công chúa và truyền ngôi cho ai cứu được nàng. Lý Thông liền tìm gặp Thạch Sanh và được chàng cho biết chỗ ở của đại bàng. Thạch Sanh xuống hang đại bàng để cứu công chúa. Chàng dùng búa thần chém đứt vuốt sắc, giết chết đại bàng rồi lấy dây buộc vào người công chúa, ra hiệu cho Lý Thông ở bên trên kéo lên. Không ngờ, công chúa vừa được cứu lên, Lý Thông lệnh cho quân sĩ dùng dá lấp kín cửa hang lại, lần nữa hãm hại Thạch Sanh. Thạch Sanh lần tìm lối ra và tình cờ cứu được con trai vua Thủy Tề. Thái tử mời chàng xuống thủy phủ chơi.  Để đền ơn ân nhân, vua Thủy tề tặng Thạch Sanh nhiều vàng ngọc, nhưng chàng từ chối, chỉ xin nhận một cây đàn thần làm kỉ vật rồi trở về gốc đa.

Hồn chằn tinh và đại bàng gặp nhau, tìm cách báo thù Thạch Sanh. Chúng ăn trộm của cải trong kho nhà vua, đem tới giấu ở gốc đa để vu vạ cho Thạch Sanh. Thạch Sanh bị bắt hạ ngục.

Lại nói về công chúa, từ khi về cung lại trở nên buồn rầu, chẳng nói chẳng cười. Các quan ngự y đều bó tay. Một hôm, ở trong ngục, Thạch Sanh đem đàn ra gảy, tiếng đàn lúc ai oán não nùng, lúc  hờn căm uất hận. Nghe tiếng đàn thần, công chúa tự nhiên nói cười vui vẻ, nàng xin vua cha được gặp người đánh đàn. Gặp ân nhân, công chúa vui mừng khôn xiết. Vua khi ấy mới rõ sự tình, bắt mẹ con Lý Thông vào ngục, giao cho Thạch Sanh xét xử. Chàng tha tội, cho cả hai mẹ con về quê làm ăn. Nhưng đến giữa đường, chúng bị sét đánh chết, hóa kiếp thành bọ hung.

Vua gả công chúa cho Thạch Sanh. Hoàng tử 18 nước chư hầu đến cầu hôn không được, bất bình mang binh lính sang vây đánh. Thạch Sanh lấy cây đàn thần ra gảy. Binh lính bủn rủn tay chân, không đánh nhau được nữa, các hoàng tử phải cởi giáp xin hàng. Thạch Sanh thết đãi những kẻ thua trận bằng một niêu cơm tí xíu vậy mà quân sĩ mười tám nước ăn mãi không hết. Bọn chúng bái phục và kéo nhau về nước. Mấy năm sau, vua già yếu, nhường ngôi báu cho Thạch Sanh.

Truyện“Thạch Sanh” là một câu chuyện cổ tích nhiều ý nghĩa của dân tộc ta, không chỉ ngợi ca người dũng sĩ thật thà, nhân hậu mà còn nhắc nhở chúng ta đạo lý từ ngàn đời “ở hiền gặp lành”, ác giả ác báo. Câu chuyện cũng đem đến cho em bài học trong cuộc sống phải biết đấu tranh đến cùng với cái ác để đem lại hạnh phúc cho người lương thiện.

**ÔN TẬP NÓI VÀ NGHE:**

**Kể lại một truyện truyền thuyết hoặc truyện cổ tích**

**lÀM**

✪ **NHẮC LẠI LÍ THUYẾT : Các bước xây dựng bài nói kể lại truyện truyền thuyết/truyện cổ tích**

**1. Bước 1: Chuẩn bị**

**-** Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói (trình bày).

- Đọc lại truyện.

- Sắp xếp tranh ảnh hoặc các phương tiện hỗ trợ khác (nếu có).

**2. Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý.**

- Xem lại dàn ý đã chuẩn bị ở phần Viết đề bổ sung, chỉnh sửa.

- Chú ý kiểm tra các sự kiện chính, các yếu tố sáng tạo trong nội dung và cách kể lại câu chuyện.

**3. Bước 3: Thực hành nói và nghe**

- Dựa vào dàn ý và thực hiện việc kể lại truyện trước tổ hoặc lớp. (có thể luyện tập kể trước gương khi ở nhà).

- Chú ý bảo đảm nội dung và cách kể để câu chuyện trở nên hấp dẫn.

- Có thể sử dụng thêm tranh ảnh, đạo cụ…kết hợp với ngôn ngữ hình thể để bài nói thêm sinh động và hấp dẫn hơn

**4**.**Bước 4: Kiểm tra và chỉnh sửa:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| \* **Bảng tự kiểm tra kĩ năng nói:**   |  |  | | --- | --- | | **Nội dung kiểm tra** | **Đạt/**  **chưa đạt** | | - Bài nói có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. |  | | - Người kể trình bày chi tiết các sự việc xảy ra. |  | | - Các sự việc được kể theo trình tự thời gian. |  | | - Các hành động của nhân vật được kể đầy đủ. |  | | - Người kể dùng ngôi thứ ba để kể lại câu chuyện. |  | | - Yếu tố sáng tạo trong nội dung, chi tiết, lời kể và cách kể. |  | | - Người kể thể hiện cảm xúc, giọng kể, điệu bộ, phương tiện hỗ trợ phù hợp với nội dung được kể. |  | | \* **Bảng tự kiểm tra kĩ năng nghe:**   |  |  | | --- | --- | | **Nội dung kiểm tra** | **Đạt/**  **chưa đạt** | | - Nắm và hiểu được nội dung chính của câu chuyện mà bạn kể; - Cần có |  | | -Đưa ra được những nhận xét được về ưu điểm, yếu tố sáng tạo trong lời kể của bạn hay điểm hạn chế của bạn. |  | | -Thái độ chú ý tôn trọng, nghiêm túc, động viên khi nghe bạn kể chuyện |  | |

✪**THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE:**

**Đề 01:** Kể lại truyền thuyết “Thánh Gióng” bằng lời văn của em.

**Đề 02**: Kể lại truyện cổ tích “Thạch Sanh” bằng lời văn của em.

🡺Hướng dẫn chung:

**\*Với người nói:**

*-* HS dựa vào dàn ý phần Viết để lập dàn ý cho bài nói.

- Bám sát sự kiện chính nhưng có thể sáng tạo thêm những chi tiết hình ảnh, cách kết thúc truyện

- Trong quá trình trình bày bài nói, cần chú ý cách kể, giọng kể, kết hợp với ngôn ngữ hình thể ( *cử chỉ, ánh mắt, nét mặt,...)* phù hợp với nội dung câu chuyện. Người kể có thể sử dụng các thiết bị hỗ trợ khác (*tranh, ảnh, video,..*.)

**\*Với người nghe:**

**-** Chú ý lắng nghe bạn trình bày đểnắm và hiểu được nội dung chính của câu chuyện mà bạn kể; có đưa ra được những nhận xét được về ưu điểm, yếu tố sáng tạo trong lời kể của bạn hay điểm hạn chế của bạn.

- Cần có thái độ chú ý tôn trọng, nghiêm túc, đúng mực, động viên khi nghe bạn kể chuyện.

✪ **BÁO CÁO SẢN PHẨM :**

**Đề 01:** Kể lại truyền thuyết “Thánh Gióng” bằng lời văn của em.

**Đề 02**: Kể lại truyện cổ tích “Thạch Sanh” bằng lời văn của em.

(GV đã hướng dẫn quy trình nói ở tiết buổi sáng và giao HS về nhà hoàn thiện).

* GV gọi một số HS trình bày sản phẩm bài nói trước lớp.
* Nhận xét, đánh giá, cho điểm.

**Bài nói tham khảo:**

**Đề 01:** Kể lại truyền thuyết “Thánh Gióng” bằng lời văn của em.

Tôi tên là......................, học lớp......., trường.................

1. **Chào hỏi và giới thiệu lí do chọn kể câu chuyện *Thánh Gióng:***

Xin chào các bạn!

Tuổi thơ tôi lớn lên êm đềm bên những câu chuyện dân gian mà ông nội vẫn kể mỗi tối. Qua những câu chuyện ông kể, tôi như đắm chìm vào thế giới đầy mơ và mộng của cha ông, hiểu thêm về lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc. Một trong những câu chuyện mà tôi ấn tượng nhất đó là truyền thuyết *Thánh Gióng*. Thật đặc biệt khi câu chuyện này cũng được đưa vào chương trình Ngữ văn lớp 6. Câu chuyện đã kể về người anh hùng đánh giặc giữ nước.

1. **Kể lại nội dung câu chuyện**

***(Kể bằng giọng vừa phải, rõ ràng, chú ý phân biệt lời nói của các nhân vật với lời của người kể chuyện)*** Câu chuyện ấy xảy ra từ đời Hùng Vương thứ sáu. Ở làng Gióng có hai ông bà già nổi tiếng là sống phúc đức. Hai ông bà rất mong có một đứa con. Thế rồi, một hôm, bà ra đồng trông thấy một vết chân rất to, bà ngạc nhiên kêu lớn: “Chao ôi! Bàn chân ai mà to thế này!”. Tò mò nên bà đưa chân vào ướm thử , không ngờ về nhà bà mang thai. Điều kì lạ là mãi 12 tháng sau bà mới sinh được một cậu bé mặt mũi rất khôi ngô. Hai vợ chồng mừng rỡ vô cùng. Nhưng kì lạ hơn nữa là đứa trẻ đã lên ba tuổi mà vẫn không biết nói, biết cười, cũng chẳng biết đi, cứ đặt đâu thì nằm đấy.

Bấy giờ giặc Ân thế mạnh như chẻ tre tràn vào xâm lược nước ta. Chúng đi đến đâu là đốt phá nhà cửa, giết người cướp của đến đấy. Quân đội Hùng Vương nhiều phen xuất trận, nhưng đánh không nổi lại chúng. Vua Hùng lấy làm lo lắng vội phái sứ giả đi khắp nơi trong nước tìm tướng tài để giúp vua cứu nước.Đứa bé nghe tiếng rao của sứ giả, bỗng cựa mình và cất tiếng nói: “Mẹ ra mời sứ giả vào đây”. Sứ giả vào, đứa bé bảo: “Ông về tâu với vua sắm cho ta một con ngựa sắt, một cái roi sắt và một tấm áo giáp sắt, ta sẽ phá tan lũ giặc này”. Ai nấy đứng nghe khôn xiết lạ lùng. Cho là thần nhân xuất hiện, sứ giả lập tức phi ngựa về tâu với nhà vua. Nghe nói, Hùng Vương mừng rỡ liền ra lệnh cho thợ rèn góp tất cả sắt lại rèn ngựa, gươm, áo giáp và nón như lời xin của chú bé.

***(Kể bằng giọng rõ ràng, xen lẫn ngạc nhiên, thích thú)*** Càng lạ hơn nữa, kể từ hôm gặp sứ giả, chú bé bỗng lớn nhanh như thổi. Cơm ăn không biết no, áo vừa mới mặc đã chật. Hai vợ chồng làm lụng cực nhọc , chạy ngược chậy xuôi mà không đủ nuôi con bèn cậy nhờ hàng xóm. Bà con *ai cũng mong cậu đi giết giặc cứu nước nên chẳng nề hà gì, cùng góp gạo nuôi cậu bé.*  Khi ăn đến mười nong cơm, ba nong cà, mỗi lần ăn xong một nong lại vươn vai và vụt lớn lên như thổi. Vải vóc do dân làng mang đến rất nhiều để may quần áo mà vẫn không đủ

***(Kể bằng giọng rõ ràng, sôi nổi, xen lẫn niềm tự hào)*** Ngày ấy, giặc vừa đến sát chân núi Trâu thì sứ giả cũng kịp mang vũ khí tới. Gióng bèn vươn vai đứng dậy, lập tức trở thành một tráng sỹ, khoác áo giáp, cầm roi sắt, chào mẹ và dân làng rồi nhảy lên ngựa. Cả người cả ngựa lao vun vút ra trận. Trên chiến trường, Gióng tung hoành ngang dọc, tả đột hữu xung, giặc chết dưới tay như ngả rạ. Bỗng gậy sắt gãy, Gióng nhanh như chớp nhổ tre bên đường làm vũ khí mới. Giặc sợ hãi chạy trốn, dẫm đạp lên nhau mà chết. Dẹp giặc xong, cậu Gióng không quay về kinh để nhận công ban thưởng mà thúc ngựa đến núi Sóc, bỏ lại áo giáp sắt, một người một ngựa bay thẳng về trời.

***(Kể bằng giọng trầm lắng)*** Đất nước đã sạch bóng thù. Nhớ ơn người anh hùng, vua Hùng sai lập đền thờ Gióng ngay tại quê nhà, phong Gióng làm Phù Đổng Thiên Vương, phong mẹ Gióng là Thánh Mẫu Bảo Vương. Nhiều đời sau người ta còn kể, những nơi ngựa của Giong đi qua để lại trăm ao hồ. Rặng tre bị ngựa phun lửa cháy trở nên vàng óng, còn có một làng bị ngựa phun lửa cháy được gọi là làng Cháy.

1. **Kết thúc bài nói**

Các bạn ạ!

Truyền thuyết “*Thánh Gióng”* cùng hình tượng người anh hùng làng Gióng đã in đậm dấu ấn trong đời sống tinh thần người Việt từ bao đời nay*.* Câu chuyện đã khơi dậy trong tôi lòng yêu nước và ý thức trách nhiệm sâu sắc với đất nước. Tôi tự nhủ sẽ học tập, rèn luyện tốt để mai sau có thể tô điểm cho đất nước ngày thêm đẹp tươi.

Cảm ơn các bạn đã chú ý lắng nghe câu chuyện tôi kể. Rất mong các bạn đóng góp ý kiến để bài nói của tôi thêm hoàn thiện.

**Đề 02**: Kể lại truyện cổ tích “Thạch Sanh” bằng lời văn của em.

1. **Chào hỏi và giới thiệu lí do chọn kể câu chuyện *Thạch Sanh:***

Xin chào các bạn!

Nhà thơ Lâm Thị Mỹ Dạ) từng viết:

“*Tôi yêu chuyện cổ nước tôi*

*Vừa nhân hậu lại tuyệt vời sâu sa*”

Thật vậy, truyện cổ tích đã đưa ta đến với thế giới nhiệm màu, kì ảo với những bài học sâu sắc mà người xưa gửi gắm. Những bài học của người xưa đã thấm sâu trong từng lời truyện nuôi dưỡng tâm hồn chúng ta từ ấu thơ, trở thành hành trang nâng bước ta trưởng thành. Một trong những truyện cổ tích mà tôi ấn tượng nhất đó là ***Thạch Sanh.*** Thật đặc biệt khi câu chuyện này cũng được đưa vào chương trình Ngữ văn lớp 6. Câu chuyện đã kể về người dũng sĩ diệt chằn tinh, đại bàng để cứu người.

**(2)** **Kể lại nội dung câu chuyện**

***(Kể bằng giọng vừa phải, rõ ràng, chú ý phân biệt lời nói của các nhân vật với lời của người kể chuyện)***

Xưa có đôi vợ chồng tuy đã già nhưng chưa có con. Họ rất tốt bụng, nhân ái, hay giúp đỡ người khác nên được Ngọc Hoàng thương, bèn phái Thái tử đầu thai làm con của họ. Không lâu sau thì người vợ có thai, nhưng đau buồn thay, người chồng bệnh nặng qua đời. Bà vất vả một mình sinh con.Con trai ra đời, thông minh và kháu khỉnh nên bà đặt tên cho cậu là Thạch Sanh. Chẳng được bao lâu sau, thì bà cũng bệnh nặng mà qua đời,từ đó Thạch Sanh sống một mình côi cút trong túp lều nhỏ dưới gốc đa, tài sản chỉ có một chiếc khố che thân và một chiếc rìu để đốn củi kiếm cơm. Năm Thạch Sanh 13 tuổi, Ngọc Hoàng sai người xuống dậy cho Thạch Sanh võ nghệ và nhiều phép thần thông biến hóa.

Một ngày nọ, có người bán rượu tên là Lý Thông đi ngang qua đó ghé lại nghỉ chân. Thấy Thạch Sanh hiền lành, khỏe mạnh lại mồ côi, Lý Thông ngẫm nghĩ: “Tên này khỏe mạnh lại khù khờ thế này, mang nó về nhà giúp việc chắc hẳn đỡ được bao nhiêu”. Hắn ngỏ ý kết nghĩa anh em với Thạch Sanh. Thạc Sanh thấy có người thương mình thì vui vẻ nhận lời. Kết nghĩa xong, Lý Thông mời Thạch Sanh về nhà ở để dễ bề lợi dụng.

Bấy giờ trong vùng có con Chằn tinh biết phép lạ thường ăn thịt người. Quan quân không làm gì được, dân làng phải lập miếu thờ cho nó, hằng năm phải nộp một người cho chằn tinh ăn thịt để nó đỡ quấy phá. Năm ấy, đển lượt Lý Thông nộp mình. Mẹ con hắn nghĩ cách lừa Thạch Sanh đi canh miếu thần để chết thay. Lý Thông dùng lời ngon ngọt nhờ vả:

- Đêm nay, đến phiên anh canh miếu thờ, ngặt vì dở cất mẻ rượu, em chịu khó thay anh, đến sáng thì về.  
 Thạch Sanh không nghi ngờ mà nhận lời đi ngay.

Nửa đêm, chằn tinh hiện ra, xông đến vồ mồi. Hai bên đánh nhau, Thạch Sanh dùng búa chém chết chằn tinh, xả xác nó làm hai. Chàng lấy được một bộ cung tên bằng vàng mà chằn tinh chết hoá thành, xách đầu chằn tinh mang về. Mẹ con Lý Thông nghe tiếng đập cửa hoảng sợ vô cùng tưởng oan hồn Thạch Sanh về đòi mạng, sau chúng hoàn hồn, thấy đầu chằn tinh, Lý Thông bèn nghĩ kế để cướp công Thạch Sanh:

- Con trăn ấy là của vua nuôi đã lâu. Nay em giết nó, tất không khỏi bị tội chết. Thôi, bây giờ nhân trời chưa sáng em hãy trốn đi ngay đi. Có chuyện gì để anh ở nhà lo liệu”  
 Thạch Sanh vẫn thật thà, tin ngay, trở lại gốc đa cũ. Còn Lý Thông hí hửng đem đầu con yêu quái vào kinh đô nộp cho vua, được vua phong tước Quận công.

Năm ấy, nhà vua mở hội lớn để chọn chồng cho công chúa nhưng trong lễ kén phò mã, nàng bị con đại bàng khổng lồ quắp đi. Đại bàng bay qua túp lều của Thạch Sanh, Thạch Sanh nhìn thấy, giương cung vàng bắn nó bị thương, lần theo dấu máu, tìm được chỗ ở của đại bàng.

Công chúa bị mất tích, vua vô cùng đau khổ, hứa sẽ gả công chúa và truyền ngôi cho ai cứu được nàng. Lý Thông liền tìm gặp Thạch Sanh và được chàng cho biết chỗ ở của đại bàng. Thạch Sanh xuống hang đại bàng để cứu công chúa. Chàng dùng búa thần chém đứt vuốt sắc, giết chết đại bàng rồi lấy dây buộc vào người công chúa, ra hiệu cho Lý Thông ở bên trên kéo lên. Không ngờ, công chúa vừa được cứu lên, Lý Thông lệnh cho quân sĩ dùng dá lấp kín cửa hang lại, lần nữa hãm hại Thạch Sanh. Thạch Sanh lần tìm lối ra và tình cờ cứu được con trai vua Thủy Tề. Thái tử mời chàng xuống thủy phủ chơi.  Để đền ơn ân nhân, vua Thủy tề tặng Thạch Sanh nhiều vàng ngọc, nhưng chàng từ chối, chỉ xin nhận một cây đàn thần làm kỉ vật rồi trở về gốc đa.

Hồn chằn tinh và đại bàng gặp nhau, tìm cách báo thù. Chúng ăn trộm của cải trong kho nhà vua, đem tới giấu ở gốc đa để vu vạ cho Thạch Sanh. Thạch Sanh bị bắt hạ ngục.

Lại nói về nàng công chúa, kể từ khi về cung lại trở nên buồn rầu, chẳng nói chẳng cười. Các quan ngự y đều bó tay. Một hôm, ở trong ngục, Thạch Sanh đem đàn ra gảy, tiếng đàn lúc ai oán não nùng, lúc  hờn căm uất hận. Nghe tiếng đàn thần, công chúa tự nhiên nói cười vui vẻ, nàng xin vua cha được gặp người đánh đàn. Gặp ân nhân, công chúa vui mừng khôn xiết. Vua khi ấy mới rõ sự tình, bắt mẹ con Lý Thông vào ngục, giao cho Thạch Sanh xét xử. Chàng tha tội, cho cả hai mẹ con về quê làm ăn. Nhưng đến giữa đường, chúng bị sét đánh chết, hóa kiếp thành bọ hung.

***(Kể bằng giọng sôi nổi, xen lẫn tự hào)*** Vua gả công chúa cho Thạch Sanh. Hoàng tử 18 nước chư hầu đến cầu hôn không được, bất bình mang binh lính sang vây đánh. Thạch Sanh lấy cây đàn thần ra gảy. Binh lính bủn rủn tay chân, không đánh nhau được nữa, các hoàng tử phải cởi giáp xin hàng. Thạch Sanh thết đãi những kẻ thua trận bằng một niêu cơm tí xíu vậy mà quân sĩ mười tám nước ăn mãi không hết. Bọn chúng bái phục và kéo nhau về nước. Mấy năm sau, vua già yếu, nhường ngôi báu cho Thạch Sanh.

**(3)Kết thúc bài nói**

***(Giọng điệu trầm lắng)***

Các bạn ạ!

“Thạch Sanh” là một câu chuyện cổ tích nhiều ý nghĩa của dân tộc ta, không chỉ ngợi ca người dũng sĩ thật thà, nhân hậu mà còn nhắc nhở chúng ta đạo lý từ ngàn đời “ở hiền gặp lành”, ác giả ác báo. Câu chuyện cũng đem đến cho tôi bài học trong cuộc sống phải biết đấu tranh đến cùng với cái ác để đem lại hạnh phúc cho người lương thiện.

**Hoạt động : Luyện tập (Luyện đề tông hợp)**

**ĐỀ SỐ 01:**

**MA TRẬN ĐỀ**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ**  **Chủ đề** | | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** | **Tổng số** |
| **I. Tiếng Việt** | | Nhận diện được từ đơn, từ phức | Nêu được tác dụng của từ láy.  Phân biệt được từ láy với từ ghép |  |  |  |
| Số câu:  Số điểm:  Tỉ lệ: | | 5  1,25  12,5% | 3  0,75  7,5% |  |  | 8  2,0  20% |
| **II. Đọc hiểu văn bản** | | Nhận biết được phương thức biểu đạt chính, ngôi kể của văn bản  Nhận biết các chi tiết tưởng tượng, kì ảo; sự thật lịch sử | Hiểu được ý nghĩa của chi tiết trong văn bản | Kể thêm tên một số tác phẩm truyện truyền thuyết thời đại Hùng Vương. |  |  |
| Số câu  Số điểm  Tỉ lệ | | 2  1,0  10 % | 1  0,5  5% | 1  0,5  5% |  | 3  2.0  20% |
| **III.Tập làm văn** | |  |  | Biết vận dụng kiến thức viết đoạn văn trình bày cảm nhận về một chi tiết trong tác phẩm truyền thuyết. | Vận dụng kiến thức và kĩ năng để viết bài văn kể lại một tác phẩm truyền thuyết |  |
| Số câu  Số điểm  Tỉ lệ | |  |  | 1  1.5  15 % | 1  4,5  45 % | 2  6  60% |
| Tổng | Số câu | 7 | 4 | 1 | 1 | 13 |
| Số điểm | 2,25 | 1,25 | 2.0 | 4,5 | 10 |
| Tỉ lệ | 22.5% | 12.5% | 20% | 45% | 100% |

**ĐỀ BÀI**

**Phần I. Tiếng Việt ( 2,0 điểm)**

**Câu 1:** Từ phức bao gồm những loại nào dưới đây?

A. Từ đơn và từ ghép

B. Từ đơn và từ láy

C. Từ đơn

D. Từ ghép và từ láy

**Câu 2**: Từ phức gồm mấy tiếng?

A. Hai hoặc nhiều hơn hai

B. Ba

C. Bốn

D. Nhiều hơn hai

**Câu 3:** Trong các từ dưới đây, từ nào là từ ghép?

A. quần áo

B. sung sướng

C. ồn ào

D. rả rích

**Câu 4**: Tìm từ láy trong các từ dưới đây?

A. Tươi tốt

B. Tươi đẹp

C. Tươi tắn

D. Tươi thắm

**Câu 5:** Từ ghép nào sau đây được tạo ra bằng cách ghép các yếu tố có nghĩa gần nhau hoặc giống nhau:

1. ngược xuôi
2. trắng đen
3. giàu nghèo
4. làng xóm

**Câu 6**: Từ ghép nào sau đây được tạo ra bằng cách ghép các yếu tố có nghĩa trái ngược nhau:

1. Thương yêu
2. Vững chắc
3. Vui buồn
4. Núi non

**Câu 7:** Từ láy nào sau đây gợi tả dáng vẻ, trạng thái của sự vật?

A. Róc rách

B. Khúc khuỷu

C. Ha hả

D. Ào ào

**Câu 8:** Từ láy nào sau đây gợi âm thanh?

A. Soàn soạt

B. Heo hút

C. Lom khom

D. Cứng cỏi

**Phần II. Đọc – hiểu văn bản (2,0 điểm)**

**Đọc *văn bản sau và thực hiện các yêu cầu::***

*" Sáng sớm hôm sau,*[*Sơn Tinh*](http://truyencotich.vn/)*đã đem đầy đủ lễ vật đến trước và được phép đưa dâu về núi. Thủy Tinh đến sau, không lấy được vợ, đùng đùng nổi giận, đem quân đuổi theo, một hai đòi cướp lại Mỵ Nương.*

*Thủy Tinh hô mưa, gọi gió, làm thành dông bão đùng đùng rung chuyển cả đất trời, dâng nước sông lên cuồn cuộn tiến đánh Sơn Tinh. Nước ngập lúa, ngập đồng rồi ngập nhà, ngập cửa.*

*Sơn Tinh không hề nao núng, dùng phép màu bốc từng quả đồi, di từng dãy núi chặn đứng dòng nước lũ. Nước dâng lên cao bao nhiêu, Sơn Tinh lại làm cho đồi, núi mọc cao lên bấy nhiêu. Hai bên đánh nhau ròng rã mấy tháng trời liền, cuối cùng*[*Thủy Tinh*](http://truyencotich.vn/)*đuối sức phải rút quân về.*

*Từ đó, oán ngày càng thêm nặng, thù ngày càng thêm sâu, không năm nào*[*Thủy Tinh*](http://truyencotich.vn/)*không làm mưa làm bão, dâng nước lên đánh*[*Sơn Tinh*](http://truyencotich.vn/)*và lần nào Thủy Tinh cũng thua, phải bỏ chạy.*”

(Theo [Truyện cổ tích](http://truyencotich.vn/) Tổng hợp).

**Câu 1**. Xác định phương thức biểu đạt chính và ngôi kể của văn bản.

**Câu 2.** Chỉ ra các yếu tổ tưởng tượng, kì ảo trong văn bản trên.

**Câu 3**. Cuộc giao tranh giữa Sơn Tinh và Thuỷ Tinh tượng trưng cho điểu gì? Qua chiến thắng của Sơn Tinh trước Thuỷ Tinh, tác giả dân gian ngầm thể hiện mong muốn gì của nhân dân?

**Câu 4.** Hãy viết tên một số truyện kể dân gian liên quan đến thời đại các vua Hùng mà em biết.  
**Phần III. Làm văn ( 6,0 điểm)**

**Câu 1 (1.5 điểm):** Từ văn bản đọc hiểu, em viết đoạn văn (khoảng 10 dòng) nêu suy nghĩ về những việc làm cần thiết để góp phần giảm thiểu thiên tai, lũ lụt hằng năm.   
 **Câu 2 (4.5 điểm):** Kể lại một truyện truyền thuyết đã học trong bài học 1.

**ĐÁP ÁN HƯỚNG DẪN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung cần đạt** | **Điểm** |
|  | **Phần I. Tiếng Việt ( 2,0 điểm)**   |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Câu 1** | **Câu 2** | **Câu 3** | **Câu 4** | **Câu 5** | **Câu 6** | **Câu 7** | **Câu 8** | | **D** | **A** | **A** | **C** | **D** | **C** | **B** | **A** | | **2.0** |
| **Phần II. Đọc – hiểu văn bản (2,0 điểm)** | | |
| ***Câu 1*** | Phương thức biểu đạt chính: Tự sự  Ngôi kể: ngôi thứ 3  Mỗi ý đúng được 0.25 đ | 0.5 |
| ***Câu 2*** | Các yếu tổ tưởng tượng, kì ảo trong văn bản chủ yếu dùng để miêu tả sức mạnh của Sơn Tinh và Thuỷ Tinh trong cuộc giao tranh:  + Thủy Tinh hô mưa, gọi gió làm thành giông bão rung chuyển cả đất trời, dâng nước sông lên cuồn cuộn đánh Sơn Tinh  + Sơn Tinh: Dùng phép lạ bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi, dựng thành lũy đất, ngăn chặn dòng nước lũ. Nước sông dâng lên bao nhiêu, đồi núi dâng lên bấy nhiêu.  Trả lời được 02 ý như đáp án được 0.5 đ  Trả lời đúng 01 ý được 0.25 đ | 0.5 |
| ***Câu 3*** | - Cuộc giao tranh giữa Sơn Tinh và Thuỷ Tinh giải thích các hiện tượng tự nhiên lũ lụt hằng năm.  - Qua chiến thắng của Sơn Tinh trước Thuỷ Tinh, tác giả dân gian ngầm thế hiện ước mơ chế ngự thiên tai của người Việt.  Trả lời đầy đủ 02 ý: 0.5 đ  Trả lời được 01 ý: 0.25 đ | 0.5 |
| ***Câu 4*** | Một số truyện kể dân gian liên quan đến thời đại các vua Hùng :  - *Con Rồng, cháu Tiên*  *- Bánh chưng, bánh giầy*  *- Thánh Gióng*  *- Chử Đồng Tử* |  |
| **Phần III. Làm văn ( 6,0 điểm)** | | |
| ***Câu 1***  ***(1.5 điểm)*** | *a. Đảm bảo thể thức, dung lượng yêu cầu của một đoạn văn .* | 0,25 |
| *b. Xác định đúng nội dung chủ yếu đoạn văn:* những việc làm cần thiết để góp phần giảm thiểu thiên tai, lũ lụt hằng năm. | 0,25 |
| *c.Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn*: HS có thể trình bày đoạn văn theo nhiều cách. Sau đây là một số gợi ý:  - Hằng năm, nước ta xảy ra nhiều thiên tai, lũ lụt gây thiệt hại nặng nề về người và của.  - Chúng ta cần phải hành động để góp phần ngăn chặn, giảm bớt thiên tai, lũ lụt:  + Đắp đê ngăn lũ  + Trồng cây gây rừng  + Bảo vệ rừng, đặc biệt là rừng đầu nguồn; xử phạt nghiêm những hành vi chặt phá rừng, buôn bán gỗ lậu, trái phép.  + Giáo dục ý thức mọi người về bảo vệ môi trường sống xung quanh, góp phần vào chống biến đổi khí hậu  …   * Liên hệ bản thân. | 0,5 |
| *d. Sáng tạo: Cách diễn đạt độc đáo, có cảm nghĩ riêng, sâu sắc* | 0,25 |
| *e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt.* | 0,25 |
| ***Câu 2***  ***(4.5 điểm)***  ***Tham khảo phần Viết*** | **a.** *Đảm bảo cấu trúc của một bài văn tự sự :* Bài viết có bố cục chặt chẽ, rõ ràng, sắp xếp hệ thống mạch lạc, chính xác. | 0.25 |
| **b.** *Xác định đúng yêu cầu bài viết:* Kể lại một truyền thuyết đã được học trong bài 1. | 0.25 |
| c. Triển khai bài viết: Có thể theo gợi ý sau:  **-** Giới thiệu hoàn cảnh và nhân vật (chuyện xảy ra ở đâu? Bao giờ? Có những nhân vật nào?  - Kể lại toàn bộ diễn biến của câu chuyện theo cốt chuyện đã đã học. (Cần chọn từ, đặt câu, chọn chi tiết,…và có thể sử dụng cả văn đối thoại để làm câu chuyện thêm phần sinh động). - Nêu phần kết của câu chuyện (Câu chuyện kết thúc ra sao? Có chiều hướng tốt hay xấu? Gợi cho em cảm giác gì? Bài học rút ra từ câu chuyện là gì?) | 3.5 |
| d. Sáng tạo: HS có cách kể chuyện độc đáo, linh hoạt. | 0,25 |
| e. Chính tả: dùng từ, đặt câu, đảm bảo chuẩn ngữ pháp, ngữ nghĩa TV. | 0,25 |

**ĐỀ SỐ 02:**

**MA TRẬN ĐỀ**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ** **NLĐG** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng thấp** | **Vận dụng cao** | **Cộng** |
| **I. Đọc- hiểu**  **Ngữ liệu**: văn bản tự sự.  **Tiêu chí lựa chọn ngữ liệu:**  Một văn bản dài dưới 150 chữ tương đương với một đoạn văn bản được học chính thức trong chương trình. | Chỉ ra kiểu nhân vật | - Hiểu được nội dung, ý nghĩa của từ ngữ/ văn bản... | - Trình bày suy nghĩ của bản thân về ý nghĩa của văn bản. |  |  |
| Số câu  Số điểm  Tỉ lệ % | 1  0,5  5% | 2  1,5  15% | 1  1,0  10% |  | 4  3  30% |
| **II. Tạo lập văn bản**  Viết đoạn văn/ bài văn theo yêu cầu |  |  | Viết 1 đoạn văn theo yêu cầu. | Đóng vai một nhân vật để kể lại một truyền thuyết |  |
| Số câu  Số điểm  Tỉ lệ % |  |  | 1  2,0  20% | 1  5  50% | 2  7  70% |
| Tổng số câu  Số điểm toàn bài  Tỉ lệ % điểm toàn bài | 2  1,25  12,5% | 1  0,75  7,5% | 2  3,0  30% | 1  5  50% | 6  10  100% |

**ĐỀ BÀI**

**I. Đọc hiểu văn bản (3.0 điểm)**

**Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:**

Chẳng bao lâu, người chồng mất. Bà sinh một đứa bé không chân không tay, tròn như một quả dừa. Bà buồn lắm, toan vứt đi thì đứa bé bảo.

– Mẹ ơi! Con là người đấy! Mẹ đừng vứt con mà tội nghiệp.

Nghĩ lại, thấy thương con, bà đành để lại nuôi và đặt tên cho nó là Sọ Dừa.

Lớn lên, Sọ Dừa vẫn không khác lúc nhỏ, cứ lăn lông lốc trong nhà, chẳng làm được việc gì. Một hôm, bà mẹ than phiền:

* Con nhà người ta bảy, tám tuổi đã đi ở chăn bò. Còn mày thì chẳng được tích sự gì.

Sọ Dừa nói:

* Gì chứ chăn bò thì con cũng chăn được. Mẹ cứ nói với phú ông cho con đến ở chăn bò.

Nghe con giục, bà mẹ đến hỏi phú ông.Phú ông ngần ngại. Cả đàn bò giao cho thằng bé không ra người, không ra ngợm ấy, chăn dắt làm sao? Nhưng mà nuôi nó thì được cái ít tốn cơm, công sá chẳng là bao, hơn nuôi đứa khác nhiều. Thôi cứ thử xem!

Thế là Sọ Dừa đến ở nhà phú ông. Cậu chăn bò rất giỏi. Hằng ngày, Sọ Dừa lăn sau đàn bò ra đồng, tối đến lại lăn sau đàn bò về chuồng. Ngày nắng cũng như ngày mưa, bò con nào con nấy bụng no căng. Phú ông mừng lắm.

Ngày mùa, tôi tớ ra đồng làm hết cả, phú ông có ba cô con gái thay phiên nhau đưa cơm cho Sọ Dừa. Hai cô chị ác nghiệt, kiêu kì, thường hắt hủi Sọ Dừa, còn cô em út hiền lành, tính hay thương người, đối đãi với Sọ Dừa rất tử tế.

Một hôm, cô út vừa mang cơm đến dưới chân đồi đã nghe tiếng sáo véo von. Cô lấy làm lạ, rón rén bước lên, nấp sau bụi cây rình xem, thì thấy một chàng trai khôi ngô tuấn tú đang ngồi trên chiếc võng đào mắc vào hai cành cây, thổi sáo cho đàn bò gặm cỏ. Có tiếng động, chàng trai biến, chỉ thấy Sọ Dừa nằm lăn lóc ở đấy. Nhiều lần như vậy, cô gái biết Sọ Dừa không phải người phàm trần. Cô đem lòng yêu, có của ngon vật lạ đều giấu đem cho chàng.

**(**Theo**Nguyễn Khắc Phi, truyện cổ tích Sọ Dừa)**

**Câu 1.** ( 0.5 điểm). Nhân vật Sọ Dừa thuộc kiểu nhân vật nào của truyện cổ tích?

**Câu 2. (0.75 điểm). Nhận xét về** ngoại hình và phẩm chất của Sọ Dừa qua đoạn trích.

**Câu 3. (1.0 điểm). Chỉ ra và nêu vai trò của yếu tố kì ảo trong đoạn trích trên.**

**Câu 4. (0.75 điểm). Kể tên thêm một số truyện cổ tích có cùng kiểu nhân vật với truyện “Sọ Dừa” mà em biết. (Tối thiểu 03 tác phẩm)**

**II. Làm văn (7.0 điểm)**

**Câu 1.** (2.0 điểm) Từ đoạn trích đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 10 dòng) nêu suy nghĩ về cách nhìn nhận, đánh giá con người cần có trong cuộc sống.

**Câu 2.** (5.0 điểm) Em hãy đóng vai một nhân vật trong truyện để kể lại một truyền thuyết mà em đã học hoặc đã đọc.

**ĐÁP ÁN HƯỚNG DẪN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phần I. Đọc – hiểu văn bản (3.0 điểm)** | | |
| ***Câu 1*** | Sọ Dừa thuộc kiểu nhân vật bất hạnh | 0.5 |
| ***Câu 2*** | - Ngoại hình: xấu xí, dị biệt (bé không chân không tay, tròn như một quả dừa)  - Phẩm chất:  + Tự tin xin mẹ được ở chăn bò cho phú ông.  + Chàng chăn bò rất giỏi: ngày nắng cũng như ngày mưa, bò con nào con nấy bụng no căng.  + Tài thổi sáo rất hay (tiếng sáo véo von).  🡪 Sọ Dừa chăm chỉ, chịu khó, không sợ gian khổ, biết giúp đỡ mẹ; tự tin vào bản thân; thông minh và tài giỏi.  Trả lời như đáp án (chấp nhận cách diễn đạt tương đương), không bắt buộc nêu dẫn chứng: 0.75 đ  Trả lời đúng 01 ý (ngoại hình hoặc phẩm chất): 0.5 đ | 0.75 |
| ***Câu 3*** | \*Các chi tiết kì ảo trong đoạn trích (0.5 đ)  + Sinh ra Sọ Dừa không có tay chân, tròn như quả dừa.  + Chàng đi chăn bò cho phú ông, không có chân tay nhưng chăn bò rất giỏi.  + Sọ Dừa biến thành chàng trai khôi ngô, thổi sáo chăn bò, có tiếng động chàng trai biến mất, chỉ còn lại Sọ Dừa nằm lăn lóc ở đấy.  \*Vai trò của các yếu tố kì ảo (0.5 đ):  + Làm cho cốt truyện hay hơn, ly kỳ, hấp dẫn hơn.  + Thể hiện ước mơ của nhân dân: người bất hạnh được bù đắp, có được khả năng kỳ diệu, có được hạnh phúc,…. | 1.0 |
| ***Câu 4*** | Một số truyện cổ tích cùng kiểu nhân vật bất hạnh (người mồ côi, người mang lốt vật,…) với truyện *Thạch Sanh:*  *+ Tấm Cám*  *+ Cây tre trăm đốt*  *+ Cây khế*  *+ Lấy vợ Cóc*  *+ Lấy chồng Dê*  *Kể được 03 truyện trở lên: 0.75 đ*  *Kể được 02 truyện:: 0.5 đ*  *+ Kể được 01 truyện: 0.25 đ* | 0.75 |
| **Phần III. Làm văn ( 6,0 điểm)** | | |
| ***Câu 1***  ***(1.5 điểm)*** | *a. Đảm bảo thể thức, dung lượng yêu cầu của một đoạn văn .* | 0,25 |
| *b. Xác định đúng nội dung chủ yếu đoạn văn:* suy nghĩ về cách nhìn nhận, đánh giá con người cần có trong cuộc sống. | 0,25 |
| c.*Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn*: HS có thể trình bày đoạn văn theo nhiều cách. Sau đây là gợi ý  - Không nên nhìn nhận, đánh giá con người chỉ qua vẻ bề ngoài mà cần coi trọng phẩm chất, tính cách, vẻ đẹp bên trong tâm hồn của họ.  - Không nên đánh giá con người qua định kiến hẹp hòi mà phủ nhận toàn bộ năng lực của họ.  - Cần tạo cơ hội để ta có thời gian tiếp xúc lâu để hiểu nhau hơn. | 0,5 |
| *d. Sáng tạo: Cách diễn đạt độc đáo, sâu sắc* | 0,25 |
| *e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt.* | 0,25 |
| ***Câu 2***  ***(4.5 điểm)*** | **a.** *Đảm bảo cấu trúc của một bài văn tự sự :* Bài viết có bố cục chặt chẽ, rõ ràng, sắp xếp hệ thống mạch lạc, chính xác. | 0.25 |
| **b.** *Xác định đúng yêu cầu bài viết:* Nhập vai một nhân vật để kể lại một truyền thuyết đã được học hoặc đã đọc. | 0.25 |
| *c.Triển khai bài viết:* Có thể triển khai theo hướng sau:  **Mở bài:** Giới thiệu nhân vật muốn hoá thân và câu chuyện định kể.  Chú ý lựa chọn ngôi kể thứ nhất.  **Thân bài**:  - Kể câu chuyện theo một trình tự của chuỗi sự việc (có mở đầu, có diễn biến có kết thúc). Chú ý: Cần chọn từ, đặt câu, chọn chi tiết,…và có thể sử dụng cả văn đối thoại để làm câu chuyện thêm phần sinh động.  **Kết bài:**  - Kết cục sự việc, cảm nghĩ của nhân vật kể chuyện | 3.5 |
| **d.** *Sáng tạo:* Cách diễn đạt độc đáo, mới mẻ. | 0,25 |
| **e.** *Chính tả, dùng từ, đặt câu:* Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt. | 0,25 |

**Câu 2: Tham khảo: Đóng vai Lang Liêu kể lại truyền thuyết  *Bánh chưng, bánh giầy.***

**B1. Hướng dẫn HS lập dàn ý chi tiết:**

**I. Mở bài:**

- Lang Liêu tự giới thiệu về bản thân mình.

- Gợi chuyển để kể về nguồn gốc của việc làm ra bánh chưng bánh giầy.

**II. Thân bài:**

**1. Giới thiệu nguyên nhân của việc làm bánh:**

+ Năm đó cha ta là vua Hùng Vương muốn truyền ngôi nhưng Người có nhiều con trai, ai cũng tài giỏi nên không biết truyền ngôi cho ai.

+ Cha ta thông báo ai làm vừa ý cha thì sẽ được truyền ngôi.

+ Sau khi nghe vua cha phán thế, các hoàng tử khác cho người lên rừng xuống biển tìm sơn hào hải vị để dâng lên cha của ta. Chỉ có mình ta lo lắng.

**2. Hoàn cảnh của Lang Liêu:**

- Ta là con thứ 18 của cha ta.

- Mẹ ta trước kia bị vua ghẻ lạnh, ốm mà chết.

=> Ta sống thiệt thòi hơn các anh, không có gì ngoài khoai lúa nên rất lo lắng sẽ không làm hài lòng vua cha.

(Cảm xúc của Lang Liêu khi nói về hoàn cảnh của mình)

**3. Phương thức làm bánh.**

- Giấc mộng của Lang Liêu: Ta nằm mơ thấy thần xuất hiện trong giấc mộng hướng dẫn cách làm bánh:

+ Những nguyên liệu để làm bánh: Kể lại những nguyên liệu cần thiết.

+ Cách làm bánh chưng, bánh giầy: HS viết chi tiết cụ thể cách làm bánh.

+ Ý nghĩa của 2 loại bánh: hình vuông tượng trưng cho đất, hình tròn tượng trưng cho trời.

**4. Ngày lễ Tiên vương:**

+ Các hoàng tử khác mang toàn sơn hào, hải vị đến lễ.

+ Ta mang 2 thứ bánh đó dâng vua cha.

+ Vua cha hài lòng và gọi ta đến để hỏi ý nghĩa về các loại bánh. Sau khi nghe ta giải thích thì vua cha đã họp mọi người lại và đặt tên các loại bánh.

+ Ngạc nhiên khi thấy vua cha đặt tên cho bánh, thấy lời vua cha nói đúng ý của mình, ta cũng hiểu ý vua muốn gửi gắm mong muốn nhân dân được ấm no, ngai vàng bền vững nên qua đó ta càng cảm phục vua cha hơn.

=> Được vua cha truyền ngôI, ta rất hãnh diện và hạnh phúc nhưng ta cũng hiểu rằng, đó là một trọng trách rất lớn. Vì vậy trong suốt những năm tháng trị vị ta đã cố gắng rất nhiều để bảo vệ đất nước, nối chí vua cha, làm rạng danh Tổ tiên.

**III. Kết bài:**

Từ đó nông nghiệp được quan tâm, phát triển. Đặc biệt bánh chưng, bánh giầy là thứ không thể thiếu trong hương vị Tết cổ truyền cuả nhân dân ta.

Có thể nêu thêm suy nghĩ về ý nghĩa của bánh chưng, bánh giầy trong thời hiện đại.

**B2. Bài viết tham khảo:**

Ta là Lang Liêu, con trai thứ mười tám của vua Hùng. Chính ta là người đã sáng tạo ra bánh chưng và bánh giầy mà ngày nay người dân coi đó là hai loại bánh cổ truyền của dân tộc. Hôm nay ta sẽ kể lại cho mọi người về sự ra đời của hai loại bánh này.

Năm đó, vua cha ta đã có tuổi, muốn truyền lại ngôi vị nhưng vì ta có đến hai mươi anh em trai nên vua cha không biết chọn ai cho xứng đáng. Không biết nên làm thế nào, vua cha liền gọi tất cả anh em ta lại rồi nói:

- "Nhờ phúc của Tiên vương ta đã nhiều lần đánh đuổi giặc Ân xâm lấn, nhưng ta già rồi, không sống mãi ở đời được, người nối ngôi ta phải nối được chí ta, không nhất thiết phải là con trưởng. Nhân lễ Tiên vương, ai làm vừa ý ta, ta sẽ truyền ngôi cho".

Tất cả anh em của ta ai cũng đều mong muốn có được ngôi báu nên dốc lòng làm vừa ý vua cha, ta cũng rất muốn làm được gì đó vừa ý nhưng thật đáng buồn vì mẹ ta trước kia luôn bị vua cha ghẻ lạnh, đã chết vì ốm, so với tất cả anh em, ta là người thiệt thòi nhất. Từ khi ta lớn lên đã ra ở riêng chăm lo việc đồng áng, ruộng lúa, không hề biết đến quan trường, kẻ hầu người hạ là gì. Nghĩ đến làm món ăn ngon nhưng trong nhà chỉ toàn khoai và lúa, mà khoai lúa thì lại quá tầm thường, ta vô cùng phiền lòng và lo lắng. Bỗng, một đêm ta mộng thấy một vị thần đến mách bảo:

- "Trong trời đất, không có gì quý bằng hạt gạo, hạt gạo nuôi sống con người và ăn không bao giờ chán, lại tự mình trồng cấy được không như những của ngon hiếm lạ khác, nên hãy lấy gạo làm bánh lễ Tiên vương"

Nghe thần mách bảo như vậy ta mới thấu hiểu giá trị hạt gạo biết bao, ta mừng vì đã nghĩ ra một món ăn ý nghĩa và giá trị, rồi ta bắt tay vào việc làm bánh từ gạo. Ta tận tay chọn từng gạo hạt nếp thơm lừng, trắng tinh, tròn mẩy, đem vo cho thật sạch rồi lấy đậu xanh và thịt lợn làm nhân bánh, phần bên ngoài, ta dùng ngay lá dong trong vườn rồi gói thành hình vuông thật ngay ngắn, xong xuôi cho vào nồi nước nấu sôi suốt một ngày một đêm cho thật nhừ. Tiếp theo, cũng loại gạo nếp, nhưng ta chọn cách đồ gạo lên cho thật dẻo rồi giã nhuyễn và nặn thành hình tròn. Đã hoàn thành vật phẩm của mình, ta rất hồi hộp chờ đến ngày dâng lên lễ Tiên vương, cuối cùng ngày đó cũng đến. Quả thực các anh em của ta ai cũng dâng lên toàn sơn hào hải vị, nem công chả phượng, chẳng thiếu của ngon vật lạ gì, vua cha đi xem của các anh em rồi bỗng dừng lại trước chồng bánh của ta, rồi bỗng vua cha gọi ta lên hỏi. Khi được hỏi về nguyên do lại làm món ăn này, ta đã đem câu chuyện mộng thấy thần mách bảo kể lại cho vua nghe, vua cha nghe xong ngẫm nghĩ hồi lâu rồi quyết định đem hai món bánh của ta làm lễ vật tế Trời, Đất cùng Tiên vương. Ta bất ngờ và vui mừng khôn xiết vì món bánh của mình lại có thể vượt qua được tất cả sơn hào hải vị kia. Lúc thưởng thức bánh cùng quần thần, vua cha đã đặt tên cho hai loại bánh và ra lệnh truyền ngôi:

- "Bánh hình tròn tượng trưng cho Trời, đặt tên là bánh Giầy. Bánh hình vuông tượng trưng cho Đất, các thứ thịt mỡ, đậu xanh và lá dong làm nên bánh tượng trưng cho cầm thú, cây cỏ muôn loài, đặt tên là bánh Chưng. Lá bọc ngoài còn mĩ vị để trong là ngụ ý đùm bọc nhau. Lang Liêu đã dâng lễ vật hợp ý ta, ta sẽ truyền ngôi cho Lang Liêu." Thế rồi vua cha truyền cho ta ngôi báu trong niềm xúc động, tự hào của vua cha và sự ngưỡng mộ của quần thần.

Kể từ dạo đó, tết nào trong nhân dân ta cũng làm bánh chưng bánh giầy để dâng lên tổ tiên, ông bà. Hai thứ bánh này trở thành món ăn truyền thống thiêng liêng của dân tộc Việt. Qua câu chuyện của mình, ta cũng muốn gửi gắm đến con cháu đời sau rằng hãy không ngừng lao động để tạo ra những thành quả giá trị bằng chính sức lao động chân chính của mình và hãy biết giữ gìn văn hoá truyền thống tốt đẹp của dân tộc dù cho xã hội có thay đổi ra sao.

**Hoạt động : Vận dụng**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học (chủ đề) để vận dụng vào thực tế.

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân ở nhà để hoàn thành yêu cầu của GV

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

GV giao đề cho HS về nhà lập dàn ý, sau đó viết hoàn thành bài hoàn chỉnh.

**Đề bài:** Tưởng tượng và kể lại cuộc gặp gỡ với một nhân vật trong truyền thuyết mà em đã học.

* **B2: Thực hiện nhiệm vụ :** HS thực hiện ở nhà**.**
* **B3: Báo cáo sản phẩm:**

GV chữa vào tiết học sau.

Gọi 02 HS lên bảng lập dàn ý, gọi 1 số HS chấm vở.

HS nhận xét, bổ sung.

* **B4: Đánh giá, chốt kiến thức.**

**Gợi ý làm bài**

**B1. Hướng dẫn HS lập dàn ý :**

**\* Mở bài**

- Giới thiệu về hoàn cảnh của cuộc gặp gỡ.   
- Giới thiệu nhân vật Thánh Gióng trong truyền thuyết *Thánh Gióng*.

**\* Thân bài**

\* Quang cảnh nơi gặp gỡ  
\* Cảnh gặp gỡ Thánh Gióng  
\* Cuộc đối thoại với Thánh Gióng  
\* **Kết Bài**

- Kết thúc cuộc gặp gỡ.

- Nêu cảm xúc của bản thân.

**B2. Bài viết tham khảo**:

Từ khi còn nhỏ, tôi đã rất thích được nghe ông nội kể những câu chuyện cổ tích, những truyền thuyết xa xưa. Khi lớn lên, bắt đầu đi học tôi lại càng thêm ưa thích môn Văn, đặc biệt trong năm học lớp 6 được học lại những câu chuyện dân gian thật hay, tôi lại càng thêm thích thú. Tôi say mê, yêu thích và đắm chìm trong thế giới của trí tưởng tượng bay bổng và có lần tôi nằm mơ thấy mình được lên Thiên đình, ở đó tôi đã được gặp Thánh Gióng. Cuộc gặp gỡ trong mơ đầy thú vị đó đã để lại trong tôi ấn tượng khó phai.

Lần ấy, tôi mải mê đọc những truyện truyền thuyết và đến lúc mệt quá rồi tôi vẫn không chịu đi ngủ. Đến khi vừa đọc đến những dòng chữ cuối cùng của truyện *Thánh Gióng* thì tôi bỗng thấy mình lạc đến một nơi rất xa lạ, xung quanh mây phủ trắng, một mùi thơm như của các loài hoa toả ra ngào ngạt. Khung cảnh rất giống thiên đình nơi có các vị thần tiên mà tôi thường thấy trong các câu chuyện cổ hay trong các bộ phim. Tôi đang ngơ ngác không hiểu mình đã lạc bước vào đâu, bỗng trước mắt một tráng sĩ vóc dáng cao lớn, bình thản tiến về phía tôi. Tôi vô cùng ngạc nhiên vì đây là lần đầu tiên tôi nhìn thấy một người to lớn đến như vậy. Tôi vẫn chưa hết ngỡ ngàng thì người đó đã đứng ngay trước mặt tôi và nở một nụ cười thân thiện:

- Chào cháu bé. Cháu từ đâu đến vậy?  
Tôi càng ngạc nhiên hơn khi người đứng trước mặt tôi lúc này giới thiệu mình là Thánh Gióng. Tôi sung sướng reo lên:

- A! Ông chính là ông Gióng – người đã đánh tan lũ giặc Ân để giữ nước thuở trước đúng không ạ?  
Tráng sĩ nhìn tôi, mỉm cười đáp:

- Ta đúng là người đó đây! Sao cháu biết ta?

- Chúng cháu đang học về truyền thuyết *Thánh Gióng* đấy ông ạ. May quá hôm nay cháu được gặp ông ở đây, cháu có thể hỏi ông vài điều mà cháu đang thắc mắc được không ạ?  
Ông Gióng nhìn tôi mỉm cười:

- Được cháu cứ hỏi đi.

- Ông ơi! Vì sao khi đánh thắng giặc Ân xong ông không trở về quê nhà mà lại bay lên trời? Hay ông chê quê cháu nghèo không bằng xứ thần tiên này?

- Không! Ta cũng muốn được ở lại cùng người dân dưới hạ giới, nhưng vì ta vốn là con trưởng của Ngọc Hoàng nên phải trở về thiên đình sau khi đã hoàn thành sứ mệnh.

- Thế ông có nhớ cha mẹ ông ở dưới kia không?

- Có chứ, họ đã từng mang nặng đẻ đau ra ta, ta rất biết ơn họ, nhất là những ngày tháng ta không biết đi, biết nói, họ vẫn yêu thương mà không hề ghét bỏ ta. Ta rất muốn có ngày nào đó trở về đền ơn đáp nghĩa mẹ cha ta. Cũng chính vì lẽ đó mà ta đã cố gắng đánh tan quân xâm lược để cha mẹ ta được sống trong tự do thanh bình.

- Dạ ông. Giờ thì cháu hiểu rồi, ông đã báo đáp công nuôi dưỡng của cha mẹ mình bằng chính sự cố gắng chiến thắng quân xâm lược.

- Ừ, đó là một trong những cách thể hiện lòng hiếu thảo của con cái đối với cha mẹ đấy cháu ạ.Ta không chỉ muốn báo đáp công ơn cha mẹ ta mà ta còn muốn báo đáp cả bà con làng xóm đã tin tưởng và góp gạo nuôi ta lớn.

- Vậy từ bấy đến giờ, có khi nào ông về lại hạ giới không ạ?

- Có chứ. Hằng năm, ta vẫn về thăm làng ta vào mỗi dịp người dân mở hội và rất cảm động vì mọi người vẫn luôn nhớ đến ta. Hơn nữa, ta phải xuống hạ giới để còn coi xem thế hệ các cháu giữ nước và xây dựng đất nước ra sao chứ.

- Cháu hứa với ông sẽ cố gắng học tập và rèn luyện để có thể góp phần nhỏ bé của mình xây dựng và bảo vệ đất nước trong tương lai ạ.

Ông xoa đầu tôi, mỉm cười thật gần gũi:

- Cố lên cháu bé! Ta tin cháu sẽ làm được.

…

Tôi choàng tỉnh sau cơn mộng dài. Hoá ra đó là một giấc mơ, một giấc mơ thật đẹp và ý nghĩa. Hình ảnh ông Gióng trong giấc mơ vẫn còn nguyên trong trí nhớ của tôi. Tôi khẽ mỉm cười và tự nhủ sẽ thực hiện bằng được lời hứa với ông.

**Hoạt động: Bổ sung**

**GV yêu cầu HS:**

- Tìm đọc và tham khảo các tài liệu liên quan đến nội dung bài học.

- Học bài ở nhà, ôn tập các nội dung đã học.

- Làm hoàn chỉnh các đề bài.

- Vẽ sơ đồ tư duy bài học.

**BUỔI 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **BÀI 2:**  *Ngày soạn ..................*  *Ngày dạy:...................* | **ÔN TẬP THƠ**  **(THƠ LỤC BÁT)** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | https://hoc24.vn/source/V%C4%83n6/2021-03-25%20(1).png |  |

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

Ôn tập các đơn vị kiến thức của bài học 2:

- Nắm vững các đặc điểm về thơ lục bát: yếu tố hình thức (vần, nhịp, dòng và khổ thơ,…), nội dung (đề tài, chủ đề, cảm xúc, ý nghĩa,…)

- Ôn tập về biện pháp tu từ ẩn dụ.

- Tập làm thơ lục bát.

- Ôn tập cách kể về một trải nghiệm đáng nhớ.

**2. Năng lực:**

+*Năng lực chung*:Tự chủ và tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo

+*Năng lực chuyên môn*: Năng lực ngôn ngữ (đọc – viết – nói và nghe); năng lực văn học.

**3. Phẩm chất:**

**-** HS hiểu và trân trọng tình cảm gia đình.

- Có ý thức ôn tập nghiêm túc.

**B. PHƯƠNG TIỆN VÀ HỌC LIỆU**

**1.Học liệu**:

- Tham khảo SGV, SGK Ngữ văn 6 Cánh diều.

- Tài liệu ôn tập bài học.

- Phiếu học tập

**2. Thiết bị và phương tiện:**

- Sưu tầm tranh ảnh, tư liệu có liên quan đến bài học

- Sử dụng ngôn ngữ trong sáng, lành mạnh.

- Sử dụng máy chiếu/tivi kết nối wifi

**C.PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT DẠY HỌC**

**- Phương pháp**: Thảo luận nhóm, động não, dạy học giải quyết vấn đề, thuyết trình, đàm thoại gợi mở, dạy học hợp tác... .

**- Kĩ thuật**: Sơ đồ tư duy, phòng tranh, chia nhóm, đặt câu hỏi, khăn trải bàn,...

**D.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: Xác định nhiệm vụ học tập**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế bước vào giờ ôn tập kiến thức.

**b. Nội dung hoạt động:** HS hoàn thành Phiếu học tập

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

GV yêu cầu HS hoàn thành Phiếu học tập 01: Viết theo trí nhớ những nội dung của bài học 02: Thơ (Thơ lục bát).

Thời gian: 03 phút. Làm việc cá nhân



|  |  |
| --- | --- |
| **KĨ NĂNG** | **NỘI DUNG CỤ THỂ** |
| Đọc – hiểu văn bản | Văn bản 1:…………………………………………………………………………………….. |
| Văn bản 2: ……………………………………………………………………………………. |
| Thực hành đọc hiểu: Văn bản……………………………………………………….. |
| Thực hành tiếng Việt: ………………………………………………………………….. |
| Viết | ……………………………………………………………………………………………………… |
| Nói và nghe | …………………………………………………………………………………………………….. |

**PHIẾU HỌC TẬP 01**

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS làm việc cá nhân, hoàn thành phiếu học tập 01.

**B3: Báo cáo sản phẩm học tập:**

* GV gọi 1 số HS trả lời nhanh các nội dung của Phiếu học tập.
* GV có thể gọi 1 số HS đọc thuộc lòng các văn bản thơ phần Đọc hiểu văn bản.

**B4: Đánh giá, nhận xét**

- GV nhận xét, khen và biểu dương các HS phát biểu , đọc bài tốt.

- GV giới thiệu nội dung ôn tập:

|  |  |
| --- | --- |
| **KĨ NĂNG** | **NỘI DUNG CỤ THỂ** |
| Đọc – hiểu văn bản | **Đọc hiểu văn bản:**  ***+Văn bản 1:*** *À ơi tay mẹ (Bình Nguyên)* |
| ***+ Văn bản 2:*** *Về thăm mẹ (Đinh Nam Khương)* |
| **Thực hành Tiếng Việt:** Biện pháp tu từ ẩn dụ |
| **Thực hành đọc hiểu**:  ***+ Văn bản:*** *Ca dao Việt Nam* |
| Viết | **Viết:** Tập làm thơ lục bát. |
| Nói và nghe | **Nói và nghe:** Kể lại một trải nghiệm đáng nhớ. |

**Hoạt động 2: Ôn tập kiến thức cơ bản**

**a.Mục tiêu**: Giúp HS ôn tập, nắm chắc các đơn vị kiến thức của bài học 2.

**b. Nội dung hoạt động:** Vận dụng các phương pháp đàm thoại gợi mở, hoạt động nhóm để ôn tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân hoặc sản phẩm nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

* GV hướng dẫn HS ôn lại các đơn vị kiến thức cơ bản bằng phương pháp hỏi đáp, đàm thoại gợi mở; hoạt động nhóm,
* HS lần lượt trả lời nhanh các câu hỏi củaGV các đơn vị kiến thức cơ bản của bài học 2

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

* HS tích cực trả lời.
* GV khích lệ, động viên

**B3: Báo cáo sản phẩm**

* HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV.
* Các HS khác nhận xét, bổ sung.

**B4: Đánh giá, nhận xét**

GV nhận xét, chốt kiến thức

**ÔN TẬP ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

✪ **KIẾN THỨC CHUNG VỀ THƠ LỤC BÁT**

**Câu hỏi ôn tập**: Em hãy nhắc nhanh lại những yếu tố hình thức của một bài thơ nói chung và những đặc điểm của thể thơ lục bát.

**Gợi ý trả lời**

**1. Một số yếu tố hình thức của bài thơ**

- Dòng thơ gồm các tiếng được sắp xếp thành hàng; các dòng thơ có thể giống hoặc khác nhau về độ dài, ngắn.

- Vần là phương tiện tạo tính nhạc cơ bản của thơ dựa trên sự lặp lại (hoàn toàn hoặc không hoàn toàn) phần vần của âm tiết. Vân có vị trí ở cuối dòng thơ gọi là vần chân, ở giữa dòng thơ gọi là vần lưng.

- Nhịp là những điểm ngắt hơi khi đọc một dòng thơ. Ngắt nhịp tạo ra sự hài hoà, đồng thời giúp hiểu đúng ý nghĩa của dòng thơ.

**2. Đặc điểm của thơ lục bát**

* Lục bát là thể thơ truyền thống của dân tộc Việt Nam, có sức sống mãnh liệt, mang đậm vẻ đẹp tâm hồn con người Việt Nam.
* ***Số câu, số chữ mỗi dòng:*** Mỗi bài thơ ít nhất gồm hai dòng với số tiếng cố định: dòng sáu tiếng (dòng lục) và dòng tám tiếng (dòng bát).
* ***Gieo vần:***

+ Gieo vần chân và vần lưng.

+ Tiếng thứ sáu của dòng lục gieo vần xuống tiếng thứ sáu của dòng bát, tiếng thứ tám của dòng bát gieo vần xuống tiếng thứ sáu của dòng lục tiếp theo

* ***Ngắt nhịp:***  thường ngắt nhịp chẵn (mỗi nhịp hai tiếng)

**3. Cách đọc hiểu tác phẩm thơ lục bát**

Câu hỏi ôn tập: Em cần lưu ý những điểu gì khi đọc hiểu một bài thơ lục bát?

**Gợi ý trả lời**

**Khi đọc hiểu một tác phẩm thơ lục bát, ta cần tuân thủ những yêu cầu dưới đây:**

- Cần biết rõ tên tác phẩm, tên tập thơ, tên tác giả, năm xuất bản, tìm hiểu những thông tin liên quan đến hoàn cảnh sáng tác bài thơ.

- **Cần hiểu được bài thơ là lời của ai, nói về ai, về điều gì?**

- Đọc kĩ bài thơ, cảm nhận ý thơ qua **các yếu tố hình thức của bài thơ lục bát: nhan đề, dòng thơ, số khổ thơ, vần và nhịp, các hình ảnh đặc sắc, các biện pháp tu từ,…**. Ý thơ ở đây là cảm xúc, suy nghĩ, tâm trạng, những sự việc, sự vật,… Đồng cảm với nhà thơ, dùng liên tưởng, tưởng tượng, phân tích khả năng biểu hiện của từng từ ngữ, chi tiết, vần điệu,… mới cảm nhận được ý thơ, thấu hiểu hình tượng thơ, cái tôi trữ tình, nhân vật trữ tình

**- Chỉ ra được tình cảm, cảm xúc của người viết và tác động của chúng đến suy nghĩ và tình cảm của người đọc.**

**-**Từ những câu thơ đẹp, lời thơ lạ, ý thơ hay, từ hình tượng thơ, cái tôi trữ tình, nhân vật trữ tình, hãy lùi xa ra và nhìn lại để lí giải, đánh giá toàn bài thơ cả về nội dung và nghệ thuật. Cần chỉ ra được những nét độc đáo, sáng tạo trong hình thức biểu hiện; những đóng góp về nội dung tư tưởng.

✪ **VĂN BẢN ĐỌC HIỂU**

**\* Hoàn thành phiếu học tập 02:**

**PHIẾU HỌC TẬP 02:**

Họ và tên HS: ………………………….

**Nhiệm vụ**: **Nhớ lại kiến thức đọc hiểu văn bản và thực hiện các nội dung phía dưới:**

Nhóm 1 + 2 : Bài thơ “À ơi tay mẹ” (Bình Nguyên)

Nhóm 3 : Bài thơ “Về thăm mẹ” (Đinh Nam Khương)

Nhóm 4: Chùm Ca dao Việt Nam

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Vài nét về tác giả (nếu có) | ……………………………………………………….  ………………………………………………………..  ……………………………………………………….. |
| 1. Đặc sắc về nội dung | ………………………………………………………..  ……………………………………………………….. |
| 1. Đặc sắc về nghệ thuật | ……………………………………………………….  ………………………………………………………. |
| 1. Cảm nhận về một hình ảnh thơ mà em ấn tượng nhất trong bài. | ……………………………………………………….  ………………………………………………………. |

\\\

**\*GV hướng dẫn HS chốt các đơn vị kiến thức cơ bản của các văn bản đọc hiểu**:

**🞜** **Văn bản 1: Văn bản *À ơi tay mẹ* (Bình Nguyên)**

1. **TÁC GIẢ BÌNH NGUYÊN**

- Tên thật là Nguyễn Đăng Hào, sinh ngày 25 tháng 1 năm 1959.

- Quê quán: xã Ninh Phúc, TP Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

- Ông vừa là nhà thơ, vừa là nghệ sĩ nhiếp ảnh Việt Nam.

- Hiện nay tác giả Bình Nguyên đang làm Chủ tịch Hội Văn học Nghệ thuật Ninh Bình.

- Sự nghiệp:

+ Đã nhận tới hai giải “Thơ lục bát” (Giải A-2003; Giải Ba-2010) trên báo Văn Nghệ.

+ Các tác phẩm thơ chính:Hoa Thảo Mộc (2001); Trăng đợi (2004); Đi vè nơi không chữ (2006); Lang thang trên giấy (2009); Những ngọn gió đồng (2015); Trăng hẹn một lần thu (2018)…

1. **VĂN BẢN “*À ƠI TAY MẸ*”**
2. **Xuất xứ :** 2003, bài thơ được tác giả gửi dự thi Thơ lục bát trên báo Văn Nghệ
3. **Thể loại: Thơ lục bát**

* Thơ lục bát là thể thơ truyền thống của dân tộc. Mỗi bài thơ ít nhất gồm hai dòng với số tiếng cố định: dòng sáu tiếng (dòng lục) và dòng tám tiếng (dòng bát).
* Bài thơ mang âm hưởng ca dao dân ca Việt Nam, giúp tác giả bộc lộ được tình mẫu tử giản dị mà sâu lắng, tha thiết.

1. **Bố cục văn bản**: 02 phần:

* **Phần 1**: từ đầu… “À ơi tay mẹ vẫn còn hát ru”: Vẻ đẹp đôi bàn tay mẹ
* **Phần 2:** Còn lại: Ý nghĩa lời ru của mẹ

1. **Nội dung chính**

* Bài thơ À ơi tay mẹ (Bình Nguyên) là bài thơ bày tỏ tình cảm của người mẹ với đứa con nhỏ bé của mình. Qua hình ảnh đôi bàn tay và những lời ru, bài thơ đã khắc họa thành công một người mẹ Việt Nam điển hình: vất vả, chắt chiu, yêu thương, hi sinh...đến quên mình.
* Qua bài thơ, người đọc thấy được tình mẫu tử giản dị mà thiêng liêng, bồi đắp cho HS về ý nghĩa cao cả của tình mẫu tử trong cuộc sống.

1. **Đặc sắc nghệ thuật:**

* Thể thơ lục bát nhịp nhàng như lối hát ru con.
* Phối hợp hài hòa các biện pháp tu từ: ẩn dụ, điệp từ, điệp cấu trúc.

1. **ĐỊNH HƯỚNG PHÂN TÍCH VĂN BẢN**

Bàn tay mẹ chắn mưa sa   
Bàn tay mẹ chặn bão qua mùa màng.

Vẫn bàn tay mẹ dịu dàng  
À ơi này cái trăng vàng ngủ ngon  
À ơi này cái trăng tròn  
À ơi này cái trăng còn nằm nôi...

Bàn tay mẹ thức một đời  
À ơi này cái mặt trời bé con...  
Mai sau bể cạn non mòn  
À ơi tay mẹ vẫn còn hát ru.

Ru cho mềm ngọn gió thu  
Ru cho tan đám sương mù lá cây  
Ru cho cái khuyết tròn đầy  
Cái thương cái nhớ nặng ngày xa nhau.

Bàn tay mang phép nhiệm mầu  
Chắt chiu tự những dãi dầu đấy thôi.

Ru cho sóng lặng bãi bồi  
Mưa không dột chỗ ngoại ngồi vá khâu

Ru cho đời nín cái đau

À ơi... Mẹ chẳng một câu ru mình.

**1. Dàn ý:**

|  |
| --- |
| **1.1. Nêu vấn đề:** giới thiệu tác giả, văn bản, và vấn đề bàn luận của văn bản. |
| **1.2. Giải quyết vấn đề:**  **B1: Khái quát về văn bản:** chủ đề, thể thơ, bố cục văn bản, chủ đề, … |
| **B2: Phân tích nội dung – nghệ thuật của văn bản theo luận điểm:**  **a. Vẻ đẹp của hình ảnh đôi tay mẹ**  **\*Bàn tay mẹ trước giông bão cuộc đời:**  Bàn tay mẹ chắn mưa sa  Bàn tay mẹ chặn bão qua mùa màng.   * Các biện pháp tu từ được tác giả sử dụng:   + **Hình ảnh hoán dụ:** “Bàn tay mẹ” để chỉ mẹ với bao phẩm chất tốt đẹp, hết lòng hi sinh vì con.  + **Các hình ảnh ẩn dụ**: " mưa sa"; " bão qua mùa màng"🡺 Đây là những hình ảnh thiên nhiên thường gặp trong cuộc sống thường ngày, song cũng là hình ảnh biểu tượng cho những vất vả, khó khăn, thử thách trong cuộc đời.  **+ Các động từ mạnh: “chắn”, “chặn**”đã diễn tả sự mạnh mẽ, kiên cường của mẹ trước bão giông, thử thách của cuộc đời.  Ở hai câu thơ đầu đã vẽ ra hai thế giới đối lập nhau: thế giới bên ngoài bàn tay mẹ với bao bão gió, mưa sa dữ dội; còn thế giới bên trong bàn tay mẹ là thế giới của bình yên, dịu êm khi có mẹ che chở.  → Bàn tay mẹ đã chống đỡ lại mọi giông bão cuộc đời để con được bình an trưởng thành: mẹ “chắn mưa sa”; mẹ “chặn bão qua mùa màng”. Bàn tay mẹ chính là vòm trời bình yên của con. Ở hai câu thơ đầu, người đọc còn thấy sự đối lập giữa bàn tay nhỏ bé của mẹ với bao bão giông, mưa sa dữ dội, khắc nghiệt của thiên nhiên, cuộc đời. Mẹ vượt qua tất thảy vì lòng yêu thương con lớn lao, vô bở.  🡺 Như vậy, qua hai câu thơ đầu, người đọc thấy hình ảnh mẹ mạnh mẽ, kiên cường trước khó khăn, chông gai trong cuộc đời để bảo vệ con, cho con được hạnh phúc, bình yên. Đó chính là sức mạnh phi thường, bản năng của người làm mẹ.  **\* Bàn tay mẹ dịu dàng nuôi nấng con:**  Vẫn bàn tay mẹ dịu dàng À ơi này cái trăng vàng ngủ ngon À ơi này cái trăng tròn À ơi này cái trăng còn nằm nôi...  **+ Phó từ “vẫn”** cho thấy bàn tay mẹ thật diệu kì: Trước bão giông cuộc đời, bàn tay mẹ mạnh mẽ, quyết liệt “chắn”, “chặn”; vậy mà trước con vẫn bàn tay ấy của mẹ lại dịu dàng biết bao.  **+Từ láy “dịu dàng**”: diễn tả hành động nhẹ nhàng, có thể gợi ra nhịp đưa nôi khẽ khàng, đem đến cảm giác dễ chịu. Trong vòng tay mẹ, con được vỗ về, yêu thương.  **+ Từ láy “à ơi**” được lặp lại 3 lần, đứng đầu 3 dòng thơ tạo điệp khúc ngân nga, khiến cho giai điệu lời ru thêm ngọt ngào, thơ thiết, đưa con vào giấc ngủ say nồng.  **+ Mẹ gọi con** là cái trăng vàng, cái trăng tròn, cái trăng còn nằm nôi. Đây là cách gọi đưa con bé bỏng đầy yêu thương, trìu mến, chứa đựng sự trân quý, nâng niu của mẹ. Có con, cuộc đời của mẹ trở nên trọn vẹn, hạnh phúc.  → Như vậy, trái ngược với vẻ cứng rắn khi đối mặt với cuộc đời, mẹ luôn dịu dàng, yêu thương con.  **c. Bàn tay mẹ nhiệm màu, hi sinh vì con**  Bàn tay mẹ thức một đời À ơi này cái mặt trời bé con... Mai sau bể cạn non mòn À ơi tay mẹ vẫn còn hát ru.  Và  Bàn tay mang phép nhiệm mầu Chắt chiu tự những dãi dầu (2) đấy thôi.  + Nếu như ở khổ thơ trên (ý b), mẹ gọi con là cái trăng vàng, cái trăng tròn, cái trăng còn nằm nôi thì đến khổ thơ này, mẹ gọi con là “cái mặt trời bé con”. Hình ảnh ẩn dụ “cái mặt trời bé con” đã khẳng định một điều con chính là ánh sáng cuộc đời mẹ, là mặt trơi, là nguồn sống của mẹ. Hình ảnh thơ khiến ta nghĩ đến câu thơ của nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm: “Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi – Mặt trời của mẹ con nằm trên lưng” ( Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ). Lời thơ thể hiện tình mẫu tử thiêng liêng, tình yêu thương con bao la của mẹ.  + Thành ngữ “bể cạn non mòn" gợi sự thay đổi lớn lao của thiên nhiên, của cuộc đời. Dù cho vũ trụ có xoay vần, đời người dâu bể thì tình yêu của mẹ với con sẽ mãi luôn đong đầy trời bể, “à ơi tay mẹ vẫn còn hát ru”.  + Hình ảnh “Bàn tay mang phép nhiệm màu” cho thấy bàn tay mẹ như bàn tay của bà tiên trong cổ tích, đem lại bao điều tốt đẹp cho cuộc đời con. Nhưng bàn tay của mẹ không phải trong cổ tích mà tồn tại ngay giữa đời thường, "chắt chiu từ những dãi dầu" của cuộc đời. Từ láy “chắt chiu” đã diễn tả sự giữ gìn, nâng niu của mẹ. Mẹ nhận hết về mình bao cay đắng, đối mặt với bao mưa sa, bão giông, trải qua bao dãi dầu, nhọc nhằn, “thức một đời” để chắt chiu những gì đẹp đẽ, an lành nhất cho con, bao bọc, vỗ về và chở che cho con.  → Người mẹ vất vả, chắt chiu một đời để nuôi nấng con dù cho bất cứ điều gì xảy ra.  **\*Tóm lại: Ở phần đầu của bài thơ, tác giả Bình Nguyên đã tinh tế lựa chọn hình ảnh “bàn tay mẹ” để khắc hoạ hình ảnh mẹ. Bằng thể thơ lục bát với nhịp thơ tựa như lời hát ru, các biện pháp ẩn dụ, hoán dụ, điệp ngữ, hình ảnh đôi bàn tay mẹ hiện lên thật đẹp đẽ, là nơi hội tụ vẻ đẹp của sự kiên cường, mạnh mẽ vượt qua mọi thử thách, gian lao trong cuộc sống; song cũng vô cùng ấm áp, dịu dàng. Hình ảnh đôi bàn tay tảo tần mạnh mẽ mà ấm áp trở thành biểu tượng cho người mẹ hết lòng vì con, hình ảnh này đã nhiều lần đi vào các tác phẩm văn học, âm nhạc. Người mẹ luôn ẩn chứa sức mạnh phi thường để bảo vệ con trước giông bão cuộc đời.**  ***b. Ý nghĩa lời ru của mẹ***  Ru cho mềm ngọn gió thu Ru cho tan đám sương mù lá cây Ru cho cái khuyết tròn đầy Cái thương cái nhớ nặng ngày xa nhau.  Ru cho sóng lặng bãi bồi Mưa không dột chỗ ngoại ngồi vá khâu Ru cho đời nín cái đau  À ơi... Mẹ chẳng một câu ru mình.  **\*Lời ru thể hiện nỗi niềm của mẹ lo nghĩ cho tất cả mọi người:**  **Các hình ảnh thơ thể hiện nỗi niềm lo nghĩ của mẹ:**  + "mềm ngọn gió thu", "tan đám sương mù lá cây" → Mẹ muốn xua tan đi cái rét mướt, lạnh lẽo của thời tiết để con được khoẻ mạnh lớn lên → Sự ấm áp đến từ lời ru, từ trái tim người mẹ.  + "cái khuyết tròn đầy", "cái thương cái nhớ" → Lời ru thể hiện tình thương của mẹ cho đứa con còn nhỏ, chưa phát triển đầy đủ, thương con khi phải xa mẹ. Lời ru cũng thể hiện mong muốn con ngày một trưởng thành, mẹ con không phải xa cách nhau.  + "sóng lặng bãi bồi", "mưa không dột chỗ bà ngồi khâu"🡪 Lời ru chan chứa niềm canh cánh, niềm yêu thương với bà ngoại; mong mỏi bà luôn được khoẻ mạnh, bình an.  + Mẹ nghĩ cho cả mọi người, cho cuộc đời: "cho đời nín đau". Mẹ mong cuộc đời là những tháng ngày bình yên, hạnh phúc.  **\*Mẹ vì mọi người mà quên mất bản thân mình:**"À ơi...Mẹ chẳng một câu ru mình".  → Câu thơ cho ta thấy được đức hi sinh cao cả, thiêng liêng của người mẹ.  -**Nghệ thuật:**  **+** Điệp cấu trúc: "Ru cho" giúp bài thơ mang âm điệu như lời ru, thể hiện tình cảm chan chứa của mẹ dành cho con.  + Ẩn dụ "cái khuyết tròn đầy", nhân hóa "đời nín cái đau".  + Nhịp thơ như lời hát, uyển chuyển, sâu lắng.  →**Tác dụng:**  + Tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.  + Thể hiện sự hi sinh cao cả của mẹ không chỉ với con mà là với người thân, với cả cộng đồng. |
| **1.3. Đánh giá khái quát**  **a. Nghệ thuật**  + Thể thơ lục bát nhịp nhàng như lối hát ru con.  + Phối hợp hài hòa các biện pháp tu từ: ẩn dụ, điệp từ, điệp cấu trúc.  + Ngôn ngữ thơ giản dị; nhịp điệu thơ tha thiết, trìu mến.  **b. Nội dung:**  Bài thơ À ơi tay mẹ của tác giả Bình Nguyên là bài thơ bày tỏ tình cảm của người mẹ với đứa con nhỏ bé của mình. Qua hình ảnh đôi bàn tay và những lời ru, bài thơ đã khắc họa thành công một người mẹ Việt Nam điển hình: vất vả, chắt chiu, yêu thương, hi sinh...đến quên mình vì con. Qua bài thơ, người đọc thấy được tình mẫu tử giản dị mà thiêng liêng, bồi đắp cho mỗi chúng ta về ý nghĩa cao cả của tình mẫu tử trong cuộc sống. |

**2. Định hướng phân tích**

Tình mẫu tử là một trong những đề tài quen thuộc của thơ ca, nghệ thuật. Viết về tình mẫu tử thiêng liêng đã có biết bao áng thơ hay, bài hát đẹp. Tìm đến đề tài đã quá quen thuộc nhưng những sáng tác của tác giả Bình Nguyên vẫn gieo vào lòng người đọc những nỗi rung động đầy chất thơ về tình mẫu tử đơn sơ mà thấm thía, giản dị mà sâu sắc.

Nói đến nhà thơ Bình Nguyên, Chủ tịch Hội Văn học Nghệ thuật Ninh Bình, bạn đọc nhớ ngay đến những câu thơ lục bát hay của ông. Nhà thơ của cố đô Hoa Lư này đã nhận tới hai giải “Thơ lục bát” (Giải A-2003; Giải Ba-2010) trên báo Văn Nghệ. Qua những tập thơ của nhà thơ Bình Nguyên đã xuất bản trong hơn 15 năm qua, bạn đọc khá quen thuộc với sự hồn hậu, dịu dàng và tài hoa của ông. Một trong những bài thơ lục bát viết về tình mẫu tử để lại ấn tượng sâu đậm trong lòng người yêu thơ là bài thơ “À ơi tay mẹ”, đã được nhạc sĩ Trần Viết Tân phổ nhạc thành bài hát cùng tên.

**Trước tiên, ba khổ đầu của bài thơ đã cho người đọc thấy được vẻ đẹp của hình ảnh đôi tay mẹ.** Đó là đôi bàn tay vừa mạnh mẽ, kiên cường để bao bọc, chở che cho con trước giông bão cuộc đời, vừa vô cùng ấm áp dịu dàng, đầy yêu thương. **Hai câu thơ đầu** đã tô đậm vẻ đẹp của đôi bàn tay mẹ **trước giông bão cuộc đời:**

Bàn tay mẹ chắn mưa sa   
Bàn tay mẹ chặn bão qua mùa màng.

Tác giả sử dụng **hình ảnh hoán dụ:** “Bàn tay mẹ” để chỉ mẹ với bao phẩm chất tốt đẹp, hết lòng hi sinh vì con. **Các hình ảnh ẩn dụ**" mưa sa", " bão qua mùa màng” là những hình ảnh thiên nhiên thường gặp trong cuộc sống thường ngày, song cũng là hình ảnh biểu tượng cho những vất vả, khó khăn, thử thách trong cuộc đời. Bên cạnh đó, c**ác động từ mạnh: “chắn”, “chặn**”đã diễn tả sự mạnh mẽ, kiên cường của mẹ trước bão giông, thử thách của cuộc đời. Như vậy, chỉ với hai câu thơ đầu đã vẽ ra hai thế giới đối lập nhau: thế giới bên ngoài bàn tay mẹ với bao bão gió, mưa sa dữ dội; còn thế giới bên trong bàn tay mẹ là thế giới của bình yên, dịu êm khi có mẹ che chở. Bàn tay mẹ đã chống đỡ lại mọi giông bão cuộc đời để con được bình an trưởng thành: mẹ “chắn mưa sa”; mẹ “chặn bão qua mùa màng”. Bàn tay mẹ chính là vòm trời bình yên của con. Ở hai câu thơ đầu, người đọc còn thấy sự đối lập giữa bàn tay nhỏ bé của mẹ với bao bão giông, mưa sa dữ dội, khắc nghiệt của thiên nhiên, cuộc đời. Mẹ vượt qua tất thảy vì lòng yêu thương con lớn lao, vô bở. Qua hai câu thơ đầu, người đọc thấy hình ảnh mẹ mạnh mẽ, kiên cường trước khó khăn, chông gai trong cuộc đời để bảo vệ con, cho con được hạnh phúc, bình yên. Đó chính là sức mạnh phi thường, bản năng của người làm mẹ.

**Không chỉ miêu tả vẻ mạnh mẽ, kiên cường của đôi bàn tay mẹ trước , tác giả đã gợi ra vẻ dịu dàng của đôi bàn tay mẹ, luôn vỗ về, yêu thương con :**

Vẫn bàn tay mẹ dịu dàng  
À ơi này cái trăng vàng ngủ ngon  
À ơi này cái trăng tròn  
À ơi này cái trăng còn nằm nôi...

Câu thơ thứ 3 của bài sử dụng **phó từ “vẫn”** cho thấy bàn tay mẹ thật diệu kì. Trước bão giông cuộc đời, bàn tay mẹ mạnh mẽ, quyết liệt “chắn”, “chặn”; vậy mà trước con vẫn bàn tay ấy của mẹ lại dịu dàng biết bao.**Từ láy “dịu dàng**” diễn tả hành động nhẹ nhàng, có thể gợi ra nhịp đưa nôi khẽ khàng, đem đến cảm giác dễ chịu. Trong vòng tay mẹ, con được vỗ về, yêu thương. Không chỉ vậy, **từ láy “à ơi**” được lặp lại 3 lần, đứng đầu 3 dòng thơ tạo điệp khúc ngân nga, khiến cho giai điệu lời ru thêm ngọt ngào, thơ thiết, đưa con vào giấc ngủ say nồng. **Mẹ gọi con** là cái trăng vàng, cái trăng tròn, cái trăng còn nằm nôi. Đây là cách gọi đưa con bé bỏng đầy yêu thương, trìu mến, chứa đựng sự trân quý, nâng niu của mẹ. Có con, cuộc đời của mẹ trở nên trọn vẹn, hạnh phúc. Như vậy, trái ngược với vẻ cứng rắn khi đối mặt với cuộc đời, mẹ luôn dịu dàng, yêu thương con.

**Bàn tay mẹ còn chất chứa bao tảo tần, hi sinh vì con:**

Bàn tay mẹ thức một đời  
À ơi này cái mặt trời bé con...  
Mai sau bể cạn non mòn  
À ơi tay mẹ vẫn còn hát ru.

Nếu như ở khổ thơ thứ hai, mẹ gọi con là cái trăng vàng, cái trăng tròn, cái trăng còn nằm nôi thì đến khổ thơ này, mẹ gọi con là “cái mặt trời bé con”. Hình ảnh ẩn dụ “cái mặt trời bé con” đã khẳng định một điều con chính là ánh sáng cuộc đời mẹ, là mặt trơi, là nguồn sống của mẹ. Hình ảnh thơ khiến ta nghĩ đến câu thơ của nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm: “Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi – Mặt trời của mẹ con nằm trên lưng” ( *Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ*). Lời thơ thể hiện tình mẫu tử thiêng liêng, tình yêu thương con bao la của mẹ. Bên cạnh đó, vệc sử dụng thành ngữ “bể cạn non mòn" gợi sự thay đổi lớn lao của thiên nhiên, của cuộc đời, qua đó khẳng định một điều chắc chắn: dù cho vũ trụ có xoay vần, đời người dâu bể thì tình yêu của mẹ với con sẽ mãi luôn đong đầy trời bể, “à ơi tay mẹ vẫn còn hát ru”.

Bàn tay mang phép nhiệm mầu  
Chắt chiu tự những dãi dầu đấy thôi.

Hình ảnh “Bàn tay mang phép nhiệm màu” cho thấy bàn tay mẹ như bàn tay của bà tiên trong cổ tích, đem lại bao điều tốt đẹp cho cuộc đời con. Nhưng bàn tay của mẹ không phải trong cổ tích mà tồn tại ngay giữa đời thường, "chắt chiu từ những dãi dầu" của cuộc đời. Từ láy “chắt chiu” đã diễn tả sự giữ gìn, nâng niu của mẹ. Mẹ nhận hết về mình bao cay đắng, đối mặt với bao mưa sa, bão giông, trải qua bao dãi dầu, nhọc nhằn, “thức một đời” để chắt chiu những gì đẹp đẽ, an lành nhất cho con, bao bọc, vỗ về và chở che cho con.

**Tóm lại tác giả Bình Nguyên đã tinh tế lựa chọn hình ảnh “bàn tay mẹ” để khắc hoạ hình ảnh mẹ. Bằng thể thơ lục bát với nhịp thơ tựa như lời hát ru, các biện pháp ẩn dụ, hoán dụ, điệp ngữ, hình ảnh đôi bàn tay mẹ hiện lên thật đẹp đẽ, là nơi hội tụ vẻ đẹp của sự kiên cường, mạnh mẽ vượt qua mọi thử thách, gian lao trong cuộc sống; song cũng vô cùng ấm áp, dịu dàng. Hình ảnh đôi bàn tay tảo tần mạnh mẽ mà ấm áp trở thành biểu tượng cho người mẹ hết lòng vì con, hình ảnh này đã nhiều lần đi vào các tác phẩm văn học, âm nhạc. Người mẹ luôn ẩn chứa sức mạnh phi thường để bảo vệ con trước giông bão cuộc đời.**

**Phần sau bài thơ tác giả tập trung làm nổi bật ý nghĩa lời ru của mẹ:**

Ru cho mềm ngọn gió thu  
Ru cho tan đám sương mù lá cây  
Ru cho cái khuyết tròn đầy  
Cái thương cái nhớ nặng ngày xa nhau.

Ru cho sóng lặng bãi bồi  
Mưa không dột chỗ ngoại ngồi vá khâu  
Ru cho đời nín cái đau

À ơi... Mẹ chẳng một câu ru mình.

**Lời ru chất chưa bao nỗi niềm của mẹ lo nghĩ cho tất cả mọi người. Các hình ảnh thơ thể hiện nỗi niềm lo nghĩ của mẹ:**

Ru cho mềm ngọn gió thu  
Ru cho tan đám sương mù lá cây

Mẹ muốn xua tan đi cái rét mướt, lạnh lẽo của thời tiết để con được khoẻ mạnh lớn lên. Đó là sự ấm áp đến từ lời ru, từ trái tim người mẹ.

Ru cho cái khuyết tròn đầy  
Cái thương cái nhớ nặng ngày xa nhau

Lời ru thể hiện tình thương của mẹ cho đứa con còn nhỏ, chưa phát triển đầy đủ, thương con khi phải xa mẹ. Lời ru cũng thể hiện mong muốn con ngày một trưởng thành, mẹ con không phải xa cách nhau.

Ru cho sóng lặng bãi bồi  
Mưa không dột chỗ ngoại ngồi vá khâu  
Ru cho đời nín cái đau

À ơi... Mẹ chẳng một câu ru mình.

Lời ru chan chứa niềm canh cánh, niềm yêu thương với bà ngoại: "sóng lặng bãi bồi", "mưa không dột chỗ bà ngồi khâu “, mong mỏi ngoại luôn được khoẻ mạnh, bình an. Mẹ không chỉ lo cho con bé bỏng, lo cho người thân mà mẹ còn lo nghĩ cho cả mọi người, cho cuộc đời: "cho đời nín đau". Mẹ mong cuộc đời là những tháng ngày bình yên, hạnh phúc. **Mẹ vì mọi người mà quên mất bản thân mình:  "**À ơi...Mẹ chẳng một câu ru mình". Câu thơ cho ta thấy được đức hi sinh cao cả, thiêng liêng của người mẹ. Điệp cấu trúc: "Ru cho" giúp bài thơ mang âm điệu như lời ru, thể hiện tình cảm chan chứa của mẹ dành cho con.

**Tóm lại ,** với thể thơ lục bát nhịp nhàng như lối hát ru con, phối hợp hài hòa các biện pháp tu từ: ẩn dụ, điệp từ, điệp cấu trúc; ngôn ngữ thơ giản dị; nhịp điệu thơ tha thiết, trìu mến, qua bài thơ À ơi tay mẹ, tác giả Bình Nguyên đã thể hiện sâu sắc  tình cảm của người mẹ với đứa con nhỏ bé của mình. Qua hình ảnh đôi bàn tay và những lời ru, bài thơ đã khắc họa thành công một người mẹ Việt Nam điển hình: vất vả, chắt chiu, yêu thương, hi sinh...đến quên mình vì con. Qua bài thơ, người đọc thấy được tình mẫu tử giản dị mà thiêng liêng, bồi đắp cho mỗi chúng ta về ý nghĩa cao cả của tình mẫu tử trong cuộc sống.

1. **LUYỆN TẬP ĐỌC HIỂU**

\*GV hướng dẫn HS thực hành các đề đọc hiểu về văn bản “À ơi tay mẹ” (Bình Nguyên):

**Đề bài 01: Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:**

Bàn tay mẹ chắn mưa sa   
Bàn tay mẹ chặn bão qua mùa màng.

Vẫn bàn tay mẹ dịu dàng  
À ơi này cái trăng vàng ngủ ngon  
À ơi này cái trăng tròn  
À ơi này cái trăng còn nằm nôi...

Bàn tay mẹ thức một đời  
À ơi này cái mặt trời bé con...  
Mai sau bể cạn non mòn  
À ơi tay mẹ vẫn còn hát ru.

(Trích “À ơi tay mẹ” – Bình Nguyên)

**Câu 1:** Xác định phương thức biều đạt chính trong đoạn trích trên.

**Câu 2:** Trong đoạn trích, người con bé bỏng được gọi bằng những cụm từ nào?

**Câu 3:** Tìm và nêu tác dụng của hình ảnh ẩn dụ trong hai câu thơ sau:

Bàn tay mẹ thức một đời  
À ơi này cái mặt trời bé con…

**Câu 4:** Qua đoạn thơ, em có cảm nhận gì về tình cảm của người mẹ dành cho con.

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1:** Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm

**Câu 2:**Trong đoạn trích, người con bé bỏng được gọi bằng những cụm từ: *cái trăng vàng; cái trăng tròn; cái trăng còn nằm nôi; cái mặt trời bé con.*

**Câu 3:**

* Hình ảnh ẩn dụ: *cái mặt trời bé con* 🡪 Chỉ người con
* Tác dụng:

+ Làm cho cách diễn đạt thêm sinh động, hấp dẫn, giàu sức gợi hình, gợi cảm.

+ Nhấn mạnh sự quan trọng của người con đối với mẹ.

+ Thể hiện tình cảm yêu thương vô bờ của người mẹ với con: với mẹ, con là Mặt Trời, là điều quan trọng nhất.

**Câu 4:** Qua đoạn thơ, ta thấy được tình yêu thương lớn lao của mẹ dành cho con**.** Mẹ mạnh mẽ, kiên cường trước khó khăn, chông gai trong cuộc đời để bảo vệ con, cho con được hạnh phúc, bình yên. Song với con, lúc nào mẹ cũng dịu dàng, dành tình yêu thương cho con suốt một đời dù cho bất cứ điều gì xảy ra.

**Đề bài 02: Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:**

Ru cho mềm ngọn gió thu  
Ru cho tan đám sương mù lá cây  
Ru cho cái khuyết tròn đầy  
Cái thương cái nhớ nặng ngày xa nhau.

Bàn tay mang phép nhiệm mầu  
Chắt chiu từ những dãi dầu đấy thôi.

Ru cho sóng lặng bãi bồi  
Mưa không dột chỗ ngoại ngồi vá khâu  
Ru cho đời nín cái đau

À ơi... Mẹ chẳng một câu ru mình.

(Trích “À ơi tay mẹ” – Bình Nguyên)

**Câu 1:** Xác định thể thơ của đoạn trích trên.

**Câu 2:** Trong đoạn trích, lời ru của mẹ hướng đến những mục đích gì?

**Câu 3:** Tìm và nêu tác dụng của hình ảnh ẩn dụ trong hai câu thơ sau:

Ru cho cái khuyết tròn đầy  
Cái thương cái nhớ nặng ngày xa nhau.

**Câu 4:** “*Bàn tay mang phép nhiệm mầu / Chắt chiu từ những dãi dầu đấy thôi.”.* Em có đồng ý với tác giả không? Vì sao?

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1**: Thể thơ lục bát.

**Câu 2**: Trong đoạn trích, lời ru của mẹ hướng đến những mục đích sau:

+ Mềm ngọn gió thu, tan đám sương mù lá cây.

+ Ru cho con mau lớn khôn, trưởng thành (Cái khuyết tròn đầy)

+ Ru cho nỗi thương nhớ được lấp đầy (cái thương cái nhớ nặng ngày xa nhau)

+ Sóng lặng bãi bồi, mưa không dột cho bà ngồi

+ Đời nín cái đau

**Câu 3**:

* Hình ảnh ẩn dụ: “*Cái khuyết* ” chỉ người con bé bỏng, chưa phát triển toàn diện.
* Tác dụng:

+ Làm hình ảnh thơ trở nên sinh động, hấp dẫn; cách diễn đạt thêm gợi hình, gợi cảm.

+ Nhấn mạnh tình cảm yêu thương, nâng niu của mẹ dành cho con.

+ Thể hiện tình cảm ca ngợi, trân trọng của tác giả với tình mẫu tử thiêng liêng.

**Câu 4:** HS nêu quan điểm đồng ý hoặc không đồng ý. Nêu lí do.

Ví dụ: HS đồng ý với tác giả. *Bởi vì:* Đôi bàn tay mẹ làm nên bao điều kì diệu, phi thường. Cả đời mẹ vất vả vì con, lam lũ nhọc nhằn chịu mọi đắng cay, nguyện hi sinh cả cuộc đời để cho con có cuộc sống tốt đẹp. Chính vì thế nói rằng đôi bàn tay mẹ đã chịu những dãi dầu nắng mưa là đúng.

**Đề đọc hiểu văn bản thơ ngoài SGK:**

**Đề bài 03: Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:**

*Lặng rồi cả tiếng con ve*

*Con ve cũng mệt vì hè nắng oi.*

*Nhà em vẫn tiếng ạ ời*

*Kẽo cà tiếng võng mẹ ngồi mẹ ru.*

*Lời ru có gió mùa thu*

*Bàn tay mẹ quạt mẹ đưa gió về.*

*Những ngôi sao thức ngoài kia*

*Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con.*

*Đêm nay con ngủ giấc tròn*

*Mẹ là ngọn gió của con suốt đời.*

(*Mẹ*, Trần Quốc Minh)

**Câu 1:** Bài thơ viết theo thể thơ nào?

**Câu 2**: Nêu nội dung chính của bài thơ.

**Câu 3:** Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong hai câu thơ sau:

*Đêm nay con ngủ giấc tròn,*

*Mẹ là ngọn gió của con suốt đời*

**Câu 4:** Theo em, tình cảm của của tác giả được thể hiện trong bài thơ trên là gì? Từ đó em rút ra bài học gì cho bản thân ?

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Thể thơ : Lục bát

**Câu 2:**

Đoạn thơ đã nói lên tình yêu bao la, sự hi sinh và những công lao vĩ đại mẹ đã dành cho con

**Câu 3:**

* Biện pháp tu từ :

+ So sánh

*Đêm nay con ngủ giấc tròn*

*Mẹ****là****ngọn gió của con suốt đời.*

+ Ẩn dụ: "giấc tròn": "giấc tròn" không phải chỉ là giấc ngủ của con mà còn mang ý nghĩa cuộc đời con luôn có mẹ theo sát bên nâng bước con đi, che chở cho con, dành tất thảy yêu thương.

* Tác dụng của các biện pháp tu từ:

+ Làm cho cách diễn thêm thêm sinh động, gợi hình gợi cảm.

+ Nhấn mạnh được tình yêu thương vô bờ mà mẹ dành cho con, mẹ theo sát, bên con suốt cuộc đời.

**Câu 4:** HS chia sẻ suy nghĩ của bản thân mình.

- Thái độ tác giả : thấy thương mẹ, cảm nhận được bao nỗi nhọc nhằn của mẹ; biết ơn tình yêu thương bao la của mẹ.

- Bài học cho bản thân: Tình mẫu tử là nguồn sống vô giá, giúp ta vững vàng trong cuộc sống. Do đó, mỗi người cần biết yêu thương mẹ nhiều hơn, cố gắng trở thành học sinh ngoan, học giỏi để cha mẹ vui lòng.

**Đề bài 04: Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:**

[…]*Nhưng còn cần cho trẻ  
Tình yêu và lời ru  
 Cho nên mẹ sinh ra  
 Để bế bồng chăm sóc  
 Mẹ mang về tiếng hát  
 Từ cái bống cái bang  
 Từ cái hoa rất thơm  
 Từ cánh cò rất trắng  
 Từ vị gừng rất đắng  
 Từ vết lấm chưa khô  
 Từ đầu nguồn cơn mưa  
 Từ bãi sông cát vắng...*  
 *(Trích Chuyện cổ tích về loài người, Xuân Quỳnh)*

**Câu 1:** Xác định các phương thức biểu đạt của đoạn thơ.

**Câu 2:** Trong lời ru của mẹ dành cho trẻ, những hình ảnh nào được gợi ra?

**Câu 3:** Chỉ ra và nêu tác dụng của phép tu từ điệp ngữ trong đoạn thơ trên.

**Câu 4:** Ngày nay, khi khoa học công nghệ phát triển, người ta có thể dùng nôi điện, smartphone, mở đĩa ghi âm bài hát ru cho trẻ. Việc làm này sẽ thay thế cho lời ru của mẹ. Em có đồng ý với quan điểm đó không? Vì sao?

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Các phương thức biểu đạt của đoạn thơ: Biểu cảm kết hợp tự sự, miêu tả.

**Câu 2:** Trong lời ru của mẹ dành cho trẻ, những hình ảnh hiện ra: cái bống cái bang, cái hoa, vị gừng, cơn mưa, bãi sông, vết lấm.

**Câu 3:**

* Điệp ngữ trong đoạn thơ là các từ ngữ như: *“rất”, “Từ cái...”, “Từ...”*được lặp đi lặp lại
* Tác dụng:

+ nhấn mạnh vẻ đẹp của những hình ảnh trong lời ru của mẹ.

+ Ca ngợi ý nghĩa của lời ru: Lời ru kết thành những giá trị cao quý nhất trong kho tàng văn hóa dân tộc; thắm đượm trong lời ru của mẹ là tình cảm thiết tha, là trí tuệ, tâm hồn người Việt. Vì vậy nó trở thành nguồn dinh dưỡng quý giá nuôi dưỡng tâm hồn trẻ thơ.

+ Khẳng dịnh tình yêu thương bao la của mẹ dành cho con.

+ Làm cho câu thơ hấp dẫn, giọng thơ tha thiết.

**Câu 4:** Ngày nay, khi khoa học công nghệ phát triển, người ta có thể dùng nôi điện, smartphone, mở đĩa ghi âm bài hát ru cho trẻ. Việc làm này có thể thay thế cho lời ru của mẹ.

HS bày tỏ quan điểm **đồng ý** hoặc **không đồng ý** với quan điểm trên

**Nếu đồng ý.** HS phải lí giải được:

+ Tầm quan trọng của công nghệ thay thế con người, phục vụ cuộc sống. Việc ru con cũng vậy.

+ Nhiều ngươi mẹ phải đi làm việc khi con còn bé, nên không thể trực tiếp ru con...

**Nếu không đồng ý.** HS phải lí giải được”

+ Không có một thiết bị nào có thể thay thế được lời ru của mẹ vì mẹ ru con là truyền cho con hơi ấm, tình thương, ước mơ, khát vọng của mẹ cho con.

+ Lời ru trở thành dòng sữa tinh thần để con khôn lớn, lời ru bồi đắp tâm hồn con.

+ Lời ru kết gắn tình mẹ con, giúp con cảm nhận được sự chở che, yêu thương của mẹ.

**BUỔI 2:**

**🞜 Văn bản 2: Về thăm mẹ (Đinh Nam Khương)**

1. **TÁC GIẢ**

**-** Tác giả Đinh Nam Khương (1949 - 2018)

- **Quê quán**: Thôn Đục Khuê, xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức, Hà Nội.

- **Chức danh**: Từng là phó chủ tịch Hội Đông y Mỹ Đức, Hà Nội; Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam.

- **Giải thưởng**:  
+ Giải A cuộc thi thơ 1981 - 1982 - Báo Văn nghệ.  
+ Tặng thưởng bài thơ hay nhất 1992 - Báo Văn nghệ Quân đội.  
+ Tặng thưởng chùm thơ hay nhất 2001 - Báo Văn nghệ.  
+ Giải B cuộc thi thơ Lục bát 2002 - 2003.

**II. VĂN BẢN “VỀ THĂM MẸ”**

**1.** **Xuất xứ**: Trích Mẹ (Tuyển thơ) - 2002.

**2.** **Thể thơ** : Bài thơ viết theo thể thơ lục bát.

**3**. **Bố cục văn bản:** Chia làm 3 phần:

**- Phần 1:** Khổ 1( 4 câu đầu): Hoàn cảnh về thăm mẹ và tâm trạng của người con.

- Phần 2: + Khổ 2 và Khổ 3 (8 câu tiếp): Hình ảnh ngôi nhà của mẹ.

- Phần 3: Khổ cuối (2 câu cuố): Tình cảm, cảm xúc của người con.

**4. Đặc sắc nghệ thuật**

- Thể thơ lục bát nhịp nhàng, biểu cảm.

- Kết hợp thành công các biện pháp tu từ: ẩn dụ, liệt kê.

**5. Đặc sắc nội dung**

Bài thơ *Về thăm mẹ* (Đinh Nam Khương) là tâm sự của người con xa ngày về thăm mẹ, qua đó người đọc thấy được sự tảo tần, lam lũ, đức hi sinh của mẹ và thấy được tình yêu thương, trân trọng của người con dành cho người mẹ thân thương.

**III. ĐỊNH HƯỚNG PHÂN TÍCH VĂN BẢN**

**Về thăm mẹ**

**Đinh Nam Khương**

*Con về thăm mẹ chiều đông  
Bếp chưa lên khói mẹ không có nhà  
Mình con thơ thẩn vào ra  
Trời đang yên vậy bỗng oà mưa rơi.*

*Chum tương mẹ đã đậy rồi  
Nón mê xưa đứng nay ngồi dầm mưa  
Áo tơi qua buổi cày bừa  
Giờ còn lủn củn khoác hờ người rơm.*

*Đàn gà mới nở vàng ươm  
Vào ra quanh một cái nơm hỏng vành  
Bất ngờ rụng ở trên cành  
Trái na cuối vụ mẹ dành phần con.*

*Nghẹn ngào thương mẹ nhiều hơn…  
Rưng rưng từ chuyện giản đơn thường ngày.*

**1. Dàn ý:**

|  |
| --- |
| **1.1. Nêu vấn đề:** giới thiệu tác giả, văn bản, và vấn đề bàn luận của văn bản. |
| **1.2. Giải quyết vấn đề:**  **B1: Khái quát về văn bản:** chủ đề, thể thơ, bố cục văn bản, chủ đề,… |
| **B2: Phân tích nội dung – nghệ thuật của văn bản theo luận điểm:**  **a. Hoàn cảnh về thăm mẹ và tâm trạng của người con**  **\* Hoàn cảnh người con về thăm mẹ được gợi lên qua hai câu thơ đầu tiên:**  *“Con về thăm mẹ chiều đông*  *Bếp chưa lên khói mẹ không có nhà”*  *-* Cụm từ “Chiều đông”là thời gian thường gợi buồn, gợi nhớ, gieo vào lòng người niềm khao khát đoàn tụ sum họp gia đình. Người con xa nhà lâu ngày, nay trở về, mong được gặp mẹ sau bao xa cách. Bếp chưa lên khói mẹ không có nhà. Trong cảnh chiều đông buốt lạnh thì nỗi nhớ mẹ càng nhân lên gấp bội.  - Nhưng khi con về tới nhà thì lại bắt gặp cảnh tượng “*Bếp chưa lên khói mẹ không có nhà”:*  + Hình ảnh “bếp chưa lên khói” là hình ảnh thơ giàu ý nghĩa. Hình ảnh “bếp lửa” thường gắn liền với mẹ bởi mẹ là người nội trợ, chính mẹ mang lại hơi ấm cho căn bếp. Mẹ giữ ngọn lửa ấm trong căn bếp cũng chính là ngọn lửa yêu thương cho gia đình. Mẹ đồng nghĩa với sự ấm áp, thảo thơm trong ngôi nhà mình. Nhớ về mẹ, có lẽ trong lòng người con xa quê luôn thường trực hình ảnh của mẹ đảm đang, chu toàn, vun vén cho ngôi nhà, luôn nhớ về hình ảnh mẹ nhóm bếp nấu cơm chiều.  “Bếp chưa lên khói” báo hiệu mẹ vắng nhà. Nhà thơ nhớ về ngọn khói lam la đà toả ấm mỗi chiều hôm cũng chính là lòng con nhớ về người mẹ yêu dấu đấy thôi.  + Hai từ phủ định “chưa”, “không” được dùng trong cùng một câu thơ“Bếp chưa lên khói mẹ không có nhà” gợi lên một quang cảnh trống vắng, hiu quạnh, lạnh lẽo.  **\*Tâm trạng của con:**  - Mang trong mình nỗi khát khao được gặp lại mẹ sau bao ngày xa cách, nhưng lại gặp lúc mẹ không có nhà, người con không khỏi hụt hẫng:  *Mình con thơ thẩn vào ra Trời đang yên vậy bỗng oà mưa rơi.*  + Tâm trạng con được diễn tả qua từ láy “thơ thẩn”, đó là sự bâng khuâng, mang nét buồn, nét thương. Con “vào ra” để chờ mẹ, ngóng mẹ với tâm trạng bồn chồn, nhớ nhung, khao khát sớm được gặp mẹ.  🡺Trở về nhà khi mẹ đi vắng, cảnh vật thật tĩnh lặng, thiếu hơi ấm của mẹ. Người con ngắm nhìn cảnh vật xung quanh với cảm giác bâng khuâng khó tả, nhớ nhung da diết. Dường như vắng bóng mẹ, tất cả trở thành hư vô. Không thấy bóng dáng thân thương, quen thuộc của mẹ, trong lòng con thấy thiếu vắng, trống trải như có bão táp nổi lên, cuộn xoáy trong lòng mà thành “Trời đang yên vậy bỗng oà mưa rơi”.  + Hình ảnh “Trời đang yên vậy bỗng oà mưa rơi” gợi nhiều hơn tả. Đây là một hình ảnh đa nghĩa: bên cạnh việc khắc họa khung cảnh thực thì còn có thể là cảm xúc nhân vật: òa khóc (khóc trong lòng hoặc khóc thành tiếng). Tình cảm của con dồn nén bấy lâu, nay vỡ oà. Trời đổ mưa hay giọt nước mắt con khóc, đi xa rồi mới thấy nhớ, thấy quý trọng những ngày bên mẹ.  \*Tóm lại: Qua khổ thơ thứ nhất, nhà thơ đã cho người đọc thấy hoàn cảnh về thăm mẹ và nỗi lòng của con khi về thăm mẹ mà mẹ không có nhà. Cái khéo léo của nhà thơ là tạo ra được sự đồng điệu giữa cảnh vật thiên nhiên và tâm trạng con người. Cái lặng lẽ, quạnh vắng của chiều đông, cái ảm đạm, hiu hắt của mái tranh quê thiếu mùi khói bếp đồng điệu với nỗi niềm thơ thẩn, trống vắng, mênh mang trong tâm hồn con.  **b. Hình ảnh người mẹ tảo tần thương con**  - **Trước tiên, hình ảnh mẹ gắn với những sự vật gần gũi đời thường**:  Tìm về với mẹ trong hoàn cảnh mẹ vắng nhà, tuy buồn nhưng đó cũng là cơ hội để người con tĩnh tâm, quan sát kĩ hơn quang cảnh ngôi nhà gắn với những vật dụng đơn sơ đã gắn bó với cuộc đời tảo tần, lam lũ, thảo thơm của mẹ.  + Bằng nghệ thuật liệt kê, nhà thơ đã vẽ ra ngôi nhà của mẹ hiện lên với các hình ảnh vô cùng quen thuộc, đơn sơ, bình dị: “nón mê ngồi dầm mưa”, “áo tơi lưn củn”, “chiếc nơm hỏng vành”, “chum tương đã đậy”, “đàn gà mới nở”. Các hình ảnh thơ đã làm nổi bật bức tranh ngôi nhà của mẹ với nhiều màu sắc: màu nâu trầm của những đồ vật đã cũ của chum tương đồng, của nón mê rách, của đất đai, của hồn quê; có màu vàng của đàn gà mới nở. có màu xanh của cây cối trong vườn,… Tất cả những màu sắc quen thuộc đó hoà quyện tạo nên một bức tranh giản dị, đời thường, bình yên và rất đỗi thâ thuộc với mọi làng quê, ruộng vườn.  + Các hình ảnh ẩn dụ "nón mê", "áo tơi" gợi lên hình ảnh người mẹ với sự lam lũ, tảo tần. Tất cả các sự vật quanh ngôi nhà của mẹ đều gần gũi, có vẻ cũ kĩ, không trọn vẹn. Điều đó cho thấy sự vất vả, tích cóp, tiết kiệm của người mẹ để nuôi con khôn lớn. Đó là tình yêu của mẹ đối với con trọn vẹn.  + Biện pháp nhân hoá “nón mê xưa đứng nay ngồi dầm mưa” gợi lên dáng vẻ lam lũ, tảo tần cả một đời của mẹ.   * Như vậy, qua những vật dụng đời thường tuy cũ kĩ, xấu xí, không trọn vẹn xung quanh ngôi nhà của mẹ, nhà thơ đã khắc hoạ tọn vẹn hình ảnh người mẹ mộc mạc, giản dị, tảo tần, một đời hi sinh lặng thầm vì con. Tuy mẹ đi vắng nhưng hình bóng, hơi thở của mẹ hiện hữu trong từng góc nhỏ của ngôi nhà, qua từng sự vật. Hình ảnh mẹ hiện lên qua cả những sự vật đang tồn tại và cả trong kí ức của con thật cảm động.   **- Tình thương của mẹ kết lại bởi hình ảnh:** "Trái na cuối vụ mẹ dành phần con." Chỉ là một trái na nhỏ bé nhưng lại thể hiện rõ nét nhất sự yêu thương, chi chút của mẹ: trái na đã đến cuối vụ mà mẹ không nỡ hái, vẫn chờ con về để dành cho con. Cả đời mẹ chịu đựng bao vất vả, luôn nhận về mình thiệt thòi, để nhường cho con những gì tốt đẹp, trọn vẹn nhất. Tình yêu thương mẹ dành cho con khó có gì sánh được. Đó là sự vi tha, đức hi sinh của mẹ, cả đời tần tảo, vất vả, tiết kiệm, hi sinh để lo cho con ăn học trưởng thành mà quên bản thân mình.  Bằng ngôn ngữ giản dị, quen thuộc, hình ảnh thơ giàu sức gợi, nhà thơ đã làm hiện lên hình ảnh người mẹ mang những đặc điểm điển hình của người mẹ, người phụ nữ Việt Nam mà ca dao đã nhiều lần ca ngợi:   * *Mênh mông bát ngát đại dương*   *Cũng không sánh được tình thương mẹ hiền*  *- Mẹ nằm chỗ ướt canh sương*  *Chỗ khô lót tiếng ru nhường con thơ*  *- Mẹ là ngọn gió đưa êm*  *Mẹ là dòng suối mơ huyền bao la.*  *- Bao la bóng nước biển đông*  *Không bằng một nửa tấm lòng mẹ tô.i*  ***c.* Tình cảm của người con với mẹ**  **- Về thăm mẹ vào một buổi chiều đông lạnh giá, mẹ lại không có nhà nhưng nhin đâu nhà thơ cũng thấy bóng dáng thân thuộc của mẹ, thấy sự tảo tần in dấu trên những đồ vật quen thuộc xung quanh ngôi nhà của mẹ, thấu hiểu những hi sinh thầm lặng của mẹ. Từ tận đấy lòng, cảm xúc trào dâng khiến người con bật khóc:**  **“Nghẹn ngào thương mẹ nhiều hơn…**  **Rưng rưng từ chuyện giản đơn thường ngày”**  Từ láy: "nghẹn ngào", "rưng rưng".   * "nghẹn ngào"  thể hiện tâm trạng xúc động mãnh liệt, cố kìm nén, cảm động không nói nên lời. * "rưng rưng" → thể hiện cảm xúc dâng trào, không thể kìm nén, nước mắt chỉ trực trào rơi.   Người con nghẹn ngào, rưng rưng vì:  ++ Cảm nhận được tình yêu thương của mẹ và thấy thương mẹ nhiều hơn. Động từ “thương” diễn tả tình cảm yêu quý, tự hào,biết ơn, trân trọng của người con dành cho mẹ.  ++ Thấy được sự tảo tần, vất vả của mẹ khi mọi thứ trong nhà đều do mẹ vun vén, khi nhìn thấy chiếc nón mê tàn, cái áo tơi lủn củn...  Dấu ba chấm cuối dòng thơ “Nghẹn ngào thương mẹ nhiều hơn…” như kéo dài niềm thương, nỗi xúc động của con, biết bao cảm xúc yêu thương mẹ trong con chẳng thể nói ra thành lời, chất chứa trong lòng không thể nói ra hết. Dấu ba chấm cũng như một nhịp nấc nghẹn ngào của người con, một thoáng lắng đọng của dòng cảm xúc mãnh liệt đang trào dâng trong con, tạo khoảng lặng, dư âm trong lòng độc giả.  Kết nối với câu thơ thứ tư của bài thơ: “Trời đang yên vậy bỗng oà mưa rơi” thì "nghẹn ngào", "rưng rưng" có thể để chỉ tiếng nấc sau khi người con đã bình tâm trở lại.  Hai câu thơ đã diễn tả những cảm xúc chân thành của người con khi thấu hiểu đươc sự tảo tần, vất vả của mẹ, cảm nhận sâu sắc tình yêu thương mẹ giành cho mình. Con đã lớn lên từ những giản đơn thường ngày, từ chiếc nón mê rách tàn, từ cái áo tơi cũ mòn, từ cái nơm hỏng vành, tất cả đều chứa đựng những tĩnh cảm mẫu tử thiêng liêng. Khép lại bài thơ, hai câu thơ cuối đã thể hiện lòng biết ơn, sự trân trọng của người con đối với mẹ. Qua đó, bài thơ nhắc nhở người đọc thái độ trân trọng, kính yêu đối với cha mẹ, những người đã có công ơn sinh thành, dưỡng dục thầm lặng, đã hi sinh cả một đời vì chúng ta. |
| **1.3. Đánh giá khái quát**  **a. Nghệ thuật**  - Thể thơ lục bát nhịp nhàng, biểu cảm.  - Kết hợp thành công các biện pháp tu từ: ẩn dụ, liệt kê.  **b. Nội dung:**  Về thăm mẹ (Đinh Nam Khương) là bài thơ thể hiện tình cảm của người con xa nhà trong một lần về thăm mẹ mình. Mặc dù mẹ không ở nhà nhưng hình ảnh mẹ hiễn hữu trong từng sự vật thân thuộc xung quanh. Mỗi cảnh, mỗi vật đều biểu hiện sự vất vả, sự tần tảo, hi sinh và đặc biệt là tình thương yêu của mẹ dành cho con. |

**2. Định hướng phân tích**

Không ít người cầm bút nói rằng: “*Muốn biết người ấy có thực sự là thi sĩ hay không? Xin hãy đọc đôi ba câu lục bát của họ*.” Với Đinh Nam Khương, ngay từ năm 1982, ở cuộc thi thơ Tuần Báo Văn nghệ, Hội Nhà văn Việt Nam, chùm lục bát đoạt giải A, đã vinh danh tên tuổi chàng thi sĩ trẻ tuổi lúc bấy giờ trước niềm quý yêu, hẹn đợi của đông đảo công chúng. Và rồi cả cuộc đời cầm bút, khi giã từ cõi tạm, người thi sĩ ấy đã kịp để lại cho đời sự nghiệp thơ văn với rất nhiều đầu sách. Trong đó, nơi hội tụ tài năng của nhà thơ Đinh Nam Khương chính là mảng thơ lục bát với rất nhiều tác phẩm hay, ấn tượng. Một trong số tác phẩm thơ lục bát đặc sắc nhất của nhà thơ họ Đinh chính là **bài thơ “Về thăm mẹ”.** Bài thơ là lời của người con thể hiện tình yêu thương dành cho mẹ trong một lần về thăm mẹ sau một thời gian dài xa quê.

“*Con về thăm mẹ chiều đông*

*[…]*

*Rưng rưng từ chuyện giản đơn thường ngày”*

Viết về tình mẫu tử, Đinh Nam Khương đã hoá thân vào một người con xa quê lâu ngày mới có dịp về thăm mẹ, hoàn cảnh đó trở thành cái cớ để khơi gợi cảm xúc trong lòng nhân vật trữ tình. **Khổ thơ đầu tiên của bài cho thấy hoàn cảnh và tâm trạng của con khi về thăm mẹ** . **Hoàn cảnh về thăm mẹ được gợi lên qua hai câu thơ đầu tiên:**

*“Con về thăm mẹ chiều đông”*

*Bếp chưa lên khói mẹ không có nhà”*

“Chiều đông”là thời gian thường gợi buồn, gợi nhớ, gieo vào lòng người niềm khao khát đoàn tụ sum họp gia đình. Người con xa nhà lâu ngày, nay trở về, mong được gặp mẹ sau bao xa cách. Bởi vậy, trong cảnh chiều đông buốt lạnh thì nỗi nhớ mẹ càng nhân lên gấp bội. Hình ảnh “bếp chưa lên khói” ở câu thơ thứ hai là hình ảnh thơ giàu ý nghĩa. Hình ảnh “bếp lửa” thường gắn liền với mẹ bởi mẹ là người nội trợ, chính mẹ mang lại hơi ấm cho căn bếp. Mẹ giữ ngọn lửa ấm trong căn bếp cũng chính là ngọn lửa yêu thương cho gia đình. Mẹ đồng nghĩa với sự ấm áp, thảo thơm trong ngôi nhà mình. Nhớ về mẹ, có lẽ trong lòng người con xa quê luôn thường trực hình ảnh của mẹ đảm đang, chu toàn, vun vén cho ngôi nhà, luôn nhớ về hình ảnh mẹ nhóm bếp nấu cơm chiều. Nhà thơ nhớ về ngọn khói lam la đà toả ấm mỗi chiều hôm cũng chính là lòng con nhớ về người mẹ yêu dấu đấy thôi. Hai từ phủ định “chưa”, “không” được dùng trong cùng một câu thơ “*Bếp chưa lên khói mẹ không có nhà*” gợi lên một quang cảnh trống vắng, hiu quạnh, lạnh lẽo.

**Mang trong mình nỗi khát khao được gặp lại mẹ sau bao ngày xa cách, nhưng khi về lại gặp lúc mẹ vắng nhà, người con không khỏi hụt hẫng**:

*Mình con thơ thẩn vào ra  
Trời đang yên vậy bỗng oà mưa rơi.*

Tâm trạng con được diễn tả qua từ láy “thơ thẩn”, đó là sự bâng khuâng, mang nét buồn, nét thương. Con “vào ra” để chờ mẹ, ngóng mẹ với tâm trạng bồn chồn, nhớ nhung, khao khát sớm được gặp mẹ. Người con ngắm nhìn cảnh vật xung quanh với cảm giác bâng khuâng khó tả, nhớ nhung da diết. Dường như vắng bóng mẹ, tất cả trở thành hư vô. Không thấy bóng dáng thân thương, quen thuộc của mẹ, trong lòng con thấy thiếu vắng, trống trải như có bão táp nổi lên, cuộn xoáy trong lòng mà thành “Trời đang yên vậy bỗng oà mưa rơi”. Hình ảnh “Trời đang yên vậy bỗng oà mưa rơi” gợi nhiều hơn tả. Đây là một hình ảnh đa nghĩa: bên cạnh việc khắc họa khung cảnh thực thì còn có thể là cảm xúc nhân vật: òa khóc (khóc trong lòng hoặc khóc thành tiếng). Tình cảm của con dồn nén bấy lâu, nay vỡ oà. Trời đổ mưa hay giọt nước mắt con khóc, đi xa rồi mới thấy nhớ, thấy quý trọng những ngày bên mẹ. Tóm lại, qua khổ thơ thứ nhất, nhà thơ đã cho người đọc thấy hoàn cảnh về thăm mẹ và nỗi lòng của con khi về thăm mẹ mà mẹ không có nhà. Cái khéo léo của nhà thơ là tạo ra được sự đồng điệu giữa cảnh vật thiên nhiên và tâm trạng con người. Cái lặng lẽ, quạnh vắng của chiều đông, cái ảm đạm, hiu hắt của mái tranh quê thiếu mùi khói bếp đồng điệu với nỗi niềm thơ thẩn, trống vắng, mênh mang trong tâm hồn con.

**Hai khổ thơ tiếp theo đã gián tiếp dựng lên hình ảnh của hình ảnh người mẹ tảo tần thương con qua cảm nhận của con:**

*Chum tương mẹ đã đậy rồi  
Nón mê xưa đứng nay ngồi dầm mưa  
Áo tơi qua buổi cày bừa  
Giờ còn lủn củn khoác hờ người rơm.*

*Đàn gà mới nở vàng ươm  
Vào ra quanh một cái nơm hỏng vành  
Bất ngờ rụng ở trên cành  
Trái na cuối vụ mẹ dành phần con.*

Trước tiên, hình ảnh mẹ gắn **với những sự vật gần gũi đời thường.** Tìm về với mẹ trong hoàn cảnh mẹ vắng nhà, tuy buồn nhưng đó cũng là cơ hội để người con tĩnh tâm, quan sát kĩ hơn quang cảnh ngôi nhà gắn với những vật dụng đơn sơ đã gắn bó với cuộc đời tảo tần, lam lũ, thảo thơm của mẹ. Bằng nghệ thuật liệt kê, nhà thơ đã vẽ ra ngôi nhà của mẹ hiện lên với các hình ảnh vô cùng quen thuộc, đơn sơ, bình dị: “nón mê ngồi dầm mưa”, “áo tơi lưn củn”, “chiếc nơm hỏng vành”, “chum tương đã đậy”, “đàn gà mới nở”. Các hình ảnh thơ đã làm nổi bật bức tranh ngôi nhà của mẹ với nhiều màu sắc: màu nâu trầm của những đồ vật đã cũ của chum tương đồng, của nón mê rách, của đất đai, của hồn quê; có màu vàng của đàn gà mới nở. có màu xanh của cây cối trong vườn,… Tất cả những màu sắc quen thuộc đó hoà quyện tạo nên một bức tranh giản dị, đời thường, bình yên và rất đỗi thâ thuộc với mọi làng quê, ruộng vườn. Các hình ảnh ẩn dụ "nón mê", "áo tơi" gợi lên hình ảnh người mẹ với sự lam lũ, tảo tần. Tất cả các sự vật quanh ngôi nhà của mẹ đều gần gũi, có vẻ cũ kĩ, không trọn vẹn. Điều đó cho thấy sự vất vả, tích cóp, tiết kiệm của người mẹ để nuôi con khôn lớn. Đó là tình yêu của mẹ đối với con trọn vẹn. Biện pháp nhân hoá “nón mê xưa đứng nay ngồi dầm mưa” gợi lên dáng vẻ lam lũ, tảo tần cả một đời của mẹ. Như vậy, qua những vật dụng đời thường tuy cũ kĩ, xấu xí, không trọn vẹn xung quanh ngôi nhà của mẹ, nhà thơ đã khắc hoạ tọn vẹn hình ảnh người mẹ mộc mạc, giản dị, tảo tần, một đời hi sinh lặng thầm vì con. Tuy mẹ đi vắng nhưng hình bóng, hơi thở của mẹ hiện hữu trong từng góc nhỏ của ngôi nhà, qua từng sự vật. Hình ảnh mẹ hiện lên qua cả những sự vật đang tồn tại và cả trong kí ức của con thật cảm động.

**Tình thương của mẹ kết lại bởi hình ảnh:** "Trái na cuối vụ mẹ dành phần con." Chỉ là một trái na nhỏ bé nhưng lại thể hiện rõ nét nhất sự yêu thương, chi chút của mẹ: trái na đã đến cuối vụ mà mẹ không nỡ hái, vẫn chờ con về để dành cho con. Cả đời mẹ chịu đựng bao vất vả, luôn nhận về mình thiệt thòi, để nhường cho con những gì tốt đẹp, trọn vẹn nhất. Tình yêu thương mẹ dành cho con khó có gì sánh được. Đó là sự vi tha, đức hi sinh của mẹ, cả đời tần tảo, vất vả, tiết kiệm, hi sinh để lo cho con ăn học trưởng thành mà quên bản thân mình. Bằng ngôn ngữ giản dị, quen thuộc, hình ảnh thơ giàu sức gợi, nhà thơ đã làm hiện lên hình ảnh người mẹ mang những đặc điểm điển hình của người mẹ, người phụ nữ Việt Nam mà ca dao đã nhiều lần ca ngợi:

* *Mênh mông bát ngát đại dương*

*Cũng không sánh được tình thương mẹ hiền*

*- Mẹ nằm chỗ ướt canh sương*

*Chỗ khô lót tiếng ru nhường con thơ*

*- Mẹ là ngọn gió đưa êm*

*Mẹ là dòng suối mơ huyền bao la.*

*- Bao la bóng nước biển đông*

*Không bằng một nửa tấm lòng mẹ tô.i*

**Hai câu thơ khép lại tác phẩm đã diễn tả thật cảm động tình cảm của người con với mẹ:**

**“Nghẹn ngào thương mẹ nhiều hơn…**

**Rưng rưng từ chuyện giản đơn thường ngày”**

**Về thăm mẹ vào một buổi chiều đông lạnh giá, mẹ lại không có nhà nhưng nhin đâu nhà thơ cũng thấy bóng dáng thân thuộc của mẹ, thấy sự tảo tần in dấu trên những đồ vật quen thuộc xung quanh ngôi nhà của mẹ, thấu hiểu những hi sinh thầm lặng của mẹ. Từ tận đấy lòng, cảm xúc trào dâng khiến người con bật khóc.** Từ láy: "nghẹn ngào", "rưng rưng" đã diễn tả những lớp sóng tâm trạng đang trào dâng trong con. Nếu như "nghẹn ngào"  thể hiện tâm trạng xúc động mãnh liệt, cố kìm nén, cảm động không nói nên lời thì "rưng rưng" lại thể hiện cảm xúc dâng trào, không thể kìm nén, nước mắt chỉ trực trào rơi. Cảm nhận được tình yêu thương của mẹ, thấy được sự tảo tần, vất vả của mẹ khi mọi thứ trong nhà đều do mẹ vun vén, nhà thơ càng thấy thương mẹ nhiều hơn. Động từ “thương” diễn tả tình cảm yêu quý, tự hào,biết ơn, trân trọng của người con dành cho mẹ. Dấu ba chấm cuối dòng thơ “Nghẹn ngào thương mẹ nhiều hơn…” như kéo dài niềm thương, nỗi xúc động của con, biết bao cảm xúc yêu thương mẹ trong con chẳng thể nói ra thành lời, chất chứa trong lòng không thể nói ra hết. Dấu ba chấm cũng như một nhịp nấc nghẹn ngào của người con, một thoáng lắng đọng của dòng cảm xúc mãnh liệt đang trào dâng trong con, tạo khoảng lặng, dư âm trong lòng độc giả. Hai câu thơ cuối đã diễn tả những cảm xúc chân thành của người con khi thấu hiểu đươc sự tảo tần, vất vả của mẹ, cảm nhận sâu sắc tình yêu thương mẹ dành cho mình. Con đã lớn lên từ những giản đơn thường ngày, từ chiếc nón mê rách tàn, từ cái áo tơi cũ mòn, từ cái nơm hỏng vành, tất cả đều chứa đựng những tĩnh cảm mẫu tử thiêng liêng. Khép lại bài thơ, hai câu thơ cuối đã thể hiện lòng biết ơn, sự trân trọng của người con đối với mẹ.

**Bằng thể thơ lục bát nhịp nhàng, biểu cảm; kết hợp thành công các biện pháp tu từ: ẩn dụ, liệt kê, bài thơ Về thăm mẹ (Đinh Nam Khương) đã thể hiện tình cảm của người con xa nhà trong một lần về thăm mẹ mình.** Mặc dù mẹ không ở nhà nhưng hình ảnh mẹ hiễn hữu trong từng sự vật thân thuộc xung quanh. Mỗi cảnh, mỗi vật đều biểu hiện sự vất vả, sự tần tảo, hi sinh và đặc biệt là tình thương yêu của mẹ dành cho con. Qua đó, bài thơ nhắc nhở người đọc thái độ trân trọng, kính yêu đối với cha mẹ, những người đã có công ơn sinh thành, dưỡng dục thầm lặng, đã hi sinh cả một đời vì chúng ta.

**IV. LUYỆN TẬP ĐỌC HIỂU**

\*GV hướng dẫn HS thực hành các đề đọc hiểu về văn bản “Về thăm mẹ” (Đinh Nam Khương)

**Đề số 01: Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu:**

*Chum tương mẹ đã đậy rồi  
Nón mê xưa đứng nay ngồi dầm mưa  
Áo tơi qua buổi cày bừa  
Giờ còn lủn củn khoác hờ người rơm.*

*Đàn gà mới nở vàng ươm  
Vào ra quanh một cái nơm hỏng vành  
Bất ngờ rụng ở trên cành  
Trái na cuối vụ mẹ dành phần con.*

*Nghẹn ngào thương mẹ nhiều hơn…  
Rưng rưng từ chuyện giản đơn thường ngày.*

*(Trích “Về thăm mẹ” – Đinh Nam Khương)*

**Câu 1.** Nhận xét cách gieo vần lục bát trong hai câu thơ: “*Áo tơi qua buổi cày bừa / Giờ còn lủn củn khoác hờ người rơm."*

**Câu 2.** **Cảnh vật quanh ngôi nhà của người mẹ hiện lên qua những hình ảnh nào?** Những sự vật đó có đặc điểm chung nào? .

**Câu 3.** Chỉ ra các từ láy trong hai câu thơ cuối đoạn trích và nêu ý nghĩa tu từ của các từ láy đó.

**Câu 4**. Từ tình cảm của người con dành cho mẹ trong đoạn trích trên, em hãy rút ra thông điệp cho bản thân.

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1.** Hai câu thơ gieo vần chưa chuẩn: Trong thơ lục bát, thông thường tiếng thứ 6 câu lục sẽ hiệp vần với tiếng thứ 6 câu bát, nhưng ở trong hai câu thơ thì chưa có sự hiệp vần.

*Áo tơi qua buổi cày* ***bừa*** *Giờ còn lủn củn khoác* ***hờ*** *người rơm.*

**Câu 2:** Cảnh vật của ngôi nhà được hiên lên qua những hình ảnh:

+ chum tương đã đậy.

+ áo tơi lủn củn.

+ nón mê ngồi dầm mưa.

+ đàn gà, cái nơm hỏng vành.

→ Tất cả các sự vật đều gần gũi, có vẻ cũ kĩ, xấu xí, không trọn vẹn.

**Câu 3:**

* Các từ láy: *nghẹn ngào, rưng rưng*
* Ý nghĩa: Diễn tả tinh cảm xúc động, chan chứa yêu thương của người con xa nhà khi về thăm mẹ.

**Câu 4:**

* Tình cảm của người con: yêu thương, trân trọng, biết ơn khó nói ra hết thành lời. Đó là tình cảm mẫu tử thiêng liêng cao đẹp trong cuộc sống thường ngày mà con người thường không dễ nhận ra trong những vòng xoay hối hả của cuộc sống.
* Qua đoạn trích, em thấy bản thân mình cần phải biết quý trọng quãng thời gian được sống bên gia đình, bố mẹ. Bản thân em cũng sẽ cố gắng trở thành người con ngoan để bố mẹ vui lòng.

**Đọc hiểu văn bản thơ cùng chủ đề ngoài SGK:**

**Đề số 02: Đọc đoạn trích:**

Bao giờ cho tới mùa thu

trái hồng trái bưởi đánh đu giữa rằm

bao giờ cho tới tháng năm

mẹ ra trải chiếu ta nằm đếm sao

Ngân hà chảy ngược lên cao

quạt mo vỗ khúc nghêu ngao thằng Bờm

bờ ao đom đóm chập chờn

trong leo lẻo những vui buồn xa xôi

Mẹ ru cái lẽ ở đời

sữa nuôi phần xác hát nuôi phần hồn

bà ru mẹ... mẹ ru con

liệu mai sau các con còn nhớ chăng

(Trích **Ngồi buồn nhớ mẹ ta xưa** - Theo Thơ Nguyễn Duy, NXB Hội nhà văn, 2010)

Thực hiện các yêu cầu sau:

**Câu 1**: Đoạn trích trên được viết theo thể thơ nào? Xác định phương thức biểu đạt chính.

**Câu 2**: Chỉ ra và nêu hiệu quả của biện pháp tu từ được sử dụng trong khổ thơ đầu.

**Câu 3**: **Em hiểu như thế nào về hai câu** thơ: *Mẹ ru cái lẽ ở đời/ sữa nuôi phần xác hát nuôi phần hồn* ?

**Câu 4**: Theo em, tác giả muốn nhắn nhủ chúng ta điều gì trong hai câu thơ “bà ru mẹ... mẹ ru con - liệu mai sau các con còn nhớ chăng”?

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1**: Đoạn trích trên được viết theo thể thơ là: Lục bát

Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm

**Câu 2**:

- Biện pháp tu từ được sử dụng trong khổ thơ đầu là:

* Lặp cấu trúc/điệp ngữ: Bao giờ cho tới…
* Nhân hóa: trái hồng trái bưởi đánh đu giữa rằm

- Hiệu quả:

+ Làm cho cách diễn đạt thêm sinh động, gợi hình ảnh, tạo giọng điệu thiết tha cho khổ thơ.

+ Nhấn mạnh, khơi gợi khao khát về kỉ niệm thời thơ ấu với những hình ảnh gần gũi, thân quen.

**Câu 3:**  Hai câu thơ ngợi ca công lao to lớn của mẹ, không chỉ nuôi dưỡng thể xác mà con nuôi dưỡng tâm hồn con từ khi tấm bé. Qua đó hai câu thơ khuyên mỗi người làm con phải luôn ghi nhớ công ơn sinh thành dưỡng dục của mẹ, đừng làm mẹ phải buồn mà hãy luôn sống xứng đáng với niềm tin, sự kì vọng của mẹ.

**Câu 4:** Qua hai câu thơ, tác giả muốn nhắn nhủ người đọc phải luôn biết ghi nhớ công ơn sinh thành của cha mẹ, phải giữ trọn truyền thống gia đình.

**Đề số 03: Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:**

“...Nhưng con biết trò chơi khác hay hơn.  
Con là sóng, mẹ sẽ là bến bờ kì lạ.  
Con lăn, lăn, lăn mãi rồi sẽ cười vang vỡ tan vào lòng mẹ  
Và không ai trên thế gian này biết mẹ con ta đang ở chốn nào”.

*(Trích Mây và sóng, Ta- go)*

**Câu 1:**Đoạn thơ trên là lời của ai nói với ai, nói về điều gì?

**Câu 2:** Chỉ ra phép tu từ so sánh và tác dụng của phép so sánh trong đoạn thơ trên?

**Câu 3:** Em hiểu câu thơ *“Và không ai trên thế gian này biết mẹ con ta đang ở chốn nào”* như thế nào?

**Câu 4**: Đọc đoạn thơ, em rút ra cho mình những thông điệp nào?

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1:**Đoạn văn trên là lời em bé (người con) nói với mẹ về những trò chơi do em bé sáng tạo ra.

**Câu 2:**

- phép tu từ so sánh: *“Con”* được so sánh với *“sóng*”, “*mẹ*” được ví như “*bến bờ kì lạ”* ; quan hệ *“mẹ và con”* được so sánh với quan hệ giữa *“sóng và bến bờ”*

- Tác dụng:

+ Làm cho câu thơ thêm sinh động, gợi hình, gợi cảm.

+ Ca ngợi tình mẫu tử thiêng liêng, bất diệt. Hình ảnh người mẹ hiện lên trở thành nguồn vui ấm áp, liêng liêng vô cùng đối với em. Cách so sánh “mẹ là bến bờ kì lạ” để ca ngợi tình yêu thương bao la,tấm lòng bao dung, rộng mở của mẹ, mẹ là vành nôi ấm áp trở che cho con.

+ Quan hệ “mẹ-con” được nâng lên giống như quan hệ giữa “sóng- bến bờ” khẳng định, ngợi ca tình mẹ con là tình cảm tự nhiên, trường tồn, vĩnh hằng.

**Câu 3:** Em hiểu câu thơ *“Và không ai trên thế gian này biết mẹ con ta đang ở chốn nào”* nghĩa là tình mẹ con được nâng lên kích cỡ vũ trụ, lớn lao, bất diệt. Câu thơ khẳng định, nâng tình mẹ con lên tầng cao của vũ trụ, tình mẹ con xuất hiện ở khắp mọi nơi, không ai có thể chia tách được.

**Câu 4**: Đọc đoạn thơ, em rút ra cho mình những thông điệp

* Tình mẫu tử là tình cảm thiêng liêng, là cội cuồn sức mạnh giúp con người vượt qua mọi cám dỗ trong cuộc đời.
* Có mẹ là có cả thế giới.
* Cần trân trọng, biết ơn, yêu thương mẹ nhiều hơn,vì mẹ đã vất vả, hi sinh cuộc đời mình cho con.

- Sống có trách nhiệm với bản thân và gia đình.

- Cuộc đời có bao sự đổi thay nhưng tình yêu thương vô bờ bến của mẹ dành cho con thì không bao giờ thay đổi.

**🞜 Văn bản 3: Ca dao Việt Nam**

1. **KIẾN THỨC CHUNG VỀ CA DAO**

**1. Định nghĩa**: Ca dao là một hình thức thơ ca dân gian truyền thống lâu đời của dân tộc Việt Nam.

**2. Đặc điểm hình thức**:

+ Ca dao sử dụng nhiều thể thơ, trong đó nhiều bài viết theo thể lục bát. Mỗi bài ca dao ít nhất có hai dòng.

+ Thường sử dụng nhiều biện pháp tu từ, phép lặp hình ảnh, từ ngữ; lời ca dao thường ngắn gọn, dễ thuộc, dễ nhớ (2- 4 ḍng)

**3. Đặc điểm nội dung**: Chủ yếu phản ánh tâm tư, tình cảm trong tâm hồn của con người (*tình cảm gia đình, tình yêu quê hương, đất nước, tình yêu nam nữ, tình bạn, tình vợ chồng, than thân trách phận..*.). Tình cảm gia đình là 1 trong những chủ đề góp phần thể hiện đời sống tâm hồn, tình cảm của người Việt Nam

1. **VĂN BẢN “CA DAO VIỆT NAM”**
   1. **Thể thơ: Lục bát**
   2. **Chủ đề: Tình cảm gia đình**
   3. **Nghệ thuật**

-Thể thơ lục bát với âm điệu thiết tha, phù hợp để bộc lộ tình cảm.

- Ngôn ngữ giàu hình ảnh, gợi cảm.

- Sử dụng linh hoạt các biện pháp tu từ, nhất là biện pháp so sánh, đối xứng.

* 1. **Nội dung**

- Ca ngợi tình cảm gia đình thiêng liêng: tình mẫu tử, tình phụ tử, tình cảm anh em, lòng biết ơn tổ tiên, quê hương nguồn cội.

- Từ đó hướng con người tới lối sống đạo đức, biết giữ gìn những nét đẹp truyền thống.

1. **ĐỊNH HƯỚNG PHÂN TÍCH VĂN BẢN**

**1. Dàn ý:**

|  |
| --- |
| **1.1. Nêu vấn đề:**  - Giới thiệu về đặc trưng thể loại ca dao: Là thể loại trữ tình diễn tả tâm trạng, cảm xúc của con người, gắn với các hình thức sinh hoạt.  - Giới thiệu về chùm ca dao về tình cảm gia đình là bộ phận phong phú trong kho tàng ca dao trữ tình Việt Nam. Nó ca ngợi tình cảm gia đình thiêng liêng: tình mẫu tử, tình phụ tử, tình cảm anh em, lòng biết ơn tổ tiên, quê hương nguồn cội. Từ đó hướng con người tới lối sống đạo đức, biết giữ gìn những nét đẹp truyền thống. |
| **1.2. Giải quyết vấn đề:** |
| 1. **Bài 1:**   Công cha như núi ngất trời,Nghĩa mẹ như nước ở ngoài Biển Đông.Núi cao biển rộng mênh mông,Cù lao chín chữ ghi lòng con ơi!  **\*Hai câu đầu:**   * **Hình ảnh**   + Núi ngất trời là núi cao chọc trời, cao ngất đến 9 tầng mây xanh. + Nước ở ngoài biển Đông thì bao la, mênh mông không kể xiết.   * **Ca ngợi công lao to lớn không thể đo đếm của cha mẹ** * **Nghệ thuật:**   **+ Phép so sánh, đối xứng đặc sắc:**  **Công cha – như – núi ngất trời**  **Nghĩa mẹ -như – nước biển Đông**  🡪Hình ảnh so sánh cụ thể, phù hợp: lấy cái to lớn mênh mông, vô tận để so sánh với công lao cha mẹ. Chỉ có những hình ảnh to lớn vĩ đại ấy mới diễn tả hết công lao tình cảm to lớn của cha mẹ đối với con  **🡪Tác dụng của biện pháp so sánh:**  + + Tăng sức gợi tả gợi cảm cho câu ca dao.  + + Nhấn mạnh sự hy sinh lớn lao của cha mẹ dành cho con cái, tình yêu bao la.  \***Hai câu cuối:**  + Cù lao chín chữ: Là những công lao to lớn khó nhọc của cha mẹ đối với con cái như sinh đẻ, nuôi nấng, dậy bảo…  + Giọng điệu tôn kính, nhắn nhủ, tâm tình: Phải biết ơn, hiếu thảo và đền đáp công cha nghĩa mẹ.  **Tóm lại**: Bài ca dao 1 dùng lối ví quen thuộc của ca dao để biểu hiện công cha, nghĩa mẹ, lấy cái to lớn mênh mông, vĩnh hằng của tự nhiên làm hình ảnh so sánh. Những hình ảnh ấy lại được miêu tả bổ sung bằng những định ngữ chỉ mức độ (núi ngất trời, núi cao, biển rộng…). Chỉ những hình ảnh to lớn, cao rộng không cùng, vĩnh hằng ấy mới diễn tả với công ơn, sinh thành, nuôi dưỡng của cha mẹ. Núi ngất trời, biển rộng… không thể nào đo đếm được cũng như công cha, nghĩa mẹ đối với con cái. |
| 1. **Bài 2:**   Con người có cố, có ông,Như cây có cội, như sông có nguồn.   * **Con người có cố, có ông: nhờ** có tổ tiên, ông bà mới có cha mẹ, con cháu. * *Cây có cội có gốc, sông có nguồn*: Cây có gốc thì mới bén rễ phát triển thành một cái cây xanh tốt; sông có nước từ suối nguồn chảy ra thì mới có nước. * Chữ "có" được điệp lại bốn lần khẳng định một chân lí, một sự thật hiển nhiên về nguồn gốc của mọi sự thật, nhắc nhở chúng ta rằng đi đâu đi xa cách mấy chăng nữa thì hãy nhớ về nguồn gốc của mình, **phải ghi nhớ công lao của tổ tiên, cha ông.** * **Nghệ thuật so sánh:**   **Con người có tổ tiên, quê hương – giống như- cây có cội, sông có nguồn**  **🡪Tác dụng:**  + Tăng sức gợi tả gợi cảm cho câu ca dao.  + Nhấn mạnh mỗi con người đều có cội nguồn, phải biết ơn và trân trọng.  -Tóm lại: Bài ca dao 2 nhắn nhủ con cháu phải biết ghi nhớ công lao của tổ tiên, cha mẹ ông bà. Phải biết chung thủy hiếu thuận không được vong ơn bội nghĩa. |
| 1. **Bài 3:**   Anh em nào phải người xa,Cùng chung bác mẹ, một nhà cùng thân.Yêu nhau như thể tay chân,Anh em hòa thuận, hai thân vui vầy.  - Đây có thể là lời người trên nói với con cháu. hoặc lời của anh em nói với nhau.  🡪Tiếng hát về tình cảm gắn bó của anh em trong gia đình:  + *Nào phải người xa. + Cùng chung bác mẹ + Một nhà cùng thân*  -> Các từ ngữ chỉ sự gắn kết thống nhất: Anh em tuy hai nhưng lại là một: cùng một cha mẹ sinh ra, cùng chung sống, sướng khổ có nhau trong một nhà.  **- Nghệ thuật so sánh:**  Sự gắn bó của nh em một nhà – giống như – sự gắn bó giữa tay với chân (các bộ phận trên cùng một cơ thể, không thể tách rời)  🡪Tác dụng:  + Tăng sức gợi tả gợi cảm cho câu ca dao.  + Hình ảnh so sánh diễn tả tình cảm gắn bó thiêng liêng, không thể tách rời của tình anh em. - *Anh em… hai thân vui vầy.*  -> Nhắn nhủ anh em phải biết đoàn kết, thương yêu, nhường nhịn, giúp đỡ nhau. |
| * 1. **Đánh giá vấn đề**   **\*Khái quát đặc sắc vè nội dung, nghệ thuật của chùm ca dao Việt Nam:**  - Nghệ thuật:  + Thể thơ lục bát với âm điệu thiết tha, phù hợp để bộc lộ tình cảm.  + Ngôn ngữ giàu hình ảnh, gợi cảm.  + Sử dụng linh hoạt các biện pháp tu từ, nhất là biện pháp so sánh, đối xứng   * Nội dung: Tình cảm đối với ông bà, cha mẹ, anh em và tình cảm của ông bà, cha mẹ đối với con cháu luôn là những tình cảm sâu nặng thiêng liêng nhất trong đời sống mỗi con người.   **\*Bày tỏ thái độ của bản thân**: Thêm hiểu về con người Việt Nam xưa, yêu và trân trọng những giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc qua các bài ca dao ấy. |

**2.Định hướng phân tích**

Ca dao là thể loại văn học dân gian diễn tả chi tiết đầy đủ nhất đời sống tư tưởng, tình cảm của nhân dân ta. Ca dao đề cập đến nhiều vấn đề khác nhau trong cuộc sống, nhưng nổi bật hơn cả là chùm ca dao ca ngợi tình cảm gia đình. Đó là những tình cảm thiêng liêng đối với mỗi người: tình mẫu tử, tình phụ tử, tình cảm anh em, lòng biết ơn tổ tiên, quê hương nguồn cội. Từ đó hướng con người tới lối sống đạo đức, biết giữ gìn những nét đẹp truyền thống.

**Trước tiên, bài ca dao thứ nhất là lời nhắn nhủ mỗi người về lòng biết ơn đối với công lao to lớn của cha mẹ:**

Công cha như núi ngất trời,Nghĩa mẹ như nước ở ngoài Biển Đông.Núi cao biển rộng mênh mông,Cù lao chín chữ ghi lòng con ơi!

Trong hai câu ca dao đầu, *công cha, nghĩa mẹ* chỉ công sinh thành và giáo dưỡng của cha mẹ. *Núi ngất trời, nước ở ngoài biển Đông* là những hình ảnh thiên nhiên vũ trụ rộng lớn, vĩnh hằng.Các hình ảnh so sánh cụ thể, phù hợp: lấy cái to lớn mênh mông, vô tận để so sánh với công lao cha mẹ.Chỉ có những hình ảnh to lớn vĩ đại ấy mới diễn tả hết công lao tình cảm to lớn của cha mẹ đối với con

Đến hai câu ca dao sau, tác giả dân gian đã dùng cụm từ “ Cù lao chín chữ” để chỉ công lao to lớn khó nhọc nhiều bề của cha mẹ đối với con cái .Từ đó nhắn nhủ con cái phải biết ghi tạc công ơn trời biển của cha mẹ mà đền đáp, làm tròn bổn phận của mình qua giọng điệu tôn kính, nhắn nhủ, tâm tình.

**Tóm lại**, bài ca dao thứ nhất đã dùng lối ví quen thuộc của ca dao để biểu hiện công cha, nghĩa mẹ, lấy cái to lớn mênh mông, vĩnh hằng của tự nhiên làm hình ảnh so sánh. Những hình ảnh ấy lại được miêu tả bổ sung bằng những định ngữ chỉ mức độ (*núi ngất trời, núi cao, biển rộng*…). Chỉ những hình ảnh to lớn, cao rộng không cùng, vĩnh hằng ấy mới diễn tả với công ơn, sinh thành, nuôi dưỡng của cha mẹ. Núi ngất trời, biển rộng… không thể nào đo đếm được cũng như công cha, nghĩa mẹ đối với con cái là vô bờ.

**Tiếp theo, bài ca dao thứ hai lại là lời nhắn nhủ con cháu về lòng biết ơn với cội nguồn:**

Con người có cố, có ông,Như cây có cội, như sông có nguồn.

Cây thì có cội có gốc, sông thì có nguồn. Nhờ có gốc bền rễ sâu mà cành lá mới xanh tươi, đơm hoa kết trái. Nhờ có nguồn mà sông mới có nước không bao giờ cạn. Con người cũng vậy, phải "có cố, có ông", có tổ tiên, ông bà mới có cha mẹ, con cháu.  Hình ảnh so sánh giúp cho ý thơ trở nên giản dị, dễ hiểu. Chữ "có" được điệp lại bốn lần không chỉ tạo nhịp điệu cho bài thơ mà còn khẳng định một chân lí, một sự thật hiển nhiên về nguồn gốc của mọi sự vật. Qua đây, bài ca dao nhắc nhở chúng ta rằng đi đâu đi xa cách mấy chăng nữa thì hãy nhớ về nguồn gốc của mình, **phải ghi nhớ công lao của tổ tiên, cha ông.**

**Cuối cùng, bài ca dao thứ 3 đem đến cho chúng ta lời nhắn nhủ về tình cảm anh em ruột thịt:**

Anh em nào phải người xa,Cùng chung bác mẹ, một nhà cùng thân.Yêu nhau như thể tay chân,Anh em hòa thuận, hai thân vui vầy.

Đây có thể là lời người trên nói với con cháu hoặc lời của anh em nói với nhau.Các cụm từ “*nào phải người xa”, “cùng chung bác mẹ”, “một nhà cùng thân”* kết hợp với điệp từ “*cùng*” nhấn mạnh sự gắn kết thống nhất: anh em tuy hai nhưng lại là một: cùng một cha mẹ sinh ra, cùng chung sống, sướng khổ có nhau trong một nhà. **Nghệ thuật so sánh trong câu ca dao thứ 3** càng tô đậm hơn sự gắn bó của anh em một nhà giống như sự gắn bó giữa tay với chân (các bộ phận trên cùng một cơ thể, không thể tách rời. Hình ảnh so sánh diễn tả tình cảm gắn bó thiêng liêng, không thể tách rời của tình anh em. Từ đó, bài ca dao nhắn nhủ anh em phải biết đoàn kết, thương yêu, nhường nhịn, giúp đỡ nhau.

Các bài ca dao sử dụng thể thơ lục bát với âm điệu thiết tha, phù hợp để bộc lộ tình cảm; ngôn ngữ giàu hình ảnh, gợi cảm; sử dụng linh hoạt các biện pháp tu từ, nhất là biện pháp so sánh giúp cho lời thơ thêm giàu sức gợi hình gợi cảm.

Tình cảm đối với ông bà, cha mẹ, anh em và tình cảm của ông bà, cha mẹ đối với con cháu luôn là những tình cảm sâu nặng thiêng liêng nhất trong đời sống mỗi con người. Các bài ca dao trong chùm ca dao Việt Nam giúp chúng ta thêm trân trọng vẻ đẹp tâm hồn người Việt, nhận thức được ý nghĩa thiêng liêng của tình cảm gia đình. Chúng ta cần biết trân trọng, vun đắp tình cảm ấy ngày càng sâu sắc, bền chặt.

1. **LUYỆN TẬP ĐỌC HIỂU**

***\**** GV hướng dẫn HS thực hành các đề đọc hiểu về chùm ca dao Việt Nam:

**Đề số 01: : Đọc các bài ca dao sau và thực hiện các yêu cầu:**

* Công cha như núi ngất trời,Nghĩa mẹ như nước ở ngoài Biển Đông.Núi cao biển rộng mênh mông,Cù lao chín chữ ghi lòng con ơi!
* Con người có cố, có ông,Như cây có cội, như sông có nguồn.
* Anh em nào phải người xa,Cùng chung bác mẹ, một nhà cùng thân.Yêu nhau như thể tay chân,Anh em hòa thuận, hai thân vui vầy.

**Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính của các văn bản trên.

**Câu 2.** Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ so sánh được sử dụng trong một bài ca dao.

**Câu 3.** Vẻ đẹp tâm hồn người Việt được thể hiện như thế nào trong ba bài ca dao trên?

**Câu 4.** Từ những lời nhắn nhủ trong các bài ca dao, em hãy kể ra những việc làm của bản thân thể hiện tình cảm với người thân trong gia đình. ( Kể tối thiểu 02 việc làm của em)

**Câu 5.** Viết theo trí nhớ các bài ca dao khác cũng viết về chủ đề tình cảm gia đình

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1.** Phương thức biểu đạt chính: biểu cảm

**Câu 2.**

* Biện pháp tu từ so sánh trong bài ca dao 1:

Công cha như núi ngất trời,Nghĩa mẹ như nước ở ngoài Biển Đông.

Hình ảnh so sánh cụ thể, phù hợp: lấy cái to lớn mênh mông, vô tận để so sánh với công lao cha mẹ.

* **Tác dụng của biện pháp so sánh:**

+ Tăng sức gợi hình gợi cảm cho câu ca dao.

+ Nhấn mạnh sự hi sinh , công lao to lớn của cha mẹ đối với con cái.

+ Nhấn mạnh hơn lời khuyên của tác giả dân gian đối với thế hệ con cháu muôn đời.

**Câu 3.** Vẻ đẹp tâm hồn người Việt được thể hiện qua 3 bài ca dao:

* Trân trọng, đề cao tình cảm gia đình: tình mẫu tử, tình anh em, hướng về cội nguồn,
* Sống ân nghĩa, thủy chung.

**Câu 4.** HS nêu được các việc làm của bản thân thể hiện tình cảm với người thân trong gia đình, vun đắp tình cảm gia đình.

Có thể như:

* *Ngoan ngoãn, vâng lời dạy bảo của ông bà, cha mẹ.*
* *Phụ giúp ông bà, cha mẹ các việc nhỏ phù hợp với sức mình.*
* *Thường xuyên hỏi thăm tình hình sức khoẻ ông bà, cha mẹ khi ở xa;*
* *Chăm sóc, phụng dưỡng khi ông bà, cha mẹ đau ốm,*
* *Tranh thủ thời gian về đoàn tụ với gia đình vào các dịp nghỉ lễ.*
* *…*

**Câu 5.** Các bài ca dao khác cũng viết về chủ đề tình cảm gia đình:

**\*Ca ngợi công ơn cha mẹ:**

*+ Công cha như núi Thái Sơn  
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra…  
+ Ơn cha nặng lắm ai ơi,  
Nghĩa mẹ bằng trời chín tháng cưu mang*

*+Cá không ăn muối cá ươn,  
Con cãi cha mẹ trăm đường con hư.  
  
+ Ai về tôi gửi buồng cau,  
Buồng trước kính mẹ, buồng sau kính thầy.  
Ai về tôi gửi đôi giày,  
Phòng khi mưa gió để thầy mẹ đi.*

*+ Ba năm bú mớm con thơ,  
Kể công cha mẹ, biết cơ ngần nào.  
Dạy rằng chín chữ cù lao,  
Bể sâu không ví, trời cao không bì.*

**\*Ca ngợi lòng biết ơn cội nguồn ông bà, tổ tiên:**

*Con chim có tổ, con người có tông.*

*Con chim tìm tổ, con người tìm tông.*

*Ăn quả, nhớ kẻ trồng cây,*

*Ăn gạo, nhớ kẻ đâm xay giần sàng.*

*Ăn quả, nhớ kẻ trồng cây,*

*Ăn khoai, nhớ kẻ cho dây mà trồng.*

**\*Ca ngợi tình nghĩa anh em ruột thịt:**

*Anh em cốt nhục đồng bào,  
Kẻ sau người trước phải hào cho vui.*

*Anh em như chân với tay  
Rách lành đùm bọc, dở hay đỡ đần*

**Đề đọc hiểu văn bản ca dao ngoài SGK*:***

**ĐỀ số 02: Đọc các bài ca dao sau và trả lời các câu hỏi:**

1. *“Chiều chiều ra đứng ngõ sau*

*Trông về quê mẹ ruột đau chín chiều”*

1. *Ngó lên nuộc lạt mái nhà*

*Bao nhiêu nuộc lạt nhớ ông bà bấy nhiêu.*

**Câu 1:** Lời của từng bài ca dao là lời của ai nói với ai?

**Câu 2:** Trong bài ca dao thứ nhất, nhân vật trữ tình bộc lộ tình cảm trong thời gian và không gian nào? Nhân vật trữ tình bộc lộ tình cảm gì?

**Câu 3:** Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong bài ca dao thứ 2.

**Câu 4:** Theo em, bổn phận của người con, người cháu trong gia đình cần làm gì để đền đáp công ơn sinh thành, dưỡng dục của ông bà, cha mẹ? Bản thân em đã làm những gì?

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:**

* Bài 1: Lời của người con gái lấy chồng xa quê nói với mẹ và quê mẹ.
* Bài 2: Lời của cháu con nói với ông bà (hoặc nói với người thân) về nỗi nhớ ông bà.

**Câu 2:**

* Thời gian: *chiều chiều*
* Không gian: *ngõ sau*
* Tâm trạng: nỗi nhớ mẹ cùng bao nỗi niềm của cô gái lấy chồng xa quê.

**Câu 3:**

Bài ca dao 2 sử dụng biện pháp so sánh**:** nỗi nhớ ông bà của con cháu được so sánh với nuộc lạt buộc trên mái nhà. Mà như chúng ta biết, so sánh với nuộc lạt mái nhà là so sánh với sự vô cùng, vô kể bởi nuộc lạt có rất nhiều.

⟹ Tác dụng:

+ Nhấn mạnh  tình cảm, nỗi nhớ của con cháu với ông bà là không đếm được.

+ Làm cho cách diễn đạt thêm ấn tượng, gợi hình, gợi cảm hơn.

**Câu 4: HS chia sẻ suy nghĩ.**

* Con cháu cần biết kính trọng, biết ơn, yêu thương ông bà, cha mẹ. Cháu con có bổn phận phụng dưỡng ông bà, cha mẹ, làm tròn chữ hiếu.
* HS chia sẻ việc đã làm được, ví dụ như: nghe lời ông bà, cha mẹ; giúp đỡ những việc vừa sức mình; chăm sóc khi ông bà, cha mẹ ốm; học giỏi chăm ngoan,…

**Đề số 03: Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

*Bình Định có núi Vọng Phu,  
Có đầm Thị Nại, có cù lao xanh.  
Em về Bình Định cùng anh,  
Được ăn bí đỏ nấu canh nước dừa.*

*(Ca dao)*

**Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên.

**Câu 2.** Hãy chọn và nêu tác dụng của biện pháp tu từ điệp ngữ được sử dụng trong một bài ca dao trên.

**Câu 3.** Viết theo trí nhớ 2 bài ca dao cùng chủ đề với bài ca dao trên.

**Câu 4.** Nếu được giới thiệu về vẻ đẹp của quê hương em cho một người bạn ở nơi khác, em sẽ giới thiệu một vẻ đẹp của quê hương mà em tự hào nhất. *(câu hỏi này GV nên giao ngay sau tiết học buổi sáng của VB để HS có sự tìm hiểu tốt nhất- áp dụng kĩ thuật dạy học dự án)*

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1.** Phương thức biểu đạt chính: biểu cảm

**Câu 2.**

- Biện pháp tu từ điệp từ *“có”* trong câu lục bát *“Bình Định có núi Vọng Phu/ Có đầm Thị Nại, có cù lao Xanh”*

**- Tác dụng của biện pháp điệp từ (điệp ngữ)**

+ Tăng sức gợi hình gợi cảm cho câu ca dao.

+ Điệp từ này đã góp phần nhấn mạnhsự phong phú về các danh lam thắng cảnh, những nét đặc sắc về văn hóa vùng miền của mảnh đất thượng võ Bình Định. Qua đó làm nổi bật vẻ đẹp của quê hương Bình Định yêu dấu.

+ Làm cho bài ca dao có âm hưởng nhịp nhàng, du dương, trầm bổng, tạo sự liên kết giữa các câu thơ trong bài.

**Câu 3.** HS có viết ra 2 bài ca dao về vẻ đẹp quê hương đất nước trong hoặc ngoài sách giáo khoa.

**Câu 4.** Nếu được giới thiệu về vẻ đẹp của quê hương em cho một người bạn ở nơi khác, em sẽ giới thiệu về:

Hs đưa ra quan điểm cá nhân: có thể giới thiệu về vẻ đẹp quê hương với nét đẹp riêng. Có thể về tên các danh lam thắng cảnh, món ăn, lịch sử, văn hóa, phong tục...

*(Chỉ cần HS nêu tên và nét đẹp nổi bật đối tượng được giới thiệu. Tuy nhiên GV nên khuyến khích HS có sự chuẩn bị chu đáo, thậm chí các em có thể làm một bài giới thiệu ngắn có tranh, ảnh, clip minh hoạ*)

*Ví dụ: Nam Định quê mình có di tích Đền Trần.*

Di tích đền Trần và chùa Phổ Minh (thôn Tức Mặc, phường Lộc Vượng, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định) gắn liền với những nhân vật lịch sử thời Trần. Triều đại nhà Trần tồn tại hơn 175 năm (1225 – 1400), đã để lại cho dân tộc ta những thành tựu to lớn về nhiều lĩnh vực: chính trị, tư tưởng, kinh tế, văn hóa, quân sự…  
1Đền Trần và chùa Phổ Minh cũng là một trung tâm tôn giáo, tín ngưỡng lớn ở khu vực châu thổ sông Hồng. Hàng năm, tại đây diễn ra một số lễ hội, với nhiều hình thức sinh hoạt văn hoá dân gian đặc sắc, mang ý nghĩa ghi nhớ và tôn vinh thời đại nhà Trần. Trong đó, có hai kỳ lễ hội quan trọng nhất là lễ Khai ấn đầu Xuân và lễ hội tháng Tám – kỷ niệm ngày mất của vị anh hùng dân tộc, Đức thánh Trần Hưng Đạo

Tháp Phổ Minh

**Đề số 04: Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

Ðường lên xứ Lạng bao xa,  
Cách ba quả núi với ba quãng đồng.  
Ai ơi đứng lại mà trông,  
Kìa núi thành Lạng, kìa sông Tam Cờ.

*(Ca dao)*

**Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên. Văn bản trên do ai sáng tác?

**Câu 2**. Bài ca dao giới thiệu vẻ đẹp mảnh đất xứ Lạng Sơn qua những hình ảnh nào?

**Câu 3.** Cụm từ “Ai ơi” trong bài ca hướng đến ai và để làm gì?

**Câu 4.** Thông điệp nào có ý nghĩa với em nhất khi học những bài ca dao về vẻ đẹp quê hương đất nước? Lí giải tại sao?

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1.** Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên: Biểu cảm

Tác giả: nhân dân lao động.

**Câu 2**. Bài ca dao giới thiệu vẻ đẹp mảnh đất xứ Lạng Sơn qua những hình ảnh :Vẻ đẹp của cảnh sắc núi sông: *“Núi thành Lạng”, “sông Tam Cờ”.* Đây là tên ngọn núi, tên sông rất nổi tiếng của Lạng Sơn

**Câu 3.**

+ Hai chữ*“ai ơi”*hướng tới ai đó, nó không cụ thể, là tất cả những con người Việt Nam ta.

+ Hai chữ*“ai ơi”* là tiếng gọi, lời mời thiết tha, chân thành của tác giả.

**Câu 4.** Thông điệp có ý nghĩa với em nhất khi học những bài ca dao về vẻ đẹp quê hương đất nước là:

+ Mỗi người cần có trách nhiệm với quê hương đất nước, có ý thức bảo vệ, giữ gìn vẻ đẹp của đất nước.

+ Tình yêu quê hương, đất nước là tình cảm vô cùng cao đẹp, rộng lớn và rất quan trọng với mỗi người.

+ Bài học về việc gìn giữ những giá trị lịch sử, văn hóa truyền thống của dân tộc

....

(HS có thể đưa ra một thông điệp có ý nghiã nhất là được, nếu HS nêu 2 thông điệp thì không cho điểm)

Lí giải tại sao?

(HS có thể bày tỏ quan điểm phù hợp)

**Đọc hiểu văn bản thơ lục bát chủ đề khác ngoài SGK:**

**Đề bài 01: Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**

*Việt Nam đất nắng chan hoà*

*Hoa thơm quả ngọt bốn mùa trời xanh*

*Mắt đen cô gái long lanh*

*Yêu ai yêu trọn tấm tình thuỷ chung*

*Đất trăm nghề của trăm vùng*

*Khách phương xa tới lạ lùng tìm xem*

*Tay người như có phép tiên*

*Trên tre lá cũng dệt nghìn bài thơ.*

(Trích*Bài thơ Hắc Hải –*Nguyễn Đình Thi)

**Câu 1**.  Đoạn thơ được viết theo[thể thơ](http://vanhay.edu.vn/cac-tho-thuong-gap-va-cach-don-gian-de-nhan-biet)nào?  
**Câu 2.**  Chỉ ra 02 hình ảnh về con người Việt Nam trong đoạn thơ trên.  
**Câu 3**.  Nêu tác dụng của[biện pháp tu từ](http://vanhay.edu.vn/mot-bien-phap-tu-tu-co-xuat-hien-trong-de-doc-hieu-ngu-van) được sử dụng trong hai câu thơ *“Tay người như có phép tiên*– *Trên tre lá cũng dệt nghìn bài thơ”.*

**Câu 4**. Từ đoạn thơ trên, em cảm nhận như thế nào về vẻ đẹp của đất nước và con người Việt Nam?   
 **Gợi ý trả lời :**  
**Câu 1.**  thể thơ lục bát  
**Câu 2.** HS chỉ ra 02 hình ảnh về con người Việt Nam trong các hình ảnh sau: *mắt đen cô gái long lanh; yêu ai yêu trọn tấm tình thủy chung; tay người như có phép tiên; trên tre lá cũng dệt nghìn bài thơ.*

( Lưu ý HS có thể diễn đạt cách khác nhưng phải hợp lý)  
**Câu 3.** Biện pháp so sánh: *Tay người như có phép tiên*  
Tác dụng : *gợi ra niềm tự hào về vẻ đẹp tài hoa của con người Việt Nam trong lao động; làm cho câu thơ sinh động, giàu hình ảnh, giàu tính biểu cảm…*  
  
**Câu 4.** HS có thể nêu cảm nhận về hai đặc điểm sau: *đất nước Việt Nam tươi đẹp, trù phú; con người Việt Nam thủy chung, tình nghĩa, khéo léo, tài hoa…*

**Đề bài 02: Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**

*Việt Nam đất nước ta ơi*

*​Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn*

*Cánh cò bay lả rập rờn*

*​Mây mờ che đỉnh Trường Sơn sớm chiều.*

(Trích*Bài thơ Hắc Hải –*Nguyễn Đình Thi)

**Câu 1**.  Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ trên?  
**Câu 2.**  Nêu nội dung chính của đoạn thơ.  
**Câu 3.**  Chỉ ra và nêu tác dụng của việc sử dụng từ láy trong đoạn thơ trên?

**Câu 4.** Đoạn thơ trên giúp em liên tưởng đến bài ca dao nào? Dựa vào đâu mà em có được liên tưởng đó?  
Trả lời :  
**Câu 1**. Phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ trên: Biểu cảm  
**Câu 2.**  Nêu nội dung chính của đoạn thơ:

Đoạn thơ khắc họa vẻ đẹp thiên nhiên đất nước Việt Nam, đồng thời tác giả gửi gắm tình yêu và niềm tự hào của mình về đất nước quê hương.  
**Câu 3.**  Chỉ ra từ láy: mênh mông, rập rờn

* Tác dụng của việc sử dụng các từ láy trong đoạn thơ trên:

+ Những từ láy trên góp phần khắc họa vẻ đẹp của thiên nhiên, đất nước. Từ láy “mênh mông” gợi ra không gian bao la bát ngát của cánh đồng lúa. Từ láy “rập rờn” gợi sự chuyển động mềm mại, uyển chuyển của cánh cò đang sải cánh bay.

+ Từ láy đó đã góp phần tả cảnh đẹp thiên nhiên quê hương, làm cho những cảnh vật hiện lên chân thực, gần gũi, thanh bình, giản dị, mộc mạc; đồng thời thể hiện tình yêu của tác giả đối với những vẻ đẹp bình dị, dân dã của đất nước.

**Câu 4.** Đoạn thơ trên giúp em liên tưởng đến bài ca dao nào? Dựa vào đâu mà em có được liên tưởng đó?  
Ý 1: Đoạn thơ trên giúp HS liên tưởng đến bài ca dao cụ thể; HS viết được theo trí nhớ

Y2: HS phải đưa ra lí do thuyết phục về mối liên hệ giữa VB Việt Nam quê hương tôi với bài ca dao mà HS chọn đưa ra:

Có thể có các cơ sở để HS tìm bài cao dao:

* Cùng chủ để tình yêu quê hương đất nước.
* Cùng xuất hiện một trong những hình ảnh khá tương đồng như: hình ảnh cánh đồng lúa, cánh cò trắng, ...gợi đến vẻ đẹp của làng quê.

(HS đưa ra bài ca dao mà không tìm được mối liên quan về chủ đề, hình ảnh, cảm xúc thì không cho điểm)

Ví dụ:

- Con cò bay lả bay la

Bay từ cửa phủ bay ra cánh đồng.

* Đứng bên ni đồng, ngó bên tê đồng mênh mông bát ngát....

**Đề số 03: Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**

*Tôi yêu chuyện cổ nước tôi*

*Vừa nhân hậu lại tuyệt vời sâu xa*

*Thương người rồi mới thương ta*

*Yêu nhau dù mấy cách xa cũng tìm*

*Ở hiền thì lại gặp hiền*

*Người ngay thì được phật, tiên độ trì.*

*Mang theo truyện cổ tôi đi*

*Nghe trong cuộc sống thầm thì tiếng xưa*

*Vàng cơn nắng, trắng cơn mưa*

*Con sông chảy có rặng dừa nghiêng soi.*

*Đời cha ông với đời tôi*  
*Như con sông với chân trời đã xa*  
*Chỉ còn chuyện cổ thiết tha*  
*Cho tôi nhận mặt ông cha của mình*

          (Trích *Chuyện cổ nước mình,*Lâm Thị Mỹ Dạ,Thơ Tình Việt Nam chọn lọc, NXB Văn học, 2014, tr36-37)

**Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ trên.  
**Câu 2.** Nêu nội dung chính của đoạn thơ.  
**Câu 3.**  Hãy liệt kê ít nhất hai câu tục ngữ, ca dao được gợi ra trong đoạn thơ.  
**Câu 4.** Em có đồng tình với quan niệm của tác giả trong hai câu thơ: “*Chỉ còn chuyện cổ thiết tha*/*Cho tôi nhận mặt ông cha của mình”* không?Vì sao ?  
 Gợi ý trả lời

**Câu 1:** Phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ: biểu cảm  
**Câu 2** : Nội dung chính của đoạn thơ: Tình cảm yêu mến của tác giả đối với truyện cổ dân gian, cảm nhận thấm thía về bài học làm người ẩn chứa trong những truyện cổ dân gian mà cha ông ta đã đúc rút, răn dạy.  
**Câu 3** : Các câu tục ngữ, ca dao được gợi ra trong đoạn thơ:

* *Ở hiền gặp lành*
* *Thương người như thể thương thân*
* *Yêu nhau mấy núi cũng leo- mấy sông cũng lội mấy đèo cũng qua.*

**Câu 4** : Hướng HS theo quan niệm **đồng tình** vì:

+ Giữa thế hệ cha ông và con cháu thời nay cách nhau rất xa về thời gian, do đó để hiểu được đời sống tâm hồn, lời dạy của cha ông thì phải tìm hiểu qua những giá trị tinh thần mà cha ông để lại.

+ Chuyện cổ dân gian kết tinh những vẻ đẹp tình cảm, tư tưởng của cha ông xưa, là những lời dạy mà cha ông gửi gắm lại.  
+ Chuyện cổ dân gian chính là nhịp cầu nối liền bao thế hệ, nối quá khứ và hiện tại để thế hệ sau noi theo những đạo lí từ người xưa đúc kết.

**Đề bài 04: Đọc đoạn trích:**

Thị thơm thì giấu người thơm

Chăm làm thì được áo cơm cửa nhà

Đẽo cày theo ý người ta

Sẽ thành khúc gỗ chẳng ra việc gì

Tôi nghe chuyện cổ thầm thì

Lời cha ông dạy cũng vì đời sau

Đậm đà cái tích trầu cau

Miếng trầu đỏ thắm nặng sâu tình người

Sẽ đi qua cuộc đời tôi

Bấy nhiêu thời nữa chuyển dời xa xôi

Nhưng bao chuyện cổ trên đời

Vẫn luôn mới mẻ rạng ngời lương tâm.

(Chuyện cổ nước mình - Lâm Thi Mỹ Dạ, Thơ Tình Việt Nam chọn lọc, NXB Văn học, 2014, tr36-37)

**Thực hiện các yêu cầu sau**

**Câu 1.** Xác định thể thơ của đoạn trích trên.

**Câu 2.** Những truyện cổ nào được gợi ra trong đoạn trích trên?

**Câu 3.**  “Người thơm” được tác giả nhắc đến là ai trong các dòng thơ?

Thị thơm thị giấu người thơm

Chăm làm thì được áo cơm cửa nhà

**Câu 4.** Rút ra bài học ý nghĩa nhất với em qua đoạn trích trên. Lí giải lựa chọn.

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1:** Thể thơ lục bát.

**Câu 2:** Những truyện cổ được gợi ra từ đoạn trích:

+ Tấm Cám

+ Đẽo cày giữa đường

+ Sự tích trầu cau

**Câu 3:**

“Người thơm” được nhắc đến trong các dòng thơ là nhân vật cô Tấm trong truyện cổ tích “Tấm Cám”

**Câu 4:** HS lựa chọn một bài học ý nghĩa cho bản thân và lí giải.

Có thể nêu:

* Phải chăm chỉ, siêng năng làm việc. Vì nhưng người chăm chỉ, siêng năng mới tạo ra nhiều giá trị của cuộc đời, được mọi người yêu quý, kính trọng,…
* Hoặc trong cuộc sống, cần phải có chính kiến riêng của bản thân, không nên chỉ làm theo ý người khác vì chỉ bản thân ta mới hiểu rõ mình mong muốn gì nhất và lựa chọn nào phù hợp với mình nhất. Nếu bị động nghe theo lời người khác thì cuối cùng không làm nên việc gì.
* Hoặc cần tôn trọng những bài học ông cha gửi gắm trong những câu chuyện cổ vì đó là những bài học được đúc kết ngàn đời, luôn mới mẻ, không bao giờ cũ mòn.
* …

**BUỔI 3**

**ÔN TẬP TIẾNG VIỆT**

**lÀM**

✪ **NHẮC LẠI LÍ THUYẾT**

***1. Từ láy***

- Từ láy là từ phức do hai hay nhiều tiếng có âm đầu hoặc vần (hoặc cả âm đàu và ván) giống nhau tạo thành.

- Ví dụ: *chăm chỉ, thật thà, lim dim, lủi thủi, từ từ,...*

(Xem lại Kiến thức Ngữ văn, Trang 15/SGK)

**2. Biện pháp tu từ:**

- Biện pháp tu từ là việc sử dụng ngôn ngữ theo một cách đặc biệt (về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, văn bản) làm cho lời văn hay hơn, đẹp hơn, nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm trong diễn đạt và tạo ấn tượng với người đọc.

- Ví dụ: *so sánh, nhân hoá, liệt kê, phép điệp, tương phản – đối lập*,…

**3. Biện pháp ẩn dụ:**

**-** Ẩn dụ (so sánh ngầm) là biện pháp tu từ, theo đó, sự vật, hiện tượng này được gọi bằng tên của sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

-Ví dụ:

*Về thăm nhà Bác làng Sen*

*Có hàng râm bụt* ***thắp lên lửa hồng***

Ẩn dụ qua cụm từ “thắp lên lửa hồng” : chỉ hàng hoa râm bụt trước cửa nhà Bác ra hoa và nở hoa màu đỏ rất nhiều.

Hình ảnh ẩn dụ giúp cho 2 câu thơ thêm sinh động, gợi hình gợi cảm hơn.

✪ **THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**Nội dung 1: Ôn tập từ láy**

1. **Bài tập 1:**
2. Tìm các từ láy có trong đoạn thơ sau:

*Lặng yên bên bếp lửa*

*Vẻ mặt Bác trầm ngâm*

*Ngoài trời mưa lâm thâm*

*Mái lều tranh xơ xác*

*Anh đội viên nhìn Bác*

*Càng nhìn lại càng thương*

*Người Cha mái tóc bạc*

*Đốt lửa cho anh nằm*

*Rồi Bác đi dém chăn*

*Từng người từng người một*

*Sợ cháu mình giật thột*

*Bác nhón chân nhẹ nhàng*

*(*Trích *“Đêm nay Bác không ngủ” -* Minh Huệ)

1. Chỉ ra nghĩa và tác dụng của một từ láy đối với việc thể hiện nội dung mà tác giả muốn biểu đạt.

**Gợi ý trả lời:**

1. Các từ láy được sử dụng trong bài: *trầm ngâm, lâm thâm, xơ xác, nhẹ nhàng.*
2. Từ láy *“trầm ngâm” trong câu thơ “Vẻ mặt Bác trầm ngâm:*

* Nghĩa của từ “trầm ngâm”: chỉ dáng vẻ đang suy nghĩ, nghiền ngẫm điều gì.
* Tác dụng: Từ láy có tác dụng tạo hình, gợi ra dáng vẻ đầy lo nghĩ của Bác trong đêm khuya, qua đó càng làm nổi bật tấm lòng bao dung, vĩ đại, hết lòng vì dân vì nước của Người.

1. **Bài tập 2:**
2. Cho các tiếng sau, em hãy tạo thành các từ láy: *nhỏ, nhức, chênh, tan, long, nhẹ, lắp*.
3. Đặt câu với các từ láy vừa tìm được.

**Gợi ý trả lời:**

1. Các từ láy được tạo thành: *Nhỏ nhắn, nhức nhối, chênh vênh, tan tành, long lanh, nhẹ nhàng, lắp bắp*
2. *HS tự đặt câu:*

Ví dụ:

* “Nhỏ nhắn”: Cô giáo em có mái tóc dài, dáng người nhỏ nhắn, nước da trắng hồng.

**Nội dung 2: Ôn tập biện pháp tu từ ẩn dụ**

1. **Bài tập 1: Chỉ ra và phân tích các biện pháp tu từ trong các câu sau:**

**a)** *Thuyền ơi có nhớ bến chăng*

*Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyề*

(Ca dao)

b)

Bây giờ mận mới hỏi đào

Vườn hồng đã cố ai vào hay chưa ?

(Ca dao)

c)

*Thác bao nhiêu thác cũng qua*

*Thênh thênh là chiếc thuyền ta trên đời*

(Tố Hữu)

d) *Con cò mà đi ăn đêm*

*Đậu phải cành mềm lộn cổ xuống ao.*

*Ông ơi! Ông vớt tôi nao,*

*Tôi có lòng nào ông hãy xáo măng.*

*Có xáo thì xáo nước trong,*

*Đừng xáo nước đục đau lòng cò con.*

(Ca dao)

e) *Uống nước nhớ nguồn*

**Gợi ý trả lời**

**a)**Ẩn dụ : thuyền, bến  
 Thuyền: là vật thường xuyên thay đổi 🡪 biểu tượng cho người con trai ( tình cảm dễ đổi thay)  
 Bến : vật cố định 🡪 tình cảm thủy chung của ngýời con gái  
Cách nói ẩn dụ làm cho câu ca thêm tế nhị, phù hợp với việc bày tỏ nỗi nhớ, tình cảm thủy chung của người con gái

**b) Ẩn dụ**: *Mận, đào, vườn hồng*.

- *Mận* (chỉ người con trai)

- *Đào* (Chỉ người con gái)

- *Vườn hồng* (Chỉ tình cảm, cảm xúc trong lòng,...)

🡪Chàng trai muốn ướm hỏi cô gái liệu xem cô đã có người thương hay chưa, liệu xem tình cảm, ý tứ của cô gái như thế nào.

**c)** Ẩn dụ: “thác”, “thuyền”

Thác: những khó khăn trở ngại.  
 Thuyền : ý chí, nghị lực của con người

**d)** Ẩn dụ:“Con cò" chỉ người nông dân trong xã hội phong kiến xưa.

Tác giả dân gian mượn hình ảnh con có để nói về thân phận của người nông dân trong xã hội phong kiến xưa. Con cò là hiện thân của những người nông dân lao động bình thường: chất phác, siêng năng, cần mẫn, trải nhiều vất vả gieo neo. Bài ca dao Con cò mà đi ăn đêm mượn tiếng kêu thương của con cò khi lâm nạn để nói về [con người](https://vanhaychutot.com/tag/con-nguoi) lao động với phẩm chất vốn có của họ: chết vinh còn hơn sống nhục:  
  
**e)** Ẩn dụ: “uống nước”, “nhớ nguồn”

+ “Uống nước” là hình ảnh ẩn dụ cho việc hưởng thụ những điều tốt đẹp, những thành quả tốt đẹp mà người khác để lại.

+ "nhớ nguồn" là ẩn dụ của việc tưởng nhớ, khắc ghi những công ơn mà mình nhận được từ người khác. Từ đó, tổng thể nội dung câu tục ngữ truyền tải nội dung về bài học phải khắc ghi công ơn và thành quả mà mình nhận được từ người khác.

1. **Bài tập 2:**

**Viết đoạn văn theo chủ đề, trong đó có sử dụng 01 từ láy và 01 hình ảnh ẩn dụ.**

Nhóm 1+ 2: Viết đoạn văn nói về tình cảm của em với một người thân trong gia định.

Nhóm 3+ 4: Viết đoạn văn phát biểu suy nghĩ của em về một trong 03 văn bản đọc hiểu.

* GV hướng dẫn HS cách viết.
* HS hoàn thiện ở nhà, tiết sau báo cáo.

**ÔN TẬP KĨ NĂNG VIẾT: Làm thơ lục bát**

✪ **NHẮC LẠI LÍ THUYẾT**

**Các bước viết một bài thơ lục bát** (ngắn dài tùy ý) về cha, mẹ, ông, bà hoặc thầy, cô giáo:

**- Bước 1: Chuẩn bị:**

+ Xác định đối tượng bài thơ.

**Ví dụ**: Mẹ.

+ Điều em định viết trong bài?

**Ví dụ:** Tình yêu thương, sự hi sinh của mẹ cho con.

**- Bước 2: Viết bài thơ:**

+ Bắt đầu bằng hình ảnh người em muốn viết hoặc tình cảm em dành cho người ấy...

**Ví dụ**: Hình ảnh mẹ ru con ngủ, hình ảnh mẹ đưa nôi.

+ Lựa chọn từ ngữ thích hợp thể hiện hình ảnh người mà em muốn viết và diễn tả tình cảm của em với người đó. Thử vận dụng các biện pháp tu từ như so sánh, ẩn dụ,...

+ Sắp xếp các từ ngữ theo quy định về số tiếng, vần, nhịp của thể thơ lục bát.

**- Bước 3: Kiểm tra và chỉnh sửa:**

+ Đọc lại bài thơ.

+ Bài thơ đã đảm bảo số tiếng, vần, nhịp và luật bằng trắc của thơ lục bát chưa? Có mắc lỗi chính tả không?

+ Bài thơ có tập trung thể hiện về người em chọn viết và tình cảm của em với người đó không?

+ Có nên thay thế từ ngữ nào để bài thơ diễn tả chính xác hoặc hay hơn không?

✪ **BÁO CÁO SẢN PHẨM VIẾT** (Sau tiết học buổi sáng, GV đã giao HS về nhà tự sáng tác hoàn chỉnh một bài thơ lục bát ngắn).

* GV gọi một số HS trình bày sản phẩm trước lớp.
* GV cung cấp bảng rubric đánh giá sản phẩm viết:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ**  **Tiêu chí** | **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| Bài thơ lục bát tập làm viết về người thân hoặc thầy/cô giáo.  **(10 điểm)** | Bài thơ chưa đúng về hình thức (số tiếng, vần nhịp,…), còn mắc lỗi chính tả; chưa thể hiện rõ người cần viết và tình cảm của người viết.  (5 - 6 điểm) | Bài thơ tương đối chính xác hình thức (số tiếng, vần nhịp,…),; thể hiện tương đối rõ người cần viết và tình cảm của người viết.  (7 - 8 điểm) | Bài thơ chính xác hình thức (số tiếng, vần nhịp,…); thể hiện xúc động về người cần viết và tình cảm của người viết.  (9 - 10 điểm) |

* HS khác lắng nghe, nhận xét, cùng rút kinh nghiệm.
* GV cho điểm HS.

**BUỔI 4**

**ÔN TẬP NÓI VÀ NGHE:**

**Kể lại một trải nghiệm đáng nhớ**

**lÀM**

✪ **NHẮC LẠI LÍ THUYẾT**

\***Các bước thực hành nói và nghe: Kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của em về người thân trong gia đình.**

**Bước 1: Chuẩn bị**

-  **Đọc và xác định yêu cầu đề bài**, **lựa chọn trải nghiệm** mà em có ấn tượng sâu sắc về một người thân (cha, mẹ, ông, bà,...).

- **Nhớ lại các chi tiết**về trải nghiệm và **cảm xúc, suy nghĩ** của em qua trải nghiệm,

- **Tìm các tư liệu, tranh, ảnh** liên quan để minh họa cho trải nghiệm (nếu thấy cần thiết).

**Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý.**

**- Tìm ý**cho bài kể theo gợi dẫn:

+ Nêu sự việc, hành động, tình huống của người thân để lại ấn tượng sâu sắc trong em.

+ Phát triển các ý bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi: Sự việc, tình huống đó diễn ra vào thời gian nào, ở đâu? Sự việc, tình huống đó cụ thể như thế nào? Em có cảm xúc, tâm trạng, suy nghĩ gì khi chứng kiến sự việc đó? Em rút ra bài học gì từ sự việc, tình huống đó?;...

**- Lập dàn ý**cho bài kể (có thể bằng sơ đồ tư duy):

+ **Mở đầu**: Chào hỏi, giới thiệu người thân và sự việc, tình huống người thân để lại ấn tượng sâu sắc trong em.

+ **Nội dung chính**: Kể lại diễn biến của câu chuyện theo trình nhất định (tự thời gian, không gian, các sự việc đã sắp xếp theo trình tự hợp lí chưa, làm nổi bật nhân vật, sự việc chính)

+**Kết thúc**:

* Phát biểu suy nghĩ của mình về trải nghiệm đáng nhớ.
* Bày tỏ mong muốn nhận được sự chia sẻ từ người nghe về trải nghiệm.

**Bước 3: Thực hành nói và nghe**

- Dựa vào dàn ý và thực hiện việc kể lại trải nghiệm đáng nhớ của mình trước tổ hoặc lớp.

- Chú ý bảo đảm nội dung và cách kể để câu chuyện trở nên hấp dẫn.

- Có thể sử dụng thêm tranh ảnh, đạo cụ…kết hợp với ngôn ngữ hình thể để bài nói thêm sinh động và hấp dẫn hơn.

**Bước 4: Kiểm tra và chỉnh sửa:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| \* **Bảng tự kiểm tra kĩ năng nói:**   |  |  | | --- | --- | | **Nội dung kiểm tra** | **Đạt/**  **chưa đạt** | | - Kể về trải nghiệm theo dàn ý. |  | | -- Sử dụng những từ ngữ thể hiện được trình tự thời gian hoặc diễn biến của sự việc; những từ phù hợp để tả các chi tiết về sự vật, hành động;... |  | | - Nói rõ ràng, âm lượng phù hợp, kết hợp lời nói và cử chỉ, ánh mắt, điệu bộ, hình ảnh (nếu có sử dụng). Đảm bảo thời gian quy định. |  | | - Trả lời các câu hỏi của người nghe (nếu có). |  | | \* **Bảng tự kiểm tra kĩ năng nghe:**   |  |  | | --- | --- | | **Nội dung kiểm tra** | **Đạt/**  **chưa đạt** | | - Nắm và hiểu được nội dung chính của trải nghiệm mà bạn kể; |  | | -Đưa ra được những nhận xét được về ưu điểm, yếu tố sáng tạo trong lời kể của bạn hay điểm hạn chế của bạn. |  | | -Thái độ chú ý tôn trọng, nghiêm túc, động viên khi nghe bạn kể chuyện |  | |

* GV cung cấp bảng rubric đánh giá sản phẩm nói:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ**  **Tiêu chí** | **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| Bài nói về trải nghiệm đáng nhớ.  **(10 điểm)** | Nội dung trải nghiệm còn sơ sài; người nói chưa tự tin trong trình bày  (5 - 6 điểm) | Nội dung trải nghiệm tương đối chi tiết theo diễn biến/trình tự thời gian; người nói trình bày tương đối tốt.  (7 - 8 điểm) | Nội dung trải nghiệm chi tiết theo diễn biến/trình tự thời gian; xúc động; người nói trình bày tự tin, có kết hợp ngôn ngữ cơ thể  (9 - 10 điểm) |

**✪ THỰC HÀNH NÓI NGHE KỂ VỀ MỘT TRẢI NGHIỆM ĐÁNG NHỚ VỚI NGƯỜI THÂN**

**Đề bài 01: Kể lại kỉ niệm một lần em bị ốm và được mẹ ân cần chăm sóc.**

**\*Lập dàn ý:**

+ **Mở đầu**: Chào hỏi, giới thiệu người thân và sự việc, tình huống bị ốm và được mẹ chăm sóc đã để lại ấn tượng sâu sắc trong em.

Xin chào thầy cô và các bạn. Tôi tên là......................, học lớp......., trường................. Sau đây tôi xin kể lại một trải nghiệm đáng nhớ trong đời của mình. Trước khi bắt đầu bài nói của mình, tôi có một câu hỏi "Các bạn học sinh đã bao giờ dầm mưa rồi cảm lạnh chưa ạ?" (Có thể giao lưu với 1 bạn hỏi lí do, sự việc của buổi cảm lạnh ấy). Bản thân tôi cũng đã từ trải nghiệm cảm giác không mấy dễ chịu ấy. Chuyện là..... (Lời dẫn vào bài nói).

+ **Nội dung chính**: Lựa chọn và sắp xếp các ý tìm được theo một trình tự hợp lí:

* Nêu lí do xuất hiện trải nghiệm: Em bị mưa ướt, người sốt,...
* Trình bày diễn biến trải nghiệm.

+**Kết thúc**:

* Phát biểu suy nghĩ của mình về tấm lòng người mẹ đối với những người con.
* Bày tỏ mong muốn nhận được sự chia sẻ từ người nghe về trải nghiệm.

**\*Bài nói tham khảo đề 01:**

|  |
| --- |
| 1. **Chào hỏi và giới thiệu trải nghiệm sẽ kể:**   Xin chào Cô và các bạn. Tôi tên là......................, học lớp......., trường.................  Sau đây tôi xin kể lại một trải nghiệm đáng nhớ trong đời của mình. Trước khi bắt đầu bài nói của mình, tôi có một câu hỏi "Các bạn học sinh đã bao giờ dầm mưa rồi cảm lạnh chưa ạ?". Khi đó bạn có những cảm xúc như thế nào? Bản thân tôi cũng đã từ trải nghiệm cảm giác không mấy dễ chịu ấy. Sau đây tôi xin kể lại trải nghiệm đáng nhớ đó của mình.  **(2)** **Kể lại nội dung câu chuyện**  ***( Giọng tâm tình, vừa phải)*** Quả đúng như lời hát “Lòng mẹ bao la như biển Thái Bình, dạt dào vô tận. Tình mẹ trong suốt như dòng suối ngọt…”. Mẹ luôn là người yêu thương, quan tâm lo lắng cho ta trong mọi hoàn cảnh, luôn bên cạnh ta dù trong những phút yếu lòng. Nhất là khi chứng kiến cảnh mẹ chăm sóc tôi ốm, tôi càng thấm thía hơn điều ấy.        Cũng chỉ vì tính ngang ngạnh thích làm theo ý mình mà tôi khiến mẹ phải vất vả thêm. Tôi còn nhớ hôm đó là một buổi chiều giữa học kì I năm lớp 5, tan học về gặp giữa lúc trời mưa mà tôi lại không mang áo mưa. Tôi quyết định “đội mưa” về nhà một phần vì không muốn mất thời gian đợi mẹ tới đón, còn phần nhiều là tôi muốn thử cái cảm giác được tắm mưa mà mấy thằng bạn thân của tôi vẫn cho là “đáng thử”. Đi được hơn nửa đường thì tôi gặp mẹ mang áo mưa đi đón… Vậy là tôi về đến nhà trong bộ dạng không thể thảm hại hơn khi toàn thân, đầu tóc ướt sũng, cái cặp sách cũng ướt nhèm. Nhìn thấy bộ dạng tôi như vậy, sau mấy lời mắng vì không chịu nán lại trường đợi mẹ, mẹ tôi tất tả chuẩn bị nước nóng và quần áo mới cho tôi thay. Tôi tắm rửa, ăn cơm xong, chạy một mạch lên phòng như để trốn tránh cái lỗi to đùng mà tôi mới vừa gây ra. Chiều tôi tỉnh dậy trong cái cảm giác cơ thể nóng ran, đầu óc quay cuồng, thều thào gọi mẹ. Sờ trán tôi, mẹ biết tôi đã bị cảm lạnh. Vậy là công việc của mẹ tôi bận bịu lại càng bận hơn khi tôi bị ốm. Cơn sốt kéo dài do tôi bị cảm lạnh, người mệt lả, toàn thân nóng ran, miệng khô đắng lại…Tôi nằm rên ừ ừ…còn mẹ thì hai chân như đánh ríu vào nhau. Mẹ vo gạo bắc lên bếp chút cháo, rồi chườm khăn ấm giúp tôi hạ sốt. Sau đó mẹ giúp tôi đo nhiệt độ.        Chốc chốc, mẹ lại đến sờ vào trán tôi. Đôi tay nhẹ nhàng và ấm áp. Cái khô ráp chai sạn biến đâu cả rồi, tôi chỉ thấy dường như đôi bàn tay ấy có sức mạnh diệu kỳ khi chạm vào da thịt tôi. Mẹ đỡ tôi ngồi dậy, kê đầu tôi vào cánh tay, mẹ chăm cho tôi từng viên thuốc. Thấy tôi uống có vẻ khó khăn mẹ tôi lại động viên: “Ráng uống cho mau lành bệnh rồi còn đến trường với thầy cô, bạn bè nữa chứ?”        Dù mệt nhưng tôi vẫn nhìn thấy nếp quầng thâm trên mắt mẹ, tóc lòa xòa dính bết vào trán với những giọt mồ hôi nhễ nhại. Trong đôi mắt dịu hiền ấy như ngân ngấn nước mắt. Mẹ cho tôi nằm xuống gối, vừa thổi cháo, vừa đút cho tôi. Cái hương vị quen thuộc của bàn tay nội trợ thường ngày khiến tôi thấy vững dạ vì luôn có mẹ bên cạnh. Tay mẹ luồn chiếc khăn lau mồ hôi dọc sống lưng cho tôi. Gió từ tay mẹ lại làm hạ nhiệt cho tôi.  ***(Giọng day dứt, ân hận)*** Lúc này, tôi thấy ân hận vô cùng, cũng chỉ tại cái tính ngang ngạnh thích làm theo ý mình mà tôi làm mẹ khổ. Tôi mong mình chóng khỏe để ánh mắt mẹ lại cười thật vui mỗi khi tôi đi học về, mỗi khi tôi “khoe” với mẹ được thầy cô khen. Nhà tôi nghèo, mẹ lại phải thức khuya dậy sớm tảo tần nên tôi ốm mẹ vất vả nhiều hơn. Mẹ xanh xao và hao gầy nhiều hơn.        Tôi lớn khôn từ đôi tay của mẹ, tấm lòng yêu thương và chở che của mẹ. Sự ấp ủ yêu thương của mẹ để lại cho tôi bao nghĩ suy về cái mênh mông, bao la của tình mẹ! Tôi luôn cầu mong mẹ tôi mãi bình an. Và, tôi cũng mong mình khỏe mạnh để mẹ bớt vất vả vì tôi.   1. **Kết thúc bài nói**   ***(Giọng nhẹ nhàng)***  Các bạn ạ!  Không hẳn ai trong số chúng ta cũng đều được mẹ chăm sóc, đó là một thiệt thòi rất lớn. Vì vậy hãy trân trọng từng khoảnh khắc bên cạnh mẹ khi ta còn có thể bạn nhé.  Cám ơn Cô và các bạn đã lắng nghe chia sẻ của tôi! Tôi rất mong được nghe chia sẻ của các bạn về trải nghiệm đáng nhớ của mình! |

**Đề 02:** **Kể lại một lần em về thăm người thân.**

**\* Lập dàn ý**cho bài kể (có thể bằng sơ đồ tư duy):

- **Mở đầu**: Chào hỏi, giới thiệu người thân và sự việc, tình huống người thân để lại ấn tượng sâu sắc trong em. Có thể:

Xin chào thầy cô và các bạn. Tôi tên là......................, học lớp......., trường................. Sau đây tôi xin kể lại một kỉ niệm đáng nhớ của mình. Trước khi bắt đầu bài nói của mình, tôi muốn hỏi các bạn: "Kì nghỉ hè vừa rồi của các bạn như thế nào? Điều gì để lại ấn tượng sâu sắc nhất với các bạn?" (Có thể giao lưu với 1 bạn). Bản thân tôi cũng đã trải qua một kì nghỉ hè đầy ý nghĩa bên ông nội yêu kính của tôi khi tôi được về quê thăm ông (Lời dẫn vào bài nói).

- **Nội dung chính**: Lựa chọn và sắp xếp các ý tìm được theo một trình tự hợp lí.

Với bài viết kể về một lần về thăm ông ở quê nhà, có thể triển khai theo gợi ý như sau:

+ Kỉ niệm diễn ra theo trình tự thời gian: lúc bắt đầu có ý tưởng về quê thăm ông, đến lúc trên đường về, lúc gặp ông, những ngày ở trên quê, khi kì nghỉ kết thúc...

+ Không gian: trên đường về quê, lúc ở trên quê nơi đầu làng, bến sông...

+ Trải nghiệm thú vị:

+ + Được đi xe khách một mình

+ + Được ông ra đầu làng đón, cảm nhận về vẻ đẹp của thiên nhiên làng quê, về hình ảnh người ông mộc mạc giàu tình cảm.

+ + Được tham gia nhiều hoạt động trong kì nghỉ: như chăm vườn cây, nấu ăn, câu cá cùng ông, chạy lúa hộ bác...

+ + Nhân vật ông được hiện lên trong lời kể: từ vóc dáng, đôi bàn tay, mái tóc; đến những cử chỉ ánh nhìn, lời khen với cháu. Hình ảnh ông hiện lên giản dị, cháu cảm nhận được vẻ đẹp của tình cảm ông cháu.

+ Cảm xúc nhân vật cháu: bộc lộ qua tâm trạng háo hức khi về quê, xúc động trước tình yêu và sự quan tâm của ông...

* **Kết thúc**:

+ Phát biểu suy nghĩ của mình bài học rút ra sau chuyến về thăm ông.

+ Bày tỏ mong muốn nhận được sự chia sẻ từ người nghe về kỉ niệm.

**\*Bài tham khảo đề 02:**

|  |
| --- |
| 1. **Chào hỏi và giới thiệu trải nghiệm sẽ kể:**   Xin chào thầy cô và các bạn.  Tôi tên là......................, học lớp......., trường................. Sau đây tôi xin kể lại một kỉ niệm đáng nhớ của mình. Trước khi bắt đầu bài nói của mình, tôi muốn hỏi các bạn: "*Kì nghỉ hè vừa rồi của các bạn như thế nào? Điều gì để lại ấn tượng sâu sắc nhất với các bạn?"* ( Giao lưu với 1 bạn)…Bản thân tôi cũng đã trải qua một kì nghỉ hè đầy ý nghĩa bên ông nội yêu kính của tôi khi tôi được về quê thăm ông  **2)** **Kể lại nội dung câu chuyện**  ***( Giọng tâm tình, vừa phải)*** Khi kì nghỉ hè bắt đầu, tôi thấy rất buồn chán vì rồi bố mẹ tôi vẫn đi làm, chị tôi vẫn đi học nên chỉ có mình tôi lủi thủi. Tôi mạnh dạn xin với bố mẹ, cho tôi được về thăm quê, ở với ông, cho ông đỡ buồn mà tôi cũng bớt nhớ ông tôi. Bố tôi mỉm cười trước lời đề nghị ấy, còn mẹ tôi cũng rất hài lòng vì cậu con trai như tôi đến nay đã có ý kiến riêng.  Sáng hôm ấy, bố tôi gửi tôi lên chiếc xe khách quen thuộc mà mỗi lần về quê chúng tôi thường đi. Tạm biệt thành phố ồn ào, tôi trở về quê với niềm vui sướng vì sắp được gặp ông tôi, được sống những ngày yên bình ở làng quê yêu dấu. Khi vừa xuống xe khách, tôi xách ba lô rảo bước trên con đường làng quen thuộc, hai bên đường là cánh đồng lúa chín vàng trải rộng mênh mang. Trước mắt tôi, ngôi làng xinh xắn nấp sau bụi tre xanh mát. Đó chính là nơi bố tôi lớn lên, và tôi cũng có biết bao kỉ niệm gắn bó với ông bà tôi và các anh chị em họ nữa. Do đó tôi vô cùng háo hức!  ***(Giọng sôi nổi xen vui sướng, hạnh phúc)*** Từ xa, tôi đã nhận ra bóng hình thân thuộc của ông tôi. Vẫn vóc dáng nhỏ bé, nhanh nhẹn, ông tôi đang đứng đó đợi tôi. Cây đa đầu làng vẫn thế, tỏa bóng mát dịu hiền, vươn những cánh tay chắc nịch tỏa bóng râm đón đợi. Từ xa, ông đã nhận ra tôi. Tôi mừng rỡ chạy lại, ôm chầm lấy ông, cảm nhận từng hơi ấm từ đôi tay gầy gầy xương xương của ông. Ngước nhìn ông tôi, tôi nhận ra ông gầy hơn, tóc ông bạc trắng như cước, đôi mắt ông mờ đục hơn xưa, nhưng ánh mắt vẫn hiền từ đưa nhìn tôi vô cùng âu yếm. Ông nhìn tôi, khen tôi giỏi vì dám đi xe một mình về quê. Ông còn liên tục kể về những lo lắng hồi hộp khi biết tôi về ở quê với ông.  ***( Giọng thiết tha, xen lẫn tự hào)***Những ngày ở trên quê vô cùng thú vị. Ông cháu tôi có bao nhiêu việc để làm. Từ ngày bà mất, ông không đi đâu xa, ông chỉ ở quê chăm sóc cho khu vườn, ngôi nhà của ông bà. Vì thế, mỗi lần trở về, tôi đều nhận thấy dù vắng bà nhưng ngôi nhà vẫn sạch đẹp, đầy hoa trái, cảm giác như vẫn có đôi bàn tay của bà tôi.  Hàng ngày, tôi cùng ông trò chuyện. Tôi nghe ông kể chuyện chiến tranh, ông đi đánh giặc như thế nào, bị thương ra sao. Tôi nghe như nuốt lấy từng câu chuyện, và lòng dâng lên niềm tự hào, yêu kính ông vô cùng, vì ông đã chiến đấu cho tôi được sống trong hòa bình. Rồi tôi được cùng ông đi câu cá ngoài sông. Tôi biết thế nào là kiên nhẫn, là hạnh phúc của lao động trên sông. Lại còn những buổi trời mưa bất chợt, tôi cùng ông sang nhà bác Nhung chạy lúa cho bác. Tôi biết cầm chổi quét lúa để cứu cả sân lúa trước cơn mưa rào mùa hạ. Từ đó, tôi hiểu thế nào là tình làng nghĩa xóm, tắt lửa tối đèn có nhau. Những bữa cơm đạm bạc của hai ông cháu cứ vui như tết, những giấc ngủ ngon lành dưới cánh tay ông khi người ta cắt điện giữa trưa hè. Chao ôi! Còn nhiều, còn nhiều thú vị nữa...!  ***( Giọng trầm lắng)*** Kì nghỉ hè khép lại, tôi trở lại thành phố. Cuộc sống nhộn nhịp, đông đúc nơi phố xá không làm tôi vơi đi nỗi nhớ ông, nhớ quê, thèm cái cảm giác yên tĩnh khi ở bên ông. Tạm biệt ông, tôi mang theo biết bao kí ức đẹp đẽ, hình ảnh ông hiền từ, nhân hậu, chắt chiu cứ hiện lên trong tâm trí. Tôi càng hiểu, càng yêu mến, tự hào về ông tôi, về hai tiếng quê hương.   1. **Kết thúc bài nói**   ***(Giọng nhẹ nhàng)***  *Các bạn ạ!*  Trải nghiệm của tôi đơn giản vậy đó. Tuy không phải là những chuyến du lịch đắt tiền đến những miền đất xa lạ. Nhưng về quê, sống bên ông nội tôi, chắc chắn đó là trải nghiệm của hạnh phúc và bình yên nhất của tôi.  Cảm ơn các bạn đã lắng nghe chia sẻ về kỉ niệm của tôi. Tôi mong được đón nhận những góp ý và chia sẻ từ các bạn! |

**BUỔI 5**

**Hoạt động 4: Luyện tập (Luyện đề tông hợp)**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập giáo viên giao.

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân hoàn thành đề bài ôn tập tổng hợp.

**c. Sản phẩm:** Bài làm hoàn thiện của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- GV giao nhiệm vụ:**

**Cách 1:** GV giao đề ôn tập tổng hợp cho HS

HS làm việc nhóm nhỏ theo bàn.

**Cách 2:** GV kiểm tra đề tổng hợp 90 phút

HS làm việc cá nhân.

- **Thực hiện nhiệm vụ:**

**+** HS thực hiện nhiệm vụ.

+ GV quan sát, khích lệ HS.

**- Báo cáo, thảo luận:**

+ GV gọi HS chữa đề theo từng phần.

+ Tổ chức trao đổi, nêu ý kiến.

+ HS nhận xét lẫn nhau.

**- Kết luận**: GV nhận xét, chốt kiến thức.

**MA TRẬN ĐỀ**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ**  **Chủ đề** | | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** | **Tổng số** |
| **I. Tiếng Việt** | | Nhận diện được từ láy.  Nhận diện được biện pháp tu từ ẩn dụ và tác dụng | Nêu được tác dụng của từ láy.  Phân biệt được từ láy với từ ghép  Phân biệt ấn dụ với các biện pháp tu từ khác |  |  |  |
| Số câu:  Số điểm:  Tỉ lệ: | | 5  1,25  12,5% | 3  0,75  7,5% |  |  | 8  2,0  20% |
| **II. Đọc hiểu văn bản** | | Nhận biết được phương thức biểu đạt chính.  Nhận biết các hình ảnh, từ ngữ thể hiện nội dung của văn bản | Hiểu được tâm tư, tình cảm gì của tác giả | Biết bày tỏ quan điểm cá nhân trước những vấn đề thực tiễn mà văn bản đặt ra.(câu 4) |  |  |
| Số câu  Số điểm  Tỉ lệ | | 2  0,75  7,5% | 1  0,5  5.0 % | 1  0,75  7,5 % |  | 3  2,0  20% |
| **III.Tập làm văn** | |  |  | Biết vận dụng kiến thức kĩ năng viết đoạn văn về chủ đề tình cảm gia đình có sử dụng phép ẩn dụ. | Vận dụng kiến thức và kĩ năng để viết bài văn kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của em về người thân trong gia đình. |  |
| Số câu  Số điểm  Tỉ lệ | |  |  | 1  2,0  20% | 1  4,0  40% | 2  6  60% |
| Tổng | Số câu | 7 | 4 | 2 | 1 | 13 |
| Số điểm | 2,0 | 1,25 | 2,75 | 4,0 | 10 |
| Tỉ lệ | 20% | 12,5% | 27,5% | 40% | 100% |

**ĐỀ BÀI**

**Phần I. Tiếng Việt ( 2,0 điểm)**

**Câu 1:** Từ láy là gì?

A. Từ láy là những từ có các tiếng được ghép lại với nhau tạo thành.

B. Từ láy là những từ có sự đối xứng âm với nhau.

C. Từ láy là những từ có các tiếng lặp lại hoàn toàn, một số trường hợp tiếng đứng trước biến đổi thanh điệu, giống nhau phần phụ âm đầu hoặc phần vần.

D. Từ láy là những từ được tạo ra bằng cách ghép các tiếng có quan hệ về nghĩa với nhau.

**Câu 2:** Tìm từ láy trong câu sau: “*Mặt mũi nó lúc nào cũng nhăn nhó như bà già đau khổ* ”?

A. Mặt mũi

B. Nhăn nhó

C. Bà già

D. Đau khổ

**Câu 3**: Từ láy “*xanh xao”* dùng để tả màu sắc của đối tượng:

A. da người

B. lá cây còn non

C. lá cây đã già

D. trời.

**Câu 4:** Nhóm từ láy có vần “âp” trong các từ: *nhấp nhô, phập phồng, bập bềnh* gợi tả

A. Những âm thanh, hình dáng nhỏ bé.

B.  Chỉ sự vật không vững vàng, không chắc chắn.

C. Những hình ảnh, động tác lên xuống một cách liên tiếp.

D. Tất cả câu trên đều sai.

**Câu 5** : Thế nào là ẩn dụ?

A. Là biện pháp tu từ trong đó cái so sánh ẩn đi, là so sánh ngầm, vì chúng giống nhau

B. Là biện pháp tu từ trong đó cái so sánh ẩn đi, là so sánh ngầm, vì chúng có điểm tương đồng với nhau.

C. Là biện pháp tu từ trong đó cái so sánh ẩn đi, là so sánh ngầm, vì chúng thường đi gần với nhau.

D. Là biện pháp tu từ trong đó cái so sánh ẩn đi, là so sánh ngầm, vì chúng có điểm khác nhau với nhau.

**Câu 6:** Hình ảnh mặt trời nào được dùng theo lối nói ẩn dụ

A. *Mặt trời mọc ở đằng đông*

B. *Thấy anh như thấy mặt trời*

*Chói chang khó nói, trao lời khó trao*

C. *Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng*

*Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ.*

D. *Bác như ánh mặt trời xua màn đêm giá lạnh*.

**Câu 7:** Tìm câu thơ có chứa phép ẩn dụ?

A. *Bàn tay mẹ thức một đời*

B. *À ơi này cái trăng vàng ngủ ngon*

C. *Trái na cuối vụ mẹ dành phần con*

D*. Nghẹn ngào thương mẹ nhiều hơn*

**Câu 8:** Tác dụng của ẩn dụ tu từ trong bài ca dao:

*“Bây giờ mận mới hỏi đào*

*Vườn hồng đã có ai vào hay chưa*

*Mận hỏi thì đào xin thưa*

*Vườn hồng có lối nhưng chưa ai vào”.*

A. Làm cho cách nói trở nên ý nhị, tinh tế , bộc lộ được tình cảm của chàng trai.

B. Làm cho cách nói trở nên hấp dẫn, trau chuốt, thể hiện lời tỏ tình của chàng trai.

C. Làm cho cách nói trở nên dễ hiểu, gần gũi với đời sống tâm tình của người bình dân.

D. Làm cho cách nói trở nên tế nhị, sâu sắc chàng trai muốn tỏ tình với cô gái đã mượn cách nói này.

**Phần II. Đọc – hiểu văn bản (2,0 điểm)**

Đọc văn bản:

*Mẹ ta không có yếm đào*

*nón mê thay nón quai thao đội đầu*

*rối ren tay bí tay bầu*

*váy nhuộm bùn áo nhuộm nâu bốn mùa*

*Cái cò…sung chát đào chua…*

*câu ca mẹ hát gió đưa về trời*

*ta đi trọn kiếp con người*

*cũng không đi hết mấy lời mẹ ru.*

*(“Ngồi buồn nhớ mẹ ta xưa” – Nguyễn Duy)*

Thực hiện các yêu cầu sau:

**Câu 1.**Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản.

**Câu 2.**Hình ảnh người mẹ được khắc họa qua những từ ngữ, chi tiết nào?

**Câu 3.** Văn bản thể hiện tâm tư, tình cảm gì của tác giả đối với người mẹ?

**Câu 4.** Ngày nay, khi khoa học công nghệ phát triển, người ta có thể dùng nôi điện, smartphone, mở đĩa ghi âm bài hát ru cho trẻ. Việc làm này sẽ thay thế cho lời ru của mẹ. Em có đồng ý với quan điểm đó không? Vì sao?

**Phần III. Làm văn ( 6,0 điểm)**

**Câu 1 (2.0 điểm):** Từ đoạn thơ đọc hiểu và trải nghiệm của bản thân, em hãy ghi ra một hình ảnh xúc động nhất về người mẹ của mình, và lí giải về sự xúc động ấy bằng một đoạn văn ngắn không quá 05 câu.

**Câu 2 (4.0 điểm):** Kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của em về một người thân trong gia đình.

**ĐÁP ÁN HƯỚNG DẪN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung cần đạt** | **Điểm** |
|  | **Phần I. Tiếng Việt ( 2,0 điểm)**   |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Câu 1** | **Câu 2** | **Câu 3** | **Câu 4** | **Câu 5** | **Câu 6** | **Câu 7** | **Câu 8** | | **C** | **B** | **A** | **C** | **B** | **C** | **B** | **D** | | **2.0** |
| **Phần II. Đọc – hiểu văn bản (2,0 điểm)** | | |
| ***1*** | Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm | 0.25 |
| ***2*** | Hình ảnh người mẹ được khắc họa qua những từ ngữ, chi tiết: “  không có yếm đào”, “Nón mê thay nón quai thao đội đầu”, “Rối ren tay bí tay bầu” "váy nhuộm bùn", "áo nhuộm nâu bốn mùa".  - Trả lời đầy đủ: 0.5 đ  - Trả lời được 1 – 3 chi tiết/hình ảnh như đáp án: 0.25 | 0.5 |
| ***3*** | Tâm tư, tình cảm của tác giả:  + Nỗi nhớ về người mẹ hiền đã mất.  + Lòng biết ơn và tình yêu thương to lớn của nhân vật trữ tình dành cho người mẹ.  - Trả lời đầy đủ 02 ý: 0.5 đ  - Trả lời được 01 ý: 0.25 đ | 0.5 |
| ***4*** | HS bày tỏ quan điểm **đồng ý** hoặc **không đồng ý** với quan điểm trên  **Nếu đồng ý.** HS phải lí giải được:  + Tầm quan trọng của công nghệ thay thế con người, phục vụ cuộc sống. Việc ru con cũng vậy.  + Nhiều ngươi mẹ phải đi làm việc khi con còn bé, nên không thể trực tiếp ru con...  **Nếu không đồng ý.** HS phải lí giải được”  + Không có một thiết bị nào có thể thay thế được lời ru của mẹ vì mẹ ru con là truyền cho con hơi ấm, tình thương, ước mơ, khát vọng của mẹ cho con.  + Lời ru trở thành dòng sữa tinh thần để con khôn lớn, lời ru bồi đắp tâm hồn con.  + Lời ru kết gắn tình mẹ con, giúp con cảm nhận được sự chở che, yêu thương của mẹ.  … |  |
| **Phần III. Làm văn ( 6,0 điểm)** | | |
| ***1*** | *a. Đảm bảo hình thức, dung lượng yêu cầu của một đoạn văn có khoảng 5 câu* | 0,25 |
| *b. Xác định đúng nội dung chủ yếu đoạn văn: Từ* một hình ảnh xúc động nhất về người mẹ của mình, HS bày tỏ tình cảm yêu kính, biết ơn mẹ | 0,25 |
| *c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn*. Có thể kết hợp các phương thức biểu đạt khác nhau. Sau đây là một vài gợi ý:  \*Mở đoạn: HS giới thiệu về một hình ảnh xúc động nhất về người mẹ của mình  \* Thân đoạn: Trình bày những suy nghĩ, ấn tượng về hình ảnh xúc động ấy:  + Về tình cảm: như thương mẹ vất vả, biết ơn, yêu kính mẹ, xúc động trước tấm lòng người mẹ...  + Về nhận thức: Giúp HS thay đổi nhận thức, việc làm để hưởng tới hoàn thiện bản thân.  + Hiểu được ý nghĩa của tình mẹ.  \* Kết đoạn: Khẳng định lại cảm xúc của người viết về tình mẹ.  *(Chấp nhận mọi lí giải thuyết phục, chú ý đến sự chân thành của người viết*) | 1,0 |
| *d. Sáng tạo:* Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, sâu sắc | 0,25 |
| *e. Chính tả, dùng từ, đặt câu:* Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt. | 0,25 |
| ***2***  ***Tham khảo phần ôn tập Nói nghe*** | **a.** *Đảm bảo cấu trúc của một bài văn tự sự (có sử dụng các yếu tố miêu tả, biểu cảm)*: Có đầy đủ các phần: Mở bài, Thân bài, Kết bài. Mở bài giới thiệu được trải nghiêm. Thân bài kể lại diễn biến trải nghiệm theo một trình tự hợp lí; Kết bài phát biểu suy nghĩ của mình về người thân, bày tỏ tình cảm của bản thân. | 0.5 |
| **b.** *Xác định đúng yêu cầu bài viết:* Kể lại một trải nghiệm đáng nhớ về người thân. | 0.25 |
| 1. *Triển khai bài viết:* Có thể triển khai theo hướng sau:  * Nêu lí do xuất hiện trải nghiệm. * Trình bày diễn biến trải nghiệm:   + Thời gian, địa điểm  + Ngoại hình, tâm trạng, ngôn ngữ cử chỉ, thái độ của người thân  + Tình cảm, cảm xúc của em trước tình yêu thương, sự quan tâm, chăm sóc,… của người thân. | 3.0 |
| **d.** *Sáng tạo:* Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ, cảm xúc sâu sắc.. | 0,25 |
| **e.** *Chính tả, dùng từ, đặt câu:* Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt. | 0,25 |

**THAM KHẢO LÀM VĂN**

**Câu 2: Tham khảo bài viết : Kể về trải nghiệm một  lần nói dối mẹ**

Tuổi thơ bồng bột nông nổi đã để lại cho chúng ta nhiều kỷ niệm và cũng là những lần phạm lỗi rất ngây thơ và đáng nhớ, bởi chúng ta luôn nghĩ người lớn không biết nhưng thực tế chỉ cần liếc sơ họ đã biết chúng ta làm sai rồi. Bản thân tôi cũng đã từng như thế, tôi đã từng phạm phải một lỗi mà đến giờ nghĩ lại thấy bản thân sao ấu trĩ và trẻ con thế.

Ngày ấy, tôi đang học lớp 4 tuy gia đình chưa được coi là khá giả nhưng tôi cũng được mẹ cho đi học thêm ở nhà cô. Tôi đi học được vài tháng đầu tiên, ngày nào tôi cũng đến lớp đầy đủ, tuần ba buổi, mỗi buổi hai tiếng. Tôi vốn có tiếng là đứa chăm chỉ, ngoan và học giỏi, nên rất được thầy cô bạn bè yêu quý, kể cả cô giáo dạy thêm cũng quý tôi lắm, thế nên mẹ lại càng tin tưởng tôi hơn, tôi biết mẹ tự hào vì tôi nhiều lắm. Thế nhưng tôi lại có lỗi với cả mẹ và cô, tôi đã phụ sự tin tưởng của họ dành cho tôi.

Nhà tôi nghèo thế nên tôi không có được những thú vui như chúng bạn, tôi không bao giờ có tiền tiêu vặt, những lúc tôi ở lại trường để học cả ngày mẹ sắm cho tôi chiếc cặp lồng để mang cơm ở nhà đi theo. Nhìn những đứa bạn trưa trưa được đi ra quán ăn vặt, mua này mua nọ, đôi lúc tôi thấy tủi thân lắm, tôi càng thu mình lại hơn. Đỉnh điểm là việc tôi rất thích đọc truyện, những cuốn truyện tranh Đô-rê-mon mà mấy đứa trẻ chúng tôi ham vô cùng, một đứa có là chuyền tay nhau đọc đến cũ mèm. Và vì quá thích, tôi đã lén lấy tiền đóng học thêm mẹ cho tôi, khi ấy là 150 ngàn đồng, để đi mua những cuốn truyện mà tôi hằng ao ước, tôi muốn một lần được hãnh diện với bè bạn. Thế nhưng khi cầm những cuốn sách mới coóng trên tay, và số tiền lẻ còn thừa tôi thấy hối hận vô cùng, và cũng sợ hãi nữa, rồi tiền đâu để đóng học, rồi lỡ mẹ biết thì phải làm sao,... Bao nhiêu câu hỏi hiện lên trong đầu khiến tôi vô cùng hoang mang và mệt mỏi.

Sự thay đổi thái độ của tôi đã khiến mẹ tôi nghi ngờ, bởi mẹ tôi vô cùng nhạy cảm, một buổi tối tôi đang ngồi học bài mẹ nhẹ nhàng bước đến rồi đặt cuốn truyện mà tôi mua lên bàn. Tôi giật nảy mình, nghĩ rằng đợt này kiểu gì cũng ăn một trận đòn nên thân, tôi chỉ biết cúi gằm mặt xuống bàn. Nhưng mẹ tôi không quát tháo, cũng không nói gì, tôi chỉ thấy mắt mẹ đỏ lên và hình như có những giọt nước mắt mẹ đang chảy trên đôi gò má đã sạm đi vì nắng gió, rớt trên đôi tay thô sần vì quanh năm làm lụng vất vả. Tôi biết tôi sai thật rồi, tôi có lỗi với mẹ nhiều lắm, tôi bật khóc hu hu vì tủi thân vì thương mẹ, nghĩ ghét cái sự ngu xuẩn của mình, khiến mẹ đau lòng. Những đồng tiền ấy không phải để tôi phung phí, không phải để tôi làm mẹ tôi buồn như vậy, miệng tôi lí nhí xin lỗi mẹ trong tiếng sụt sùi. Mẹ nhìn tôi, rồi nói một câu mà tôi nhớ mãi: “Mẹ vẫn luôn tin tưởng con như vậy, mẹ chỉ mong con học thật tốt mà chưa nghĩ đến việc con cũng có những thú vui và sở thích, nhưng gia đình mình…”

Chuyện đã qua thật lâu nhưng tôi vẫn nhớ mãi, nó là một bài học vô cùng sâu sắc khiến tôi nhớ mãi không quên, vì vậy tôi càng cố gắng học tập để bù đắp lại những lỗi lầm mà mình đã gây ra. Tôi luôn nghĩ rằng lỗi lầm là để khiến chúng ta trưởng thành chứ không phải là để khiến chúng ta phải sống trong tội lỗi, tương lai còn ở phía trước mong rằng các bạn đã từng phạm lỗi hãy sống tốt hơn, đừng bao giờ để cha mẹ phải khóc vì bạn nhé, vì học đã quá cực khổ rồi.

*(Tham khảo thêm 02 đề bài phần Nói nghe)*

**Hoạt động : Vận dụng**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào giải quyết các nhiệm vụ học tập khác.

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: GV giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS hoàn thành đề đọc hiểu sau:

✪ **Bài tập vận dụng:**

**Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi:**

**Đi dọc lời ru**

*À ơi… đi suốt cuộc đời*

*Vẫn nghiêng cánh võng những lời mẹ ru.*

*Câu ca từ thuở ngày xưa,*

*Hắt hiu những nẻo nắng mưa cuộc đời.*

*Chông chênh hạnh phúc xa vời,*

*Lắt lay số phận những lời đắng cay.*

*Mẹ gom cả thế gian này,*

*Tình yêu hạnh phúc trao tay con cầm.*

*Nẻo xưa nước mắt âm thầm,*

*Đường gần trái ngọt con cầm trên tay.*

*À ơi… Bóng cả mây bay*

*Lời ru đi dọc tháng ngày trong con*

(Chu Thị Thơm, Bờ sông vẫn gió, NXB Giáo dục 1999, tr 41)

**Câu 1**. Xác định thể thơ và phương thức biểu đạt chính của bài thơ trên.

**Câu 2.** Chỉ ra và nêu tác dụng của các từ láy trong đoạn thơ sau:

*Câu ca từ thuở ngày xưa*

*Hắt hiu những nẻo nắng mưa cuộc đời.*

*Chông chênh hạnh phúc xa vời,*

*Lắt lay số phận những lời đắng cay.*

**Câu 3.** Ngẫm về lời ru của mẹ, người con đã hiểu ra điều gì?

**Câu 4.** Từ nội dung của văn bản đọc hiểu, em hãy rút ra thông điệp ý nghĩa nhất với mình.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS về nhà hoàn thành cá nhân.

**B3: Báo cáo, thảo luận:**

+ GV gọi HS lên chữa bài,

+ Tổ chức trao đổi, thảo luận trong tiết học sau.

**B4: Kết luận, đánh giá.**

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1:** Thể thơ lục bát.

Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm**.**

**Câu 2:**

* Từ láy: *hắt hiu, chông chênh, lắt lay, âm thầm*
* Tác dụng:

+ Làm cho lời thơ thêm sinh động, giàu nhịp điệu hơn

+ Những từ láy trên nhấn mạnh hơn số phận, cuộc đời đầy những đắng cay, vất cả, cực khổ của mẹ.

**Câu 3:** Ngẫm về lời ru của mẹ, người con đã thấu hiểu:

* Cuộc đời mẹ đầy những đắng cay, vất vả, cực khổ, chưa một giây hạnh phúc.
* Tình yêu bao la của mẹ dành hết cho con, để con được vững bước trên đường đời.

**Câu 4:**

HS rút ra được thông điệp qua văn bản.

Có thể nêu: Cần phải trân trọng những lời ru trong cuộc sống; cần phải luôn khắc ghi công ơn to lớn của ẹm, phải có hiếu với mẹ cha.,…

**Hướng dẫn tự học**

**GV yêu cầu HS:**

- Tìm đọc và tham khảo các tài liệu liên quan đến nội dung bài học.

- Học bài ở nhà, ôn tập các nội dung đã học.

- Làm hoàn chỉnh các đề bài.

- Vẽ sơ đồ tư duy bài học.

|  |  |
| --- | --- |
| **BÀI 3**  *Ngày soạn ..................*  *Ngày dạy:...................* | **ÔN TẬP KÍ**  **(HỒI KÍ VÀ DU KÍ)** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Top 10 Bài văn phân tích đoạn trích "Trong lòng mẹ" trong "Những ngày thơ  ấu" của Nguyên Hồng - Toplist.vn |  |  |

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

Ôn tập các đơn vị kiến thức của bài học 3:

- Ôn tập hệ thống hóa kiến thức của các văn bản hồi kí, du kí: một số yếu tố hình thức (ngôi kể thứ nhất, tính xác thực, cách kể sự việc, hình thức ghi chép,...), nội dung (đề tài, chủ đề, tình cảm, cảm xúc người viết,...) của văn bản hồi kí hoặc du kí.

- Ôn tập kiến thức về từ ngữ đa nghĩa, từ đồng âm, từ mượn trong đọc, viết, nói và nghe.

- Ôn tập kể về một kỉ niệm của bản thân bằng hình thức viết và nói.

**2. Năng lực:**

+*Năng lực chung*:Tự chủ và tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo

+*Năng lực chuyên môn*: Năng lực ngôn ngữ (đọc – viết – nói và nghe); năng lực văn học.

**3. Phẩm chất:**

**-** Trân trọng tình mẫu tử và những kỉ niệm thời thơ ấu;

- Yêu thiên nhiên, thích khám phá,..

- Có ý thức ôn tập nghiêm túc.

**B. PHƯƠNG TIỆN VÀ HỌC LIỆU**

**1.Học liệu**:

- Tham khảo SGV, SGK Ngữ văn 6 Cánh diều.

- Tài liệu ôn tập bài học.

**2. Thiết bị và phương tiện:**

- Sưu tầm tranh ảnh, tư liệu có liên quan đến bài học.

- Sử dụng ngôn ngữ trong sáng, lành mạnh.

- Sử dụng máy chiếu/tivi kết nối wifi

**C.PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT DẠY HỌC**

**- Phương pháp**: Thảo luận nhóm,động não, dạy học giải quyết vấn đề, thuyết trình, đàm thoại gợi mở, dạy học hợp tác... .

**- Kĩ thuật**: Sơ đồ tư duy, phòng tranh, chia nhóm, đặt câu hỏi, khăn trải bàn,...

**D.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC THEO CHỦ ĐỀ**

**Hoạt động : Khởi động**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế bước vào giờ ôn tập kiến thức.

**b. Nội dung hoạt động:** HS hoàn thành Phiếu học tập

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Cách 1: Báo cáo sản phẩm học tập**

**Yêu cầu:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

**Bài tập 1:** Nêu cảm nhận của em về một chi tiết câu văn/hình ảnh mà em ấn tượng nhất trong các văn bản có trong bài học *(Trong lòng mẹ; Đồng Tháp Mười mùa nước nổi; Thời thơ ấu của Hon – đa)*

**Bài tập 2:** Lập bảng thống kê theo mẫu**:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên văn bản** | **Đặc sắc nội dung** | **Đặc sắc nghệ thuật** |
| *Trong lòng mẹ* (Nguyên Hồng) |  |  |
| *Đồng Tháp Mười mùa nước nổi* (Văn Công Hùng) |  |  |
| *Thời thơ ấu của Hon – đa* (Hon – đa  Sô-i-chi-rô) |  |  |

**(Nhiệm vụ đã được GV giao về nhà thực hiện sau tiết học buổi sáng)**

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:**

GV gọi một số HS lên bảng /đứng tại chỗ báo cáo sản phẩm học tập.

**B3: Báo cáo, thảo luận sản phẩm học tập:**

**B4: Đánh giá, nhận xét**

- GV nhận xét, đánh giá.

- GV giới thiệu nội dung ôn tập bài 3:

|  |  |
| --- | --- |
| **KĨ NĂNG** | **NỘI DUNG CỤ THỂ** |
| Đọc – hiểu văn bản | **Đọc hiểu văn bản:**  ***+Văn bản 1:*** *Trong lòng mẹ ( Nguyên Hồng);* |
| ***+ Văn bản 2:*** *Đồng Tháp Mười mùa nước nổi ( Văn Công Hùng)* |
| **Thực hành Tiếng Việt:** từ ngữ đa nghĩa, từ đồng âm, từ mượn |
| **Thực hành đọc hiểu**:  ***+ Văn bản:*** *Thời thơ ấu của Honda* |
| Viết | **Viết:** Viết bài văn kể về một kỉ niệm của bản thân |
| Nói và nghe | **Nói và nghe:** Kể về một kỉ niệm của bản thân |

**Cách 2: Trò chơi ”Thử tài ghi nhớ”**

* Chia lớp thành 02 dãy tương ứng với 02 đội.
* GV trình chiếu các hình ảnh minh hoạ nội dung của các văn bản đọc hiểu của bài 3 (*Trong lòng mẹ; Đồng Tháp Mười mùa nước nổi; Thời thơ ấu của Hon da*)

Yêu cầu: HS phải gọi tên được hình ảnh đó và cho biết hình ảnh đó minh hoạ cho nội dung của văn bản nào.

* Kết thúc 10 bức ảnh, đội nào trả lời được nhiều đáp án nhất sẽ giành chiến thắng.

**Hoạt động ôn tập: Nhắc lại kiến thức cơ bản**

**a.Mục tiêu**: Giúp HS ôn tập, nắm chắc các đơn vị kiến thức của bài học 3.

**b. Nội dung hoạt động:** Vận dụng các phương pháp đàm thoại gợi mở, hoạt động nhóm để ôn tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân hoặc sản phẩm nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

* GV hướng dẫn HS ôn lại các đơn vị kiến thức cơ bản bằng phương pháp hỏi đáp, đàm thoại gợi mở; hoạt động nhóm,
* HS lần lượt trả lời nhanh các câu hỏi của GV các đơn vị kiến thức cơ bản của bài học 3.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

* HS tích cực trả lời.
* GV khích lệ, động viên

**B3: Báo cáo sản phẩm**

* HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV.
* Các HS khác nhận xét, bổ sung.

**B4: Đánh giá, nhận xét**

GV nhận xét, chốt kiến thức

**ÔN TẬP ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

✪ **KIẾN THỨC CHUNG VỀ THỂ KÍ**

**1. Định nghĩa**: **Kí**là một thể loại văn xuôi thường ghi lại sự việc và con người một cách xác thực.

**2.** **Phân loại:** Kí bao gồm nhiều thể, nhiều tiểu loại phong phú như: *kí sự, phóng sự, hồi kí, du kí, nhật kí, tuỳ bút, bút kí,…*

**+ Hồi kí** là một thể của kí dùng để ghi chép lại những sự việc, những quan sát, nhận xét và tâm trạng có thực mà tác giả đã trải qua.

**+ Du kí** là một thể của kí dùng để ghi lại những điều đã chứng kiến trong một chuyến đi diễn ra chưa lâu của bản thân tới một miền đất khác.

**3.** **Tính xác thực** của sự việc mà kí ghi chép được thể hiện qua một hoặc nhiều yếu tố cụ thể như thời gian (ngày, tháng, năm,...); địa điểm diễn ra sự việc; sự có mặt của người khác như người thân trong gia đình, bạn bè cùng tham gia vào một sự việc.

**4.** **Ngôi kể**: Người kể trong kí thường kể theo ngôi thứ nhất (người kể xưng *tôi*)

**5. Cách đọc hiểu một văn bản kí**

***\*Yêu cầu chung:***

- Nhận biết được văn bản kể về ai và sự việc gì; những chi tiết nào của bài kí mang tính xác thực;...

- Chỉ ra được hình thức ghi chép của bài kí; ngôi kể và tác dụng của ngôi kể thường dùng trong kí.

- Chỉ ra những câu, đoạn trong bài kí thể hiện suy nghĩ và cảm xúc của tác giả, nhận biết được tác dụng của những suy nghĩ và cảm xúc ấy đối với người đọc.

***\*Yêu cầu riêng***:

- Văn bản Hồi kí:

+ Nhận biết người kể lại sự việc đã xảy ra trong quá khứ là ai. Người ấy có trực tiếp tham dự và chứng kiến sự việc hay không?

+ Hiểu được vì sao sự việc được kể mang tính cá nhân nhưng lại có ý nghĩa đối với người đọc.

* Văn bản du kí:

+ Nhận biết được văn bản ghi lại những điều có thật hay do tưởng tượng.

+ Chỉ ra được những thông tin độc đáo, mới lạ, hấp dẫn về sự vật, con người, phong tục, cảnh sắc… trong bài du kí

✪ **VĂN BẢN ĐỌC HIỂU**

**\*GV hướng dẫn HS chốt các đơn vị kiến thức cơ bản của các văn bản đọc hiểu:**

**🞜 Ôn tập văn bản 1: *Trong lòng mẹ* (Nguyên Hồng)**

1. **TÁC GIẢ NGUYÊN HỒNG**
2. **Vị trí**: Là cây bút xuất sắc của văn học hiện đại Việt Nam.
3. **Cuộc đời**

- Nguyên Hồng (1918 – 1982). Tên khai sinh của ông là Nguyễn Nguyên Hồng, quê ở thành phố Nam Định. Nguyên Hồng sống chủ yếu ở thành phố cảng Hải Phòng, trong một xóm lao động nghèo.

- Ông có tuổi thơ thiếu thốn tình cảm và vật chất, sinh ra trong gia đình có hoàn cảnh bất hạnh. Ông mồ côi cha từ nhỏ, phải sống với những người cô ruột cay nghiệt. Ngay từ khi còn bé, Nguyên Hồng đã phải lưu lạc, bôn ba cùng mẹ đi khắp nơi để bán hàng kiếm sống.

**3. Sự nghiệp văn học**

**a. Tác phẩm chính**

- Ông viết nhiều thể loại: truyện ngắn, tiểu thuyết, kí, thơ.

- Các tác phẩm chính: Bỉ vỏ (tiểu thuyết, 1938); Những ngày thơ ấu (hồi kí, 1938); Trời xanh (tập thơ, 1960); Cửa biển (bộ tiểu thuyết 4 tập: 1961, 1967, 1973, 1976); Núi rừng Yên Thế (bộ tiểu thuyết lịch sử nhiều tập chưa viết xong); Bước đường viết văn (hồi kí, 1970).  
- Trong những tác phẩm của Nguyên Hồng, hình ảnh người phụ nữ và trẻ em trong xã hội cũ được nhà văn dành nhiều niềm yêu thương, đồng cảm.

- Văn bản Trong lòng mẹ được trích từ tập hồi kí Những ngày thơ ấu. Đây được coi là những dòng hồi ức sinh động, chân thực đầy cay đắng về tuổi thơ không êm đềm của nhà văn.

**b. Phong cách nghệ thuật**

- Đối tượng sáng tác: những con người nhỏ bé, những lớp người dưới đáy của xã hội thành thị.Ông xứng đáng được coi là nhà văn chân chính của những người khốn khổ. Một tình cảm nhân đạo thiết tha đối với quần chúng lao động nghèo thấm đượm trong toàn bộ sáng tác của nhà văn.

- Được mệnh danh là nhà văn của những người cùng khổ với biệt hiệu “Nhà văn của phụ nữ và trẻ em”.

- Là nhà văn của niềm tin và ánh sáng, luôn đi tìm vẻ đẹp của con người trong khổ đau, khám phá chất thơ của đời sống cần lao.

- Giọng điệu trữ tình vừa bồng bột thiết tha, vừa sôi nổi mãnh liệt.

**c. Giải thưởng**

- Với những đóng góp của Nguyên Hồng dành cho nền văn học dân tộc, ông được nhà nước truy tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật năm 1996.

**II. VĂN BẢN “TRONG LÒNG MẸ”**

**1.** **Xuất xứ**: Trích từ chương IV hồi kí Những ngày thơ ấu (1938).

**2. Thể loại**: Hồi kí.

**3.** **Phương thức biểu đạt**: Tự sự kết hợp miêu tả và biểu cảm.

**4**. **Bố cục**: 2 phần

+ Phần 1 (Từ đầu đến hỏi đến chứ?): Cuộc đối thoại giữa người cô và bé Hồng.

+ Phần 2 (Còn lại): Cuộc gặp gỡ của bé Hồng và mẹ.

**5**. **Tóm tắt**:

Chú bé Hồng có một tuổi thơ đầy bất hạnh: bố chết sớm vì nghiện ngập, mẹ vì cảnh cùng túng quá phải bỏ con đi tha hương cầu thực, chú phải sống với bà cô cay nghiệt. Một hôm, bà cô gọi Hồng đến và hỏi có muốn vào Thanh Hoá với mẹ không. Nhận ra vẻ mặt rất kịch và tâm địa độc ác của bà cô, Hồng nén lại niềm thương nhớ mẹ và trả lời không muốn vào. Nhưng bà cô vẫn cố tình kể chuyện mẹ Hồng khốn khổ, đã có con với người khác làm cho Hồng đau đớn, thương mẹ và căm phẫn những cổ tục đã đầy đoạ mẹ mình. Gần đến ngày giỗ bố, trên đường đi học về, Hồng thấy bóng người ngồi trên xe kéo giống mẹ. Chú đã đuổi theo và khi nhận ra mẹ, Hồng đã oà khóc nức nở. Hồng cảm thấy sung sướng và hạnh phúc vô cùng khi được ở trong lòng mẹ. Hồng thấy mẹ vẫn đẹp như ngày nào. Chú đã quên hết mọi lời xúc xiểm của bà cô.

**6. Đặc sắc về nội dung và nghệ thuật:**

**\*Nghệ thuật:**

+ Thể loại hồi kí với lối văn uyển chuyển, thấm đượm chất trữ tình; lời văn tự truyện chân thành, giàu sức truyền cảm.

+ Các hình ảnh so sánh giàu sức gợi cảm.

+ Nghệ thuật kể chuyện và xây dựng nhân vật thành công, đặc biệt là miêu tả tâm lí nhân vật tinh tế.

**\*Nội dung:**

Đoạn trích *Trong lòng mẹ* đã kể lại một cách chân thực và cảm động những cay đắng, tủi cực cùng tình yêu thương cháy bỏng của nhà văn thời thơ ấu đối với người mẹ bất hạnh. Qua đó, ta càng thêm trân trọng tình mẫu tử trong cuộc sống.

**III.****ĐỊNH HƯỚNG PHÂN TÍCH VĂN BẢN**

**1. Dàn ý**

|  |
| --- |
| **1.1. Nêu vấn đề:**  - Giới thiệu tác giả Nguyên Hồng và tác phẩm hồi kí “Những ngày thơ ấu” .  - Giới thiệu vị trí và khái quát nội dung của đoạn trích “Trong lòng mẹ”:  Đoạn trích  "Trong lòng mẹ" nằm ở chương IV tập hồi ký "Những ngày thơ ấu' của nhà văn Nguyên Hồng. Đoạn trích đã nêu lên những đau đớn trong lòng của cậu bé Hồng khi phải sống cùng họ hàng, xa vòng tay âu yếm của mẹ. Từ đó đã làm nổi bật những tủi nhục mà cậu bé Hồng phải trải qua và niềm vui sướng vỡ òa khi cậu được gặp lại mẹ. |
| **1.2. Giải quyết vấn đề**   * + 1. ***Hoàn cảnh sống của bé Hồng***   + Bé Hồng là kết quả của cuộc hôn nhân không tình yêu.  + Bố nghiện rồi mất, mẹ túng quẫn phải đi tha hương cầu thực.  + Hồng sống trong sự ghẻ lạnh, cay nghiêt của họ hàng.  + Gần giỗ đầu bố mà mẹ chưa về.   * ***Hoàn cảnh cô độc, đáng thương, luôn khao khát tình yêu thương của mẹ.***   + 1. ***Tình yêu thương mẹ của chú bé Hồng***  1. **Trong cuộc đối thoại giữa Hồng và bà cô**  * Sống với người cô luôn ghét mẹ mình, sống trong sự gièm pha nói xấu, bé Hồng không vì thế mà không còn yêu thương mẹ. Chú đã muốn nói có ngay sau khi bà cô hỏi có muốn vào Thanh Hóa thăm mẹ không; rồi chú nhận ra ngay ý nghĩa cay độc trong giọng nói và trên nét mặt của người cô nên chú cúi đầu không đáp. Nhưng lại không muốn tình thương yêu và lòng kính mến mẹ bị “những rắp tâm tanh bẩn” xâm phạm đến nên chú cố cười và đáp lại một cách rất tự tin: “Không!Cháu không muốn vào.Cuối năm thế nào mợ cháu cũng về”. * Sau lời hỏi thứ hai của người cô, lòng chú bé càng thắt lại, khóe mắt đã cay cay. * Khi bà cô ngân dài hai tiếng “em bé”, thì nỗi đau đớn,phẫn uất ở chú bé không còn nén nổi, nước mắt chú bé”ròng ròng rớt xuống hai bên mép rồi chan hoà đầm đìa ở cằm và ở cổ”.Không phải vì bé Hồng đau đớn tủi cực vì mẹ chú làm điều xấu xa mà chỉ vì thương mẹ và căm tức sao mẹ lại vì sợ hãi những thành kiến tàn ác mà phải sinh nở một cách giấu giếm.Bé Hồng chẳng những không kết án mẹ vì đẻ em bé khi chưa đoạn tang chồng mà trái lại chú lại càng thương mẹ hơn. Chú cố kìm nén nỗi đau xót, tức tưởi đang dâng lên trong lòng để hỏi lại bằng cách “cười dài trong tiếng khóc” * Tâm trạng đau đớn, uất ức của chú bé dâng đến cực điểm khi nghe người cô cứ tươi cười kể về tình cảnh tội nghiệp của mẹ mình. * Tình yêu thương mẹ của bé Hồng đặc biệt vì nó luôn bị thử thách trong cảnh ngộ éo le. Nó giản dị, chân thành, hầu như không vì mong được đền đáp: “Mặc dầu non một năm ròng mẹ tôi không gửi cho tôi lấy một lá thư, nhắn người thăm tôi lấy một lời và gửi cho tôi lấy một đồng quà”. Và cũng vì thương mẹ mà chú bé căm ghét những hủ tục phong kiến đã đọa đày mẹ :“Giá những cổ tục đã đày đoạ mẹ tôi là một vật như hòn đá hay cục thuỷ tinh,đầu mẩu gỗ, tôi quyết vồ ngay lấy mà cắn,mà nhai,mà nghiền cho kì nát vụn mới thôi”. Câu văn với phép so sánh đặc sắc, bằng những hình ảnh cụ thể, nhịp văn gấp gáp, dồn dập đã thể hiện sự phản kháng quyết liệt và cũng rất hồn nhiên, trẻ con của chú bé Hồng. Sự căm tức dữ dội ấy chính là biểu hiện đầy đủ của tình yêu thương mẹ tha thiết.  1. **Trong cuộc gặp gỡ giữa bé Hồng và mẹ**   Nếu trong cuộc hội thoại với người cô, chú bé Hồng thể hiện tình yêu me bằng cách phản kháng mãnh liệt thì trong cuộc gặp gỡ bất ngờ với mẹ của mình, chú bé Hồng như quay trở về với chính tâm hồn non nớt, bé bỏng đáng có của mình.   * Trên đường đi học về,thoáng thấy bóng người ngồi trên xe kéo giống mẹ mình, bé Hồng cuống quýt đuổi theo và bối rối “Mợ ơi!Mợ ơi!Mợ ơi!....” Điều đó cho thấy hình ảnh người mẹ luôn luôn thường trực trái tim chú bé. Chú bé lúc nào cũng nhớ mong và yêu thương mẹ vô cùng. Trong bé Hồng, cảm giác khi nếu người quay lại ấy là người khác thì thật là điều tủi cực ghê gớm cho chú bé “khác gì cái ảo ảnh của một dòng nước trong suốt chảy dưới bóng râm đã hiện ra trước con mắt gần rạn nứt của người bộ hành ngã gục giữa xa mạc”.Nỗi khắc khoải mong mẹ đến cháy ruột của chú bé đã được thể hiện thật thấm thía, xúc động bằng hình ảnh so sánh đặc sắc này. * Chú bé thở hồng hộc, chán đẫm mồ hôi, khi trèo lên xe “rúi cả chân lại” biết bao hồi hộp, sung sướng, đau khổ toát lên từ những cử chỉ cuống quýt ấy. Và khi được mẹ kéo tay và xoa đầu hỏi thì chú “oà lên khóc rồi cứ thế nức nở”. Dường như bao nhiêu sầu khổ dồn nén trong suốt thời gian xa mẹ dài đằng đẵng lúc này bỗng vỡ oà.Tiếng khóc của chú bé là tiếng khóc dỗi hờn và hạnh phúc, tức tưởi và mãn nguyện của xa cách, mong nhớ. * Ngồi trong lòng mẹ, chú hạnh phúc đắm mình trong tình mẫu tử. Chú thấy mẹ vẫn đẹp như thuở nào “vẫn tươi sáng với đôi mắt trong và nước da mịn làm nổi bật màu hồng của hai gò má”.Chú cũng cảm nhận được niềm hạnh phúc bên con của người mẹ. * Chú bé cảm thấy ngây ngất sung sướng khi được sà vào lòng mẹ,cảm giác mà chú đã mất từ lâu: “Tôi ngồi trên đệm xe, đùi áp đùi mẹ tôi,đầu ngả vào cánh tay mẹ tôi,tôi thấy những cảm giác ấm áp đã bao lâu mất đi bỗng lại mơn man khắp da thịt”.Bé Hồng còn cảm nhận thấm thía hơi thở vô cùng thân thiết: “Hơi quần áo của mẹ tôi và những hơi thở ở khuôn miệng xinh xắn nhai trầu phả ra lúc đó thơm tho lại thường”. * Kỉ niệm ngọt ngào làm chú sung sướng đến nghẹn ngào: “Phải bé lạị và lăn vào lòng một người mẹ,áp mặt vào bầu sữa nóng của người mẹ, để bàn tay người mẹ vuốt ve từ trán xuống cằm, và gãi rôm ở sống lưng cho, mới thấy người mẹ có một êm dịu vô cùng”.   - Lúc ấy, bé Hồng như quên đi tất cả những cay độc, buồn tủi“bên tai tôi ù đi, lời bà cô chìm xuống,tôi không mảy may nghĩ ngợi gì nữa…”. Nghĩa là hạnh phúc lớn lao, choáng ngập niềm sung sướng được ở bên mẹ tràn ngập trong bé Hồng, không một rắp tâm tanh bẩn nào xâm phạm được, nó cũng như một liều thuốc hữu hiệu đã nhanh chóng chữa lành mọi tổn thương trong em bấy lâu nay, đó chính là hanh phúc lớn lao của tình mẫu tử thiêng liêng và cao cả.  => Bé Hồng là hình ảnh một tuổi thơ nhiều bất hạnh nhưng vẫn tỏa sáng một trái tim thương yêu sâu sắc, để lại ấn tượng xúc động trong lòng người đọc  \***Tóm lại:**  - Qua đoạn trích, người đọc cảm nhận được tình mẫu tử thiêng liêng,bất diệt giữa bé Hồng và mẹ.  - Chú bé Hồng là một cậu bé nhạy cảm, giàu tình yêu thương mẹ; biết cảm thông và có niềm tin mãnh liệt ở mẹ. |
| * 1. **Đánh giá khái quát**   **\*Đánh giá nội dung và nghệ thuật:**  **- Nghệ thuật**  + Thể loại hồi kí với lối văn uyển chuyển, thấm đượm chất trữ tình; lời văn tự truyện chân thành, giàu sức truyền cảm.  + Các hình ảnh so sánh giàu sức gợi cảm.  + Nghệ thuật kể chuyện và xây dựng nhân vật thành công, đặc biệt là miêu tả tâm lí nhân vật tinh tế.   * **Nội dung:**   Đoạn trích *Trong lòng mẹ* đã kể lại một cách chân thực và cảm động những cay đắng, tủi cực cùng tình yêu thương cháy bỏng của nhà văn thời thơ ấu đối với người mẹ bất hạnh. Qua đó, ta càng thêm trân trọng tình mẫu tử trong cuộc sống.  **\*Liên hệ và nêu cảm nhận của bản thân về đoạn trích**. |

1. **Định hướng phân tích**

Nguyên Hồng là một trong những nhà văn hiện thực xuất sắc của văn học Việt Nam. Ông  là nhà văn của những người cùng khổ, dành cho những người phụ nữ và trẻ em tấm lòng chan chứa yêu thương và trân trọng thông qua việc diễn tả thấm thía nỗi cơ cực và tủi nhục mà họ gánh chịu, đồng thời thấu hiểu, trân trọng vẻ đẹp tâm hồn của họ. ***Những ngày thơ ấu*** là tập hồi kí tiêu biểu cho phong cách Nguyên Hồng: giản dị, chân thành, đậm chất trữ tình. Đặc biệt đoạn trích Trong lòng mẹ thuộc chương thứ IV của tác phẩm đã diễn tả thành công, sâu sắc và cảm động tâm trạng của nhân vật chính - bé Hồng đối với người mẹ đáng thương, bất hạnh của mình.   
 **Đọc đoạn trích, người đọc thấy thương cảm trước hoàn cảnh đáng thương của chú bé Hồng.** Bé Hồng sinh ra là kết quả của một cuộc hôn nhân không hạnh phúc. Bố là một kẻ nghiện ngập, chết mòn trên bàn thuốc phiện để lại cho mẹ con Hồng một cuộc sống tù túng cực độ cùng những cay nghiệt bên nhà nội, cuối cùng mẹ Hồng phải tha hương cầu thực, bỏ lại Hồng một mình sống với bà cô. Từ đó, Hồng phải sống trong sự ghẻ lạnh, cay nghiệt của bà cô. Dù xa mẹ nhưng cậu luôn nhớ và yêu thương mẹ, khao khát có ngày được gặp lại mẹ. Tình yêu thương đó được thể hiện trong cuộc đối thoại với bà cô và khi bất ngờ được gặp lại mẹ.

**Tình yêu thương mẹ mãnh liệt của chú bé trước hết thể hiện qua cuộc đối thoại với bà cô.** Trong cuộc đối thoại với người cô, Hồng đã thể hiện tình yêu thương, niềm tin của mình vào người mẹ khi trả lời cô một cách dứt khoát và thông minh. Sống với người cô luôn ghét mẹ mình, sống trong sự gièm pha nói xấu, bé Hồng không vì thế mà không còn yêu thương mẹ. Chú đã muốn nói có ngay sau khi bà cô hỏi có muốn vào Thanh Hóa thăm mẹ không; rồi chú nhận ra ngay ý nghĩa cay độc trong giọng nói và trên nét mặt của người cô nên chú cúi đầu không đáp. Nhưng lại không muốn tình thương yêu và lòng kính mến mẹ bị “những rắp tâm tanh bẩn” xâm phạm đến nên chú cố cười và đáp lại một cách rất tự tin: “Không!Cháu không muốn vào.Cuối năm thế nào mợ cháu cũng về”. Sau lời hỏi thứ hai của người cô, lòng chú bé càng thắt lại, khóe mắt đã cay cay. Khi bà cô ngân dài hai tiếng “em bé”, thì nỗi đau đớn,phẫn uất ở chú bé không còn nén nổi, nước mắt chú bé”ròng ròng rớt xuống hai bên mép rồi chan hoà đầm đìa ở cằm và ở cổ”.Không phải vì bé Hồng đau đớn tủi cực vì mẹ chú làm điều xấu xa mà chỉ vì thương mẹ và căm tức sao mẹ lại vì sợ hãi những thành kiến tàn ác mà phải sinh nở một cách giấu giếm.Bé Hồng chẳng những không kết án mẹ vì đẻ em bé khi chưa đoạn tang chồng mà trái lại chú lại càng thương mẹ hơn. Chú cố kìm nén nỗi đau xót, tức tưởi đang dâng lên trong lòng để hỏi lại bằng cách “cười dài trong tiếng khóc”. Tâm trạng đau đớn, uất ức của chú bé dâng đến cực điểm khi nghe người cô cứ tươi cười kể về tình cảnh tội nghiệp của mẹ mình. Tình yêu thương mẹ của bé Hồng đặc biệt vì nó luôn bị thử thách trong cảnh ngộ éo le. Nó giản dị, chân thành, hầu như không vì mong được đền đáp: “Mặc dầu non một năm ròng mẹ tôi không gửi cho tôi lấy một lá thư, nhắn người thăm tôi lấy một lời và gửi cho tôi lấy một đồng quà”. Và cũng vì thương mẹ mà chú bé căm ghét những hủ tục phong kiến đã đọa đày mẹ :“Giá những cổ tục đã đày đoạ mẹ tôi là một vật như hòn đá hay cục thuỷ tinh,đầu mẩu gỗ, tôi quyết vồ ngay lấy mà cắn,mà nhai,mà nghiền cho kì nát vụn mới thôi”. Câu văn với phép so sánh đặc sắc, bằng những hình ảnh cụ thể, nhịp văn gấp gáp, dồn dập đã thể hiện sự phản kháng quyết liệt và cũng rất hồn nhiên, trẻ con của chú bé Hồng. Sự căm tức dữ dội ấy chính là biểu hiện đầy đủ của tình yêu thương mẹ tha thiết.

**Tình mẫu tử thiêng liêng của Hồng dành cho mẹ được thể hiện rõ nét, sâu sắc và cảm động trong cảnh gặp lại mẹ sau thời gian dài xa cách**. Nếu trong cuộc hội thoại với người cô, chú bé Hồng thể hiện tình yêu me bằng cách phản kháng mãnh liệt thì trong cuộc gặp gỡ bất ngờ với mẹ của mình, chú bé Hồng như quay trở về với chính tâm hồn non nớt, bé bỏng đáng có của mình. Trên đường đi học về,thoáng thấy bóng người ngồi trên xe kéo giống mẹ mình, bé Hồng cuống quýt đuổi theo và bối rối “Mợ ơi!Mợ ơi!Mợ ơi!....” Điều đó cho thấy hình ảnh người mẹ luôn luôn thường trực trái tim chú bé. Chú bé lúc nào cũng nhớ mong và yêu thương mẹ vô cùng. Trong bé Hồng, cảm giác khi nếu người quay lại ấy là người khác thì thật là điều tủi cực ghê gớm cho chú bé “khác gì cái ảo ảnh của một dòng nước trong suốt chảy dưới bóng râm đã hiện ra trước con mắt gần rạn nứt của người bộ hành ngã gục giữa xa mạc”.Nỗi khắc khoải mong mẹ đến cháy ruột của chú bé đã được thể hiện thật thấm thía, xúc động bằng hình ảnh so sánh đặc sắc này. Chú bé thở hồng hộc, chán đẫm mồ hôi, khi trèo lên xe “rúi cả chân lại” biết bao hồi hộp, sung sướng, đau khổ toát lên từ những cử chỉ cuống quýt ấy. Và khi được mẹ kéo tay và xoa đầu hỏi thì chú “oà lên khóc rồi cứ thế nức nở”. Dường như bao nhiêu sầu khổ dồn nén trong suốt thời gian xa mẹ dài đằng đẵng lúc này bỗng vỡ oà.Tiếng khóc của chú bé là tiếng khóc dỗi hờn và hạnh phúc, tức tưởi và mãn nguyện của xa cách, mong nhớ. Ngồi trong lòng mẹ, chú hạnh phúc đắm mình trong tình mẫu tử. Chú thấy mẹ vẫn đẹp như thuở nào “vẫn tươi sáng với đôi mắt trong và nước da mịn làm nổi bật màu hồng của hai gò má”.Chú cũng cảm nhận được niềm hạnh phúc bên con của người mẹ. Chú bé cảm thấy ngây ngất sung sướng khi được sà vào lòng mẹ,cảm giác mà chú đã mất từ lâu: “Tôi ngồi trên đệm xe, đùi áp đùi mẹ tôi,đầu ngả vào cánh tay mẹ tôi,tôi thấy những cảm giác ấm áp đã bao lâu mất đi bỗng lại mơn man khắp da thịt”.Bé Hồng còn cảm nhận thấm thía hơi thở vô cùng thân thiết: “Hơi quần áo của mẹ tôi và những hơi thở ở khuôn miệng xinh xắn nhai trầu phả ra lúc đó thơm tho lại thường”. Kỉ niệm ngọt ngào làm chú sung sướng đến nghẹn ngào: “Phải bé lạị và lăn vào lòng một người mẹ,áp mặt vào bầu sữa nóng của người mẹ, để bàn tay người mẹ vuốt ve từ trán xuống cằm, và gãi rôm ở sống lưng cho, mới thấy người mẹ có một êm dịu vô cùng”. Lúc ấy, bé Hồng như quên đi tất cả những cay độc, buồn tủi“bên tai tôi ù đi, lời bà cô chìm xuống,tôi không mảy may nghĩ ngợi gì nữa…”. Nghĩa là hạnh phúc lớn lao, choáng ngập niềm sung sướng được ở bên mẹ tràn ngập trong bé Hồng, không một rắp tâm tanh bẩn nào xâm phạm được, nó cũng như một liều thuốc hữu hiệu đã nhanh chóng chữa lành mọi tổn thương trong em bấy lâu nay, đó chính là hanh phúc lớn lao của tình mẫu tử thiêng liêng và cao cả.

**Đoạn trích “Trong lòng mẹ” thành công về cả phương diện nội dung và nghệ thuật.** Đoạn trích gây ấn tượng bởi nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật tài tình qua việc xây dựng tình huống, ngôn ngữ và cử chỉ của nhân vật. Nghệ thuật tăng tiến độc đáo, sự độc ác của bà cô ngày càng tăng lên thì cùng với đó tình yêu thương, sự bảo vệ của bé Hồng với mẹ cũng ngày một nhiều hơn. Những hình ảnh so sánh độc đáo, thể hiện được cung bậc cảm xúc, tình yêu thương mẹ mãnh liệt của bé Hồng. Câu chuyện đậm chất trữ tình được thể hiện rõ qua tình huống, nội dung và ngôn ngữ kể chuyện giàu cảm xúc, đầy chất thơ. Chỉ với một phần trích ngắn ngủi nhưng cũng đủ để người đọc cảm nhận được tình cảm mẫu tử thiêng liêng, sâu sắc mà bé Hồng dành cho mẹ. Không chỉ vậy tác phẩm còn thể hiện niềm cảm thông, lên án những hủ tục phong kiến đã đẩy người phụ nữ vào con đường bất hạnh, cùng cực.

Đoạn trích “Trong lòng mẹ” của Nguyên Hồng đã cho ta thấy được tình mẫu tử đẹp đẽ, thiêng liêng, đầy xúc động. Nguyên Hồng đã mở ra trước mắt chúng ta một thế giới tâm hồn phong phú. Thế giới ấy luôn làm chúng ta ngạc nhiên vì ánh sáng nhân đạo lấp lánh của tình người. *Trong lòng mẹ* chính là lời khẳng định chân thành đầy cảm động về sự bất diệt của tình mẫu tử thiêng liêng.  
  
**IV.** **LUYỆN ĐỀ**

\*Bài tập trắc nghiệm:

**Câu 1:** Tác phẩm“*Những ngày thơ ấu*” của Nguyên Hồng được viết theo thể loại nào?

1. Bút kí C. Truyện ngắn

B. Hồi kí D. Tiểu thuyết

**Câu 2:** Em hiểu gì về những sự kiện được nói tới trong hồi kí?

A. Là những sự kiện xảy ra trong quá khứ mà tác giả tham dự hoặc chứng kiến

B. Là những sự kiện do nhà văn hoàn toàn hư cấu nên để thể hiện những tư tưởng nghệ thuật của mình.

C. Là những sự kiện do nhà văn hư cấu dựa trên sự tưởng tượng, suy đoán của họ về tương lai.

D. Cả A, B, C đều đúng

**Câu 3:** Nhận định nào sau đây nói đúng nhất về nội dung đoạn trích “Trong lòng mẹ”?

A. Đoạn trích chủ yếu trình bày những nỗi đau khổ của mẹ bé Hồng.

B. Đoạn trích chủ yếu trình bày tâm địa độc ác của người cô của bé Hồng

C. Đoạn trích chủ yếu trình bày sự tủi hờn của Hồng khi gặp mẹ

D. Đoạn trích chủ yếu trình bày diễn biến tâm tâm trạng của chú bé Hồng

**Câu 4:** Phương thức biểu đạt  của văn bản “ Trong lòng mẹ” là?

1. Miêu tả và tự sự.
2. Miêu tả và biểu cảm.
3. Tự sự và biểu cảm.
4. Miêu tả, tự sự và biểu cảm.

**Câu 5**:  Hiểu thế nào về lời bé Hồng từ chối vào Thanh Hóa thăm mẹ: "*Không! Cháu không muốn vào. Cuối năm thế nào mợ cháu cũng về*"? (Trong lòng mẹ, Nguyên Hồng)

A. Bé Hồng cố gắng giấu tình cảm thực của mình.

B. Bé Hồng hiểu dụng ý xấu xa của người cô.

C. Bé Hồng thực sự không muốn vào.

D. Bé Hồng không muốn người cô thực hiện được rắp tâm.

**Câu 6**: Câu văn nào **không** nói đúng ý nghĩa của hình ảnh so sánh: "*Và cái lầm đó không những làm tôi thẹn mà còn tủi cực nữa, khác gì cái ảo ảnh của một dòng nước trong suốt chảy dưới bóng râm đã hiện ra trước con mắt gần rạn nứt của người bộ hành ngã gục giữa sa mạc*" (*Trong lòng mẹ*, Nguyên Hồng)?

A. Hồng rất sợ người cô biết mình nhận nhầm mẹ.

B. Hồng sợ mình trở thành trò cười cho lũ bạn.

C. Hồng rất đau khổ nếu đó là sự nhận nhầm.

D. Hồng khao khát gặp mẹ, coi được gặp mẹ là hạnh phúc.

**Câu 7:** Em hiểu gì về chú bé Hồng qua đoạn trích “Trong lòng mẹ”?

A. Là chú bé phải chịu nhiều nỗi đau mất mát

B. Là chú bé dễ xúc động, tinh tế và khá nhạy cảm

C. Là chú bé có tình yêu thương vô bờ bến dành cho mẹ của mình

D. Cả A, B, C đều đúng

**Câu 8:** Ý nào không nói lên đặc sắc về nghệ thuật của đoạn trích “Trong lòng mẹ”?

A. Giàu chất trữ tình

B. Miêu tả tâm lí nhân vật đặc sắc

C. Sử dụng nghệ thuật châm biếm

D. Có những hình ảnh so sánh độc đáo

Đáp án phần Trắc nghiệm:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Câu 1 | Câu 2 | Câu 3 | Câu 4 |
| B | A | D | D |
| Câu 5 | Câu 6 | Câu 7 | Câu 8 |
| B | A | D | C |

\*Đề đọc hiểu :

GV hướng dẫn HS thực hành các đề đọc hiểu về văn bản “Trong lòng mẹ” (Nguyên Hồng):

**Đề bài 01:**

**Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

“Một hôm, cô tôi gọi tôi đến bên, cười hỏi:

- Hồng! Mày có muốn vào Thanh Hóa chơi với mợ mày không?

Tưởng đến vẻ mặt rầu rầu và sự hiền từ của mẹ tôi, và nghĩ đến cảnh thiếu thốn một tình thương yêu ấp ủ từng phen làm tôi rớt nước mắt, tôi toan trả lời có. Nhưng, nhận ra những ý nghĩ cay độc trong giọng nói và trên nét mặt khi cười rất kịch của cô tôi kia, tôi cúi đầu không đáp. Vì tôi biết rõ, nhắc đến mẹ tôi, cô tôi chỉ có ý gieo rắc vào đầu óc tôi những hoài nghi để tôi khinh miệt và ruồng rẫy mẹ tôi, một người đàn bà đã bị cái tội là góa chồng, nợ nần cùng túng quá, phải bỏ con cái đi tha hương cầu thực. Nhưng đời nào tình thương yêu và lòng kính mến mẹ tôi lại bị những rắp tâm tanh bẩn xâm phạm đến... Mặc dầu non một năm ròng mẹ tôi không gửi cho tôi lấy một lá thư, nhắn người thăm tôi lấy một lời và gửi cho tôi lấy một đồng quà.

Tôi cũng đã cười đáp lại cô tôi:

- Không! Cháu không muốn vào. Cuối năm thế nào mợ cháu cũng về. […]

Tỏ sự ngậm ngùi thương xót thầy tôi, cô tôi chập chừng nói tiếp:

- Mấy lại rằm tháng tám là giỗ đầu cậu mày, mợ mày về dù sao cũng đỡ tủi cho cậu mày, và mày cũng phải có họ, có hàng, người ta hỏi đến chứ?.”

(SGK Ngữ văn 6 Cánh diều, tập 1- trang 52)

**Câu 1.** Xác định các phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn trích.

**Câu 2. Theo đoạn trích, mục đích của người cô khi nhắc với bé Hồng về người mẹ của bé là gì?**

**Câu 3.** Qua cuộc đối thoại giữa Hồng với bà cô, em thấy chú bé Hồng là người như thế nào?

**Câu 4a**. Theo em, người thân trong một gia đình nên có cách đối xử với nhau như thế nào?

**Câu 4b**. Ở tuổi cắp sách đến trường, em nghĩ tuổi thơ cần những gì?

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1:** Các phương thức biểu đạt trong đoạn trích: miêu tả, tự sự và biểu cảm.

**Câu 2:** **Theo đoạn trích, , mục đích của người cô khi nhắc với bé Hồng về người mẹ của bé là** gieo rắc vào đầu óc cậu những hoài nghi để cậu khinh miệt và ruồng rẫy mẹ mình.

**Câu 3:** Qua cuộc đối thoại giữa Hồng với bà cô, có thể thấy bé Hồng là chú bé nhạy cảm và có tình yêu thương mẹ mãnh liệt, biết cảm thông và có niềm tin không dễ lay chuyển về người mẹ đáng thương của mình.

**Câu 4a:** HS đưa được ra ý kiến riêng, phù hợp là được.

**Có thể nêu:**

* **Người thân trong một gia đình cần đối xử thật lòng, yêu thương thật lòng và dành những điều tốt đẹp nhất cho nhau.**
* **Các thành viên phải biết quan tâm, chia sẻ, bồi đắp tình cảm.**

**Câu 4b:** HS đưa được ra ý kiến riêng, phù hợp là được.

Có thể nêu: Ở tuổi cắp sách đến trường, em nghĩ tuổi thơ cần được:

- Sống trong tình yêu thương, chăm sóc, che chở của người thân, cần một gia đình đúng nghĩa.

- Cần được vui chơi, nô đùa, được đến trường học hành.

- Cần được quan tâm chăm sóc về vật chất và tinh thần.

**Đề bài 02:**

**Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi**:

Chiều hôm đó, tan buổi học ở trường ra, tôi chợt thoáng thấy một bóng người ngồi trên xe kéo giống giống mẹ tôi. Tôi liền đuổi theo, gọi bối rối:

- Mợ ơi! Mợ ơi! Mợ ơi!...

Nếu người quay lại ấy là người khác thì thật là một trò cười tức bụng cho lũ bạn tôi chúng nó khua guốc inh ỏi và nô đùa ầm ĩ trên hè. Và cái lầm đó không những làm tôi thẹn mà còn tủi cực nữa, khác gì cái ảo ảnh của một dòng nước trong suốt chảy dưới bóng râm đã hiện ra trước con mắt gần rạn nứt của người bộ hành ngã gục giữa sa mạc.

Xe chạy chậm chậm... Mẹ tôi cầm nón vẫy tôi, vài giây sau, tôi đuổi kịp. Tôi thở hồng hộc, trán đẫm mồ hôi, và, khi trèo lên xe, tôi ríu cả chân lại. Mẹ tôi vừa kéo tay tôi, xoa đầu tôi hỏi, thì tôi òa lên khóc rồi cứ thế nức nở. Mẹ tôi cũng sụt sùi theo:

- Con nín đi! Mợ đã về với các con rồi mà.

Mẹ tôi lấy vạt áo nâu thấm nước mắt cho tôi rồi xốc nách tôi lên xe. Đến bấy giờ tôi mới kịp nhận ra mẹ tôi không còm cõi xơ xác quá như cô tôi nhắc lại lời người họ nội của tôi nói. Gương mặt mẹ tôi vẫn tươi sáng với đôi mắt trong, và nước da mịn làm nổi bật màu hồng của hai gò má. Hay tại sự sung sướng bỗng được trông nhìn và ôm ấp cái hình hài máu mủ của mình mà mẹ tôi lại tươi đẹp như thuở còn sung túc? Tôi ngồi trên đệm xe, đùi áp đùi mẹ tôi, đầu ngả vào cánh tay mẹ tôi, tôi thấy những cảm giác ấm áp đã bao lâu mất đi bỗng lại mơn man khắp da thịt. Hơi quần áo mẹ tôi và những hơi thở ở khuôn miệng xinh xắn nhai trầu phả ra lúc đó thơm tho lạ thường.

(SGK Ngữ văn 6 Cánh diều, tập 1 – Trang 54)

**Câu 1. Chỉ ra ngôi kể được sử dụng trong đoạn trích.**

**Câu 2. Nêu nội dung chính của đoạn trích.**

**Câu 3.** **Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong đoạn văn sau:**

*“Nếu người quay lại ấy là người khác thì thật là một trò cười tức bụng cho lũ bạn tôi chúng nó khua guốc inh ỏi và nô đùa ầm ĩ trên hè. Và cái lầm đó không những làm tôi thẹn mà còn tủi cực nữa, khác gì cái ảo ảnh của một dòng nước trong suốt chảy dưới bóng râm đã hiện ra trước con mắt gần rạn nứt của người bộ hành ngã gục giữa sa mạc*”

**Câu 4.** Từ những cảm xúc của Hồng khi gặp lại mẹ, em có suy nghĩa gì về ý nghĩa của tình mẫu tử với mỗi người?

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1:** Ngôi kể thứ nhất, người kể xưng “tôi”.

**Câu 2:** Nội dung chính của đoạn trích: Diễn biến tâm trạng của chú bé Hồng khi gặp lại mẹ sau thời gian dài xa cách.

**Câu 3:**

##### Biện pháp so sánh: So sánh niềm khao khát, mong chờ mẹ trong lòng Hồng cũng giống như khát khao của người khách bộ hành giữa sa mạc về một dòng nước trong suốt chảy dới bóng râm.

##### Tác dụng:

##### + Nhấn mạnh niềm khao khát, thương nhớ mẹ của chú bé Hồng.

##### + Giúp người đọc càng cảm nhận rõ hơn tình yêu mẹ tha thiết trong lòng chú bé.

##### + Làm cho lời văn thêm giàu cảm xúc, giàu hình ảnh hơn.

**Câu 4:** HS nêu suy nghĩ của bản thân.

Có thể nêu: Ý nghĩa của tình mẫu tử đối với mỗi người trong cuộc sống:

- Giúp đời sống tinh thần của ta thêm đầy đủ, phong phú và ý nghĩa.

- Là điểm tựa tinh thần, tiếp thêm cho ta sức mạnh trước mỗi khó khăn.

- Giúp ta tránh khỏi những cám dỗ trong cuộc sống.

- Là niềm tin, là động lực và là mục đích cho sự nỗ lực và khát khao sống của cá nhân.

**Đề bài 03: Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:**

*"*  […]*Mặt trời lại rọi lên ngày thứ sáu của tôi trên đảo Thanh Luân một cách thật quá là đầy đủ. Tôi dậy từ canh tư. Còn tối đất, cố đi mãi trên đá đầu sư, ra thấu đầu mũi đảo. Và ngồi đó rình mặt trời lên. Điều tôi dự đoán, thật là không sai. Sau trận bão, chân trời, ngấn bể sạch như tấm kính lau hết mây hết bụi. Mặt trời nhú lên dần dần, rồi lên cho kì hết. Tròn trĩnh phúc hậu như lòng đỏ một quả trứng thiên nhiên đầy đặn. Quả trứng hồng hào thăm thẳm và đường bệ đặt lên một mâm bạc đường kính mâm rộng bằng cả một cái chân trời màu ngọc trai nước biển ửng hồng. Y như một mâm lễ phẩm tiến ra từ trong bình minh để mừng cho sự trường thọ của tất cả những người chài lưới trên muôn thuở biển Đông. Vài chiếc nhạn mùa thu chao đi chao lại trên mâm bể sáng dần lên cái chất bạc nén. Một con hải âu bay ngang, là là nhịp cánh…”.*

(Trích *Cô Tô,* Nguyễn Tuân)

**Câu 1**. Nêu các phương thức biểu đạt và thể loại của đoạn trích trên.

**Câu 2**. Trong đoạn trích, để nhận ra vẻ đẹp của Cô Tô, nhà văn đã quan sát cảnh thiên nhiên và hoạt động của con người trên đảo ở những thời điểm nào và từ vị trí nào?

**Câu 3**. Chỉ ra và nêu tác dụng của phép tu từ trong câu văn sau:

*“Sau trận bão, chân trời, ngấn bể sạch như tấm kính lau hết mây hết bụi.”*

**Câu 4**. Từ đoạn văn trên, em thấy mình cần làm gì để bảo vệ thiên nhiên?

Gợi ý:

**Câu 1**. Các phương thức biểu đạt: Tự sự, miêu tả và biểu cảm.

Thể loại: Kí

**Câu 2**.

+ Vị trí quan sát của người kể: trên những hòn đá đầu sư, từ đầu mũi đảo.

**+** Thời điểm: Sau cơn bão; từ lúc mặt trời chưa mọc đến lúc mặt trời mọc.

**Câu 3**.

Câu văn*“Sau trận bão, chân trời, ngấn bể sạch như tấm kính lau hết mây hết bụi.”*

\*Phép tu từ so sánh: “chân trời, ngấn bể” sau bão sạch sẽ được so sánh với “tấm kính lau hết mây bụi”

\*Tác dụng của biện pháp tu từ so sánh:

- Làm cho câu văn trở nên sinh động, hấp dẫn.

- Nhấn mạnh sự trong lành, thoáng đãng của chân trời, ngấn bể sau khi cơn bão đã đi qua.

- Cho thấy ngòi bút tài hoa, trí tưởng tượng bay bổng, tình yêu thiên nhiên, yêu biển đảo quê hương của nhà văn Nguyễn Tuân.

**Câu 4**

- Chúng ta có thể làm rất nhiều việc để góp phần bảo vệ thiên nhiên:

+ Trồng cây xanh và bảo vệ rừng, nhất là rừng đầu nguồn.

+ Không xả rác, đốt rác bừa bãi ra môi trường, tổ chức các chiến dịch dọn sạch rác ở sông, hồ, bãi biển,…

+ Tuyên truyền cho mọi người về tầm quan trọng của thiên nhiên,... để góp phần vào công cuộc bảo vệ thiên nhiên.

**Đề số 4:**

**Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

*“* […]*Cái giếng nước ngọt đảo Thanh Luân sớm nay có không biết bao nhiêu người đến gánh và múc. Múc nước giếng vào thùng gỗ, vào những cong, những ang gốm màu da lươn. Lòng giếng vẫn còn rót lại vài cái lá cam lá quýt của trận bão vừa rồi đi qua quẳng vào. Chỗ bãi đá nuôi sáu mươi vạn con hải sâm ngoài kia, bao nhiêu là thuyền của hợp tác xã đang mở nắp sạp đổ nước ngọt vào. Sau trận bão, hôm nay, hợp tác xã Bắc Loan Đầu cho 18 thuyền lớn nhỏ cùng ra khơi đánh cá hồng. Anh hùng Châu Hòa Mãn cùng bốn bạn xã viên đi chung một thuyền. Anh quẩy15 gánh cho thuyền anh: “Đi ra khơi, xa lắm mà. Có khi mười ngày mới về. Nước ngọt cho vào sạp chỉ để uống. Vo gạo, thổi cơm cũng không được lấy nước ngọt. Vo bằng nước biển thôi.”*

*Từ đoàn thuyền sắp ra khơi đến cái giếng ngọt, thùng và cong và gánh nối tiếp đi đi về về. Trông chị Châu Hòa Mãn địu con, thấy nó dịu dàng yên tâm như cái hình ảnh của biển cả là mẹ hiền mớm cá cho lũcon hiền lành.”*

(Trích *Cô Tô,* Nguyễn Tuân)

**Câu 1**. Xác định phương thức biểu đạt chính được dùng trong đoạn văn trên.

**Câu 2.** Chỉ ra hình ảnh so sánh nhiều tầng bậc trong câu văn sau và nêu tác dụng của phép tu từ so sánh đó.

“*Trông chị Châu Hòa Mãn địu con, thấy nó dịu dàng yên tâm như cái hình ảnh của biển cả là mẹ hiền mớm cá cho lũcon hiền lành”*

**Câu 3**. Đặt nhan đề cho đoạn văn.

**Câu 4**. Thông điệp ý nghĩa nhất với em qua đoạn trích trên là gì? Lí giải lí do.

Gợi ý:

**Câu 1**. Phương thức biểu đạt chính được dùng trong đoạn văn trên: Tự sự

**Câu 2.**

Hình ảnh chị Châu Hòa Mãn địu con: hình ảnh so sánh nhiều tầng bậc với các cặp so sánh:

+ Biển cả – người mẹ hiền

+ Biển cho tôm cá – mẹ mớm thức ăn cho con

+ Người dân trên đảo – lũ con lành của biển

Tác dụng:

+ Ca ngợi, tôn vinh vẻ đẹp của con người lao đông Cô Tô, chính họ là những người lao động mới đang từng ngày cống hiến cho đất nước.

+ Tạo cho người đọc ấn tượng sâu sắc khó quên về khung cảnh, tiềm năng của biển Cô Tô.

+ Tình yêu thiên nhiên và con người của tác giả được hòa quyện, đan dệt.

**Câu 3**. Đặt nhan đề cho đoạn văn: HS có thể có nhiều cách đặt, miễn là hợp lí là được:

Ví dụ: - Cô Tô- nơi con người lao động bám biển, vươn khơi.

- Cuộc sống nhộn nhịp trên đảo Cô Tô.

- Vẻ đẹp của con người nơi Cô Tô.

....

**Câu 4**. HS rút ra thông điệp ý nghĩa với bản thân mình và lí giải.

Có thể nêu: Thông điệp có ý nghĩa nhất với em: Hãy yêu và quan tâm giữ gìn biển đảo quê hương. Vì :

+ Biển đảo là một phần lãnh thổ thiêng liêng của đất nước.

+ Biến và đảo có vai trò quan trọng đối với đất nước.

+ Bao thế hệ cha ông đã dầy công giữ gìn, xây dựng, bám biển, làm giàu cho đất nước.

**🞜 Ôn tập văn bản 2: *“Đồng Tháp Mười mùa nước nổi”***

1. **TÁC GIẢ VĂN CÔNG HÙNG**

**\* Quê quán**: sinh năm 1958 tại Thanh Hóa, hiện đang sống ở Pleiku, Gia Lai và Thành phố Hồ Chí Minh.

\* **Vị trí**:

+ Hội viên: Hội Nhà văn Việt Nam, Hội Nhà báo Việt Nam, Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam, Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam.

+ Nguyên là Tổng biên tập Tạp chí Văn Nghệ Gia Lai.

+ Ủy viên Ban chấp hành Hội Nhà Văn Việt Nam khóa VIII.

\* **Quan niệm văn chương**: "*Viết không bao giờ là trò chơi, mà là cuộc vật lộn khổ sở, là nghiệp đeo đẳng suốt đời. Chữ không làm cho người no, nhưng cho ta cảm giác bình an và như thế là hạnh phúc. Nhiều hay ít là do tài năng từng người, nhưng được một câu thơ một bài báo có ích là mong mỏi của tôi, người viết*."

\* **Các sáng tác chính:** *Bến đợi* (thơ, 1992); *Hát rong* (thơ, 1999); *Ngựa trắng bay về* (trường ca, 2002);  *Hoa tường vi trong mưa* (thơ, 2003);  *Mắt cao nguyên* (tản văn và phóng sự, 2006);  *Gõ chiều vào bàn phím* (thơ, 2007);  Lời vĩnh cửu (trường ca, 2007); Đêm không màu (thơ, 2009); Lục bát Văn Công Hùng (thơ, 2010);  Vòm trời khác (thơ, 2012);  Cầm nhau mà đi (thơ, 2016); Trong cơn mơ có thực (thơ, 2019);…

***\* Giải thưởng:***  
- Giải nhì thơ tỉnh Gia lai năm 1985  
- Tặng thưởng cuộc thi thơ tạp chí Sông Hương năm 2001-2003  
- Giải A giải thưởng văn học nghệ thuật Gia Lai lần thứ nhất 2000-2005  
- 2 giải thưởng cuộc thi phóng sự bút ký báo Người Lao Động các năm 2013 và 2017  
- Giải báo chí toàn quốc "Tự hào nông dân VN 2016-2017" Hội nhà báo Việt Nam  
- Giải thưởng báo Sài Gòn Giải phóng cuộc thi ký sự phóng sự người tốt việc tốt 2019-2020  
- Giải thưởng Liên hiệp VHNT Việt Nam cho trường ca "Ngựa trắng bay về"  
- 2 giải thưởng của hội Văn Nghệ dân gian Việt Nam.  
Và nhiều giải thưởng khác…

1. **VĂN BẢN**

1. **Xuất xứ**: Dẫn theo Báo Văn nghệ, số 49, tháng 12/2011.

2. **Thể loại**: Du kí.

3.  **Phương thức biểu đạt**: Tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm.

4. **Bố cục**: 6 đoạn như SGK đã đánh dấu.

+ Đoạn 1: Nước lũ Đồng Tháp Mười, những kênh rạch chằng chịt nơi đây

+ Đoạn 2: Tràm chim Đồng Tháp Mười

+ Đoạn 3: Văn hóa ẩm thực: bông điên điển xào tôm, cá linh kho ngót.

+ Đoạn 4: Sen Đồng Tháp

+ Đoạn 5: Di tích lịch sử Gò Tháp

+ Đoạn 6: Vẻ đẹp con người Đồng Tháp Mười

5**. Giá trị nội dung và nghệ thuật**

**\*Nghệ thuật:**

- Ngôi kể thứ nhất, kết hợp đa dạng các phương thức biểu đạt.

- Ngôn ngữ giàu hình ảnh, giàu cảm xúc, nhiều chi tiết, hình ảnh mới lạ, hấp dẫn người đọc.

**\*Nội dung:**

Qua văn bản *Đồng Tháp Mười mùa nước nổi*, tác giả đã kể về trải nghiệm của bản thân khi được đến vùng đất Đồng Tháp Mười. Đó là một chuyến thú vị, tác giả đã được tìm hiểu nhiều hơn về cảnh vật, thiên nhiên, di tích, ẩm thực và cả con người nơi đây. Qua đó, bồi đắp cho người đọc tình yêu quê hương đất nước con người Việt Nam.

**II. ĐỊNH HƯỚNG PHÂN TÍCH VĂN BẢN**

**1. Dàn ý:**

|  |
| --- |
| **1.1. Nêu vấn đề:**  - Giới thiệu chung về thể kí (du kí)  - Giới thiệu tác giả Văn Công Hùng và đoạn trích “*Đồng Tháp Mười mùa nước nổi”*: |
| **1.2. Giải quyết vấn đề**  ***1.2.1. Vẻ đẹp đa dạng của Đồng Tháp Mười***  **a) Thiên nhiên, cảnh quan nơi Đồng Tháp Mười**  - **Lũ**:  + Là nguồn sống của cả cư dân miền sông nước.  + Mang phù sa mùa màng về, mang tôm cá về, làm nên một nền văn hóa đồng bằng.  + Nếu không có lũ, nước kiệt đi thì sẽ rất khó khăn.  - **Kênh rạch**:  + Được đào để thông thương, lấy nước, lấy đất đắp đường.  + Hệ thống kênh rạch chằng chịt, kê huyết mạch nối những cù lao, giống,...thành một đồng bằng rộng lớn và đầy màu sắc.  - **Tràm chim**:  + Đơn giản là tràm và chim.  + Muốn thấy chim phải chiều tối, hàng vạn, chục vạn con lớn bé to nhỏ rợp cả một khoảng trời.  - **Sen**:  + Một thế lực của cái đẹp tự nhiên. Ở đây mới xứng đáng để ngợp.  + Bạt ngàn, tinh khiết, ngạo nghễ, không chen chúc.  → Nghệ thuật: nhân hóa.  ➩ Thiên nhiên, cảnh quan hùng vĩ, tươi đẹp, đặc biệt tại Đồng Tháp Mười.  **b) Món ăn nơi Đồng Tháp Mười**  - Món đặc trưng mùa nước là cá linh và bông điên điển.  - Được thiết đãi món: cá linh kho tộ và bông điên điển xào tôm.  - Tác giả đã trân trọng, miệt mài ăn, ăn thưởng thức.  **c) Khu di tích nơi Đồng Tháp Mười: Gò Tháp**  - Khu gò rộng khoảng 5 000 mét vuông và cao hơn khoảng 5 mét so với mực nước biển, nằm giữa rốn Đồng Tháp Mười.  - Người ta khai quật được một di tích nền gạch cổ có khoảng 1 500 năm trước và được công nhận là di tích quốc gia.  - Là đại bản doanh của cụ Thiên hộ Dương và Đốc binh Kiều - hai vị anh hùng chống thực dân Pháp. Là căn cứ địa chống Mỹ cứu nước của cách mạng Việt Nam.  - Tháp Sen được chọn để xây dựng ở đây như cách tôn vinh sen Đồng Tháp Mười.  ➩ Cung cấp kiến thức lịch sử về vùng đất Đồng Tháp Mười.  **d) Con người nơi Đồng Tháp Mười**  - Người dân vui vẻ, hiền lành, năng động,... sống chung với nhịp nhàng nước kiệt, nước ròng, những câu vọng cổ.  - Thành phố vừa trẻ trung vừa hiện đại, có gu kiến trúc, vừa mềm vừa xanh, cứ nao nao câu hò,...  ***1.2.2. Cảm xúc tác giả khi được trải nghiệm vẻ đẹp Đồng Tháp Mười***  - Có người đồng hành thạo đường, giới thiệu cảnh quanh: nhà văn Hữu Nhân.  - Người viết ngỡ ngàng về khái niệm tràm chim.  - Sự tiếc nuối khi không có nhiều thời gian: Trong khi chúng tôi thì chỉ có một ngày cưỡi xe, mà lại muốn đi nhiều, thấy nhiều, chiêm ngưỡng nhiều,...  - Tận hưởng, trân trọng khi thưởng thức món ăn.  - Choáng ngợp trước vẻ đẹp, sự kiêu hãnh của sen tại Đồng Tháp Mười.  - Mở mang, đem đến thông tin về lịch sử cho người đọc chứ không chỉ kiến thức địa lí.  - Cảm nhận về thành phố, cuộc sống về đêm trước khi ra về.  ➩ Nhiều cảm xúc đan xen: ngỡ ngàng, choáng ngợp, tận hưởng, tiếc nuối,... Tác giả trân trọng chuyến đi tìm hiểu về vùng đất mới này. |
| * 1. **Đánh giá khái quát**   **\*Đánh giá nội dung và nghệ thuật của tác phẩm:**  **- Nghệ thuật:**  - Ngôi kể thứ nhất, kết hợp đa dạng các phương thức biểu đạt.  - Ngôn ngữ giàu hình ảnh, giàu cảm xúc, nhiều chi tiết, hình ảnh mới lạ, hấp dẫn người đọc.  **- Nội dung:**  Qua văn bản *Đồng Tháp Mười mùa nước nổi*, tác giả đã kể về trải nghiệm của bản thân khi được đến vùng đất Đồng Tháp Mười. Đó là một chuyến thú vị, tác giả đã được tìm hiểu nhiều hơn về cảnh vật, thiên nhiên, di tích, ẩm thực và cả con người nơi đây. Qua đó, bồi đắp cho người đọc tình yêu quê hương đất nước con người Việt Nam.  \***Bày tỏ suy nghĩ, tình cảm của bản thân.** |

1. **Định hướng phân tích**

Du kí là một thể của kí, dùng để ghi lại những điều đã chứng kiến trong một chuyến đi diễn ra chưa lâu của bản thân tới một miền đất khác. “***Đồng Tháp Mười mùa nước nổi*”** là một bài du kí đặc sắc của tác giả Văn Công Hùng. Tác phẩm là thành quả ghi chép những thu hoạch của Văn Công Hùng sau chuyến thăm tới Đồng Tháp Mười. Đoạn trích SGK đã ghi lại những suy nghĩ, tình cảm và cách nhìn nhận của mình về con người, cảnh quan, đồ ăn, di tích đặc trưng và con người nơi đây với những sự mộc mạc, giản dị chân thành nhất. Đồng thời gửi gắm vào đó cả tình cảm yêu mến trân trọng của mình.

Tác giả Văn Công Hùng sinh năm 1958, tuy sinh ra tại Thanh Hóa, nhưng lại được biết đến nhiều hơn với tên gọi “nhà thơ Tây Nguyên”. Ông là một cây bút đa tài, vừa viết văn, vừa làm thơ, thích phiêu du. Ông là hội viên của Hội Nhà văn Việt Nam, Hội Nhà báo Việt Nam, Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam, Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam. Ông có q**uan niệm văn chương sâu sắc**: "*Viết không bao giờ là trò chơi, mà là cuộc vật lộn khổ sở, là nghiệp đeo đẳng suốt đời. Chữ không làm cho người no, nhưng cho ta cảm giác bình an và như thế là hạnh phúc. Nhiều hay ít là do tài năng từng người, nhưng được một câu thơ một bài báo có ích là mong mỏi của tôi, người viết*". Đoạn trích “***Đồng Tháp Mười mùa nước nổi*” trích trong bài kí cùng tên, được in trên** Báo Văn nghệ, số 49, tháng 12/2011 ghi lại những cảnh sắc và con người Đồng Tháp Mười nơi mà tác giả lần đầu ghé thăm. Theo chân nhà văn, người đọc như được thức nhọn mọi giác quan để sống trong bầu không khí và cảnh vật đậm chất miền Tây.

**Mở đầu đoạn trích, tác giả vẽ ra cho người đọc bức tranh thiên nhiên và cảnh quan nơi Đồng Tháp Mười. Đúng như lời khẳng định của nhà văn: “*Nói đến Đồng Tháp Mười là phải nói đến lũ*”.** Lũ chính là nguồn sống của cả cư dân miền sông nước, mang phù sa mùa màng về, mang tôm cá về, làm nên một nền văn hóa đồng bằng.Nếu không có lũ, nước kiệt đi thì sẽ rất khó khăn. **Làm nên nét đặc trưng của cảnh quan Đồng Tháp Mười còn là hệ thống kênh rạch chằng chịt**. Kênh được đào để thông thương, lấy nước, lấy đất đắp đường. Hệ thống kênh rạch chằng chịt, kê huyết mạch nối những cù lao, giống,...thành một đồng bằng rộng lớn và đầy màu sắc. Vào vùng lõi của Đồng Tháp, khách du lịch có thể ghé thăm vườn quốc gia Tràm Chim. Nơi đây là xứ sở của hàng vạn, chục vạn con lớn bé to nhỏ rợp cả một khoảng trời. Tác giả Văn Công Hùng vô cùng ngạc nhiên trước cách lí giải về tên gọi “Tràm Chim”, chỉ đơn giản là những cây tràm kết thành rừng và chim thì dày đặc thành vườn. **Không chỉ có lũ, có kênh rạch chằng chịt, có chim thành rừng mà Đồng Tháp còn nổi tiếng với sen**. Theo tác giả, “*sen Tháp Mười là một thế lực, thế lực của cái đẹp tự nhiên*”. Chẳng vậy mà sen nơi đây đã đi vào thơ ca từ lâu: “Tháp Mười đẹp nhất bông sen – Việt Nam đẹp nhất có tên Bác Hồ”. Bằng những lời văn giàu hình ảnh, ngôn ngữ gợi cảm kết hợp với biện pháp nhân hoá, tác giả Văn Công Hùng đã nêu bật được vẻ đẹp riêng của sen Đồng Tháp – nơi được ví là đất sen hồng với những đầm sen nở đẹp nức lòng người: “*Bạt ngàn sen chen giữa rừng tràm, sen tinh khiết mưng mở giữa bùn, sen ngạo nghễ khoe giữa năn lác, mà không chen, chúng chiếm những không gian rộng lớn, chỉ mình sen. Tràm dày đặc tíu tít xung quanh như những người lính gác cần mẫn và trung thành. Sen vươn lên giữa nắng, giữa gió phương Nam, kiêu hãnh và tự tin khoe sắc hồng đặc trưng của mình”*. Bức tranh thiên nhiên, cảnh quan nơi Đồng Tháp Mười hiện lên thật sinh động, cuốn hút qua ngòi bút của tác giả Văn Công Hùng. Nhà văn đã nắm bắt và gợi được cái hồn của cảnh vật nơi đây, để những trang viết cứ phảng phất phong vị miền Tây.

**Bài kí còn đem đến những hiểu biết cho người đọc về những nét văn hoá đặc sắc của vùng Đồng Tháp Mười về ẩm thực và kiến trúc. Nhắc đến văn hoá ẩm thực của mảnh đất miền Tây này, ta không thể không nhắc đến cá linh và bông điên điển - hai món ăn đặc trưng mà theo cách nói của tác giả Văn Công Hùng đó là “*hai món quốc hồn quốc tuý đồng bằng ấy*”. Qua những dòng viết của mình, người đọc thấy được niềm trân trọng của tác giả khi thưởng thức hai món ăn dân giã gắn với miên man sông nước của vùng đất phương Nam. Theo sát hành trình du hí của nhà văn, người đọc còn được mở rộng kiến thức về văn hoá kiến trúc Đồng Tháp Mười qua khám phá khu di tích Gò Tháp.** Khu gò rộng khoảng 5 000 mét vuông và cao hơn khoảng 5 mét so với mực nước biển, nằm giữa rốn Đồng Tháp Mười Người ta khai quật được một di tích nền gạch cổ có khoảng 1 500 năm trước và được công nhận là di tích quốc gia. Nơi đây là đại bản doanh của cụ Thiên hộ Dương và Đốc binh Kiều - hai vị anh hùng chống thực dân Pháp, là căn cứ địa chống Mỹ cứu nước của cách mạng Việt Nam. Tháp Sen được chọn để xây dựng ở đây như cách tôn vinh sen Đồng Tháp Mười. Nhà văn không chỉ cung cấp cho người đọc kiến thức địa lí mà còn mở rộng kiến thức lịch sử về vùng đất nơi đây.

**Khép lại bài kí là những cảm nhận của nhà văn về con người và cuộc sống nơi Đồng Tháp Mười:** “*Người dân vui vẻ sống, hiền lành sống, năng động sống... chung với nhịp nhàng nước kiệt nước ròng, với những câu vọng cổ là đà trên nước mỗi khi chiều về bên chai rượu đế với ca trà đá, cuộc sống cứ thế trôi, bình dị và an lành, tự tin và khảng khái, nhưng họ góp phần làm nên một Đồng Tháp năng động hiện đại*”. Kết thúc hành trình chỉ có một ngày trong tiếc nuối, nhà văn cùng người bạn của mình dạo một vòng quanh thành phố Cao Lãnh để ngắm thành phố lúc về đêm trước khi về.

**Hành trình khám phá Đồng Tháp Mười trong một ngày đã đem lại cho nhà văn nhiều cảm xúc đan xen**: vừa ngỡ ngàng, vừa choáng ngợp, vừa tận hưởng, vừa tiếc nuối,... Điều đó cho thấy tác giả thật sự trân trọng chuyến đi tìm hiểu về vùng đất mới này, coi đó là cơ hội quý giá để khám phá, mở mang hiểu biết về thiên nhiên và con người mảnh đất phương Nam.

Bằng giọng văn nhẹ nhàng, lôi cuốn kết hợp giữa tự sự, miêu tả và biểu cảm; ngôi kể tự nhiên, chân thật, gần gũi, đoạn trích “***Đồng Tháp Mười mùa nước nổi*”**  đã tái hiện thiên nhiên Đồng Tháp Mười vào mùa lũ một cách chân thực, sinh động hấp dẫn với những sự vật gần gũi thân thuộc nhất. Nội dung tác phẩm mở ra trước mắt người đọc một Đồng Tháp Mười với những đặc điểm riêng biệt, cho người đọc cái nhìn chân thực về nơi đây. Đoạn trích cũng bộc lộ tình cảm chân thành yêu mến của tác giả tự nhiên, bồi đắp thêm tình yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước ở mỗi người.

**III. LUYỆN ĐỀ**

**\*Bài tập trắc nghiệm:**

**Câu 1:** Văn bản thuộc thể loại nào?

A. Hồi kí

B. Du kí

C. Nhật kí

D. Phóng sự

Đáp án B

**Câu 2**: Miêu tả về thiên nhiên Đồng Tháp Mười, tác giả đã viết về những yếu tố nào?

A. Lũ, kênh rạch, tràm chim.

B. Lũ, kênh rạch, sen, món ăn.

C. Lũ, kênh rạch, món ăn.

D. Lũ, kênh rạch, sen, tràm chim.

Đáp án D

**Câu 3:** Món ăn đặc trưng của Đồng Tháp Mười mùa nước là gì?

A. Bông điên điển, tôm.

B. Bông điên điển, cá linh.

C. Bông điên điển, cá linh, tôm, trà sen.

D. Cá linh, tôm.

Đáp án B

**Câu 4**: Đâu không phải cảm xúc của tác giả khi được khám phá Đồng Tháp Mười?

A. Xót xa.

B. Ngỡ ngàng.

C. Trân trọng.

D. Tiếc nuối.

Đáp án A

**Câu 5:** Ý nào sau đây không đúng với đoạn trích “Đồng Tháp Mười mùa nước lũ”

1. Ngôi kể thứ nhất
2. Kể về chuyến đi của tác giả diễn ra chưa lâu về Đồng Tháp Mười.
3. Những cảnh vật, con người trong đoạn trích là do tác giả tưởng tượng.
4. Tác giả miêu tả lại cảnh sắc và con người Đồng Tháp bằng cách miêu tả, kể lại và phát biểu cảm nghĩ.

Đáp án C

**\*Bài tập đọc hiểu:**

GV hướng dẫn HS thực hành các đề đọc hiểu về văn bản “*Đồng Tháp Mười mùa nước nổi*”:

**Đề số 01:**

**Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:**

“Nói đến Đồng Tháp Mười là phải nói đến lũ. Lũ chính là nguồn sống của cả cư dân miệt sông nước này. Nó mang phù sa mùa màng về, mang tôm cá về, làm nên một nền văn hóa đồng bằng. Năm ngoái chúng tôi lại xuống Long An, giữa mùa lũ mà đồng nứt nẻ, dân ngơ ngác hoang mang đợi lũ. Bởi nếu không có lũ, nước kiệt đi thì toàn bộ vùng này thiếu nước ngọt nghiêm trọng, phèn nổi lên rất nhiều và đậm, nước chỉ còn đọng ở các lung, trấp, đìa, bàu... không dùng được, cây cỏ khô rụi, di  chuyển chủ yếu là đi bộ hoặc xe trâu, toàn bộ đời sống sẽ ngưng trệ. Lũ tồn tại song song với người miền Tây như con lộ nào cũng song song một con kinh bên cạnh, làm nên một đặc trưng đồng bằng Nam Bộ. Người ta đào kênh (kinh) để thông thương, để lấy nước, chỉ huy nước, lấy đất ấy đắp đường (lộ), cứ chằng chịt như thế, những con kinh huyết mạch nối những cù lao, những giồng... thành một đồng bằng rộng lớn và đầy bản sắc.

(SGK Ngữ văn 6, Cánh diều, trang 55 - 56)

**Câu 1**. Xác định thể loại và ngôi kể của đoạn trích trên.

**Câu 2.** Theo đoạn trích, lũ có vai trò như thế nào đối với Đồng Tháp?  
**Câu 3**. Đoạn trích trên giúp em hiểu gì về vẻ đẹp của thiên nhiên và cảnh quan Đồng Tháp Mười?

**Câu 4**. Theo em, cần phải làm gì để bảo vệ sự đa dạng của thiên nhiên ở miền Tây? (Kể ra ít nhất 02 việc làm)

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:**

* Thể loại : Du kí
* Ngôi kể thứ nhất.

**Câu 2:** Vai trò của lũ với Đồng Tháp Mười:

* Lũ mang phù sa mùa màng, mang tôm cá về, làm nên một nền văn hóa đồng bằng.

– Cung cấp nước ngọt cho người dân sinh hoạt, duy trì sự sống cho cây cỏ thiên nhiên, giúp giao thông thuận lợi bằng đường thuỷ.

**Câu 3:**

Thiên nhiên và cảnh quan Đồng Tháp Mười đa dạng, tươi đẹp và hài hoà với cuộc sống con người.

**Câu 4:** HS nêu suy nghĩ của bản thân.

Có thể nêu: Để bảo vệ sự đa dạng của thiên nhiên cần:

* Khai thác nguồn tài nguyên một cách hợp lí.
* Xây dựng các khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia,..
* Chống ô nhiềm môi trường sông nước; có biện pháp phòng chống cháy rừng.
* Tuyên truyền người dân nâng cao ý thức trong khai thác đi liền với bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.
* Hợp tác với các nước nỗ lực trong việc chống biến đổi khí hậu
* …

**Đề số 02:**

**Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:**

“Mùa này cá linh và bông điên điển đều bắt đầu hiếm. Bông điên điển chỉ còn lác đác, nhưng nể bạn, Hữu Nhân đã lòng vòng xe để kiếm cho tôi thưởng thức. Kết quả, buổi trưa ở một quán tại huyện Tam Nông thì tôi được xơi món bông điên điển xào tôm, còn buổi chiều tại quán khác ở huyện Cao Lãnh thì chứng kiến món cá linh kho ngót. Bằng nỗi khát khao và trân trọng của mình, tôi đã miệt mài ăn hai món quốc hồn quốc túy đồng bằng ấy. Lúc này sự ăn nó không còn là vật chất thông thường, của sự ăn lấy no, mà nó là hương hoa, là miên cảm của con người trước thời trân của đất trời, dẫu nó là món thời trân vô cùng dân dã, nó gắn với miên man sông nước, với cái giản dị, tiện lợi của sản vật và con người vùng đất phương Nam. […]

Từ thành phố Cao Lãnh, Hữu Nhân chở tôi bằng xe máy gần buổi sáng thì đến khu di tích này. Đây là khu gò rộng khoảng 5000 mét vuông và cao hơn khoảng 5 mét so với mực nước biển Hà Tiên, nằm giữa rốn Đồng Tháp Mười sàn sạt lênh loang nước nên nó trở thành của hiếm. Nơi đây người ta vừa khai quật được một di tích nền gạch cổ và được xác định đây là nền tòa tháp từ thời vương quốc Phù Nam có cách đây khoảng 1.500 năm và đã được công nhận di tích quốc gia. Đây cũng là đại bản doanh của cụ Thiên Hộ Dương và Đốc Binh Kiều, hai vị anh hùng chống Pháp, và cũng là căn cứ địa chống Mỹ của cách mạng Việt Nam. Tháp Sen được chọn để xây dựng ở đây như một cách để tôn vinh sen Đồng Tháp Mười...[…]”

(SGK Ngữ văn 6, Cánh diều, tập 1, trang 56 – 57- 58)

**Câu 1**. Đoạn trích trên đã giới thiệu những vẻ đẹp nào của Đồng Tháp Mười?

**Câu 2**. Theo em, vệc sử dụng ngôi kể thứ nhất trong bài du kí có tác dụng gì?

**Câu 3**. Tình cảm của tác giả thể hiện như thế nào khi viết về Đồng Tháp Mười?

**Câu 4**. Nếu được đi thăm Đồng Tháp Mười, em sẽ đến nơi nào nêu trong bài du kí? Vì sao?

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1**:

Đoạn trích đã giới thiệu vẻ đẹp văn hoá của Đồng Tháp Mười:

* Món ăn nơi Đồng Tháp: cá linh và bông điên điển.
* Khu du tích Gò Tháp.

**Câu 2:** Việc sử dụng ngôi kể thứ nhất có tác dụng:

* Giúp cho bài du kí trở nên chân thực, độ tin cậy cao hơn.
* Giúp tác giả dễ dàng bộc lộ tình cảm, cảm xúc hơn.
* Giúp cho người đọc hiểu rõ hơn về tình cảm của tác giả.

**Câu 3:**

Tình cảm của tác giả khi viết về Đông Tháp Mười là thứ tình cảm yêu mến, trân trọng và khát khao muốn khám phá.

**Câu 4:** HS lựa chọn nơi đến thăm và đưa ra lí do.

**Đề bài 03:**

*“Lòng hang Én phía trước, nơi rộng nhất khoảng 110m2, có thể chứa dược hàng trăm người (1). Trần hang đẹp như mái vòm của một thánh đường, nơi cao nhất tương đương với tòa nhà bốn mươi tầng (120m)(2). Cửa hang thứ hai thông lên mặt đất như cái giếng trời khổng lồ đón lấy khí trời và áng sáng (3). Quãng sông ngầm đỗ lại êm đềm trước thềm hang chính, len lỏi qua các hang phụ chừng 4km, rồi đổ ra cửa sau hang (4). Ở hang chính, bờ sông cát mịn thoải dần, nước mát lạnh, trong veo, toàn đá sỏi, đá đã bào nhẵn tạo thành một bãi tắm thiên nhiên hoàn hảo (5). Nghe nói thời xa xưa, tộc người A- rem đã sống trong hang Én (6). Trứng chim từng là một nguồn thực phẩm của họ (7). Giờ họ đã rời ra ngoài sống thành bản nhưng vẫn còn giữ lễ hội “ăn én”(8). Cũng nghe kể rằng, trong bản người A-rem vẫn còn một vài người có bàn chân mỏng, ngón dẹt- dấu tích của bao nhiêu thế hệ leo vách đá, trần hang cao hàng trăm mét(9)”.*

*(*Trích *Hang Én*- Hà My)

**Câu 1:**Kích thước của hang Én được thể hiện qua các số liệu nào?

C**âu 2:** Dấu gạch ngang trong câu văn “*Cũng nghe kể rằng, trong bản người A-rem vẫn còn một vài người có bàn chân mỏng, ngón dẹt- dấu tích của bao nhiêu thế hệ leo vách đá, trần hang cao hàng trăm mét(9)”* dùng để làm gì?

**Câu 3:**Có ý kiến cho rằng hành trình khám phá hang Én thích hợp với những người ưa mạo hiểm. Theo em, hành trình này còn đánh thức ở con người điều gì ?

**Câu 4:** Theo em, chúng ta cần có biện pháp nào để bảo vệ thực vật, động vật hoang dã.

Gợi ý:

**Câu 1:**Kích thước của hang Én được thể hiện qua các số liệu:

*- nơi rộng nhất khoảng 110m2, có thể chứa dược hàng trăm người;*

*- nơi cao nhất tương đương với tòa nhà bốn mươi tầng (120m);*

- sông ở hang chính len lỏi qua hang ngầm khoảng 4 km;

C**âu 2:** Dấu gạch ngang trong câu văn “*Cũng nghe kể rằng, trong bản người A-rem vẫn còn một vài người có bàn chân mỏng, ngón dẹt- dấu tích của bao nhiêu thế hệ leo vách đá, trần hang cao hàng trăm mét(9)”*

- Dấu gạch ngang: đánh dấu thành phần phụ chú cho thành phần đứng trước nó là “bàn chân mỏng, ngón dẹt”

**Câu 3:**

- Hành trình về với tự nhiên vừa cho con người mở rộng tầm mắt, vừa là thử thách đối với sức khỏe, kĩ năng sinh tồn của con người

**-** Hành trình này đánh thức ở con người ý thức về việc bảo vệ môi trường thiên nhiên, cũng như các loài thực vật, động vật hoang dã.

**Câu 4:** Theo em, chúng ta cần có biện pháp để bảo vệ thực vật, động vật hoang dã là:

- Tuyên truyền cho mọi người hiểu và tôn trọng, nâng cao ý thức bảo vệ thực vật, động vật hoang dã. Không sử dụng những sản phẩm từ động, thực vật hoang dã như mật gấu, áo lông thú...

- Xử phạt thật nặng những người săn bắt, buôn bán, sử dụng thực vattj, động vật hoang dã.

- Sống gần gũi với thiên nhiên, có ý thức bảo vệ môi trường, trồng và chăm sóc cây xanh.

**Ôn tập văn bản 3: *Thời thơ ấu của Hon – da* (**Hon-đa Sô-i-chi-rô )

1. ***TÁC GIẢ***

***-*** Hon-đa-sô-i-chi-ro (Soichiro Honda) sinh ngày 17 tháng 11 năm 1906, mất ngày 5 tháng 8 năm 1991), quê ở Si-dư-ô-ca, Nhật Bản

- Ông là một kỹ sư và nhà công nghiệp Nhật Bản

- Năm 1948, ông thành lập Honda Motor Co và giám sát việc mở rộng công ty từ một nhà xưởng sản xuất động cơ xe đạp bằng gỗ thành một nhà sản xuất ô tô và xe máy đa quốc gia

- Ông có tình yêu với máy móc và xe ô tô ngay từ khi còn là một đứa trẻ. Sau 6 năm là thợ sửa chữa ô tô tại 1 ga ra, ông đã về nhà mở hãng sửa chữa xe ô tô của riêng mình ở tuổi 22

- Ông điều hành Honda Motor Co đến khi nghỉ hưu và vẫn tiếp tục giữ chức chủ tịch, được bổ nhiệm làm cố vấn tối cao.

- Tạp chí People đã xếp ông vào danh sách “25 người hấp dẫn nhất năm” của họ trong năm 1980

- Ngoài niềm yêu thích với máy móc, ông cũng chơi nhiều môn thể thao khác như đua xe, trượt tuyết, chơi gôn, lướt ván,...

- Ông nhận được nhiều giải thưởng danh dự như Hạng Ba cao cấp, Giải thưởng Chim trĩ vàng của Hiệp hội Hướng đạo Nhật Bản, Viên chức lớn của Huân chương Công trạng của Cộng Hòa Ý,...

***II. VĂN BẢN***

**1. Xuất xứ**

- In trong *Biến giấc mơ thành sức mạnh đi tới* (Bản lý lịch đời tôi), Nguyễn Trí Dũng dịch, NXB Văn hóa Sài Gòn - Báo Sài Gòn giải phóng, thành phố Hồ Chí Minh, 2006

**2. Bố cục**: 3 phần

- Phần 1: từ đầu đến “công cụ làm nông”: hoàn cảnh gia đình của Honđa

- Phần 2: tiếp theo đến “cõng em chạy đi xem”: niềm yêu thích và bị hấp dẫn đặc biệt bởi máy móc của Honđa

- Phần 3: còn lại: chiếc máy bay đã truyền cảm hứng về tình yêu động cơ cho Honđa, thúc đẩy ông sáng tạo và không ngừng học hỏi

**3. Thể loại:** Hồi kí (tự truyện)

**4. Giá trị nội dung và nghệ thuật**

**a. Giá trị nội dung**

- Tác phẩm kể lại một cách chân thực và đầy đủ về tuổi thơ của Honđa, giúp người đọc hiểu được hoàn cảnh gia đình, niềm yêu thích và sự quan tâm đặc biệt của ông đối với động cơ, máy móc cũng như những nghị lực phi thường, nỗ lực vượt lên hoàn cảnh để có điều kiện được tiếp xúc và chạm tay tới giấc mơ của mình.

- Hình ảnh của Honđa lúc nhỏ đã truyền động lực tới những ai còn chần chừ, ngại khó và chưa dám quyết đoán để chạm tới ước mơ

**b. Giá trị nghệ thuật**

- Giọng kể chân thực, gần gũi, văn phong dễ hiểu.

- Kết hợp giữa tự sự, miêu tả và biểu cảm.

**III. ĐỊNH HƯỚNG PHÂN TÍCH VĂN BẢN**

**1. Dàn ý:**

|  |
| --- |
| **1.1. Nêu vấn đề:**  - Giới thiệu về tác giảHon-đa-sô-i-chi-ro và cuốn hồi kí *Biến giấc mơ thành sức mạnh đi tới* (Bản lý lịch đời tôi).  - Giới thiệu vị trí và khái quát nội dung của đoạn trích “Thời thơ ấu của Honda” |
| **1.2. Giải quyết vấn đề:**  **1.2.1. Xuất thân và thời thơ ấu của Hon-đa**  \***Xuất thân**:  - Sinh năm 1906.  - Quê: Làng Komyo, quận Iwata, nay là thành Tenryu, thành phố Hamamatsu, tỉnh Shizouka.  - **Gia đình:**  + Cha là Gihei, làm nghề thợ rèn.  + Nhà rất nghèo, đời ông làm nông.  + Là trưởng nam trong gia đình, hàng ngày phải cõng em gái đến trường, giúp cha đạp ống thổi lửa.  \* **Sở thích từ nhỏ:**  + Lớn lên trong tiếng phì phò thổi của ống thổi lò, với âm thanh chan chát của tiếng đe, tiếng búa.  + Hay được ông cõng đến tiệm xay lúa chơi.  + Thể hiện sự hứng thú với kĩ thuật, máy móc từ rất sớm.  ➩ Từ nhỏ đã được tiếp xúc với máy móc, kĩ thuật nên có hứng thú từ sớm.  **1.2.2. Sự quan tâm, hứng thú của Hon-đa với kĩ thuật**   1. **Khi chưa đi học**   + Tuy còn nhỏ, chưa hiểu việc rèn những miếng sắt vụn làm gì những tôi rất thích thú với công việc đập búa "chùm cheng", sửa chữa đồ dùng và làm ra công cụ làm nông.  + Chưa được đi học, nhưng tôi rất thích chơi đùa với máy móc và động cơ.  + Bị lôi cuốn bởi âm thanh "bùm chát" của máy nổ và luồng khói xanh có mùi dầu cháy.  + Cách đó không xa có một tiệm xẻ gỗ, ở đó có tiếng máy nổ "bùm bùm" và bánh răng cưa quay tít, tôi vẫn lân la sang ngắm nhìn và thích thú vô cùng [...] tôi cũng thấy sung sướng không diễn tả được.   1. **Khi đi học**:   + Thời gian đi học, lên lớp 6 thích thú khi bắt đầu thấy xuất hiện pin, cân, ống nghiệm, máy móc.  + Khi xem ti vi bằng tai và mắt thì cảm nhận mọi việc nhạy bén hơn. Còn nhỏ khi làng có điện, cảm phúc những chú thợ điện với túi đồ nghề trèo lên cột điện nối dây cáp.  + Năm lớp 2 hoặc lớp 3, khi thấy oto liền bám theo, phần khích. Dí mũi xuống mặt đất, ngửi khịt khịt như chó ngửi, lấy tay quệt dầu rồi đưa lên mũi hít vào đầy lồng ngực. Nảy ra ước mơ sau này làm một chiếc xe. Sau đó, cứ đi học lại cõng em đi xem oto.  + Khi học lớp 2, đi 20km xem biểu diễn máy bay ở Liên đội Bộ binh Ha-ma-mát-su.  ➩ Càng trưởng thành thì đam mê, hứng thú với máy móc, kĩ thuật càng lớn. Có ước mơ mong muốn sau này có thể tự làm một chiếc xe.  **c) Kỉ niệm đi xem biểu diễn máy bay đáng nhớ của Hon-đa**  - **Thời gian**: mùa thu 1914.  - **Sự kiện**: cách nhà 20 ki-lô-mét có cuộc biểu diễn máy bay ở Liên đội Bộ binh Ha-ma-mát-su.  - **Diễn biến**:  + Chuẩn bị: trước đó vài ngày, lén lúc cả nhà không để ý, lấy 2 xu làm tiền lộ phí.  + Lén gia đình đi: Đến ngày đó, lấy xe đạp cha đạp đến, trốn học, đạp xe không dễ dàng.  + Khi gặp khó khăn: không đủ tiền vé vào cửa, trèo lên cây thông lớn, bẻ cành để ngụy trang phía dưới.  + Khi về, vì quá ấn tượng nên xin cha mua cho chiếc mũ kết, tự tay làm cặp kính, gắn quạt gió lên xe đạp, bắt chước phi công.  - **Cảm xúc**:  + Khi nhìn thấy doanh trại Liên đội thì tim đập liên hồi không ngừng.  + Vô cùng cảm kích khi thấy chiếc Neils Smith bay lên.  + Trên đường về đạp xe không biết mệt. Ấn tượng với hình ảnh người phi công hùng dũng.  ➩ Sự hứng thú đã dần trở thành đam mê, ước mơ.  🡺 Hon-đa là cậu bé có ước mơ, có nỗ lực và không chịu khuất phục bởi hoàn cảnh. Điều đó lí giải cho sự nghiệp và sự thành công sau này của ông. |
| * 1. **Đánh giá khái quát**   **- Nghệ thuật**  - Giọng kể chân thực, gần gũi, văn phong dễ hiểu.  - Kết hợp giữa tự sự, miêu tả và biểu cảm.  - **Nội dung và ý nghĩa:**  - Tác phẩm kể lại một cách chân thực và đầy đủ về tuổi thơ của Honđa, giúp người đọc hiểu được hoàn cảnh gia đình, niềm yêu thích và sự quan tâm đặc biệt của ông đối với động cơ, máy móc cũng như những nghị lực phi thường, nỗ lực vượt lên hoàn cảnh để có điều kiện được tiếp xúc và chạm tay tới giấc mơ của mình.  - Hình ảnh của Honđa lúc nhỏ đã truyền động lực tới những ai còn chần chừ, ngại khó và chưa dám quyết đoán để chạm tới ước mơ. |

1. **Định hướng phân tích**

Ai cũng từng trải qua thời thơ ấu của mình. Nhớ về thời thơ ấu, người ta có thể nhắc lại các kỉ niệm buồn, vui, thành công hay thất bại. Trong đoạn trích “Thời thơ ấu của Honda” trích trong cuốn hồi kí *Biến giấc mơ thành sức mạnh đi tới* (Bản lý lịch đời tôi), tác giả giảHon-đa-sô-i-chi-ro đã hồi tưởng lại những suy nghĩ, hành vi có thiên hướng về kĩ thuật của mình thời thơ ấu. Qua đoạn trích, người đọc phần nào thấy được lí do làm nên thành công của ông Hon-đa Sô-i-chi-rô - một kĩ sư kiêm nhà sáng lập hãng xe máy, oto Hon da nổi tiếng sau này.

**Mở đầu đoạn trích, Honda đã nói về xuất thân và thời thơ ấu của mình bằng ngôi kể thứ nhất.** Hon-đa-sô-i-chi-ro **s**inh năm 1906 tại làng Komyo, quận Iwata, nay là thành Tenryu, thành phố Hamamatsu, tỉnh Shizouka. Cha ông là Gihei, làm nghề thợ rèn. Sinh ra trong gia đình nghèo, lại là trưởng nam trong gia đình nên hàng ngày phải cõng em gái đến trường, giúp cha đạp ống thổi lửa. Những buổi đầu làm việc cũng với cha ở lò rèn đã giúp nhân vật “tôi” tìm ra sở thích cũng niềm yêu thích máy móc của mình: “*Tuy còn nhỏ, chưa hiểu việc rèn những miếng vụn làm gì nhưng tôi rất thích thú với công việc đập búa “chúm cheng”, sữa chữa đồ dùng và làm ra công cụ làm nông*”. Nhân vật tôi bị cuốn hút mạnh mẽ bởi âm thanh “bùm chát, bùm chát” của máy nổ và luồng khói xanh của mùi dầu cháy của máy nổ nơi tiệm xay cách nhà 4 km mà nhân vật tôi mỗi lần được ông cõng tới chơi. Không chỉ vậy, âm thanh tiếng máy nổ “bùm bùm” cùng hình ảnh bánh răng cưa quay tít của máy xẻ gỗ khiến chú bé đó thích thú vô cùng. Honda chia sẻ “chỉ cần ngắm nhìn máy móc chuyển động, tôi cũng sung sướng không tả được” Như vậy, ngay từ nhỏ Honda đã có niềm hứng thú, say mê đặc biệt với máy móc.

**Sự quan tâm, hứng thú của cậu bé Hon-đa với kĩ thuật lớn lên theo năm tháng. Trong phần tiếp theo của đoạn trích, Honda đã hồi tưởng lại những hành vi, suy nghĩ thể hiện niềm yêu thích, đam mê máy móc của mình cũng như** những nghị lực phi thường, nỗ lực vượt lên hoàn cảnh để có điều kiện được tiếp xúc và chạm tay tới giấc mơ của mình **– tiền đề đã tạo nên thành công của Honda sau này.** Càng trưởng thành thì đam mê, hứng thú với máy móc, kĩ thuật càng lớn. **Khi đi học**, Hon da chỉ bắt đầu hứng thú với môn thực vật và sinh vật lớp 6 chỉ từ khi khi bắt đầu thấy xuất hiện pin, cân, ống nghiệm, máy móc. Khi xem ti vi bằng tai và mắt thì nhân vật tôi cảm nhận mọi việc nhạy bén hơn là chỉ đọc sách. Nhân vật tôi cũng vô cùng cảm phục những chú thợ điện với túi đồ nghề trèo lên cột điện nối dây cáp để lần đầu tiên đem điện về làng nơi Honda sống. Một kỉ niệm khác mà nhân vật tôi nhớ mãi là năm lớp 2 hoặc lớp 3, trên đường đi học về, nghe nói có chiếc ô tô về làng, cậu bé Honda khi ấy liền lập tức phi như bay, chạy đuổi kịp chiếc xe và bám theo một đoạn khá dài đầy phấn khích.. Và khi thấy vệt dầu nhểu ra từ động cơ trên mặt đường, cậu bé Honda đã gí mũi xuống mặt đất, ngửi khịt lấy tay quệt dầu rồi đưa lên mũi hít vào đầy lồng ngực. và nảy ra ước mơ mong muốn sau này có thể tự làm một chiếc xe. Sau đó, cứ đi học về là “tôi” lại cõng em đi xem oto.

**Một sự kiện đã in dấu dậm nét trong kí ức thơ ấu của nhân vật tôi là kỉ niệm đi xem biểu diễn máy bay.** Đó là sự kiện diễn ra vàomùa thu 1914, nơi diễn ra buổi biểu diễn máy bay ở Liên đội Bộ binh Ha-ma-mát-su, cách nhà của nhân vật “tôi” những 20 ki-lô-mét .Bằng khát khao được tận mắt chứng kiến máy bay ngoài đời thực, không chỉ trên hình vẽ, cậu bé Honda đã lén chuẩn bị chu đáo để tự mình đi tới nơi xem biểu diễn. Trước đó vài ngày, nhân vật “tôi” đã lén lúc cả nhà không để ý, lấy 2 xu làm tiền lộ phí. Đến ngày đó, “tôi” đã trốn học và lấy xe đạp cha đạp đến nơi xem biểu diễn mặc cho việc đạp chiếc xe của người lớn không dễ dàng. Khi gặp khó khăn không đủ tiền vé vào cửa, chú bé đã không chịu bỏ cuộc. Nhân vật “tôi” đã nhanh trí trèo lên cây thông lớn, bẻ cành để ngụy trang phía dưới để từ vị trí ngọn cây thông, cậu bé Honda đã thoả ước nguyện được ngắm nhìn những chiếc máy bay thật. Ra về, dù quãng đường xa phía trước chờ đợi nhưng nhân vật tôi không hề biết mệt là gì. Về nhà, vì quá ấn tượng với hình ảnh người phi công hùng dũng nên cậu bé Honda xin cha mua cho chiếc mũ kết, tự tay làm cặp kính, gắn quạt gió lên xe đạp, bắt chước phi công. Chính tình yêu, niềm yêu thích với máy móc đã trở thành động lực để Honda vượt qua mọi khó khăn sau này để có thể tạo nên

Bằng giọng kể chân thực, gần gũi, văn phong dễ hiểu, kết hợp giữa tự sự, miêu tả và biểu cảm, đoạn trích “Thời thơ ấu của Honda” đã kể lại một cách chân thực và đầy đủ về tuổi thơ của Honđa, giúp người đọc hiểu được hoàn cảnh gia đình, niềm yêu thích và sự quan tâm đặc biệt của ông đối với động cơ, máy móc cũng như những nghị lực phi thường, nỗ lực vượt lên hoàn cảnh để có điều kiện được tiếp xúc và chạm tay tới giấc mơ của mình.

Tuổi thơ ấu chính là giai đoạn chuẩn bị quan trọng cho sự trưởng thành của mỗi người. Nhiều suy nghĩ, hành vi thời thơ ấu sẽ tạo nên thiên hướng cho nghề nghiệp sau này của chúng ta. Hình ảnh của Honđa lúc nhỏ đã truyền động lực tới những ai còn chần chừ, ngại khó và chưa dám quyết đoán để chạm tới ước mơ.

**IV. LUYỆN ĐỀ**

**\*Bài tập trắc nghiệm**

**Câu 1:** Đoạn trích “*Thời thơ ấu của Honda*” thuộc thể loại nào?

A. Hồi kí

B. Du kí

C. Nhật kí

D. Phóng sự

Đáp án A

**Câu 2**: Đặc điểm nào **không** đúng với thời thơ ấu của Honda?

1. Honda sinh ra trong một gia đình nghèo.
2. Cha của Hon-đa làm nghề xát lúa.
3. Hồi nhỏ, hằng ngày, Honda phải cõng em gái đến trường và phụ giúp cha.
4. Honda bị cuốn hút bởi âm thanh “bùm chát” và làn khói xanh của máy nổ tại tiệm xay lúa.

Đáp án B

**Câu 3**: Niềm hứng thú của Hon-đa với máy móc, kĩ thuật có từ khi nào?

1. Từ thuở nhỏ.
2. Từ khi lên lớp 1.
3. Sau khi xem máy bay biểu diễn.
4. Khi vào Đại học.

Đáp án A.

**Câu 4:** Chi tiết nào không thể hiện niềm yêu thích máy móc của Honda?

1. Thích thú ngắm nhìn các loại máy móc ở cửa tiệm xay lúa và tiệm xẻ gô
2. Cảm phục những chú thợ điện với máy móc, kìm, tuốc nơ vít, dây cáp
3. Học kém môn Thực vật và sinh vật, không thích đọc sách.
4. Tò mò, chạy đuổi theo chiếc ô tả cả đoạn dài chỉ để gí mũi xuống mặt đất tò mò về dầu mặc dù mùi rất khó chịu.

Đáp án C

**Câu 5**: Đâu **không**phải cảm xúc của Hon-đa khi được chứng kiến buổi biểu diễn máy bay?

1. Quên hết mệt mỏi trên đường về.
2. Thất vọng vì không được xem.
3. Ấn tượng mãi với hình ảnh người phi công.
4. Vô cùng cảm kích khi thấy máy bay bay lên.

Đáp án B

**\*Bài tập đọc hiểu:**

GV hướng dẫn HS thực hành các đề đọc hiểu về văn bản “Sự tích Hồ Gươm”:

**Đề bài 01: Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**

“Tôi sinh năm 1906 tại làng Kô- mi-ô (Kômyo), nay là thành Ten-ri-u (Tenryu), thuộc thành phố Ha-ma-mát-su (Hamamatsu), tỉnh Si-dư-ô-ca (Shizuoka). Cha tôi là Ghi-hai (Gihei), làm nghề thợ rèn và tôi đã lớn lên trong tiếng phì phò của ống thổi lò, với âm thanh chan chát của tiếng đe, tiếng búa. Nhà tôi rất nghèo, đời ông tôi là nghề nông, đến đời cha tôi mới bắt đầu theo nghề rèn. Là trưởng nam trong gia đình, hằng ngày tôi phải cõng em gái tôi đến trường và giúp cha đạp ống thổi lửa. Tuy còn nhỏ, chưa hiểu việc rèn những miếng vụn làm gì nhưng tôi rất thích thú với công việc đập búa “chúm cheng”, sữa chữa đồ dùng và làm ra công cụ làm nông.

Chưa được đi học, nhưng tôi rất thích chơi đùa với máy móc và động cơ. Cách nhà tôi khoảng 4 ki-lô-mét có một tiệm xay lúa. Vào thời đó, một tiệm xay có máy nổ hoạt động như vậy là hiếm lắm. Tôi thường được ông tôi cõng đến tiệm này chơi và bị lôi cuốn bởi âm thanh “bùm chát, bùm chát” của máy nổ và luồng khói xanh của mùi dầu cháy rất khó tả. Cách đó không xa có một tiệm xẻ gỗ, ở đó có tiếng máy nổ, “bùm bùm” và bánh răng quay tít, tôi vẫn lân la sang ngắm nhìn và thích thú vô cùng. Chỉ cần nhìn máy móc chuyển động, tôi cũng sung sướng không diễn tả được”.

*(SGK Ngữ văn 6 Cánh diều, tập 1, trang 61- 62)*

**Câu 1**. Xác định ngôi kể và thể loại của đoạn trích.

**Câu 2**. Theo đoạn trích, nhân vật “tôi” (Honda) có xuất thân như thế nào?

**Câu 3.** Tình cảm của nhân vật “tôi” với máy móc như thế nào? Chỉ ra một số câu văn thể hiện điều đó.

**Câu 4.** Em hãy chia sẻ về sở thích từ thời thơ ấu của mình. Sở thích đó được biểu hiện qua những hành động nào của em?

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:**

**-** Ngôi kể thứ nhất

- Thể loại: Hồi kí

**Câu 2:** Theo đoạn trích, xuất thân của nhân vật “tôi” (Honda): Sinh tại làng Kô- mi-ô (Kômyo), nay là thành Ten-ri-u (Tenryu), thuộc thành phố Ha-ma-mát-su (Hamamatsu), tỉnh Si-dư-ô-ca (Shizuoka) trong một gia đình rất nghèo, đời ông làm nghề nông, đời cha bắt đầu làm nghề thợ rèn.

**Câu 3:**

**-** Tình cảm của nhân vật “tôi” với máy móc: rất yêu thích, có niềm say mê khám phá máy móc.

- Một số câu văn cho thấy niềm yêu thích của nhân vật “tôi” với máy móc trong đoạn trích:

+ “*Tuy còn nhỏ, chưa hiểu việc rèn những miếng vụn làm gì nhưng tôi rất thích thú với công việc đập búa “chúm cheng”, sữa chữa đồ dùng và làm ra công cụ làm nông”*.

+ “*Chưa được đi học, nhưng tôi rất thích chơi đùa với máy móc và động cơ”.*

+ “*Tôi thường được ông tôi cõng đến tiệm này chơi và bị lôi cuốn bởi âm thanh “bùm chát, bùm chát” của máy nổ và luồng khói xanh của mùi dầu cháy rất khó tả*.”

+ “*Cách đó không xa có một tiệm xẻ gỗ, ở đó có tiếng máy nổ, “bùm bùm” và bánh răng quay tít, tôi vẫn lân la sang ngắm nhìn và thích thú vô cùng. Chỉ cần nhìn máy móc chuyển động, tôi cũng sung sướng không diễn tả được”*.

**Câu 4:** HS chia sẻ về sở thích từ thời thơ ấu của mình.

**Ví dụ:** Em có sở thích đọc sách.

**+** Mỗi ngày em dành khoảng 2 giờ để đọc sách.

+ Em tiết kiệm tiền để mua truyện tranh, cuốn sách em yêu thích.

+ Em thích được ở 1 mình trong phòng mình, yên tĩnh làm bạn với những cuốn sách.

+ Em tập sáng tạo những câu chuyện ngắn hoặc vẽ tranh về những nhân vật trong những cuốn sách em đã đọc.

**Đề bài 02: Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**

“Mùa thu năm 1914, khi đang học lớp 2, tôi nghe nói có cuộc biểu diễn máy bay ở Liên đội Bộ binh Ha-ma-mát-su, cách nhà tôi khoảng 20 ki-lô-mét. Từ trước tới giờ, tôi chỉ được xem máy bay qua hình vẽ chứ chưa bao giờ được thấy tận mắt. Biết là có nài xin, cha tôi cũng không cho phép, nên trước đó vài ngày, chọn lúc cả nhà không để ý, tôi lén lấy 2 xu để làm tiền lộ phí.

Rồi ngày đó đã đến, tôi giả bộ bình thản lén lấy xe đạp của cha đạp một mạch đến Ha-ma-mát-su. Tất nhiên là tôi trốn học. Với một cậu học sinh lớp 2 thì xe đạp của người lớn là quá to, không thể ngồi lên yên xe được, nên tôi phải thòng một chân qua khung xe hình tam giác rồi liên tục đạp không nghỉ. Đến khi nhìn thấy doanh trại Liên đội ở phía trước thì tự nhiên tim tôi đập liên hồi không sao ngừng được.

Nhưng sự vui mừng đó chỉ đến trong chốc lát. Bãi huấn luyện quân đội được rào kín, vé vào cửa là 10 xu mà trong túi tôi chỉ có 2 xu, không lẽ lại ôm xe đạp mà nhìn. Đã bỏ công đến đây thì phải xem bằng được. Nghĩ thế, tôi ngước lên nhìn thấy cây thông lớn và lập tức leo phóc lên. Sợ có người nhìn thấy, tôi bẻ cành để nguỵ trang phía dưới.

Và tôi đã thoả được ước nguyện của mình. Ở trên cây, tuy tầm nhìn có hơi xa một chút nhưng lần đầu tiên tôi được thấy máy bay thật và vô cùng cảm kích khi thấy chiếc Nin Xmít (Neil Smith) bay lên. Trên đường về, việc thòng chân qua khung xe để đạp xe, tôi thấy thật nhẹ nhàng, không còn biết mệt là gì. Hình ảnh người phi công của chiếc máy bay Nin Xmít với vành mũ lật ngược ra phía sau, đeo kính bay trông thật hùng dũng. Ấn tượng này giải thích lí do tại sao sau này tôi vẫn thường đội ngược cái mũ học trò.”

*(SGK Ngữ văn 6 Cánh diều, tập 1- Trang 63, 64)*

**Câu 1**. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

**Câu 2.** Chỉ ra những từ mượn có trong đoạn trích.

**Câu 3.** Cậu bé Honda đã làm những gì để được xem biểu diễn máy bay? Qua những việc làm đó, em thấy cậu bé Honda là người như thế nào?

**Câu 4.** Theo em, cần làm gì để biến ước mơ thời thơ ấu trở thành hiện thực?

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Phương thức biểu đạt chính: tự sự

**Câu 2**: Những từ mượn có trong đoạn trích: **ki-lô-mét** (từ mượn tiếng Anh: kilometer); **xu** (từ mượn tiếng Anh: cent)

**Câu 3:**

* Để được xem biểu diễn bằng máy bay, cậu bé Honđa đã làm rất nhiều việc:

+ Biết rằng bố mẹ không cho đi nên đã lén lấy 2 xu để làm tiền lộ phí, trốn học để đi xem.

+ Tự mình vượt quãng đường 20 ki –lô-mét bằng xe đạp của người lớn đến nơi xem biểu diễn mặc cho việc đạp xe đạp rất khó khăn khi phải thòng chân qua khung hình tam giác.

+ Khi đến nơi, không đủ tiền mua vé vào xem, cậu bé Honda đã trèo lên ngọn cây thông để có thế quan sát máy bay cất cánh.

* Qua những việc làm trên, ta có thể thấy chú bé Honda là một cậu bé có niềm say mê mãnh liệt với máy móc, có ước mơ, có nỗ lực và không chịu khuất phục hoàn cảnh để thực hiện bằng được khát khao của mình. Ngoài ra, Honda cũng là cậu bé tự lập và rất nhanh trí.

**Câu 4:** HS bày tỏ suy nghĩ của mình.

Có thể nêu: Để biến ước mơ thời thơ ấu thành hiện thực, ta cần:

* Có niềm tin vào ước mơ của bản thân sẽ có thể trở thành hiện thực.
* Lên kế hoạch cụ thể để chinh phục ước mơ theo từng giai đoạn.
* Kiên đinh, nỗ lực vượt qua mọi khó khăn, cũng như những trở ngại, phản đối của những người xung quanh.
* Bắt đầu thực hiện ước mơ từ những việc làm nhỏ nhất ngay từ hôm nay và cố gắng từng ngày.

**Đề bài 03:**

“Lòng hang Én phía trước, nơi rộng nhất khoảng 110m2, có thể chứa dược hàng trăm người (1). Trần hang đẹp như mái vòm của một thánh đường, nơi cao nhất tương đương với tòa nhà bốn mươi tầng (120m)(2). Cửa hang thứ hai thông lên mặt đất như cái giếng trời khổng lồ đón lấy khí trời và áng sáng (3). Quãng sông ngầm đỗ lại êm đềm trước thềm hang chính, len lỏi qua các hang phụ chừng 4km, rồi đổ ra cửa sau hang (4). Ở hang chính, bờ sông cát mịn thoải dần, nước mát lạnh, trong veo, toàn đá sỏi, đá đã bào nhẵn tạo thành một bãi tắm thiên nhiên hoàn hảo (5). Nghe nói thời xa xưa, tộc người A- rem đã sống trong hang Én (6). Trứng chim từng là một nguồn thực phẩm của họ (7). Giờ họ đã rời ra ngoài sống thành bản nhưng vẫn còn giữ lễ hội “ăn én”(8). Cũng nghe kể rằng, trong bản người A-rem vẫn còn một vài người có bàn chân mỏng, ngón dẹt- dấu tích của bao nhiêu thế hệ leo vách đá, trần hang cao hàng trăm mét(9)”.

(Trích Hang Én- Hà My)

**Câu 1**: Kích thước của hang Én được thể hiện qua các số liệu nào?

**Câu 2**: Dấu gạch ngang trong câu văn “Cũng nghe kể rằng, trong bản người A-rem vẫn còn một vài người có bàn chân mỏng, ngón dẹt- dấu tích của bao nhiêu thế hệ leo vách đá, trần hang cao hàng trăm mét(9)” dùng để làm gì?

**Câu 3**: Có ý kiến cho rằng hành trình khám phá hang Én thích hợp với những người ưa mạo hiểm. Theo em, hành trình này còn đánh thức ở con người điều gì ?

**Câu 4**: Theo em, chúng ta cần có biện pháp nào để bảo vệ thực vật, động vật hoang dã.

**Gợi ý:**

Câu 1: Kích thước của hang Én được thể hiện qua các số liệu:

- nơi rộng nhất khoảng 110m2, có thể chứa dược hàng trăm người;

- nơi cao nhất tương đương với tòa nhà bốn mươi tầng (120m);

- sông ở hang chính len lỏi qua hang ngầm khoảng 4 km;

Câu 2: Dấu gạch ngang trong câu văn “Cũng nghe kể rằng, trong bản người A-rem vẫn còn một vài người có bàn chân mỏng, ngón dẹt- dấu tích của bao nhiêu thế hệ leo vách đá, trần hang cao hàng trăm mét(9)”

- Dấu gạch ngang: đánh dấu thành phần phụ chú cho thành phần đứng trước nó là “bàn chân mỏng, ngón dẹt”

Câu 3:

- Hành trình về với tự nhiên vừa cho con người mở rộng tầm mắt, vừa là thử thách đối với sức khỏe, kĩ năng sinh tồn của con người

- Hành trình này đánh thức ở con người ý thức về việc bảo vệ môi trường thiên nhiên, cũng như các loài thực vật, động vật hoang dã.

Câu 4: Theo em, chúng ta cần có biện pháp để bảo vệ thực vật, động vật hoang dã là:

- Tuyên truyền cho mọi người hiểu và tôn trọng, nâng cao ý thức bảo vệ thực vật, động vật hoang dã. Không sử dụng những sản phẩm từ động, thực vật hoang dã như mật gấu, áo lông thú...

- Xử phạt thật nặng những người săn bắt, buôn bán, sử dụng thực vattj, động vật hoang dã.

- Sống gần gũi với thiên nhiên, có ý thức bảo vệ môi trường, trồng và chăm sóc cây xanh.

**Đề số 4 : Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi:**

Ngày xưa ta đi học

Mười tuổi thơ nghe gió thổi mùa thu

Mắt ngẩng lên trông bản đồ rực rỡ

Như đồng hoa bỗng gặp một đêm mơ.

Bản đồ mới tường vôi cũng mới

Thầy giáo lớn sao, thước bảng cũng lớn sao

Gậy thần tiên và cánh tay đạo sĩ

Ðưa ta đi sông núi tuyệt vời.

(Trích Cửu Long Giang ta ơi!- Nguyên Hồng)

**Câu 1:** Xác định thể thơ của bài thơ có đoạn thơ trên.

**Câu 2:** Hình ảnh thầy giáo trong đoạn thơ hiện lên trong mắt cậu học trò như thế nào?

**Câu 3:**Chỉ ra phép tu từ và nêu tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong câu thơ: *“Mắt ngẩng lên trông bản đồ rực rỡ/ Như đồng hoa bỗng gặp một đêm mơ”?*

**Câu 4:**

**4a.** Theo em, người thầy có vai trò gì trong việc khơi dậy mơ ước cho học trò?

**4b.** Em hãy lấy một ví dụ về một tác phẩm văn học em đã được học mà em tâm đắc. Nói rõ lí do em thích thú, ấn tượng về tác phẩm đó?

Gợi ý:

**Câu 1:** Thể thơ: tự do

**Câu 2:** Hình ảnh thầy giáo trong đoạn thơ hiện lên trong mắt cậu học trò:

+ lớn lao, vĩ đại*“lớn sao”,*

*+* như có phép lạ “*Gậy thần tiên và cánh tay đạo sĩ”*

+ nâng cánh ước mơ cho học trò*.“Đưa ta đi sông núi tuyệt vời*

**Câu 3:** biện pháp tu từ so sánh: “hình ảnh tấm bản đồ rực rỡ” trong bài giảng của thầy giống như cánh *đồng hoa trong giấc mơ của cậu học trò.*

Tác dụng:

*+* Tấm bản đồ hiện lên trong lời giảng của thầy đẹp đẽ lạ thường, bởi nó tượng trưng cho tổ quốc thiêng liêng*.*

*+* mở ra một không gian mới, gợi niềm háo hức, mê *say* , mong muốn được khám phá của học trò.

+ Nhấn mạnh tình yêu của tác giả với dòng sông Mê Kông được khới nguồn từ tiết học địa lý của thầy giáo.

**Câu 4:**

4a. Theo em, người thầy có vai trò trong việc khơi dậy mơ ước cho học trò:

* Thầy cô là người nâng cánh ước mơ cho học trò.
* Mỗi giờ học, thầy cô truyền cảm hứng học tập, và khao khát khám phá, học hỏi tri thức về thiên nhiên, đất nước, con người...

**4b**- HS lấy một ví dụ cụ thể về một tác phẩm văn học em đã được học mà em tâm đắc.

- HS nói rõ lí do em thích thú, ấn tượng về tác phẩm đó:

+ Lí do bắt nguồn từ tác phẩm nội dung, hình thức nghệ thuật, hoặc đề tài, ...mà học sinh thích thú

+ Lí do cá nhân: riêng tư của học sinh như hoàn cảnh sống, một lần được đọc, xem phim...

+Lí do mà thầy (cô) khơi được nguồn cảm hứng, hoặc tình yêu thiên nhiên, đất nước...

**ÔN TẬP TIẾNG VIỆT: Ôn tập từ đa nghĩa và từ đồng âm**

**lÀM**

✪ **NHẮC LẠI LÍ THUYẾT**

**1.Từ đa nghĩa:** là từ có hai nghĩa trở lên.

**Ví dụ:**Từ "ăn" có hơn 10 nghĩa, trong đó có các nghĩa như: a) đưa thức ăn vào cơ thể qua miệng (ăn cơm); b) ăn uống nhân dịp gì đó (ăn Tết); c) máy móc phương tiện giao thông tiếp nhận nhiên liệu (tàu ăn than);...  
**2.** **Từ đồng âm:** là những từ có cách phát âm và viết chữ giống nhau nhưng có nghĩa khác nhau.

**Ví dụ**: đường với nghĩa chất kết tinh có vị ngọt (ngọt như đường) đồng âm với đường có nghĩa lối đi được tạo ra để nối các nơi (đường đến trường).

Trong câu mỗi từ thường chỉ được dùng với một nghĩa. Để hiểu đúng nghĩa của từ trong câu, cần dựa vào các từ ngữ xung quanh nó. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, người nói, người viết có thể cố ý dùng một từ theo hai nghĩa như một cách chơi chữ.

**Ví dụ**: Trong bài ca dao sau, tác giả đã cố ý dùng từ lợi theo hai nghĩa: "Bà già đi chợ Cầu Đông/ Bói xem một quẻ lấy chồng lợi chăng/ Thầy bói gieo quẻ nói rằng/ Lợi thì có lợi nhưng răng chẳng còn".

🡺 **Phân biệt từ đồng âm và từ đa nghĩa:**

*\*****Giống nhau****:* Đều có hình thức âm thanh giống nhau ( đọc và viết).

*\*****Khác nhau****:*

*-* Từ đồng âm là từ cùng âm thanh những nghĩa khác nhau.

Ví dụ:

Cô ấy được điểm ***chín*** ( chín: chỉ một con số).

Cánh đồng bát ngát lúa ***chín*** ( chín: lúa đến lúc thu hoạch).

* Từ nhiều nghĩa là từ một nghĩa gốc có thể tạo thành nhiều nghĩa chuyển.

Ví dụ:

Cánh đồng bát ngát lúa ***chín*** ( nghĩa gốc).

Hãy nghĩ cho ***chín*** rồi mới nói ( chín: suy nghĩ kĩ càng, chắc chắn).

**3**. **Từ mượn:** là những từ mượn tiếng nước ngoài để biểu thị những sự vật, hiện tượng, đặc điểm,... mà tiếng Việt chưa có từ thích hợp để biểu thị.

**Ví dụ**:

+ Từ mượn tiếng Hàn (tiếng Trung Quốc): tác phẩm, văn học, sứ giả, hòa bình,...

+ Từ mượn tiếng Pháp: (nhà) ga, xà phòng, mùi soa, pa nô, áp phích,...

+ Từ mượn tiếng Anh: mít tinh, ti vi,...

Các từ đã được Việt hóa thì viết như tiếng Việt. Còn thuật ngữ khoa học thì cần viết theo nguyên trạng để dễ tra cứu khi cần thiết, ví dụ: acid, oxygen, hydro,...

Mượn từ là một cách làm giàu cho ngôn ngữ dân tộc. Tuy nhiên để bảo vệ sự trong sáng của ngôn ngữ dân tộc chỉ nên mượn từ khi thật sự cần thiết và đã mượn thì phải tìm hiểu kĩ để sử dụng cho đúng.

✪ **THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

\*GV tổ chức trò chơi: Trò chơi “Nhanh như chớp”

- GV chia lớp thành 2 dãy. Mỗi dãy là một đội.

**+ Vòng 1** (05 phút): Viết nhanh lên bảng các câu nói chứa từ đồng âm.

Ví dụ: + Con **bò** đá con **bò** đá

+ Con ruồi **đậu** mâm xôi **đậu** đỏ.

(Lưu ý: mỗi HS trong đội chỉ được lên bảng 01 lần và viết 01 câu rồi về chỗ để thành viên khác viết đáp án tiếp theo).

**+ Vòng 2 (03 phút):** Kể nhanh các từ mượn trong tiếng Việt mà em biết.

(Lưu ý: Hai đội thay nhau đưa ra đáp án nối tiếp. Nếu đội nào sau 05 s mà không đưa ra được đáp án đúng thì sẽ thua cuộc).

\***Các bài tập thực hành khác:**

1. **Bài tập 1:** Trong Tiếng Việt, có một số từ chỉ bộ phận của cây cối được chuyển nghĩa để cấu tạo từ chỉ bộ phận cơ thể người. Hãy kể ra những trường hợp chuyển nghĩa đó.

**Gợi ý trả lời**

Lá phổi, lá gan, trái tim, cuống họng.

**2.** **Bài tập 2:** Xác định nghĩa của từ ***chín*** trong các câu sau:

a) Vườn cam **chín** đỏ.

b) Trước khi quyết định phải suy nghĩ cho **chín.**

c) Ngượng **chín** cả mặt.

d) Cơm sắp **chín**, có thể dọn cơm được rồi

**Gợi ý trả lời**

1. **Chín**: trạng thái quả, hạt) ở vào giai đoạn phát triển đầy đủ nhất, thường có màu đỏ hoặc vàng, có hương thơm, vị ngon; trái với *xanh*.
2. **Chín:** sự suy nghĩ) ở mức đầy đủ để có được hiệu quả
3. **Chín:** (màu da mặt) đỏ ửng lên
4. **Chín:** (thức ăn) được nấu nướng đến mức ăn được; trái với sống

**3.Bài tập 3: Tìm từ đa nghĩa, từ đồng âm trong những câu dưới đây:**

**a) Chạy**

- Ô tô chạy theo hướng Hà Nội - Hải Phòng.

- Trong mùa dịch Covid 19, nhiều gia đình phải chạy ăn từng bữa.

**b) bàn**

- Mẹ em mới mua cho em một cái bàn rất đẹp.

- Chúng em bàn nhau đi lao động ngày chủ nhật để giúp đỡ gia đình.

- Nam là cây làm bàn của đội bóng đá lớp tôi.

**Gợi ý**

1. - Ô tô chạy theo hướng Hà Nội - Hải Phòng.

🡪 chạy: di chuyển từ điểm này đến điểm khác.

- Trong mùa dịch Covid 19, nhiều gia đình phải chạy ăn từng bữa.

🡪 chạy: xoay sở, lo toan trong hoàn cảnh khó khăn.

**-** Mẹ em mới mua cho em một cái bàn rất đẹp.

🡪 bàn: vật dụng có mặt phẳng, dùng để đặt, để đồ đạc, thức ăn,...

- Chúng em bàn nhau đi lao động ngày chủ nhật để giúp đỡ gia đình.

🡪 bàn: hoạt động thảo luận trong một nhóm người để đi đến kết quả cuối cùng

- Nam là cây làm bàn của đội bóng đá lớp tôi.

🡪 bàn: điểm số, bàn thắng ghi được trong trận bóng

**4.Bài tập 4:** Phân biệt nghĩa của những từ đồng âm trong các cụm từ sau:

a) Cánh đồng - tượng đồng - một nghìn đồng.

b) Hòn đá – đá bóng.

c) Ba và má – ba tuổi.

**Gợi ý:**

a) - Cánh đồng: khoảng đất rộng và bằng phẳng, dùng để cày cấy, trồng trọt.

- Tượng đồng: làm bằng kim loại có màu đỏ, dễ dát mỏng và kéo sợi, thường dùng làm dây điện và chế hợp kim.

- Một nghìn đồng: đơn vị tiền Việt Nam.

b) - Hòn đá: Khoáng vật có thể đặc, rắn, giòn, thường kết thành tảng lớn, hợp phần của vỏ trái đất, dùng lát đường, vật liệu xây dựng nhà cửa, công trình kiến trúc.

- Đá bóng: đưa nhanh chân và hất mạnh bóng cho xa ra hoặc đưa bóng vào khung thành đối phương.

c) - Ba và má: bố, cha, thầy, mẹ, u, bầm… - một trong những cách xưng hô đối với người sinh thành ra mình.

- Ba tuổi: biểu thị số năm sinh sống trên đời là 3.

**5.Bài tập 5:** Ghi lại các từ mượn có trong những câu dưới đây. Cho biết các từ ấy được mượn của tiếng nào.

a, Đúng ngày hẹn, bà mẹ vô cùng ngạc nhiên vì trong nhà tự nhiên có bao nhiêu là sính lễ.

b, Ngày cưới, trong nhà Sọ Dừa cỗ bàn thật linh đình, gia nhân chạy ra chạy vào tấp nập.

c, Ông vua nhạc pốp Mai-cơn Giắc-xơn đã quyết định nhảy vào lãnh địa in-tơ-nét với việc mở một trang chủ riêng.

**Gợi ý**

|  |  |
| --- | --- |
| **Từ mượn** | **Nguồn gốc** |
| sính lễ  gia nhân  pốp, Mai-cơn Giắc-xơn, in-tơ-nét | Tiếng Trung  Tiếng Trung  Tiếng Anh |

**6. Bài tập 6**: Hãy kể một số từ mượn:

a, Là tên các đơn vị đo lường, ví dụ: mét

b, Là tên một số bộ phận của chiếc xe đạp, ví dụ: ghi đông

c, Là tên một số đồ vật, ví dụ: ra-đi-ô

**Gợi ý**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Từ mượn** |
| Tên các đơn vị đo lường | *mét, ki-lô-mét, xăng-ti-mét, đề-xi-mét, ki-lô-gam, gam,...* |
| Tên các bộ phận của chiếc xe đạp | *ghi đông, gác-ba-ga,...* |
| Tên một số đồ vật | *ra-đi-ô, ti-vi, cát-sét,...* |

**7. Bài tập 07:**

a, Tìm các từ tiếng Việt tương đương với các từ mượn sau:

- phan (fan)

- nốc ao (knock out)

- phôn (phone)

b, Đặt câu với mỗi từ trong từng cặp và cho biết sự khác nhau giữa chúng và cách dùng.

**Gợi ý trả lời:**

a, - *Phan* tương đương với *người hâm mộ*

- *Nốc ao* tương đương với *đánh bại, hạ gục*

- *Phôn* tương đương với *điện thoại, gọi điện*

b,\* Đặt câu:

- Tôi là phan của nhóm nhạc này.

- Anh ấy đã bị hạ nốc-ao ngay trong trận đầu tiên.

- Tôi sẽ phôn lại cho bạn sau.

\*Nhận xét về sự khác nhau trong cách dùng của chúng: Từ mượn thường được sử dụng trong những trường hợp giao tiếp thân mật, và hạn chế hơn so với từ thuần Việt, không dùng trong hoàn cảnh giao tiếp không nên quá lạm dụng từ mượn.

**ÔN TẬP KĨ NĂNG VIẾT:**

**Viết bài văn kể về một kỉ niệm của bản thân**

✪ **NHẮC LẠI LÍ THUYẾT**

**1. Kỉ niệm** là những câu chuyện còn giữ lại được trong trí nhớ của mỗi người.

**\* Viết bài văn kể về một kỉ niệm**là ghi lại những điều thú vị, có ấn tượng sâu sắc về một sự việc trong quá khứ mà em đã chứng kiến và trải nghiệm. Trong bài viết, người kể sử dụng ngôi thứ nhất, thường xưng "tôi".

**2. Yêu cầu đối với kiểu bài.**

- Xác định kỉ niệm được kể lại và nêu tên kỉ niệm đó ở nhan đề của bài viết.

- Kể về kỉ niệm đã xảy ra như thế nào? Có gì đặc sắc và đáng nhớ?

- Sử dụng ngôi kể thứ nhất, xưng "tôi" để dễ dàng trình bày những quan sát, suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.

- Suy nghĩ về những ảnh hưởng, tác động của kỉ niệm ấy.

- Kết thúc: Nói lên mong ước và cảm nghĩ của người viết.

**3. Các bước**

**a. Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết.**

**\* Chọn lựa đề tài**

Chọn đề tài mà câu chuyện hướng đến: tình bạn, tình mẹ con, tình yêu quê hương, tình thầy trò,...

Để xác định được đề tài, em có thể hồi tưởng lại những kỉ niệm đáng nhớ. Ví dụ:

- Một kỉ niệm sâu sắc với gia đình, bạn bè.

- Một lỗi lầm của bản thân.

- Khám phá một vùng đất hoặc quyển sách mới.

- Khi chuyển đến một ngôi trường mới, làm quen với bạn mới...

- …

**\* Thu thập tư liệu**

Em hãy tìm tư liệu cho bài viết bằng một số cách sau:

- Nhớ lại những sự việc, trải nghiệm đã để lại cho em kỉ niệm sâu sắc.

- Đọc lại các đoạn trích Trong lòng mẹ (Nguyên Hồng), Thời thơ ấu của Honda (Hon-đa Sô-i-chi-rô) và bài văn ở mục Định hướng: *Người thủ thư thời thơ ấu* (Nguyễn Thuỵ Anh)để học cách các tác giả kể về kỉ niệm của họ.

- Tìm lại những hình ảnh đã lưu giữ có liên quan đến câu chuyện để khơi gợi thêm cảm xúc.

**b. Bước 2:** **Tìm ý, lập dàn ý**

***\* Tìm ý***

**- Sự việc chính:**

+ Đó là chuyện gì? (tên sự việc được kể)

+ Xảy ra ở đâu ? (nghĩ đến không gian, địa điểm diễn ra câu chuyện định kể)

+ Khi nào? ( nghĩ đến thời gian cụ thể: kì nghỉ hè, buổi chiều...)

- **Nhân vật**

+ Những ai đã tham gia vào câu chuyện? (nhận vật ông, bà, bố mẹ, cô giáo, bạn ....Trừ người thân, các nhân vật cần có tên riêng, lai lịch...)

+ Họ như thế nào? ( trang phục, nét ngoại hình nổi bật như vọc dáng, làn da, mái tóc, đôi mắt, nụ cười, giọng nói...)

+ Họ đã có lời nói, hành động, cử chỉ gì? (nhân vật và em nói chuyện gì, lời nói cụ thể, cử chỉ, hành động của người ấy ra sao...)

- **Cốt truyện:**

+ Diễn biến của câu chuyện: Điều gì đã xảy ra? Theo thứ tự như thế nào?

(sự việc mở đầu, sự việc phát triển, sự việc kết thúc)

- Ý nghĩa: Vì sao câu chuyện lại xảy ra như vậy? (Kỉ niệm cho em nhận thức được kiến thức gì, bài học nào sâu sắc).

- Cảm xúc của người kể: Cảm xúc của em như thế nào khi câu chuyện diễn ra và khi kể lại? (biểu cảm trực tiếp hoặc gián tiếp)

**\* Lập dàn ý bằng cách dựa vào các ý đã tìm được, sắp xếp lại theo ba phần lớn của bài văn, gồm:**

**+ Mở bài:** Dùng ngôi thứ nhất để kể, giới thiệu sơ lược về kỉ niệm.

Dẫn dắt chuyển ý, gợi sự tò mò, hấp dẫn với người đọc.

**+ Thân bài: Kể lại diễn biến của câu chuyện** theo trình nhất định (tự thời gian, không gian, các sự việc đã sắp xếp theo trình tự hợp lí chưa, làm nổi bật nhân vật, sự việc chính)

**+ Kết bài:** Nêu cảm nghĩ về câu chuyện vừa kể.

**c. Bước 3: Viết**

Dựa vào dàn ý, viết thành bài văn kể về kỉ niệm của mình.

**d. Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.**

- Đọc kĩ bài viết của mình và khoanh tròn những lỗi chính tả, lỗi sử dụng từ ngữ (nếu có). Sau đó sửa lại các lỗi đó.

- Gạch chân những câu sai ngữ pháp bằng cách phân tích cấu trúc ngữ pháp và sửa lại cho đúng (nếu có).

✪ **THỰC HÀNH VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT KỈ NIỆM CỦA BẢN THÂN**

**Đề bài: Em hãy kể lại một kỉ niệm sâu sắc về người bạn thân khiến em xúc động và nhớ mãi.**

GV dùng Kĩ thuật khăn trải bàn để lập dàn ý chung cho đề bài trên.

-  HS được chia thành các nhóm nhỏ từ 4 đến 6 người. Mỗi nhóm sẽ có một tờ giấy A0 đặt trên bàn, như là một chiếc khăn trải bàn.

- Chia giấy A0 thành phần chính giữa và phần xung quanh, tiếp tục chia phần xung quanh thành 4 hoặc 6 phần tuỳ theo số thành viên của nhóm ( 4 hoặc 6 người.)

- Mỗi thành viên sẽ suy nghĩ và viết các ý tưởng của mình ( về một trải nghiệm về người bạn thân làm em xúc động và nhớ mãi) vào phần cạnh “khăn trải bàn” trước mặt mình. Sau đó thảo luận nhóm, tìm ra những ý tưởng chung và viết vào phần chính giữa “khăn trải bàn”: Sẽ viết những ý lớn nào để đảm bảo yêu cầu của đề trên.

- Sau khi lập dàn ý xong, HS có thể trình bày ý tưởng, các bạn trong nhóm thao dõi để đánh giá bài viết đảm bảo ý chính chưa, cần bổ sung thêm điều gì cho bài văn hoàn chỉnh.



**a. Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết.**

-  **Đọc và xác định yêu cầu đề bài**, **lựa chọn kỉ niệm** mà em có ấn tượng sâu sắc về một người bạn.

- Người bạn đó là bạn như thế nào (quen lâu chưa, hay mới quen, điểm nổi bật về bạn mà em ấn tượng: về ngoại hình, sở thích, tính cách...)

- **Nhớ lại các chi tiết**về kỉ niệm: kỉ niệm gì? Diễn ra ở đâu, khi nào? Diễn ra như thế nào? Đâu là cao trào, đỉnh điểm của câu chuyện?

- C**ảm xúc, suy nghĩ** của em qua kỉ niệm,

- **Tìm các tư liệu, tranh, ảnh** liên quan để minh họa cho trải nghiệm (nếu thấy cần thiết).

**b. Bước 2:** **Tìm ý, lập dàn ý**

***\* Tìm ý***

**- Sự việc chính:**

+ Đó là sự việc: Bạn tặng em quyển truyện em mơ ước và nói lời từ biệt để cùng gia đình lên thành phố sinh sống

+ không gian, địa điểm diễn ra: sân trường ở buổi tổng kết cuối năm học lớp 5, ghế đá, hàng cây, hoa phượng, cái im lặng của buổi cuối cùng trong năm học, trong khoảng khắc chỉ còn lại mấy học sinh cuối cùng ra về...

+ thời gian cụ thể: kì nghỉ hè, buổi chiều...

- **Nhân vật**

+ Hình ảnh người bạn em hiện lên như thế nào trong em (vóc dáng, trang phục, mái tóc, ...thân quen ra sao?)

+ Em và bạn đã có lời nói, hành động, cử chỉ việc làm của bạn làm em xúc động, nhớ mãi?

- **Cốt truyện:**

+ Diễn biến của câu chuyện: Điều gì đã xảy ra? Theo thứ tự như thế nào?

(sự việc mở đầu, sự việc phát triển, sự việc kết thúc)

- **Ý nghĩa:** kỉ niệm về bạn giúp cho em nhận ra ý nghĩa của tình bạn,

- **Cảm xúc của người kể:** Cảm xúc của em khi câu chuyện diễn ra và khi kể lại: xúc động, hạnh phúc, sung sướng...

**\* Lập dàn ý**

**- Mở bài:** Giới thiệu nhân vật và kỉ niệm: Người bạn thân tên là gì, bạn thân từ bé hay mới quen biết; kỉ niệm gì sâu sắc về tình bạn: về món quà bạn tặng và lời nói chia tay bất ngờ

**- Thân bài:**

**Ý 1: Kể khái quát những đặc điểm, ngoại hình, tính cách của bạn**

**Ý 2: Kể lại kỉ niệm về người bạn thân khiến em xúc động, nhớ mãi: diễn biến của câu chuyện** theo trình nhất định (tự thời gian, không gian, các sự việc đã sắp xếp theo trình tự hợp lí chưa, làm nổi bật nhân vật, sự việc chính)

+ Kỉ niệm gì? (chọn bất kì một kỉ niệm sâu sắc như được bạn giúp đỡ, mắc lỗi với bạn, hiểu lầm, hoặc được bạn tặng món quà ấp ủ từ lâu...

+ Kỉ niệm diễn ra theo trình tự thời gian: trong buổi tổng kết năm học lớp 5, lúc nhặt cánh phượng làm trò chơi, lúc bạn tặng truyện, chia tay...

+ Không gian: sân trường, ghế đá, hoa phượng rơi....

+ Kỉ niệm ấy diễn ra như thế nào? (em rơi vào hoàn cảnh nào?Bạn đã làm gì cho em hoặc ngược lại, để em cảm nhận được tình bạn. Biết bộ lộ cảm xúc của mình về trước, trong, sau khi sự việc diễn ra. Từ tâm trạng vui sướng cùng nhau nhặt hoa phượng làm trò chơi, đên xúc động nhận được quà từ bạn. Rồi đến sự hẫng hụt chơi vơi khi biết bạn sắp chuyển đi nơi khác. Chấp nhận xa cách để tình bạn vượt lên hoàn cảnh sống, biến khó khăn cách trở thành động lực vươn lên trong tương lai.

+ Bài học sâu sắc cháu nhận ra: Ý nghĩa của tình bạn là yêu thương, chia sẻ, chấp nhận sự khắc nghiệt của hoàn cảnh, biết ước mơ hướng tới tương lai tốt đẹp

* **Kết bài:** Nêu cảm nghĩ về người bạn thân và kỉ niệm.

**c. Bước 3: Viết bài : HS dựa vào dàn ý để viết.**

**Bài viết tham khảo:**

|  |
| --- |
| Tôi và Hoa là đôi bạn thân, ai cũng bảo thế vì chúng tôi lớn lên bên nhau, luôn yêu thương và giúp đỡ nhau. Giữa chúng tôi có muôn vàn kỉ niệm, nhưng kỉ niệm làm tôi nhớ nhất đó là tôi nhận được món quà Hoa tặng và lời nói chia tay bất ngờ của Hoa để Hoa cùng gia đình đi làm ăn xa.  Nhắc đến Hoa của tôi, tôi tự hào về nó lắm. Nó không những học giỏi mà còn rất đáng yêu. Hoa luôn được các bạn mệnh danh là “cây Toán” của cả lớp. Điều đó cũng dễ hiểu vì Hoa luôn là người có ý tưởng hay nhất, ngắn nhất cho những bài toán hoắc búa của cô giáo. Còn tôi, lại nghiêng về văn và được các bạn ưu ái gọi là “nàng thơ”. Không phải tôi biết làm thơ mà tôi hay được cô giáo gọi đọc bài cho cả lớp nghe và thỉnh thoảng bài văn của tôi được cô khen ngợi. Nhưng môn toán của tôi thì tệ lắm, nên Hoa luôn sẵn lòng giảng giải cho tôi từng ly từng tí. Những lúc nhìn nó giảng bài mà tôi nghĩ thầm đến việc mai sau “Chắc cậu sẽ là cô giáo dạy toán giỏi nhất đấy!” . Những lúc giảng bài cho tôi, nó thường nở nụ cười hiện hậu hỏi “Hiểu chưa đồng chí?” và khi nào tôi “gật” “gật” lia lịa nó mới chịu đi chơi. Lúc chơi trò chơi, Hoa luôn sáng tạo, khi thì nó làm bà bán hoa xinh đẹp, có cái khăn mùi xoa buộc chéo trên trán trông rất đáng yêu. Khi thì nó biến thành cảnh sát truy lùng “tên trộm” lẩn trốn là tôi. Mà lạ thay! Tôi trốn ở đâu Hoa cùng tìm ra. Lúc tìm ra nhau, chúng tôi phá lên cười ròn rã, tựa như người ta vừa xem một vở hài kịch. Thỉnh thoảng, chúng tôi đi thả diều trên đê khi chiều về, có lúc lại cùng hay tập nhảy hip- hóp để chuẩn bị cho cuộc thi nào đó trên lớp. Chao ôi! Nhiều kỉ niệm lắm!  Tình bạn giữa chúng tôi cứ lớn dần theo năm tháng trong êm đềm. Cho đến một hôm, đó là buổi tổng kết cuối năm học lớp 5. Một buổi tổng kết đầy ý nghĩa và xúc động, khi cả hai chúng tôi cùng nắm tay nhau lên bục nhận giấy khen trong ánh mắt ngưỡng mộ của các bạn trong lớp. Với tôi, đây là lần đầu tiên, mà tất cả là nhờ “cô giáo Hoa” của tôi đã giúp tôi tiến bộ từng ngày. Buổi tổng kết năm học kết thúc, tôi và Hoa ở lại nhận nhiệm vụ vệ sinh lớp học lần cuối nên tôi và nó nán lại ở sân trường. Và tôi cũng có “âm ưu”. Tôi cho Hoa một bất ngờ. Đó là tôi lén nhặt đến chục cách hoa phượng đỏ thắm, rồi ép vào vở, tự nhủ sẽ tặng Hoa vào hôm kết thúc năm học. Tôi và Hoa ngồi xuống ghế đá, hít hà thật sâu để cảm nhận cái tĩnh lặng hiếm có của sân trường. Tôi khẽ mở cặp sách và “bật mí” cho Hoa về món quà tự tay làm. Mấy bông hoa phượng, hoa phi điệp, cỏ dại tôi dán thành một tấm thiệp xinh xắn.   * Tặng Hoa này, tớ tự làm đấy. Cậu có thích không? * Òa! Đẹp thế! Minh khéo tay thế!   Hoa vừa ngắm nghía tấm thiệp, vừa mỉm cười rất tươi, đưa ánh mắt đen láy nhìn tôi. Hoa thì thầm hỏi:   * Sao cậu biết tớ thích hoa phượng?   Tôi nhặt cánh phượng rơi từ sân trường lên, khẽ xoay tròn, cánh phượng quay tít tạo ra những vòng xoay nom vui mắt, tôi trả lời Hoa:   * Hoa phượng là hoa của học trò, màu đỏ của nó raatts đẹp đúng không? Mình cũng rất thích!   Hoa nhìn tôi có vẻ nghĩ ngợi. Rồi bất ngờ, nó rúi vào tay tôi một quyển truyện mới cóong của Nguyễn Nhật Ánh “Tôi là Bê- Tô”. Cái quyển truyện mà tôi mơ ước nhưng tôi chưa dám xin mẹ tôi, vì tôi biết, mẹ tôi vất vả kiếm tiền nuôi bốn miệng ăn đã mệt rồi. Hoa thì thầm:   * Tặng cậu!   Ôi , ở đâu tiền mà mua cho tớ thế? Không, tớ không dám lấy đâu. Tuy nói vậy tôi nhưng lòng tôi đã thấy tưng bừng vì những trang văn của Nguyễn Nhất Ánh. Chưa trả lời tôi, Hoa điểm thêm vài câu làm tôi điếng cả người:   * Minh à, nhà tớ sẽ chuyển vào Nam nay mai thôi. Bố tớ đang về đón...   Tôi không thể tin vào điều đó. Tại sao chúng tôi phải xa nhau. Hoa đi rồi, tôi sẽ đi học cùng ai, chơi với ai. Sau giây phút xúc động vì được cầm quyển truyện mơ ước, tim tôi thấy nhói đau. Thảo nào, mấy hôm nay, Hoa có cái gì khác, nó không vui vẻ, mà đôi lúc rất trềm tư. Tôi hoang mang quá, nhưng sợ nó buồn nên trấn tĩnh bảo:   * Ừ. Bọn mình cần ở với bố mẹ.   Hoa năm tay tôi. Cả hai im lặng, mấy chú ve được cất tiếng hát da diết. “Ừ, phải đi cùng bố mẹ! Cuộc sống sẽ tốt đẹp hơn ở vùng quê nghèo này!” Tôi thì thầm như thế, và tự an ỉu lòng. Rồi đến tuần sau, nhà Hoa chuyển đi Nam thật. Hoa đi, tôi không dám tiễn.  Từ đấy, chúng tôi chia tay nhau. Thỉnh thoảng bọn tôi viết thư tay, hoặc lén lấy điện thoại của mẹ để nhắn tin cho nhau. Vẫn là những câu chuyện về bạn bè, về trò chơi, bài toán khó. Trong xa cách, tôi càng mạnh mẽ và tin tưởng vào tình bạn với Hoa. Dù ở xa nhau, nhưng chỉ cần tin tưởng, vui vẻ, hài lòng về nhau là chúng tôi cùng cảm thấy hạnh phúc!  Kể lại kỉ niệm về Hoa cũng làm lòng tôi ấm lại. Chúng tôi hứa cùng nhau học thật chăm để gặp nhau ở giảng đường đại học. Hoa hứa, đến hè, gia đình cậu ấy sẽ về thăm quê, lúc đó chúng tôi lại đi thả diều, hái hoa dại, chơi bán hàng... |

**d. Bước 4: Kiểm tra và chỉnh sửa:**

- Đọc kĩ bài viết của mình và khoanh tròn những lỗi chính tả, lỗi sử dụng từ ngữ (nếu có). Sau đó sửa lại các lỗi đó.

- Gạch chân những câu sai ngữ pháp bằng cách phân tích cấu trúc ngữ pháp và sửa lại cho đúng (nếu có).

**PHIẾU CHỈNH SỬA BÀI VIẾT**

**Nhiệm vụ: Hãy đọc bài viết của mình và hoàn chỉnh bài viết bằng**

**cách trả lời các câu hỏi sau:**

1.Bài viết đã giới thiệu được kỉ niệm đáng nhớ chưa?

..............................................................................................................................

2.Nội dung bài viết đã được sắp xếp theo trình tự thời gian chưa?(Nếu chưa,

hãy thay đổi như thế nào cho hợp lí).

..............................................................................................................................

3.Bài có sử dụng nhất quán từ ngữ xưng hô không?

.............................................................................................................................

4.Có nên bổ sung nội dung cho bài viết không? (Nếu có, hãy viết rõ ý cần bổ

sung.)

.............................................................................................................................

5.Có nên lược bỏ các câu trong bài viết không? (Nếu có, hãy viết rõ câu

hay đoạn cần lược bỏ.)

............................................................................................................................

6.Bài viết có mắc lỗi chính tả hay lỗi diễn đạt không? (Nếu có, hãy viết rõ

các mắc lỗi chính tả hay lỗi diễn đạt cần sửa chữa.)

............................................................................................................................

✪ **BÁO CÁO SẢN PHẨM VIẾT** (Sau tiết học buổi sáng, GV đã giao HS về nhà tự hoàn thành bài viết kể lại kỉ niệm của bản thân).

* GV gọi một số HS trình bày sản phẩm trước lớp.
* GV cung cấp bảng rubric đánh giá sản phẩm viết:.
* GV cung cấp bảng rubric đánh giá sản phẩm viết:.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ**  **Tiêu chí** | **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** | **Mức 4** |
| Bài văn kể lại một kỉ niệm của bản thân  (10 điểm) | Đảm bảo đầy đủ yêu cầu về kiến thức, kĩ năng, kỉ niệm kể có tình huống độc đáo, bất ngờ, có trọng tâm, và có ý nghĩa sâu sắc; lời văn trong sáng, văn viết giàu cảm xúc, giàu sức thuyết phục.  (9 -10 điểm) | Đảm bảo yêu cầu về kiến thức, kĩ năng, kỉ niệm kể có tình huống, có trọng tâm, và có ý nghĩa nhưng còn mắc một vài lỗi diễn đạt, văn viết có cảm xúc, bài học rút ra phù hợp với câu chuyện kể nhưng chưa rõ ràng, sâu sắc (7 - 8 điểm) | Đảm bảo yêu cầu cơ bản về kể một kỉ niệm biết sắp xếp sự việc,có rút ra bài học nhưng chưa rõ ràng, cảm xúc chưa rõ  (5- 6 điểm) | Bài kể sơ sài, chưa có sự việc, nhân vật mờ nhạt  (dưới 5điểm) |

* HS khác lắng nghe, nhận xét, cùng rút kinh nghiệm.
* GV cho điểm HS.

**BUỔI 5:**

**ÔN TẬP NÓI VÀ NGHE:**

**Kể lại một kỉ niệm của bản thân**

✪ **NHẮC LẠI LÍ THUYẾT**

\***Các bước thực hành nói và nghe: Kể lại một kỉ niệm của bản thân về thầy cô, bè bạn.**

**Bước 1: Chuẩn bị**

-  **Đọc và xác định yêu cầu đề bài**, **lựa chọn kỉ niệm** mà em có ấn tượng sâu sắc.

**Ví dụ**:

- **Nhớ lại các chi tiết**về kỉ niệm và **cảm xúc, suy nghĩ** của em qua kỉ niệm: gắn với thầy cô, bạn bè,

- **Tìm các tư liệu, tranh, ảnh** liên quan để minh họa cho kỉ niệm (nếu thấy cần thiết).

**Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý.**

**- Tìm ý**cho bài kể theo gợi dẫn:

+ Nêu sự việc, hành động, tình huống của thầy cô/bè bạn để lại ấn tượng sâu sắc trong em.

+ Phát triển các ý bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi: Sự việc, tình huống đó diễn ra vào thời gian nào, ở đâu? Sự việc, tình huống đó cụ thể như thế nào? Em có cảm xúc, tâm trạng, suy nghĩ gì khi chứng kiến sự việc đó? Em rút ra bài học gì từ sự việc, tình huống đó?;...

* **Lập dàn ý**cho bài kể (có thể bằng sơ đồ tư duy):

**Ví dụ cho đề bài: Kể về một kỉ niệm của em với thầy (cô giáo) mà em nhớ mãi.**

+ **Mở đầu**: Chào hỏi, giới thiệu người thầy (cô) và sự việc, tình huống người thầy (cô) để lại ấn tượng sâu sắc trong em.

**Gợi ý**: Xin chào thầy cô và các bạn. Tôi tên là......................, học lớp......., trường................. Sau đây tôi xin kể lại một kỉ niệm đáng nhớ trong đời của mình. Trước khi bắt đầu bài nói của mình, tôi có một câu hỏi "Các bạn đã có những kỉ niệm về người thầy người cô giáo tuyệt vời của mình chưa chưa? " (Có thể giao lưu với 1 bạn hỏi lí do, một lần mắc lỗi với cô giáo, hay được đón nhận những yêu thương ân cần từ cô (thầy) của mình). Bản thân tôi cũng đã có một kỉ niệm ngọt ngào bên cô giáo chủ nhiệm ngày lớp 1. Chuyện là..... (Lời dẫn vào bài nói).

+ **Nội dung chính**: Lựa chọn và sắp xếp các ý tìm được theo một trình tự hợp lí.

**Ví dụ**: Với bài viết kể về một kỉ niệm sâu sắc, xúc động về thầy (cô) giáo của mình có thể triển khai theo gợi ý như sau:

* Nêu lí do xuất hiện kỉ niệm: Em bị ngồi một mình ở cổng trường, trời sắp tối, mà mẹ chưa đến đón
* Trình bày diễn biến kỉ niệm.

+**Kết thúc**:

* Phát biểu suy nghĩ của mình về tấm lòng cô giáo với em đối với những người con.
* Bày tỏ mong muốn nhận được sự chia sẻ từ người nghe về kỉ niệm.

**Đề bài: Kể về một kỉ niệm của em với thầy (cô giáo) mà em nhớ mãi.**

**\* Lập dàn ý:**

**- Mở bài:** Giới thiệu nhân vật và kỉ niệm: Cô giáo em tên là gì? Dạy em hồi em học lớp mấy; kỉ niệm gì sâu sắc về tình cô trò?

**- Thân bài:**

**Ý 1: Kể khái quát những đặc điểm, ngoại hình, tính cách của cô giáo:** Chú ý đến cử chỉ, ánh mắt, hành động chăm chút của cô dành cho học trò. Cảm xúc của em khi ấy? Có thể thêm các chi tiết kể về bản thân mình, để bộc lộ cảm xúc về cô khi được đón nhận tình yêu của cô giáo với mình. Nên chọn một điểm nhấn cho nhân vật: như mái tóc cô dài vương hương thơm của trái bồ kết...

**Ý 2: Kể lại kỉ niệm về cô giáo khiến em xúc động, nhớ mãi: diễn biến của câu chuyện** theo trình nhất định (tự thời gian, không gian, các sự việc đã sắp xếp theo trình tự hợp lí chưa, làm nổi bật nhân vật, sự việc chính)

+ Kỉ niệm gì? (chọn bất kì một kỉ niệm sâu sắc như được cô giúp đỡ, mắc lỗi với cô, bị hiểu lầm, hoặc được tặng món quà ấp ủ từ lâu từ cô giáo chủ nhiệm...

+ Kỉ niệm diễn ra theo trình tự thời gian: Lúc tan học, trường còn đông người, đến khi mọi người về hết, cảnh tượng vắng vẻ, lạnh lẽo; thời điểm cô quay lại, lúc ngồi sau xe cô, lúc cô đi vào ổ gà, lúc về đến nhà, lúc bóng cô khuất sau rặng tre...

+ Không gian: cổng trường, buổi chiều mùa đông, cảnh tượng vắng vẻ, bóng chiều tà, bóng tối sắp ập đến. Không gian của con đường về nhà: gió, con đường, hoa cải ven đường...

+ Kỉ niệm ấy diễn ra như thế nào? (Em rơi vào hoàn cảnh nào? Cô giáo đã làm gì cho em , để em cảm nhận được tình yêu thương, sự tận tụy của cô với trò. Biết bộ lộ cảm xúc của mình về trước, trong, sau khi sự việc diễn ra. Từ tâm trạng lo sợ khi mẹ chưa kịp đón, trời tối dần, đến tâm trạng hạnh phúc ngồi sau xe cô, cô trở về nhà

+ Bài học sâu sắc em nhận ra: Ý nghĩa của tình cô trò, cô là người gieo niềm tin, dạy kĩ năng thoát khỏi nguy hiểm, chắp cánh ước mơ cho em

**Kết bài:** Nêu cảm nghĩ về cô giáo và kỉ niệm

**Bước 3: Thực hành nói và nghe**

- Dựa vào dàn ý và thực hiện việc kể lại kỉ niệm của mình trước tổ hoặc lớp.

- Chú ý bảo đảm nội dung và cách kể để câu chuyện trở nên hấp dẫn.

- Có thể sử dụng thêm tranh ảnh, đạo cụ…kết hợp với ngôn ngữ hình thể để bài nói thêm sinh động và hấp dẫn hơn.

**Bước 4: Kiểm tra và chỉnh sửa:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| \* **Bảng tự kiểm tra kĩ năng nói:**   |  |  | | --- | --- | | **Nội dung kiểm tra** | **Đạt/**  **chưa đạt** | | - Kể về kỉ niệm theo dàn ý. |  | | - Sử dụng những từ ngữ thể hiện được trình tự thời gian hoặc diễn biến của sự việc; những từ phù hợp để tả các chi tiết về sự vật, hành động;... |  | | - Nói rõ ràng, âm lượng phù hợp, kết hợp lời nói và cử chỉ, ánh mắt, điệu bộ, hình ảnh (nếu có sử dụng). Đảm bảo thời gian quy định. |  | | - Trả lời các câu hỏi của người nghe (nếu có). |  | | \* **Bảng tự kiểm tra kĩ năng nghe:**   |  |  | | --- | --- | | **Nội dung kiểm tra** | **Đạt/**  **chưa đạt** | | - Nắm và hiểu được nội dung chính của kỉ niệm mà bạn kể; |  | | -Đưa ra được những nhận xét được về ưu điểm, yếu tố sáng tạo trong lời kể của bạn hay điểm hạn chế của bạn. |  | | -Thái độ chú ý tôn trọng, nghiêm túc, động viên khi nghe bạn kể chuyện |  | |

✪ **BÁO CÁO SẢN PHẨM :**

**Đề bài: Kể lại một kỉ niệm sâu sắc của em với thầy cô, bạn bè khi học ở trường tiểu học.**

(GV đã hướng dẫn quy trình viết ở tiết buổi sáng và giao HS về nhà hoàn thiện).

* GV gọi một số HS trình bày sản phẩm bài nói trước lớp.
* GV cung cấp bảng rubric đánh giá sản phẩm nói:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ**  **Tiêu chí** | **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| Bài nói về kỉ niệm của bản thân  **(10 điểm)** | Nội dung kỉ niệm còn sơ sài; người nói chưa tự tin trong trình bày  (5 - 6 điểm) | Nội dung kỉ niệm tương đối chi tiết theo diễn biến/trình tự thời gian; người nói trình bày tương đối tốt.  (7 - 8 điểm) | Nội dung kỉ niệm chi tiết theo diễn biến/trình tự thời gian; xúc động; người nói trình bày tự tin, có kết hợp ngôn ngữ cơ thể  (9 - 10 điểm) |

**Bài nói tham khảo:**

|  |
| --- |
| **Chào hỏi, giới thiệu kỉ niệm:**  Xin chào Cô và các bạn. Tôi tên là......................, học lớp......., trường.................  (*Có thể giao lưu với 1 bạn hỏi lí do*)Sau đây tôi xin kể lại một trải nghiệm đáng nhớ trong đời của mình. Trước khi bắt đầu bài nói của mình, tôi có một câu hỏi "Các bạn đã có những kỉ niệm về người thầy người cô giáo tuyệt vời của mình chưa? " (Có thể giao lưu với 1 bạn hỏi lí do, một lần mắc lỗi với cô giáo, hay được đón nhận những yêu thương ân cần từ cô (thầy) của mình). Bản thân tôi cũng đã từ từng trải qua kỉ niệm ngọt ngào nhất bên cô giáo chủ nhiệm ngày lớp 1. Chuyện là..... (Lời dẫn vào bài nói).  **Kể lại kỉ niệm:**  *( Giọng tâm tình, vừa phải)* Hôm qua, khi tôi đang loay hoay sắp xếp lại tủ quần áo của mình cho thật gọn gàng để tạo cho mẹ tôi niềm vui bất ngờ, vì mẹ tôi vốn tính rất sạch sẽ. Chợt, một chiếc khăn len màu nâu sẫm từ trong góc tủ rơi ra. Tôi đưa chiếc khăn lên ngắm nghía và quàng thử vào cổ. Ngắm nhìn chiếc khăn, lòng tôi rưng rưng nỗi nhớ về cô Mai, cô giáo dạy tôi hồi lớp một. Chiếc khăn len ấy cô mua tặng tôi đấy. Nhớ về cô, một kỉ niệm sâu đậm ùa về. Đó là một trải nghiệm đầu tiên của tôi khi tôi đến với ngôi trường tiểu học.  Ngày đó, tôi là một cậu học trò bé bỏng và nhút nhát, mẹ tôi rất chiều chuộng tôi. Nhất là khi, những cơn gió lạnh đầu mùa đông tràn về là chứng viêm đường hô hấp của tôi lại được dịp kéo đến. Nhà chỉ có hai mẹ con, nên mẹ sẵn sàng đưa đón tôi mỗi buổi học, một phần vì nhà xa, phần khác vì tôi ốm đau luôn, nên mẹ thương tôi lắm.  *( Giọng xúc động)* Năm ấy, tôi vào lớp 1, cô Mai là cô giáo chủ nhiệm của tôi. Cô gần gũi chúng tôi ngay từ ngày đầu tiên đến lớp. Mỗi khi bước vào lớp, cô thường trao cho chúng tôi nụ cười hiền hậu và cái gật đầu thật khẽ, và cô không quên đưa mắt nhìn cả lớp một lượt như muốn bảo chúng tôi rằng : “Các em đã có mặt đầy đủ chưa nhỉ?”. Nhớ về cô, tôi nhớ nhất mái tóc dài đen óng mượt luôn được cô tết gọn gàng, mái tóc có mùi thơm dịu nhẹ của trái bồ kết... Và tôi nhớ không biết bao nhiêu cử chỉ ân cần mà cô dành cho chúng tôi, lúc thì cái nắm tay nắn từng dòng chữ, lúc thì nụ cười động viên khi tôi làm phép tính mà nhẩm sai, lúc thì cô tết tóc, chải đầu cho một bạn nữ tóc dài nào đó trong lớp...  *(Hồi hộp)* Với tôi, trải nghiệm xúc động nhất về cô chính là một lần cô đã đưa tôi về tận nhà trong một buổi chiều mùa đông. Đó là một buổi tan trường, như bao lần khác, tôi chạy ra cổng chờ mẹ tôi. Nhưng hôm ấy, tôi chờ mãi chẳng thấy mẹ tôi đến, mỗi lúc trời thêm tối. Con đường về làng tôi vắng vẻ vô cùng, đợi lâu, chẳng có ai bên cạnh, tôi tủi thân, rồi cứ thể tôi nức nở, tôi òa lên, khóc thật to. Chợt, có tiếng xe máy, tôi quay lại. Ôi ! Cô Mai, tôi càng khóc to lên vì vui sướng vỡ òa, vì tôi vừa phải trải qua nỗi khiếp sợ phải ở một mình.  - Cô ơi! Mẹ...mẹ...em ...đâu....?  Cô hốt hoảng dựng xe, lao đến tôi, cô ôm chặt lấy tôi, vỗ về, an ủi:  - Ôi, con vẫn còn ở đây à? Không sao, có cô đây rồi, cô sẽ cho con về, chắc mẹ con ...có việc gì đó.  Cô Mai nhìn tôi thật dịu dàng, khẽ mỉm cười, cô lau nước mắt cho tôi, rồi cô bế tôi lên xe. Cô bảo cô quay lại trường lấy tập bài chấm. Cô vừa đi, vừa an ủi. Thế là cô trở tôi về nhà trên chiếc xe máy cũ của cô, chiếc xe không có đệm đằng sau nên cô cho tôi ngồi lên chiếc áo mưa của cô. Giờ đây, tôi không nhớ cô và tôi đã nói chuyện gì trên đường về, nhưng tôi vẫn nhớ cái cảm giác ấm áp được ngồi sau xe cô, áp má vào lưng cô, để cô che cho từng luồng gió lạnh buốt thổi trực tiếp vào mặt tôi. Nhớ lại khoảnh khắc ấy, tôi như thấy mình thật hạnh phúc. Lúc đó, cũng vào sẩm tối rồi, bóng đen cứ sầm sập kéo đến, những cơn gió lạnh cứ như muốn đẩy cô trò tôi chậm lại. Mỗi lần, chiếc xe của cô xuống ổ gà, cô lại đi thật chậm, rồi cô đưa một tay ôm cắp chặt tôi sát vào cô như những người mẹ cố che chở cho đứa con bé bỏng của mình. Cũng những giây phút ấy, tôi cảm nhận rõ nhất mùi hương thơm nhẹ nhàng từ mái tóc của cô. Đó đúng là hương thơm của trái bồ kết, hương thơm ấy quyện vào gió, sưởi ấm tâm hồn tôi. Trên đường đi, hai bên là cánh đồng đã gặt hết lúa, những gốc rạ khô nằm lăn lóc, thỉnh thoảng một vài đám rau cải xanh mướt như thách thức cái rét của mùa đông. Những khóm cải ra hoa vàng rộ bên ruộng rau cũng đang đung đưa theo chiều gió.  *(Giọng vui vẻ, ấm áp)* Khi cô Mai cho tôi về đến cổng, mẹ tôi mới ở đâu hốt hoảng lao tới. mẹ ôm trầm lấy tôi, thì thầm “Mẹ xin lỗi! Mẹ phải cho ông con đi khám bệnh về muộn. Con đợi mẹ lâu lắm à?”...   * Em xin cảm ơn chị! –Mẹ tôi quay về phía cô, giọng đầy xúc động.   Cô chào tạm biệt mẹ con tôi để trở về nhà khi bóng tối đã buông hẳn. Tôi và mẹ đứng nhìn theo bóng đèn xe máy cô khuất vào bụi tre đầu xóm mới về.  *( Giọng tâm tình, vừa phải, tự tin)* Từ ngày đó, tôi gần gũi cô hơn, cô cũng dạy cho chúng tôi biết bao bài học quý giá. Nào là cách làm mình tự tin, nào là cách giải quyết khó khăn như tôi hôm trước thế nào... Cứ thế, tôi lớn dần trong vòng tay của cô. Mùa đông năm ấy, biết tôi hay ho hắng, cô còn tặng tôi một chiếc khăn len màu nâu sẫm rất đẹp. Chiếc khăn mà tôi vừa tìm thấy trong ngăn tủ đây.  Năm nay tôi đã là học sinh lớp 6, nghĩa là tôi đã mạnh dạn, tự tin trong một môi trường học tập mới. Những bài học về niềm tin, về tình yêu cô Mai dành cho tôi vẫn còn đó. Nhớ cô, những lời dạy của cô vẫn nguyện vẹn trong trái tim tôi.  **Kết thúc bài nói**:  Cám ơn cô và các bạn đã lắng nghe chia sẻ của tôi! Tôi rất mong được nghe chia sẻ của các bạn về kỉ niệm đáng nhớ của mình. |

**Hoạt động : Luyện tập (Luyện đề tông hợp)**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập giáo viên giao.

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân hoàn thành đề bài ôn tập tổng hợp.

**c. Sản phẩm:** Bài làm hoàn thiện của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- GV giao nhiệm vụ:**

**Cách 1:** GV giao đề ôn tập tổng hợp cho HS

HS làm việc nhóm nhỏ theo bàn.

**Cách 2:** GV kiểm tra đề tổng hợp 90 phút

HS làm việc cá nhân.

- **Thực hiện nhiệm vụ:**

**+** HS thực hiện nhiệm vụ.

+ GV quan sát, khích lệ HS.

**- Báo cáo, thảo luận:**

+ GV gọi HS chữa đề theo từng phần.

+ Tổ chức trao đổi, nêu ý kiến.

+ HS nhận xét lẫn nhau.

**- Kết luận**: GV nhận xét, chốt kiến thức.

**ĐỀ SỐ 01:**

**MA TRẬN ĐỀ**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ**  **Chủ đề** | | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** | **Tổng số** |
| **I. Tiếng Việt** | | Nhận diện được từ đa nghĩa, từ đồng âm, từ mượn | Phân biệt được tử đa nghĩa với từ đồng âm |  |  |  |
| Số câu:  Số điểm:  Tỉ lệ: | | 5  1,25  12,5% | 3  0,75  7,5% |  |  | 8  2,0  20% |
| **II. Đọc hiểu văn bản** | | Nhận biết được phương thức biểu đạt chính, thể loại của văn bản  Chỉ ra được thông tin có trong văn bản  Chỉ ra được phép tu từ | Nêu được tác dụng của biện pháp tu từ |  |  |  |
| Số câu  Số điểm  Tỉ lệ | | 2  1,0  10 % | 1  0,5  5% | 1  0,5  5% |  | 3  2.0  20% |
| **III.Tập làm văn** | |  |  | Viết đoạn văn nêu suy nghĩ về việc cần làm để bảo vệ thiên nhiên. | Vận dụng kiến thức và kĩ năng để viết bài văn kể lại một kỉ niệm của bản thân. |  |
| Số câu  Số điểm  Tỉ lệ | |  |  | 1  1.5  15 % | 1  4,5  45 % | 2  6  60% |
| Tổng | Số câu | 7 | 4 | 1 | 1 | 13 |
| Số điểm | 2,25 | 1,25 | 2.0 | 4,5 | 10 |
| Tỉ lệ | 22.5% | 12.5% | 20% | 45% | 100% |

**ĐỀ BÀI**

**Phần I. Tiếng Việt ( 2,0 điểm)**

**Câu 1:** Em chọn từ nào trong các từ sau để điền vào dấu {...} cho phù hợp?

**“ ...**là từ có âm giống nhau nhưng nghĩa khác nhau, không liên quan với nhau”

A. Từ đa nghĩa B. Từ đồng âm

C. Từ trái nghĩa D. Từ mượn

**Câu 2**: Từ “chiều” trong câu ca dao “Chiều chiều ra đứng ngõ sau/ Trông về quê mẹ ruột đau chín chiều” là hiện tượng:

1. Từ đồng âm
2. Từ đa nghĩa
3. Từ trái nghĩa
4. Cả ba đáp án trên đều sai

**Câu 3:** Hiện tượng từ đa nghĩa là xét về nghĩa khác nhau của... từ lại có liên quan đến nhau.

Điền từ nào thích hợp vào dấu {...}

1. một
2. hai
3. ba
4. bốn

**Câu 4:** Xét nghĩa của từ **“chân”** trong các trường hợp sau đây, trường hợp nào là hiện tượng đồng âm với từ “**chân**” trong câu “Anh em như thể chân tay/ Rách lành đùm bọc, dở hay đỡ đần.” (Ca dao)

1. Anh ấy sống rất chân tình.
2. Chân trời ở rất xa.
3. Tôi có chân trong đội tuyển bóng đá của lớp.
4. Anh ấy là chân sút của đội tuyển Việt Nam.

**Câu 5**: Dòng nào sau đây chỉ gồm những từ đồng âm?

A. Đánh mìn, đánh đàn, đánh luống.

B. Đảng phái, đảng phí, đảng viên.

C. Ăn diện, ăn cỗ, ăn chơi.

###### D. Ngựa lồng, lồng chim, lồng ruột chăn bông.

**Câu 6:** Cơ sở để phân biệt từ đồng âm là gì ?

A. Vai trò ngữ pháp của từ

B. Quan hệ giữa các từ trong câu

###### C. Ý nghĩa của từ

D. Hình thức âm thanh của từ

**Câu 7:** Bộ phận từ mượn quan trọng nhất trong tiếng Việt là gì?

A. Tiếng Hán

B. Tiếng Pháp

C. Tiếng Anh

D. Tiếng Nga

**Câu 8**: Để bảo vệ sự trong sáng của tiếng Việt, khi mượn từ tiếng nước ngoài cần phải:

A. mượn toàn bộ các từ trong một lĩnh vực.

###### B. mượn những từ mà trong tiếng Việt chưa có từ thích hợp để biểu nghĩa.

C. mượn những từ dễ thuộc, dễ nhớ, dễ phát âm.

D. mượn những từ mà mình thấy thích.

**Phần II. Đọc – hiểu văn bản (2,0 điểm)**

**Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**

*"*  […]*Mặt trời lại rọi lên ngày thứ sáu của tôi trên đảo Thanh Luân một cách thật quá là đầy đủ. Tôi dậy từ canh tư. Còn tối đất, cố đi mãi trên đá đầu sư, ra thấu đầu mũi đảo. Và ngồi đó rình mặt trời lên. Điều tôi dự đoán, thật là không sai. Sau trận bão, chân trời, ngấn bể sạch như tấm kính lau hết mây hết bụi. Mặt trời nhú lên dần dần, rồi lên cho kì hết. Tròn trĩnh phúc hậu như lòng đỏ một quả trứng thiên nhiên đầy đặn. Quả trứng hồng hào thăm thẳm và đường bệ đặt lên một mâm bạc đường kính mâm rộng bằng cả một cái chân trời màu ngọc trai nước biển ửng hồng. Y như một mâm lễ phẩm tiến ra từ trong bình minh để mừng cho sự trường thọ của tất cả những người chài lưới trên muôn thuở biển Đông. Vài chiếc nhạn mùa thu chao đi chao lại trên mâm bể sáng dần lên cái chất bạc nén. Một con hải âu bay ngang, là là nhịp cánh…”.*

(Trích *Cô Tô* – Nguyễn Tuân)

**Câu 1**. Nêu các phương thức biểu đạt và thể loại của đoạn trích trên.

**Câu 2**. Trong đoạn trích, để nhận ra vẻ đẹp của Cô Tô, nhà văn đã quan sát cảnh thiên nhiên và hoạt động của con người trên đảo ở những thời điểm nào và từ vị trí nào?

**Câu 3**. Chỉ ra và nêu tác dụng của phép tu từ trong câu văn sau:

*“Sau trận bão, chân trời, ngấn bể sạch như tấm kính lau hết mây hết bụi.”*

**Câu 4**. Thông điệp ý nghĩa nhất với em qua đoạn trích trên là gì? Lí giải lí do.

**Phần III. Làm văn ( 6,0 điểm)**

**Câu 1 (1.5 điểm):** Từ văn bản đọc hiểu, em viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) nêu suy nghĩ về việc cần làm để bảo vệ thiên nhiên.  
 **Câu 2 (4.5 điểm):** Kể lại một kỉ niệm của em với một con vật nuôi mà em yêu thích.

**ĐÁP ÁN HƯỚNG DẪN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung cần đạt** | **Điểm** |
|  | **Phần I. Tiếng Việt ( 2,0 điểm)**   |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Câu 1** | **Câu 2** | **Câu 3** | **Câu 4** | **Câu 5** | **Câu 6** | **Câu 7** | **Câu 8** | | **B** | **B** | **A** | **A** | **D** | **C** | **A** | **B** | | **2.0** |
| **Phần II. Đọc – hiểu văn bản (2,0 điểm)** | | |
| ***Câu 1*** | Các phương thức biểu đạt: Tự sự, miêu tả và biểu cảm.  Thể loại: Kí  Mỗi ý đúng được 0.25 đ | 0.5 |
| ***Câu 2*** | + Vị trí quan sát của người kể: trên những hòn đá đầu sư, từ đầu mũi đảo.  **+** Thời điểm: Sau cơn bão; từ lúc mặt trời chưa mọc đến lúc mặt trời mọc.  Trả lời được 02 ý như đáp án được 0.5 đ  Trả lời đúng 01 ý được 0.25 đ | 0.5 |
| ***Câu 3*** | Câu văn*“Sau trận bão, chân trời, ngấn bể sạch như tấm kính lau hết mây hết bụi.”*  \*Phép tu từ so sánh: “chân trời, ngấn bể” sau bão sạch sẽ được so sánh với “tấm kính lau hết mây bụi”  \*Tác dụng của biện pháp tu từ so sánh:  - Làm cho câu văn trở nên sinh động, hấp dẫn.  - Nhấn mạnh sự trong lành, thoáng đãng của chân trời, ngấn bể sau khi cơn bão đã đi qua.  - Cho thấy ngòi bút tài hoa, trí tưởng tượng bay bổng, tình yêu thiên nhiên, yêu biển đảo quê hương của nhà văn Nguyễn Tuân.  Trả lời đầy đủ 02 ý: 0.5 đ  Trả lời được 01 ý: 0.25 đ | 0.5 |
| ***Câu 4*** | HS rút ra thông điệp ý nghĩa với bản thân mình và lí giải.  Có thể nêu: Thông điệp có ý nghĩa nhất với em: Hãy yêu và quan tâm giữ gìn biển đảo quê hương. Vì :  + Biển đảo là một phần lãnh thổ thiêng liêng của đất nước.  + Biến và đảo có vai trò quan trọng đối với đất nước.  + Bao thế hệ cha ông đã dầy công gữi gìn, xây dựng, bám biển, làm giaud cho đất nước. | 0.5 |
| **Phần III. Làm văn ( 6,0 điểm)** | | |
| ***Câu 1***  ***(1.5 điểm)*** | *a. Đảm bảo thể thức, dung lượng yêu cầu của một đoạn văn .* | 0,25 |
| *b. Xác định đúng nội dung chủ yếu đoạn văn:* suy nghĩ về những việc cần làm để bảo vệ thiên nhiên. | 0,25 |
| *c.Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn*: HS có thể trình bày đoạn văn theo nhiều cách. Sau đây là một số gợi ý:  - Hiện nay môi trường thiên nhiên đang bị huỷ hoại nghiêm trọng bởi nhiều việc làm xấu của con người .  - Việc bảo vệ thiên nhiên là trách nhiệm chung của tất cả mọi người, không chỉ riêng cá nhân nào.  - Chúng ta có thể làm rất nhiều việc để góp phần bảo vệ thiên nhiên:  + Trồng cây xanh và bảo vệ rừng, nhất là rừng đầu nguồn.  + Không xả rác, đốt rác bừa bãi ra môi trường, tổ chức các chiến dịch dọn sạch rác ở sông, hồ, bãi biển,…  + Tuyên truyền cho mọi người về tầm quan trọng của thiên nhiên,... để góp phần vào công cuộc bảo vệ thiên nhiên.  …. | 0,5 |
| *d. Sáng tạo:* Cách diễn đạt độc đáo, có cảm nghĩ riêng, sâu sắc | 0,25 |
| *e. Chính tả, dùng từ, đặt câu:* Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt. | 0,25 |
| ***Câu 2***  ***(4.5 điểm)*** | **a.** *Đảm bảo cấu trúc của một bài văn tự sự :* Bài viết có bố cục chặt chẽ, rõ ràng, sắp xếp hệ thống mạch lạc, chính xác. | 0.25 |
| **b.** *Xác định đúng yêu cầu bài viết:* Kể lại một kỉ niệm của bản thân với con vật nuôi mà em yêu thích. | 0.25 |
| c. Triển khai bài viết: Có thể theo gợi ý sau:  **+ Mở bài:** Dùng ngôi thứ nhất để kể, giới thiệu con vật nuôi.  Dẫn dắt chuyển ý, gợi sự tò mò, hấp dẫn với người đọc về sự kỉ niệm định kể.  **+ Thân bài: Kể lại diễn biến của kỉ niệm với con vật nuôi** theo trình nhất định (tự thời gian, không gian, các sự việc đã sắp xếp theo trình tự hợp lí chưa, làm nổi bật nhân vật, sự việc chính)  **+ Kết bài:** Nêu cảm nghĩ về kỉ niệm với con vật nuôi, bài học về cách đối xử với động vật. | 3.5 |
| d. Sáng tạo: HS có cách diễn đạt độc đáo, linh hoạt. | 0,25 |
| e. Chính tả: dùng từ, đặt câu, đảm bảo chuẩn ngữ pháp, ngữ nghĩa TV. | 0,25 |

**Tham khảo:**

**Câu 2 (Phần Làm văn): Kể lại kỉ niệm với chú chó mà em yêu thích.**

**(1) Dàn ý chi tiế**t:

**- Mở bài:** Giới thiệu kỉ niệm với chú chó Milo của mình. Nhân vật: Milo, sự việc chính là em được Milo cứu.

**- Thân bài: Kể lại diễn biến của câu chuyện** theo trình nhất định (tự thời gian, không gian, các sự việc đã sắp xếp theo trình tự hợp lí chưa, làm nổi bật nhân vật, sự việc chính)

+ Kỉ niệm diễn ra theo trình tự thời gian: lúc bà tặng, lúc đi học về, khi xảy ra sự việc đi tắm sông, sau sự việc được cứu...

+ Không gian: bên bờ sông, ồn ào...

+ Kỉ niệm thú vị nào:

++ được đi tắm sông, thi bơi với các bạn

+ + Ngắm nhìn Milo lúc đang bơi, cảm nhận thấy khó khăn khi bơi.

+ + Nhiều người vây quanh khi tỉnh lại. Xúc động vì được Milo cứu...

+ + Nhân vật Milo được hiện lên trong lời kể: Miêu tả về bộ lông, chân huyền đề, động tác vui mừng, lúc sợ hãi của nó....

+ Bài học sâu sắc cháu nhận ra: tình yêu động vật, ý nghĩa của tình bạn

+ Cảm xúc nhân vật cháu: bộc lộ qua tâm trạng vui sướng khi được chơi cùng Milo, hạnh phúc, biết ơn Milo...

**- Kết bài:** Nêu cảm nghĩ về kỉ niệm với con vật nuôi, bài học về cách đối xử với động vật.

**(2) Bài tham khảo hoàn chỉnh:**

Tình bạn là tình cảm đẹp đẽ và vô cùng ý nghĩa với cuộc sống của mỗi con người. Đôi khi, tình bạn không chỉ là mối giao cảm giữa người với người mà còn với cả những con vật bé nhỏ, thân thương. Với tôi, kỉ niệm cùng với chú chó Milo là kỉ niệm vô cùng ý nghĩa. Milo giúp tôi hiểu vẻ đẹp của tình bạn ra sao.

Tôi yêu quý Milo không phải chỉ vì nó là món quà mà bà ngoại tôi tặng cho tôi khi bà lên chơi năm tôi học lớp 4. Tôi yêu quý nó bới nó là chú chó thông minh và dũng cảm. Milo là giống chó lai, chân to và cao, lại có huyền đề rất đẹp. Bố tôi bảo: “Chó có huyền đề rất khôn đấy!”. Nó không những thông minh mà nó còn rất tinh tế. Milo cảm nhận được những cử chỉ vuốt ve của tôi. Những lúc tôi đưa tay vuốt lên bộ lông mượt như nhung của nó, nó nằm kềnh ra, mắt háo hức, tỏ vẻ hài lòng. Những lúc tôi cao giọng một chút, nó lặng lẽ nép mình, bước xa tôi, đưa đôi mắt đen như hai hòn bi ve nhìn trộm tôi như dò xét ý nghĩ của tôi ra sao. Những lúc tôi đi học về, nó ra tận cổng chờ, nhận ra tôi, Milo vẫy cái đuôi rất nhanh. Lúc ấy thân nó lắc lư uốn lượn như các bạn nhỏ nhảy hip- hop.

Hè năm ngoái, chúng tôi thường đi đá bóng vào mỗi buổi chiều. Sau đó, cả lũ chạy ào ra sông, tắm mát, thi bơi...Trong đám trẻ ấy, tôi là đứa kém nhất vì tôi hơi nhút nhát, tôi chỉ tập tẹ bơi. Trong khi bạn tôi ai cũng bơi rất giỏi. Nhà tôi cạnh sông, những lúc bọn trẻ ồn ào, Milo biết có tôi ở đó, nên nó ra bờ sông ngồi như thể trông tôi ấy. Mỗi nhịp bơi, tôi đều đưa mắt nhìn Milo, nó ngồi im bất động, đôi mắt cứ hau háu nhìn tôi, đôi mắt đầy lo lắng, chăm chú nhìn tôi, dõi theo tôi từng động tác bơi lên, ngụp xuống. Ánh mắt nó như muốn bảo rằng: “Cậu Bin ơi, cố lên nhé! Cẩn thận đấy!”

Rồi bỗng nhiên, tôi đang bơi thì chân tôi đau quá, rất khó cử động, tôi rướn lên mà người cứ chìm xuống....Tôi thấy trời đất tối om...sự hãi vô cùng.

Không hiểu điều gì đang diễn ra với mình, tôi cố gắng mở mắt nhìn xung quanh. Đông người vây quanh tôi lắm. Những tiếng nói nhốn nháo vang lên “May quá!”, “Tỉnh rồi!”, “Không sao rồi!”, “Lạy chúa tôi!”....Tôi mơ màng trong vòng tay của bố tôi, trong đôi mắt đẫm lệ của mẹ. Mấy ngày sau, tôi khỏe lại bình thường. Mẹ tôi kể lại rằng tôi đã thoát được lưỡi hái tử thần là nhờ vào Milo. Lúc thấy tôi chìm xuống, Milo từ trên bờ đã lao xuống dòng nước. Cậu ta nhanh nhẹn đẩy tôi vào bờ, nếu không thì ...chẳng biết điều tồi tện nào đã xảy ra. Còn đám bạn của tôi, ai cũng mải bơi nên khi biết tôi bị đuối nước thì Milo đã cho tôi vào bờ.

Sau lần ấy, tình cảm giữa tôi và Milo càng gắn bó. Nó trở thành người bạn thân thiết của tôi. Còn tôi, tôi không chỉ yêu thương nó, mà còn cảm thấy ở bên nó như bên một người bạn thân thiết, hiểu mình. Những lúc rảnh, tôi thường tắm táp, bắt giận cho nó. Thỉnh thoảng cho nó đi dạo. Milo không chỉ trông nhà, bắt chuột, mà còn trở thành một thành viên của cả gia đình. Tôi nhận ra những tình cảm với những con vật nhỏ bé làm cho cuộc sống đầy đủ, ý nghĩa hơn, trọn vẹn hơn.

Tôi hi vọng, qua kỉ niệm của tôi với Milo, mọi người thêm yêu quý loài chó. Bởi chúng là bạn tốt của con người. Mọi người hãy yêu quý, chăm sóc và bảo vệ những chú chó - ngườcủa mình.

**ĐỀ SỐ 02:**

**MA TRẬN ĐỀ**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ** **NLĐG** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng thấp** | **Vận dụng cao** | **Cộng** |
| **I. Đọc- hiểu**  **Ngữ liệu**: văn bản tự sự.  **Tiêu chí lựa chọn ngữ liệu:**  Một văn bản dài dưới 150 chữ tương đương với một đoạn văn bản được học chính thức trong chương trình. | - Xác định ngôi kể.  - Chỉ ra việc làm của các nhân vật. | - Nêu tác dụng của ngôi kể  - Cảm nhận về cuộc sống của các nhân vật; nhân vật “tôi” | - Nêu suy nghĩ cần làm gì để có tình bạn đẹp |  |  |
| Số câu  Số điểm  Tỉ lệ % | 1  0,5  5% | 2  1,5  15% | 1  1,0  10% |  | 4  3  30% |
| **II. Tạo lập văn bản**  Viết đoạn văn/ bài văn theo yêu cầu |  |  | Viết 1 đoạn văn nghị luận nêu suy nghĩ về ý nghĩa của tình bạn với cuộc sống chúng ta. | Kể lại một kỉ niệm của em với thầy cô hoặc bạn bè ở trường tiểu học. |  |
| Số câu  Số điểm  Tỉ lệ % |  |  | 1  2,0  20% | 1  5  50% | 2  7  70% |
| Tổng số câu  Số điểm toàn bài  Tỉ lệ % điểm toàn bài | 2  1,25  12,5% | 1  0,75  7,5% | 2  3,0  30% | 1  5  50% | 6  10  100% |

**ĐỀ BÀI**

**I. Đọc hiểu văn bản (3.0 điểm)**

**Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:**

*Tôi vẫn tiếp tục chơi với ba đứa bé kia và quan hệ giữa tôi với chúng càng ngày càng trở nên thích thú. Trong một ngách hẹp giữa bức tường nhà tôi và hàng rào nhà Ốp-xi-an-ni-cốp có một cây du, một cây bồ đề và một bụi hương mộc rậm rạp. Nấp sau bụi cây đó tôi khoét một lỗ hổng hình bán nguyệt ở hàng rào. Mấy đứa con lão quý tộc, lần lượt từng đứa hoặc hai đứa một, lại gần, và chúng tôi ngồi xổm hoặc quỳ nói chuyện khe khẽ với nhau. Một đứa trong số ba anh em chúng phải luôn luôn đứng canh để đề phòng lão đại tá bất chợt bắt gặp chúng tôi. Chúng kể cho tôi nghe cuộc sống buồn tẻ của chúng, và những chuyện đó làm tôi rất buồn. Chúng kể cho tôi nghe về những con chim tôi bẫy được đang sống như thế nào và nhiều chuyện trẻ con khác, nhưng tôi nhớ lại thì không bao giờ chúng nói một lời nào về dì ghẻ và bố chúng. Thường thì chúng chỉ đề nghị tôi kể chuyện cổ tích. Tôi kể lại những chuyện mà bà tôi đã kể, và nếu quên chỗ nào thì tôi bảo chúng đợi, rồi chạy về nhà hỏi lại bà tôi. Điều đó thường làm cho bà tôi rất hài lòng. Tôi cũng kể cho chúng nhiều chuyện về bà tôi. Một hôm thằng lớn thở dài và nói:*

*- Có lẽ tất cả các bà đều rất tốt, bà mình trước cũng rất tốt...*

*Nó thường nói một cách buồn bã như vậy: ngày trước, trước kia, đã có lúc... dường như nó đã sống trên trái đất này một trăm năm, chứ không phải mười một năm. Tôi còn nhớ nó có đôi bàn tay nhỏ, những ngón tay thon thon và người nó mảnh dẻ, yếu ớt, cặp mắt nó rất sáng, nhưng dịu dàng như ánh sáng của những ngọn đèn trong nhà thờ. Hai em nó cũng rất đáng yêu, và cũng gây cho tôi một sự tin cậy hoàn toàn. Tôi luôn luôn muốn làm cho chúng vui thích, nhưng tôi ưa thằng lớn hơn cả”.*

*(*Trích *Thời thơ ấu –* Maxim Gorki*)*

**Câu 1.** ( 0.5 điểm). Xác định ngôi kể và nêu tác dụng của ngôi kể.

**Câu 2. (0.75 điểm. Chỉ ra những việc làm của nhân vật tôi và mấy đứa bé hàng xóm trong đoạn trích trên. Qua lời kể của nhân vật “tôi”, em có cảm nhận gì về cuộc sống của 3 đứa bé con nhà lão quý tộc** Ốp-xi-an-ni-cốp **?**

**Câu 3. (0.75 điểm). Qua cách đối xử của nhân vật “tôi” với mấy đứa bé hàng xóm, em thấy nhân vật “tôi” là người như thế nào?**

**Câu 4. (1.0 điểm). Theo em, cần làm gì để có một tình bạn đẹp?**

**II. Làm văn (7.0 điểm)**

**Câu 1.** (2.0 điểm). Từ đoạn trích đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 5 – 7 câu) nêu suy nghĩ của em về ý nghĩa của tình bạn với cuộc sống chúng ta.

**Câu 2.** (5.0 điểm). Kể lại một kỉ niệm sâu sắc của em với thầy cô, bạn bè khi học ở trường tiểu học.

**ĐÁP ÁN HƯỚNG DẪN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phần I. Đọc – hiểu văn bản (3.0 điểm)** | | |
| ***Câu 1*** | * Ngôi kể thứ nhất * Tác dụng: Giúp cho câu chuyện kể được chân thực, có phần tin cậy hơn.   Mỗi ý được 0.25 đ | 0.5 |
| ***Câu 2*** | - Những việc làm của nhân vật *tôi* và những đứa bé trong đoạn trích:  + Vượt qua mọi sự ngăn cách để được trò chuyện khe khẽ với nhau  + Những đứa bé kể cho nhân vật “tôi” nghe về cuộc sống buồn tẻ của chúng, câu chuyện về những con chim.  + Nhân vật “tôi” kể cho những đứa bé nghe những câu chuyện cổ tích được bà kể cho nghe.  - Cuộc sống của 3 đứa bé con nhà lão quý tộc Ốp-xi-an-ni-cốp:  Cuộc sống nhàm chán, buồn tẻ, thiếu sự quan tâm, chăm sóc của bố và dì ghẻ; bị ngăn cấm, mất tự do; không được hưởng hạnh phúc của tuổi thơ.  - Trả lời như đáp án (chấp nhận cách diễn đạt tương đương): 0.75 đ  - Trả lời đúng 01 ý : 0.5 đ | 0.75 |
| ***Câu 3*** | **Qua cách đối xử của nhân vật “tôi” với mấy đứa bé hàng xóm, ta thấy nhân vật “tôi”** tuy còn nhỏ nhưng đã biết thương người, biết an ủi, san sẻ nỗi bất hạnh của các bạn gần như cùng cảnh ngộ.  Chấp nhận cách diễn đạt khác. | 0.75 |
| ***Câu 4*** | Để có một tình bạn đẹp, chúng ta cần:  - Tin cậy lẫn nhau.  - Đối xử với nhau chân thành, không vụ lợi.  - Biết lắng nghe quan tâm, sẻ chia lúc vui cũng như lúc buồn.  - Biết đặt mình vào đối phương, nói lời xin lỗi khi cần. | 1.0 |
| **Phần III. Làm văn ( 6,0 điểm)** | | |
| ***Câu 1***  ***(1.5 điểm)*** | *a. Đảm bảo thể thức, dung lượng yêu cầu của một đoạn văn .* | 0,25 |
| *b. Xác định đúng nội dung chủ yếu đoạn văn:* suy nghĩ về ý nghĩa của tình bạn với cuộc sống chúng ta. | 0,25 |
| c.*Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn*: HS có thể trình bày đoạn văn theo nhiều cách. Sau đây là gợi ý  - Giúp ta học hỏi được những điểm tốt của nhau để hoàn thiện bản thân hơn mỗi ngày.  - Khi gặp khó khăn, bạn bè sẽ giúp đỡ những điều kiện vật chất, quan tâm, chia sẻ, bàn cách giải quyết để giúp ta vượt qua khó khăn, chông chênh.  - Trong tình cảm, bạn bè sẽ chia sẻ tình cảm vui buồn, chắp cánh ước mơ trong cuộc sống. Tình bạn chân thành sẽ tạo nên sức mạnh tinh thần cho mỗi người vui sống, mang lại hạnh phúc cho con người.  … | 0,5 |
| *d. Sáng tạo: Cách diễn đạt độc đáo, sâu sắc* | 0,25 |
| *e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt.* | 0,25 |
| ***Câu 2***  ***(4.5 điểm)*** | **a.** *Đảm bảo cấu trúc của một bài văn tự sự :* Bài viết có bố cục chặt chẽ, rõ ràng, sắp xếp hệ thống mạch lạc, chính xác. | 0.25 |
| **b.** *Xác định đúng yêu cầu bài viết:* Kể lại kỉ niệm của em với thầy cô, bạn bè khi học ở trường tiểu học. | 0.25 |
| *c.Triển khai bài viết:* Có thể triển khai theo hướng sau:  + **Mở bài**: Nêu khái quát về kỉ niệm em định kể.  + **Thân bài**: Kể chi tiết, cụ thể về kỉ niệm ấy bằng cách làm rõ các nội dung sau:   * Nêu **địa điểm và thời gian** xảy ra câu chuyện, các **nhân vật** liên quan. * Kể lại **diễn biến** câu chuyện từ bắt đầu đến kết thúc; chú ý các sự việc, hành động, ngôn ngữ,... đặc sắc, đáng nhớ. * Nêu **điều đặc biệt** làm em nhớ hay vui buồn, xúc động.   + **Kết bài**:   * Nêu **cảm nghĩ** của em về kỉ niệm hoặc bài học rút ra từ kỉ niệm ấy. * Nói lên **mong ước** từ kỉ niệm ấy.   **Tham khảo bài viết ở phần ôn tập Viết và Nói nghe** | 3.5 |
| **d.** *Sáng tạo:* Cách diễn đạt độc đáo, mới mẻ. | 0,25 |
| **e.** *Chính tả, dùng từ, đặt câu:* Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt. | 0,25 |

**Hoạt động : Vận dụng**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học (chủ đề) để vận dụng vào thực tế.

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân ở nhà để hoàn thành yêu cầu của GV

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

GV giao đề bài về nhà để HS hoàn thành cá nhân.

**Đề bài đọc hiểu:**

**Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**

“*[…] Đã đến đêm hai mươi bốn tháng chạp tây rồi. Em gái tôi vẫn nhởn nhơ chơi đùa. Nó hí hửng săn đón tụi bạn học cũ để hỏi tiền chúng ăn quà chịu của nó và mua thêm ít hoa quả như bưởi, khế, hột sắn để sáng mai ra cổng trường bà Sờ ngay bên cạnh nhà bán tranh với tụi hàng quà. Cô tôi đi đánh chắn vắng. Bà tôi ở nhà nhưng không thèm hỏi gọi đến tôi. Mười giờ hơn, tôi lẳng lặng ra đi, vận áo chùng thâm, đầu trần, chân không. […]. Mặc có bộ quần áo chúc bâu mỏng và chiếc áo chùng thâm đã toạc vai, tôi thấy khí lạnh thấm vào da thịt càng tê buốt, và mỗi lần gió đông như ngọn roi quất nhanh qua mặt, tôi tưởng như hai gò má bị một lưỡi dao sắc cứa dài. Đi lại mãi, hơn mười vòng chung quanh nhà thờ rồi, và len lỏi bao nhiêu lượt vào các đám đông, hai ống chân tôi đã mỏi rời. Tiếng chuông bỗng nổi dậy. Rồi cả bầu trời rung chuyển lên bởi những vang động dồn dập đổ hồi. Cửa nhà thờ đã mở rộng. Một vòm chói lòa ánh sáng đèn nến và ánh ngời của thủy tinh, của pha-lê và của vàng son tỏa ra. Tây đầm đi vào trước. Cả bầu đoàn, vú bế, vú dắt, chị hai, chị khâu, bé con cầm áo choàng và làn mây dựng đầy bánh kẹo hoa quả, ríu rít theo sau. […] Vượt nhanh khỏi mấy bực thềm đá, tôi cố gắng lách mình qua một chặng người để có thể nhìn thấy bàn thờ nhưng không sao được.*

*Đã đến thế, mỗi lần tôi rúc đầu lách mình vào các đám đông hôi hám ở ngoài cùng ấy thì lại bị một người trong bọn đẩy xuống nếu không phải một cái cốc lỗ đầu. Dần dần tôi mất cả cái hứng thú xem cử lễ. Dần dần tôi thấy sự lạnh lẽo thấm thía hơn. Dần dần tôi cảm thấy một cách chua cay bên sự trơ trọi hèn hạ của tôi, một đứa trẻ côi cút cùng khổ, có bao nhiêu người vui sướng, say sưa, chỉ chạm đến họ tôi cũng không dám. Tiếng đàn sáo ca hát càng dướn lên, dồn dập tưng bừng. Nhưng tôi đã bước khỏi cái bậc cuối cùng của cái sàn đá cũng kín người- những người nhà quê đến chậm. Tôi lủi thủi đi ngược lên phía trên rồi ngoặt ra con đường trung tâm của thành phố, có khu vườn cây, vườn hoa và những chuồng chim mọi ngày tôi thường tha thẩn ở đây và đi qua đây. Tôi không về nhà”*.

(Trích **chương 5**-***Đêm Noen, Những ngày thơ ấu***, Nguyên Hồng)

**Câu 1**. Xác định các phương thức biểu đạt trong đoạn trích.

**Câu 2.** Tìm những chi tiết miêu tả ngoại hình của nhân vật “tôi” trong đêm Noen.

**Câu 3.** Em hiểu gì về tâm trạng của nhân vật tôi trong đêm Noen đó?

**Câu 4.** Theo em, ở tuổi đi học, trẻ em cần những gì?

* **B2: Thực hiện nhiệm vụ**: HS về nhà hoàn thiện, trả lời các câu hỏi của đề đọc hiểu vận dụng.
* **B3: Báo cáo, thảo luận**
* **B4: Đánh giá, chốt kiến thức**

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1**: Các phương thức biểu đạt: Tự sự, miêu tả, biểu cảm.

**Câu 2**: Những chi tiết miêu tả ngoại hình của nhân vật “tôi” trong đêm Noen:

+ *vận áo chùng thâm, đầu trần, chân không*

*+ mặc có bộ quần áo chúc bâu mỏng và chiếc áo chùng thâm đã toạc vai, khí lạnh thấm vào da thịt càng tê buốt, và mỗi lần gió đông như ngọn roi quất nhanh qua mặt, hai gò má như bị một lưỡi dao sắc cứa dài.*

**Câu 3:**Tâm trạng của nhân vật “tôi” trong đếm Noen: thấy lạc lõng, cô đơn trong bầu không khí đông đúc, giàu sang của bào người dự lễ; cảm thấy tủi hổ, cay đắng về thân phận của mình.

**Câu 4:** HS đưa được ra ý kiến riêng, phù hợp là được.

Có thể nêu: Ở tuổi cắp sách đến trường, em nghĩ tuổi thơ cần được:

- Sống trong tình yêu thương, chăm sóc, che chở của người thân, cần một gia đình đúng nghĩa.

- Cần được vui chơi, nô đùa, được đến trường học hành.

- Cần được quan tâm chăm sóc về vật chất và tinh thần.

**Hướng dẫn tự học**

**GV yêu cầu HS:**

- Tìm đọc và tham khảo các tài liệu liên quan đến nội dung bài học.

- Học bài ở nhà, ôn tập các nội dung đã học.

- Làm hoàn chỉnh các đề bài.

|  |  |
| --- | --- |
| **BÀI 4**  *Ngày soạn ..................*  *Ngày dạy:...................* | **ÔN TẬP VĂN NGHỊ LUẬN** |

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

Ôn tập các đơn vị kiến thức của bài học 4:

- Ôn tập hệ thống hóa kiến thức của các văn bản văn nghị luận: một số yếu tố hình thức (ý kiến, kí lẽ, bằng chứng,...),... nội dung (đề tài, vấn đề, tư tưởng, ý nghĩa,...) của các văn bản nghị luận văn học.

- Ôn tập kiến thức về nghĩa của một số thành ngữ thông dụng và dấu chấm phẩy trong đọc, viết, nói và nghe.

- Ôn tập cách viết đoạn văn ghi lại cảm xúc khi đọc một bài thơ lục bát.

- Ôn tập cách trình bày ý kiến về một vấn đề.

**2. Năng lực:**

+*Năng lực chung*:Tự chủ và tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo

+*Năng lực chuyên môn*: Năng lực ngôn ngữ (đọc – viết – nói và nghe); năng lực văn học.

**3. Phẩm chất:**

- Trân trọng các giá trị văn học nước nhà.

- Ham tìm hiểu văn học để nâng cao hiểu biết.

- Có ý thức ôn tập nghiêm túc.

**B. PHƯƠNG TIỆN VÀ HỌC LIỆU**

**1.Học liệu**:

- Tham khảo SGV, SGK Ngữ văn 6 Cánh diều.

- Tài liệu ôn tập bài học.

**2. Thiết bị và phương tiện:**

- Sưu tầm tranh ảnh, tư liệu có liên quan đến bài học.

- Sử dụng ngôn ngữ trong sáng, lành mạnh.

- Sử dụng máy chiếu/tivi kết nối wifi

**C.PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT DẠY HỌC**

**- Phương pháp**: Thảo luận nhóm,động não, dạy học giải quyết vấn đề, thuyết trình, đàm thoại gợi mở, dạy học hợp tác... .

**- Kĩ thuật**: Sơ đồ tư duy, phòng tranh, chia nhóm, đặt câu hỏi, khăn trải bàn,...

**D.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC THEO CHỦ ĐỀ**

**Hoạt động 1 : Khởi động**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế bước vào giờ ôn tập kiến thức.

**b. Nội dung hoạt động:** HS hoàn thành Phiếu học tập

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

GV yêu cầu HS hoàn thành Phiếu học tập 01: Viết theo trí nhớ những nội dung của bài học 04: Văn nghị luận

Thời gian: 03 phút. Làm việc cá nhân



|  |  |
| --- | --- |
| **KĨ NĂNG** | **NỘI DUNG CỤ THỂ** |
| Đọc – hiểu văn bản | Văn bản 1:…………………………………………………………………………………….. |
| Văn bản 2: ……………………………………………………………………………………. |
| Thực hành đọc hiểu: Văn bản……………………………………………………….. |
| Thực hành tiếng Việt: ………………………………………………………………….. |
| Viết | ……………………………………………………………………………………………………… |
| Nói và nghe | …………………………………………………………………………………………………….. |

**PHIẾU HỌC TẬP 01**

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS làm việc cá nhân, hoàn thành phiếu học tập 01.

**B3: Báo cáo sản phẩm học tập:**

* GV gọi 1 số HS trả lời nhanh các nội dung của Phiếu học tập.

**B4: Đánh giá, nhận xét**

- GV nhận xét, khen và biểu dương các HS phát biểu , đọc bài tốt.

- GV giới thiệu nội dung ôn tập:

|  |  |
| --- | --- |
| **KĨ NĂNG** | **NỘI DUNG CỤ THỂ** |
| Đọc – hiểu văn bản | **Đọc hiểu văn bản:**  ***+Văn bản 1:*** *Nguyên Hồng- nhà văn của những người cùng khổ* (Nguyễn Đăng Mạnh) |
| ***+ Văn bản 2:*** *Vẻ đẹp của một bài ca dao (*Hoàng Tiến Tựu) |
| **Thực hành Tiếng Việt:** ý nghĩa và tác dụng của thành ngữ và dấu chấm phẩy. |
| **Thực hành đọc hiểu**:  ***+ Văn bản:*** *Thánh Gióng – tượng đài vĩnh cửu của lòng yêu nước* (Bùi Mạnh Nhị) |
| Viết | **Viết:** Viết đoạn văn nêu cảm nghĩ về một bài thơ lục bát. |
| Nói và nghe | **Nói và nghe:** Trình bày ý kiến về một vấn đề. |

**Hoạt động 2: Nhắc lại kiến thức cơ bản**

**a.Mục tiêu**: Giúp HS ôn tập, nắm chắc các đơn vị kiến thức của bài học 4.

**b. Nội dung hoạt động:** Vận dụng các phương pháp đàm thoại gợi mở, hoạt động nhóm để ôn tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân hoặc sản phẩm nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

* GV hướng dẫn HS ôn lại các đơn vị kiến thức cơ bản bằng phương pháp hỏi đáp, đàm thoại gợi mở; hoạt động nhóm,
* HS lần lượt trả lời nhanh các câu hỏi của GV các đơn vị kiến thức cơ bản của bài học 4.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

* HS tích cực trả lời.
* GV khích lệ, động viên

**B3: Báo cáo sản phẩm**

* HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV.
* Các HS khác nhận xét, bổ sung.

**B4: Đánh giá, nhận xét**

GV nhận xét, chốt kiến thức

**ÔN TẬP ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

✪ **KIẾN THỨC CHUNG VỀ VĂN NGHỊ LUẬN**

**I. Định nghĩa**: Văn bản nghị luận là loại văn bản nhằm thuyết phục người đọc, người nghe về một vấn đề nào đó.

**II.** **Phân loại:** Các dạng văn nghị luận :

- Nghị luận văn học:  là văn bản nghị luận bàn về các vấn đề văn học.

- Nghị luận xã hội: là văn bản nghị luận về các vấn đề thuộc các lĩnh vực xã hội, chính trị, đạo đức, chân lý đời sống, gồm hai dạng chính:

+ Nghị luận về một tư tưởng đạo lí

+ Nghị luận về một hiện tượng đời sống

**III. Đặc điểm của văn nghị luận**

Khi nhắc tới một bài văn nghị luận là ta nhắc tới tính thuyết phục và chặt chẽ trong hệ thống lí lẽ và dẫn chứng để làm sáng tỏ một ý kiến được đưa ra.

- ***Ý kiến*** thường là một nhận xét mang tính khẳng định hoặc phủ định thường nêu ở nhan đề hoặc mở đầu bài viết.

- ***Lí lẽ*** thường tập trung nêu nguyên nhân, trả lời các câu hỏi: *Vì sao?, Do đâu?*

- Bằng chứng (dẫn chứng) thường là các hiện tượng, số liệu cụ thể nhằm minh họa, làm sáng tỏ cho lí lẽ.

**IV. Cách đọc hiểu văn bản nghị luận:**

**1. Nhận biết thành phần của văn bản nghị luận**

- Cần nhận biết phương thức biểu đạt: Phương thức biểu đạt chính là nghị luận. Nhưng bên cạnh đó phương thức biểu đạt nghị luận còn được kết hợp các phương thức khác nhằm thuyết phục người đọc như biểu cảm, tự sự, miêu tả...

- Nhận biết vấn đề nghị luận: Vấn đề nhà văn đưa ra bàn luận là vấn đề gì?

+ Vấn đề thể hiện qua nhan đề.

+ Các từ khóa lặp đi lặp lại.

- Nhận biết luận điểm: Luận điểm là quan điểm, tư tưởng, chủ trương mà người viết muốn biểu đạt. Luận điểm thường đứng ở đầu đoạn văn, hoặc cuối đoạn. Luận điểm thường là câu có tính chất khẳng định, hoặc phủ định.

- Nhận biết luận cứ: luận cứ là cơ sử để triển khai luận điểm. Luận cứ là lí lẽ và dẫn chứng.

- Nhận biết các thao tác lập luận: chứng minh, giải thích, so sánh, phân tích, bình luận, bác bỏ.

**2. Hiểu nội dung và hình thức văn bản**:

- Nội dung thể hiện qua ý nghĩa nhan đề, chủ đề, tư tưởng, thái độ, tình cảm của tác giả với vấn đề nghị luận.

- Hình thức thể hiện qua cách dùng từ, đặt câu, chi tiết, hình ảnh,

**3. Liên hệ văn bản với bối cảnh lịch sử và vận dụng văn bản vào đời sống:**

- Liên hệ với các tác giả, văn bản có mối qua hệ với chủ đề, đề tài...để thấy được nét đặc sắc của văn bản đó.

- Cần rút ra cho mình bài học gì để vận dụng vào thực tiễn đời sống.

✪ **VĂN BẢN ĐỌC HIỂU**

**\*GV hướng dẫn HS chốt các đơn vị kiến thức cơ bản của các văn bản đọc hiểu:**

**🞜 Ôn tập văn bản 1: *Nguyên Hồng- nhà văn của những người cùng khổ* (Nguyễn Đăng Mạnh**

1. **TÁC GIẢ NGUYỄN ĐĂNG MẠNH**

- **Quê quán**: Sinh ra tại Nam Định, nguyên quán Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

- **Vị trí**: Nguyễn Đăng Mạnh được coi là nhà nghiên cứu đầu ngành về văn học Việt Nam hiện đại và được phong tặng danh hiệu Nhà giáo Nhân dân.

**- Những công trình nghiên cứu nổi bật:**

+ Nhà văn, tư tưởng và phong cách (1979), Văn thơ Nguyễn ái Quốc – Hồ Chí Minh. Nxb Giáo dục 1994,

+ Nguyễn Tuân- Những bài giảng về tác gia văn học Việt Nam hiện đại,

+ Xuân Diệu- Những bài giảng về tác gia văn học Việt Nam hiện đại, *Những bài giảng về tác gia văn học Việt Nam hiện đại (2005)*, *Tuyển tập Nguyễn Đăng Mạnh (2006)*, *Tuyển tập phê bình văn học (2008)*

**II. VĂN BẢN: *Nguyên Hồng - nhà văn của những người cùng khổ***

**1.** **Xuất xứ**: Trích *Tuyển tập Nguyễn Đăng Mạnh*, tập 1, 2005.

**2.**  **Phương thức biểu đạt**: Nghị luận

**3**. **Nội dung chủ yếu**: Tác giả Nguyễn Đăng Mạnh đã chứng minh Nguyên Hồng là nhà văn nhạy cảm, khao khát tình yêu thường và đồng cảm với những người cùng khổ nhất trong xã hội cũ. Sự đồng cảm và tình yêu người đặc biệt ấy xuất phát từ chính hoàn cảnh xuất thân và môi trường sống của ông.

- Nguyên Hồng xứng đáng được coi là nhà văn của những người cùng khổ.

**4. Đặc sắc nghệ thuật**

- Hệ thống lí lẽ sắc bén; dẫn chứng chân thực, thuyết phục.

- Sử dụng một số biện pháp tu từ: liệt kê, so sánh, điệp.

1. **ĐỊNH HƯỚNG PHÂN TÍCH VĂN BẢN**

**1. Dàn ý**

**1.1. Nêu vấn đề:** giới thiệu tác giả, xuất xứ văn bản, và vấn đề bàn luận của văn bản

**1.2. Giải quyết vấn đề:**

**\* Khái quát về văn bản:** bố cục văn bản, trình tự lập luận, phương thưc biểu đạt,...

**\* Hệ thống luận điểm, luận cứ cơ bản:**

**a. Nguyên Hồng là con người nhạy cảm**

- Nguyên Hồng rất dễ xúc động, rất dễ khóc*:*

+ *Khóc khi nhớ đến bạn bè, đồng chỉ từng chia bùi sẻ ngọt.*

*+ Khóc khi nghĩ đến đời sống khổ cực của nhân dân mình ngày trước.*

*+ Khóc khi nói đến công ơn của Tổ quốc, quê hương đã sinh ra mình, đến công ơn của Đảng, của Bác Hồ đã đem đến cho mình lí tưởng cao đẹp của thời đại.*

*+ Khóc khi kể lại những nỗi đau, oan trái của những nhân vật.*

→ Biện pháp tu từ: Liệt kê, điệp cấu trúc "Khóc khi...."

- Không biết Nguyên Hồng đã khóc bao nhiêu lần.

- Hình ảnh so sánh: Mỗi dòng chữ ông viết ra là một dòng nước mắt từ trái tim nhạy cảm

🡺 Tâm hồn nhạy cảm, dễ xúc động của Nguyên Hồng.

**b. Thời thơ ấu thiếu tình thương của Nguyên Hồng**

- Hoàn cảnh sống thời ấu thơ:

+ Mồ côi cha từ năm 12 tuổi.

+ Mẹ đi thêm bước nữa và thường làm ăn xa.

+ Sinh ra trong cuộc hôn nhân ép uổng.

→ Vì cảnh ngộ éo le, gia đình chồng khinh ghét nên mẹ không thể gần gũi Hồng.

- Sự cô đơn, bị khinh ghét:

+ Không được gần mẹ.

+ Phải sống nhờ vào bà cô cay nghiệt luôn có ý muốn chia rẽ tình cảm mẹ con Hồng.

+ Tủi thân và khao khát tình mẫu tử: "*Giá ai cho tôi 1 xu nhỉ…"Không! Không có ai cho tôi cả. Vì người ta có phải mẹ tôi đâu!".*

🡺 Tuổi thơ của Nguyên Hồng thiếu thốn tình cảm gia đình, khao khát cả vật chất lẫn tình thương nên hình thành trong ông tính nhạy cảm, dễ thông cảm với người bất hạnh.

**c. “Chất dân nghèo, chất lao động” ở nhà văn Nguyên Hồng**

- Hoàn cảnh sống cực khổ:

+ Từ thời cắp sách đến trường: lặn lội với đời sống dân nghèo để tự kiếm sống bằng những nghề nhỏ mọn, chung đụng với mọi hạng trẻ hư hỏng và các lớp cặn bã.

+ Năm 16, khi đến Hải Phòng: càng nhập hẳn với cuộc sống của hạng người dưới đáy thành thị.

- Tạo nên "chất dân nghèo, chất lao động":

+ Vẻ ngoài: thoạt đầu tiếp xúc không thể phân biệt với những người dân lam lũ hay những bác thợ cày nước da sạm màu nắng gió.

+ Lối sinh hoạt: thói quen ăn mặc, đi đứng, nói năng, thái độ giao tiếp, ứng xử, thích thú riêng trong ăn uống,...

➩ Chất dân nghèo, lao động thấm sâu vào văn chương ông.

**d. Thái độ, tình cảm của người viết**

- Đồng cảm với cuộc đời nhiều bất hạnh, đáng thương của nhà văn Nguyên Hồng.

- Bày tỏ tấm lòng trân trọng, ngợi ca những nét đẹp trong tâm hồn nhà văn, đặc biệt là tình yêu thương của Nguyên Hồng dành cho những người cùng khổ.

**1.3 Đánh giá khái quát .**

**a. Nghệ thuật**

- Hệ thống lí lẽ sắc bén; dẫn chứng chân thực, thuyết phục.

- Sử dụng một số biện pháp tu từ: liệt kê, so sánh, điệp.

**b. Nội dung**

- Qua văn bản *Nguyên Hồng - nhà văn của những người cùng khổ*, tác giả Nguyễn Đăng Mạnh đã chứng minh Nguyên Hồng là nhà văn nhạy cảm, khao khát tình yêu thường và đồng cảm với nững người cùng khổ nhất trong xã hội cũ. Sự đồng cảm và tình yêu người đặc biệt ấy xuất phát từ chính hoàn cảnh xuất thân và môi trường sống của ông.

- Nguyên Hồng xứng đáng được coi là nhà văn của những người cùng khổ

**2. Định hướng phân tích**

Nguyễn Đăng Mạnh là một nhà nghiên cứu đầu ngành của văn học Việt Nam. Văn bản*Nguyên Hồng - nhà văn của những người cùng khổ* là một phần trong công trình nghiên cứu của ông về nhà văn Nguyên Hồng. Bằng niềm đồng cảm, sự trân trọngvới Nguyên Hồng, Nguyễn Đăng Mạnh đã chứng minh Nguyên Hồng là nhà văn nhạy cảm, khao khát tình yêu thường và đồng cảm với những người cùng khổ nhất trong xã hội cũ. Nguyên Hồng xứng đáng được coi là nhà văn của những người cùng khổ

Văn bản có bố cục ba phần rõ ràng, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục.Phần đầu tác giả chứng minh **Nguyên Hồng là con người nhạy cảm; p**hần thứ hai ông làm sáng tỏ tuổi thơ thiếu tình thương của Nguyên Hồng; phần còn lại nói về hoàn cảnh sống cực khổ của Nguyên Hồng. Từ đó, Nguyễn Đăng Mạnh làm sáng tỏ được phẩm chất và những nét riêng biệt làm nên phong cách văn chương của Nguyên Hồng.

**Trước hết, Nguyễn Đăng Mạnh giúp người đọc hiểu Nguyên Hồng là con người nhạy cảm (rất dễ xúc động, rất dễ khóc).** Nguyên Hồng đã khóc biết bao lần! Khóc khi nhớ đến bạn bè, đồng chí từng chia bùi sẻ ngọt. Khóc khi nghĩ đến đời sống khổ cực của nhân dân mình ngày trước. *Khóc khi nói đến công ơn của Tổ quốc, quê hương đã sinh ra mình, đến công ơn của Đảng, của Bác Hồ đã đem đến cho mình lí tưởng cao đẹp của thời đại. Khóc khi kể lại những nỗi đau, oan trái của những nhân vật.* Tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ: liệt kê, điệp cấu trúc "*Khóc khi....",* hình ảnh so sánh *“ mỗi dòng chữ ông viết ra là một dòng nước mắt nóng bỏng từ trái tim vô cùng nhạy cảm của mình*”. Giọng văn thấm thía, xúc động với những câu văn có nhịp điệu, giàu hình ảnh, cách dùng từ ngữ có tính chất khẳng định, Nguyễn Đăng Mạnh làm nổi bật tâm hồn nhạy cảm, dễ xúc động của Nguyên Hồng. Chính sự nhạy cảm, dễ khóc, dễ xúc động là sợi dây kết nối tâm hồn Nguyên Hồng với bao số phận bất hạnh trong xã hội.

**Điều gì làm nên tính nhạy cảm, dễ thông cảm với những người bất hạnh của Nguyên Hồng?** **Một trong những lí do lớn mà tác giả Nguyễn Đăng Mạnh đưa ra là do nhà văn trải qua thời thơ ấu thiếu tình thương.** Đầu tiên phải nói đến hoàn cảnh sống thời ấu thơ của nhà văn đầy bất hạnh. Giọng văn lắng xuống xúc động khi Nguyễn Đăng Mạnh kể về hoàn cảnh cơ cực của chú bé Hồng trong tập hồi kí của nhà văn.Tập hồi kí chính là khúc tâm tình về tuổi thơ cay đắng của Nguyên Hồng. Đó là cảnh mồ côi cha từ năm 12 tuổi, mẹ đi thêm bước nữa và thường làm ăn xa, sinh ra trong cuộc hôn nhân ép uổng. Vì cảnh ngộ éo le, gia đình chồng khinh ghét nên mẹ Hồng không thể gần gũi Hồng.

Hơn nữa, thời thơ ấu của nhà văn Nguyên Hồng phải sồng trong sự cô đơn, bị khinh ghét: không được gần mẹ; phải sống nhờ vào bà cô cay nghiệt- luôn có ý muốn chia rẽ tình cảm mẹ con Hồng.Nguyên Hồng tủi thân và khao khát tình mẫu tử: "*Giá ai cho tôi một xu nhỉ…"Không! Không có ai cho tôi cả. Vì người ta có phải mẹ tôi đâu!".* Tuổi thơ của Nguyên Hồng thiếu thốn tình cảm gia đình, khao khát cả vật chất lẫn tình thương nên hình thành trong ông tính nhạy cảm, dễ thông cảm với người bất hạnh.

**Một lí do quan trọng khác để khẳng định Nguyên Hồng là nhà văn của nhân dân lao động chính là *“chất dân nghèo, chất lao động*” ở nhà văn.** “*Chất dân nghèo*” ấy là do hoàn cảnh sống cực khổ của nhà văn. Từ thời cắp sách đến trường: lặn lội với đời sống dân nghèo để tự kiếm sống bằng những nghề nhỏ mọn, chung đụng với mọi hạng trẻ hư hỏng và các lớp cặn bã. Năm 16, khi đến Hải Phòng: càng nhập hẳn với cuộc sống của hạng người dưới đáy thành thị. Điều đó tạo nên "*chất dân nghèo, chất lao động*". Ngay vẻ ngoài của nhà văn Nguyên Hồng cũng thấm đẫm chất lao động thoạt đầu tiếp xúc không thể phân biệt với những người dân lam lũ hay những bác thợ cày nước da sạm màu nắng gió. Rồi đến lối sinh hoạt như thói quen ăn mặc, đi đứng, nói năng, thái độ giao tiếp, ứng xử, thích thú riêng trong ăn uống,...cũng của người lao động nghèo. Chất dân nghèo, lao động thấm sâu vào văn chương ông. Mỗi trang văn của Nguyên Hồng được chắt ra từ cuộc đời và con người thực của ông. Nguyễn Đăng Mạnh dùng những cụm từ thật đắt như “*chất dân nghèo, chất lao động”*để bình luận, đánh giá sự hòa nhập giữa con người và phong cách sống và văn chương của Nguyên Hồng thật thấm thía. Chi tiết lời kể của bà Nguyên Hồng được đưa vào bài viết như một minh chứng sinh động nhất, gần gũi nhất giúp người đọc hình dung ra “*chất dân nghèo, chất lao động”*

Nhà nghiên cứu văn học Nguyễn Đăng Mạnh đã gửi vào bài viết của mình biết bao tình cảm yêu mến, đồng cảm và trân trọng với Nguyên Hồng. Ông đồng cảm với cuộc đời nhiều bất hạnh, đáng thương của nhà văn Nguyên Hồng. Từ bài viết, người đọc nhận thấy tác giảg biết ơn, ngợi ca những nét đẹp trong tâm hồn nhà văn Nguyên Hồng, đồng thời làm nổi bật tình yêu thương của Nguyên Hồng dành cho những người cùng khổ.

Tóm lại, văn *bản Nguyên Hồng- nhà văn của những người cùng khổ* là văn bản nghị luận đặc sắc.Vớihệ thống lí lẽ sắc bén; dẫn chứng chân thực, thuyết phục; sử dụng một số biện pháp tu từ: liệt kê, so sánh, điệp, giọng văn chân thành xúc động, Nguyễn Đăng Mạnh xứng đáng là nhà nghiên cứu đầu ngành của văn học hiện đại Việt Nam**.** Qua văn bản, tác giả Nguyễn Đăng Mạnh đã chứng minh Nguyên Hồng là nhà văn nhạy cảm, khao khát tình yêu thường và đồng cảm với những người cùng khổ nhất trong xã hội cũ. Sự đồng cảm và tình yêu người đặc biệt ấy xuất phát từ chính hoàn cảnh xuất thân và môi trường sống của ông. Nguyên Hồng xứng đáng được coi là nhà văn của những người cùng khổ.

✪ **ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 1**

**Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:**

*Ai từng tiếp xúc với Nguyên Hồng đều thấy rõ điều này: ông rất dễ xúc động, rất dễ khóc. Khóc khi nhớ đến bạn bè, đồng chí từng chia bùi sẻ ngọt; khóc khi nghĩ đến đời sống khổ cực của nhân dân mình ngày trước; khóc khi nói đến công ơn của Tổ quốc, quê hương đã sinh ra mình, đến công ơn của Đảng, của Bác Hồ đã đem đến cho mình lí tưởng cao đẹp của thời đại; khóc khi kể lại những nỗi đau, oan trái của những nhân vật là những đứa con tinh thần do chính mình “hư cấu” nên. . Ai biết được trong cuộc đời mình, Nguyên Hồng đã khóc bao nhiêu lần! Có thể nói mỗi dòng chữ ông viết ra là một dòng nước mắt nóng bỏng tình xót thương ép thẳng ra từ trái tim vô cùng nhạy cảm của mình.*

*(Nguyên Hồng- nhà văn của những người cùng khổ,* Nguyễn Đăng Mạnh*)*

**Câu 1**. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên?

**Câu 2**. Chỉ ra một thành ngữ và giải thích nghĩa của thành ngữ được tác giả sử dụng trong đoạn văn ?

**Câu 3**. Câu “*Khóc khi nhớ đến bạn bè, đồng chí từng chia bùi sẻ ngọt; khóc khi nghĩ đến đời sống khổ cực của nhân dân mình ngày trước; khóc khi nói đến công ơn của Tổ quốc, quê hương đã sinh ra mình, đến công ơn của Đảng, của Bác Hồ đã đem đến cho mình lí tưởng cao đẹp của thời đại; khóc khi kể lại những nỗi đau, oan trái của những nhân vật là những đứa con tinh thần do chính mình “hư cấu” nên.” d*ấu chấm phẩy được tác giả sử dụng mấy lần và có công dụng gì ?

**Câu 4**. Theo em, tình cảm và thái độ của tác giả Nguyễn Đăng Mạnh dành cho Nguyên Hồng trong đoạn văn trên như thế nào?

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1**. Đoạn văn bản trên sử dụng phương thức biểu đạt chính: Nghị luận

**Câu 2.** Thành ngữ tác giả sử dụng trong đoạn văn trên là: *Chia ngọt sẻ bùi*.

Nghĩa của thành ngữ c*hia ngọt sẻ bùi* là chia sẻ với nhau, cùng hưởng với nhau, không kể ít hay nhiều.

**Câu 3**. Câu văn “*Khóc khi nhớ đến bạn bè..do chính mình “hư cấu” nên.”.* dấu chấm phẩy được tác giả sử dụng 3 lần

Tác dụng:

- Đánh dấu ranh giới giữa các vế của câu ghép có cấu tạo phức tạp (nhiều vế, nhiều ý…)

- Đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận của phép liệt kê (liệt kê những lần Nguyên Hồng khóc).

Nhấn mạnh về một tâm hồn nhạy của nhà văn Nguyên Hồng: dễ khó, dễ xúc động.

**Câu 4**. Tình cảm và thái độ của tác giả Nguyễn Đăng Mạnh dành cho Nguyên Hồng trong đoạn văn trên là: đồng cảm, trân trọng một con người – một nhà văn có tuổi thơ bất hạnh và một tâm hồn cao đẹp.

✪ **ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 2**

**Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:**

*Cảnh ngộ ấy đã ném Nguyên Hồng vào môi trường những người cùng khổ nhất trong xã hội cũ. Ngay từ tuổi cắp sách đến trường, ông đã phải lăn lộn với đời sống dân nghèo để tự kiếm sống bằng những nghề “nhỏ mọn” nơi vườn hoa, cổng chợ, bến tàu, bến ô tô, bãi đá bóng…chung đụng với mọi hạng trẻ “hư hỏng” của các lớp “cặn bã”, tụi trẻ* *bán báo, bán xôi chè, bánh kẹo, hoa quả, bán các đồ chơi lặt vặt, đi ở bế con hay nhặt bóng quần, hoặc ăn mày, ăn cắp từ con cá, lá rau.*

*(Nguyên Hồng- nhà văn của những người cùng khổ,* Nguyễn Đăng Mạnh*)*

**Câu 1**. Xác định nội dung chính của đoạn văn ?

**Câu 2**. Theo tác giả, tuổi thơ của Nguyên Hồng lăn lộn, cơ cực như thế nào?

**Câu 3.** Theo em, những nơi, những công việc mà cậu bé Nguyên Hồng kiếm sống nói lên điều gì?

**Câu 4**. Ở tuổi cắp sách đến trường, em nghĩ tuổi thơ cần những gì?

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1**. Đoạn văn bản trên nói về tuổi thơ cơ cực, lang thang, bất hạnh của nhà văn Nguyên Hồng.

**Câu 2**.. Theo tác giả, tuổi thơ của Nguyên Hồng lăn lộn, cơ cực :

- Ông phải làm nhiều nghề cơ cực để kiếm sống: từ những nghề “nhỏ mọn” .

- Những nơi ông thường đến là nơi vườn hoa, cổng chợ, bến tàu, bến ô tô, bãi đá bóng…;

- Ông tiếp xúc với nhiều người với mọi hạng trẻ “hư hỏng” của các lớp “cặn bã”, tụi trẻ bán báo, bán xôi chè, bánh kẹo, hoa quả, bán các đồ chơi lặt vặt, đi ở bế con hay nhặt bóng quần, hoặc ăn mày, ăn cắp từ con cá, lá rau.

**Câu 3.** Theo em, những nơi, những công việc mà cậu bé Nguyên Hồng kiếm sống nói lên:

* Tuổi thơ cơ cực, thiếu thốn cả về vật chất và tinh thần của nhà văn Nguyên Hồng.

**Câu 4**. Ở tuổi cắp sách đến trường, em nghĩ tuổi thơ cần được:

- Sống trong tình yêu thương, chăm sóc, che chở của người thân, cần một gia đình đúng nghĩa.

- Cần được vui chơi, nô đùa, được đến trường học hành.

- Cần được quan tâm chăm sóc về vật chất và tinh thần.

(HS đưa được ra ý kiến riêng, phù hợp là được)

**Đề đọc hiểu ngoài SGK:**

✪ **ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 03: Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:**

Đọc thơ Lò Ngân Sủn ta như được khám phá những đỉnh núi xa thơ mộng và mãnh liệt. Vậy điều gì đã nuôi dưỡng và bồi đắp nên vẻ đẹp thơ mộng và mãnh liệt ấy trong thơ ông?

Trước khi trở thành nhà thơ, Lò Ngân Sủn là một người “con của núi”. Chú bé Lò Ngân Sủn sinh ra và lớn lên ở bản Qua, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. Từ nhỏ, chú bé ấy đã lắng nghe từng hơi thở của cỏ cây, hoa lá, của núi rừng biên cương, đã đắm mình trong vẻ đẹp hùng vĩ của sông suối, thác đổ, sườn non… nơi quê hương xứ sở:

Những đỉnh núi xa

Rừng thông gọi đàn dê hiện gọi mơ núi

Nâng niu hạt mạch

Rừng sa mộc vạm vỡ

Quay mình những vòng đường

(Đỉnh núi xa vùng mãnh liệt)

Khi lớn lên, thế giới của cậu bé sinh ra từ bản Qua chắc hẳn không chỉ giới hạn ở bản làng biên giới nữa. Mặt đất và bầu trời đã rộng mở, muôn dặm non sông từ bắc vào nam, từ miền ngược đến miền xuôi, từ đầu non đến bãi biển… đã ùa vào tâm hồn mộc mạc, thiết tha, phóng khoáng của Lò Ngân Sủn. Nhưng vùng đất Hoàng Liên Sơn hùng vĩ, miền biên cương phía Bắc của Tổ quốc vẫn là mảnh đất mẹ nuôi dưỡng, bồi đắp nên chất thơ hào sảng, trầm hùng và mãnh liệt của Chiều biên giới – bài thơ đã được phổ nhạc và trở thành một ca khúc đi cùng năm tháng:

Chiều biên giới em ơi

Có nơi nào cao hơn

Như đầu sông đầu suối

Như đầu mây đầu gió

Như quê ta ngọn núi

Như đất trời biên cương.

(Chiều biên giới)

Dù có đi khắp mọi nẻo đường, những sườn non, dốc núi, những miền thác đổ réo sôi, vắt vẻo như dây leo của quê hương vẫn là con đường quyến rũ nhất với người con của núi. Dường như đó cũng chính là con đường thơ ca của Lò Ngân Sủn:

Ta đi trên chín khúc Bản Xèo

con đường là cái hạt ta gieo

con đường là cái rễ lan tỏa

dệt nên hoa trái, tiếng chim ca

(Đi trên chín khúc Bản Xèo)

Không có tình yêu tha thiết với núi rừng, với quê hương, với “chồi non cỏ biếc”, với “đầu sông đầu suối”, với những “bậc thang mây”… chắc hẳn không thể có nhà thơ Lò Ngân Sủn với những câu thơ “vạm vỡ” mà âm vang như “con suối thác đổ”.

(Theo *Nhà thơ Lò Ngân Sủn – người con của núi*, Minh Khoa, báo giaoduc.net.vn, ngày 12/11/2020)

**Câu 1:** Vì sao nhà thơ Lò Ngân Sủn được tác giả bài viết gọi là "người con của núi”?

**Câu 2:** Xác định câu nêu vấn đề chính trong văn bản.

**Câu 3:** Những đoạn thơ được dẫn đóng vai trò gì trong bài viết?

**Câu 4a**: Từ văn bản đọc hiểu, em rút ra điều lưu ý nào khi tìm hiểu tác phẩm của một nhà thơ?

**Câu 4b:** Theo em, tình yêu quê hương có vai trò như thế nào với mỗi người? (trả lời trong khoảng 3 – 5 dòng)

**(Chọn một trong hai câu 4a hoặc 4b)**

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1**: Lò Ngân Sủn được tác giả bài viết gọi là "người con của núi” bởi ông sinh ra và lớn lên đắm mình trong hơi thở của cỏ cây, hoa lá núi rừng biên cương.

**Câu 2:** Câu văn nêu vấn đề chính: *Vậy điều gì đã nuôi dưỡng và bồi đắp nên vẻ đẹp thơ mộng và mãnh liệt ấy trong thơ ông?*

**Câu 3:** Những câu thơ đóng vai trò dẫn chứng trong bài viết.

**Câu 4a:** Khi tìm hiểu tác phẩm của một nhà thơ, chúng ta cần tìm hiểu những nét khái quát về một thông tin quan trong là quê hương của nhà thơ để rút ra những ảnh hưởng của quê hương đến hồn thơ tác giả.

**Câu 4b:** HS chia sẻ suy nghĩ

Ví dụ: Quê hương có ý nghĩa vô cùng quan trong trong đời sống mỗi người. Quê hương nuôi dưỡng, bồi đắp tâm hồn ta từ khi thơ ấu, là nơi chứng kiến bao bài học buồn vui, bao kỉ niệm yêu thương của mỗi người. Do đó, dù đi đâu, mỗi người cũng phải luôn hướng về quê hương.

**🞜 Ôn tập văn bản 2: *Vẻ đẹp của một bài ca dao* (Hoàng Tiến Tựu)**

1. **TÁC GIẢ HOÀNG TIẾN TỰU**

- **Quê quán**: Thanh Hóa.

- **Vị trí**:

+ Là nhà nghiên cứu hàng đầu về chuyên ngành Văn học dân gian.

+ Là thầy giáo - người dạy văn học bằng chính cảm xúc văn học; bằng cảm xúc chân thành nhất, giản dị nhất của trái tim mình.

- Công trình nghiên cứu lớn nhất của nhà phê bình Hoàng Tiến Tự là “Bình giảng ca dao”

**II. VĂN BẢN: *Vẻ đẹp của một bài ca dao***

**1.** **Xuất xứ**: Trích *Bình giảng ca dao* (1992).

**2.**  **Phương thức biểu đạt**: Nghị luận

**3**. **Nội dung:** Tác giả Hoàng Tiến Tựu đã nêu lên ý kiến của mình về vẻ đẹp của bài ca dao “*Đứng bên ni đồng ngó bên tê đồng…*” cả về nội dung và hình thức nghệ thuật.

**4. Đặc sắc nghệ thuật**

- Nghệ thuật lập luận xuất sắc với hệ thống lí lẽ và dẫn chứng chặt chẽ, thuyết phục; ngôn ngữ lập luận sắc bén.

- Có những tìm tòi, khám phá thú vị, mới mẻ đối tượng.

**III. ĐỊNH HƯỚNG PHÂN TÍCH VĂN BẢN**

**1. Dàn ý:**

**1.1. Nêu vấn đề:**

**-** Tác giả Hoàng Tiến Tựu là nhà nghiên cứu hàng đầu về chuyên ngành Văn học dân gian.

- Văn bản: “*Vẻ đẹp của một bài ca dao*” là bài viết đặc sắc của ông.

- Nội dung VB :Văn bản đã thể hiện sự tìm hiểu, phân tích vẻ đẹp của bài ca dao “Đứng bên ni đồng ngó bên tê đồng…” cả về nội dung và hình thức nghệ thuật của Hoàng Tiến Tựu.

**1.2. Giải quyết vấn đề:**

**\* Khái quát về văn bản:** bố cục văn bản, trình tự lập luận, phương thưc biểu đạt,...

**\* Hệ thống luận điểm, luận cứ cơ bản:**

**a. Khái quát vẻ đẹp của bài ca dao**

- Tác giả mở đầu bằng việc trích bài ca dao.

→ Cách vào đề trực tiếp.

- Nêu ra cái đẹp, cái hay của bài ca dao:

+ Hai cái đẹp: cánh đồng và cô gái thăm đồng. → Đều được miêu tả rất hay.

+ Cái hay: cái hay riêng, không thấy ở bất kì bài ca dao khác.

➩ Khẳng định bài ca dao đẹp, hay riêng

**b. Phân tích bố cục bài ca dao**

- Ý kiến của nhiều người: chia 2 phần (2 câu đầu - 2 câu cuối, hình ảnh cánh đồng - hình ảnh cô gái thăm đồng)

- Ý kiến tác giả: Không hoàn toàn như vậy.

+ Ngay 2 câu đầu, cô gái đã xuất hiện: cô gái đã miêu tả, giới thiệu rất cụ thể chỗ đứng cũng như cách quan sát cánh đồng.

+ Cụm từ "mênh mông bát ngát" được đặt vị trí cuối 2 câu đầu và có sự đảo vị trí.

→ Cô gái hiện lên năng động, tích cực: đứng bên ni đồng rồi lại đứng bên tê đồng, ngắm nhìn cảnh vật từ nhiều phía như muốn thâu tóm, cảm nhận cả cánh đồng bát ngát.

➩ Khẳng định ý kiến không nên chia 2 phần để phân tích.

**c. Phân tích hai câu đầu bài ca dao**

- Cả 2 câu đều không có chủ ngữ.

→ Người nghe đồng cảm, như cùng cô gái đi thăm đồng, cùng vị trí đứng và ngắm nhìn.

- Cảm giác về sự mênh mông, bát ngát cũng lan truyền sang người đọc một cách tự nhiên.

→ Cảm giác như chính bản thân cảm nhận và nói lên.

➩ Cái nhìn khái quát cảnh vật.

- Nghệ thuật:

+ Điệp từ, điệp cấu trúc "đứng bên ni đồng", "đứng bên tê đồng", "ngó", "bát ngát", "mênh mông".

+ Đảo ngữ.

**d. Phân tích hai câu cuối bài ca dao**

- Tập trung ngắm nhìn, quan sát, đặc tả "chẽn lúa đòng đòng" đang phất phơ dưới "ngọn nắng hồng ban mai". *Ngọn nắng* cũng được coi là một hoán dụ của Mặt Trời.

→ Miêu tả cảnh vật tươi đẹp của thiên nhiên, đất nước.

- Tả "chẽn lúa đòng đòng" trong mối liên hệ so sánh với cô gái đi thăm đồng.

→ Cô gái đến tuổi dậy thì, căng đầy sức sống.

- Cuối cùng khẳng định lại "Bài ca dao quả là bức tranh tuyệt đẹp và giàu ý tưởng".

➩ Cái nhìn chi tiết, bộ phận.

- Nghệ thuật:

+ So sánh: “Thân em” - “chẽn lúa đòng đòng”

+ Cách dùng từ ngữ độc đáo; “ngọn nắng”

**e. Tình cảm của người viết**

**- Qua bài nghị luận văn học, người đọc thấy được sự trân trọng, tìm tòi của tác giả Hoàng Tiến Tựu khi khám phá vẻ đẹp của bài ca dao của nhân dân lao động. Điều đó thể hiện niềm say mê, tình cảm trân trọng, gắn bó, yêu mến của nhà nghiên cứu đối với vốn văn học dân gian của dân tộc.**

**- Người đọc rút ra được bài học khi tìm hiều một bài ca dao:**

**+ Phải khám khá cả vẻ đẹp nội dung và hình thức của bài ca dao.**

**+ Chú ý đến bố cục của bài ca dao, các từ ngữ, hình ảnh đặc sắc,... . Tìm tòi, phát hiện ra những vẻ đẹp thú vị của bài ca dao, tránh sa vào cảm nhận theo lối mòn đã có trước đó.**

**1.3 Đánh giá**

**a. Nghệ thuật**

- Nghệ thuật lập luận xuất sắc với hệ thống lí lẽ và dẫn chứng chặt chẽ, thuyết phục; ngôn ngữ lập luận sắc bén.

- Có những tìm tòi, khám phá thú vị, mới mẻ về đối tượng.

**b. Nội dung**

Qua văn bản *Vẻ đẹp của một bài ca dao*, tác giả Hoàng Tiến Tựu đã nêu lên ý kiến của mình về vẻ đẹp cũng như bố cục của một bài ca dao.

**2. Định hướng phân tích văn bản**:

Hoàng Tiến Tựu (1933 - 1998), là nhà nghiên cứu hàng đầu về chuyên ngành Văn học dân gian. Văn bản “*Vẻ đẹp của một bài ca dao*” là bài viết đặc sắc thể hiện những tìm tòi, khám phá thú vị, mới mẻ của ông về bài ca dao “*Đứng bên ni đồng ngó bên tê đồng…”* . Với lập luận xuất sắc với hệ thống lí lẽ và dẫn chứng chặt chẽ, thuyết phục; ngôn ngữ lập luận sắc bén, Hoàng Tiến Tựu đã nêu lên ý kiến của mình về vẻ đẹp của bài ca dao cả về nội dung và hình thức nghệ thuật .

Trình tự lập luận rõ rành, các luận điểm mạch lạc, chặt chẽ, tạo sức hấp dẫn cao. Văn bản chia làm bốn phần, trước hết tác giả khái quát vẻ đẹp của bài ca dao ở cả nội dung và hình thức thể hiện. Phần thứ hai Hoàng Tiến Tựu nêu bố cục bài ca dao. Tiếp đến là phần phân tích bài ca dao. Phần phân tích tách làm hai ý, lần lượt là hai câu đầu rồi đến hai câu cuối bài ca dao.

**Trước hết, tác giả khái quát vẻ đẹp của bài ca dao**. Với cách vào đề trực tiếp, tác giả đã trích bài ca dao. Cách trích dẫn ấy, người đọc được đắm chìm trong những câu lục bát nhẹ nhàng của bài ca dao quen thuộc. Tác giả nêu ra cái đẹp, cái hay của bài ca dao dược chỉ ra rất cụ thể. Hai cái đẹp là “*cánh đồng và cô gái thăm đồng”* đều được miêu tả rất hay. Còn cái hay là “*cái hay riêng, không thấy ở bất kì bài ca dao khác*”. Với cách nhìn nhận ấy, tác giả khẳng định bài ca dao đẹp, hay riêng biệt không lẫn vào một bài ca dao nào trong kho tàng ca dao dân tộc.

**Hoàng Tiến Tựu đã nhìn vào bố cục bài ca dao để khám phá vẻ đẹp của nó**. Phân tích bố cục bài ca dao là một cách cảm nhận ca dao. Tác giả đi từ ý kiến của nhiều người thường chia bài ca dao làm hai phần (hai câu đầu - hai câu cuối, hình ảnh cánh đồng - hình ảnh cô gái thăm đồng) để đi đến cách khám phá mới mẻ và sáng tạo của mình. Theo tác giả không hoàn toàn như vậy. Bởi vì ngay hai câu đầu, cô gái đã xuất hiện, cô gái đã miêu tả, giới thiệu rất cụ thể chỗ đứng cũng như cách quan sát cánh đồng. Cụm từ *"mênh mông bát ngát*" được đặt vị trí cuối 2 câu đầu và có sự đảo vị trí. Cô gái hiện lên năng động, tích cực ‘*đứng bên ni đồng*” rồi lại “*đứng bên tê đồng”,* ngắm nhìn cảnh vật từ nhiều phía như muốn thâu tóm, cảm nhận cả cánh đồng bát ngát. Từ đó, ông khẳng định ý kiến không nên chia hai phần để phân tích. Với cách nhìn nhận đó, tác giả cho người đọc nhận ra cách nhìn đa chiều về tác phẩm văn học và mỗi người cần có những cách nhìn mới mẻ, chứ không dập khuôn theo lối mòn khi cảm nhận tác phẩm văn học.

**Phân tích bài ca dao chính là phần quan trọng nhất của quá trình tác giả tìm kiếm vẻ đẹp của nó. Trước tiên, tác giả Hoàng Tiến Tựu nêu cảm nhận của mình về hai câu đầu của bài ca dao. Sự phát hiện cấu trúc ngữ pháp của hai câu đầu** đều không có chủ ngữ, tác giả hình dung tưởng tượng ra cảnh cô gái đi thăm đồng, cùng vị trí đứng và ngắm nhìn. Cảm giác về sự mênh mông, bát ngát cũng lan truyền sang người đọc một cách tự nhiên. Cái nhìn khái quát cảnh vật nhờ vào những đặc sắc nghệ thuật của hai câu đầu là điệp từ, điệp cấu trúc, đảo ngữ *"đứng bên ni đồng", "đứng bên tê đồng", "ngó", "bát ngát", "mênh mông"*. Đây chính là cái tinh tế trong ngôn ngữ của bài ca dao này.

**Nét đẹp ở hai câu cuối bài ca dao** **là hình ảnh**. Tập trung ngắm nhìn, quan sát, đặc tả hình ảnh "*chẽn lúa đòng đòng"* đang phất phơ *dưới "ngọn nắng hồng ban mai*". *Ngọn nắng* chín là ánh ban mai tinh khôi trong trẻo của Mặt Trời. Miêu tả cảnh vật tươi đẹp của thiên nhiên, đất nước. Tả "*chẽn lúa đòng đòng*" trong mối liên hệ so sánh với cô gái đi thăm đồng. Cô gái đến tuổi dậy thì, căng đầy sức sống. Cuối cùng khẳng định lại *"Bài ca dao quả là bức tranh tuyệt đẹp và giàu ý tưởng*". Từ cái nhìn chi tiết và trí tưởng tưởng, niềm yêu mến tha thiết với thiên nhiên và con người, tác giả khám phá từng nghệ thuật của bài ca dao như so sánh: “Thân em” - “*chẽn lúa đòng đòng*”, cách dùng từ ngữ độc đáo “*ngọn nắng*”...

**Qua văn bản, người đọc thấy được sự trân trọng, tìm tòi của tác giả Hoàng Tiến Tựu khi khám phá vẻ đẹp của bài ca dao của nhân dân lao động. Điều đó thể hiện niềm say mê, tình cảm trân trọng, gắn bó, yêu mến của nhà nghiên cứu đối với văn học dân gian của dân tộc. Đọc văn bản, người đọc rút ra được bài học khi tìm hiều một bài ca dao là phải khám khá cả vẻ đẹp nội dung và hình thức của bài ca dao; chú ý đến bố cục của bài ca dao, các từ ngữ, hình ảnh đặc sắc,... .Mỗi chúng ta cần ý thức được rằng cảm nhận văn học cần phải có sự tìm tòi, phát hiện ra những vẻ đẹp mới mẻ của tác phẩm ấy.**

Tóm lại, văn bản “*Vẻ đẹp của một bài ca dao*” (Hoàng Tiến Tựu) là áng văn đặc sắc bàn về giá trị của một bài ca dao quen thuộc. Văn bản thành công ở nghệ thuật lập luận, với hệ thống lí lẽ và dẫn chứng sinh động, thuyết phục, ngôn ngữ lập luận sắc bén. Bài viết có những tìm tòi, khám phá thú vị, mới mẻ về đối tượng nghị luận. Tác giả đã khám phám n**hững vẻ đẹp thú vị của bài ca dao, tránh sa vào cảm nhận theo lối mòn đã có trước đó.**

✪ **ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 1:**

**Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:**

“Cả hai câu đầu đều không có chủ ngữ, khiến cho người nghe, người đọc rất dễ đồng cảm với cô gái, tưởng chừng như đang cùng cô gái đi thăm đồng, đang cùng cô “đứng bên ni đồng, ngó bên tê đồng…” và ngược lại. Nhờ vậy mà cái cảm giác về sự mênh mông, bát ngát của cánh đồng cũng lan truyền sang ta một cách tự nhiên và ta cảm thấy như chính mình đã trực tiếp cảm nhận và nói lên điều đó”.

*(Vẻ đẹp của một bài ca dao, Hoàng Tiến Tựu)*

**Câu 1**. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên ?

**Câu 2**. Theo tác giả, việc hai câu đầu của bài ca dao không có chủ ngữ đem lại hiệu quả nghệ thuật như thế nào?

**Câu 3.** Nội dung của đoạn văn trên?

**Câu 4**. Qua văn bản chứa đoạn văn, em hãy rút ra bài học gì về cách cảm nhận một tác phẩm trữ tình?

Gợi ý trả lời:

**Câu 1.** Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn: nghị luận

**Câu 2**.Theo tác giả, việc hai câu đầu của bài ca dao không có chủ ngữ đem lại hiệu quả nghệ thuật sau:

* Khiến cho người nghe, người đọc rất dễ đồng cảm với cô gái.
* cái cảm giác về sự mênh mông, bát ngát của cánh đồng cũng lan truyền sang ta một cách tự nhiên.

ta cảm thấy như chính mình đã trực tiếp cảm nhận và nói lên điều đó

**Câu 3.** Nội dung của đoạn văn: Ý kiến của tác giả về vẻ đẹp của hai câu đầu bài ca dao “Đứng bên ni đồng, ngó bên tê đồng......” là ở cấu trúc hai câu không có chủ ngữ.

**Câu 4**. Qua văn bản chứa đoạn văn, em hãy rút ra bài học về cách cảm nhận một tác phẩm văn học:

* C**ần phải có sự tìm tòi, phát hiện ra những vẻ đẹp mới mẻ của tác phẩm trên hai phương diện nội dung và nghệ thuật.**
* Muốn thế, phải trau dồi vốn sống, vốn hiểu biết về văn chương, phải chăm chỉ đọc sách báo...
* Phải hiểu được đặc trưng thể loại của tác phẩm
* Hiểu được tư tưởng, tình cảm mà tác giả gửi gắm trong tác phẩm

**( Câu 4 dành cho HS giỏi)**

✪ **ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 2:**

**Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:**

Nếu như hai câu đầu, cô gái đã phóng tầm mắt nhìn bao quát toàn bộ cánh đồng lúa quê hương để chiêm ngưỡng sự “bát ngát mênh mông”của nó, thì ở hai câu cuối, cô gái tập trung ngắm nhìn, quan sát và đặc tả riêng một “chẽn lúa đòng đòng” và liên hệ so sánh với bản thân mình một cách rất hồn nhiên:

*Thân em như chẽn lúa đòng đòng*

*Phất phơ dưới ngọn nắng hồng ban mai*

Hình ảnh *“chẽn lúa đòng đòng”* đang phất phơ trước làn gió nhẹ và *“dưới ngọn nắng hồng ban mai”* mới đẹp làm sao! Hình ảnh *“chẽn lúa đòng đòng*” tượng trưng cho cô gái đến tuổi dậy thì căng tràn sức sống. Hình ảnh “*ngọn nắng”* thật độc đáo. Có người cho rằng đã có “ngọn nắng” thì phải có “*gốc nắng”* và cái *“gốc nắng”* đó chính là Mặt Trời vậy.

*(Vẻ đẹp của một bài ca dao, Hoàng Tiến Tựu)*

**Câu 1.** Xác định các phương thức biểu đạt của đoạn văn?

**Câu 2** Từ ***ngọn*** trong “*ngọn nắng”* được dùng theo nghĩa gốc hay nghĩa chuyển? Em hãy lấy ba từ trong tiếng Việt cũng có cách dùng từ ***ngọn*** tương tự?

**Câu 3.** Xét về mục đích nói, câu: “Hình ảnh “*chẽn lúa đòng đòng*” đang phất phơ trước làn gió nhẹ và “*dưới ngọn nắng hồng ban mai” mới đẹp làm sao!”*dùng để bộc lộ cảm xúc trực tiếp hay gián tiếp của người viết? Dấu hiệu nào để em nhận biết điều đó?

**Câu 4.** Tác giả đã gửi gắm tình cảm gì với bài ca dao được phân tích?

**Câu 5.** Viết theo trí nhớ một bài ca dao cùng chủ đề với bài ca dao được phân tích trong đoạn văn.

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1.** Các phương thức biểu đạt của đoạn văn: nghị luận, kết hợp biểu cảm, miêu tả.

**Câu 2.** Từ ***ngọn*** trong “*ngọn nắng”* được dùng theo nghĩa chuyển.

Ba từ trong tiếng Việt cũng có cách dùng từ ***ngọn*** tương tự: ngọn khói, ngọn gió, ngọn sóng

**Câu 3.** Xét về mục đích nói, câu: “Hình ảnh “*chẽn lúa đòng đòng*” đang phất phơ trước làn gió nhẹ và “*dưới ngọn nắng hồng ban mai” mới đẹp làm sao!”*dùng để bộc lộ cảm xúc trực tiếp của người viết. Dấu hiệu mà em nhận biết đó là: có từ bộc lộ cảm xúc “*làm sao” và dấu chấm cảm kết thúc câu.*

**Câu 4.** Tác giả đã gửi gắm tình cảm của mình với bài ca dao được phân tích: yêu mến, gắn bó, tự hào.

**Câu 5.** HS viết được một bài ca dao thuộc chủ đề tình yêu quê hương đất nước đầy đủ là được.

**Đọc hiểu ngoài SGK:**

**Đề số 03:**

**Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:**

“ Bài ca dao gây ấn tượng đặc biệt ngay từ những dòng thơ đầu. Những dòng thơ này khác dòng thơ bình thường, được kéo dài tới 12 tiếng. Không những, hai dòng thơ lại dùng nhiều biện pháp tu từ như phép đối xứng (“đứng bên ni đồng- Đứng bên tê đồng, mênh mông bát ngát- bát ngát mênh mông”), điệp từ, điệp ngữ...Rồi những từ chỉ vị trí, địa điểm hồn nhiên, mộc mạc, đầy màu sắc địa phương. Tất cả gợi ra sự rộng dài to lớn của cánh đồng. Ngắm nhìn ở phía nào cũng thấy cánh đồng mênh mông vô tận. Ngường ngắm cảnh hay người đi thăm đồng hết “đứng bên ni” lại “đứng bên tê”, thay đổi vị trí quan sát như muốn ôm trọn cả cánh đồng vào đôi mắt. Cánh đồng không chỉ rộng lớn mênh mông mà còn rất đẹp, trù phú, đầy sức sống”

*(Trích Về bài ca dao Đứng bên ni đồng, ngó bên tê đồng...- Bùi Mạnh Nhị )*

**Câu 1**. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên ?

**Câu 2**. Tác giả đã chỉ ra những đặc sắc gì về nghệ thuật ở hai câu đầu của bài ca dao *“Đứng bên ni đồng, ngó bên tê đồng”?*

**Câu 3.** Bài viết đã thể hiện cảm xúc gì của tác giả khi đọc bài ca dao?

**Câu 4**. Qua văn bản chứa đoạn văn, em hãy rút ra bài học gì về cách cảm nhận một tác phẩm trữ tình?

Gợi ý trả lời:

**Câu 1.** Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn: nghị luận

**Câu 2.**Tác giả đã chỉ ra những đặc sắc về nghệ thuật ở hai câu đầu của bài ca dao *“Đứng bên ni đồng, ngó bên tê đồng”:*

* dòng thơ khác dòng thơ bình thường, được kéo dài tới 12 tiếng.
* dùng nhiều biện pháp tu từ như phép đối xứng (“đứng bên ni đồng- Đứng bên tê đồng, mênh mông bát ngát- bát ngát mênh mông”), điệp từ, điệp ngữ..
* dùng những từ chỉ vị trí, địa điểm hồn nhiên, mộc mạc, đầy màu sắc địa phương.

ta cảm thấy như chính mình đã trực tiếp cảm nhận và nói lên điều đó

**Câu 3.** Bài viết đã thể hiện cảm xúc của tác giả khi đọc bài ca dao:

- Tác giả viết về bài ca dao bằng cảm xúc rất chân thật nên dễ dàng tạo sự đồng điệu với người đọc.

- Bài viết chứa đựng cảm xúc và tình yêu văn học dân gian, tình yêu quê hương của tác giả Bùi Mạnh Nhị.

**Câu 4**. Qua văn bản chứa đoạn văn, em hãy rút ra bài học về cách cảm nhận một tác phẩm văn học:

* **Cần phải có sự tìm tòi, phát hiện ra những vẻ đẹp mới mẻ của tác phẩm trên hai phương diện nội dung và nghệ thuật.**
* Cần có cảm xúc chân thành, biết xúc động về vấn đề.
* Muốn thế, phải trau dồi vốn sống, vốn hiểu biết về văn chương, phải chăm chỉ đọc sách báo...
* Phải hiểu được đặc trưng thể loại của tác phẩm.
* Hiểu được tư tưởng, tình cảm mà tác giả gửi gắm trong tác phẩm.

**Ôn tập văn bản 3: *Thánh Gióng - tượng đài vĩnh cửu của lòng yêu nước* (Bùi Mạnh Nhị)**

**I. TÁC GIẢ BÙI MẠNH NHỊ**

- **Quê quán**: Xã Thành Lợi, Huyện Vụ Bản, Nam Định.

- Là phó giáo sư, tiên sĩ khoa học nghiên cứu về chuyên ngành văn học Việt Nam.

**- Danh hiệu:** Nhà giáo Ưu tú; Huân chương Lao động hạng Nhất.

**II. VĂN BẢN : *Thánh Gióng - tượng đài vĩnh cửu của lòng yêu nước***

**1.** **Xuất xứ**: Trích Phân tích tác phẩm văn học dân gian trong nhà trường (2012).

**2.**  **Phương thức biểu đạt**: Nghị luận

**3**. **Nội dung**

Qua văn bản *Thánh Gióng - tượng đài vĩnh cửu của lòng yêu nước*, tác giả Bùi Mạnh Nhị đã chứng minh rằng truyện truyền thuyết Thánh Gióng là một tác phẩm thành công, tiêu biểu viết về lòng yêu nước của dân tộc

**4. Nghệ thuật**

- Xây dựng được hệ thống lí lẽ và dẫn chứng sắc bén, thuyết phục để làm sáng tỏ vấn đề nghị luận.

- Có nhiều tìm tòi, khám phá thú vị, có giá trị về tác phẩm truyền thuyết.

**III. ĐỊNH HƯỚNG PHÂN TÍCH VĂN BẢN**

**1. Dàn ý**

**1.1. Nêu vấn đề: *Thánh Gióng - tượng đài vĩnh cửu của lòng yêu nước***

- Khái quát về chủ đề đánh giặc cứu nước: Là chủ đề lớn, cơ bản, xuyên suốt lịch sử văn học Việt Nam, văn học dân gian.

- Nêu ý kiến: Thánh Gióng thể hiện tập trung chủ đề, là tác phẩm hay nhất cho chủ đề.

→ Cách mở đầu từ khái quát đến cụ thể để giới thiệu vấn đề chính của bài viết.

- Để làm sáng tỏ ý kiến nêu ra trong phần 1, người viết đã phân tích các chi tiết, sự kiện

**1.2. Giải quyết vấn đề**

**a. *Gióng ra đời kì lạ***

- Mẹ Gióng mang thai Gióng không bình thường: ướm chân mang thai, thai 12 tháng.

- Nêu ra những sự ra đời kì lạ khác như Gióng trong truyện cổ dân gian (Lê Lợi, Nguyễn Huệ).

- Ý nghĩa sự ra đời kì lạ: Khiến nhân vật trở nên phi thường; thể hiện sự yêu mến, tôn kính với nhân vật; đặt niềm tin vào những chiến công kì lạ.

**b. *Gióng lớn lên kì lạ***

- 3 năm không nói, lần cất tiếng nói đầu tiên là tiếng nói yêu nước, cứu nước. → Tiếng nói không bình thường.

- Gióng lớn nhanh, lớn bằng thức ăn, thức mặc của nhân dân. → Sức mạnh dũng sĩ được nuôi dưỡng từ những cái bình thường, giản dị. Gióng tiêu biểu cho sức mạnh toàn dân.

**c. *Gióng vươn vai ra trận đánh giặc***

- Sự vươn vai liên quan đến mô típ truyền thống:

người anh hùng phải khổng lồ về hình thể, sức mạnh, chiến công. → Tượng đài bất hủ về sự trưởng thành, hùng khí, tinh thần trước thế nước lâm nguy.

- Quang cảnh ra trận hùng vĩ, hoành tráng. → Tất cả sức mạnh, ý chí cộng đồng, thành tựu lao động, văn hóa được bộc lộ trong cuộc đối đầu giặc.

**d. *Gióng bay lên trời và dấu xưa còn lại***

- Gióng ba về trời là sự ra đi phi thường. → Sự trân trọng, yêu mến, muốn bất tử hóa nhân vật. Đây là phần thưởng cao nhất trao tặng người anh hùng.

- Chiến tích còn để lại: dấu ngựa, ao hồ,... Nhân dân kể chuyện Gióng, tổ chức Hội Gióng. → Minh chứng câu chuyện có thật, giúp mọi người tin và giữ truyền thống dân tộc.

**e. Thái độ, tình cảm của người viết**

**- Niềm yêu mến, say mê tìm tòi, khám phá và giải mã những giá trị văn học dân gian.**

**- Phát biểu quan niệm của nhân dân về hình mẫu người anh hùng, về sức mạnh đoàn kết dân tộc trong chống giặc ngoại xâm, từ đó ca ngợi truyền thống yêu nước của dân tộc.**

**- Bài học rút ra: Các thế hệ người đọc sẽ lưu giữ và phát huy giá trị của các sáng tác văn học dân gian trong sống.**

**1.3. Đánh giá**

**- Nội dung** : Qua văn bản *Thánh Gióng - tượng đài vĩnh cửu của lòng yêu nước*, tác giả Bùi Mạnh Nhị đã chứng minh rằng truyện truyền thuyết Thánh Gióng là một tác phẩm thành công, tiêu biểu viết về lòng yêu nước của dân tộc.

**- Nghệ thuật:**

+ Xấy dựng được hệ thống lí lẽ và dẫn chứng sắc bén, thuyết phục để làm sáng tỏ vấn đề.

+ Có nhiều tìm tòi, khám phá thú vị, có giá trị về tác phẩm truyền thuyết.

**2. Định hướng phân tích**

GS Bùi Mạnh Nhị sinh năm 1955, quê ở xã Thành Lợi, Huyện Vụ Bản, Nam Định. Ông là vừa là một người thầy, một nhà thơ, một nhà lý luận phê bình và nghiên cứu văn học lỗi lạc. Ở cương vị nào, ông cũng được học trò và mọi người yêu văn chương ngưỡng mộ bởi vốn kiến thức đồ sộ, một thái độ làm việc nghiêm túc, khoa học, cầu thị, một tâm hồn rộng mở… **Trong mỗi tác phẩm, mỗi bài giảng, tính trí tuệ, mô phạm, sự lao động học thuật của thầy Bùi Mạnh Nhị như mạch nguồn mát trong thẩm thấu vào người tiếp nhận. Bài viết *Thánh Gióng - tượng đài vĩnh cửu của lòng yêu nước* là một bài viết đặc sắc, thể hiện những tìm tòi, khám phá của tác giả Bùi Mạnh Nhị về một truyền thuyết tưởng chừng xưa cũ của dân tộc.**

**Vấn đề nghị luận chính của bài viết được nêu ra khái quát ở nhan đề và phần mở đầu bài viết.** Ngay mở đầu bài viết, nhà nghiên cứu đã khái quát về chủ đề đánh giặc cứu nước là chủ đề lớn, cơ bản, xuyên suốt lịch sử văn học Việt Nam, văn học dân gian. Từ đó, tác giả nêu ra ý kiến bàn luận: “*Thánh Gióng* thể hiện tập trung chủ đề đánh giặc cứu nước, là tác phẩm hay nhất cho chủ đề”. Cách mở đầu từ khái quát đến cụ thể để giới thiệu vấn đề chính của bài viết. Để làm sáng tỏ ý kiến nêu ra trong phần 1, người viết đã phân tích các chi tiết, sự kiện tiêu biểu của truyền thuyết *Thánh Gióng* ở các phần tiếp theo

Ở các phần tiếp theo của bài viết, tác giả dựa vào trình tự các sự kiện trong truyện Thánh Gióng để làm sáng tỏ ý kiến “Thánh Gióng – tượng đài vĩnh cửu của lòng yêu nước” nhưng tác giả không kể lại các sự kiện mà chủ yếu chỉ đi sâu vào phân tích các chi tiết tiêu biểu làm sáng tỏ lòng yêu nước của Gióng.

**Ở sự kiện Gióng ra đời kì lạ, nhà nghiên cứu nhấn mạnh chi tiết mẹ** Gióng mang thai Gióng không bình thường: ướm chân mang thai, thai 12 tháng. Tác giả còn nêu ra những sự ra đời kì lạ khác trong truyện cổ dân gian (Lê Lợi, Nguyễn Huệ). Mục đích của việc nêu ra sự ra đời kì lạ của Gióng là nhằm nhấn mạnh sự yêu mến, tôn kính với nhân vật; đặt niềm tin vào những chiến công kì lạ.

**Ở sự kiện Gióng lớn lên kì lạ, nhà nghiên cứu nhấn mạnh chi tiết**  3 năm Gióng không nói, lần cất tiếng nói đầu tiên là tiếng nói yêu nước, cứu nước. Đó là tiếng nói không bình thường. Chi tiết Gióng lớn nhanh, lớn bằng thức ăn, thức mặc của nhân dân nhằm thể hiện ý nghĩa sức mạnh dũng sĩ được nuôi dưỡng từ những cái bình thường, giản dị. Gióng tiêu biểu cho sức mạnh toàn dân.

**Ở sự kiện Gióng vươn vai ra trận đánh giặc, nhà nghiên cứu nhấn mạnh ý nghĩa của s**ự vươn vai liên quan đến mô típ truyền thống: người anh hùng phải khổng lồ về hình thể, sức mạnh, chiến công. Từ đó, tác giả khẳng định hình tượng Gióng chính là tượng đài bất hủ về sự trưởng thành, hùng khí, tinh thần trước thế nước lâm nguy.Tác giả Bùi Mạnh Nhị cũng đánh giá về quang cảnh ra trận của Gióng rất hùng vĩ, hoành tráng. Qua đó tác giả khẳng định tất cả sức mạnh, ý chí cộng đồng, thành tựu lao động, văn hóa được bộc lộ trong cuộc đối đầu giặc.

**Ở sự kiện Gióng bay lên trời và dấu xưa còn lại, nhà nghiên cứu đã lí giải ý nghĩa của hình tượng đẹp bậc nhất trong truyền thuyết, mang đậm yếu tố kì ảo: hình ảnh** Gióng cưỡi ngựa bay lên trời. Theo tác giả, chi tiết này là sự ra đi phi thường của Gióng sau khi đã hoàn thành sứ mệnh đánh giặc cứu nước. Chi tiết đã thể hiện sự trân trọng, yêu mến, muốn bất tử hóa nhân vật. Đây là phần thưởng cao nhất trao tặng người anh hùng. Các chiến tích còn để lại sau chiến công của Gióng, đó là màu tre đằng ngà vàng óng do ngựa sắt phun lửa, những dấu ngựa làm thành ao hồ,.... Nhân dân kể chuyện Gióng, tổ chức Hội Gióng hằng năm. Tất cả những chứng tích ấy như muốn minh chứng câu chuyện có thật, giúp mọi người tin và giữ truyền thống dân tộc.

**Qua bài viết, tác giả Bùi Mạnh Nhị đã thể hiện niềm yêu mến, say mê tìm tòi, khám phá và giải mã những giá trị văn học dân gian. Ông đã phát biểu quan niệm của nhân dân về hình mẫu người anh hùng, về sức mạnh đoàn kết dân tộc trong chống giặc ngoại xâm, từ đó ca ngợi truyền thống yêu nước của dân tộc.**

Như vậy, bằng hệ thống lí lẽ và dẫn chứng sắc bén, thuyết phục, văn bản Thánh Gióng - tượng đài vĩnh cửu của lòng yêu nước (Bùi Mạnh Nhị) đã chứng minh rằng truyện truyền thuyết Thánh Gióng là một tác phẩm thành công, tiêu biểu viết về lòng yêu nước của dân tộc. Bài viết ***Thánh Gióng - tượng đài vĩnh cửu của lòng yêu nước* giúp người đọc thêm hiểu và yêu mến các giá trị của văn học dân gian, *biết* lưu giữ và phát huy giá trị của các sáng tác văn học dân gian trong cuộc sống.**

✪ **ĐỀ ĐỌC HIỂU CỦNG CỐ:**

**Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:**

“(1) Chủ đề đánh giặc cứu nước là chủ đề lớn, co bản, xuyên suốt lịch sử văn học Việt Nam nói chung, văn học dân gian Việt Nam nói riêng. *Thánh Gióng* thể hiện tập trung chủ đề đánh giặc cứu nước, thuộc loại tác phẩm hay nhất của chủ đề này.

1. **Gióng ra đời kì lạ**

Mẹ Gióng có thai Gióng không bình thường. Bà ướm chân mình vào vết chân khổng lồ rồi mang thai, lại có thai không phải chín tháng mười ngày mà mười hai tháng. Sự sinh nở thần kì, ta vẫn thấy trong truyện cổ dân gian. Chẳng hạn, truyện dân gian kể, lúc Lê Lợi sinh ra có ánh sáng đỏ đầy nhà, mùi hương lạ khắp xóm; còn Nguyễn Huệ, khi ra đời, có hai con hổ chầu hai bên. Những chi tiết hoang đường kể về Gióng như thể là cách dân gian tưởng tượng ra để nhân vật của mình trở thành phi thường. Nhân dân muốn tạo những nét kì lạ, biểu hiện niềm yêu mến, sự tôn kính với nhân vật và tin rằng nhân vật đã ra đời kì lạ thì tất cũng lập chiến công kì lạ.[…]

1. **Gióng lớn lên cũng kì lạ**

Ba năm, Gióng không nói không cười, chỉ nằm im lặng. Nhưng bắt đầu cất lên tiếng nói thì đó là tiếng nói yêu nước, cứu nước. Tiếng nói ấy không phải là tiếng nói bình thường […].

Gióng lớn nhanh như thổi, “cơm ăn mấy cũng không no, áo vừa mặc đã căng đứt chỉ”. […] Gióng lớn lên bằng những thức ăn, thức mặc của nhân dân. Sức mạnh dũng sĩ của Gióng được nuôi dưỡng từ những cái bình thường, giản di. Tất cả dân làng đùm bọc, nuôi náng. “Nhân dân ta rất yêu nước, ai cũng monh Gióng lớn nhanh đánh giặc cứu nước. Gióng đâu còn là con chỉ của một bà mẹ, mà là con của mọi người, của nhân dân. Một người cứu nước sao đặng? Phải toàn dân góp phần chuẩn bị cho sức mạnh đánh giặc. Có vậy, khả năng đánh giặc, cứu nước mới lớn lên mau chóng. Gióng tiêu biểu cho sức mạnh toàn dân đó” (Lê Trí Viễn). […]”.

*(*Trích *Thánh Gióng – tượng đài vĩnh cửu của lòng yêu nước,* Bùi Mạnh Nhị*)*

**Câu 1.** Chép lại câu văn nêu ý chính của cả đoạn trích.

**Câu 2**. Chỉ ra và nêu tác dụng của dấu chấm phẩy trong phần (2) của đoạn trích.

**Câu 3.** Chỉ ra tác dụng của việc trích dẫn ý kiến của Lê Trí Viễn trong phần (3) của đoạn trích.

**Câu 4.** Em hãy rút ra ý nghĩa của việc tìm hiểu truyền thuyết “Thánh Gióng” với bản thân em.

Gợi ý trả lời

**Câu 1:** Câu văn nêu ý chính của cả đoạn trích: “*Thánh Gióng* thể hiện tập trung chủ đề đánh giặc cứu nước, thuộc loại tác phẩm hay nhất của chủ đề này” (chủ đề đánh giặc cứu nước)

**Câu 2:**

* Dấu chấm phẩy được sử dụng trong câu văn sau ở phần (2):

“ *Chẳng hạn, truyện dân gian kể, lúc Lê Lợi sinh ra có ánh sáng đỏ đầy nhà, mùi hương lạ khắp xóm; còn Nguyễn Huệ, khi ra đời, có hai con hổ chầu hai bên.* ”

* Tác dụng của dấu chấm phẩy: Đánh dấu ranh giới các bộ phận trong phép liệt kê phức tạp, cụ thể ngăn cách 2 cụm chủ vị trong câu ghép đẳng lập.

**Câu 3:**

Tác dụng của việc trích dẫn ý kiến của Lê Trí Viễn trong phần (3) của đoạn trích:

+ Tăng thêm sức thuyết phục cho đoạn trích.

+ Nhấn mạnh hơn luận điểm Thánh Gióng là tượng đài bất tử của lòng yêu nước qua việc khẳng định Gióng lớn lên cũng chính là từ sức mạnh, từ tình yêu nước, tinh thần của nhân dân cùa nhân dân

**Câu 4:** HS đưa ra ý kiến cá nhân

Có thể nêu: Ý nghĩa của việc tìm hiểu truyền thuyết “Thánh Gióng” với bản thân em:

* Giúp em hiểu được giá trị to lớn của truyền thuyết *Thánh Gióng* và hình tượng Gióng: Gióng là hiện thân của sức mạnh thiên nhiên và con người, sức mạnh đó dung hòa và kết tinh lại thành sức mạnh to lớn để quật ngã mọi kẻ thù to lớn.
* Bỗi đắp cho em tình yêu nước, ý thức trách nhiệm với đất nước và niềm tự hào về truyền thuyết vẻ vang của dân tộc trong chống giặc ngoại xâm, bảo vệ đất nước.
* Giúp em hiểu hơn sự gắn bó giữa văn học dân gian với các lễ hội dân gian (Lễ Hội Gióng)
* …

**ĐỀ ĐỌC HIỂU VĂN BẢN NGHỊ LUẬN NGOÀI SGK:**

**Đề số 01: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**

“Xem người ta kìa!” – đó là câu mẹ tôi thường thốt lên mỗi khi không hài lòng với tôi về một điều gì đó. Cùng với câu này, mẹ còn nói: “Người ta cười chết!”, “Có ai như thế không?”, “Có ai làm vậy không?”, “Ai đời lại thế?”… Tôi là đứa trẻ được dạy nhiều về hiếu thuận, tôi đã cố sức vâng lời để mẹ vui lòng. Nhưng mỗi lần như vậy, tôi luôn phải dằn lòng nuốt một cục ấm ức.

Mẹ tôi giờ đã khuất và tôi cũng đã lớn. Tôi luôn nhớ về mẹ với niềm xúc động khôn nguôi. Tôi đã hiểu ra, mỗi lần bảo tôi: “Xem người ta kìa!” là một lần mẹ mong tôi làm sao để bằng người, không thua em kém chị, không làm xấu mặt gia đình, dòng tộc, không để ai phải phàn nàn, kêu ca điều gì. Mà có lẽ không riêng gì mẹ tôi. Có người mẹ nào trên đời không ước mong điều đó?

Mẹ tôi không phải không có lí khi đòi hỏi tôi phải lấy người khác làm chuẩn mực để noi theo. Trên đời, mọi người giống nhau nhiều điều lắm. Ai chẳng muốn thông minh, giỏi giang? Ai chẳng muốn được tin yêu, tôn trọng? Ai chẳng muốn thành đạt? Thành công của người này có thể là niềm ao ước của người kia. Vì lẽ đó, xưa nay, đã có không ít người tự vượt lên chính mình nhờ noi gương những cá nhân xuất chúng. Mẹ muốn tôi giống người khác, thì “người khác” đó trong hình dung của mẹ nhất định phải là người hoàn hảo, mười phân vẹn mười.

Tuy vậy, thú thật, trong thâm tâm, tôi cũng không quên cảm giác bất mãn của mình mỗi lần nghe mẹ trách cứ.

Từ khi biết nhìn nhận và suy nghĩ, tôi dần dần hiểu ra rằng, thế giới này là muôn màu muôn vẻ, vô tận, và chính điều đó khiến thế giới trở nên hấp dẫn lạ lùng. Chim thú trên rừng, cá tôm dưới biển cũng thế mà xã hội con người cũng thế. Kìa, lớp học của chúng tôi sinh động biết bao vì mỗi người một vẻ. Bạn tôi đấy, cao thấp, béo gầy, đen trắng khác nhau, giọng nói khác nhau đã đành, mà thói quen, sở thích cũng có giống nhau đâu. Tùng thích vẽ vời, Nhung ưa ca hát, nhảy múa. Hoài thì sôi nổi, nhí nhảnh, Thơ lúc nào cũng kín đáo, trầm tư. Trần Long nổi tiếng là một “danh hài”, Minh Diệu thì hơn người ở trí nhớ siêu việt… Người ta thường nói học trò “nghịch như quỷ”, ai ngờ “quỷ” cũng là cả một thế giới, chẳng “quỷ” nào giống “quỷ” nào! Tôi đã đọc đâu đó một câu rất hay: “Chỗ giống nhau nhất của mọi người trên thế gian này là… không ai giống ai cả”. Chính chỗ “không giống ai” nhiều khi lại là một phần rất đáng quý trong mỗi con người.

(Trích “Xem người ta kìa!” , Lạc Thanh, theo tạp chí Sông Lam, tháng 8/2020)

**Câu 1**: Chỉ ra ở văn bản:

a) Đoạn văn nêu vấn đề bằng cách kể một câu chuyện.

b**)**Đoạn văn là lời diễn giải của người viết.

c) Đoạn văn dùng bằng chứng để làm sáng tỏ vấn đề.

**Câu 2:** Theo đoạn trích, lí do người mẹ muốn con giống người khác là gì? Người mẹ có lí chỗ nào khi mong muốn như vậy?

**Câu 3:** Nhân vật “tôi” đã đưa ra những dẫn chứng nào để chứng tỏ thế giới này muôn hình muôn vẻ?

**Câu 4:** Biết hòa đồng, gần gũi mọi người, nhưng cũng phải biết giữ lấy cái riêng và tôn trọng sự khác biệt. **Em có đồng ý với ý kiến này không? Vì sao?**

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:**

**a)** Đoạn văn nêu vấn đề bằng cách kể một câu chuyện.

*"Xem người ta kìa....không ước mong điều đó".*

**b)**Đoạn văn là lời diễn giải của người viết.

*"Mẹ tôi không phải là không có lý do đòi hỏi tôi....nghe mẹ trách cứ".*

**c)** Đoạn văn dùng bằng chứng để làm sáng tỏ vấn đề.

*"Từ khi biết nhìn nhận và suy nghĩ....rất đáng quý trong mỗi con người".*

**Câu 2:**

* **Lí do** người mẹ muốn con giống người khác vì người mẹ mong nhân vật “tôi” làm sao để bằng người, không thua em kém chị, không làm xấu mặt gia đình, dòng tộc, không để ai phải phàn nàn, kêu ca điều gì
* Người mẹ có lý ở chỗ:

+ Ai chẳng muốn thông minh, giỏi giang.

+ Ai chẳng muốn được tin yêu, tôn trọng.

+ Ai chẳng muốn thành đạt.

Sự thành công của người này là ước mơ của người khác. Vì vậy, đã có những người cố gắng vượt lên chính mình nhờ noi gương những người tài giỏi, xuất chúng

**Câu 3:** Nhân vật “tôi” đã lấy các dẫn chứng để chứng minh thế giới này là muôn màu muôn vẻ:

* Chim thú trên rừng hay cá tôm dưới biển cũng thế mà xã hội con người cũng thế
* Trong lớp nhân vật "tôi", các bạn học sinh đều mỗi người một vẻ vô cùng sinh động. Ngoại hình cao, thấp, béo, gầy, đen, trắng khác nhau, giọng nói khác nhau; thói quen, sở thích cũng khác nhau:  Tùng thích vẽ vời; Nhung ưa ca hát, nhảy múa; Hoài thì sôi nổi, nhí nhảnh; Thơ lúc nào cũng kín đáo, trầm tư; Trần Long nổi tiếng là một danh hài Minh Tuệ thì hơn người ở trí nhớ siêu việt.
* Người ta nói "học trò nghịch như quỷ" nhưng "quỷ" cũng chính là một thế giới, chẳng "quỷ" nào giống "quỷ" nào

**Câu 4: HS đưa ra suy nghĩ của bản thân. GV định hướng HS đây là ý kiến đúng đắn và lí giải.**

Ví dụ: Em đồng ý với ý kiến Biết hòa đồng, gần gũi mọi người, nhưng cũng phải biết giữ lấy cái riêng và tôn trọng sự khác biệt vì:  Hòa đồng, gần gũi với mọi người thể hiện cách sống chan hòa, vui vẻ, có thiện chí, xây dựng mối quan hệ với bạn bè thể hiện sự tự tin trong giao tiếp và ứng xử của mỗi con người. Tuy nhiên cũng cần "sống thành thật với chính mình" nghĩa là "biết giữ lấy cái riêng và tôn trọng sự khác biệt''. Chính điều đó sẽ làm nên giá trị bản thân cho mỗi con người. Cũng chính nhờ việc giữ được những cái riêng sẽ càng làm cho con người hòa đồng, gần gũi với nhau nhiều hơn.

**Đề số 02: Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:**

Nhân dân ta có truyền thống tôn sư trọng đạo, luôn luôn đề cao vai trò của người thầy trong cuộc sống mỗi người. Câu tục ngữ “Không thầy đố mày làm nên” đã khẳng định mạnh mẽ vai trò đó của người thầy. Mỗi người trong đời, nếu không có một người thầy hiểu biết, giàu kinh nghiệm truyền thụ, dìu dắt thì khó mà làm nên một việc gì xứng đáng, dù đó là nghề nông, nghề rèn, nghề khắc chạm, hoặc nghiên cứu khoa học. Do đó trong cuộc đời mỗi người, học ở thầy là quan trọng nhất.

Nhưng trong cuộc sống, muốn thành đạt, con người còn phải học tập mọi nơi, mọi lúc, học ở bất cứ ai có những điều đáng học. Đặc biệt là phải học hỏi ở những người cùng trang lứa, cùng nghề nghiệp, cùng sống chết với nghề. Do đó mà có câu tục ngữ: “Học thầy không tày học bạn”. Ở đây phải chăng là người ta có ý không coi trọng thầy bằng bạn, đánh giá thấp vai trò của người thầy? Thực ra không phải như vậy, bởi nếu bạn có gì đáng học thì bạn đã là thầy. Nhưng thói thường người ta chỉ nhận những “đấng bề trên” là thầy mà không nhận ra những người thầy trong những người bạn cùng lớp, cùng trang lứa, cùng nghề nghiệp của mình. Câu tục ngữ này đề cao học bạn hơn học thầy là do chỗ bạn bè cùng trang lứa, cùng hứng thú, cùng tâm lí thì việc học hỏi, truyền thụ cho nhau có phần thoải mái, dễ dàng hơn, không cách bức, lễ nghi như học thầy. Câu tục ngữ đã khuyên người ta khiêm tốn học hỏi bạn bè, không được coi thường chúng bạn.

Hai câu tục ngữ trên mới đọc qua xem ra là mâu thuẫn, có vẻ như phủ định lẫn nhau, nhưng suy nghĩ kĩ thì thấy chúng bổ sung cho nhau, làm cho nhận thức về việc học thêm toàn diện. Chỉ học bạn mà không học thầy thì khó mà làm nên, chỉ học thầy mà không học bạn thì mình sẽ thua kém chúng bạn.  
 ***(Theo Nguyễn Thanh Tú)***

**Câu 1:** Theo đoạn trích, việc học ở thầy quan trọng như thế nào?

**Câu 2:** Vì sao người viết cho rằng câu tục ngữ “Học thầy không tày không bạn” đã đề cao việc học bạn hơn học thầy?

**Câu 3:** Mối quan hệ giữa hai câu tục ngữ “Không thầy đố mày làm nên” và “Học thầy không tày học bạn “ là gì?

**Câu 4:** Em rút ra được bài học gì qua hai câu tục ngữ?

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Theo đoạn trích**,** mỗi người trong đời, nếu không có một người thầy hiểu biết, giàu kinh nghiệm truyền thụ, dìu dắt thì khó mà làm nên một việc gì xứng đáng, dù đó là nghề nông, nghề rèn, nghề khắc chạm, hoặc nghiên cứu khoa học

**Câu 2:** Theo người viết, câu tục ngữ “Học thầy không tày không bạn” đề cao học bạn hơn học thầy là do chỗ bạn bè cùng trang lứa, cùng hứng thú, cùng tâm lí thì việc học hỏi, truyền thụ cho nhau có phần thoải mái, dễ dàng hơn, không cách bức, lễ nghi như học thầy.

**Câu 3:** Mối quan hệ giữa hai câu tục ngữ “Không thầy đố mày làm nên” và “Học thầy không tày học bạn “: Hai câu tục ngữ trên mới đọc qua xem ra là mâu thuẫn, có vẻ như phủ định lẫn nhau, nhưng suy nghĩ kĩ thì thấy chúng bổ sung cho nhau, làm cho nhận thức về việc học thêm toàn diện

**Câu 4**: Mỗi người cần biết kết hợp cả học thầy học bạn việc hoc được toàn diện hơn. Ta sẽ cần thầy chỉ dẫn đường đi nước bước, nhưng cũng cần học ở bạn những điều hay để không thua kém bạn.

**Đề số 03: Đọc đoạn trích dưới đây và thực hiện các yêu cầu:**

Người thành công luôn chịu trách nhiệm cho bất cứ chuyện gì xảy ra trong cuộc sống của họ. Họ tin rằng dù chuyện gì xảy ra đi chăng nữa, họ là một phần nguyên nhân gây ra nó. Ví dụ: nếu họ thi trượt, đó là lỗi của họ. Nếu không được cha mẹ tin tưởng, đó là lỗi của họ. Nếu phải vào lớp tệ hại nhất, đó là lỗi của họ. Nếu trở thành một học sinh xuất sắc, đó cũng là nhờ nỗ lực của họ. Nhận lãnh trách nhiệm về bản thân có một sức mạnh tiềm ẩn vô cùng to lớn. Nếu bạn tin rằng bạn là nguyên do của mọi chuyện, bạn sẽ có khả năng thay đổi và cải thiện mọi chuyện. Nói một cách đơn giản, bạn làm chủ cuộc sống của chính bạn.

[...]Những kẻ thất bại bao giờ cũng có khuynh hướng đổ lỗi cho mọi người ngoại trừ bản thân họ. Họ đổ thừa thầy cô giảng bài nhàm chán, đổ thừa kì thi quá khó, đổ thừa bạn bè làm họ xao nhãng việc học, đổ thừa cha mẹ suốt ngày cằn nhằn họ. Tệ hại hơn cả, một số học sinh còn tự lừa dối bản thân rằng mọi việc cũng không đến nỗi quá tệ, rằng môn Toán của họ cũng không tệ đến thế, rằng thực chất họ học hành rất chăm chỉ...trong khi tự đáy lòng, họ biết rõ những điều đó không phải là sự thật. “*Những người và những việc xung quanh mình khiến mình thất bại “*. Suy nghĩ đó khiến bạn trở thành nạn nhân bất lực, không thể thay đổi được cuộc sống.

(*Tôi tài giỏi, bạn cũng thế*, Adam Khoo, Trang 43, NXB Phụ nữ, 2013)

**Câu 1:** Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

**Câu 2:** Theo tác giả, đặc điểm của *người thành công và những kẻ thất bại* là gì?

**Câu 3:** **Theo em, cần làm gì để không rơi vào**khuynh hướng đổ lỗi cho mọi người**được nói đến trong đoạn trích?**

**Câu 4:** Bài học ý nghĩa nhất mà anh/chị rút ra từ văn bản trên là gì? Lí giải

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận

**Câu 2:**

* Người thành công luôn chịu trách nhiệm cho bất cứ chuyện gì xảy ra trong cuộc sống của họ. Họ tin rằng dù chuyện gì xảy ra đi chăng nữa, họ là một phần nguyên nhân gây ra nó.
* Những kẻ thất bại bao giờ cũng có khuynh hướng đổ lỗi cho mọi người ngoại trừ bản thân họ.

**Câu 3: Để không rơi vào**khuynh hướng đổ lỗi cho mọi người**được nói đến trong đoạn trích, chúng ta cần:**

– Biết nhận lỗi về mình khi bản thân làm sai.

– Ý thức được trách nhiệm của bản thân khi đưa ra quyết định.

– Đối diện với thất bại và tìm mọi cách để khắc phục.

– Đề cao lòng tự trọng của con người.

**Câu 4: HS chọn và nêu lí giải về bài học ý nghĩa nhất với bản thân.**

Ví dụ: Chúng ta cần dũng cảm đối diện với thất bại trong cuộc sống, tìm hiểu nguyên nhân trước tiên ở bản thân, tránh xu hướng đổ lỗi cho người khác vì: bản thân ta mới là người quyết định sự thành công hay thất bại. Chỉ có dũng cảm nhìn nhận lỗi lầm của bản thân mới giúp ta rút kinh nghiệm để thay đổi.

**Đề số 04:**

*Con tôi sẽ phải học tất cả những điều này. […] Rằng cứ mỗi một kẻ thù ta gặp ở nơi này thì ở nơi khác ta lại tìm thấy một người bạn. Bài học này sẽ mất nhiều thời gian, tôi biết, nhưng xin thầy hãy dạy cho cháu hiểu rằng một đồng đô-la kiếm được do công sức của mình bỏ ra còn quý hơn nhiều so với năm đô-la nhặt được trên hè phố…*

*Xin thầy dạy cho cháu cách chấp nhận thất bại và cách tận hưởng niềm vui chiến thắng. Xin hãy dạy cho cháu tránh xa sự đố kị. Xin thầy cho cháu biết được bí quyết của niềm vui thầm lặng. Dạy cho cháu rằng những kẻ hay bắt nạt người khác là những kẻ dễ bị đánh bại nhất…*

(*Trích thư của Tổng thống Mỹ Abraham Lincoln gửi thầy hiệu trưởng ngôi trường nơi con trai ông theo học)*

**Đọc văn bản trên và thực hiện các yêu cầu sau**:

**Câu 1.** Trong đoạn trích trên, người cha đã xin thầy dạy cho con trai mình những điều gì?

**Câu 2.** Theo em, vì sao người cha muốn xin thầy dạy cho con hiểu rằng *một đồng đô-la kiếm được do công sức của mình bỏ ra còn quý hơn nhiều so với năm đô-la nhặt được trên hè phố?*

**Câu 3.** Chỉ ra và nêu tác dụng của một biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn trích trên.

**Câu 4a.** Rút ra bài học ý nghĩa nhất với anh/chị qua đoạn văn bản đọc hiểu.

**Câu 4b (Dành cho HS Khá giỏi):**

Nêu 02 phẩm chất mà A.Lin-côn muốn người thầy giáo dục cho con trai mình qua đoạn trích trên. Theo anh/chị, phẩm chất nào là quan trọng hơn cả đối với lứa tuổi thiếu niên hiện nay?

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:**

**Trong đoạn trích trên, người cha đã xin thầy dạy cho con trai mình:**

**+** *mỗi một kẻ thù ta gặp ở nơi này thì ở nơi khác ta lại tìm thấy một người bạn.*

*+ một đồng đô-la kiếm được do công sức của mình bỏ ra còn quý hơn nhiều so với năm đô-la nhặt được trên hè phố.*

*+ cách chấp nhận thất bại và cách tận hưởng niềm vui chiến thắng.*

*+ tránh xa sự đố kị.*

*+ bí quyết của niềm vui thầm lặng*

*+ những kẻ hay bắt nạt người khác là những kẻ dễ bị đánh bại nhất.*

**Câu 2:** Vì đồng tiên do công sức lao động chân chính của mình làm ra đáng quý hơn cả.

**Câu 3:** HS có thể chỉ ra một trong các biện pháp tu từ sau:

- Phép lặp cú pháp: *Xin thầy hãy...nhưng...cũng...*

- Liệt kê: người cha nêu ra những bài học muốn thầy giáo dạy cho con trai mình:

*+ mỗi một kẻ thù ta gặp ở nơi này thì ở nơi khác ta lại tìm thấy một người bạn.*

*+ một đồng đô-la kiếm được do công sức của mình bỏ ra còn quý hơn nhiều so với năm đô-la nhặt được trên hè phố.*

*+ cách chấp nhận thất bại và cách tận hưởng niềm vui chiến thắng.*

*+ tránh xa sự đố kị.*

*+ bí quyết của niềm vui thầm lặng*

*+ những kẻ hay bắt nạt người khác là những kẻ dễ bị đánh bại nhất.*

- Đối lập, tương phản:

*+ mỗi một kẻ thù ta gặp ở nơi này thì ở nơi khác ta lại tìm thấy một người bạn.*

*+ những kẻ hay bắt nạt người khác là những kẻ dễ bị đánh bại nhất.*

*- So sánh: một đồng đô-la kiếm được do công sức của mình bỏ ra còn quý hơn nhiều so với năm đô-la nhặt được trên hè phố.*

\*Tác dụng của biện pháp tu từ:

- Làm cho cách diễn đạt sinh động, giàu hình ảnh/giàu sức biểu cảm/tạo giọng điệu cho đoạn trích.

- Nhấn mạnh những bài học mà người ch muốn thầy giáo dạy cho con trai, gửi gắm ước muốn về môi trường giáo dục tốt với con.

**Câu 4a: HS chọn lựa một bài học ý nghĩa và lí giải.**

**Câu 4b.**

\*HS nêu được 02 trong số các phẩm chất sau:

- Sống rộng lượng, không đố kị, hẹp hòi.

- Quý trọng sức lao động.

- Có bản lĩnh, chính kiến.

- Yêu thương mọi người, có ý thức giữ nhân cách, lương tâm

…

.\*HS có thể chọn một trong các phẩm chất đã nêu, lí giải hợp lý, có sức thuyết phục và có liên hệ thực tế và rút ra bài học cho bản thân.

**ÔN TẬP TIẾNG VIỆT:**

**Ôn tập thành ngữ và dấu chấm phẩy**

**lÀM**

✪ **NHẮC LẠI LÍ THUYẾT**

**1. Thành ngữ**

**a. Định nghĩa:Thành ngữ**  là những cụm từ cố định quen dùng, thường ngắn gọn, có hình ảnh.

**b. Công dụng:** Việc sử dụng thành ngữ giúp cho lời ăn tiếng nói sinh động, có tính biểu cảm cao

**2. Dấu chấm phẩy**

**- Dấu chấm phẩy** là một dấu câu thông dụng, có tác dụng ngắt quãng câu hoặc dùng để liệt kê.

- Bài học này chỉ đề cập công dụng của dấu chấm phẩy dùng để đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận trong một phép liệt kê phức tạp.

✪ **THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**Nội dung 1: Thành ngữ**

**1. Bài tập 1:** Tìm và giải nghĩa các thành ngữ có trong các câu sau :

*a) Rồi đến chiều, tự nhiên chị thấy máy mắt thì đâm lo thành ra ruột nóng như cào.*

(Nguyễn Công Hoan)

*b) Giấy tờ ai dám đưa cho ông cụ ruột để ngoài da ấy.*

(Báo Văn nghệ)

*c) Thật không muốn có chuyện lôi thôi trong nhà, đành nhiều khi phải nhắm mắt làm ngơ.*

(Chu Văn)

Gợi ý trả lời

a) Ruột nóng như cào : rất sốt ruột, bồn chồn, không yên lòng.

b) *Ruột để ngoài da* : (có tính) đểnh đoảng, hay quên, vô tâm không tính toán nhiều.

c) *Nhắm mắt làm ngơ* : cố tình lảng tránh, làm ra vẻ không hay biết gì về sự việc đang diễn ra trước mắt để tránh liên luỵ, phiền phức.

**2. Bài tập 2:**

Đặt với mỗi thành ngữ cho dưới đây 1 câu : *Mặt nặng mày nhẹ, Mặt hoa da phấn, Mặt sắt đen sì.*

   Tìm thêm một số thành ngữ khác có từ mặt. Giải nghĩa các thành ngữ đã tìm được.

**Gợi ý trả lời**

 \*Đặt câu với thành ngữ:

– *Thà rằng có điều không vừa ý nhau cứ nói toạc móng heo còn dễ chịu hơn là để bụng rồi****mặt nặng mày nhẹ****.* (Trung Đông)

– *Rõ ràng người****mặt hoa da phấn****, ăn nói dịu dàng, đẹp như cái sao băng.* (Vũ Tú Nam)

– *Trông lên****mặt sắt đen sì****/ Lập nghiêm trước đã ra uy nặng lời.* (Nguyễn Du)

 \*  Có thể kể thêm một số thành ngữ khác có từ mặt như sau : *Mặt xanh nanh vàng, Mặt vàng như nghệ, Mặt ủ mày chau, Mặt trơ trán bóng, Mặt cắt không còn hột máu, Mặt đỏ như gà chọi, Mặt đỏ như gấc, Mặt đỏ tía tai, Mặt nạc đóm dày, Mặt nặng mày nhẹ, Mặt nặng như chì, Mặt nặng như đá đeo, Mặt người dạ thú, Mặt nhăn như bị, Mặt sứa gan lim…*

**3. Bài tập 3:**

**-** Tìm các thành ngữ được cấu tạo theo dạng sau **(dạng 1)** **: gồm hai yếu tố có quan hệ so sánh với nhau (được biểu thị bởi từ như chỉ sự so sánh).**

**- Đặt câu với mỗi thành ngữ vừa tìm được.**

**Gợi ý trả lời**

|  |  |
| --- | --- |
| **Thành ngữ** | **Nghĩa của thành ngữ** |
| *Đắt như tôm tươi* | được rất nhiều người mua, có bao nhiêu cũng hết ngay; rất đắt hàng VD: Cô ấy bán hàng *đắt như tôm tươi,* bao nhiêu cũng hết. |
| *Lúng ba lúng búng như ngậm hột thị* | nói ấp úng, không rõ ràng, thiếu rành mạch.  VD: Bạn ấy nói năng l*úng ba lúng búng như ngậm hột thị chả ai hiểu gì cả.* |
| *Trắng như tuyết* | Rất trắng, không gì trắng bằng (thường để chỉ da)  VD: Cô ấy có làn da *trắng như tuyết ấy nhỉ!* |
| *Đen như cột nhà cháy* | Rất đen, khó ai có thể đen hơn (chỉ da)  Mùa hè mà nó cứ diễu nắng thì có mà *đen như cột nhà cháy.* |

**4. Bài tập 4:**

**-** Tìm các thành ngữ được cấu tạo theo dạng sau **(dạng 2)**: **gồm hai vế tương ứng với nhau (trong đó có sự đan xen giữa các từ ở mỗi vế).**

**- Đặt câu với thành ngữ vừa tìm được**

**Gợi ý trả lời**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành ngữ** | **Đối xứng** | **Ý nghĩa** |
| *Mắt nhắm mắt mở* | *Nhắm- mở* | - Ở tình trạng vừa mới bừng mắt dậy, chưa tỉnh hẳn - Chỉ sự vội vã  Ví dụ: Gà mới gáy độ vài lần đã mải mốt choàng dậy, ***mắt nhắm mắt mở*** cuốc bộ một mạch năm cây số về Hà Nội. (Nam Cao) |
| *Dời non lấp bể* | *Dời- lấp* | - Chỉ hành động phi thường, có ý nghĩa lớn lao, vĩ đại. |
| *Lên voi xuống chó* | *Lên- xuống* | Trải qua nhiều gian nan. |
| *Dậu đổ bìm leo* | *Đổ- leo* | Nói đến việc lợi dụng người khác gặp điều không hay hoặc khó khăn, hoạn nạn để lấn lướt, áp đảo. |
| *Bảy nổi ba chìm* | *Chìm- nổi* | Chỉ cảnh ngộ của một người lận đận, long đong vất vả nhiều phen. |

**5. Bài tập 5: Ghép thành ngữ ở cột trái với nghĩa tương ứng ở cột phải:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Thành ngữ** | **Nghĩa của thành ngữ** |
| *Thả hổ về rừng* | Tình thế đến bước đường cùng, không còn lối thoát. |
| *Nuôi ong tay áo* | Chỉ sự thay đổi lớn lao của vũ trụ, của cuộc đời. (Dù cho bể cạn non mòn) |
| *Lên thác xuống ghềnh* | Hành động vô tình lại tạo thêm điều kiện cho kẻ dữ hoành hành ở môi trường quen thuộc. |
| *Chuột chạy cùng sào* | Chỉ cảnh gian nan, vất vả. |
| *Bể cạn non mòn* | Hành động bao che, tiếp tay cho cái ác, cái xấu mà không biết. |

Gợi ý trả lời

|  |  |
| --- | --- |
| **Thành ngữ** | **Nghĩa của thành ngữ** |
| *Thả hổ về rừng* | 🡺Hành động vô tình lại tạo thêm điều kiện cho kẻ dữ hoành hành ở môi trường quen thuộc. |
| *Nuôi ong tay áo* | 🡺Hành động bao che, tiếp tay cho cái ác, cái xấu mà không biết. |
| *Lên thác xuống ghềnh* | 🡺Chỉ cảnh gian nan, vất vả |
| *Chuột chạy cùng sào* | 🡺Tình thế đến bước đường cùng, không còn lối thoát |
| *Bể cạn non mòn* | 🡺Chỉ sự thay đổi lớn lao của vũ trụ, của cuộc đời. |

**Nội dung 2: Dấu chấm phẩy**

**Bài tập ôn tập:**

**Tìm các dấu chấm phẩy được dùng trong những câu dưới đây và chỉ ra tác dụng của chúng trong câu:**

**a. “Chúng kể cho tôi nghe cuộc sống buồn tẻ của chúng và những chuyện đó làm tôi buồn lắm; chúng kể cho tôi nghe về những về những con chim tôi bẫy được sống ra sao và nhiều chuyện trẻ con khác, nhưng tôi nhớ lại thì chưa bao giờ chúng nói một lời nào về dì ghẻ.**

***(Thời thơ ấu, Go-rơ-ki)***

**b. “Nhưng tôi cũng không muốn chúng nó phải khốn khổ mà đần độn như Nhuận Thổ; cũng không muốn chúng nó phải khốn khổ mà tàn nhẫn như bao nhiêu người khác.**

***(Cố hương, Lỗ Tấn)***

c, Theo báo cáo khoa học của đoàn thám hiểm của Hội địa lý Hoàng gia Anh gần đây, cửa hang cao và rộng nhất; bãi cát, bãi đá rộng và đẹp nhất; có những hồ ngầm đẹp nhất; hang khô rộng và đẹp nhất; thạch nhũ tráng lệ và kì ảo nhất; sông ngầm dài nhất.

d, Những bến vận hà nhộn nhịp dài theo dòng sông; những lò than hầm gỗ đước sản xuất loại than củi nổi tiếng nhất của miền Nam; những ngôi nhà bè ban đêm ánh đèn măng sông chiếu rực trên mặt nước như những khu phố nổi.

Gợi ý trả lời

a) Tác dụng của dấu chấm phẩy: Đánh dấu ranh giới các bộ phận trong phép liệt kê phức tạp, cụ thể là ngăn cách các vế của một câu ghép phức tạp.

b) Tác dụng của dấu chấm phẩy: Đánh dấu ranh giới, cụ thể là ngăn cách các bộ phận cùng làm vị ngữ trong câu.

c) Tác dụng của dấu chấm phẩy: Dùng để làm ranh giới giữa các bộ phận trong một phép liệt kê phức tạp.

d) Tác dụng của dấu chấm phẩy: Dùng để ngăn ranh giới các vế của một câu ghép có cấu tạo phức tạp.

**ÔN TẬP KĨ NĂNG VIẾT:**

**Viết đoạn văn nêu cảm nghĩ về một bài thơ lục bát**

✪ **NHẮC LẠI LÍ THUYẾT**

**1. Đoạn văn là gì?**

**-** Đoạn văn là bộ phận của văn bản, có chủ đề thống nhất, có kết cấu hoàn chỉnh được đánh dấu từ chỗ viết hoa lùi đầu dòng đến chỗ chấm xuống dòng.

+ *Về nội dung:* đoạn văn thường diễn đạt một ý tương **I**đối hoàn chỉnh. Các câu trong đoạn văn thường liên kết chặt chẽ với nhau để cùng làm rõ nội dung.

+ *Về hình thức:* mỗi đoạn văn bao gồm một số câu văn có liên kết với nhau về mặt hình thức, thể hiện bằng các phép liên kết; mỗi đoạn văn được bắt đầu bằng chữ viết hoa lùi đầu dòng và kết thúc bằng dấu chấm xuống dòng.

**2. Viết đoạn văn nêu cảm nghĩ về bài thơ lục bát**

- Là ghi lại những cảm xúc của bản thân về bài thơ đó.

- Người viết cần trả lời câu hỏi: *Bài thơ gợi cho em những cảm nghĩ gì?*

- Đoạn văn có thể chỉ nêu cảm nghĩ về một chi tiết nội dung hoặc nghệ thuật của bài thơ lục bát mà em có ấn tượng và yêu thích.

**3. Các bước làm viết đoạn văn nêu cảm nghĩ về bài thơ lục bát**  **.**

**Bước 1: Chuẩn bị:**

 - Đọc kĩ đề bài và xác định yêu cầu của đề.

- Chọn bài thơ mà em sẽ phát biểu cảm nghĩ.

- Đọc kĩ lại bài thơ để hiểu bài thơ.

**Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý**

 a.Tìm ý

- Xác định cảm xúc mà bài thơ mang lại.

- Xác định chủ đề của bài thơ.

- Tìm và xác định ý nghĩa của những từ ngữ, hình ảnh độc đáo, biện pháp tu từ…có trong bài thơ.

- Ghi nhanh những cụm từ thể hiện ý tưởng trên.

b. Lập dàn ý.

Sắp xếp các ý theo trình tự cảm xúc thành một dàn ý gồm 3 phần:

\*Mở đoạn: Giới thiệu nhan đề, tác giả và cảm xúc chung về bài thơ.

\* Thân đoạn:

Trình bày chi tiết cảm xúc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ.

- Chỉ ra nội dung hoặc nghệ thuật cụ thể của bài thơ khiến em yêu thích và có nhiều cảm xúc, suy nghĩ.

- Nêu lên các lí do khiến em thích.

\* Kết đoạn: Khẳng định lại cảm xúc về bài thơ và ý nghĩa của nó đối với bản thân.

**Bước 3: Viết**

Viết đoạn văn theo dàn ý đã lập. Chú ý lựa chọn các từ ngữ phù hợp để diễn tả cảm nghĩ của em về bài thơ.

**Bước 4: Kiểm tra và chỉnh sửa:**

 + **Kiểm tra dàn ý** đã xây dựng và xác định các lỗi về nội dung cần chỉnh sửa.

+ **Kiểm tra đoạn văn** đã viết, phát hiện và tìm cách sửa các lỗi về viết: dùng từ, chính tả, ngữ pháp, trình bày,...

**II. Thực hành**

**Đề bài:** Em hãy viết một đoạn văn phát biểu cảm nghĩ về một trong hai bài thơ lục bát ("À ơi tay mẹ", "Về thăm mẹ") hoặc về một bài ca dao Việt Nam đã học.

**1. Đề bài 1:** Em hãy viết một đoạn văn phát biểu cảm nghĩ về một bài ca dao: “Công cha như núi ngất trời”

**a. Bước 1: Chuẩn bị:**

 - Đọc kĩ đề bài và xác định yêu cầu của đề:

+ Dạng bài: phát biểu cảm nghĩ.

+ Đối tượng: bài ca dao: “Công cha như núi ngất trời”

+ Đọc kĩ lại bài thơ để hiểu ca dao (đọc lại bài ca dao 3,4 lần, vừa đọc vừa nghĩ đến hình ảnh, ngôn từ để hình dung, xác định được cảm xúc của bản thân)

**b. Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý**

**\* Tìm ý**

- Xác định cảm xúc mà bài ca dao mang lại: khơi dậy trong em niềm xúc động, biết ơn, tự hào về cha mẹ.

- Xác định chủ đề của ca dao: Ca ngợi công lao của cha mẹ với con cái và nhắc nhở bổn phận làm con.

- Tìm và xác định ý nghĩa của những từ ngữ, hình ảnh độc đáo, biện pháp tu từ…có trong bài ca dao.

**+ Hình ảnh “***Núi ngất trời”, “Nước ở ngoài biển Đông*”.

**+ Phép so sánh, đối xứng đặc sắc: “*Công cha – như – núi ngất trời”, “Nghĩa mẹ -như – nước biển Đông”***

+ Nội dung: Nhấn mạnh sự hy sinh lớn lao, tình yêu bao la của cha mẹ dành cho con cái.

\* **Lập dàn ý**đoạn văn phát biểu cảm nghĩ về bài thơ theo gợi ý:

+ **Mở đoạn:** giới thiệu được bài ca dao : trích bài và dẫn dắt nêu bật cảm nghĩ chung về ca dao “Công cha như núi ngất trời”

+ **Thân đoạn:**

**+ Hình ảnh “**Núi ngất trời”, “Nước ở ngoài biển Đông”.

**+ Phép so sánh, đối xứng đặc sắc: “*Công cha – như – núi ngất trời”, “Nghĩa mẹ -như – nước biển Đông”***

Nhấn mạnh sự hy sinh lớn lao, tình yêu bao la của cha mẹ dành cho con cái.

Lời nhắc nhở con phải ghi nhớ, biết ơn, hiếu thảo và đền đáp công cha nghĩa mẹ

**+ Kết đoạn:** Bài ca dao khơi dậy trong mỗi con người tình yêu, sự tôn kính, biết ơn cha mẹ.

1. **Bước 3: Gợi ý cách viết**

**MĐ**

Công cha như núi ngất trời,Nghĩa mẹ như nước ở ngoài Biển Đông.Núi cao biển rộng mênh mông,Cù lao chín chữ ghi lòng con ơi!

Không biết từ bao giờ, bài ca dao trên luôn vang vọng trong tâm hồn mỗi con người, gợi nhắc ta về tình cảm gia đình thiêng liêng, tình yêu thương của cha mẹ với con cái ***.***

**TĐ:**

- Với giọng điệu thủ thỉ, tâm tình của người mẹ với con trong lúc hát ru, mẹ gợi nhắc đến “Công cha”, “nghĩa mẹ”. Đó là cách bày tỏ tình yêu thương con tha thiết. Bằng những hình ảnh so sánh đặc sắc, tác giả dân gian lấy “ *Núi ngất trời*” để ví với “Công cha”, cũng đủ để khẳng định công lao của cha là lớn lao đến vô cùng, vô tận. Còn *“nghĩa mẹ*” được ví với “nước ở ngoài biển Đông” bao la, mênh mông không kể xiết. Hình ảnh so sánh cụ thể, lấy cái to lớn, mênh mông, vô tận, vĩnh hằng của thiên nhiên để so sánh với công lao cha mẹ. Hai câu thơ đầu cũng là lời bày tỏ tình yêu thương bao la của cha mẹ với con cái. Tác giả dân gian c**a ngợi công lao to lớn, những hi sinh không thể đo đếm của cha mẹ với chúng ta.**

- Hai câu sau là lời nhắn gửi thiết tha với con. Để con ghi nhớ, bài ca dao dùng cách lặp lại hình ảnh như một khẳng định để con khắc cốt ghi tâm *“Núi cao, biển rộng mênh mông”.* Các tính từ tiên tiếp xuất hiện như mở ra trước mắt con một khung trời bao lao, vô tận, vĩnh hằng của thiên nhiên. Hay nói đúng hơn là khắc sâu tình yêu, đức hi sinh, công lao của cha mẹ với con. Chín chữ cù lao kể sao cho xiết! Cụm từ “*ghi lòng con ơi!”* cuối bài ca dao tạo âm vang tha thiết. Lời nhắn gửi xúc động để con ghi lòng tức là luôn nhớ, không bao giờ được quên. Chỉ thế thôi, bài ca nhắc nhở bổn phận làm con phải biết ơn, yêu kính, hiếu thảo với cha mẹ!

**KĐ:** Bằng những câu thơ lục bát nhẹ nhàng, giọng thơ tâm tình, sâu lắng, bài ca dao đã làm xúc động bao tâm hồn, là tiếng gọi nhớ về cha mẹ, quê hương cho ai xa quê, xa cha mẹ.

**2. Đề bài 2:** Em hãy viết một đoạn văn phát biểu cảm nghĩ về bài thơ “À ơi tay mẹ" của nhà thơ Bình Nguyên.

**Hướng dẫn HS: Tìm ý và lập dàn ý**

**a. Tìm ý**

- Xác định cảm xúc mà bài thơ mang lại: khơi dậy trong em niềm xúc động, biết ơn, tự hào về mẹ, về tình mẫu tử.

- Xác định chủ đề của ca thơ: tình mẫu tử thiêng liêng, hình ảnh người mẹ Việt Nam điển hình.

- Tìm và xác định ý nghĩa của những từ ngữ, hình ảnh độc đáo, biện pháp tu từ…có trong bài thơ.

**+ Hình ảnh**  hoán dụ “Bàn tay mẹ” - người mẹ ; ẩn dụ “chắn mưa sa", "chặn bão qua mùa màng" chỉ khó khăn, vất vả mẹ phải trải qua trong cuộc đời.

Ẩn dụ “Cái trăng, cái Mặt Trời”- người con.

+ Điệp từ, điệp cấu trúc "Bàn tay mẹ", "À ơi này cái".

+ Âm hưởng thiết tha lời ru trên nền thơ lục bát

+ Cảm nhận nội dung

. Vẻ đẹp của hình ảnh đôi tay mẹ kiên cường và bền bỉ, dịu dàng và yêu thương, nhiệm màu hi sinh vì con.

. Ý nghĩa lời ru của mẹ thể hiện sự hi sinh cao cả của mẹ không chỉ với con mà là với người thân, với cả cộng đồng

b. **Lập dàn ý**đoạn văn phát biểu cảm nghĩ về bài thơ theo gợi ý:

\* **Mở đoạn:** giới thiệu tên bài thơ “*À ơi tay mẹ*” của nhà thơ Bình Nguyên là một bài thơ xúc động viết về tình mẫu tử thiêng liêng, tình yêu và những hi sinh của mẹ với con.

\* **Thân đoạn:**

**Ấn tượng về bài thơ là ở điểm gì?**

**- Nhan đề:** *“À ơi tay mẹ*” khơi gợi xúc cảm về lời ru và hình ảnh đôi bàn tay mẹ, đó là biểu tượng sâu đậm về hình ảnh người mẹ tần tảo, dịu dàng.

- Nghệ thuật đặc sắc: có thể chọn một trong những vẻ đẹp nghệ thuật của bài thơ như:

+ Thể thơ lục bát tạo âm hưởng đằm thắm, tha thiết, bình dị gần gũi diễn tả xúc cảm trong lòng mẹ.

+ Nhiều hình ảnh ẩn dụ gần gũi để chỉ mẹ, chỉ con; điệp từ, điệp cấu trúc, cách sử dụng từ “vẫn”

- Nội dung:

+ Vẻ đẹp của hình ảnh đôi tay mẹ được khắc họa qua nhiều hình ảnh thơ giàu sức khái quát:

+ + Mẹ mạnh mẽ, kiên cường trước khó khăn, chông gai trong cuộc đời để bảo vệ con, cho con được hạnh phúc, bình yên "chắn mưa sa", "chặn bão qua mùa màng".

+ + Mẹ luôn dịu dàng, yêu thương con "bàn tay mẹ dịu dàng" gọi con là “cái trăng vàng, cái trăng tròn, cái trăng còn nằm nôi, cái Mặt Trời bé con”.

+ + M**ẹ hi sinh vì con “bàn tay mang phép nhiệm màu”, cách gọi con “cái mặt trời bé con” ẩn dụ con là nguồn sống, hi vọng của mẹ. niềm yêu thương bao la.**

→**Khắc họa hình ảnh người mẹ tảo tần, hi sinh, luôn hết lòng vì con.**

→**Người mẹ luôn ẩn chứa sức mạnh phi thương để bảo vệ con trước mọi bão dông của cuộc đời.**

+ Ý nghĩa lời ru của mẹ

+ + Nghĩ cho đứa con yếu ớt, nhớ nhung mẹ:

* "mềm ngọn gió thu", "tan đám sương mù lá cây" → xua tan đi cái rét mướt, lạnh lẽo của thời tiết. → Sự ấm áp đến từ lời ru, từ trái tim người mẹ.
* "cái khuyết tròn đầy", "cái thương cái nhớ" → thương cho đứa con còn nhỏ, chưa phát triển đầy đủ, thương con khi phải xa mẹ.

+ + Nghĩ cho mẹ, cho bà: "sóng lặng bãi bồi", "mưa không dột chỗ bà ngồi khâu".

+ + Nghĩ cho cả mọi người, cho cuộc đời: "cho đời nín đau".

+ **+ Mẹ vì mọi người mà quên mất bản thân mình**"À ơi...Mẹ chẳng một câu ru mình".

→ Đức hi sinh cao cả, thiêng liêng của người mẹ.

+Thể thơ lục bát nhịp nhàng như lối hát ru con; phối hợp hài hòa các biện pháp tu từ: ẩn dụ, điệp từ, điệp cấu trú

+ Bài thơ khơi dậy tình cảm cao đẹp: tình yêu, đức hi sinh, nỗi vất vả...của mẹ dành cho con, cho cuộc đời.

**\* Kết đoạn:**

Qua bài thơ, người đọc thấy được tình mẫu tử giản dị mà thiêng liêng, bồi đắp ta về ý nghĩa cao cả của tình mẫu tử trong cuộc sống.

**Đoạn văn tham khảo:**

Ai đã từng đọc bài thơ “*À ơi tay mẹ”* của nhà thơ Bình Nguyên thì đều rưng rưng xúc động về tình mẫu tử thiêng liêng, tình yêu và những hi sinh của mẹ với con. Ngay nhan đề:“*À ơi tay mẹ”* đã khơi gợi xúc cảm về lời ru và hình ảnh đôi bàn tay mẹ. Đó là biểu tượng sâu đậm về hình ảnh người mẹ tần tảo, dịu dàng, gần gũi !. Bình Nguyên đưa ta về với âm hưởng đằm thắm, tha thiết, bình dị của thể thơ lục để diễn tả xúc cảm trong lòng mẹ. Trước hết, bài thơ khắc họa vẻ đẹp của hình ảnh đôi tay mẹ qua nhiều hình ảnh thơ giàu sức gợi. Nổi bật nhất bài thơ là hình ảnh hóan dụ “*đôi bàn tay mẹ”*, đoi bàn tay tượng trưng cho chính người mẹ ! Hình ảnh ẩn dụ “chắn mưa sa", "chặn bão qua mùa màng" đã ca ngợi mẹ luôn mạnh mẽ, kiên cường trước khó khăn, chông gai trong cuộc đời để bảo vệ con. Cho con được hạnh phúc, bình yên, mẹ sẵn sàng "chắn mưa sa", "chặn bão qua mùa màng". Mẹ luôn dịu dàng, yêu thương con với "bàn tay mẹ dịu dàng". Cách mẹ gọi con mới thiết tha, trìu mến nhường nào “cái trăng vàng, cái trăng tròn, cái trăng còn nằm nôi, cái Mặt Trời bé con”. .Mỗi hình ảnh ẩn dụ như thế đã gợi đến tình yêu sâu thẳm của mẹ với con. Với mẹ, **con là nguồn sống, hi vọng của mẹ, là niềm yêu thương bao la. Hình ảnh “*bàn tay mang phép nhiệm màu”* ẩn dụ cho người mẹ luôn ẩn chứa những gì tốt đẹp nhất trong cuộc đời mà mẹ dành cho con.** Bằng tình yêu, sự biết ơn mẹ, nhà thơ suy ngẫm về ý nghĩa lời ru của mẹ. Trong lời ru, mẹ gửi ý nghĩ của mình cho đứa con yếu ớt, nhớ nhung mẹ. Hình ảnh "mềm ngọn gió thu", "tan đám sương mù lá cây" cho thấy lời ru của mẹ đã xua tan đi cái rét mướt, lạnh lẽo của thời tiết. Lời ru mang lại sự ấm áp cất lên từ trái tim người mẹ. Đó còn là tình thương cho đứa con còn nhỏ, chưa phát triển đầy đủ, thương con khi phải xa mẹ "cái khuyết tròn đầy", "cái thương cái nhớ".  Lời ru chất chứa bao trăn trở của mẹ cho cả mọi người, cho cuộc đời: "cho đời nín đau". Bài thơ khép lại bằng lời ru "À ơi...Mẹ chẳng một câu ru mình".  **Mẹ vì mọi người mà quên mất bản thân mình.**Đức hi sinh cao cả, thiêng liêng của người mẹ. Thể thơ lục bát nhịp nhàng như lối hát ru con; phối hợp hài hòa các biện pháp tu từ: ẩn dụ, điệp từ, điệp cấu trúc. Bài thơ khơi dậy tình cảm cao đẹp: tình yêu, đức hi sinh, nỗi vất vả...của mẹ dành cho con, cho cuộc đời. Qua bài thơ, ta nhận thấy tình mẫu tử giản dị mà thiêng liêng cao quý biết bao, phải là người con yêu mẹ tha thiết, luôn tự hào, biết ơn, trân trọng và nhớ thương mẹ,thì Bình Nguyên mới mang đến những vần thơ lục bát xúc động về mẹ như thế!

**ÔN TẬP NÓI VÀ NGHE:**

**Trình bày ý kiến về một vấn đề**

**lÀM**

✪ **NHẮC LẠI LÍ THUYẾT :**

1. **Các bước thực hành nói và nghe: Trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống gia đình.**

**Bước 1: Chuẩn bị**

- Mục đích nói: chia sẻ ý kiến về một vấn đề trong đời sống gia đình.

- Người nghe: thầy cô, bạn bè, người thân…

- Dựa vào trải nghiệm của bản thân để lựa chọn đề tài phù hợp. (Gợi ý: Quan hệ giữa các thành viên trong gia đình; việc chăm sóc lắng nghe thấu hiểu của cha mẹ với con cái; thái độ cư xử của con cái với cha mẹ…).

- Đọc lại văn bản trong SGK để có thêm ý tưởng (ví dụ như tình yêu thương của mẹ dành cho con trong bài thơ “À ơi tay mẹ” – Bình Nguyên***;*** tình cảm của người con xa quê lâu ngày về thăm mẹ trong tác phẩm “Về thăm mẹ” – Đinh Nam Khương; tình cảm gia đình thiêng liêng trong chùm ca dao Việt Nam; tình cảm của người bố dành cho đứa con thơ trong bài thơ “Những điều bố yêu” – Nguyễn Chí Thuật,…)

- Tìm các thông tin liên quan từ sách, báo hoặc các phương tiện khác.

- Chuẩn bị tranh, ảnh minh họa (ví dụ sưu tầm bài thơ, câu hát tranh ảnh liên qua đến chủ đề gia đình

- Ghi ra giấy những ý chính cần nói và sắp xếp theo trình tự.

**Bước 2: Chuẩn bị nội dung nói**

**- Xác định đề tài:**

**- Các ý cần phải nói và sắp xếp theo trình tự phù hợp:**

+ Nêu vấn đề:

+ Các biểu hiện cụ thể của vấn đề

+ Nêu tác dụng của vấn đề với các thành viên trong gia đình.

+ Trình bày mong muốn của em và cách giải quyết vấn đề.

**Bước 3: Luyện tập và trình bày.**

+ Để trình bày tốt, em hãy luyện tập trước ( trình bày một mình hoặc trước bạn bè, người thân)

+ Cách nói: tự nhiên, gần gũi, chia sẻ, giãi bày.

**Bước 4: Kiểm tra và chỉnh sửa:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| \* **Bảng tự kiểm tra kĩ năng nói:**   |  |  | | --- | --- | | **Nội dung kiểm tra** | **Đạt/**  **chưa đạt** | | - Bài nói có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. |  | | - Mớ bài nêu lên cảm nhận được điều em sắp nói là điều em đã thực sự chứng kiến, có nhiều cảm xúc và suy nghĩ. |  | | - Thân bài: Em đã trình bày lần lượt: biểu hiện của vấn đề; tác dụng, mong muốn và cách giải quyết vấn đề |  | | -Tập trung nêu được nội dung cột lõi, mang tính tiêu biểu cho vấn đề đang bàn. |  | | -Kết thúc bài nói đã nhấn mạnh vào cách ứng ứng thích hợp mà em lựa chọn. |  | | -Lí giải được sự quan trọng, ý nghĩa của vấn đề được nói. |  | | \* **Bảng tự kiểm tra kĩ năng nghe:**   |  |  | | --- | --- | | **Nội dung kiểm tra** | **Đạt/**  **chưa đạt** | | - Nắm và hiểu được nội dung chính vấn đề bạn nói; |  | | -Đưa ra được những nhận xét được về ưu điểm, yếu tố sáng tạo trong lời đánh giá của bạn hay điểm hạn chế của bạn. |  | | -Thái độ chú ý tôn trọng, nghiêm túc, động viên khi nghe bạn trình bày |  | |

**2. Thực hành luyện nghe, nói trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống gia đình.**

**Đề 1: Em hãy trình bày ý kiến về những việc cần làm để gia đình trở thành một tổ ấm yêu thương.**

**Bước 1: Chuẩn bị**

- Mục đích nói: chia sẻ ý kiến về một vấn đề trong đời sống gia đình.

- Người nghe: thầy cô, bạn bè, người thân…

- Dựa vào trải nghiệm của bản thân để nội dung nói phù hợp với vấn đề cần chia sẻ**:** Những việc cần làm để gia đình trở thành một tổ ấm yêu thương.

**Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý.**

**- Tìm ý vấn đề cần trình bày:** Những việc cần làm để gia đình trở thành một tổ ấm yêu thương.

+ Nêu vấn đề: Gia đình có vai trò quan trong với mỗi con người. Để gia đình trở thành một tổ ấm yêu thương thì mỗi thành viên trong gia đình cần phải làm gì?

+ Các biểu hiện cụ thể của vấn đề: Gia đình có vai trò quan trong với mỗi người: nơi con người sinh ra, nuôi dưỡng ta trưởng thành, nơi chia sẻ vui buồn, giúp đỡ nhau vượt qua khó khăn, nơi tạo động lực cho ta tiến bộ...

+ Nêu tác dụng của vấn đề với các thành viên trong gia đình: Mỗi thành viên trong gia đình cần có việc làm cụ thể để gia đình trở thành tổ ấm

+ Trình bày mong muốn của em Những việc cần làm để gia đình trở thành một tổ ấm yêu thương.

+ + Với cha mẹ với con:

+ + Con cái với cha mẹ:

+ + Anh chị em với nhau

**- Lập dàn ý**cho bài kể (có thể bằng sơ đồ tư duy):

+ **Mở đầu**: Chào hỏi. Nêu vấn đề

**Gợi ý**: Xin chào thầy cô và các bạn. Tôi tên là......................, học lớp......., trường................. Sau đây tôi xin trình bày vấn đề: Những việc cần làm để gia đình trở thành một tổ ấm yêu thương.

. Trước khi bắt đầu bài nói của mình, tôi có một câu hỏi "Các bạn có cùng chơi thể thao với bố, có cùng làm việc nhà với mẹ chưa?" (Có thể giao lưu với 1 bạn hỏi lí do). Bản thân tôi cũng thường được làm những việc ấy. Bởi vì gia đình có vai trò quan trong với mỗi con người. Để gia đình trở thành một tổ ấm yêu thương thì mỗi thành viên trong gia đình cần phải làm gì?

+ **Nội dung chính**: Lựa chọn và sắp xếp các ý tìm được theo một trình tự hợp lí.

+ Biểu hiện của vấn đề:

+ +Nêu được vai trò của gia đình với mỗi người: Gia đình có vai trò quan trong với mỗi người: nơi con người sinh ra, nuôi dưỡng ta trưởng thành, nơi chia sẻ vui buồn, giúp đỡ nhau vượt qua khó khăn, nơi tạo động lực cho ta tiến bộ...

+ + Nhưng nhiều vấn đề nảy sinh, khiến nhiều gia đình không thực sự là tổ ấm như cha mẹ mải lo cơm áo, thú sử dụng điện thoại phổ biến, nhiều trẻ nhỏ không được ở với cha mẹ...

+ Nêu tác dụng của vấn đề với các thành viên trong gia đình: Mỗi thành viên trong gia đình cần có việc làm cụ thể để gia đình trở thành tổ ấm: Sự cần thiết của việc gắn kết các thành viên: ông bà, cha mẹ, con cái...Để có một gia đình bình yên, hạnh phúc phải đến từ sự cố gắng của các thành viên trong gia đình

+ Trình bày mong muốn của em về những việc cần làm để gia đình trở thành một tổ ấm yêu thương.

+ + Với cha mẹ với con: cần trở thành một người bạn của con, chia sẻ với con những vấn đề trong cuộc sống, đưa ra những lời khuyên hay lời động viên đúng lúc. Không áp đặt suy nghĩ của mình cho con, không so sánh giữa các con, tôn trọng sở thích, ước mơ của con

+ + Con cái với cha mẹ: vâng lời, lễ phép và học tập những đức tính tốt đẹp của cha mẹ; chia sẻ với cha mẹ để có thể nhận được sự thấu hiểu, hay lời khuyên đúng đắn

+ + Anh chị em với nhau: cần sống hòa thiện, nhường nhịn, chia sẻ và giúp đỡ nhau, tôn trọng nhau.

+**Kết thúc**:

+ + Khẳng định sự cần thiết của việc cần làm để gia đình trở thành một tổ ấm yêu thương.

+ + Bày tỏ mong muốn nhận được sự chia sẻ từ người nghe về vấn đề.

**Bước 3: Thực hành nói và nghe**

- Dựa vào dàn ý và thực hiện việc **trình bày vấn đề n**hững việc cần làm để gia đình trở thành một tổ ấm yêu thương trước tổ hoặc lớp.

- Chú ý bảo đảm nội dung trình bày, cách nói thế nào để vấn đề trở nên hấp dẫn.

- Có thể sử dụng thêm tranh ảnh, đạo cụ…kết hợp với ngôn ngữ hình thể để bài nói thêm sinh động và hấp dẫn hơn.

**Bước 4: Kiểm tra và chỉnh sửa:**

Dựa vào bảng trên để đánh giá

✪ **BÁO CÁO SẢN PHẨM :**

* GV gọi một số HS trình bày sản phẩm bài nói trước lớp.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ BÀI NÓI** | | | |
| **NHÓM............................** | | | |
| TIÊU CHÍ | Chưa đạt  (0 điểm) | Đạt  (1 điểm) | Tốt  (2 điểm) |
|  |  |  |
| 1. Chọn được vấn đề hay, có ý nghĩa | Chưa có vấn đề để nói | Có vấn đề để nói nhưng chưa hay | Có vấn đề để nói ấn tượng |
| 2. Nội dung vấn đề được chọn hay, phong phú, hấp dẫn | Nôi dung sơ sài, chưa có đủ chi tiết để người nghe hiểu được nội dung vấn đề | Có đủ ý để người nghe hiểu được nội dung vấn đề. | Nội dung vấn đề hay, phong phú, hấp dẫn |
| 3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm | Nói nhỏ, khó nghe, nói lặp lại ngập ngừng nhiều lần. | Nói to, nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng một vài câu. | Nói to, truyền cảm hầu như không lặp lại hay ngập ngừng |
| 4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ (điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt,..) phù hợp | Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe, nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp. | Điệu bộ tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe, biểu cảm phù hợp với nội dung vấn đề | Điệu bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe, nét mặt sinh động. |
| 5. Mở đầu và kết thúc hợp lí | Không chào hỏi và/ hoặc không có lời kết thúc bài nói. | Chào hỏi và/ có lời kết thúc bài nói. | Chào hỏi và/ có lời kết thúc bài nói ấn tượng. |
| **Tổng: ................/10 điểm** | | | |

**Bài tham khảo**

**Đề 1: Trình bày ý kiến về vấn đề những việc cần làm để gia đình trở thành một tổ ấm yêu thương.**

**- Mở đầu:**

Xin chào thầy cô và các bạn. Tôi tên là......................, học lớp......., trường................. Sau đây tôi xin trình bày vấn đề: Những việc cần làm để gia đình trở thành một tổ ấm yêu thương.

Trước khi bắt đầu bài nói của mình, tôi có một câu hỏi "Các bạn có cùng chơi thể thao với bố chưa, có cùng làm việc nhà với mẹ bao giờ không nhỉ?" (*Có thể giao lưu với 1 bạn hỏi lí do*). Bản thân tôi cũng thường được làm những việc ấy. Bởi vì gia đình có vai trò quan trong với mỗi con người. Để gia đình trở thành một tổ ấm yêu thương thì mỗi thành viên trong gia đình đều có vai tò rất quan trọng. Những việc làm nhỏ hàng ngày của chúng ta như cùng ăn một bữa cơm với cả gia đình, cùng làm việc nhà với mẹ...Đó chính là cách chúng ta làm cho gia đình của mình thật sự là tổ ấm yêu thương.

- **Trình bày vấn đề:** Sau đây tôi xin trình bày vấn đề: Những việc cần làm để gia đình trở thành một tổ ấm yêu thương.

*( Giọng tâm tình, vừa phải)*Trước hết, chúng ta cần phải hiểu được gia đình có vai trò quan trong với mỗi người. Bởi gia đình là nơi con người sinh ra, nuôi dưỡng ta trưởng thành, nơi ghi dấu bao kỉ niệm thân thương, gắn liền với ông bà, cha mẹ, anh chị em của ta. Gia đình là máu thịt, là những gì thiêng liêng nhất. Nơi đây, chúng ta cùng chia sẻ vui buồn. Khi gặp khó khăn, gia đình sẽ giúp đỡ nhau vượt qua giông bão, nơi tạo động lực cho ta tiến bộ, nâng đỡ khi ta vấp ngã, chốn yêu thương để ta tìm về...

*( Giọng trầm lắng)* Nhưng không phải gia đình nào cũng thực sự là tổ ấm. Lối sống hiện đại đang làm nhiều giá trị truyền thống tốt đẹp của gia đình Việt Nam ít nhiều bị phai nhạt, mất đi. Xã hội phát triển, cuộc sống bận rộn, thiết bị công nghệ thông minh ra đời khiến các thành viên gia đình ngày càng ít thời gian bên nhau, quan tâm lẫn nhau. Nhiều bậc cha mẹ vì mải lo làm ăn kinh tế, phấn đấu vì sự nghiệp mà ít gần gũi, chú trọng đến giáo dục nhân cách cho con cái. Bên cạnh đó, tình trạng bạo lực gia đình, ly thân, ly hôn, lối sống tự do, buông thả…đang có chiều hướng gia tăng đã làm cho giá trị gia đình dần giảm đi.

*(Giọng cất cao hơn, nhấn mạnh vấn đề)* Như vậy, mỗi thành viên trong gia đình cần làm gì để gia đình trở thành tổ ấm. Trước hết, mỗi gia đình có sự gắn kết các thành viên: ông bà, cha mẹ, con cái...Để có một gia đình bình yên, hạnh phúc phải đến từ sự cố gắng của các thành viên trong gia đình.

Cha mẹ cần trở thành một người bạn của con, chia sẻ với con những vấn đề trong cuộc sống, đưa ra những lời khuyên hay lời động viên đúng lúc. Nhiều bậc cha mẹ cố thói quen áp đặt suy nghĩ của mình cho con, so sánh giữa các con khiến cho nhiều trẻ bị tổn thương, các bạn luôn tự ti, thấy mình kém cỏi. Vậy mỗi cha mẹ hãy yêu thương con bằng việc tôn trọng sở thích, ước mơ của con, không so sánh, suy bì để tạo áp lực cho con. Còn với chúng ta, là con cái phải biết vâng lời, lễ phép, tôn trọng cha mẹ. Con cái cần học tập những đức tính tốt đẹp của cha mẹ như tính chăm chỉ, gọn gàng của mẹ, thói quen chăm sóc cây của cha... Hãy chia sẻ với cha mẹ để có thể nhận được sự thấu hiểu, hay lời khuyên đúng đắn. Anh chị em với nhau cần sống hòa thiện, nhường nhịn, chia sẻ và giúp đỡ nhau, tôn trọng nhau. Có đôi khi, tình yêu thương lại xuất phát từ những hành động vô cùng nhỏ bé. Đó có thể là cả gia đình cùng nhau ăn một bữa cơm, lời nhắc nhở người cha người mẹ mặc ấm, cùng chụp chung một tấm ảnh vào năm mới… Tuy nhỏ bé nhưng lại đem đến sự ấm áp vô cùng.

**- Kết thúc vấn đề:**

*(Giọng nhẹ nhàng) Thưa các thầy cô, các bạn!*

Mỗi năm, Ngày Gia đình Việt Nam (28/6) nhắc nhở chúng ta hãy trở về nhà để vun đắp cho mái ấm gia đình bằng những việc làm đơn giản mà bấy lâu nay mình lãng quên. Đó có thể là một lần bỏ điện thoại xuống, cất Ipad đi để cùng nhau vào bếp chuẩn bị bữa cơm gia đình. Đôi khi chỉ đơn thuần mỗi người hãy quên đi những niềm vui riêng tư, về nhà ăn một bữa cơm có đầy đủ các thành viên; điều này cho thấy rằng, tình yêu gia đình không phải là những điều gì to tát, lớn lao mà xuất phát từ những điều giản dị nhất trong cuộc sống hàng ngày.

**Đề 2: Trình bày ý kiến về việc chăm sóc, lắng nghe, thấu hiểu của cha mẹ với con cái.**

**Bước 1: Chuẩn bị**

- Mục đích nói: chia sẻ ý kiến về một vấn đề trong đời sống gia đình.

- Người nghe: thầy cô, bạn bè, người thân…

- Dựa vào trải nghiệm của bản thân để nội dung nói phù hợp với vấn đề cần chia sẻ**:** việc chăm sóc, lắng nghe,thấu hiểu của cha mẹ với con cái.

**Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý.**

**- Tìm ý vấn đề cần trình bày** việc chăm sóc, lắng nghe,thấu hiểu của cha mẹ với con cái

+ Nêu vấn đề: Gia đình có vai trò quan trong với mỗi con người. Bạn có thật sự đang hài lòng, cảm thấy hạnh phúc, vui vẻ khi ở trong gia đình của mình. Trong cuộc sống hàng ngày, liệu việc chăm sóc, lắng nghe,thấu hiểu của cha mẹ với bạn đã làm bạn thực sự tự tin và hạnh phúc chưa?

+ Các biểu hiện cụ thể của vấn đề: bạn thường bị cha mẹ áp đặt suy nghĩ, yêu thích, ưu tiên hơn đối với anh chị em của mình, so sánh giữa các con...

+ Nêu tác dụng của vấn đề chăm sóc, lắng nghe,thấu hiểu của cha mẹ với con cái: Đem đến cảm giác an toàn, ấm cúng cho con, gia đình đầm ấm, hạnh phúc.

+ Trình bày mong muốn của em

+ + Với cha mẹ với con: tôn trọng sự khác biệt, dành nhiều thời gian chăm sóc, quan tâm, chuyện trò với con cái để hai bên có thể sẻ chia, thấu hiều và tìm ra cách giải quyết khi có vấn đề.

+ + Con cái với cha mẹ: ngoan ngoan, lễ phép, kính trọng cha mẹ.

**- Lập dàn ý**cho bài kể (có thể bằng sơ đồ tư duy):

+ **Mở đầu**: Chào hỏi. Nêu vấn đề

**Gợi ý**: Xin chào thầy cô và các bạn. Tôi tên là......................, học lớp......., trường................. Sau đây tôi xin trình bày vấn đề: việc chăm sóc, lắng nghe,thấu hiểu của cha mẹ với con cái.

Gia đình có vai trò quan trong với mỗi con người. Bạn có thật sự đang hài lòng, cảm thấy hạnh phúc, vui vẻ khi ở trong gia đình của mình. Bạn có bao giờ bị cha mẹ so sánh “Con vụng về thế, suốt ngày làm vỡ bát!”, “nhìn chị con kia kìa, chị luôn giỏi giang, chăm chỉ, còn còn thì yếu đuối mọi nhẽ”...Hàng ngày, liệu việc chăm sóc, lắng nghe,thấu hiểu của cha mẹ với bạn đã làm bạn thực sự tự tin và hạnh phúc chưa?

+ Các biểu hiện cụ thể của vấn đề:

+ + cha mẹ có thể vô tình làm tăng mâu thuẫn giữa anh chị em bằng cách trực tiếp so sánh hoặc khen ngợi một đứa trẻ thành công.

+ + Cha mẹ thường có xu hướng yêu thích, ưu tiên hơn đối với anh chị em của mình.

+ + Cha mẹ áp đặt hay thờ ơ với những chuyện mà bạn gặp phải mỗi ngày. Sự phán xét quá mức của cha mẹ về cách ăn mặc, sở thích... của con đôi khi trở thành thiếu tôn trọng

+ Nêu tác dụng của việc chăm sóc, lắng nghe,thấu hiểu của cha mẹ với con cái:

+ + Đem đến cảm giác an toàn, ấm cúng cho con

+ + Con tìm thấy tài năng và sở trường riêng của mình trong cuộc sống, cảm thấy tự tin, mạnh dạn hơn.

+ Trình bày mong muốn của em về việc chăm sóc, lắng nghe,thấu hiểu của cha mẹ với con cái:

+ + Cha mẹ cần tôn trọng sự khác biệt của mỗi con

+ + Hãy yêu cả những điều tốt và chưa tốt, yêu sự độc đáo, khác biệt của con; cha mẹ nên tôn trọng sở thích, năng lực, cá tính của mỗi đứa con

+ + Đừng nên cố gắng so sánh con mình với bất kỳ ai; dành nhiều thời gian chăm sóc, quan tâm, chuyện trò với con cái để hai bên có thể sẻ chia, thấu hiều và tìm ra cách giải quyết khi có vấn đề.

+ + Con cái cần vâng lời, lễ phép, chia sẻ với cha mẹ để có thể nhận được sự thấu hiểu, hay lời khuyên đúng đắn

+**Kết thúc**:

+ + Khẳng định sự cần thiết của việc chăm sóc, lắng nghe,thấu hiểu của cha mẹ với con cái.

+ + Bày tỏ mong muốn nhận được sự chia sẻ từ người nghe về vấn đề.

**Bước 3: Thực hành nói và nghe**

- Dựa vào dàn ý và thực hiện việc **trình bày vấn đề n**hững việc cần làm để gia đình trở thành một tổ ấm yêu thương trước tổ hoặc lớp.

- Chú ý bảo đảm nội dung trình bày, cách nói thế nào để vấn đề trở nên hấp dẫn.

- Có thể sử dụng thêm tranh ảnh, đạo cụ…kết hợp với ngôn ngữ hình thể để bài nói thêm sinh động và hấp dẫn hơn.

**Bước 4: Kiểm tra và chỉnh sửa:**

Dựa vào bảng trên để đánh giá

**Bài tham khảo**

**Đề 2: Trình bày ý kiến về việc chăm sóc, lắng nghe, thấu hiểu của cha mẹ với con cái.**

**- Chào hỏi và nêu vấn đề:**

Xin chào thầy cô và các bạn. Tôi tên là......................, học lớp......., trường................. Sau đây tôi xin trình bày vấn đề: việc chăm sóc, lắng nghe,thấu hiểu của cha mẹ với con cái.

-**Trình bày vấn đề:**

*( Giọng tâm tình, vừa phải)* Chúng ta đều biết, gia đình có vai trò quan trong với mỗi con người. Bạn có thật sự đang hài lòng, cảm thấy hạnh phúc, vui vẻ khi ở trong gia đình của mình? Bạn có bao giờ bị cha mẹ so sánh “Con vụng về thế, suốt ngày làm vỡ bát!”, “nhìn chị con kia kìa, chị luôn giỏi giang, chăm chỉ, còn còn thì yếu đuối mọi nhẽ”?...Hàng ngày, liệu việc chăm sóc, lắng nghe,thấu hiểu của cha mẹ với bạn đã làm bạn thực sự tự tin và hạnh phúc chưa?

Chúng ta cảm thấy không tự tin ở trường nếu chúng không làm bài kiểm tra tốt như các bạn. Chúng ta cũng cảm thấy không hạnh phúc trong gia đình nếu anh chị em khác làm tốt hơn hoặc có tố chất đặc biệt hơn mình. Và vô tình, cha mẹ có thể làm tăng mâu thuẫn giữa anh chị em bằng cách trực tiếp so sánh hoặc khen ngợi một đứa trẻ thành công. Có những bậc cha mẹ áp đặt suy nghĩa, sở thích của mình lên con. Chẳng hạn, cha mẹ bắt ta phải ăn món ăn cha mẹ thích, không được làm việc này, việc kia...Có nhiều lúc, cha mẹ thờ ơ với những chuyện mà chúng ta gặp phải mỗi ngày. Sự phán xét quá mức của cha mẹ về cách ăn mặc, sở thích... của con đôi khi trở thành thiếu tôn trọng. So sánh hơn thua con mình với con người khác dường như đã trở thành phản xạ tự nhiên của cha mẹ. Đây cũng là một trong những nguyên nhân chính khiến chúng ta thiếu tự tin và tổn thương lòng tự trọng. Đôi khi cha mẹ quên mất rằng, mỗi đứa trẻ như chúng ta là một cá thể độc lập và cần tôn trọng sự khác biệt của con.

*(Giọng cất cao hơn, nhấn mạnh vấn đề)* Bởi vậy, để giải quyết tình trạng xích mích giữa những đứa trẻ trong gia đình, cha mẹ cần tôn trọng sự khác biệt của mỗi đứa trẻ. Việc chăm sóc, lắng nghe,thấu hiểu của cha mẹ với con cái có ý nghĩa vô cùng lớn với sự của con. Với tôi, khi được cha mẹ thấu hiểu, lắng nghe, tôi có cảm giác an toàn, ấm cúng, hạnh phúc. Và điều đó, cha mẹ đã giúp chúng ta tìm thấy tài năng và sở trường riêng của mình trong cuộc sống, cảm thấy tự tin, mạnh dạn hơn. Mỗi lời động viên, an ủi của cha mẹ khi chúng ta bị điểm kém, khi bị bạn trêu, khi gặp khuyết điểm sẽ làm cho trái tim ta không cô đơn, không cảm giác bị ghét bỏ. Tôi tin chắc, nếu cùng đọc sách, cùng xem phim, chơi thể thao, nấu ăn với cha mẹ sẽ, bạn sẽ thấy vui vẻ, phấn trấn, tự tin.

Là con, bạn mong muốn điều gì ở cha mẹ? Còn tôi, tôi mong muốn được cha mẹ chăm sóc, lắng nghe,thấu hiểu mình hơn. Hi vọng, các bậc phụ huynh của chúng ta cần tôn trọng sự khác biệt của mỗi đứa con của mình. Hãy yêu cả những điều tốt và chưa tốt, yêu sự độc đáo, khác biệt của con; cha mẹ nên tôn trọng sở thích, năng lực, cá tính của mỗi đứa con. Đặc biệt, tôi mong cha mẹ đừng nên cố gắng so sánh con mình với bất kỳ ai; dành nhiều thời gian chăm sóc, quan tâm, chuyện trò với con cái để hai bên có thể sẻ chia, thấu hiều và tìm ra cách giải quyết khi có vấn đề. Con cái cần vâng lời, lễ phép, chia sẻ với cha mẹ để có thể nhận được sự thấu hiểu, hay lời khuyên đúng đắn.

- **Kết thúc vấn đề:** *(Giọng nhẹ nhàng)*

Các bạn thân mến!

Tôi mong rằng mỗi bạn ngồi đây hãy mạnh dạn nói lên suy nghĩ của mình với cha mẹ để có thể tạo nên một bầu không khí thoải mái trong gia đình, ở đó con cái và bố mẹ sẽ không chỉ là sự áp đặt mà biết tôn trọng và lắng nghe ý kiến của nhau. Để gia đình thực sự sẽ là tổ ấm đúng nghĩa. Các bạn có đồng ý với ý kiến của tôi không?

Cảm ơn các bạn đã lắng nghe! Mong nhận được sự góp ý từ các bạn!

**Hoạt động : Luyện tập (Luyện đề tông hợp)**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập giáo viên giao.

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân hoàn thành đề bài ôn tập tổng hợp.

**c. Sản phẩm:** Bài làm hoàn thiện của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- GV giao nhiệm vụ:**

**Cách 1:** GV giao đề ôn tập tổng hợp cho HS

HS làm việc nhóm nhỏ theo bàn.

**Cách 2:** GV kiểm tra đề tổng hợp 90 phút

HS làm việc cá nhân.

- **Thực hiện nhiệm vụ:**

**+** HS thực hiện nhiệm vụ.

+ GV quan sát, khích lệ HS.

**- Báo cáo, thảo luận:**

+ GV gọi HS chữa đề theo từng phần.

+ Tổ chức trao đổi, nêu ý kiến.

+ HS nhận xét lẫn nhau.

**- Kết luận**: GV nhận xét, chốt kiến thức.

**MA TRẬN ĐỀ**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ**  **Chủ đề** | | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** | **Tổng số** |
| **I. Tiếng Việt** | | Nhận diện thành ngữ, nghĩa của thành ngữ  Nhận diện được tác dụng của dấu chấm phẩy | Phân biệt được nghĩa của các thành ngữ;  Phân biệt được công dụng của dấu chấm phấy với các loại dấu câu khác  Phân biệt ấn dụ với các biện pháp tu từ khác |  |  |  |
| Số câu:  Số điểm:  Tỉ lệ: | | 5  1,25  12,5% | 3  0,75  7,5% |  |  | 8  2,0  20% |
| **II. Đọc hiểu văn bản** | | . Nhận biết được phương thức biểu đạt chính và các yếu tố đặc trưng phù hợp với mỗi kiểu văn bản nghị luận văn học.  Nhận biết được hình ảnh được đưa vào VB nghị luận về thơ lục bát | Hiểu được chủ đề VB | -Biết bày tỏ quan điểm cá nhân trước những vấn đề thực tiễn mà văn bản đặt ra.(câu 4) |  |  |
| Số câu  Số điểm  Tỉ lệ | | 2  1,0  10% | 1  0,5  5% | 1  0,5  5% |  | 4  2  20% |
| **III.Tập làm văn** | |  |  | Biết vận dụng kiến thức kĩ năng về thơ lục bát để viết đoạn văn trình bày cảm nghĩ về bài thơ lục bát | Vận dụng kiến thức và kĩ năng để viết bài văn trình bày ý kiến về một vấn đề. |  |
| Số câu  Số điểm  Tỉ lệ | |  |  | 1  2,0  20% | 1  4,0  40% | 2  6  60% |
| Tổng | Số câu | 7 | 4 | 1 | 1 | 13 |
| Số điểm | 2,25 | 1,25 | 2 | 4,0 | 10 |
| Tỉ lệ | 22,5% | 12,5% | 25% | 40% | 100% |

**ĐỀ BÀI**

**Phần I : Tiếng Việt ( 2,0 điểm)**

**Câu 1**: Hãy cho biết nghĩa của thành ngữ “Trống đánh xuôi, kèn thổi ngược*”* là gì?

A. Nói về sự thay đổi của thiên nhiên, của trời đất, cũng ngầm ẩn dụ cho sự đổi thay của cuộc đời.

B. Chê người thiếu bình tĩnh, bối rối.

##### C. Tình trạng mỗi người làm một cách trái ngược nhau, không có sự phối hợp nhịp nhàng, thống nhất.

D. Phụ bạc không chung thủy, có cái mới thường coi thường rẻ rúng cái cũ, người cũ.

**Câu 2**: Câu thơ *“*Mai sau bể cạn non mòn/ À ơi tay mẹ vẫn còn hát ru” (Bình Nguyên) cụm từ nào là thành ngữ?

*A.* Mai sau  *C.* bể cạn non mòn

*B.* À ơi tay mẹ  *D.* vẫn còn hát ru

**Câu 3**: Thành ngữ nào sau đây được dùng theo nghĩa ẩn dụ?

A. Đục nước, béo cò.                                               C. H**ôi như cú mèo: .**

C. Ngáy như sấm                                             D. Đắt như tôm tươi.

**Câu 4:** Thành ngữ có cấu tạo là:

A. Một từ

B. Một câu.

C. Một cụm từ cố định, biểu thị một ý tương đối hoàn chính D. Một cụm từ không cố định

**Câu 5**: Tác dụng của việc sử dụng thành ngữ phù hợp ngữ cảnh là:

A. Tạo áp lực cho người nghe

B. Làm cho câu nói có vần có nhịp

C. Làm cho câu nói thêm phần triết lí

D. Làm cho lời ăn tiếng nói sinh động, có tính biểu cảm cao.

**Câu 6**:Một trong những công dụng của dấu chấm phẩy là:

A. Đánh dấu lời dẫn trực tiếp

B. Đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận trong một phép liệt kê phức tạp.

C. Đánh dấu thành phần chú thích cho câu

D. Đánh dấu câu đã kết thúc

**Câu 7:** Dấu chấm phẩy trong câu “Chẳng hạn, truyện dân gian kể,lúc Lê Lợi sinh ra có ánh sáng đỏ đầy nhà, mùi hương lạ khắp xóm;còn Nguyễn Huệ, khi ra đời, có hai con hổ chầu hai bên” (Bùi Mạnh Nhị) dùng để:

A.Đánh dấu ranh giới các vế của một câu ghép phức tạp

B. Đánh dấu ranh giới thành phần trạng ngữ với chủ ngữ, vị ngữ.

C. Báo hiệu lời nói của nhân vật.

D. Làm cho câu văn nhịp nhàng.

**Câu 8:** Thành ngữ không là thành ngữ Hán Việt?

A. Tứ cố vô thân C. Bách chiến bách thắng

B. Độc nhất vô nhị D. Mèo mả gà đồng

**Phần II: Đọc – hiểu văn bản (2,0 điểm)**

**Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:**

Nét đẹp của bài ca dao “Anh đi anh nhớ quê nhà”

Anh đi anh nhớ quê nhà,  
Nhớ canh rau muống, nhớ cà dầm tương.  
Nhớ ai dãi nắng dầm sương,  
Nhớ ai tát nước bên đường hôm nao.

Những dòng thơ trên được lưu truyền trong dân gian như một bài ca dao. Lời thơ tràn đầy nỗi nhớ da diết của người con xa xứ hướng về quê nhà. Từ “nhớ” được lặp đi lặp lại trong cả bốn dòng thơ bộc lộ nỗi niềm bồi hồi không dứt. Trở đi trở lại cùng nỗi nhớ là những kí ức sâu đậm về hương vị của quê hương trong những món ăn dân dã “canh rau muống”, “cà dầm tương”. Hình ảnh con người nơi quê nhà cũng hiện lên vô cùng thân thiết trong những công việc lao động hàng ngày: “dãi nắng dầm sương”, “tát nước bên đường ”...Nhịp điệu nhẹ nhàng êm đềm của thể thơ lục bát quen thuộc đã góp phần diễn tả niềm thương mến, nỗi nhớ da diết và tình cảm gắn bó sâu nặng của người ra đi. Bài ca dao khơi dậy trong ta tình yêu, sự gắn bó với những gì gần gũi, thân thuộc của quê hương.

(Sưu tầm)

**Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn văn? *(0,5 điểm)*

**Câu 2**. Theo người viết, bài ca dao đẹp bởi những hình ảnh nào?*(0,5 điểm)*

**Câu 3.** Bài ca dao “Anh đi anh nhớ quê nhà” thuộc chủ đề gì? *(0,5 điểm)*

**Câu 4.** Tại sao chúng ta cần phải học ca dao Việt Nam? *(0,5 điểm)*

**Phần III: Làm văn. ( 6,0 điểm)**

**Câu 1 (2,0 điểm):** Viết đoạn văn phát biểu cảm nghĩ của em về một bài ca dao mà em yêu thích.

**Câu 2 (4,0 điểm):**

Trình bày ý kiến của em về nhận xét: "Đi tham quan, du lịch, chúng ta sẽ được mở rộng tầm mắt và học hỏi được nhiều điều".

**ĐÁP ÁN**

**Phần I :Tiếng Việt ( 2,0 điểm)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| **Đáp án** | C | C | A | C | D | B | B | D |

**Phần II: Đọc –hiểu văn bản (2,0điểm)**

**Câu 1.** Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn: Nghị luận *(0,5 điểm)*

**Câu 2**. Theo tác giả, bài ca dao đẹp bởi những hình ảnh sau:*(0,5 điểm)*

* Hương vị của quê hương trong những món ăn dân dã “*canh rau muống”, “cà dầm tương*”.
* Hình ảnh con người nơi quê nhà cũng hiện lên vô cùng thân thiết trong những công việc lao động hàng ngày: “*dãi nắng dầm sương”, “tát nước bên đường* ”...

Mỗi ý : 0,25

**Câu 3.** Bài ca dao Anh đi anh nhớ quê nhà thuộc chủ đề: Tình yêu quê hương đất nước *(0,5 điểm)*

**Câu 4. C**húng ta cần phải học ca dao Việt Nam: *(0,5 điểm)*

* Ca dao là khúc hát tâm tình của người lao động.
* Ca dao bồi đắp cho con người những tình cảm tốt đẹp như tình yêu quê hương đấy nước, tình cảm gia đình, tình người...
* Ca dao là những bài thơ rất đẹp cả về nội dung và nghệ thuật....
* HS có kiến giải riêng, phù hợp là cho điểm: mỗi ý đúng 0,25 điểm, tối đa 0.5 điểm.
* …

**Phần III: Làm văn. (6,0 điểm)**

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Phần Tạo lập văn bản*** | | |
| ***1*** | *a. Đảm bảo thể thức, dung lượng yêu cầu của một đoạn văn .* | 0,25 |
| *b. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn*. Có thể viết đoạn văn theo hướng sau:  + **Mở đoạn:** Nêu được tên bài thơ, tác giả (nếu có) và cảm nghĩ chung của em về bài thơ.  + **Thân đoạn:**   * Chỉ ra nội dung hoặc nghệ thuật cụ thể của bài thơ khiến em yêu thích và có nhiều cảm xúc, suy nghĩ. * Nêu lên các lí do khiến em thích.   **+ Kết đoạn:** Khái quát lại cảm nghĩ của bản thân về ý nghĩa của bài thơ.  (*Tham khảo đoạn văn phần ôn tập Viết)* | 0,25  0,25  0,25 |
| *c. Sáng tạo:* Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng về vấn đề nghị luận*.* | 0,25 |
| *d. Chính tả, dùng từ, đặt câu*: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt. | 0,25 |
| ***2*** | **a.** *Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận*: Có đầy đủ các phần: Mở bài, Thân bài, Kết bài. Mở bài giới thiệu vấn đề nghị luận; Thân bài làm rõ được nhận định, triển khai được các luận điểm; Kết bài khái quát được nội dung nghị luận. | 0.25 |
| **b.** *Xác định đúng vấn đề nghị luận:* nêu ý kiến về nhận xét:"Đi tham quan, du lịch, chúng ta sẽ được mở rộng tầm mắt và học hỏi được nhiều điều". | 0.25 |
| ***c****.Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự nhận thức sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; có sự kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng.* Có thể triển khai theo hướng sau:  **\*Mở bài:** Giới thiệu và vấn đề cần trình bày: Có nhiều cách làm giàu hiểu biết. Một trong những cách đó là việc tham quan, du lịch.  **\*Thân bài**:  - Giải thích tham quan, du lịch là gì? Tham quan, du lịch là đi thăm những vùng đất mới, những danh lam thắng cảnh và di tích lịch sử,...; nêu một số địa danh du lịch nổi tiếng có thực của đất nước và thế giới.  - Nêu lợi ích của hoạt động tham quan, du lịch.  **+**Khi tham quan, du lịch, chúng ta có thể được mở mang kiến thức về nhiều lĩnh vực (địa lý, lịch sử, văn học...); hiểu cụ thể hơn, sâu hơn những điều được học ở lớp; hơn thế nữa, tham quan còn giúp ta hiểu cả những điều chưa nói đến trong sách vở.  + Bồi dưởng về tình cảm: yêu thiên nhiên, yêu quê hương, đất nước hơn; yêu con người lao động hơn.  + Nhân thức rõ hơn trách nhiệm của mình trong việc bảo vệ danh lam thắng cảnh, gìn giữ và quảng bá hình ảnh của Việt Nam với bạn bè quốc tế.  + Có thời gian thư giãn, giải trí, giúp tâm hồn thoải mái hơn, xua đi áp lực, mệt mỏi.  + Là cơ hội để bạn bè gắn kết với nhau, hiểu nhau hơn, đoàn kết hơn.  - Nên đi tham quan, du lịch như thế nào để có hiệu quả? **+ Trước buổi tham quan, du lịch, cần tìm hiểu trước những địa điểm mình chuẩn bị đến.**  **+** Phải luôn chú ý quan sát, thường xuyên hỏi những gì mình chứng kiến;  + Ghi chép, ghi hình lại những điều lí thú,...  \***Kết đoạn:**  - Khẳng định lại ý kiến của mình về lợi ích của việc đi tham quan du lịch.  - Nêu nguyện vọng và dự định của mình nếu được đi tham quan, du lịch. | 3,0 |
| **d.** *Sáng tạo:* Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng về vấn đề nghị luận. | 0,25 |
| **e.** *Chính tả, dùng từ, đặt câu:* Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt. | 0,25 |

**Bài tham khảo câu 2 phần Làm văn:**

**Đề bài:** Trình bày ý kiến của em về nhận xét: "Đi tham quan, du lịch, chúng ta sẽ được mở rộng tầm mắt và học hỏi được nhiều điều".

Có nhiều cách làm giàu hiểu biết. Một trong những cách đó là việc tham quan, du lịch. Những chuyến đi thăm quan, du lịch sẽ giúp ta khám phá thêm bao điều mới mẻ, thú vị của cuộc sống, từ đó mở rộng tầm mắt và học hỏi được nhiều điều.

**Đầu tiên chúng ta cần hiểu thế nào là tham quan, du lịch**? Tham quan, du lịch là đi thăm những vùng đất mới, những danh lam thắng cảnh và di tích lịch sử,... Có rất nhiều địa điểm tham quan, du lịch nổi tiếng trong nước và quốc tế như: Vịnh Hạ Long, Văn miếu Quốc Tử Giám, Phong Nha - Kẻ Bàng,...

**Mục đích của những chuyến tham quan là vô cùng đa dạng**. Đó có thể là nhu cầu đa dạng các hoạt động giảng dạy, trải nghiệm thực tế; giúp học sinh có thời gian thư giãn, kết hợp vừa học vừa chơi; giúp học sinh nắm được những kiến thức cụ thể trong quá trình tham quan hay đơn giản là tạo hứng thú học tập cho học sinh.

**Từ những mục đich ấy, việc tham gia thăm quan, du lịch mang lại cho chúng ta rất nhiều lợi ích khác nhau.** Trước tiên, chúng ta phải nhắc tới sự hiều biết thêm về kiến thức, được những kiến thức mới mà chúng ta không được học, được đọc qua sách vở, những kiến thức thu thập được qua những trải nghiệm cuộc sống như câu: "Đi một ngày đàng, học một sàng khôn". Có nhiều kiến thức lịch sử, địa lí, sinh học,… nếu chỉ nghe qua lời giảng của thầy cô thì ta chỉ có thể liên tưởng, tưởng tượng ra nhưng khi được đi tham quan, du lịch được mắt thấy tai nghe nên hiểu trực quan và cụ thể, rõ ràng hơn rất nhiều. Ví dụ như được đến thăm đền Gióng, hồ Hoàn Kiếm, thành Cổ Loa,… thì ta sẽ hiểu thêm những giá trị lịch sử mà truyền thuyết đã phản ánh. Không chỉ mở mang tri thức, việc tham quan du lịch thực tế còn giúp ta giảm căng thẳng, làm cho tinh thần thư thái, thoải mái, sảng khoái, để sau đó làm việc, học tập tốt hơn, và hơn nữa là thêm yêu bản thân, đất nước, con người. Qua mỗi chuyến đi, ta thấy yêu mến và tự hào biết bao về vẻ đẹp cũng như truyền thống 4000 năm văn hiến của dải đất hình chữ S, từ đó càng nhân thức rõ hơn trách nhiệm của mình trong việc bảo vệ danh lam thắng cảnh, gìn giữ và quảng bá hình ảnh của Việt Nam với bạn bè quốc tế. Và một lợi ích khác mà tham quan, du lịch mang lại nếu các nhà trường tổ chức thì còn đem lại cơ hội quý giá để bạn bè gắn kết với nhau, hiểu nhau hơn, đoàn kết hơn.

**Vậy làm thế nào để những buổi tham quan, du lịch mang lại hiệu quả lợi ích to lớn như trên?** . Để việc tham quan, du lịch đem lại những lợi ích thực sự, chúng ta cần phải tham quan, du lịch một cách phù hợp và có hiệu quả. Để làm được điều đó, chúng ta cần cân nhắc về mục đích của chuyến tham quan để lựa chọn địa điểm phù hợp; về sở thích và tài chính của từng cá nhân sao cho hợp lí. Hơn nữa, trước mỗi chuyến đi, chúng ta cần tìm hiểu qua những địa điểm sẽ đến để có tri thức nền giúp chúng ta thu lượm được kiến thức có chiều sâu hơn khi tham quan trực tiếp, không chỉ là “cưỡi ngựa xem hoa”. Đến mỗi địa điểm, ta phải luôn chú ý quan sát, có thể hỏi người hướng dẫn viên về những gì mình chưa biết để có hiểu biết đầy đủ, toàn diện nhất. Sau mỗi chuyến đi, mỗi học sinh cần  có bản ghi chép, thu hoạch, đánh giá cuối chuyến tham quan để học sinh thực sự tập trung tiếp nhận tri thức chứ không chỉ vui chơi.

Như vậy, có thể thấy, tham quan du lịch là một hoạt động trải nghiệm vô cùng hữu ích đối với mỗi cá nhân, tập thể cũng như cộng đồng. Như ai đó đã nói “Cuộc đời là những chuyến đi”, đi tham quan, du lịch sẽ giúp chúng ta thay đổi “thực đơn” cho đôi mắt, từ đó thu nhận được những tri thức, mở rộng hiểu biết. Vì thế, mỗi chúng ta hãy cố gắng đi nhiều nhất trong khả năng của mình , nhất là những năm tháng tuổi trẻ.

**Hoạt động 4 : Vận dụng**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học (chủ đề) để vận dụng vào thực tế.

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân ở nhà để hoàn thành yêu cầu của GV

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

GV giao đề bài về nhà để HS hoàn thành cá nhân.

**Đề bài : Nêu ý kiến của em về tác dụng của việc đọc truyện truyền thuyết, truyện cổ tích.**

* **B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS lập dàn ý, hoàn thiện bài viết.
* **B3: Báo cáo, thảo luận** (thực hiện trong tiết học sau).
* **B4: Đánh giá, chốt kiến thức.**

**Gợi ý dàn ý**

**\*Mở bài:** Giới thiệu và vấn đề cần trình bày:

Ví dụ: Truyện truyền thuyết và truyện cổ tích từ xưa đến nay là sản phẩm tinh thần vô giá của cha ông, là nơi hội tụ trí tuệ cũng như những lời răn dạy con cháu muôn đời. Do đó, đọc truyện truyền thuyết, truyện cổ tích đem lại ý nghĩa và tác dụng vô cùng to lớn với mỗi học sinh.

**\*Thân bài**: Làm sáng tỏ ý nghĩa, tác dụng của việc đọc truyền truyền thuyết, truyện cổ tích:

***(1)* Đọc truyện truyền thuyết và truyện cổ tích sẽ giúp ta tích luỹ, trau dồi vốn tri thức vô cùng phong phú của tri ông cha:**

**+** Đọc truyện truyền thuyến giúp ta biết được các sự kiện và nhân vật lịch sử, những người có công với đất nước, dân tộc hoặc cộng đồng cư dân của một vùng; đồng thời giúp ta lí giải được các hiện tượng tự nhiên và xã hội. (Ví dụ: đọc truyền thuyết “Con Rồng cháu Tiên giúp ta lí giải được nguồn gốc Tiên Rồng của người Việt; đọc truyền thuyết “Sự tích Hồ Gươm” giúp ta lí giải được tên gọi Hồ Hoàn Kiếm; đọc truyền thuyết “Thánh Gióng” giúp ta lí giải được những chứng tích mà người anh hùng để lại cùng nguồn gốc lễ hội Gióng hàng năm; đọc “Sơn Tinh, Thuỷ Tinh” giúp ta giải thích được hiện tượng lũ lụt hằng năm… Cha ông ta đã lí giải những hiện tượng tự nhiên, xã hội qua trí tưởng tượng phong phú, được chắp theo mộng và mơ.

+ Các truyện cổ tích mở ra cho học sinh một thế giới nhân vật vô cùng đa dạng, đẹp đẽ. Khi đọc những câu truyện cổ tích, chúng ta sẽ được hòa mình vào chính nhân vật của câu truyện đó, sẽ trải qua các cung bậc cảm xúc như vui, buồn, lo lắng và hồi hộp một cách rất tự nhiên. Học sinh chúng ta sẽ được sống đúng với tuổi thơ của mình thật hồn nhiên trong [thế giới cổ tích](https://truyenco.com/co-tich-the-gioi.html) với [chú Cuội](https://truyenco.com/su-tich-chu-cuoi-cung-trang-a21.html) đáng yêu, [Thạch Sanh](https://truyenco.com/thach-sanh-a128.html) hiền lành, Sọ Dừa thông minh, cô Tấm hiền hậu, …

**(2)** **Tác dụng to lớn khác của đọc truyện truyền thuyết, truyện cổ tích làtác dụng giáo dục sâu sắc:**

+ Những truyền thuyết về các sự kiện, nhân vật lịch sử dạy cho ta bài học về tình yêu quê hương, đất nước, tự hào về truyền thống dân tộc vẻ vang; giáo dục tinh thần, ý chí chống giặc cứu nước (*Sự tích Hồ Gươm, Thánh Gióng*,..); giáo dục tinh thần lao động cần cù, sáng tạo (*Sự tích bánh chưng, bánh giầy),...*

+ Các truyện cổ tích dạy cho học sinh biết yêu thương đồng loại, bồi đắp niềm tin vào chính nghĩa, vào chiến thắng của cái thiện trước cái ác, từ đó góp phần hình thành những phẩm chất tốt đẹp cho con người

\***Kết bài:**

Khẳng định lại ý kiến của mình về tác dụng của việc đọc truyện truyền thuyết và truyện cổ tích: Truyện truyền thuyết và truyện cổ tích mãi là kho tàng sản phẩm tinh thần quý giá của nhân dân cần được lưu giữ và truyền cho thế hệ con cháu mai sau.

**Hoạt động tự học**

**GV yêu cầu HS:**

- Tìm đọc và tham khảo các tài liệu liên quan đến nội dung bài học.

- Học bài ở nhà, ôn tập các nội dung đã học.

- Làm hoàn chỉnh các đề bài.

.

|  |  |
| --- | --- |
| **BÀI 5**  *Ngày soạn ..................*  *Ngày dạy:...................* | **ÔN TẬP KÍ**  **VĂN BẢN THÔNG TIN**  **(THUẬT LẠI SỰ KIỆN THEO TRẬT TỰ THỜI GIAN)** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | https://hoc24.vn/source/V%C4%83n6/images2975410_btranhdbp1_16081228164351582517170.jpg | [CÃ¡nh Diá»u] Soáº¡n vÄn 6 bÃ i: Giá» TrÃ¡i Äáº¥t |

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

Ôn tập các đơn vị kiến thức của bài học 5:

- Ôn tập hệ thống hóa kiến thức của các văn bản thông tin: một số yếu tố hình thức (nhan đề, sa pô, hình ảnh, cách triển khai,...), nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa,...) của văn bản thông tin thuật lại một sự kiện, triển khai thông tin theo trật tự thời gian.

- Ôn tập kiến thức về mở rộng vị ngữ trong viết và nói.

- Ôn tập cách viết văn bản thuyết minh thuật lại một sự kiện.

- Trao đổi, thảo luận về ý nghĩa của một sự kiện lịch sử.

**2. Năng lực:**

+*Năng lực chung*:Tự chủ và tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo

+*Năng lực chuyên môn*: Năng lực ngôn ngữ (đọc – viết – nói và nghe); năng lực văn học.

**3. Phẩm chất:**

- Tự hào về lịch sử dân tộc; quan tâm đến những sự kiện nổi bật của địa phương, đất nước và thế giới;....

- Ham tìm hiểu lịch sử dân tộc để nâng cao hiểu biết.

- Có ý thức ôn tập nghiêm túc.

**B. PHƯƠNG TIỆN VÀ HỌC LIỆU**

**1.Học liệu**:

- Tham khảo SGV, SGK Ngữ văn 6 Cánh diều.

- Tài liệu ôn tập bài học.

**2. Thiết bị và phương tiện:**

- Sưu tầm tranh ảnh, tư liệu có liên quan đến bài học.

- Sử dụng ngôn ngữ trong sáng, lành mạnh.

- Sử dụng máy chiếu/tivi kết nối wifi

**C.PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT DẠY HỌC**

**- Phương pháp**: Thảo luận nhóm,động não, dạy học giải quyết vấn đề, thuyết trình, đàm thoại gợi mở, dạy học hợp tác... .

**- Kĩ thuật**: Sơ đồ tư duy, phòng tranh, chia nhóm, đặt câu hỏi, khăn trải bàn,...

**D.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC THEO CHỦ ĐỀ**

**Buổi 1:**

**Hoạt động : Khởi động**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế bước vào giờ ôn tập kiến thức.

**b. Nội dung hoạt động:** HS hoàn thành Phiếu học tập

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Cách 1: Báo cáo sản phẩm học tập**

**Yêu cầu:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

**Báo cáo sản phẩm:** Lập bảng thống kê theo mẫu**:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên văn bản** | **Đặc sắc nội dung** | **Đặc sắc nghệ thuật** |
| *Hồ Chí Minh và “Tuyên ngôn độc lập”* (Bùi Đình Phong) |  |  |
| *Diễn biến chiến dịch Điện Biên Phủ (theo infographic.vn)* |  |  |
| *Giờ trái đất (theo baodautu.vn)* |  |  |

**(Nhiệm vụ đã được GV giao về nhà thực hiện sau tiết học buổi sáng)**

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:**

GV gọi một số HS lên bảng hoặc đứng tại chỗ báo cáo sản phẩm học tập.

**B3: Báo cáo, thảo luận sản phẩm học tập:**

**B4: Đánh giá, nhận xét**

- GV nhận xét, đánh giá.

- GV giới thiệu nội dung ôn tập bài 5:

|  |  |
| --- | --- |
| **KĨ NĂNG** | **NỘI DUNG CỤ THỂ** |
| Đọc – hiểu văn bản | **Đọc hiểu văn bản:**  ***+Văn bản 1:*** *Hồ Chí Minh và “Tuyên ngôn độc lập”* (Bùi Đình Phong) |
| ***+ Văn bản 2:*** *Diễn biến chiến dịch Điện Biên Phủ (theo infographic.vn)* |
| **Thực hành Tiếng Việt:** Mở rộng vị ngữ |
| **Thực hành đọc hiểu**:  ***+ Văn bản:*** *Giờ trái đất (theo baodautu.vn)* |
| Viết | **Viết:** Viết bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện. |
| Nói và nghe | **Nói và nghe:** Trao đổi, thảo luận về ý nghĩa của một sự kiện lịch sử. |

**Hoạt động ôn tập: Nhắc lại kiến thức cơ bản**

**a.Mục tiêu**: Giúp HS ôn tập, nắm chắc các đơn vị kiến thức của bài học 5

**b. Nội dung hoạt động:** Vận dụng các phương pháp đàm thoại gợi mở, hoạt động nhóm để ôn tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân hoặc sản phẩm nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

* GV hướng dẫn HS ôn lại các đơn vị kiến thức cơ bản bằng phương pháp hỏi đáp, đàm thoại gợi mở; hoạt động nhóm,
* HS lần lượt trả lời nhanh các câu hỏi của GV các đơn vị kiến thức cơ bản của bài học 5.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

* HS tích cực trả lời.
* GV khích lệ, động viên

**B3: Báo cáo sản phẩm**

* HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV.
* Các HS khác nhận xét, bổ sung.

**B4: Đánh giá, nhận xét**

GV nhận xét, chốt kiến thức

**ÔN TẬP ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

✪ **KIẾN THỨC CHUNG VỀ VĂN BẢN THÔNG TIN**

**1. Định nghĩa**: Văn bản thông tin là văn bản chủ yếu dùng để cung cấp thông tin về các hiện tượng tự nhiên, thuật lại các sự kiện, giới thiệu các danh lam thắng cảnh, hướng dẫn các quy trình thực hiện một công việc nào đó,...

2. **Đặc điểm của văn bản thông tin**

**-Về nội dung:** Cung cấp thông tin về đối tượng.

**- Về hình thức:** thường được trình bày bằng chữ viết kết hợp với các phương thức khác như *hình ảnh, âm thanh,...*

**3. Văn bản thuật lại một sự kiện**

- Là loại văn bản thông tin, ở đó người viết thuyết minh (trình bày, miêu tả, kể lại) một sự kiện (lịch sử, văn hoá, khoa học,...).

- Trong văn bản, người viết thường sử dụng hình ảnh và nhiều câu trần thuật với trạng ngữ chỉ thời gian, nơi chốn; thông tin thường được trình bày theo trật tự thời gian hoặc mối quan hệ nguyên nhân - kết quả.

- Trong văn bản thuật lại một sự kiện theo trật tự thời gian, người viết thường sắp xếp các thông tin về sự kiện xảy ra theo thứ tự từ trước đến sau, từ mở đầu đến diễn biến và kết thúc,...

**5. Cách đọc hiểu một văn bản thông tin**

- Chỉ ra sự kiện được nêu trong văn bản và mục đích của người viết văn bản đó.

- Nhận biết được trật tự triển khai nội dung thông tin; các số liệu và kiến thức có ý nghĩa quan trọng trong văn bản.

- Nêu được đặc điểm và tác dụng của hình thức trình bày văn bản (nhan đề, sa pô, đề mục, chữ đậm, số thứ tự và dấu đầu dòng trong văn bản; phần chữ và phần hình ảnh, sơ đồ, bảng biểu,…)

- Hiểu được sự liên quan của vấn đề nêu lên trong văn bản đối với cuộc sống cộng đồng và cá nhân người đọc.

✪ **VĂN BẢN ĐỌC HIỂU**

**\*GV hướng dẫn HS chốt các đơn vị kiến thức cơ bản của các văn bản đọc hiểu:**

**🞜 Ôn tập văn bản 1: *Hồ Chí Minh và “Tuyên ngôn độc lập”* (Bùi Đình Phong)**

1. **TÁC GIẢ BÙI ĐÌNH PHONG**

* Bùi Đình Phong sinh năm 1950, quê ở Hà Tĩnh
* Từ năm 1981, Bùi Đình Phong là giảng viên khoa Lịch sử, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, chuyên giảng dạy về lịch sử cận hiện đại Việt Nam và Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
* Là nhà nghiên cứu hàng đầu về lãnh tụ Hồ Chí Minh với hàng loạt công trình có giá trị cao, đặc biệt là về tư tưởng, đạo đức, tác phong của Người. Với một bề dày nghiên cứu và giảng dạy, đến nay PGS.TS. Bùi Đình Phong đã có trên 30 đầu sách cá nhân, chủ biên, đồng chủ biên về đề tài Hồ Chí Minh

**II. VĂN BẢN: HỒ CHÍ MINH VÀ *TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP***

**1.** **Xuất xứ**: nguồn *baodanang.vn* (2018).

**2. Thể loại**: Văn bản thông tin (văn bản thuật lại một sự kiện lịch sử)

**3.** **Bố cục**: 3 phần như trong SGK:

+ Phần 1: Thuật lại việc Bác yêu cầu giao cho Bác cuốn Tuyên ngôn độc lập của Mĩ.

+ Phần 2: Thuật lại quá trình chuẩn bị, hoàn thiện bản Tuyên ngôn độc lập.

+ Phàn 3: Thuật lại sự kiện Bác đọc bản Tuyên ngôn Độc lập khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

**4. Đặc sắc về nội dung và nghệ thuật:**

**\*Nghệ thuật:**

Kết hợp chữ viết (chữ in thường và chữ in đậm) với tranh ảnh để văn bản thông tin sinh động.

**\*Nội dung:**

Văn bản *Hồ Chí Minh và “Tuyên ngôn Độc lập”* của tác giả Bùi Đình Phong đã cung cấp đầy đủ thông tin về sự kiện ra đời bản Tuyên ngôn độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

**III.****ĐỊNH HƯỚNG PHÂN TÍCH VĂN BẢN**

**1. Dàn ý**

|  |
| --- |
| **1.1. Nêu vấn đề:**  Giới thiệu tác giả và văn bản, khái quát giá trị của văn bản |
| * 1. **Giải quyết vấn đề**   **B1. Khái quát chung**  **B2. Phân tích theo luận điểm nội dung và nghệ thuật của văn bản**  ***1.2.1. Ý nghĩa, tác dụng của phần in đậm (sa pô của bài báo)***  - Thu hút người đọc, xác định chủ đề của bài viết: ý nghĩa to lớn của sự ra đời bản *Tuyên ngôn độc lập.*  - Tóm tắt nội dung bài viết  - Vừa thể hiện phong cách của tác giả vừa chứng minh tính thời sự.  ***1.2.2. Thuật lại sự ra đời của bản Tuyên ngôn độc lập***  **a. Phần 1: Bác yêu cầu Tuyên ngôn Độc lập của Hoa Kỳ**  - 4-5-1945, Hồ Chí Minh rời Pác Bó về Tân Trào.  - Giữa tháng 5, Người yêu cầu báo vụ của OSS điện về Côn Minh, đề nghị có bản Tuyên ngôn Độc lập của Hoa Kỳ.  → Bước đầu chuẩn bị cho bản Tuyên ngôn Độc lập.  **b. Phần 2: Công tác chuẩn bị và hoàn thành Tuyên ngôn Độc lập**  - 22-8-1945, Bác rời Tân Trào về Hà Nội.  - Sáng 26-8-1945, Bác triệu tập và chủ trì cuộc họp Thường vụ Trung ương Đảng, bàn về nhiều vấn đề trong đó có việc ra mắt Tuyên ngôn Độc lập.  - 27-8-1945, Người tiếp các bộ trưởng mới tham gia Chính phủ và đề nghị đầu tháng 9 đọc Tuyên ngôn Độc lập, ra mắt Chính phủ. Người đưa bản thảo để các thành viên Chính Phủ yêu cầu xét duyệt kĩ.  - 28 và 29-8, ban ngày làm việc soạn thảo, ban đêm tự đánh máy Tuyên ngôn Độc lập.  - 30-8, mời một số đồng chí đến trao đổi, góp ý cho bản thảo Tuyên ngôn Độc lập.  - 31-8, Bác bổ sung một số điểm vào Tuyên ngôn Độc lập.  → Chuẩn bị kĩ lưỡng, chu đáo vì Tuyên ngôn Độc lập không chỉ đọc cho nhân dân toàn quốc mà còn đọc cho Chính phủ Pháp, nhân dân Pháp, các nước đồng minh.  **c. Phần 3: Bác đọc bản Tuyên ngôn Độc lập**  - **Thời gian**: 14h ngày 2-9-1945.  - **Địa điểm**: Cuộc mít tinh vườn hoa Ba Đình.  - **Thành phần tham gia**: Hàng chục vạn đồng bào.  - **Phương thức**: Trên diễn đàn cao và trang nghiêm, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòacó niềm tin mãnh liệt ở mẹ. |
| * 1. **Đánh giá khái quát**   **\*Nghệ thuật:**  Kết hợp chữ viết (chữ in thường và chữ in đậm) với tranh ảnh để văn bản thông tin sinh động.  **\*Nội dung:**  Văn bản *Hồ Chí Minh và “Tuyên ngôn Độc lập”* của tác giả Bùi Đình Phong đã cung cấp đầy đủ thông tin về sự kiện ra đời bản Tuyên ngôn độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. |

1. **Định hướng phân tích**

Với mỗi người Việt Nam thì ngày 2/9 hằng năm luôn mang một ý nghĩa vô cùng lớn lao. Chính ngày 2/9/1945 đã đi vào lịch sử là ngày độc lập dân tộc chấm dứt chế độ thực dân phong kiến ở nước ta, đồng thời mở ra kỉ nguyên mới, kỷ nguyên nhân dân ta làm chủ vận mệnh của mình để thực hiện độc lập tự do hạnh phúc.Văn bản ***Hồ Chí Minh và “Tuyên ngôn Độc lập”***của tác giả Bùi Đình Phong đã đem đến cái nhìn toàn diện về sự ra đời của bản “Tuyên ngôn độc lập” – văn kiện lịch sử trọng đại đánh dẫu sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Văn bản ***Hồ Chí Minh và “Tuyên ngôn Độc lập”***( Bùi Đình Phong) được đăng tải trên *baodanang.vn* ngày 01/9/2018 thuật lại sự kiện ra đời của bản tuyên ngôn độc lập của dân tộc ta được chủ tích Hồ Chí Minh trịnh trọng đọc trước toàn thể quốc dân đồng bào vào ngày 2/9/1945. Văn bản thuật lại sự việc theo trình tự thời gian để người đọc hình dung rõ ràng, chi tiết hơn về quá trình chủ tịch Hồ Chí Minh cho ra đời văn kiện lịch sử trọng đại này.

**Ngay dưới nhan đề bài viết là phần sa pô của bài báo được in đâm nhằm giới thiệu khái quát nội dung bài viết là nói về** ý nghĩa to lớn của sự ra đời bản Tuyên ngôn độc lập: “**Bằng chính sự gan góc, quyết tâm của cả dân tộc vì một nền Cộng hòa Dân chủ, quyền tự do, độc lập thật sự, Tuyên ngôn Độc lập khẳng định dân tộc Việt Nam phải được tự do và độc lập; rằng “nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập”.** Phần sa pô in đậm đã định hướng nội dung giúp người đọc dễ nắm bắt nội dung thông tin trong văn bản hơn. Ngay dưới phần sapo in đậm là hai hình ảnh minh hoạ sự kiện chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập tại Quảng trường Ba Đình ngày 2-9-1945 được tác giả thêm vào để tạo thêm sự sinh động cho bài viết, thu hút người đọc hơn

**Tác giả thuật lại chi tiết quá trình ra đời của bản “Tuyên ngôn độc lập” qua ba sự kiện chính: Hồ Chí Minh yêu cầu giao cho Người bản T**uyên ngôn Độc lập**của Hoa Kỳ; các công tác chuẩn bị và hoàn thành**Tuyên ngôn Độc lập và sự kiện Người đọc bản Tuyên ngôn tại Quảng trường Ba Đình ngày 2/9/1945.

**Bước dầu của việc chuẩn viết bản Tuyên ngôn là Bác yêu cầu** trung úy Giôn, báo vụ của OSS (cơ quan phục vụ chiến lược Mỹ), điện về Côn Minh, đề nghị thả dù cho Người cuốn *Tuyên ngôn Độc lập* của Hoa Kỳ ngay từ giữa tháng 5 sau khi Người Hồ Chí Minh rời Pác Bó về Tân Trào ngày 4-5-1945.

**Công tác chuẩn bị và hoàn thiện bản Tuyên ngôn Độc lập của Hồ Chí Minh** được tác giảBùi Đình Phong thuật lại chi tiết theo từng ngày tháng, sự việc cụ thể: “22-8-1945, Bác rời Tân Trào về Hà Nội; sáng 26-8-1945, Bác triệu tập và chủ trì cuộc họp Thường vụ Trung ương Đảng, bàn về nhiều vấn đề trong đó có việc ra mắt Tuyên ngôn Độc lập. Ngày 27-8-1945, Người tiếp các bộ trưởng mới tham gia Chính phủ và đề nghị đầu tháng 9 đọc Tuyên ngôn Độc lập, ra mắt Chính phủ. Người đưa bản thảo để các thành viên Chính Phủ yêu cầu xét duyệt kĩ. Ngày 28 và 29-8, ban ngày làm việc soạn thảo, ban đêm tự đánh máy Tuyên ngôn Độc lập. Ngày 30-8, mời một số đồng chí đến trao đổi, góp ý cho bản thảo Tuyên ngôn Độc lập. Ngày 31-8, Bác bổ sung một số điểm vào Tuyên ngôn Độc lập.Tất cả những sự việc trên cho thấy sự chuẩn bị kĩ lưỡng, chu đáo của Người cùng Bộ Chính trị vì bản Tuyên ngôn Độc lập không chỉ đọc cho nhân dân toàn quốc mà còn đọc cho Chính phủ Pháp, nhân dân Pháp, các nước đồng minh.

**Phần cuối văn bản, tác giả thuật lại sự kiện Bác đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập* cụ thể chi tiết về thời gian, địa điểm, thành phần tham gia: “**14 giờ ngày 2-9-1945, trong cuộc mít-tinh tại vườn hoa Ba Đình, trước hàng chục vạn đồng bào, trên diễn đàn cao và trang nghiêm, thay mặt Chính phủ lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn Độc lập do Người khởi thảo, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa”. Viết về sự kiện lịch sử trọng đạinày, trong bài thơ *Sáng mùng hai tháng chín*, nhà thơ Tố Hữu có viết:

*"Hôm nay, sáng mồng hai tháng chín,*

*Thủ đô hoa, vàng nắng Ba Đình.*

*Muôn triệu tim chờ chim cũng nín,*

*Bỗng vang lên câu hát ân tình:*

*Hồ Chí Minh ! Hồ Chí Minh !*

*Người đứng trên đài lặng phút giây,*

*Trông đàn con đó vẫy hai tay.*

*Cao cao vầng trán Ngời đôi mắt,*

*Độc lập bây giờ mới thấy đây..."*

Với ý nghĩa trong đại của mình, ngày mùng 2/9 đã được lấy làm ngày quốc khánh của Việt Nam, là quốc lễ của đất nước. Hằng năm, cứ đến mỗi dịp này toàn thể dân tộc ta lại rộn ràng thi đua học tập chào mừng quốc khánh. Khắp mọi miền tổ của tổ quốc, từ thành thị đến nông thôn mọi người cùng nhau treo những lá cờ đỏ sao vàng để thể hiện tình yêu quê hương, đất nước của mình.

Bằng văn phong súc tích, ngắn gọn, văn bản trình bày theo các dấu mốc, sự kiện, cụ thể, mạch lạc, rõ ràng kết hợp với hình ảnh minh hoạ, văn bản “***Hồ Chí Minh và “Tuyên ngôn Độc lập”***( Bùi Đình Phong) đã thuật lại sự kiện Bác Hồ đọc tuyên ngôn độc lập tại quảng trường Ba Đình và quá trình học hỏi, tìm hiểu, không ngừng sửa chữa của Người để có thể cho ra đời bản tuyên ngôn độc lập ấy, giúp người đọc hình dung được quá trình diễn ra và chuẩn bị của Bác, Đảng, Nhà nước đối với sự kiện lịch sử quan trọng của toàn dân tộc. Qua văn bản, người đọc thấy sự nghiêm túc và tận tâm của Bác trong quá trình soạn thảo tuyên ngôn độc lập, đồng thời ta cũng thấy được niềm tự hào, trân trọng của tác giả Bùi Đình Phong đối với giá trị to lớn của bản tuyên ngôn lịch sử. Bài viết của tác giả Bùi Đình Phong đã nhìn lại giá trị lịch sử của bản Tuyên ngôn độc lập của Hồ Chí Minh khi ngày ra đời của văn kiện đã lùi xa hơn 70 năm. Đọc bài viết *Hồ Chí Minh và “Tuyên ngôn Độc lập*”, chúng ta thêm kính trọng, biết ơn chủ tích Hồ Chí Minh và thêm tự hào về những trang sử hào hùng của dân tộc ta. Nhìn lại quá khứ, củng cố niềm tin ở hiện tại, từ đó, những thế hệ được sinh ra trong thời bình, được hưởng cuộc sống hoá bình cần trân trọng giá trị của độc lập, tự do và quyết giữ vững nền tự do, độc lập đó.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng bản Tuyên ngôn độc lập sẽ sống mãi trong lòng người dân Việt Nam.

**IV.** **LUYỆN ĐỀ**

GV hướng dẫn HS thực hành đề đọc hiểu về văn bản “Hồ Chí Minh và Tuyên ngôn độc lập” (Bùi Đình Phong) và văn bản ngoài SGK:

**Đề số 01:**

**Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

  (1) Ngày 28 và 29-8, ban ngày, Bác đến làm việc tại 12 Ngô Quyền, trụ sở của Chính phủ lâm thời. Người dành phần lớn thì giờ soạn thảo bản *Tuyên ngôn Độc lập.* Buổi tối, tại 48 Hàng Ngang, một căn buồng vừa là phòng ăn, vừa là phòng tiếp khách, Bác tự đánh máy Tuyên ngôn Độc lập ở một cái bàn tròn.

(2) Ngày 30-8, Bác mời một số đồng chí đến trao đổi, góp ý cho bản thảo *Tuyên ngôn Độc lập.* Người đọc cho mọi người nghe và hỏi ý kiến. Ngày 31-8, Bác bổ sung một số điểm vào bản thảo *Tuyên ngôn Độc lập.*

(3) 14 giờ ngày 2-9-1945, trong cuộc mít-tinh tại vườn hoa Ba Đình, trước hàng chục vạn đồng bào, trên diễn đàn cao và trang nghiêm, thay mặt Chính phủ lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập* do Người khởi thảo, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

(Trích Hồ Chí Minh và *Tuyên ngôn độc lập* - Bùi Đình Phong)

**Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích.

**Câu 2. Đoạn trích trên thuật lại sự việc gì và theo trình tự nào?**

**Câu 3. Vị ngữ trong câu sau là loại cụm từ gì? Xác định từ trung tâm và các thành tố phụ trong cụm từ đó:**

“Ngày 31-8, Bác bổ sung một số điểm vào bản thảo *Tuyên ngôn Độc lập.”*

**Câu 4. Em hãy kể những việc mà gia đình em và người thân đã làm vào ngày Quốc khánh?**

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1:**

 Phương thức biểu đạt chính: tự sự

**Câu 2:**

**Đoạn trích thuật lại sự kiện ra đời của bản Tuyên ngôn Độc lập do chủ tịch Hồ Chí Minh soạn thảo theo trình tự thời gian.**

**Câu 3:**

Câu văn*: “*Ngày 31-8, Bác bổ sung một số điểm vào bản thảo *Tuyên ngôn Độc lập.”*

**Vị ngữ:** *bổ sung một số điểm vào bản thảo Tuyên ngôn Độc lập.*

* **Vị ngữ được cấu tạo là cụm động từ:**

+ Trung tâm: *bổ sung*

+ Phần phụ sau: *một số điểm , vào bản thảo Tuyên ngôn Độc lập*

**Câu 4: HS nêu những việc làm của bản thân vào dịp 2/9. Có thể nêu:**

* **Treo cờ Tổ quốc**
* **Đi thăm các di tích lịch sử, thăm lăng Bác**
* **Cùng ôn lại lịch sử ra đời ngày Quốc khánh, tìm hiểu thông tin trên internet để hiểu rõ hơn.**
* **Đến thăm nhà các bác cựu chiến binh bạn của ông…**

**Đề số 02: Đọc hiểu văn bản ngoài SGK:**

**Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:**

 (Theo <https://infographics.vn/>, Thứ ba, 19/05/2015)

**Câu 1.** Văn bản trên được trình bày theo cách nào?

**Câu 2.** Ghi lại câu văn nêu khái quát về nội dung của văn bản.

**Câu 3.** Xác định vị ngữ được mở rộng trong câu: *Bác dùng từ năm 1938, khi còn ở Pháp đến tận cuối đời, Bác thường sử dụng chiếc máy này để tự soạn tài liệu.* Phân tích cấu tạo của cụm từ tạo nên vị ngữ đó.

**Câu 4.** Các nhà trường hiện nay đều đang phát động hưởng ứng phong trào“*Tuổi trẻ học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh”*. Bản thân em đã học tập được những điều gì từ Bác?

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Văn bản trên được trình bày theo văn bản đồ hoạ thông tin (kết hợp ngôn ngữ và hình ảnh).

**Câu 2:** Câu văn nêu khái quát nội dung văn bản:

*Ngay cả khi đã trở thành Chủ tịch, Bác Hồ vẫn giữ nếp sống thanh bạch, giản dị, chừng mực, từ câu nói, tác phong đến vật dụng tư trang hàng ngày.*

**Câu 3:** *Bác dùng từ năm 1938, khi còn ở Pháp đến tận cuối đời, Bác thường sử dụng chiếc máy này để tự soạn tài liệu.*

* Vị ngữ: *thường sử dụng chiếc máy này để tự soạn tài liệu.*
* Vị ngữ được cấu tạo từ cụm động từ:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Thành tố phụ trước | Từ trung tâm | Thành tố phụ sau |
| *thường* | *sử dụng* | *chiếc máy này để tự soạn tài liệu* |

**Câu 4:** HS chia sẻ suy nghĩ của bản thân.

Ví dụ: Chúng ta học tập Bác ở lối sống giản dị (giản dị về trang phục, món ăn,..); tiết kiệm; tình yêu thương mọi người (Bác dành tình yêu thương cho tất cả mọi người, đặc biệt là các em thiếu nhi, các cụ già,..),…

**🞜 Ôn tập văn bản 2: *Diễn biến Chiến dịch Điện Biên Phủ***

***(theo infographics.vn)***

1. **TÌM HIỂU CHUNG VỀ VĂN BẢN**

**1. Thể loại:** văn bản thông tin (văn bản thuật lại một sự kiện)

**2. Xuất xứ**: Đăng trên *infographics.vn* ngày 6/5/2019

Mở rộng: Đồ họa thông tin ( infographic) thường dùng trong văn bản thông tin, là hình thức đồ họa trực quan sử dụng hình ảnh để trình bày thông tin( dữ liệu, kiến thức,...) một cách ngắn gọn và rõ ràng.

3. **Bố cục:** 3 phần tương ứng 3 đợt “tiến công tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ”:

- Phần 1: Đợt 1: (13 đến 17/3) tiêu diệt 2 cứ điểm Him Lam, Độc lập, mở toang cử phía Bắc và Đông Bắc.

- Phần 2: Đợt 2 (30/3 - 30/4) kiểm soát các điểm cao, các khu trung tâm khiến địch rơi vào thế bị động, mất tinh thần.

- Phần 3: Đợt 3 (1 đến 7/5) tổng công kích, 7/5 toàn thắng.

**4. Giá trị nội dung và nghệ thuật**

**\*Nghệ thuật:**

Kết hợp văn bản truyền thống và hình ảnh, đồ họa,... góp phần làm sinh động văn bản thông tin.

**\*Nội dung:**

Văn bản *Diễn biến Chiến dịch Điện Biên Phủ* cung cấp thông tin về trận chiến lịch sử dân tộc ta.

**II. ĐỊNH HƯỚNG PHÂN TÍCH VĂN BẢN**

**1. Dàn ý:**

|  |
| --- |
| **1.1. Nêu vấn đề:**  - Giới thiệu chung về sự kiện chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.  - Giới thiệu văn bản *Diễn biến Chiến dịch Điện Biên Phủ* và khái quát giá trị của văn bản. |
| **1.2. Giải quyết vấn đề**  ***1.2.1. Ý nghĩa nhan đề và sa pô***  - **Nhan đề:**  + Nêu lên sự kiện thông tin: diễn biến của chiến dịch Điện Biên Phủ.  + Cách trình bày: được in lớn, có màu ở ngay đầu văn bản.  - **Sa pô**:  + Vị trí: nằm ngay dưới nhan đề, được in đậm để thu hút người đock.  + Nội dung: Khái quát về chiến dịch Điện Biên Phủ, tóm tăt vấn đề chính của văn bản được nêu ra ở nhan đề  ***1.2.2. Cung cấp các thông tin chính về diễn biến chiến dịch Điện Biên Phủ***  **-**  **Đợt 1 (13 đến 17/3):**  + Tiêu diệt 2 cứ điểm: Him Lam và Độc Lập.  +  Mở cửa phía Bắc và Đông Bắc cho quân ta tiến xuống lòng chảo và khu trung tâm  - **Đợt 2 (30/3 đến 30/4):**  +  Đây là đợt tấn công, dai dẳng, quyết liệt nhất.  + Ta kiểm soát các điểm cao, khu trung tâm. Quân địch rơi vào thế bị động, mất tinh thần.  - **Đợt 3 (1 đến 7/5):**  +  Quân ta tổng công kích tiêu diệt toàn bộ tập đoàn cứ điểm.  +  7/5/1954 chiến dịch toàn thắng.   * **Cách trình bày các thông tin:**   + Các thông tin theo trình tự thời gian từ mở đầu đến diễn biến và kết thúc.  + Cách trình bày này ngắn gọn, dễ theo dõi, dễ dàng nắm bắt được thông tin và  các sự kiện chính. Hình ảnh minh họa kèm theo sinh động, chân thực. |
| * 1. **Đánh giá khái quát**   **\*Nghệ thuật:** Kết hợp văn bản truyền thống và hình ảnh, đồ họa,... góp phần làm sinh động văn bản thông tin.  **\*Nội dung:** Văn bản *Diễn biến Chiến dịch Điện Biên Phủ* cung cấp thông tin về trận chiến lịch sử dân tộc ta. |

**2.Định hướng phân tích**

Không phải ngẫu nhiên mà danh từ “Điện Biên Phủ” lại có tên trong từ điển bách khoa quân sự thế giới. Hơn 6 thập kỷ trước, với sức mạnh trí tuệ và bản lĩnh anh hùng, quân và dân ta đã “lấy yếu chống mạnh, lấy ít địch nhiều,” giành toàn thắng trong Chiến dịch Điện Biên Phủ, kết thúc 9 năm trường kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Ba tiếng “Điện Biên Phủ” đã trở thành niềm tự hào và biểu tượng của sức mạnh Việt Nam.Văn bản thông tin ***Diễn biến Chiến dịch Điện Biên Phủ***  được đăng trên *infographics.vn* ngày 6/5/2019 đã thuật lại diễn biến chiến dịch Điện Biên Phủ “lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu” hào hùng năm nào dưới hình thức đồ hoạ thông tin sinh động.

**Ngay ở nhan đề văn bản, người viết đã nêu lên nội dung chính của văn bản: thuật lại diễn biến của chiến dịch Điện Biên Phủ.** Nhan đề được trình bày theo chữ in hoa cỡ lớn, màu sắc nổi bật gây chú ý cho người đọc. Cụm từ “diễn biến” ở nhan đề cũng cho biết các thông tin trong văn bản sẽ được trình bày theo trình tự thời gian, từ mở đầu đến diễn biến và kết thúc. **Sa pô** của văn bản nằm ngay dưới nhan đề, được in đậm để thu hút người đọc đã hái quát về chiến dịch Điện Biên Phủ, tóm tăt vấn đề chính của văn bản được nêu ra ở nhan đề.

**Sau nhan đề và sa pô, văn bản cung cấp các thông tin chính về diễn biến chiến dịch Điện Biên Phủ.** Diễn biến của chiến dịch Điện Biên Phủ chia làm 3 đợt tiến công; các đợt tiến công đều được thuật lại theo diễn biến thời gian cụ thể với các sự kiện chính trị quan trọng. **Đợt 1 (13 đến 17/3), quân ta t**iêu diệt 2 cứ điểm: Him Lam và Độc Lập, mở cửa phía Bắc và Đông Bắc cho quân ta tiến xuống lòng chảo và khu trung tâm**. Đợt 2 (30/3 đến 30/4)** là đợt tấn công, dai dẳng, quyết liệt nhất, quân ta kiểm soát các điểm cao, khu trung tâm. Quân địch rơi vào thế bị động, mất tinh thần. **Đợt 3 (1 đến 7/5)** quân ta tổng công kích tiêu diệt toàn bộ tập đoàn cứ điểm và 7/5/1954 chiến dịch toàn thắng. Các thông tin cụ thể của đoạn 3 được in đậm bởi đây là đợt tiến quân cuối cùng, thông tin thể hiện kết quả của cả chiến dịch Điện Biên Phủ.

Các thông tin chính cụ thể trong văn bản ***Diễn biến Chiến dịch Điện Biên Phủ*** được trình bày theo trình tự thời gian. Hình thức trình bày sử dụng màu sắc dễ dàng phân biệt, kí hiệu đồng nhất kết hợp với hình ảnh minh hoạ kèm theo sinh động gắn với nội dung của từng đợt tiến công, cỡ chữ in đậm vào những câu có nội dung quan trọng thu hút người đọc, khiến người đọc dễ nắm bắt được nội dung, không thấy khô khan, nhàm chán.

Bằng sự kết hợp văn bản truyền thống và hình ảnh, đồ họa,... sinh động, hấp dẫn; lời văn ngắn gọn, cô đọng, chính xác, văn bản ***Diễn biến Chiến dịch Điện Biên Phủ*** đã cung cấp thông tin về trận chiến lịch sử dân tộc ta, qua đó khẳng định ý nghĩa trọng đại của sự kiện lịch sử này. Văn bản đã làm sống lại cả một thời kì hào hùng của dân tộc, khơi dậy trong lòng người đọc niềm tự hào sâu sắc vào những trang sử vẻ vang đã làm nên bởi máu và nước mắt của cha ông một thời đạn lửa. “*Chín năm làm một Điện Biên - Nên vành hoa đỏ nên thiên sử vàng”*, chiến thắng Điện Biên Phủ đã trở thành mốc son chói lọi trong lịch sử dân tộc Việt Nam**.**Thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ đã kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trường kì gian khổ 9 năm của dân tộc Việt Nam, đó là chiến thắng của lòng yêu nước nồng nàn, ý chí bất khuất, kiên cường của dân tộc Việt Nam được hun đúc qua hàng nghìn năm lịch sử.

**Văn bản “*Diễn biến Chiến dịch Điện Biên Phủ” giúp ta nhìn lại quá khứ để vững tin hơn vào tương lai.*** Thời gian đã lùi xa, nhưng chiến thắng Điện Biên Phủ “lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu” mãi mãi là một mốc son chói lọi trong lịch sử và niềm tự hào của dân tộc Việt Nam; là sức mạnh tinh thần, nguồn cổ vũ, động viên to lớn, đồng thời để lại nhiều bài học quý giá đối với toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hôm nay và mai sau.

**III. LUYỆN ĐỀ đọc hiểu:**

GV hướng dẫn HS thực hành đề đọc hiểu về văn bản “***Diễn biến Chiến dịch Điện Biên Phủ***”:

**Đề số 01: Đọc đoạn văn bản sau và trả lời câu hỏi:**



**Câu 1**. Xác định thể loại văn bản trên.

**Câu 2a.**  Ghi lại câu văn nêu nội dung chính của văn bản.  
**Câu 2b.** **Chỉ ra những câu văn được mở đầu bằng trạng ngữ chỉ thời gian. Chỉ ra tác dụng của kiểu câu đó với việc trình bày sự kiện lịch sử được đề cập trong văn bản.**

**(GV chọn 1 trong hai câu 2a hoặc 2b)**

**Câu 3**. Nhận xét về cách trình bày các thông tin trong văn bản (màu sắc, hình ảnh, cỡ chữ, các kí hiệu...).

**Câu 4**. Em có suy nghĩ gì về ý nghĩa của tìm hiểu về lịch sử dân tộc đối với học sinh?

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Thể loại: văn bản thông tin sử dụng đồ hoạ thông tin.

**Câu 2a:**

Câu văn nêu nội dung chính của văn bản nằm ở sa pô của văn bản:

**“**Chiến dịch Điện Biên Phủ là đỉnh cao của cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954 của quân và dân ta. Sau 56 ngày đêm chiến đấu dũng cảm, quân và dân ta đã đập tan toàn bộ tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, giành thắng lợi hoàn toàn.”

**Câu 2b:**

* Các câu được mở đầu bằng trạng ngữ chỉ thời gian trong bài ***Diễn biến Chiến dịch Điện Biên Phủ* là:**

***+ Sau 56 ngày đêm chiến đấu dũng cảm, quân và dân ta đã đập tan toàn bộ tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, giành thắng lợi hoàn toàn.***

***+ Ngày 7/5/1954, chiến dịch Điện Biên Phủ toàn thắng.***

**- Tác dụng của kiểu câu mở đầu bằng các trạng ngữ chỉ thời gian với việc trình bày các sự kiện lịch sử được đề cập trong văn bản: Cung cấp các mốc thời gian cụ thể cho sự kiện lịch sử, giúp thông tin được thuật lại sự kiện lịch sử thêm chân thực, khách quan, chính xác hơn.**

**Câu 3:** Nhân xét về cách trình bày các thông tin trong văn bản:

+ Cách trình bày các thông tin theo trình tự thời gian.

+ Cách trình bày này ngắn gọn, dễ theo dõi, dễ dàng nắm bắt được thông tin và  các sự kiện chính. Hình ảnh minh họa kèm theo sinh động, chân thực.

**Câu 4:** HS nêu suy nghĩ của bản thân.

Có thể nêu: Tìm hiểu về lịch sử dân tộc giúp cho HS:

* Mở rộng hiểu biết của HS về lịch sử dân tộc, biết và hiểu được những sự kiện xã hội, tự nhiên đã xảy ra trong quá khứ, cũng như biết được các thế hệ cha ông đã sống như thế nào và đã làm những việc gì, đã dựng nước và giữ nước như thế nào.
* Bồi đắp thêm lòng yêu nước cho các thế hệ, có thái độ trân trọng, tình cảm biết ơn và có những việc làm tri ân đối với thế hệ đi trước, các vĩ nhân, danh nhân, các anh hùng, liệt sĩ.
* Tìm hiểu lịch sử còn giúp cho thế hệ sau rút ra những bài học kinh nghiệm từ quá khứ để sống tốt hơn, làm giỏi hơn các thế hệ đi trước để xây dựng đất nước ngày một to đẹp, đàng hoàng. Thông qua lịch sử mà truyền cảm, thôi thúc các thế hệ hậu sinh phấn đấu vươn lên sao cho xứng đáng với sự mong đợi, kỳ vọng của các thế hệ cha ông,
* …

**Đọc hiểu văn bản thông tin ngoài SGK:**

**Đề số 02:**

**Đọc văn bản sau và thực hiện các câu hỏi:**

****

**(Theo infographics.vn, ngày 30/4/2021)**

**Câu 1.** Nêu nội dung khái quát của văn bản.

**Câu 2.** Ghi lại các mốc thời gian mà Bộ Chính trị đưa ra những chỉ đạo chiến lược.

**Câu 3.** Xác định cụm từ dùng để mở rộng thành phần câu trong câu: *Thể theo nguyện vọng của đồng bào, chiến sĩ cả nước, Bộ Chính trị quyết định chiến dịch giải phóng Sài Gòn – Gia Định mang tên Chiến dịch Hồ Chí Minh.* Cho biết đó là loại cụm từ gì và dùng để mở rộng thành phần nào?

**Câu 4**. Đã 46 năm kể từ đại thắng mùa xuân 30/4/1975, đất nước ta đang trên đà phát triển. Theo em, thế hệ trẻ hôm nay cần làm gì để góp phần xây dựng và bảo vệ đất nước?

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Nội dung khái quát: những chỉ đạo chiến lược của Bộ chính trị trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975.

**Câu 2:** Các mốc thời gian:

+ 30/9 – 7/10/1974

+ 18/12/1974- 8/1/1975

+ 18/3/1975

+ 25/3/1975

+ 31/3/1975

+ 14/4/1975

**Câu 3:**

Trong câu: *Thể theo nguyện vọng của đồng bào, chiến sĩ cả nước, Bộ Chính trị quyết định chiến dịch giải phóng Sài Gòn – Gia Định mang tên Chiến dịch Hồ Chí Minh:*

- Cụm từ mở rộng thành phần câu: *quyết định chiến dịch giải phóng Sài Gòn – Gia Định mang tên Chiến dịch Hồ Chí Minh.*

- Là cụm động từ dùng mở rộng thành phần vị ngữ.

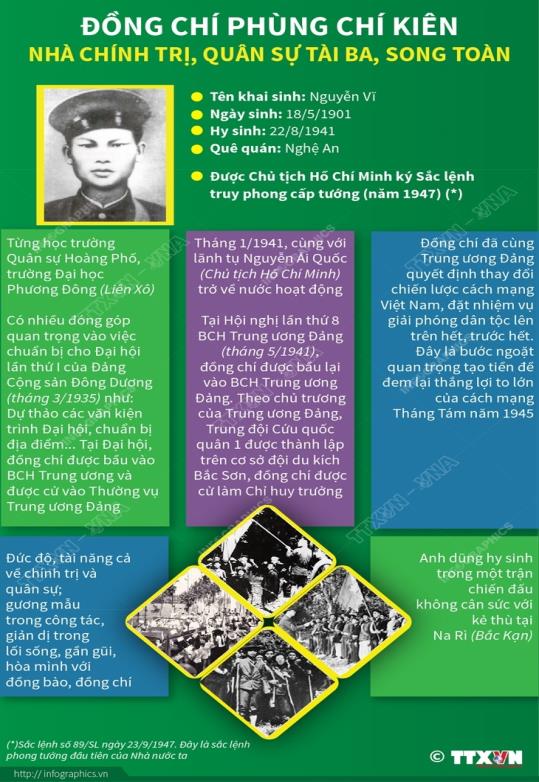
**Câu 4:**

Thế hệ trẻ ngày nay cần góp sức mình vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước:

* Ra sức rèn luyện thân thể, rèn luyện đạo đức, bồi dưỡng hiểu biết để làm chủ tri thức nhân loại.
* Tích cực đóng góp cho cộng đồng bằng những việc làm nhỏ bé như : nhặt rác xung quanh môi trường sống; tuyên truyền gia đình, người thân, hàng xóm về giữ gìn vệ sinh môi trường, an toàn giao thông; tham gia hoạt động từ thiện nhỏ,...
* Thể hiện tinh thần yêu nước qua các việc làm nhỏ như treo cờ tổ quốc, chấp hành đúng quy định phòng chống dịch covid 19,...

...

**Đề số 03: Đọc văn bản sau và thực hiện các câu hỏi:**



**(Theo infographics.vn, ngày 18/5/2021)**

**Câu 1:** Văn được được trình bày theo hình thức nào?

**Câu 2:** Nêu nội dung khái quát của văn bản.

**Câu 3:** Nhận xét về cách trình bày các thông tin trong văn bản (màu sắc, hình ảnh, cỡ chữ, các kí hiệu...).

**Câu 4:** Từ cuộc đời của đồng chí Phùng Chí Kiên, em rút ra cho mình bài học gì?

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Văn bản được trình bày theo hình thức đồ hoạ thông tin (Kết hợp giữa ngôn ngữ và hình ảnh).

**Câu 2:** Nội dung khái quát của văn bản: Những nét tiêu biểu về cuộc đời, sự nghiệp và nhân cách của đồng chí Phùng Chí Kiên – nhà chính trị, quân sự tài ba, song toàn.

**Câu 3:** Nhân xét về cách trình bày các thông tin trong văn bản:

+ Cách trình bày ngắn gọn, dễ theo dõi, dễ dàng nắm bắt được thông tin và  các sự kiện chính.

+ Màu sắc nền và màu sắc chữ kết hợp hài hoà, cỡ chữ to nhỏ khác nhau, các hình khối đa dạng=> tạo nên sự sinh động, hấp dẫn cho văn bản.

+ Hình ảnh minh họa kèm theo chân thực.

**Câu 4:** HS nêu suy nghĩ của bản thân.

Từ cuộc đời của đại tướng Phùng Chí Kiên, em rút ra bài học cho bản thân: cần sống và cống hiến hết mình cho đất nước; sống giản dị, hoà mình với mọi người xung quanh.

**Buổi 2:**

**Ôn tập văn bản 3: *Giờ Trái Đất* (Theo baodautu.vn)**

**I. TÌM HIỂU CHUNG VỀ VĂN BẢN**

**1**. **Xuất xứ:** Theo baodautu.vn (29/03/2014)

**2**. **Thể loại**: văn bản thông tin

**3**. **Bố cục:** 03 phần:

+ Phần 1: Ý tưởng khởi phát của chiến dịch “Giờ Trái Đất”

+ Phần 2: **Sự ra đời và phát triển của** chiến dịch “Giờ Trái Đất”.

+ Phần 3: ***Giờ Trái Đất* chính thức trở thành chiến dịch toàn cầu.**

**4. Giá trị nội dung và nghệ thuật**

**a. Giá trị nội dung**

- Văn bản ***Giờ Trái Đất*** đã cung cấp đầy đủ thông tin về mục đích, sự ra đời và phát triển của chiến dịch này.

- Lan tỏa đến người đọc thông điệp cần hành động để góp phần giảm thiểu biến đổi tác nhân gây biến đổi khí hậu.

**b. Giá trị nghệ thuật**

- Trình bày thông tin bằng từ ngữ, trích dẫn, hình ảnh... để cung cấp thông tin.

-Ngôn ngữ diễn đạt sáng rõ, chính xác, thuyết phục.

**II. ĐỊNH HƯỚNG PHÂN TÍCH VĂN BẢN**

**1. Dàn ý:**

|  |
| --- |
| **1.1. Nêu vấn đề:**  Dẫn dắt, giới thiệu văn bản và khái quát giá trị của văn bản. |
| **1.2. Giải quyết vấn đề: Phân tích văn bản về nội dung và nghệ thuật**  ***1.2.1. Ý nghĩa của nhan đề và sa pô:***  ***-* Nhan đề:** Nêu lên thông tin sự kiện Giờ Trái Đất  - **Sa pô**:  + Vị trí: nằm ngay dưới nhan đề, được in đậm để thu hút người đọc.  + Nội dung: nêu sự kiện tối 29/3, 63 tỉnh thành tại Việt Nam sẽ cùng thế giới tham gia chiến dịch Giớ Trái Đất để sử dụng hiệu quả nguồn năng lượng và bảo vệ môi trường trước biến đổi khí hậu.  ==> Khái quát được sự kiện có tính thời sự để gây chú ý với người đọc, đồng thời khái quát được ý nghĩa của chiến dịch Giờ Trái Đất.  ***1.2.2. Thông tin của văn bản***  **a) Phần 1: Ý tưởng khởi phát của Giờ Trái Đất**  - 2004, Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế của Australia tìm kiếm phương pháp truyền thông mới để đưa ra vấn đề biến đổi khí hậu vào hoạt động tuyên truyền nên đã thảo luận với công ty quảng cáo Leo Burnett Sydney.  - Cơ sở: Chiến dịch dựa trên hi vọng mỗi cá nhân có trách nhiệm với tương lai của Trái Đất.  **b) Phần 2: Sự ra đời và phát triển của Giờ Trái Đất**  **\* Ra đời**​:   2005, dự án có tên "Tiếng tắt lớn" ra đời.  - 2006, đặt tên lại là "Giờ Trái Đất".  + Nội dung chiến dịch: Kêu gọi mọi người tắt điện một tiếng đồng hồ tối thứ 7 cuối cùng của tháng 3 hàng năm.  + Chiến dịch mở rộng mục tiêu sang mục tiêu có tinh thần bền vững, lâu dài hơn.  + Được sự ủng hộ nhiệt tình của Thị trưởng Sydney.  - 30-3-2007, lễ khai mạc sự kiện Giờ Trái Đất được tổ chức tại Sydney.  **\* Phát triển:**  - Thu hút sự chú ý của thế giới, các nước bắt đầu tham gia nhiều hơn vào những năm sau đó.  - 29-3-2008, tổ chức ở 371 thành phố, thuộc hơn 35 quốc gia, hơn 50 triệu người.  - 2009, sự tham gia của hơn 4000 thành phố, thuộc 88 quốc gia.  → Giờ Trái Đất giúp mọi người trên thế giới đoàn kết, thể hiện hành động trong suốt 1 năm để bảo vệ hành tinh.  **c) Phần 3: Giờ Trái Đất chính thức trở thành chiến dịch toàn cầu**  - Cuối 2009, trong Hội nghị biến đổi khí hậu Liên hiệp quốc (sự tham gia 192 quốc gia) tại Đan Mạch, nhận thức của thế giới về biến đổi khí hậu được nâng cao.   - Từ 2009, Việt Nam chính thức gia nhập chiến dịch Giờ Trái Đất. |
| * 1. **Đánh giá khái quát**   **a. Giá trị nghệ thuật**  - Trình bày thông tin bằng từ ngữ, trích dẫn, hình ảnh... để cung cấp thông tin.  -Ngôn ngữ diễn đạt sáng rõ, chính xác, thuyết phục.  **b. Giá trị nội dung**  - Văn bản ***Giờ Trái Đất*** đã cung cấp đầy đủ thông tin về mục đích, sự ra đời và phát triển của chiến dịch này.  - Lan tỏa đến người đọc thông điệp cần hành động để góp phần giảm thiểu biến đổi tác nhân gây biến đổi khí hậu. |

**2. Định hướng phân tích**

“Biến đổi khí hậu” đã và đang là vấn đề được toàn thế giới quan tâm khi mà những hình thái thời tiết “chưa từng có tiền lệ” đang tác động ngày một lớn đến cuộc sống của con người. Trong những năm gần đây, con người đã dần nhận thức và hành động quyết liệt hơn để chống biến đổi khí hậu. Và một trong những chiến dịch chống biến đổi khí hậu có quy mô toàn cầu phải kể đến đó là chiến dịch “Giờ Trái Đất”. Văn bản “***Giờ Trái Đất”*** (đăng trên báo dautu.vn ngày đã thuật lại quá trình ra đời, hình thành và phát triển hưởng ứng của chiến dịch giờ Trái đất trên thế giới - một sự kiện mang tính toàn cầu và có ý nghĩa to lớn đối với việc bảo vệ hành tinh xanh của chúng ta. Văn bản nhắc nhở mỗi người cần có những suy nghĩ và hành động thiết thực trong vấn đề biến đổi khí hậu, bảo vệ trái đất.

**Ngay ở nhan đề văn bản, người viết đã nêu lên thông tin sự kiện chính – Giờ Trái Đất. Sapo của bài viết** nằm ngay dưới nhan đề, được in đậm để thu hút người đọc. Phần sa pô đã nêu sự kiện tối 29/3, 63 tỉnh thành tại Việt Nam sẽ cùng thế giới tham gia chiến dịch Giớ Trái Đất để sử dụng hiệu quả nguồn năng lượng và bảo vệ môi trường trước biến đổi khí hậu, qua đó đã khái quát được sự kiện có tính thời sự để gây chú ý với người đọc, đồng thời khái quát được ý nghĩa của chiến dịch Giờ Trái Đất.

**Sau nhan đề và sa pô, văn bản cung cấp các thông tin chính về sự kiện Giờ Trái Đất bao gồm 03 thông tin chính:** Ý tưởng khởi phát của chiến dịch “Giờ Trái Đất; s**ự ra đời và phát triển của** chiến dịch *Giờ Trái Đất*; ***Giờ Trái Đất* đã chính thức trở thành chiến dịch toàn cầu. Các thông tin trong văn bản được trình bày theo trình tự thời gian gắn với các mốc thời gian, số liệu cụ thể, chính xác, đem đến cho người đọc những hiểu biết chi tiết về sự kiện Giờ Trái Đất.**

**Phần mở đầu văn bản, người viết trình bày ý** tưởng khởi phát của chiến dịch Giờ Trái Đất: Năm 2004, Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế của Australia tìm kiếm phương pháp truyền thông mới để đưa ra vấn đề biến đổi khí hậu vào hoạt động tuyên truyền nên đã thảo luận với công ty quảng cáo Leo Burnett Sydney. Chiến dịch dựa trên hi vọng mỗi cá nhân có trách nhiệm với tương lai của Trái Đất. Như vậy chiến dịch Giờ Trái Đất được khởi nguồn từ ý tưởng của người dân Australia nhằm hướng đến thức tỉnh ý thức người dân về biến đổi khí hậu, trách nhiệm đối với Trái Đất – hành tinh chung.

Phần tiếp theo của văn bản trình bày **sự ra đời và phát triển của Giờ Trái Đất.** Tên gọi của chiến dịch bắt nguồn từ dự án có tên "Tiếng tắt lớn" ra đời năm 2005 do Tổ chức Bảo tồn thiên nhiên quốc tế Australia cùng một công ti quảng cáo thực hiện. Năm 2006, tên gọi "Giờ Trái Đất" chính thức ra đời để chỉ chiến dịch kêu gọi mọi người tắt điện một tiếng đồng hồ tối thứ 7 cuối cùng của tháng 3 hàng năm. Chiến dịch mở rộng mục tiêu sang mục tiêu có tinh thần bền vững, lâu dài hơn. Ngày 30-3-2007, lễ khai mạc sự kiện Giờ Trái Đất được tổ chức tại Sydney. Từ một chiến dịch khởi nguồn từ đất nước Australia, dần dần, chiến dịch “Giờ Trái Đất” đã thu hút sự chú ý của thế giới, các nước bắt đầu tham gia nhiều hơn vào những năm sau đó. Ngày 29-3-2008, tổ chức ở 371 thành phố, thuộc hơn 35 quốc gia, hơn 50 triệu người. Năm 2009, sự tham gia của hơn 4000 thành phố, thuộc 88 quốc gia. Chiến *dịch Giờ Trái Đất* giúp mọi người trên thế giới đoàn kết, thể hiện hành động trong suốt 1 năm để bảo vệ hành tinh. Văn bản đã dẫn lời của ông En-di-Rít-li – Giám đốc và là người sáng lập chiến dịch “Giờ Trái Đất” toàn cầu: “*Giờ Trái Đất không chỉ dừng lại ở hành động tắt đèn, mà đây là chiến dịch trong đó tất cả mọi người trên thế giới cùng nhau đoàn kết và thể hiện họ có thể làm gì trong suốt cả năm để bảo vệ hành tinh”*. Ý kiến của ông En-di-Rít-li đã nhấn mạnh ý nghĩa to lớn của chiến dịch này, tăng thêm độ tin cậy cho văn bản.

**Phần cuối văn bản đã trình bày thông tin chiến dịch Giờ Trái Đất đã chính thức trở thành chiến dịch toàn cầu nhờ ý nghĩa lớn lao đối với môi trường.** Cuối 2009, trong Hội nghị biến đổi khí hậu Liên hiệp quốc (sự tham gia 192 quốc gia) tại Đan Mạch, nhận thức của thế giới về biến đổi khí hậu được nâng cao. Từ 2009, Việt Nam chính thức gia nhập chiến dịch Giờ Trái Đất.

Bằng ngôn ngữ diễn đạt sáng rõ, chính xác, thuyết phục; kết hợp ngôn ngữ với hình ảnh minh hoạ, trich dẫn ý kiến,..., văn bản ***Giờ Trái Đất*** đã cung cấp đầy đủ thông tin về mục đích, sự ra đời và phát triển của chiến dịch này. Qua văn bản, người đọc rút ra thông điệp ý nghĩa cần hành động để góp phần giảm thiểu biến đổi tác nhân gây biến đổi khí hậu. Mỗi người hãy hành động để chung tay bảo vệ màu xanh của Trái Đất – hành tinh chung của chúng ta.

**IV. LUYỆN ĐỀ**

GV hướng dẫn HS thực hành đề đọc hiểu về văn bản “Giờ Trái Đất”:

**Đề bài 1: Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**

“Chiến dịch Giờ Trái đất ban đầu chỉ nằm trong kế hoạch trong phạm vi quốc gia của Australia nhưng đã thực sự thu hút sự quan tâm của thế giới và các nước bắt đầu tham gia vào chiến dịch Giờ Trái đất những năm sau đó.

Vào ngày 29/3/2008, Chiến dịch Giờ Trái đất mở rộng được tổ chức ở 371 thành phố và thị trấn thuộc hơn 35 quốc gia trên thế giới với sự tham gia của hơn 50 triệu người.

Một năm sau đó (2009), chiến dịch Giờ Trái đất đã thu hút sự tham gia của hàng trăm triệu người tại hơn 4.000 thành phố và thị trấn thuộc 88 quốc gia trên thế giới cùng hành động tắt đèn trong vòng một giờ đồng hồ”

*(Trích “Giờ Trái Đất” –* Theo baodautu.vn*)*

**Câu 1**. Xác định thể loại của văn bản.

**Câu 2**. Xác định vị ngữ của câu văn sau và cho biết vị ngữ đó thuộc loại cụm từ gì?

“Vào ngày 29/3/2008, Chiến dịch Giờ Trái đất mở rộng được tổ chức ở 371 thành phố và thị trấn thuộc hơn 35 quốc gia trên thế giới với sự tham gia của hơn 50 triệu người.”

**Câu 3.** Theo em, sự phát triển của chiến dịch Giờ Trái Đất, thu hút sự tham gia ngày càng lớn của các nước trên thế giới có ý nghĩa gì?

**Câu 4.** Ngoài chiến dịch “Giờ Trái Đất”, em còn biết thêm những việc làm nào góp phần chống biến đổi khí hậu?

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1**: Văn bản thông tin.

**Câu 2:**

**Câu văn:** “Vào ngày 29/3/2008, Chiến dịch Giờ Trái đất mở rộng được tổ chức ở 371 thành phố và thị trấn thuộc hơn 35 quốc gia trên thế giới với sự tham gia của hơn 50 triệu người.”

**- Vị ngữ:** được tổ chức ở 371 thành phố và thị trấn thuộc hơn 35 quốc gia trên thế giới với sự tham gia của hơn 50 triệu người.”

==> Đây là cụm động từ:

+ Động từ trung tâm: tổ chức

+ Phụ trước: được

+ Phụ sau: ở 371 thành phố và thị trấn thuộc hơn 35 quốc gia trên thế giới , với sự tham gia của hơn 50 triệu người

**Câu 3:**

Theo em, sự phát triển của chiến dịch Giờ Trái Đất, thu hút sự tham gia ngày càng lớn của các nước trên thế giới có ý nghĩa:

* Chiến dịch Giờ Trái Đất là một chiến dịch cộng đồng có ý nghĩa lớn trong việc góp phần chống biến đổi khí hậu Trái Đất.
* Ngày càng có nhiều người dân, nhiều quốc gia nhận thức được tầm quan trọng của việc phải hành động để chống biến đổi khí hậu, để bảo về sự bền vững của Trái Đất.

**Câu 4:** Ngoài chiến dịch “Giờ Trái Đất”, còn có rất nhiều những việc có thể làm để góp phần chống biến đổi khí hậu:

* Giáo dục ý thức học sinh trong nhà trường; nâng cao nhận thức của mọi người về tác hại của biến đổi khí hậu và sự cần thiết phải có những giải pháp góp phân giảm thiểu biến đổi khí hậu.
* Trồng rừng và thật nhiều cây xanh.
* Không xả rác, đốt rác bừa bãi
* Sử dụng tiết kiệm các nguồn năng lượng: điện, gas, khí đốt,; thay thế bằng các nguồn năng lượng sạch khác (năng lượng gió, năng lượng mặt trời)
* Sử dụng các thiết bị tự động công nghệ cao để giảm tổn hao năng lượng trong dài hạn. …
* Sử dụng chất thải trong chăn nuôi để sản xuất biogas dùng đun nấu, vừa giảm ô nhiềm môi tường, vừa giảm thiểu C02
* …

**Đề bài 2: Quan sát các hình ảnh sau và trả lời các câu hỏi:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hình 1** | **Hình 2** |
| **Hình 3** | **Hình 4** |

**Câu 1.** Em hãy ghi chú thích nội dung cho mỗi hình ảnh trên.

**Câu 2.** Chỉ ra điểm chung của các hình ảnh trên.

**Câu 3.** Thử nêu ra một số nguyên nhân mà em biết dẫn đến những hiện tượng được nhắc đến ở các bức tranh?

**Câu 4.** Thông tin từ các hình ảnh trên có ý nghĩa gì đối với bản thân em? Chỉ ra ít nhất một việc em sẽ làm để thể hiện ý nghĩa đó,

**Gợi ý**

**Câu 1:**

**-** Hình 1: Hiện tượng băng tan ở Trái Đất

- Hình 2: Hiện tượng hạn hán trên Trái Đất.

- Hình 3: Hiện tượng lũ lụt trên Trái Đất.

- Hình 4: Hiện tượng cháy rừng trên Trái Đất

**Câu 2:** Điểm chung của các hình ảnh là đều nói về các hậu quả gây ra bởi biến đổi khí hậu trên Trái Đất.

**Câu 3:** Những nguyên nhân gây ra các hiện tượng băng tan, lũ lụt, hạn hán, cháy rừng ở nhiều nơi trên Trái Đất hằng năm:

* Do con người chặt phá rừng bừa bãi
* Do khí thải từ các phương tiện công cộng, khí thải công nghiệp
* Do ô nhiễm môi trường, sử dụng quá nhiều rác thải nhựa, sử dụng lãng phí các nguồn năng lượng
* ...

**Câu 4**: Các hình ảnh khiến em ý thức được mức độ nguy hiểm của biến đổi khí hậu đối với môi trường tự nhiên và cuộc sống của con người. Từ đó em thấy mình có ý thức, trách nhiệm hơn trong việc bảo vệ môi trường.

* Ví dụ: + Em có thể làm những việc như sử dụng tiết kiệm điện nước trong gia đình, trường học.

+ Giữ gìn vệ sinh môi trường, hạn chế rác thải nhựa

+ Trồng thêm nhiều cây xanh quanh nơi ở

...

**ÔN TẬP TIẾNG VIỆT:**

**Trạng ngữ chỉ thời gian – Mở rộng vị ngữ**

**lÀM**

✪ **NHẮC LẠI LÍ THUYẾT**

**1. Trạng ngữ**

**\*Định nghĩa:** Trạng ngữ là một thành phần phụ trong câu đảm nhiệm vai trò bổ sung xác định thời gian, địa điểm, nơi chốn, mục đích nguyên nhân… của sự vật, sự việc, hiện tượng được nhắc đến trong câu.

\***Phân loại:**

+ Trạng ngữ chỉ nơi chốn: Bổ nghĩa nơi chốn diễn ra sự việc được nhắc đến.

+Trạng ngữ chỉ thời gian: Xác định, làm rõ thời gian xảy ra sự việc, hiện tượng trong câu.

+ Trạng ngữ chỉ nguyên nhân:  Giải thích nguyên nhân dẫn đến sự việc, hiện tượng được nhắc đến trong câu.

+ Trạng ngữ chỉ mục đích: Làm rõ mục đích xảy ra sự việc, hiện tượng của câu.

+ Trạng ngữ chỉ phương tiện: Nói lên cách thức, phương tiện diễn ra sự việc trong câu nhắc đến.

**2. Mở rộng vị ngữ**

**- Vị ngữ** là một trong hai thành phần chính của câu, chỉ hoạt động, trạng thái, đặc điểm của sự vật, hiện tượng nêu ở chủ ngữ. Vị ngữ thường được biểu hiện bằng động từ, tính từ và trả lời cho các câu hỏi Làm gì?, Làm sao?, Như thế nào? hoặc Là gì?. Câu có thể có một hoặc nhiều vị ngữ.

Để phản ánh đầy đủ hiện thực khách quan và biểu thị tình cảm, thái độ của người viết (người nói), vị ngữ thường được **mở rộng thành cụm từ**. Động từ, tính từ khi làm vị ngữ có khả năng mở rộng thành cụm động từ, cụm tính từ, bao gồm động từ, tính từ làm thành tố chính (trung tâm) và một hay một số thành tố phụ ở trước hoặc sau trung tâm.

**Ví dụ**, trong câu: "Bác **tự đánh máy Tuyên ngôn Độc lập ở một cái bàn tròn.**", vị ngữ (in đậm) là một cụm động từ trong đó trung tâm là đánh máy, các thành tố phụ là tự, Tuyên ngôn Độc lập và ở một cái bàn tròn.

✪ **THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

1. **Bài tập 1**: **Tìm những câu được mở đầu bằng trạng ngữ chỉ thời gian trong văn bản “Giờ Trái Đất”. Chỉ ra tác dụng của kiểu câu đó đối với việc trình bày các thông tin được đề cập trong văn bản.**

**Gợi ý**

**\*Các câu được mở đầu bằng trạng ngữ chỉ thời gian trong văn bản “Giờ Trái Đất” là:**

*- Tối nay (29/3), 63 tỉnh thành Việt Nam sẽ cùng cả thế giới hành động trong chiến dịch Giờ Trái đất, với nhiều hoạt động nhằm sử dụng hiệu quả nguồn năng lượng và bảo vệ môi trường trước biến đổi khí hậu.*

*- Vào năm 2004, Tổ chức bảo tồn thiên nhiên quốc tế (WWF) của Australia tìm kiếm phương pháp truyền thông và tiếp cận mới để đưa vấn đề biến đổi khí hậu vào hoạt động tuyên truyền sau khi đối diện với hàng loạt các dữ liệu khoa học về hiện tượng này.*

*- Sang năm 2005, WWF Australia và Leo Burnett Sydney bắt đầu xây dựng một ý tưởng tắt điện ở qui mô lớn, dự án có tên gọi “Tiếng Tắt Lớn”.*

*- Đến năm 2006, nhà quảng cáo Leo Burnett được giao một nhiệm vụ khó khăn: đặt tên cho chiến dịch, tên gọi đó không chỉ đại diện cho hành động tắt đèn đơn thuần - từ đó tên "Giờ Trái đất" ra đời và kêu gọi các cá nhân và doanh nghiệp tắt điện một tiếng đồng hồ vào tối thứ 7 cuối cùng của tháng 3 hàng năm.*

*- Vào ngày 31/3/2007, lễ khai mạc sự kiện Giờ Trái đất được tổ chức tại Sydney, Australia với sự tham gia của 2,2 triệu người dân và 2.100 doanh nghiệp tại đây, sự kiện kéo dài 1 tiếng đồng hồ từ 19h30 đến 20h30.*

*- Vào ngày 29/3/2008, Chiến dịch Giờ Trái đất mở rộng được tổ chức ở 371 thành phố và thị trấn thuộc hơn 35 quốc gia trên thế giới với sự tham gia của hơn 50 triệu người.*

*- Một năm sau đó (2009), chiến dịch Giờ Trái đất đã thu hút sự tham gia của hàng trăm triệu người tại hơn 4.000 thành phố và thị trấn thuộc 88 quốc gia trên thế giới cùng hành động tắt đèn trong vòng một giờ đồng hồ.*

*- Cuối năm 2009, nhận thức của thế giới về biến đổi khí hậu được đưa lên một cấp độ chưa từng thấy trong lich sử, khi cuộc họp của 192 quốc gia tại Hội nghị biến đổi khí hậu Liên Hợp Quốc (COP) diễn ra tại Copenhaghen, Đan Mạch.*

*- Cũng bắt đầu từ năm 2009, Việt Nam đã chính thức tham gia chiến dịch Giờ Trái đất – hoạt động góp phần thay đổi nhận thức, thói quen sử dụng năng lượng của người dân.*

**- Tác dụng của kiểu câu mở đầu bằng các trạng ngữ chỉ thời gian với việc trình bày các thông tin được đề cập trong văn bản: Cung cấp các mốc thời gian cụ thể cho các sự kiện, giúp thông tin được thuật lại thêm chân thực, khách quan, chính xác hơn; giúp người đọc dễ dàng hình dung quá trình ra đời, phát triển của chiến dịch Giờ Trái Đất theo diễn biến thời gian.**

1. **Bài tập 2: Tìm vị ngữ là cụm động từ, cụm tính từ trong các câu. Xác định từ trung tâm và các thành tố phụ trong mỗi cụm từ đó.**

a) Em bé đang còn đùa nghịch ở sau nhà. (*Em bé thông minh*)  
b) Vua cha yêu thương Mị Nương hết mực, muốn kén cho con một người chồng thật xứng đáng. (*Sơn Tinh, Thuỷ Tinh)*  
c) Cuối cùng triều đình đành tìm cách giữ sứ giả ở công quán để có thì giờ đi hỏi ý kiến của em bé thông minh nọ. (*Em bé thông minh*)

d) Người dành phần lớn thì giờ soạn thảo bản *Tuyên ngôn Độc lập. (Hồ Chí Minh và Tuyên ngôn độc lập).*

e. Cũng bắt đầu từ năm 2009, Việt Nam đã chính thức tham gia chiến dịch Giờ Trái Đất*. (theo Giờ Trái Đất).*

*f)* Tôi đã bỏ cái khăn tang bằng vài màn ở trên đầu đi rồi. *(Trong lòng mẹ -* Nguyên Hồng)

*g)* Gương mặt mẹ tôi vẫn tươi sáng với đôi mắt trong và nước da mịn, làm nổi bật màu hồng của hai gò má.(*(Trong lòng mẹ -* Nguyên Hồng)

# h) Tràm dày đặc và tíu tít xung quanh như những người lính gác trung thành và cần mẫn. (*Đồng Tháp Mười mùa nước nổi* – Văn Công Hùng)

Gợi ý

\***Vị ngữ là phần in đậm sau đây trong các câu:**

a)  Em bé **đang còn đùa nghịch** ở sau nhà.  
b) Vua cha **yêu thương Mị Nương hết mực**, **muốn kén cho con một người chồng thật xứng đáng**.  
c) Cuối cùng triều đình **đành tìm cách giữ sứ giả ở công quán để có thì giờ đi hỏi ý kiến của em bé thông minh nọ.**

d.Người **dành phần lớn thì giờ soạn thảo bản *Tuyên ngôn Độc lập.***

e) Cũng bắt đầu từ năm 2009, Việt Nam **đã chính thức tham gia chiến dịch Giờ Trái Đất*.***

*f)* Tôi **đã bỏ cái khăn tang bằng vài màn ở trên đầu đi rồi.**

# *g)* Gương mặt mẹ tôi **vẫn tươi sáng với đôi mắt trong và nước da mịn, làm nổi bật màu hồng của hai gò má.**

h) Tràm **dày đặc và tíu tít xung quanh như những người lính gác trung thành và cần mẫn.**

**\*Xác định cấu tạo của vị ngữ:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Loại cụm từ** | **Phụ trước** | **Trung tâm** | **Phụ sau** |
| **a** | **Cụm động từ** | đang/ còn | đùa nghich |  |
| **b** | **Cụm động từ** |  | yêu thương | Mị Nương hết mực, |
|  |  | muốn | kén | cho con một người chồng thật xứng đáng. |
| **c** | **Cụm động từ** | đành/tìm cách | giữ | sứ giả ở công quán để có thì giờ đi hỏi ý kiến của em bé thông minh nọ |
| **d** | **Cụm động từ** | dành/ phần lớn/ thì giờ | soạn thảo | bản *Tuyên ngôn Độc lập* |
| **e** | **Cụm động từ** | đã/chính thức | tham gia | chiến dịch Giờ Trái Đất |
| **f** | **Cụm động từ** | đã | bỏ | cái khăn tang bằng vài màn ở trên đầu đi rồi |
| **g** | **Cụm tính từ** | vẫn | tươi sáng | với đôi mắt trong và nước da mịn, làm nổi bật màu hồng của hai gò má |
| **h** | **Cụm tính từ** |  | dày đặc và tíu tít | xung quanh như những người lính gác trung thành và cần mẫn |

1. **Bài tập 3: Viết ngắn**

**Viết đoạn văn (khoảng 4 - 5 dòng) nêu cảm nghĩ của em về một văn bản thông tin đã học (trong đoạn văn đó có sử dụng vị ngữ là cụm từ). Xác định vị ngữ là cụm từ trong đoạn văn đó.**

**Gợi ý**

**- Nội dung đoạn văn: nêu cảm nghĩ của em về một văn bản thông tin đã học**

**- Dung lượng: 4 - 5 dòng**

**- Yêu cầu bổ sung: đoạn văn đó có sử dụng vị ngữ là cụm từ**

**==>Em có thể tìm ý**cho đoạn văn bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi như:

+ Em định nêu cảm nghĩ về văn bản thông tin nào?

+ Nội dung hoặc yếu tố hình thức nghệ thuật nào trong văn bản thông tin làm cho em thích? Vì sao em thích?

+ Em có suy nghĩ và cảm xúc gì về văn bản thông tin đó?

**Đoạn văn tham khảo:**

Đoạn 1:

Văn bản “***Hồ Chí Minh và “Tuyên ngôn Độc lập”***( Bùi Đình Phong) đã giúp em có những hiểu biết đầy đủ về sự kiện Bác Hồ đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập* tại quảng trường Ba Đình và quá trình học hỏi, tìm hiểu, không ngừng sửa chữa của Người để có thể cho ra đời bản Tuyên ngôn Độc lập ấy. Bác Hồ đã chuẩn bị kĩ càng cho việc soạn thảo bản *Tuyên ngôn Độc lập*. Đọc bài viết, em thêm kính trọng, biết ơn Bác Hồ và thêm tự hào về những trang sử hào hùng của dân tộc ta và tự nhủ bản thân cần trân trọng giá trị của độc lập, tự do và quyết giữ vững nền tự do, độc lập đó.

🡺 Câu có vị ngữ làm cụm từ: “Bác Hồ đã chuẩn bị kĩ càng cho việc soạn thảo bản *Tuyên ngôn Độc lập*.”

- Thành phần phụ trước: *đã*

- Thành phần trung tâm*: chuẩn bị*

- Thành phần phụ sau: *kĩ càng, cho việc soạn thảo bản Tuyên ngôn Độc lập.*

**Đoạn 2:**

Văn bản ***Diễn biến Chiến dịch Điện Biên Phủ*** đã cung cấp cho em thông tin chi tiết, toàn diện về diễn biến và ý nghĩa trọng đại của trận chiến lịch sử dân tộc ta. Văn bản kết hợp giữa văn bản truyền thống với hình ảnh, đồ họa sinh động, hấp dẫn đã làm sống lại cả một thời kì hào hùng của dân tộc, khơi dậy trong lòng em niềm tự hào sâu sắc vào những trang sử vẻ vang đã làm nên bởi máu và nước mắt của cha ông một thời đạn lửa.

🡺 Câu có vị ngữ làm cụm từ: “Văn bản ***Diễn biến Chiến dịch Điện Biên Phủ*** đã cung cấp cho em thông tin chi tiết, toàn diện về diễn biến và ý nghĩa trọng đại của trận chiến lịch sử dân tộc ta.”

- Thành phần phụ trước: *đã*

- Thành phần trung tâm: *cung cấp*

- Thành phần phụ sau: *cho em/ thông tin chi tiết, toàn diện/ về diễn biến và ý nghĩa trọng đại của trận chiến lịch sử dân tộc ta*.

**Buổi 3**

**ÔN TẬP KĨ NĂNG VIẾT:**

**Viết một bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện**

✪ **NHẮC LẠI LÍ THUYẾT**

**1. Thuyết minh là gì?**

Thuyết minh là phương thức giới thiệu những tri thức khách quan, xác thực và hữu ích về đặc điểm, tính chất, nguyên nhân,... của các hiện tượng, sự vật trong tự nhiên, xã hội.

**2. Viết bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện**

- Xác định sự kiện cần thuật lại

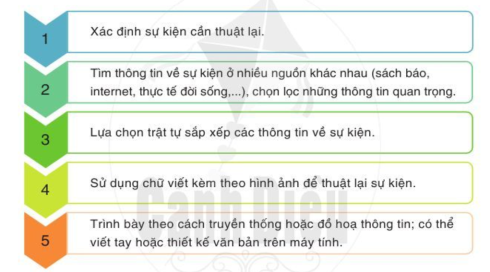
- Tìm thông tin về sự kiện ở nhiều nguồn khác nhau, chọn lọc các thông tin quan trọng.

- Lựa chọn trật tự sắp xếp các thông tin về sự kiện.

- Lựa chọn hình thức trình bày:

+ Phương tiện: *chữ viết, hình ảnh, trích dẫn,...*

+ Cách thức: trình bày theo cách truyền thống/ đồ họa thông tin; viết tay/thiết kế văn bản trên máy tính.

****

**3. Các bước**

**Đề bài:** Ở địa phương hoặc ở trường em, mọi người thường nhắc đến những sự kiện lớn nào đã diễn ra? Hãy chọn một sự kiện mà em và nhiều người quan tâm để thuật lại sự kiện đó. Trình bày bài viết theo cách truyền thống hoặc đồ họa thông tin.

**Bước 1: Chuẩn bị:**

 - Chọn sự kiện để thuật lại.

- Thu thập thông tin về sự kiện từ các nguồn khác nhau như sách báo, internet,...

- Dự kiến cách trình bày bài viết: theo cách truyền thống hoặc đồ họa thông tin.

- Dự kiến bố cục của bài (theo cách truyền thống hoặc đồ họa thông tin).

**Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý**

 - **Tìm ý**

Dựa vào bước 1, hãy tìm hiểu:

+ Sự kiện đó xảy ra khi nào? Ở đâu? Liên quan đến những ai?

+ Đâu là sự việc mở đầu, diễn biến và kết thúc?

+ Có những hình ảnh nào được dùng để minh họa cho sự kiện?

|  |  |
| --- | --- |
| **Theo cách truyền thống** | **Theo đồ họa thông tin** |
| + Sa pô (nếu có): Giới thiệu tóm tắt về sự kiện.  + Mở bài: Nêu tên sự kiện, thời gian xảy ra sự kiện.  + Thân bài: Nêu các sự việc cụ thể và sắp xếp các sự việc ấy theo trật tự thời gian; các hình ảnh có liên quan nhằm cung cấp thêm thông tin về sự kiện.  + Kết bài: Nêu sự việc kết thúc sự kiện. | + Nội dung chính giống như cách truyền thông.  + Lựa chọn một kiểu đồ họa để trình bày các thông tin chính, ngắn gọn. |

**Bước 3: Viết**

|  |  |
| --- | --- |
| **Theo cách truyền thống** | **Theo đồ họa thông tin** |
| Đặt tiêu đề cho bài viết (nếu có).  + Viết sa pô.  + Viết đoạn mở bài, thân bài, kết bài theo dàn ý đã lập. | + Trình bày thông tin theo một mẫu đồ họa nhất định.  + Nội dung ngắn gọn, bao gồm: tiêu đề và nội dung (chữ viết, hình ảnh, kí hiệu). |

**Bước 4: Kiểm tra và chỉnh sửa:**

-  Đọc lại bài viết hoặc đồ họa thông tin.

- Xem xét, phát hiện và sửa được các lỗi về nội dung thuật lại một sự kiện theo trật tự thời gian và các lỗi về hình thức trình bày.

**GV cung cấp công cụ rubic đánh giá kĩ năng viết:**

* **Đối với bài viết theo cách truyền thống):**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Bài viết thuyết minh thuật lại một sự kiện **(10 điểm)** | Nội dung bài thuyết minh còn sơ sài; mắc một số lỗi chính tả  (5- 6 điểm) | Nội dung bài thuyết minhvề sự kiện tương đối chi tiết ; không mắc lỗi chính tả.  (7 - 8 điểm) | Nội dung bài thuyết minh về sự kiện chi tiết, diễn đạt sáng tạo, không mắc lỗi chính tả.  (9 - 10 điểm) |

* **Đối với bài viết theo đồ hoạ thông tin:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Bài viết thuyết minh thuật lại một sự kiện **(10 điểm)** | Nội dung thông tin về sự kiện còn sơ sài; mắc một số lỗi chính tả; hình ảnh chưa sinh động.  (5- 6 điểm) | Nội dung thông tin về sự kiện tương đối chi tiết ; không mắc lỗi chính tả; cách trình bày, màu sắc dễ dàng phân biệt, kí hiệu đồng nhất, hình ảnh phù hợp với nội dung. (7 - 8 điểm) | Nội dung thông tin về sự kiện chi tiết, diễn đạt sáng tạo, không mắc lỗi chính tả; cách trình bày với màu sắc dễ dàng phân biệt, kí hiệu đồng nhất, hình ảnh phù hợp với nội dung, gây ấn tượng. (9 - 10 điểm) |

✪ **THỰC HÀNH VIẾT**

**Đề bài 1: Em hãy viết bài văn thuyết minh thuật lại một lễ hội ở quê hương em.**

a.  **Bước 1: Chuẩn bị:**

 - Chọn sự kiện để thuật lại: Thuật lại lễ hội đền Trần ở Nam Định.

- Thu thập thông tin về sự kiện từ các nguồn khác nhau như sách báo, internet: tìm hiểu về nguồn gốc lễ hội đền Trầnl; thời gian và địa điểm tổ chức; các nghi lễ; ý nghĩa của lễ hội,..

- Dự kiến cách trình bày bài viết: theo cách truyền thống

- Dự kiến bố cục của bài (theo cách truyền thống)

**b. Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý**

 \***Tìm ý**

Dựa vào bước 1, hãy tìm hiểu:

* Lễ hội đền Trần (Nam Định) được tổ chức trong các ngày từ ngày 15 đến ngày 20 tháng tám âm lịch hàng năm tại phường Lộc Vượng, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định nhằm tri ân công đức của  14 vị vua Trần.
* Diễn biến của lễ hội: bao gồm nghi thức lễ và phần hội:

+Tại đền Cố Trạch, thế hệ lão ông, lão bà khoác lên mình áo dài khăn xếp cùng dân làng tề tựu đông đủ để tham dự lễ tế thánh rồi dự lễ khai ấn.

+ Đúng giờ Tý (khoảng 23 giờ - 1 giờ đêm), buổi lễ bắt đầu. Đoàn người rước hòm ấn tiến sang đền Thiên Trường. Họ dâng hương tế cáo trời đất tại bàn thờ Trung thiên, rồi rước ấn vào nội cung, đặt ấn tại ban công đồng làm lễ xin khai ấn.

+ Người bồi tế đặt 1 loại giấy dân gian của Việt Nam lên trước tế chính. Giấy sau khi xin dấu son được chia phát cho những người có mặt trong buổi lễ, đem về treo trong nhà để lấy may và xua đuổi rủi ro, tà ám.

- Sáng ngày 15 tháng Giêng, dân làng sẽ tổ chức rước nước.

+ Dân làng xin hương rồi nghênh kiệu, làm lễ, tiến ra bờ sông Hồng

+ Tại bến Hữu Bị dừng kiệu, chèo thuyền ra giữa sông, múc nước trong vào bình sẵn rồi rước theo đường cũ về đền. Nước trong bình sau đó sẽ được múc ra các bát đặt lên bàn thờ để tiến hành tế nước. Tế xong thì đưa cho con cháu họ Trần uống ghi nhớ cội nguồn tổ tiên.

+ Đến ngày 16 buổi sáng, lễ tế cá sẽ diễn ra tại đền Thiên Trường.

+ Bên cạnh đó cũng có rất nhiều trò chơi dân gian đặc sắc. Không khí náo nhiệt, vui tươi, ngập tràn màu sắc và hơi thở truyền thống dân tộc.

- Ý nghĩa của lễ hội và trách nhiệm của người dân.

**\* Tìm thêm các hình ảnh minh hoạ cho lễ hội.**

**c. Bước 3: Viết bài : HS dựa vào dàn ý để viết.**

**Bài viết tham khảo:**

|  |
| --- |
| **ĐẶC SẮC LỄ HỘI KHAI ẤN ĐỀN TRẦN**  ***Lễ khai ấn đầu xuân tại Đền Trần, phường Lộc Vượng (TP Nam Định) từ lâu đã trở thành một sinh hoạt văn hoá tín ngưỡng, tâm linh thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân, du khách trong và ngoài nước tham dự.***    Từ bao đời nay, lễ hội đã trở thành một điểm tựa tinh thần, ghi lại những nét đẹp của phong tục truyền thống Việt Nam. Mỗi miền quê lại có những lễ hội mang đặc trưng riêng của vùng quê đó. Em rất tự hào vì quê hương Nam Định của em cũng có một lễ hội đặc sắc được người dân cả nước biết đến, đó là lễ hội khai ấn đền Trần - một trong những lễ hội nổi tiếng của đất Nam Định nói riêng và cả nước nói chung.  Lễ khai ấn đền Trần đầu tiên được tổ chức lần đầu vào năm 1239. Đây là nghi lễ triều đại nhà Trần thực hiện tế tiên tổ. Những năm chống giặc Nguyên Mông, nhà Trần thực hiện kế sách "vườn không nhà trống" nên rút toàn bộ quân về Thiên Trường, lễ khai ấn bị gián đoạn tới năm 1262 mới được mở lại.  Lễ khai ấn được cố định tổ chức vào ngày rằm tháng Giêng hàng năm, lúc 11 giờ đêm ngày 14 đến 1 giờ sáng ngày 15. Tại đền Cố Trạch, thế hệ lão ông, lão bà khoác lên mình áo dài khăn xếp cùng dân làng tề tựu đông đủ để tham dự lễ tế thánh rồi dự lễ khai ấn. Đến đúng giờ Tý (khoảng 23 giờ - 1 giờ đêm), tiếng pháo vang lên báo hiệu buổi lễ bắt đầu. Một cụ già cao tuổi sẽ đứng lên thay mắt dân làng làm lễ, xin rước ấn lên kiệu. Đoàn người rước hòm ấn theo nhịp trống chiêng cùng đèn nến sáng lung linh tiến sang đền Thiên Trường tiếp tục làm lễ. Trước tiên là lễ dâng hương lên bàn thờ Trung Thiên, sau đó rước ấn và làm lễ xin khai ấn. Người bồi tế đặt 1 loại giấy dân gian của Việt Nam lên trước tế chính, chiêng trống nổi lên. Chủ tế trịnh trọng đóng ấn mực đỏ vào tờ giấy, cạnh đó ghi rõ ngày, tháng, năm, viết làm sao tính đúng đến cuối phải là chữ sinh. Giấy có dấu son được chia phát cho những người có mặt trong buổi lễ, đem về treo trong nhà để lấy may và xua đuổi rủi ro, tà ám.  Sang tới sáng ngày 15 tháng Giêng, dân làng sẽ tổ chức rước nước. Trước khi bắt đầu, người tế chính vào lễ xin 1 nén hương ở bát hương tổ và 14 nén hương ở các bát hương Hoàng đế. Sau đó cắm vào bát nhang công đồng trên kiệu 8 chân. Cả đoàn rước lễ phục trang nghiêm, nghênh kiệu ra cổng đền, rồi dừng lại làm lễ tế trời đất sau đó mới tiếp tục ra bến sông Hồng.  Tại bến Hữu Bị cách đền khoảng 3km, kiệu dừng lại. Người dân gióng trống khua thuyền đã trang trí cờ hoa ra giữa sông, người tế chính múc nước trong vào bình sẵn. Khi nước đầy bình thì được rước kiệu về theo đường cũ. Nước trong bình sẽ được cho vào các bát và đặt lên bàn thờ làm lễ tế nước. Tế xong thì đưa cho con cháu họ Trần uống ghi nhớ cội nguồn tổ tiên. Đến ngày 16 buổi sáng, lễ tế cá sẽ diễn ra tại đền Thiên Trường. Cá quả, cá chép ứng với hai vị tổ họ Trần là Trần Kinh và Trần Lý được đựng trong thúng sơn đỏ. Làm lễ tế xong thì rước thả ra sông Hồng. Bên cạnh đó cũng có rất nhiều trò chơi dân gian đặc sắc như chọi gà, đấu vật, múa lân, chơi cờ thẻ, đi cầu kiều, hát văn,...Không khí náo nhiệt, vui tươi, ngập tràn màu sắc và hơi thở truyền thống dân tộc.  Cũng giống như những lễ hội khác của dân tộc, lễ hội đền Trần không chỉ mang giá trị vật thể mà còn có giá trị tinh thần vô cùng sâu sắc. Lễ hội là dịp con cháu khắp mọi miền hội tụ về để thể hiện lòng biết ơn đối với các bậc đế vương xa xưa, thể hiện truyền thống yêu nước và đạo lý “uống nước nhớ nguồn” của nhân dân ta. Hiện nay, lễ hội khai ấn đền Trần còn trở thành một nét đẹp văn hóa độc đáo thu hút du khách trong và ngoài nước. Mỗi năm vào đầu xuân, đền Trần đón tiếp hàng nghìn du khách thập phương về dự đêm khai ấn, bày tỏ lòng thành kính biết ơn và cầu mong những điều tốt đẹp.  Lễ hội khai ấn đền Trần sẽ mãi là niềm tự hào của mỗi người con Nam Định quê em và trong tâm thức mỗi người dân Việt Nam. Mỗi người cần có ý thức và trách nhiệm bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá của lễ hội trong cuộc sống hiện đại ngày nay. |

**d. Bước 4: Kiểm tra và chỉnh sửa.**

**Đề bài 2: Em hãy viết bài thuyết minh thuật lại một sự kiện lớn xảy ra ở trường học của em.**

**a. Bước 1: Chuẩn bị:**

 - Chọn sự kiện để thuật lại: ngày kỉ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11

- Thu thập thông tin về sự kiện từ các nguồn khác nhau như sách báo, internet,...:

- Dự kiến cách trình bày bài viết: theo cách truyền thống kết hợp với hình ảnh minh hoạ.

- Dự kiến bố cục của bài (theo cách truyền thống).

**b. Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý**

 - **Tìm ý**

**+ Giới thiệu** sự ra đời của ngày lễ như thế nào?

+ Những hoạt động diễn ra trong ngày lễ?

+ Ý nghĩa ngày lễ?

- Tìm thêm các hình ảnh minh hoạ.

**c. Bước 3: Viết bài : HS dựa vào dàn ý để viết.**

**Bài viết tham khảo:**

|  |
| --- |
| **NGÀY HIẾN CHƯƠNG NHÀ GIÁO VIỆT NAM 20/11**  **Ngày Nhà giáo Việt Nam (tên đầy đủ là Ngày Hiến chương Nhà giáo Việt Nam) là một ngày lễ kỷ niệm quan trọng được tổ chức vào ngày 20/11 hàng năm để tri ân các thầy cô và những người hoạt động trong ngành giáo dục.**    Từ xưa đến nay, bất kể trong thời kỳ nào, nghề dạy học luôn được coi là nghề cao quý và được xã hội tôn trọng và tôn vinh. Chủ tịch Hồ Chí Minh câu nói: *“Nhiệm vụ thầy giáo rất vẻ vang, vì nếu không có thầy giáo thì không có giáo dục… Không có giáo dục thì không nói gì đến kinh tế, văn hóa”*. Tuy sự cống hiến của thầy giáo là rất thầm lặng nhưng rất mực vẻ vang: *“Dù tên tuổi không đăng trên báo, không được thưởng huân chương, song những người thầy giáo tốt là những anh hùng vô danh”*. Do đó, cả nước dành riêng một ngày 20/11 hằng năm để tri ân các thầy cô giáo và những người đang ngày đêm cống hiến cho sự nghiệp giáo dục nước nhà.  Lịch sử của ngày nhà giáo Việt Nam bắt đầu từ một tổ chức quốc tế của các nhà giáo dục tiến bộ thành lập ở Pari (Pháp) vào hồi tháng 7 năm 1946 có tên là F.I.S.E (Fédertion International Syndicale des Enseignants - Liên hiệp quốc tế các công đoàn giáo dục). . Nǎm 1949, tại một hội nghị ở Warszawa (thủ đô của Ba Lan), Liên hiệp quốc tế các công đoàn giáo dục đã ra bản “Hiến chương các nhà giáo” gồm 15 chương quy định một số điều đối với các nhà giáo, đặc biệt nêu cao vị trí nghề dạy học và những người dạy học.    Trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Công đoàn Giáo dục Việt Nam đã liên hệ với FISE với mục đích tranh thủ các diễn đàn quốc tế, tố cáo âm mưu tội ác của bọn đế quốc xâm lược đối với nhân dân ta cũng như đối với giáo viên và học sinh.  Đồng thời, giới thiệu những thành tích của nền giáo dục cách mạng, tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của toàn thể giáo viên trên thế giới đối với cuộc kháng chiến chính nghĩa của nhân dân ta.  Lần đầu tiên ngày "Quốc tế Hiến chương các nhà giáo" được tổ chức trên toàn miền Bắc nước ta vào ngày 20/11/1958. Những năm sau đó, khi đất nước hoàn toàn độc lập, ngày lễ này đã được tổ chức trên toàn lãnh thổ Việt Nam. Vào ngày 28/09/1982, ngày 20/11 đã chính thức được đưa vào quyết định để trở thành ngày Hiến chương nhà giáo Việt Nam.    Như trở thành thông lệ, vào ngày 20/11 hằng năm, tất cả các trường học trong cả nước lại sôi động với những phong trào thi đua, các hoạt động giảng dạy tốt để chào mừng ngày nhà giáo Việt Nam. Ngày 20/11 là dịp để các thế hệ học trò bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc với những người thầy, để mọi ngành, mọi nghề và toàn xã hội chia sẻ niềm vui, tri ân với những người đã góp bao công sức và tâm huyết cho sự nghiệp trồng người cao cả, góp phần xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc.Đây cũng là dịp để các thế hệ học trò tri ân tới những thầy cô dạy dỗ chúng ta nên ngườivới các hoạt động như thi văn nghệ, thi báo tường, thi thi cắm hoa, tổ chức mít tinh,... và nhiều hoạt động có ý nghĩa khác. Và vào những ngày này tất cả các thế hệ học trò, cũng như những ngành nghề khác trong xã hội đều giành thời gian để chia sẻ và tri ân tới những người thầy, cô từng ngày âm thầm lặng lẽ cống hiến hết cuộc đời mình cho sự nghiệp trồng người của đất nước.  *“Dù tên tuổi không đăng trên báo, không được thưởng huân chương, song những người thầy giáo tốt là những anh hùng vô danh”*  (Chủ tịch Hồ Chí Minh)    Ngày lễ nhà giáo Việt Nam 20 tháng 11 là một ngày có ý nghĩa không chỉ với thầy cô mà còn với mỗi người học sinh thể hiện tấm lòng của mình đến các thầy cô. Món quà đẹp đẽ nhất, ý nghĩa nhất để gửi đến những thầy cô của mình không chỉ là những thứ vật chất mà là sự cố gắng, tiến bộ, kết quả học tập thật tốt của mỗi người học sinh gửi gắm đến thầy cô giáo của mình, để không phụ công lao dạy dỗ của cá thầy cô. |

**Tham khảo gợi ý về cách thiết kế bài viết thuật lại sự kiện ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11 theo hình thức đồ hoạ thông tin:**

****

**BUỔI 4:**

**ÔN TẬP NÓI VÀ NGHE:**

**Trao đổi, thảo luận về ý nghĩa của một sự kiện lịch sử**

✪ **NHẮC LẠI LÍ THUYẾT**

**1. Mục đích của việc trao đổi, thảo luận về ý nghĩa của một sự kiện lịch sử**

Trao đổi, thảo luận về ý nghĩa của một sự kiện lịch sử là hoạt động giúp chúng ta hiểu rõ hơn ý nghĩa của sự kiện đó và ảnh hưởng của nó với cuộc sống ngày này.

2. **Để trao đổi, thảo luận về ý nghĩa của một sự kiện lịch sử, HS cần xác định:**

- Lựa chọn và xác định sự kiện lịch sử cần trao đổi, thảo luận.

- Lập dàn ý cho bài nói trao đổi, thảo luận về ý nghĩa của một sự kiện lịch sử đã chọn.

- Tương tác tốt trong khi trao đổi, thảo luận.

**3. Quy trình trao đổi, thảo luận:**



✪ **THỰC HÀNH**

**Bài tập**: Trao đổi, thảo luận về ý nghĩa của một sự kiện lịch sử nổi bật của Việt Nam hoặc thế giới mà mọi người cùng quan tâm.

(GV đã giao đề cho HS về nhà tìm hiểu trước tiết học)

**Bước 1: Chuẩn bị**

- Lựa chọn sự kiện lịch sử cần trao đổi, thảo luận.

- Thu thập và lựa chọn các thông tin về sự kiện, những ý kiến đánh giá về ý nghĩa của sự kiện đó từ các nguồn khác nhau như sách báo, internet,...

- Lựa chọn phương tiện hỗ trợ trao đổi, thảo luận (giấy, máy tính, tranh ảnh, sơ đồ,...).

**Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý**

-**Mở bài**: Nêu tên sự kiện và ý nghĩa khái quát của sự kiện.

- **Thân bài**:

+ **Thuật lại**ngắn gọn diễn biến của sự kiện theo trình tự thời gian.

+ **Nêu ý nghĩa** của sự kiện vào thời điểm mà nó xảy ra và ảnh hưởng của sự kiện đối với cuộc sống ngày nay.

=> Đây là nội dung chính của buổi thảo luận. Trong phần này, người nói có thể đưa ra đánh giá chung của mọi người hoặc ý kiến riêng của bản thân.

- **Kết bài**: Khẳng định lại ý nghĩa của sự kiện.

**Bước 3: Thực hành nói và nghe**

- Một bạn dựa vào dàn ý đã làm để trình bày ý nghĩa của một sự kiện lịch sử.

- Cả lớp trao đổi, thảo luận về ý nghĩa của sự kiện:

+ Người nói nêu diễn biến và ý nghĩa của sự kiện theo dàn ý đã lập được; sử dụng các phương tiện hỗ trợ (nếu có).

+ Người nghe theo dõi, nắm bắt được diễn biến và ý nghĩa của sự kiện.

+ Người nói và người nghe trao đổi, thảo luận về ý nghĩa của sự kiện bằng cách nêu ra các quan điểm hoặc câu hỏi của bản thân. Có thái độ phù hợp khi trao đổi.

- Kết thúc: Khẳng định lại ý nghĩa của sự kiện.

**Bước 4: Kiểm tra và chỉnh sửa:**

Rút kinh nghiệm về nội dung và cách trao đổi, thảo luận về ý nghĩa của một sự kiện lịch sử.

- **Người nói**:

+ Xem xét nội dung bài nói đã đầy đủ chưa (diễn biến và ý nghĩa của sự kiện)?

+ Cách trình bày: Diễn đạt có rõ ràng, dễ hiểu không? Ngôn ngữ, điệu bộ, thái độ và các phương tiện hỗ trợ khác đã phù hợp chưa?

- **Người nghe**:

+ Hiểu đúng và tóm tắt được các thông tin (diễn biến và ý nghĩa của sự kiện) mà người nói cung cấp.

+ Thái độ nghe: tập trung chú ý theo dõi người nói, nêu câu hỏi nếu thấy chưa rõ,...

**GV cung cấp cung cụ rubic đánh giá kĩ năng nói:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Bài nói trao đổi, thảo luận về ý nghĩa của một sự kiện lịch sử  **(10 điểm)** | Nội dung bài nói còn sơ sài; người nói chưa tự tin trong trình bày  (5- 6 điểm) | Nội dung bài nói tương đối chi tiết, người nói trình bày tương đối tốt.  (7 - 8 điểm) | Nội dung bài nói chi tiết; người nói trình bày tự tin, có kết hợp ngôn ngữ cơ thể  (9 – 10 điểm) |

**Đề 01: Trao đổi, thảo luận về ý nghĩa của ngày Quốc tế phụ nữ 8/3 (sự kiện lịch sử nổi bật của thế giới)**

**Bước 1: Chuẩn bị**

- Lựa chọn sự kiện lịch sử cần trao đổi, thảo luận: sự kiện ra đời ngày Quốc tế phụ nữ 8/3

- Thu thập và lựa chọn các thông tin về sự ra đời, ý nghĩa của ngày 8/3 từ các nguồn khác nhau như sách báo, internet,...

- Lựa chọn phương tiện hỗ trợ trao đổi, thảo luận: tranh ảnh, trình chiếu máy tính,…

**Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý**

-**Mở bài**: Nêu tên sự kiện và ý nghĩa khái quát của sự kiện.

Cứ đến ngày 8/3 hàng năm, phụ nữ trên toàn thế giới lại được cả nhân loại tôn vinh. Chúng ta hãy cùng ôn lại lịch sử của ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3 và về ý nghĩa trọng đại của ngày này.

- **Thân bài**:

+ **Thuật lại**ngắn gọn diễn biến của sự ra đời của ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3 theo trình tự thời gian:

++ Nguồn gốc của ngày Quốc tế Phụ nữ bắt nguồn từ phong trào đấu tranh của nữ công nhân ngành dệt của nước Mỹ vào cuối thế kỷ XIX. Khi đó, các công nhân ngành dệt cùng đứng lên chống lại điều kiện làm việc khó khăn của họ tại thành phố New York vào ngày 8.3.1857.

++ Đến tháng 3.1859, các nữ công nhân Mỹ trong hãng dệt thành lập công đoàn đầu tiên đã được bảo vệ và giành quyền lợi cho mình. 50 năm sau, ngày 8.3.1908, 15.000 phụ nữ diễu hành trên đường phố New York đòi tăng lương, giảm giờ làm và huỷ bỏ việc bắt trẻ con làm việc. Sau đó, Đảng Xã hội Hoa Kỳ tuyên bố ngày Quốc tế Phụ nữ là ngày 28.2.1909.

++ Đến ngày 8.3.1910, tại Hội nghị phụ nữ do Quốc tế Xã hội chủ nghĩa tổ chức (Quốc tế thứ 2) tổ chức, 100 đại biểu phụ nữ thuộc 17 nước đã đồng loạt đòi quyền tự do dân chủ cho phụ nữ. Tại đây, hội nghị này đã quyết định lấy ngày 8.3 hàng năm làm ngày Quốc tế Phụ nữ, ngày đoàn kết đấu tranh của phụ nữ với khẩu hiệu: “Ngày làm việc 8 giờ, “Bảo vệ bà mẹ và trẻ em”, “Việc làm ngang nhau”…

+ **Nêu ý nghĩa** của sự ra đời ngày Quốc tế phụ nữ 8/3:

+ + Ngày 8.3 trở thành ngày để biểu dương ý chí đấu tranh của phụ nữ trên thế giới, đấu tranh vì độc lập, tự do, vì quyền lợi hạnh phúc của phụ nữ và trẻ em.

+ + Ý nghĩa của ngày Quốc tế phụ nữ 8/3 không chí dừng lại ở việc đòi quyền bình đẳng giới mà từ phong trào đấu tranh của phụ nữ ngày này, vấn đề phụ nữ đã được đông đảo các quốc gia trên thế giới nhìn nhận và đánh giá đầy đủ trên những khía cạnh khác nhau thông qua một loạt các hội nghị thế giới về phụ nữ.

- **Kết bài**: Khẳng định lại ý nghĩa của sự kiện.

Không ai có thể phủ nhận vai trò và trách nhiệm to lớn của người phụ nữ thời hiện đại. Phụ nữ ngày nay đang dần thể hiện và khẳng định vai trò xã hội của mình trong xã hội hiện đại.

**Bước 3: Thực hành nói và nghe**

- Một bạn dựa vào dàn ý đã làm để trình bày ý nghĩa của một sự kiện lịch sử

- Cả lớp trao đổi, thảo luận về ý nghĩa của sự kiện:

- Kết thúc: Khẳng định lại ý nghĩa của sự kiện.

**Bài nói tham khảo:**

|  |
| --- |
| **- Chào hỏi và nêu vấn đề:** *( Giọng cởi mở, vui vẻ, tự tin)*  Xin chào Cô và các bạn!  Cứ đến ngày 8/3 hàng năm, phụ nữ trên toàn thế giới lại được cả nhân loại tôn vinh. Sau đây, tôi xin trình bày ý nghĩa của ngày Quốc tế phụ nữ 8/3.  **Thuật lại ngắn gọn sự kiện: Lịch sử ra đời của ngày Quốc tế phụ nữ 8/3**  *(Giọng dõng dạc, vừa phải)*    **Trước tiên, ta cùng tìm hiểu nguồn gốc ngày 8.3**  Theo tôi tìm hiểu thì nguồn gốc của ngày Quốc tế Phụ nữ được bắt nguồn từ phong trào đấu tranh của nữ công nhân ngành dệt của nước Mỹ vào cuối thế kỷ XIX. Khi đó, các công nhân ngành dệt cùng đứng lên chống lại điều kiện làm việc khó khăn của họ tại thành phố New York vào ngày 8/3/1857.  Đến tháng 3/1859, các nữ công nhân Mỹ trong hãng dệt thành lập công đoàn đầu tiên đã được bảo vệ và giành quyền lợi cho mình. 50 năm sau, ngày 8/3/1908, 15.000 phụ nữ diễu hành trên đường phố New York đòi tăng lương, giảm giờ làm và huỷ bỏ việc bắt trẻ con làm việc. Sau đó, Đảng Xã hội Hoa Kỳ tuyên bố ngày Quốc tế Phụ nữ là ngày 28/2/1909.  Đến ngày 8/3/1910, tại Hội nghị phụ nữ do Quốc tế Xã hội chủ nghĩa tổ chức (Quốc tế thứ 2) tổ chức, 100 đại biểu phụ nữ thuộc 17 nước đã đồng loạt đòi quyền tự do dân chủ cho phụ nữ. Tại đây, hội nghị này đã quyết định lấy ngày 8/3 hàng năm làm ngày Quốc tế Phụ nữ, ngày đoàn kết đấu tranh của phụ nữ với khẩu hiệu: “Ngày làm việc 8 giờ, “Bảo vệ bà mẹ và trẻ em”, “Việc làm ngang nhau”…  Từ đó, ngày 8/3 trở thành ngày để biểu dương ý chí đấu tranh của phụ nữ trên thế giới, đấu tranh vì độc lập, tự do, vì quyền lợi hạnh phúc của phụ nữ và trẻ em.  **Vậy ngày Quốc tế phụ nữ 8/3 có ý nghĩa trọng đại như thế nào với thế giới và với Việt Nam?**    Ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3 đã trở thành ngày hội của phụ nữ thế giới, đoàn kết đấu tranh để tự giải phóng, thực hiện quyền nam nữ bình đẳng. Cũng từ đó, phụ nữ tiến bộ khắp năm châu tổ chức ngày 8/3 với những nội dung và hình thức phong phú.Trong ngày này, đàn ông thường tặng hoa và quà cho những người phụ nữ xung quanh mình như bà, mẹ, vợ, người yêu…  Nội dung ngày quốc tế phụ nữ 8/3 không chỉ dừng lại ở quyền bình đẳng mà được mở rộng thêm khái niệm mới "phát triển", "Giới". Vấn đề phụ nữ đã được đông đảo các quốc gia trên thế giới nhìn nhận và đánh giá một các đầy đủ trên những khía cạnh khác nhau thông qua một loạt các hội nghị thế giới. Từ thập niên 70 đến nay, đã có 4 hội nghị thế giới về phụ nữ.  Tại Việt Nam ngày Quốc tế Phụ nữ còn được coi là ngày kỉ niệm cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng – 2 vị nữ tướng anh hùng dân tộc đầu tiên đã đánh đuổi giặc ngoại xâm phương Bắc. Ngày 8/3 cũng là ngày nam giới thể hiện sự chăm sóc yêu thương cho người phụ nữ mà họ yêu quý. Trong 365 ngày của một năm, phụ nữ có riêng một ngày để được xã hội quan tâm và bù đắp những thiệt thòi, vất vả trong cuộc sống. Họ luôn âm thầm hy sinh và chịu đựng để xây dựng hạnh phúc gia đình. Vì vậy, họ xứng đáng nhận được sự tôn trọng và quan tâm hơn nữa từ một nửa kia còn lại của thế giới, chia sẻ với họ những khó khăn trong công việc và gia đình.  (*Giọng nhấn mạnh, cao giọng*) Ta có thể thấy, người phụ nữ ngày càng khẳng định được vai trò, vị thế của mình trong cuộc sống hiện đại. Họ vừa là người nội trợ, vừa tham gia lao động xã hội, đóng góp sức lực của mình vào sự phát triển của đất nước; không những thế họ còn giữ một thiên chức cao cả là một người mẹ, mang nặng đẻ đau ra những đứa con và nuôi dạy chúng thành người. Họ luôn là những đoá hoa toả ngát hương cho cuộc đời dù ở bất cứ nơi đâu.  **Kết thúc bài nói**:  Các bạn thân mến!  Hiểu được ý nghĩa của ngày Quốc tế phụ nữ 8/3, tôi mong các bạn nữ lớp mình sẽ luôn gương mẫu, đi đầu trong mọi phong trào của lớp, cùng với các bạn nam xây dựng một tập thể đoàn kết, dân chủ. Các bạn nam hãy biết trân trọng và yêu thương những bà, những mẹ, những chị của mình hơn  Cám ơn cô và các bạn đã lắng nghe chia sẻ của tôi! Rất mong nhận được chia sẻ, đóng góp của các bạn cho phần trình bày của tôi! |

**Bước 4: Kiểm tra và chỉnh sửa.**

**Đề 02: Trao đổi, thảo luận về ý nghĩa của sự kiện Giải phóng miền Nam , thống nhất đất nước 30/4/1975 (sự kiện lịch sử nổi bật của Việt Nam)**

**Bước 1: Chuẩn bị**

- Lựa chọn sự kiện lịch sử cần trao đổi, thảo luận: sự kiện giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước 30/4/1975

- Thu thập và lựa chọn các thông tin về tóm tắt diễn biến sự kiên và ý nghĩa của ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước 30/4/1975 từ các nguồn khác nhau như sách báo, internet,...

- Lựa chọn phương tiện hỗ trợ trao đổi, thảo luận: tranh ảnh, trình chiếu máy tính,…

**Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý**

-**Mở bài**: Nêu tên sự kiện và ý nghĩa khái quát của sự kiện.

Ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã đi vào lịch sử dân tộc như một mốc son chói lọi đưa đất nước ta bước vào một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Chúng ta sẽ cùng đi tìm hiểu ý nghĩa trọng đại của ngày này.

- **Thân bài**:

+ **Thuật lại**ngắn gọn diễn biến của sự kiện gphóng miền Nam, thống nhất đất nước 30/4/1975:

++ Vào cuối năm 1974 - đầu năm 1975, nhận thấy tình hình so sánh lực lượng ở Miền Nam có sự thay đổi mau lẹ có lợi cho cách mạng, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã đề ra kế hoạch giải phóng hoàn toàn Miền Nam trong hai năm 1975 và 1976.

++Sau chiến thắng của quân ta ở chiến dịch Tây Nguyên và chiến dịch Huế - Đà Nẵng, Bộ Chính trị đã nhận định: “thời cơ chiến lược đã đến, ta có điều kiện hoàn thành sớm quyết tâm giải phóng Miền Nam” và đã đưa ra quyết định: “phải tập trung nhanh nhất lực lượng, binh khí kỹ thuật và vật chất giải phóng Miền Nam trước mùa mưa”, đồng thời chiến dịch giải phóng Sài Gòn-Gia Định được Bộ Chính trị quyết định mang tên “chiến dịch Hồ Chí Minh”. Trước khi tấn công giải phóng Sài Gòn, quân ta đã tiến công Xuân Lộc và Phan Rang, đây là những căn cứ phòng thủ trọng yếu của địch để bảo vệ Sài Gòn từ phía đông.

++ Vào lúc 17 giờ ngày 26/4, quân ta đã nổ súng mở đầu chiến dịch, năm cánh quân của ta đã vượt qua tuyến phòng thủ của địch để tiến vào trung tâm Sài Gòn, đánh chiếm các cơ quan đầu não của chúng. 10 giờ 45 phút ngày 30/4, xe tăng và bộ binh của ta tiến vào Dinh Độc Lập, bắt toàn bộ Nội các của Sài Gòn, Dương Văn Minh vừa lên chức tổng thống ngày 28/4 đã phải tuyên bố đầu hàng quân ta không điều kiện. Đến 11 giờ 30 phút cùng ngày, lá cờ cách mạng tung bay trên Dinh Độc Lập, báo hiệu sự toàn thắng của chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

+ **Nêu ý nghĩa** của sự kiện giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước 30/4/1975:

+ +  Chiến thắng ngày 30/4/1975 là thành quả vĩ đại trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội do Đảng ta và chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo; là trang sử hào hùng, chói lọi trên con đường dựng nước và giữ nước hàng ngàn năm lịch sử của dân tộc.

+ + Kết thúc oanh liệt cuộc chiến đấu 30 năm giành độc lập tự do, thống nhất cho Tổ quốc; chấm dứt ách thống trị hơn một thế kỷ của chủ nghĩa thực dân cũ và mới trên đất nước ta;

++ Đây là thắng lợi tiêu biểu của lực lượng cách mạng thế giới, góp phần thúc đẩy cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì mục tiêu độc lập dân tộc, hòa bình, dân chủ và tiến bộ xã hội; cổ vũ động viên các dân tộc đang tiến hành công cuộc giải phóng dân tộc, chống chủ nghĩa thực dân kiểu mới trên toàn thế giới.

++ Đại thắng mùa xuân 1975 đã chứng minh trí tuệ và tài thao lược của Đảng ta trong lãnh đạo và chỉ đạo chiến tranh cách mạng, cũng như chứng minh tinh thần quật khởi của người dân Việt Nam trong đấu tranh chống ngoại xâm.

++ Tìm hiểu lịch sử của ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước 30/4/1975 khiến mỗi người Việt Nam thêm tự hào về truyền thống vẻ vang của dân tộc, từ đó ý thức rõ ràng hơn trách nhiệm trong giữ vững nền hoà bình và xây dựng đất nước ngày một phát triển hơn.

- **Kết bài**: Khẳng định lại ý nghĩa của sự kiện.

+ Thắng lợi 30/4/1975 đã đi vào lịch sử nước ta và của thế giới, như một trang sử chói lọi ở những năm 70 của thế kỷ XX, mang tầm quốc tế, tầm thời đại sâu sắc.

+ Tinh thần chiến thắng 30/4/1975 vẫn toả sáng trong thời đại ngày hôm nay, tiếp thêm sức mạnh để dân tộc ta vượt qua mọi khó khăn, gian khổ để xây dựng đất nước ngày một to đẹp, đàng hoàng hơn.

**Bước 3: Thực hành nói và nghe**

- Một bạn dựa vào dàn ý đã làm để trình bày ý nghĩa của một sự kiện lịch sử

- Cả lớp trao đổi, thảo luận về ý nghĩa của sự kiện:

- Kết thúc: Khẳng định lại ý nghĩa của sự kiện.

**Bài nói tham khảo:**

|  |
| --- |
| **- Chào hỏi và nêu vấn đề:** *( Giọng cởi mở, vui vẻ, tự tin)*  Xin chào Cô và các bạn!  Ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã đi vào lịch sử dân tộc như một mốc son chói lọi đưa đất nước ta bước vào một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Chúng ta sẽ cùng đi tìm hiểu ý nghĩa trọng đại của ngày này.    **Thuật lại ngắn gọn sự kiện giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước 30/4/1975:** *(Giọng dõng dạc, vừa phải)*  **Trước tiên, ta cùng tìm hiểu về lịch sử của sự kiện giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước 30/4/1975:**  **C**ách đây 47 năm cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 mà đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đã giành thắng lợi hoàn toàn (30/4/1975 – 30/4/2022)  Vào cuối năm 1974 - đầu năm 1975, nhận thấy tình hình so sánh lực lượng ở Miền Nam có sự thay đổi mau lẹ có lợi cho cách mạng, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã đề ra kế hoạch giải phóng hoàn toàn Miền Nam trong hai năm 1975 và 1976. Bộ Chính trị nhấn mạnh *“cả năm 1975 là thời cơ”* và chỉ rõ *“nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng hoàn toàn Miền Nam trong năm 1975”*. Bộ Chính trị cũng nhấn mạnh cần tranh thủ thời cơ đánh thắng nhanh để đỡ thiệt hại về người và của cho nhân dân, giữ gìn tốt cơ sở kinh tế, công trình văn hóa, giảm bớt sự tàn phá của chiến tranh. Sau chiến thắng của quân ta ở chiến dịch Tây Nguyên và chiến dịch Huế - Đà Nẵng, Bộ Chính trị đã nhận định: “thời cơ chiến lược đã đến, ta có điều kiện hoàn thành sớm quyết tâm giải phóng Miền Nam” và đã đưa ra quyết định: “phải tập trung nhanh nhất lực lượng, binh khí kỹ thuật và vật chất giải phóng Miền Nam trước mùa mưa”, đồng thời chiến dịch giải phóng Sài Gòn-Gia Định được Bộ Chính trị quyết định mang tên “chiến dịch Hồ Chí Minh”. Trước khi tấn công giải phóng Sài Gòn, quân ta đã tiến công Xuân Lộc và Phan Rang, đây là những căn cứ phòng thủ trọng yếu của địch để bảo vệ Sài Gòn từ phía đông.  Vào lúc 17 giờ ngày 26/4, quân ta đã nổ súng mở đầu chiến dịch, năm cánh quân của ta đã vượt qua tuyến phòng thủ của địch để tiến vào trung tâm Sài Gòn, đánh chiếm các cơ quan đầu não của chúng. 10 giờ 45 phút ngày 30/4, xe tăng và bộ binh của ta tiến vào Dinh Độc Lập, bắt toàn bộ Nội các của Sài Gòn, Dương Văn Minh vừa lên chức tổng thống ngày 28/4 đã phải tuyên bố đầu hàng quân ta không điều kiện. Đến 11 giờ 30 phút cùng ngày, lá cờ cách mạng tung bay trên Dinh Độc Lập, báo hiệu sự toàn thắng của chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.    **Vậy sự kiện 30/4/1975 có ý nghĩa trọng đại như thế nào với nhân dân?**  (*Giọng nhấn mạnh, cao giọng*)  Chiến thắng ngày 30/4/1975 là thành quả vĩ đại trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội do Đảng ta và chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo; là trang sử hào hùng, chói lọi trên con đường dựng nước và giữ nước hàng ngàn năm lịch sử của dân tộc. Chiến thắng này đã kết thúc oanh liệt cuộc chiến đấu 30 năm giành độc lập tự do, thống nhất cho Tổ quốc; chấm dứt ách thống trị hơn một thế kỷ của chủ nghĩa thực dân cũ và mới trên đất nước ta;  Đây là thắng lợi tiêu biểu của lực lượng cách mạng thế giới, góp phần thúc đẩy cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì mục tiêu độc lập dân tộc, hòa bình, dân chủ và tiến bộ xã hội; cổ vũ động viên các dân tộc đang tiến hành công cuộc giải phóng dân tộc, chống chủ nghĩa thực dân kiểu mới trên toàn thế giới.  Đại thắng mùa xuân 1975 đã chứng minh trí tuệ và tài thao lược của Đảng ta trong lãnh đạo và chỉ đạo chiến tranh cách mạng, cũng như chứng minh tinh thần quật khởi của người dân Việt Nam trong đấu tranh chống ngoại xâm. Tìm hiểu lịch sử của ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước 30/4/1975 khiến mỗi người Việt Nam thêm tự hào về truyền thống vẻ vang của dân tộc, từ đó ý thức rõ ràng hơn trách nhiệm trong giữ vững nền hoà bình và xây dựng đất nước ngày một phát triển hơn.  **Kết thúc bài nói**:*( Giọng chia sẻ, tình cảm)*  Các bạn thân mến!  Thắng lợi 30/4/1975 đã đi vào lịch sử nước ta và của thế giới, như một trang sử chói lọi ở những năm 70 của thế kỷ XX, mang tầm quốc tế, tầm thời đại sâu sắc. Dù lịch sử đã lùi xa 47 năm nhưng tinh thần chiến thắng 30/4/1975 vẫn toả sáng trong thời đại ngày hôm nay, tiếp thêm sức mạnh để dân tộc ta vượt qua mọi khó khăn, gian khổ để xây dựng đất nước ngày một to đẹp, đàng hoàng hơn. Mỗi học sinh chúng ta phải luôn biết ơn đối với sự hi sinh to lớn của các anh hùng, các thế hệ cha ông ta đã chiến đấu anh dũng vì độc lập tự do và thống nhất Tổ quốc. Chúng ta hãy cố gắng học tập và rèn luyện chăm ngoan hơn nữa để có thể xây dựng tương lai đất nước ngày một giàu đẹp hơn.  Cám ơn cô và các bạn đã lắng nghe chia sẻ của tôi! Rất mong nhận được chia sẻ, đóng góp của các bạn cho phần trình bày của tôi! |

✪ **BÁO CÁO SẢN PHẨM: Thực hành nói nghe**

**-GV có thể tổ chức báo cáo sản phẩm của thực hành nói nghe thành một buổi toạ đàm.**

**+ Nhóm 1, 2: Tổ chức toạ đàm về ý nghĩa của ngày Quốc tế phụ nữ 8/3**

**+ Nhóm 3, 4: Tổ chức toạ đàm về ý nghĩa của ngày Giải phóng miền Nam thống nhất đất nước 30/4/1975**

* **Yêu cầu chung của hình thức tổ chức toạ đàm:**

+ 01 HS làm MC dẫn chương trình

+ 4 – 5 HS đóng khách mời: cả khách mời lớn tuổi và khách mời HS. (Ví dụ toạ đàm về ý nghĩa ngày 30/4/1975: HS đóng vai khách mời là các bác cựu chiến binh ở địa phương; Toạ đàm về ngày Quốc tế 8/3 có thể đóng vai khách mời là một Bác Hội trưởng hội Phụ nữ địa phương; một bác đại diện cho phái nam để nói lên suy nghĩ về phụ nữ; khách mời HS đại diện thế hệ sau)

+ Chuẩn bị thêm các tư liệu, hình ảnh minh hoạ,..

* GV cho các nhóm báo cáo sản phẩm theo hình thức toạ đàm.
* Sau khi các nhóm báo cáo sản phẩm xong, GV tổ chức cho HS đánh giá kĩ năng nói nghe .

**Buổi 5:**

**Hoạt động : Luyện tập (Luyện đề tổng hợp)**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập giáo viên giao.

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân hoàn thành đề bài ôn tập tổng hợp.

**c. Sản phẩm:** Bài làm hoàn thiện của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- GV giao nhiệm vụ:**

**Cách 1:** GV giao đề ôn tập tổng hợp cho HS

HS làm việc nhóm nhỏ theo bàn.

**Cách 2:** GV kiểm tra đề tổng hợp 90 phút

HS làm việc cá nhân.

- **Thực hiện nhiệm vụ:**

**+** HS thực hiện nhiệm vụ.

+ GV quan sát, khích lệ HS.

**- Báo cáo, thảo luận:**

+ GV gọi HS chữa đề theo từng phần.

+ Tổ chức trao đổi, nêu ý kiến.

+ HS nhận xét lẫn nhau.

**- Kết luận**: GV nhận xét, chốt kiến thức.

**ĐỀ BÀI:**

**MA TRẬN ĐỀ**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ** **NLĐG** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng thấp** | **Vận dụng cao** | **Cộng** |
| **I. Đọc- hiểu**  **Ngữ liệu**: văn bản thông tin t**heo hình thức đồ hoạ thông tin** | - Xác định cụm từ mở rộng thành phần câu; thành phần câu được mở rộng | - Xác định vấn đề được đề cập trong văn bản  - Suy nghĩ về câu hỏi trong văn bản | - Kể ra việc làm của bản thân góp phần bảo vệ hành tinh |  |  |
| Số câu  Số điểm  Tỉ lệ % | 1  0,5  5% | 2  1,5  15% | 1  1,0  10% |  | 4  3  30% |
| **II. Tạo lập văn bản**  Viết đoạn văn/ bài văn theo yêu cầu |  |  | Viết 1 đoạn văn với chủ đề “Để hành tinh mãi xanh…” | Viết bài thuyết minh thuật lại một sự kiện |  |
| Số câu  Số điểm  Tỉ lệ % |  |  | 1  2,0  20% | 1  5,0  50% | 2  7,0  70% |
| Tổng số câu  Số điểm toàn bài  Tỉ lệ % điểm toàn bài | 2  1,25  12,5% | 1  0,75  7,5% | 2  3,0  30% | 1  5,0  50% | 6  10,0  100% |

**ĐỀ BÀI**

1. **ĐỌC HIỂU (3.0 điểm)**

**Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**

Hiện tại, hành tinh xanh – ngôi nhà chung của nhân loại – đang từng ngày từng giờ bị tổn thương bởi nhiều hành động vô ý thức hay bất chấp tất cả của con người. Thiên nhiên đang bị tàn phá. Theo đó, màu xanh trải rộng của rừng bị co hẹp lại, nhường chỗ cho sự xâm lấn của màu xám hoang mạc nhức nhối. Nhiều loài thú bị giết vô tội vạ giờ đã hoặc gần như tuyệt chủng. Biển bị khai thác quá mức không kịp hồi sinh, cá tôm không kịp sinh sôi nảy nở, rác thải nhựa tràn ngập giết dần giết mòn bao sinh vật biển… Do kế hoạch phát triển công nghiệp thiếu bền vững, Trái Đất đang nóng dần lên, băng ở Bắc Cực và Nam Cực đang tan chảy, khiến nước biển dâng cao, nhấn chìm nhiều thành phố, làng mạc, nhiều cánh đồng màu mỡ. Tầng ozone bị thủng nhiều chỗ, đất đai, nước, không khí bị ô nhiễm nặng nề, đe doạ sự sống của muôn loài.

Trái Đất có thể chịu đựng đến bao giờ? Đó là câu hỏi nhức nhối, khiến nhân loại không thể làm ngơ. Sự sống trên hành tinh xanh, trong đó có con người, đang đứng trước những thách thức to lớn.

**(**Trích *Trái Đất – cái nôi của sự sống*, Hồ Thanh Trang – Theo báo điện tử Đất Việt, Diễn đàn của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kĩ thuật Việt Nam, tháng 9/2020)

**Câu 1** *(0.5 điểm).* Đoạn trích cung cấp cho người đọc thông tin về vấn đề gì?

**Câu 2.** *(0.75 điểm).* Xác định cụm từ dùng để mở rộng thành phần câu trong câu: “*Hiện tại, hành tinh xanh – ngôi nhà chung của nhân loại – đang từng ngày từng giờ bị tổn thương bởi nhiều hành động vô ý thức hay bất chấp tất cả của con người*.” Cho biết đó là loại cụm từ gì và dùng để mở rộng thành phần nào?

**Câu 3.** *(0.75 điểm).* Câu hỏi “*Trái Đất có thể chịu đựng đến bao giờ*?” gợi cho em suy nghĩ gì?

**Câu 4.** *(1.0 điểm).* Từ thông tin trên văn bản, em hãy kể ra những việc làm cụ thể của em để góp phần bảo vệ hành tinh xanh của chúng ta. (ít nhất ba việc làm)

**II. LÀM VĂN (7.0 điểm)**

**Câu 1*.*** *(2.0 điểm).* Từ đoạn trích đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 5 – 7 câu) với chủ đề*: Để hành tinh mãi mãi xanh*…

**Câu 2.** *(5.0 điểm)*. Viết bài thuyết minh thuật lại một sự kiện mà em và nhiều người quan tâm ở địa phương hoặc trường học của em.

**ĐÁP ÁN HƯỚNG DẪN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phần I. Đọc – hiểu văn bản (3.0 điểm)** | | |
| **Câu 1** | Đoạn trích cung cấp thông tin về tình trạng Trái Đất đang bị tổn thương nghiêm trọng, thiên nhiên bị tàn phá bởi hành động của con người. | 0.5 |
| **Câu 2** | Câu văn: *Hiện tại, hành tinh xanh – ngôi nhà chung của nhân loại – đang từng ngày từng giờ bị tổn thương bởi nhiều hành động vô ý thức hay bất chấp tất cả của con người*”:  - Cụm từ mở rộng thành phần câu: *đang từng ngày từng giờ bị tổn thương bởi nhiều hành động vô ý thức hay bất chấp tất cả của con người*  - Là cụm động từ dùng mở rộng thành phần vị ngữ.  (+ Phụ trước: đang/từng ngày từng giờ/bị  + Trung tâm: tổn thương  + Phụ sau: *bởi nhiều hành động vô ý thức hay bất chấp tất cả của con người).*  - Trả lời như đáp án (chấp nhận cách diễn đạt tương đương): 0.75 đ  - Trả lời đúng 01 ý : 0.5 đ | 0.75 |
| **Câu 3** | **-** Câu hỏi “Trái Đất có thể chịu đựng đến bao giờ?” xoáy sâu vào tình trạng Trái Đất đang đối mặt với những thách thức to lớn. Hành tinh chung của con người dường như đã huy động hết khả năng chịu đựng của mình trước những gì đã và đang diễn ra  - Câu hỏi khơi dậy trong lòng mọi người tinh thần trách nhiệm, không được khoanh tay đứng nhìn.   Chấp nhận cách diễn đạt khác. | 0.75 |
| **Câu 4** | Những việc làm cụ thể của em để góp phần bảo vệ hành tinh xanh của chúng ta:  - Hạn chế mức tối đa sử dụng rác thải nhựa, túi ni lông, ống hút nhựa.  - Không xả rác ra môi trường, không đốt rác bừa bãi.  - Tái chế các đồ dùng bằng nhựa nhiều lần; thay thế đồ nhựa bằng đồ thuỷ tinh, lá cây,..  - Tham gia các chiến dịch *Giờ Trái Đất, Trồng thêm một cây xanh*,…  - Tắt thiết bị điện khi không sử dụng; dùng các thiết bị tiết kiệm điện năng hoặc sử dụng năng lượng mặt trời  - Cùng gia đình di chuyển bằng xe đạp hoặc đi bộ thay với khoảng cách gần thay cho xa gắn máy.  *…* | 1.0 |
| **Phần III. Làm văn ( 6,0 điểm)** | | |
| **Câu 1**  **(2.0 điểm)** | *a. Đảm bảo thể thức, dung lượng yêu cầu của một đoạn văn .* | 0,25 |
| *b. Xác định đúng nội dung chủ yếu đoạn văn:* Chủ đề *Để hành tinh mãi mãi xanh…* | 0,25 |
| c.*Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn*: HS có thể trình bày đoạn văn theo nhiều cách. Sau đây là gợi ý  - Hiện nay Trái Đất – hành tinh xanh của chúng ta đang bị đe doạ nghiêm trọng bởi những hành vi xấu của con người.  - Bảo vệ môi trường sống Trái Đất, để hành tinh xanh mãi xanh là trách nhiệm của tất cả mọi người, mọi công dân trên hành tinh xanh này.  - Nhân loại phải cùng nhau chung tay, có những hành động tích cực thiết thực thì mới có thể tạo ra tác động đủ lớn giúp đẩy lùi và ngăn chặn ô nhiễm môi trường, giảm biến đổi khí hậu để sự sống trên của con người và muôn loài bền vững.  - Mỗi người có thể góp phầo vệ sự sống của Trái Đất bằng từ những việc nhỏ nhặt như: Hạn chế mức tối đa sử dụng rác thải nhựa, túi ni lông, ống hút nhựa; không xả rác ra môi trường, không đốt rác bừa bãi; tái chế các đồ dùng bằng nhựa nhiều lần; thay thế đồ nhựa bằng đồ thuỷ tinh, lá cây, tham gia các chiến dịch *Giờ Trái Đất, Trồng thêm một cây xanh*,…  - Chỉ có hành động mới trả lại được màu xanh mãi mãi cho hành tinh này. | 1.0 |
| *d. Sáng tạo:* Cách diễn đạt độc đáo, sâu sắc | 0,25 |
| *e. Chính tả, dùng từ, đặt câu:* Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt. | 0,25 |
| **Câu 2**  **(5.0 điểm)** | **a.** *Đảm bảo cấu trúc của một bài văn thuyết minh :* Bài viết có bố cục chặt chẽ, rõ ràng, sắp xếp hệ thống mạch lạc, chính xác. | 0.25 |
| **b.** *Xác định đúng yêu cầu bài viết:* thuật lại một sự kiện mà em và nhiều người quan tâm ở địa phương hoặc trường học của em | 0.25 |
| *c.Triển khai bài viết:* Có thể triển khai theo lối văn bản truyền thống như định hướng sau:  + Sa pô (nếu có): Giới thiệu tóm tắt về sự kiện.  + Mở bài: Nêu tên sự kiện, thời gian xảy ra sự kiện.  + Thân bài: Nêu các sự việc cụ thể và sắp xếp các sự việc ấy theo trật tự thời gian; các hình ảnh có liên quan nhằm cung cấp thêm thông tin về sự kiện.  + Kết bài: Nêu sự việc kết thúc sự kiện.  **Tham khảo bài viết ở phần ôn tập Viết.** | 3.5 |
| **d.** *Sáng tạo:* Cách diễn đạt độc đáo, mới mẻ. | 0,25 |
| **e.** *Chính tả, dùng từ, đặt câu:* Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt. | 0,25 |

**Hoạt động : Vận dụng**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học (chủ đề) để vận dụng vào thực tế.

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân ở nhà để hoàn thành yêu cầu của GV

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

GV giao đề bài về nhà để HS hoàn thành cá nhân.

**Đề bài đọc hiểu: Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:**



(Theo baotintuc.vn, 10/8/2021)

**Câu 1**. Nêu nội dung chính của văn bản.

**Câu 2.** Nêu tác dụng của phần sa pô của văn bản.

**Câu 3.** Em có nhận xét gì về cách trình bày thông tin của văn bản?

**Câu 4a.** Qua thông tin phần văn bản, hãy nêu suy nghĩ của em về việc làm thế nào để không bị lạc hậu trong thời đại công nghệ số?

**Câu 4b**. Nêu những việc làm của bản thân em để sử dụng internet một cách hiệu quả và có ích.

(GV chọn một trong hai câu 4a hoặc 4b)

* **B2: Thực hiện nhiệm vụ**: HS về nhà hoàn thiện, trả lời các câu hỏi của đề đọc hiểu vận dụng.
* **B3: Báo cáo, thảo luận**
* **B4: Đánh giá, chốt kiến thức**

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1**: Nội dung chính: tìm hiểu xem trong một phút năm 2021 trên internet diễn ra những gì.

**Câu 2**: Tác dụng của phần sa pô (ngay dưới nhan đề): Giới thiệu khái quát vấn đề mà văn bản trình bày để định hướng người đọc.

**Câu 3:**Nhận xét về cách trình bày thông tin của văn bản:

+ Sử dụng kết hợp ngôn ngữ với các hình ảnh, kí hiệu nhiều màu sắc để minh hoạ thông tin.

+ Cỡ chữ to nhỏ khác nhau, in đậm các số liệu

* Cách trình bày thông tin thu hút người đọc, giúp người đọc dễ nắm bắt được nội dung, không thấy khô khan, nhàm chán.

**Câu 4a. Gợi ý:** Để bản thân không bị lạc hậu trong thời đại công nghệ số thì thế hệ trẻ phải làm chủ được khoa học công nghệ. Muốn vậy phải nâng cao ý thức học tập, học từ thầy cô, bạn bè và quan trọng nhất là tự học để tự mình chiếm lĩnh kiến thức.

**Câu 4b:** Những việc làm của bản thân để sử dụng internet một cách hiệu quả và có ích.

* Sử dụng internet để tìm kiếm tài liệu học tập, học online.
* Sử dụng internet để giao lưu, kết bạn để mở rộng mối quan hệ bạn bè lành mạnh.
* Giải trí trên internet như chơi game, đọc báo, xem phim,… với thời gian thật hợp lí, cân bằng giữa việc học tập và giải trí.
* …

**Hướng dẫn tự học**

**GV yêu cầu HS:**

- Tìm đọc và tham khảo các tài liệu liên quan đến nội dung bài học.

- Học bài ở nhà, ôn tập các nội dung đã học.

- Làm hoàn chỉnh các đề bài.